

THANH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - BAN TUYỂN GIÁO TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH



Chủ tịch

HỒ CHÍ MINH

**HÀNH TRÌNH
TÌM ĐƯỜNG
CỨU NƯỚC**



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
HÀNH TRÌNH
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC**

BAN CHỈ ĐẠO

1. Đồng chí **Nguyễn Văn Đua**, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh – *Trưởng ban*
2. Đồng chí **Phạm Văn Linh**, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương – *Đồng Trưởng ban*
3. Đồng chí **Lê Khánh Hải**, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch – *Đồng Trưởng ban*
4. Đồng chí **Hứa Ngọc Thuận**, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – *Phó Trưởng ban*
5. Đồng chí **Nguyễn Thị Quyết Tâm**, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Thành ủy – *Phó Trưởng ban*
6. PGS. TS. **Phạm Hồng Chương**, Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
7. Thiếu tướng, TS. **Đặng Nam Điền**, Chính ủy Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
8. Đồng chí **Bùi Kim Hồng**, Giám đốc Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch – *Ủy viên*
9. TS. **Chu Đức Tính**, Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh – *Ủy viên*

BAN TỔ CHỨC

1. Đồng chí **Hứa Ngọc Thuận**, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – *Trưởng ban*
2. Đồng chí **Trần Văn Thuận**, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Thành ủy – *Ủy viên*
3. Đồng chí **Nguyễn Phước Minh**, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy – *Ủy viên*
4. Đồng chí **Trương Thị Minh Hương**, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
5. Đồng chí **Vũ Kim Anh**, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
6. Đồng chí **Huỳnh Thị Nhã**, Phó Chánh Văn phòng Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - BAN TUYỂN GIÁO TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
HÀNH TRÌNH
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC**



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN NỘI DUNG

1. Đồng chí **Nguyễn Thị Quyết Tâm**, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Thành ủy – *Trưởng ban*
2. Đồng chí **Lê Khánh Hải**, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch – *Ủy viên*
3. PGS. TS. **Phan Xuân Biên**, Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Tổng Thư ký Hội đồng Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
4. Đại tá **Nguyễn Văn Lâm**, Phó Chủ nhiệm Chính trị, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
5. Đồng chí **Đỗ Hoàng Linh**, Phó Giám đốc, Thư ký Hội đồng Khoa học Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch – *Ủy viên*
6. ThS. **Nguyễn Thúy Đức**, Phó Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh (Phụ trách khoa học) – *Ủy viên*
7. PGS. TS. **Trần Minh Trường**, Phó Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
8. ThS. **Huỳnh Thanh Hải**, Thành ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
9. TS. **Nguyễn Thị Thanh Kiều**, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Thành ủy – *Ủy viên*
10. PGS. TS. **Võ Văn Sen**, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
11. PGS. TS. **Hà Minh Hồng**, Trưởng khoa Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
12. TS. **Nguyễn Thị Hoa Xinh**, Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – *Ủy viên*
13. ThS. **Đinh Thị Hương Liên**, Trưởng phòng Phòng Tuyên truyền, Ban Tuyên giáo Thành ủy – *Ủy viên*
14. Đồng chí **Nguyễn Thị Vân Hà**, Phó Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy – *Ủy viên*

Lời nói đầu

Cách nay tròn một thế kỷ, ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến cảng Sài Gòn, người thanh niên Nguyễn Tất Thành - Văn Ba với lòng yêu nước nhiệt thành, tình thương dân vô hạn, nghị lực phi thường đã ra nước ngoài, bôn ba qua các châu lục, lao động, học tập, tham gia hoạt động cách mạng để tìm đường cứu nước cứu dân cho dân tộc Việt Nam. Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 100 năm sự kiện lịch sử trọng đại đó, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Hội thảo Khoa học **“Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước”** tại Hội trường Thành phố Hồ Chí Minh, 111 Bà Huyện Thanh Quan - Quận 3.

Cuộc Hội thảo đã tập hợp được 135 bài tham luận và gần 400 đại biểu tham dự, gồm một số đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đại biểu của một số ban, ngành Trung ương và các địa phương, các vị lão thành cách mạng, nhân sĩ trí thức trong các giới, các tôn giáo và đông đảo các thể hệ các nhà khoa học của Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành trong cả nước.

Các tham luận khoa học và ý kiến phát biểu thảo luận, trao đổi tại Hội trường đã bám sát chủ đề, các nội dung trọng tâm của Hội thảo theo logic trình tự của cuộc Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Theo chân Bác với những sự kiện trọng đại của cuộc Hành trình vĩ đại, các báo cáo khoa học đã cung cấp những thông tin, tư liệu khá đầy đủ về quê hương, gia đình, tuổi niên thiếu của Nguyễn Sinh Cung, những năm tháng miệt mài trau dồi tri thức, từ đó hình thành trí tuệ và ý chí, khát vọng ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành. Và hoài bão ấy đã được kết tụ ở Sài Gòn, nơi có vai trò quyết định đối với sự lựa chọn con đường cứu nước của Người, là nơi định đoạt dứt khoát thái độ của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba vào năm 1911 để từ Thành phố này Người xuất dương tìm đường cứu nước, tạo nên mốc son lịch sử với sự kiện trọng đại ngày 5 tháng 6 cách đây 100 năm. Qua bao thập kỷ, qua hàng chục nước của các châu lục Á - Âu - Phi - Mỹ, lao động, học tập, nghiên cứu, hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được các tham luận khoa học tổng kết, đánh giá, nhận thức mới; từ đó đã làm rõ nét các chặng đường của cuộc Hành trình vĩ đại 30 năm bôn ba khắp các châu lục của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vừa tìm đường cứu nước, vừa kiên trì chiến đấu đầy bản lĩnh và trí tuệ để bảo vệ con đường giải phóng dân tộc Việt Nam, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Từ những giá trị lịch sử của cuộc Hành trình cứu nước vĩ đại của Bác Hồ, nhiều đại biểu đã mang đến Hội thảo những báo cáo khoa học thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm và quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, toàn dân ta “vững bước theo con đường Bác Hồ đã chọn”.

Để phát huy hiệu quả xã hội của Hội thảo, góp phần giáo dục, bồi dưỡng nhận thức về truyền thống yêu nước, lịch sử cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, công chức, chiến sĩ và nhân dân; từ đó nâng cao lòng tự hào, niềm vinh dự của Thành phố Hồ Chí Minh, nơi khởi đầu cuộc hành trình của Bác, nơi đầu sóng ngọn gió của miền Nam “Thành đồng Tổ quốc”, nâng cao trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân Thành phố mang tên

Người trong sự nghiệp xây dựng Thành phố trở thành Thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại, Ban Tổ chức Hội thảo tuyển chọn các báo cáo khoa học đề xuất bản thành sách theo chủ đề Hội thảo: **“Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước”**. Chủ đề Hội thảo và nội dung các tham luận được chọn đề xuất bản thể hiện trong 4 phần chính: 1) *Những vấn đề chung*; 2) *Đầu thế kỷ XX - Từ Sài Gòn Người ra đi tìm đường cứu nước*; 3) *Cuộc Hành trình vĩ đại*; 4) *Vững bước trên con đường Người đã chọn*.

Nhân dịp cuộc Hội thảo được tổ chức và cuốn sách **“Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước”** ra mắt bạn đọc, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chân thành cảm ơn các cơ quan khoa học, các ban ngành Trung ương, Thành phố đã tích cực đóng góp trong quá trình chuẩn bị, tổ chức Hội thảo Khoa học thành công và xuất bản cuốn sách này (Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh; Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch; Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh...), cảm ơn sự ủng hộ nhiệt thành của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự đóng góp tích cực của các nhà khoa học, các nhà quản lý, hoạt động thực tiễn đã viết bài và tham dự Hội thảo.

Do phạm vi nội dung, chủ đề Hội thảo cũng như quy mô của cuốn kỷ yếu có hạn nên Ban Tổ chức không thể xuất bản toàn bộ các tham luận gửi đến Hội thảo. Ban Tổ chức xin cáo lỗi cùng các tác giả của những bài tham luận chưa được xuất bản trong cuốn sách này. Một lần nữa, Ban Tổ chức Hội thảo xin cảm ơn, ghi nhận và mong muốn được tiếp tục cộng tác lâu dài với các quý vị.

Chúng tôi hy vọng cuốn sách này sẽ góp ích cho việc tìm hiểu và khẳng định một sự kiện trọng đại, mốc son lịch sử của dân tộc ta - ngày 5 tháng 6 năm 1911 và cuộc hành trình cứu nước vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đó luôn ghi lòng tạc dạ công ơn trời biển của Bác Hồ và vững bước trên con đường Người đã chọn.

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO

Phần 1

**NHỮNG
VẤN ĐỀ CHUNG**

**Phát biểu khai mạc Hội thảo Khoa học
“CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC”**

ĐINH THẾ HUYNH*

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

Kính thưa các nhà khoa học và quý vị đại biểu,

Những ngày tháng Năm này, cả dân tộc ta sống trong khí thế sôi động, đầy ý nghĩa của những ngày kỷ niệm lớn: 36 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; 125 năm Ngày Quốc tế Lao động 1-5; 57 năm chiến thắng Điện Biên Phủ; 121 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Và đặc biệt, ngày 22-5 là ngày Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân các cấp thành công tốt đẹp.

Trong không khí sôi động đó, hôm nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh, đúng 5 ngày trước kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911 – 5-6-2011), Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch long trọng tổ chức Hội thảo Khoa học: **“Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước”**. Thay mặt cho các cơ quan đồng tổ chức Hội thảo, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương; các đồng chí lão thành cách mạng, các giáo sư, các nhà khoa học và nhà nghiên cứu, cùng đông đảo các vị đại biểu đến dự cuộc Hội thảo rất quan trọng này.

Kính thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Cách đây 100 năm, ngày 5-6-1911, từ bến cảng Sài Gòn, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã ra đi tìm đường cứu nước. Đó là thời điểm sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta bế tắc về đường lối, “như trong đêm tối không có đường ra”. Biết bao cuộc khởi nghĩa và phong trào yêu nước bị thực dân đàn áp, bị chìm trong bể máu và đều thất bại. Khi ấy, anh Ba (tên gọi của Bác Hồ lúc đó) ra đi với một lòng yêu nước cháy bỏng và một nỗi căm, một sự nhạy bén chính trị tuyệt vời ẩn sau một thân phận rất đời bình thường, người phụ bếp trên chiếc tàu của Pháp. Nhưng, theo thời gian, thực tiễn lịch sử đã khẳng định, đó là sự mở đầu cho một cuộc hành trình vĩ đại, vô cùng ***gian lao, quả cảm và sáng tạo*** suốt 30 năm đi tìm chân lý, tìm con đường giải phóng cho cả dân tộc Việt Nam của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Và thật là kỳ diệu, sự khởi đầu đó đã đi vào lịch sử dân tộc như một sự kiện lớn lao, một mốc son đánh dấu giai đoạn lịch sử vẻ vang, mở ra ***Cuộc hành trình của toàn dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng, kiên cường đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, thống nhất non sông, vững bước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.***

Bôn ba khắp năm châu, bốn biển vừa lao động kiếm sống, vừa tìm hiểu thực tiễn nhiều nước tư bản và những xứ thuộc địa, ở ngay nước Pháp, nơi các thế lực thực dân tự xưng là “chính quốc” của các xứ thuộc địa trong đó có xứ Đông Dương; tầm mình trong cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức..., Nguyễn Tất Thành đã nhận ra “ở đâu cũng có người nghèo khổ như xứ sở mình” và Người khẳng

định: nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới phải đoàn kết lại để đấu tranh chống kẻ thù chung là giai cấp thống trị, thực hiện khát vọng sâu xa là độc lập, tự do cho Tổ quốc mình, cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho chính mình. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường giải phóng dân tộc rất đúng đắn và sáng tạo, về cơ bản, lần đầu được trình bày trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trở thành mục tiêu, lý tưởng, thành ngọn cờ chiến đấu và chiến thắng của Đảng ta, nhân dân ta trong hơn tám thập kỷ qua và mãi mãi đến mai sau.

Sau 30 năm xa Tổ quốc, ngày 28-1-1941, Người trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, tạo ra bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử sâu sắc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, một cao trào cách mạng bùng lên, tập hợp các tầng lớp nhân dân vùng dậy làm nên thắng lợi long trời chuyển đất của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong những giai đoạn tiếp theo, cách mạng nước ta tiếp tục giành được những thắng lợi vĩ đại trong các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giải phóng, thống nhất và bảo vệ Tổ quốc mà đỉnh cao là Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 và Đại thắng mùa xuân năm 1975 - chối lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử; khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại đất nước và thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, tiếp tục đưa đất nước tiến lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thành quả vĩ đại của cuộc hành trình 30 năm tìm đường cứu nước của Bác Hồ thể hiện ở chỗ: Những câu hỏi lớn nhất đối với dân tộc Việt Nam, với cách mạng Việt Nam, mà trước đó chưa ai tìm được câu trả lời, đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh giải đáp sáng

tổ, đầy sức thuyết phục. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc - động lực vô địch của cách mạng nước ta, về nhà nước của dân, do dân, vì dân, về sức mạnh vĩ đại của nhân dân..., trở thành tài sản tinh thần vô giá của Đảng ta, dân tộc ta. Giá trị lịch sử sâu xa của cuộc hành trình tìm đường cứu nước và của toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là ở lời giải cho những vấn đề vô cùng lớn lao và hệ trọng ấy.

Nhân dân Việt Nam đời đời biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh bởi từ cuộc hành trình vĩ đại tìm đường cứu nước và cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã để lại cho chúng ta và con cháu mai sau những di sản quý báu, tư tưởng cách mạng vô cùng sáng suốt, toàn diện, sáng tạo và mãi mãi trường tồn.

Kính thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Hội thảo hôm nay được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh, điều đó có một ý nghĩa rất đặc biệt. Theo nhiều nhà nghiên cứu, Bác Hồ của chúng ta trải qua hai cuộc hành trình lớn. Hành trình thứ nhất từ tuổi ấu thơ đến tuổi thanh niên của Nguyễn Tất Thành, đi từ miền Trung quê hương của Người, dọc theo hướng nam vào đến Sài Gòn - Gia Định. Rồi chính vùng đất này trở thành ***điểm xuất phát*** để bắt đầu một cuộc hành trình thứ hai tìm đường cứu nước của Người vào năm 1911. Như vậy vùng đất Sài Gòn - Gia Định năm xưa, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, trở thành ***điểm hẹn lịch sử*** trong cuộc hành trình vĩ đại của Bác; vừa là ***điểm đến*** của cuộc hành trình từ tuổi ấu thơ đến tuổi thanh niên vừa là ***điểm xuất phát, điểm khởi đầu*** của cuộc hành trình vĩ đại đi tìm chân lý, tìm con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. Trong mọi giai đoạn cách mạng, Thành phố Hồ Chí Minh đã xứng đáng với vị trí lịch sử đó của mình, cùng cả nước kiên cường chiến đấu, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, đã trụ vững, chiến thắng

và góp phần xứng đáng vào công cuộc đổi mới, đang nỗ lực phấn đấu để về đích trước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với tất cả những cống hiến và thành tựu to lớn đó, vùng đất Sài Gòn - Gia Định - **điểm hẹn lịch sử** trong cuộc hành trình vĩ đại của Bác - thật xứng đáng, thật tự hào về vinh dự được mang tên Người - Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính thưa các đồng chí và các vị đại biểu,

Trong những năm qua, đã có nhiều công trình khoa học đi sâu nghiên cứu về cuộc hành trình cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do ý nghĩa lịch sử sâu xa và giá trị lớn lao của cuộc hành trình đó đối với cách mạng Việt Nam, với dân tộc Việt Nam, chúng ta còn phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, toàn diện hơn. Cuộc Hội thảo hôm nay nhằm thực hiện công việc nhiều ý nghĩa nêu trên, không chỉ góp phần khẳng định sâu sắc hơn ý nghĩa và giá trị lịch sử lớn lao của cuộc hành trình vĩ đại đó, mà còn góp phần tìm ra những bài học lớn cho hiện tại và tương lai của dân tộc.

Hơn 135 báo cáo khoa học gửi về tham dự Hội thảo hôm nay là những luận cứ khoa học, những tấm lòng thể hiện niềm kính yêu vô hạn đối với Bác. Tại Hội thảo này, chúng ta tiếp tục phân tích, lý giải khoa học về sự hình thành, phát triển và tầm vóc của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kính yêu, được nhân dân thế giới kính phục và chúng ta nguyện sẽ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Người. Những kết quả trong Hội thảo này sẽ làm phong phú hơn hiểu biết của chúng ta về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh, kịp thời góp phần vào việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong thời gian tới - một nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã được Đại hội lần thứ XI của Đảng xác định.

Với ý nghĩa trên, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội thảo “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước*” do Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng tổ chức.

Kính chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các nhà khoa học, các vị đại biểu sức khỏe và hạnh phúc!

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

**Báo cáo đề dẫn Hội thảo Khoa học
“CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC”**

NGUYỄN VĂN ĐUA*

Cách đây tròn một thế kỷ, ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến cảng Sài Gòn, người thanh niên Nguyễn Tất Thành - Văn Ba với lòng yêu nước nhiệt thành, tình thương dân vô hạn, nghị lực phi thường đã ra đi tìm đường cứu nước cứu dân. Sau ba thập kỷ, bôn ba qua bốn châu lục, gần 30 nước trên thế giới, lao động, học tập, tham gia hoạt động các tổ chức, phong trào cách mạng của thế giới, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã trở về nước trực tiếp lãnh đạo nhân dân ta làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác...

Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức Hội thảo Khoa học ***“Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước”***.

* Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích của cuộc Hội thảo là nhằm nâng cao nhận thức và tôn vinh công ơn trời biển của Bác Hồ, khẳng định ý nghĩa lịch sử và thời đại của sự kiện Bác Hồ ra đi ngày 5 tháng 6 năm 1911 như một mốc son trong lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam anh hùng; khẳng định sự lựa chọn sáng suốt của Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam; từ đó tin tưởng sâu sắc, vững bước trên con đường Bác Hồ đã chọn, thực hiện thành công ước mơ của Người xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, độc lập, thống nhất, dân chủ, văn minh.

Sau gần 3 tháng triển khai, với sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đồng chí lão thành cách mạng, sự ủng hộ nhiệt tâm của các nhà khoa học, các nhà quản lý từ mọi miền đất nước, Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được 135 bài tham luận. Các báo cáo khoa học đã thể hiện tình cảm thiêng liêng, lòng kính trọng yêu thương đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta, của Đảng ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất. Với lòng tôn kính và trách nhiệm cao, các tác giả của các tham luận đã dày công nghiên cứu, suy nghĩ, tìm tòi những tư liệu và nội dung khoa học phong phú liên quan đến chủ đề Hội thảo.

Cuộc Hội thảo tập trung vào các mảng nội dung cơ bản sau đây:

1. Trong bối cảnh lịch sử của nước ta cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX - Nguyễn Tất Thành quyết chí tìm đường cứu nước

Xuất thân trong gia đình nhà Nho ở vùng *quê xứ Nghệ đất cần cỗi, dân nghèo nhưng tinh thần nhẫn nại*, giàu truyền thống yêu nước, được tiếp xúc với các vị tiền bối là những sĩ phu yêu nước, những nhà Nho uyên thâm, nhờ có trí thông minh, mẫn cảm tuyệt vời, Nguyễn Sinh Cung đã sớm có lòng yêu nước, thương người. Các nhà khoa học đã cung cấp những thông tin tư liệu về quê hương, gia đình, tuổi niên thiếu của Nguyễn Sinh Cung, những

năm tháng đi học ở Vinh, ở Huế cả về quốc học Việt Nam, cả về Hán văn và Pháp ngữ, được người cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và các sĩ phu khác dẫn dắt, định hướng...; tất cả những yếu tố đó đã góp phần hình thành trí tuệ và ý chí, khát vọng ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

Lớn lên khi xã hội Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cấp bách: làm thế nào để cứu nước cứu dân, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Các phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, phong trào Đông Du, Duy Tân đầu thế kỷ XX do các cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh khởi xướng thể hiện nhu cầu cấp bách ấy của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Nhưng rồi phong trào Cần Vương thất bại, chấm dứt thời kỳ đấu tranh giành độc lập dưới khẩu hiệu “phò vua giúp nước”. Phong trào Đông Du, Duy Tân đầu thế kỷ XX đã có lúc phát triển mạnh, nhưng chẳng bao lâu đã bị thực dân dập tắt. Bằng trí tuệ thiên tài và nhạy cảm, Bác Hồ đã phân tích sâu sắc những con đường của các bậc tiền bối. Tuy hết sức khâm phục tinh thần yêu nước của cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh nhưng Người không tán thành con đường của hai cụ - “Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải cách..., chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương”; cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp ta đuổi Pháp, thật là nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Vậy thì phải tìm ra một con đường mới, một giải pháp mới cho quê hương đất nước. Rất nhiều tham luận đã phân tích cơ sở hình thành khát vọng, động lực ra đi tìm đường cứu nước của Bác Hồ và đã trích dẫn khá nhiều câu trả lời phỏng vấn của Tạp chí *Ngọn lửa nhỏ* (Liên Xô) vào năm 1923 của Người: “Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe những từ ngữ tiếng Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái..., nên tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy”. Rồi “tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác... họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”. Tất cả những yếu tố trên đây là động lực

thúc đẩy Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Hội thảo của chúng ta cần làm rõ mối quan hệ tương tác giữa yếu tố khách quan và chủ quan, giữa truyền thống yêu nước, bối cảnh xã hội Việt Nam thế kỷ XX, truyền thống gia đình quê hương với trí tuệ, nghị lực, tư chất, tố chất của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành dẫn đến sự kiện mang ý nghĩa lịch sử và thời đại cách đây 100 năm - ngày 5 tháng 6 năm 1911.

2. Từ thành phố Sài Gòn, Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước là một mảng nội dung của Hội thảo

Sau khi rời Huế vào Bình Định rồi Phan Thiết, dạy học ở Trường Dục Thanh một thời gian, đầu năm 1911 Bác Hồ đến Sài Gòn. *Sài Gòn là nơi kết tụ hoài bão của Nguyễn Tất Thành trước ngày ra đi tìm đường cứu nước. Ở Sài Gòn chỉ 4 tháng (tháng 2 đến tháng 6 năm 1911), tuy thời gian ngắn ngủi, nhưng Sài Gòn lại chính là nơi đánh dấu sự chín muồi cả về nhận thức và hành động của Nguyễn Tất Thành để làm nên mốc son lịch sử ngày 5 tháng 6 năm 1911. Sài Gòn - Bến Nghé cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một nơi đô hội sầm uất, mau lẹ tiếp thu văn minh Tây Âu, trở thành hòn ngọc Viễn Đông nhờ cảng sông thuận lợi và khả năng dồi dào lúa gạo, cao su, hoa lành, trái ngọt.*

Tại Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đi vào các khu thợ, làm quen với những người đang học nghề hay làm thợ ở các trường kỹ nghệ; tiếp cận với những người đã tham gia các phong trào Đông Du, Duy Tân; tìm hiểu con đường đi ra nước ngoài - Nguyễn Tất Thành thấy được các mặt đối chọi nhau ở đây khá rõ. Sài Gòn đồ sộ, sầm uất hơn nhiều lần so với các nơi Người đã đi qua; cảnh ăn chơi xa hoa của người Pháp nhiều hơn. Nơi đây thấy rõ cách tổ chức cai trị, bóc lột tinh vi của tư bản Pháp. Song “ngay giữa chợ Bến Thành - nơi mà người ta bảo là một thành phố Pháp, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bán xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghề lỏi”. Sự đối lập,

bất công giữa hai cảnh sống của bọn thực dân và những người lao động mất nước, nỗi tủi nhục của người dân nô lệ phải gánh chịu đã thôi thúc thêm ý chí đi ra nước ngoài của Nguyễn Tất Thành. Các tham luận của các nhà khoa học đều có sự đánh giá thống nhất: *Sài Gòn, nơi tuy Bác dừng chân ngắn nhất, lại có vai trò quyết định đối với sự lựa chọn con đường cứu nước của Người, là nơi định đoạt dứt khoát thái độ của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba - Bác Hồ của chúng ta vào năm 1911 để từ thành phố này Người xuất dương tìm đường cứu nước.* Ngày ấy, Sài Gòn vinh dự thay mặt cả nước tiễn người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành lên chiếc tàu Amiral Latouche Tréville rời bến cảng Sài Gòn bắt đầu một cuộc hành trình mới với khát vọng lớn lao, nghị lực phi thường, trí tuệ thiên tài để tìm ra con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam. Sài Gòn chưa được đón Bác về thăm, nhưng nhân dân cả nước đã dành cho Sài Gòn phần thưởng xứng đáng mang huân danh “*Thành phố Hồ Chí Minh - Hồ Chí Minh anh hùng của một dân tộc anh hùng, đỉnh cao văn hóa của một nước văn hiến*”¹. Đảng bộ và nhân dân Thành phố luôn tự hào về vinh dự ấy, mãi mãi ghi lòng tạc dạ công ơn trời biển của Bác Hồ vĩ đại, của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong cả nước đã yêu thương tin tưởng Thành phố; dày công vun đắp để Thành phố mang tên Bác luôn “cùng cả nước, vì cả nước” xây dựng Thành phố ngày càng văn minh, hiện đại, nghĩa tình, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thống nhất, xã hội chủ nghĩa theo con đường Bác Hồ đã vạch ra.

3. Cuộc hành trình vĩ đại trong mấy thập kỷ, qua hàng chục nước của các châu lục Á - Âu - Phi - Mỹ, lao động, học tập, nghiên cứu, hoạt động cách mạng để tìm ra con đường cho cách mạng Việt Nam là ***nội dung chính của Hội thảo***. Do vậy có hơn một

¹ GS. Trần Văn Giàu, *Khí phách Sài Gòn của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam*, trong cuốn: “Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh: Con người & Văn hóa trên đường phát triển”, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, tr. 37.

nửa tham luận gửi đến cho Ban Tổ chức thuộc về mảng nội dung quan trọng này. Hầu hết các bài viết thể hiện tinh thần khoa học và nêu lên những đánh giá, nhận thức sâu sắc trên cơ sở tổng kết sự kiện lịch sử, bổ sung những tư liệu mới, làm rõ chặng đường 30 năm bôn ba khắp đó đây của Nguyễn Ái Quốc, vừa tìm đường cứu nước, vừa kiên trì chiến đấu đầy bản lĩnh và trí tuệ để bảo vệ con đường giải phóng dân tộc Việt Nam. Cuộc hành trình vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh dù trải qua nhiều giai đoạn, nhưng đó là một quá trình thống nhất, liên tục từ lao động, học tập, nghiên cứu, hoạt động thực tiễn, tìm ra “cái cần thiết” cho dân tộc, đến quá trình hoàn thiện đường lối cứu nước, kiên trì chiến đấu để bảo vệ chân lý, thực thi lý tưởng, đường lối trong thực tiễn cách mạng Việt Nam và giành được những thắng lợi vẻ vang trong thế kỷ XX. Đó là quá trình từ thập niên thứ hai, thứ ba của thế kỷ XX, Nguyễn Tất Thành lao động, học tập từ Pháp qua châu Phi, sang nước Mỹ, Anh rồi trở về Pháp, tiếp thu được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin và khẳng định: “*Muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”; “*chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người... tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no*”. Để thực hiện con đường đó, Nguyễn Ái Quốc đã hoạt động trong rất nhiều lĩnh vực, nhiều tổ chức, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết, trước hết là xây dựng lực lượng, đào tạo cán bộ, thành lập đảng cách mạng. Người đã chủ trương “*phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi*”. Muốn có đảng cách mạng trước hết phải có lý luận, có “*chủ nghĩa làm cốt*”, “*ai cũng phải hiểu*”, “*ai cũng phải theo*” mà “*chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin*”. Do vậy, trong thập niên thứ ba của thế kỷ XX, Người đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tổ chức các lớp đào tạo cán bộ, chuẩn bị mọi điều

kiện để sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930. Các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc, từ *Đường Kách mệnh* đến *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình vắn tắt...* thực sự đã trở thành Cương lĩnh chính thức của Đảng, thể hiện nội dung cơ bản của con đường cách mạng Việt Nam. Con đường đó là kết quả của quá trình lao động, học tập, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại giàu lòng yêu nước, thâm thấu chủ nghĩa nhân văn, thương dân tha thiết, nhạy cảm, minh mẫn và có ý chí quyết liệt để cứu dân, cứu nước. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với những tư tưởng dân chủ tiến bộ của nhân loại, với chủ nghĩa Mác - Lênin chân chính với những sáng tạo độc đáo và hết sức đúng đắn, không những phù hợp với thực tiễn Việt Nam mà còn có tầm quan trọng quốc tế. Nắm vững bản chất nhân văn của chủ nghĩa Mác - Lênin, với tinh thần vì dân, vì nước, vì con người, Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo học thuyết đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, coi yếu tố dân tộc, đoàn kết dân tộc là “*động lực lớn của đất nước*”. Đó là kết quả của sự tổng kết sâu sắc thực tiễn lịch sử Việt Nam, đáp ứng yêu cầu lịch sử cách mạng Việt Nam cũng như nguyện vọng, tình cảm của nhân dân ta. Theo đó, khi trở về nước trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, Người đã “*đặt nhiệm vụ phản đế, giải phóng dân tộc lên trên hết*”; vấn đề “*giai cấp đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc*”. Người đã hoàn thiện đường lối chính trị và tổ chức *Mặt trận Việt Minh*, tạo nên sức mạnh vĩ đại của dân tộc để chiến thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Người đã sáng lập và lãnh đạo Đảng ta, đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc - tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong Hội thảo, chúng ta sẽ nghe một số báo cáo trình bày các giai đoạn, những mốc son lịch sử, những nội dung quan trọng, phong phú, đúng đắn, những đánh giá của các học giả, chính khách nước ngoài về đường lối cứu nước do Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ

Chí Minh lựa chọn và hoạch định, cũng như những sự kiện lịch sử của dân tộc ta hơn 80 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để minh chứng cho sự đúng đắn của con đường cách mạng Việt Nam do Bác Hồ lựa chọn; từ đó thấy được công ơn to lớn, tầm vóc vĩ đại của bậc đại nhân, đại dũng, đại trí Hồ Chí Minh kính yêu.

4. Ôn cố tri tân. Cuộc Hội thảo không chỉ khẳng định sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc ngày 5 tháng 6 năm 1911, sự lựa chọn đúng đắn, sáng suốt và công lao to lớn của Bác Hồ, mà còn nhằm mục đích quan trọng là từ đó chúng ta càng phần khởi, củng cố niềm tin, tiếp tục *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vững bước trên con đường Người đã chọn*, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đồng bộ, hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đất nước ta “*đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*” theo mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Đây cũng là một mảng nội dung cơ bản của Hội thảo, được các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đồng chí cán bộ cách mạng lão thành, các nhà khoa học cao niên cũng như trẻ tuổi quan tâm, hưởng ứng. Từ góc nhìn, cách tiếp cận với những kết quả nghiên cứu mới, những nhận thức quá khứ với những liên hệ hiện tại và tương lai, các đại biểu mang đến Hội thảo những báo cáo khoa học sinh động, súc tích; từ đó góp phần giáo dục, nâng cao nhận thức, truyền thống yêu nước, bồi dưỡng tình cảm cách mạng, tích cực học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Hội thảo sẽ dành một dung lượng thời gian thỏa đáng để nghe các tham luận của các đại biểu, đặc biệt các tham luận của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà

nước qua các thời kỳ về mảng nội dung quan trọng này, thể hiện nhận thức sâu sắc, tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm và quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, toàn dân ta “*Vững bước theo con đường Bác Hồ đã chọn*”.

Kính thưa các đồng chí, các quý vị đại biểu,

Thật vinh dự, tự hào khi Sài Gòn - Gia Định trước đây đã thay mặt nhân dân cả nước tiễn Bác ra đi, khởi đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước; nơi “đầu sóng ngọn gió” trong tiến trình cách mạng, thực hiện chân lý mà Bác Hồ đã khẳng định “*nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*”, giữ vững lời thề độc lập mà Người đã thay mặt đồng bào cả nước long trọng tuyên thệ trong ngày Độc lập - ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Hôm nay, Thành phố mang tên Bác Hồ vĩ đại lại vinh dự được giao trọng trách tổ chức cuộc Hội thảo khoa học “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước*” nhân dịp kỷ niệm 121 năm Ngày sinh của Người, kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Chúng tôi tin tưởng và hy vọng cuộc Hội thảo khoa học quan trọng đầy ý nghĩa này sẽ mang đến cho Đảng bộ và nhân dân Thành phố những tình cảm tốt đẹp, những nhận thức sâu sắc, những kinh nghiệm quý báu để Thành phố luôn luôn “cùng cả nước, vì cả nước” làm tròn trách nhiệm *xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành Thành phố xã hội chủ nghĩa, văn minh, hiện đại*, đóng góp ngày càng nhiều cho đất nước trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày càng giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kính chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhà khoa học cùng toàn thể đại biểu dồi dào sức khỏe, thành đạt, hạnh phúc. Chúc Hội thảo thành công, có hiệu quả xã hội cao.

Xin chân thành cảm ơn!

TIẾP TỤC GIƯƠNG CAO NGỌN CỜ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THEO CON ĐƯỜNG BÁC HỒ ĐÃ LỰA CHỌN

ĐỖ MƯỜI*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc ta - Người đã có những cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc vì hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Di sản tư tưởng và tấm gương đạo đức cao đẹp của Người là tài sản quý báu của toàn Đảng, toàn dân ta, là niềm tự hào, nguồn cổ vũ lớn lao đối với các thế hệ người Việt Nam.

Cách đây tròn 100 năm, ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến cảng Sài Gòn, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành lên đường sang phương Tây, mang theo mình một khát vọng cháy bỏng tìm đường cứu nước để đem lại: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi”. Người đã bôn ba khắp năm châu, vừa lao động vừa nghiên cứu lý luận và thực tiễn cách mạng thế giới, để rồi tìm thấy ánh sáng cách mạng của thời đại: Chủ nghĩa Mác - Lênin.

Bằng nghị lực, trí tuệ và tài năng, Người đã chỉ đạo xây dựng phong trào cách mạng Việt Nam đi theo quỹ đạo cách mạng vô sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và chuẩn bị mọi điều kiện

* Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

để tiến hành sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi. Dưới sự lãnh đạo của Người, nhân dân ta đã tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử nước ta: Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Một thế kỷ đã trôi qua, nhìn lại sự kiện Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, chúng ta thấy quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành không phải là hành động ngẫu nhiên, tự phát, mà là sự lựa chọn vượt lên tư duy “lối mòn”, là sự kết tinh truyền thống yêu nước, tinh hoa văn hóa Việt Nam. Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi sang phương Tây, trong khi nhiều người đến phương Đông (Nhật Bản) để tìm một mô hình mới mà mô hình đó không được nhiều người đồng tình vì không phù hợp với cách mạng Việt Nam. Người tìm đường sang phương Tây đến nước Pháp, để tìm hiểu nơi sản sinh ra khẩu hiệu: “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, nhưng lý do quan trọng nhất khiến Người xuất dương là *“Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”*¹.

Thực hiện ý chí, quyết tâm và hoài bão cách mạng của mình, với tên mới là Văn Ba, Người đã lên làm bồi bếp trên con tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) sang Marseille (miền Nam nước Pháp). Sau đó, Người đã thực hiện hành trình khảo cứu qua các lục địa châu Âu, châu Phi, châu Mỹ. Trong hành trình đầy gian khổ ấy, mặc dù phải làm việc cực nhọc, Người vẫn luôn tự nghiên cứu, học hỏi, để rồi rút ra kết luận: *“... dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: Tình hữu ái vô sản”*². Người cũng đã nghiên cứu về cuộc cách mạng tư sản Âu - Mỹ, tìm hiểu các thể chế chính trị - xã hội

1 Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 2006, tr. 41.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 266.

đương thời, các cuộc cách mạng tư sản là các cuộc “*cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước đoạt công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa*”¹. Theo Người: “*Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc*”².

Cuối năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công khi Nguyễn Tất Thành đang ở Luân Đôn. Nhạy cảm về tình hình chính trị thế giới đang có thay đổi lớn, Người trở về Paris, một trung tâm văn hóa, khoa học và cách mạng ở châu Âu để thuận tiện nắm bắt những diễn biến mới của thời cuộc.

Tại đây, Người tích cực hoạt động trong phong trào công nhân Pháp và gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).

Tháng 6-1919, thay mặt cho những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, ký tên Nguyễn Ái Quốc, Người đã gửi đến Hội nghị Versailles (Vécxây) *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* gồm 8 điểm, đòi Chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam. Mặc dù bản yêu sách không được chấp nhận nhưng đã gây được tiếng vang lớn trong dư luận tiến bộ Pháp và truyền về trong nước, thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân. Đối với Nguyễn Ái Quốc, qua sự kiện này, Người càng thấy rõ hơn thái độ lừa bịp của Tổng thống Mỹ Wilson (Uynxơn) và rút ra kết luận: “*Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình*”³. Nhưng bằng cách nào để làm cách mạng thắng lợi, câu hỏi đó Người vẫn chưa tìm được lời giải đáp.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 274.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 270.

3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 30.

Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V. I. Lênin đăng trên báo *L'Humanité* (Nhân đạo). Luận cương của V. I. Lênin đã làm cho Người “*rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ và tin tưởng biết bao*”. Ngồi một mình trong phòng mà Người nói to lên như đang nói trước đông đảo quần chúng: “*Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!*”¹.

Giờ phút thiêng liêng ấy đánh dấu sự thay đổi về chất trong tư tưởng chính trị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc: Từ chủ nghĩa yêu nước chân chính Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, vũ khí tư tưởng sắc bén của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Người khẳng định: “*Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin*”². Người tham gia bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản), quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản. Người nói: “*Chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*”³.

Tiếp tục tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc coi nhiệm vụ đặc biệt quan trọng lúc này là phải nghiên cứu, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào cách mạng trong nước, vận động, tập hợp, tổ chức quần chúng tham gia cách mạng. Để từng bước thực hiện nhiệm vụ đó, năm 1921, Người đứng ra thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, ra tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ) nhằm tập hợp, kêu gọi nhân dân các dân tộc bị áp bức cùng đứng lên chống kẻ thù chung.

1 Trần Dân Tiên. sdd, tr.25.

2 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 220.

3 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 128.

Tháng 6-1923, nhận lời mời của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Người đã đến nước Nga Xô viết, đất nước của V. I. Lênin. Người đã có nhiều bài phát biểu quan trọng trên các diễn đàn Hội nghị Quốc tế Nông dân và Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản. Các tham luận của Nguyễn Ái Quốc thẳng thắn phê phán những quan điểm lệch lạc về vị trí, tầm quan trọng của lực lượng cách mạng ở thuộc địa; về sự thiếu quan tâm giúp đỡ của một số Đảng Cộng sản đối với nhân dân thuộc địa. Quan điểm của Người thể hiện bản lĩnh và trí tuệ của một người cộng sản chân chính.

Trong thời gian từ cuối năm 1923 đến cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc vừa nghiên cứu, học tập tại Trường Đại học Phương Đông, vừa khảo sát công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Người đã được bồi dưỡng nâng cao cả về nhận thức lý luận và thực tiễn. Theo Người, để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam, cần có một đội ngũ cán bộ có phẩm chất cách mạng kiên trung. Tuy nhiên, muốn có đội ngũ cán bộ giỏi phải chú trọng trước hết đến công tác lựa chọn, đào tạo và huấn luyện cán bộ. Do đó, cuối năm 1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc), mở các lớp huấn luyện thanh niên, đào tạo cán bộ cách mạng. Các bài giảng của Người tại lớp huấn luyện thanh niên ở Quảng Châu được tập hợp thành cuốn *Đường Kách mệnh*. Đây là những luận điểm cách mạng được Nguyễn Ái Quốc khái quát, tổng kết, xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc. Những cán bộ sau khi được đào tạo trở về nước hoạt động, thực hiện nhiệm vụ: “*Trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập*”¹.

Chính nhờ có đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn và những hoạt động không mệt mỏi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, phong trào cách mạng Việt Nam cho đến cuối thập niên hai mươi

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 192.

(thế kỷ XX) đã phát triển vượt bậc, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị đầy đủ, chín muồi về tư tưởng chính trị và những tiền đề cho sự ra đời của một chính đảng cộng sản ở Việt Nam.

Khẳng định cách mạng Việt Nam muốn giành thắng lợi, trước hết phải có một đảng vô sản lãnh đạo, ngày 3-2-1930, tại Hồng Kông (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp. Hội nghị đã thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt... Đảng chủ trương: *"làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"*¹.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - một chính đảng cách mạng được Nguyễn Ái Quốc xây dựng và rèn luyện theo nguyên tắc Đảng kiểu mới, được vũ trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, chính là điều kiện tiên quyết đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng thực hiện đường lối cách mạng: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đường lối của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, khách quan, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, đáp ứng khát vọng thiêng liêng của toàn thể nhân dân Việt Nam, giải quyết triệt để những mâu thuẫn nội tại của cách mạng Việt Nam.

Thực hiện đường lối của Đảng, các cao trào cách mạng: 1930 - 1931; 1936 - 1939; 1939 - 1945 do Đảng phát động đã bùng lên mạnh mẽ và để lại nhiều bài học quý báu. Những bài học kinh nghiệm xương máu, đúc rút từ thực tiễn được Đảng tổng kết qua các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, dần dần đường lối chiến lược và sách lược của Đảng được bổ sung, hoàn chỉnh thêm. Đặc biệt tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII (5-1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, đường lối cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đã được hoàn thiện về cơ bản.

1 Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 1.

Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mặc dù nhiều phen bị kẻ thù ra sức đàn áp, khủng bố, phong trào cách mạng trải qua nhiều bước thăng trầm, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, nhân dân ta đã đoàn kết một lòng, nhất tề đứng dậy, tiến hành thắng lợi Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945), phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân phong kiến, lập ra Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử nước ta - Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn tiếp tục được Đảng ta giương cao, lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong sự nghiệp đổi mới đất nước ta hiện nay.

Một trăm năm đã trôi qua, kể từ ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, nhưng ý nghĩa to lớn của sự kiện ấy vẫn còn nguyên giá trị và mang tính thời sự sâu sắc.

Đối với cách mạng nước ta: Sự kiện Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước là một dấu son mở đầu trang sử mới trong lịch sử dân tộc ta. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, lựa chọn ra con đường cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, con đường cách mạng đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tiễn của lịch sử nước ta, đưa cách mạng nước ta đến thành công, xây dựng nên chính thể cộng hòa dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Từ chỗ phải chịu thân phận của người nô lệ, nhân dân ta đã trở thành chủ nhân của một nước độc lập, dân tộc ta được bình đẳng với các dân tộc trên thế giới, đất nước ta tự hào bước lên đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Đối với Đảng ta: Nhìn lại chặng đường hơn 80 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng ta luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng và con đường mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn, lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi hết sức to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Độc lập

dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trở thành tư tưởng chỉ đạo trong đường lối của Đảng, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Mặc dù bối cảnh, tình hình trong nước và quốc tế hiện nay có những thay đổi, song Đảng ta vẫn khẳng định kiên định mục tiêu, con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn, bởi con đường đó đã được kiểm chứng bằng thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc gần một thế kỷ qua. Chỉ có con đường xã hội chủ nghĩa mới đảm bảo cho dân tộc ta có nền độc lập thực sự, đất nước ta phát triển ổn định, phồn vinh, nhân dân ta có cuộc sống ấm no hạnh phúc. Đó là con đường đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển của thời đại.

Đối với phong trào cách mạng thế giới: Với việc tiếp thu, vận dụng và phát triển học thuyết Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh đã đưa ra những luận điểm hết sức sáng tạo về vấn đề lực lượng cách mạng, vấn đề nông dân; về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa; về xây dựng một chính đảng vô sản kiểu mới; lý luận cách mạng phải gắn liền với thực tiễn cách mạng, phù hợp với thực tiễn lịch sử, chống giáo điều tả khuynh... Người đã làm phong phú, làm giàu thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã và đang tiếp tục là nguồn cổ vũ lớn lao đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Theo gương Việt Nam, hàng loạt nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh đã đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân, giành độc lập dân tộc. Thắng lợi của Việt Nam đã góp phần làm tan rã hệ thống chủ nghĩa thực dân cũ, buộc chủ nghĩa đế quốc phải xóa bỏ hệ thống thuộc địa kiểu cũ, xóa bỏ “vết nhơ của nhân loại trong thế kỷ XX”.

Với tất cả ý nghĩa to lớn đối với dân tộc và thời đại, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được Đảng ta tiếp tục giương cao, đưa nhân dân ta giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quyết tâm xây dựng thành công một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

LÊ KHẢ PHIÊU*

1. Con đường cứu nước - Con đường đến với chủ nghĩa cộng sản và trở thành đảng viên

Sau khi tham gia phong trào nổi dậy chống sưu chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn và từ bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước, giữa lúc các cuộc đấu tranh của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám thất bại, kế sách cứu nước còn mờ mịt chưa có đường ra. Có người thì muốn dựa vào Nhật, nhưng Nhật là một “đế quốc da vàng”, có tham vọng lớn về đất đai, đã thỏa hiệp với Pháp đuổi hết những người Đông du ra khỏi Nhật. Có người muốn dựa vào Pháp để chống Pháp bằng đường lối bất bạo động... Dựa vào đế quốc để đánh đuổi đế quốc chẳng khác nào “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau” mà thôi!

Điều kỳ lạ đầu tiên ở con người Hồ Chí Minh mà ngày nay và mai sau chúng ta còn cùng nhau tìm hiểu mãi, ấy là: Khi có người hỏi: Lấy gì mà ra đi, dựa vào đâu mà đi, thì Người đã giơ hai bàn tay: - Đây!

* Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ đó, với hai bàn tay lao động và ý chí cứu nước mãnh liệt, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã làm bồi tàu, phụ bếp, rửa chén từ 4 giờ sáng đến 9 giờ tối, sau đó học ngoại ngữ đến 11 giờ đêm, để 4 giờ sáng hôm sau lại bắt tay vào lao động. Người đã quét tuyết, đốt lò, làm thợ ảnh, quần quật làm thuê. Từ một thanh niên trong một gia đình nhà Nho nghèo thuộc tầng lớp trung lưu của xã hội thời ấy, Nguyễn Tất Thành *chấp nhận sống một cuộc đời cùng khổ, bán sức lao động để kiếm sống và học tập* trong một hoàn cảnh cực kỳ cay nghiệt trên đất người. Từ một *kẻ mất nước*, bơ vơ, trơ trọi, không nhà cửa, không gia đình, mẹ thì mất sớm, cha thì tha phương, Nguyễn Tất Thành trở thành một *công nhân đích thực*, có học vấn, tự tin và kiên cường bước vào hàng ngũ đấu tranh của các chiến sĩ xã hội. Từ một người dân thuộc địa chỉ biết đế quốc xâm lược và phong kiến bạo tàn, Nguyễn Tất Thành đã nhận ra rằng: Đâu đâu cũng có hai loại người, những người bị bóc lột và những kẻ bóc lột, dù khác màu da, khác tiếng nói, lớp người cùng khổ tất cả các nước đều là anh em. Nhờ sống với giai cấp công nhân và lớp người cùng khổ trong xã hội tư bản, Nguyễn Tất Thành hiểu được thực chất cái gì ẩn sau lá cờ “tự do, bình đẳng, bác ái” và không để cho những cái bên ngoài phô trương hào nhoáng lừa dối mình. Nguyễn Tất Thành đã *tự mình chiến đấu vượt qua những hạn chế để khẳng định mình*, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, đem tiếng nói tràn đầy sức sống, làm cho người nghe đồng cảnh ngộ yêu mến, buộc những kẻ cơ hội xu thời phải nể trọng. Chính cuộc đời lao động, học tập, chiến đấu bất khuất suốt 10 năm tìm đường cứu nước đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa cộng sản, đến với Đảng Cộng sản, làm nền tảng định hình *bản chất cộng sản* của Người, đào tạo Người trở thành một chiến sĩ quốc tế của giai cấp công nhân và của các dân tộc bị áp bức.

Giữa lúc dân tộc ta như một *kiếp người cơm vãi cơm rơi, biết đâu nẻo đất phương trời mà đi*, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra chân

lý vĩ đại: *Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.*

Nguyễn Ái Quốc là hiện thân con đường hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, con đường cách mạng Việt Nam.

Người đã tự mình chứng kiến và không chỉ chứng kiến mà đã phải sống dưới “lưỡi lê của nền văn minh tư sản”, phân rõ dân tộc và thuộc địa, tư bản và vô sản. Tin tưởng vững chắc ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng, Người là tấm gương mẫu mực phấn đấu trở thành một người cộng sản *suốt đời trung thành với lý tưởng yêu nước và xã hội chủ nghĩa.*

10 năm cực kỳ gian khổ, vật lộn trong chế độ áp bức bóc lột, kiếm sống và học tập, Người đã kiên cường đấu tranh phê phán những xu hướng cơ hội đang lung lay đoạn trong hàng ngũ cách mạng. 10 năm nung nấu lý tưởng yêu nước và chủ nghĩa xã hội, chính 10 năm đó đã đặt nền móng *để trở thành, để có được* một Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh kiên định, chung thủy, trước sau như một, từ thuở mới làm cộng sản cho đến phút cuối cùng của cuộc đời, một lòng vì giai cấp công nhân, nông dân, trí thức cách mạng và những người cùng khổ, vì nhân dân và dân tộc.

Con đường cứu nước mà Người tìm đến cũng là con đường rèn luyện *tư cách cách mệnh, tư cách của người cộng sản.* Điều đó gọi cho ta con đường tu dưỡng bản thân để trở thành, để giữ vững, để xứng đáng là đồng chí của Người, *chiến sĩ cộng sản.* Với riêng tôi, điều đó đã giúp tôi hàng ngày tự hỏi: Mình đã phấn đấu để trở thành một người cộng sản như thế nào? Thái độ của mình đối với giai cấp công nhân, nông dân, những người lao động, những trí thức cách mạng, bà con dân tộc ít người, tầng lớp nền tảng của xã hội ta đang phải sống vất vả, đau ốm, thiếu thuốc men, thiếu sách vở và trường lớp, thiếu kiến thức và nghề nghiệp như thế nào? Mình phải tiếp tục rèn luyện như thế nào để mãi mãi giữ vững *tư cách cách mệnh của người chiến sĩ cộng sản* nồng nàn yêu nước?

Không có tư cách cách mệnh của người chiến sĩ cộng sản thì không thể nào đi tiên phong trong sự nghiệp cứu nước, không thể nào vì dân, vì giai cấp công nhân và lớp lớp cần lao bần hàn đau khổ, tận tâm và đến cùng.

2. Hồ Chí Minh với giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân

Chủ nghĩa Mác ra đời, kế thừa tinh hoa của nhân loại, kết hợp với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, từ đó giai cấp công nhân *tự giác* bước lên vũ đài đấu tranh chính trị nhằm đập tan chế độ tư bản và xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Cũng như vậy, tư tưởng nhân văn đã có từ lâu, nhưng chỉ đến khi chủ nghĩa Mác - Lênin ra đời, đề cập mục tiêu và con đường giải phóng toàn diện và triệt để con người, mà đông đảo là những tầng lớp cần lao và các dân tộc bị áp bức, thì các giá trị nhân văn mới có sự phát triển hoàn chỉnh và sâu sắc nhất.

Lênin, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác, bằng nghị lực phi thường và trí tuệ uyên bác đã đánh một đòn sấm sét vào tư tưởng xét lại cơ hội hữu khuynh trong phong trào cộng sản quốc tế hồng bao che cho chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Lênin đưa ra phát kiến: cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở khâu yếu nhất trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể giành thắng lợi trong một nước. Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích Nga, Đảng của giai cấp công nhân lớn mạnh nhất trong các Đảng Công nhân hồi ấy đã lãnh đạo nhân dân Nga làm Cách mạng tháng Mười, thiết lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết trên một phần sáu quả địa cầu, mở ra thời đại mới: thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Lênin là người đầu tiên nhấn mạnh vai trò của cách mạng giải phóng dân tộc, coi cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận hợp thành của cách mạng vô sản và đề ra khẩu hiệu chiến đấu: *Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại.*

Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin như người đi đường đang cơn khát mà tìm được nước. “Đây là cảm nang để cứu sống đồng bào tôi”.

Hồ Chí Minh đã học tập, truyền bá, kế thừa, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào đấu tranh giành giải phóng của các dân tộc bị áp bức.

Chủ nghĩa Mác đã chỉ ra con đường để giai cấp vô sản nắm lấy ngọn cờ dân tộc, phải *trở thành dân tộc*, phải giành thắng lợi trước hết trên địa bàn dân tộc, thông qua đấu tranh giai cấp - cách mạng xã hội - để tước đoạt quyền bính từ tay giai cấp tư sản, và do đó giải phóng được giai cấp. Giải phóng được giai cấp thì áp bức dân tộc cũng bị quét đi. Hồ Chí Minh, từ một kẻ mất nước giác ngộ chủ nghĩa cộng sản đã nhận thức rằng: trong thế giới thuộc địa, mâu thuẫn sâu sắc nhất là mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc. Người khẳng định: Phải tập trung toàn bộ sức lực của dân tộc để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc. Giải phóng dân tộc là điều kiện tiên quyết để giải phóng giai cấp, là thực hiện một bước quan trọng giải phóng giai cấp đang tiến tới giải phóng hoàn toàn giai cấp, giải phóng loài người.

Chủ nghĩa Mác nhận ra lực lượng vĩ đại, lực lượng nòng cốt, lực lượng lãnh đạo để đánh đổ ách thống trị tư bản chủ nghĩa là *giai cấp công nhân*. Kế thừa chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh tiếp tục làm rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Người viết: “*Chỉ có giai cấp công nhân là đứng cầm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc, thực dân. Với lý luận cách mạng tiên phong và kinh nghiệm của phong trào vô sản quốc tế, giai cấp công nhân ta đã tỏ ra là người lãnh đạo xứng đáng nhất và đáng tin cậy nhất của nhân dân Việt Nam*”¹. Đồng thời Người khẳng định: trong cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, *toàn thể dân tộc chính là lực lượng*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 9.

*của cách mạng giải phóng dân tộc, với **nòng cốt** là công nông, **nền tảng** là công nông liên minh với trí thức.*

Không có công nông làm nòng cốt, công nông liên minh với trí thức làm nền tảng thì không thể đoàn kết toàn dân tộc được. Có thể kể ra một ví dụ: Cụ Phan Bội Châu, yêu nước mãnh liệt vô cùng, dùng lời huyết lệ động viên nhân dân đứng lên chống giặc nhưng lại không nhắc đến công nhân. Lựa chọn học sinh đi Nhật du học, Cụ đưa ra bốn tiêu chuẩn: con nhà quan, con nhà giàu, con nhà có thể lực, con nhà có cựu thù. Không thấy Cụ đề ra con của công nông. Nhiệt huyết tràn đầy nhưng Cụ không thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Chủ nghĩa dân tộc, một động lực của đất nước mà Hồ Chí Minh nói đến là *chủ nghĩa dân tộc do Đảng Cộng sản phát động*. Lập trường cách mạng giải phóng dân tộc của giai cấp công nhân hoàn toàn khác hẳn lập trường giải phóng dân tộc của giai cấp phong kiến, lập trường giải phóng dân tộc của tiểu tư sản và tư sản. Sự khác hẳn đó thể hiện ở *mục tiêu trước mắt* và *mục tiêu tiếp theo* của sự nghiệp giải phóng dân tộc, *biện pháp* và *lực lượng* tiến hành sự nghiệp đó.

Thời ấy, xu hướng quốc tế cho rằng: cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa sẽ giành được thắng lợi *sau* khi giai cấp vô sản đã giành được thắng lợi ở chính quốc. Trải qua cảnh mất nước, với bạn bè cùng chí hướng ở các thuộc địa, Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra lực lượng vĩ đại của *những người cùng khổ* và *của các dân tộc bị áp bức*. Người nói rằng: *Nếu làm như vậy thì các đồng chí đánh rắn ở đằng đuôi*. Các dân tộc thuộc địa có thể giành được thắng lợi *trước* khi giai cấp vô sản ở chính quốc lật đổ ách thống trị của tư bản; nhờ thắng lợi của mình, cách mạng ở thuộc địa có thể góp phần vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc.

Phân tích các mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn chủ yếu trong chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta, Hồ Chí Minh cho

rằng: trong khi phải tiến hành *đồng thời* hai cuộc cách mạng phản đế và phản phong và hai cuộc cách mạng ấy quan hệ chặt chẽ với nhau, thì cần tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ phản đế. Giải phóng dân tộc là *nhiệm vụ cấp bách hàng đầu*, còn nhiệm vụ phản phong thực hiện “người cày có ruộng” phải rải ra từng bước mà làm trong quá trình tiến hành nhiệm vụ phản đế.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, vấn đề dân tộc quan hệ chặt chẽ với vấn đề dân chủ nhân dân. Không thúc đẩy nhiệm vụ dân chủ nhân dân thì không phát huy đến cao độ lực lượng dân tộc. Thực hiện “người cày có ruộng” là một vấn đề cốt tử, là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng của cuộc cách mạng vĩ đại ấy. Dù cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức ở miền Bắc nước ta có phạm một số sai lầm trong quá trình thực hiện, nhưng thắng lợi của cải cách ruộng đất ở miền Bắc và thực hiện giảm tô, chia ruộng đất vãng chủ ở miền Nam trong kháng chiến là một thắng lợi cực kỳ to lớn. Xem nhẹ thắng lợi của sự nghiệp cải cách ruộng đất thực hiện “người cày có ruộng” là sai lầm về lập trường và quan điểm chiến lược.

Do đó, thắng lợi vĩ đại 30-4-1975 không chỉ là thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn là **thắng lợi vĩ đại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, cũng là thắng lợi vĩ đại của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ năm 1954.** “*Không thể nào có thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước nếu không có miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Thử thách cực kỳ nghiêm trọng của chiến tranh đã làm ngời sáng tinh tru việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội*” (Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV). Đánh giá thành tựu 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hồ Chí Minh nói: “*Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới... Làng xóm ta xưa kia lam lũ*

quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà giữ trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ... Những thành tích to lớn của miền Bắc ngày càng tỏ rõ chế độ xã hội chủ nghĩa là rất tốt đẹp và đang cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam”.

3. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh tán thành quan điểm của Mác về cách mạng vô sản ở các nước chính quốc, đồng thời xác định thêm: *cách mạng ở các nước thuộc địa, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trải qua hai giai đoạn:*

- Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và
- Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo là điều kiện ban đầu để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. *Cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự phát triển tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.* Hai giai đoạn cách mạng ấy không cắt rời nhau mà quan hệ chặt chẽ khăng khít với nhau. Giai cấp tư sản làm cách mạng tư sản chống lại địa chủ phong kiến là để giành và giữ quyền thống trị cho giai cấp tư sản “*tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa*”. Đảng của giai cấp công nhân tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân không phải để phát triển thành chủ nghĩa tư bản. Sau khi giải phóng dân tộc mà đi theo chủ nghĩa tư bản thì không thể tiếp tục xóa bỏ *áp bức bóc lột* của giai cấp tư sản đối với công nông, thực hiện sứ mệnh thiêng liêng: tiếp tục giải phóng giai cấp để củng cố thành quả giải phóng dân tộc, tiến tới giải phóng loài người.

Dù chúng ta có phạm một số sai lầm trong khi thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở giai đoạn ban đầu, nhưng thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nửa nước và ở cả nước *trước* khi tiến hành đổi mới là vĩ đại.

Thử hỏi công trình đầu khí Việt - Xô, công trình thủy điện Hòa Bình và nhiều công trình đại thủy nông khác, nhiều nhà máy, xí nghiệp ở cả nước, khu tứ giác Long Xuyên, sự nghiệp khai hoang phục hóa sau 30 năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ có phải ở giai đoạn ban đầu đó không?

Không có những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở giai đoạn ban đầu ấy thì không thể thực hiện sự nghiệp đổi mới thắng lợi. *Ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới là đổi mới để tiếp tục tiến lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, để quá độ lên chủ nghĩa xã hội thắng lợi, tiếp tục thực hiện nhất quán độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.* Đổi mới không có “hệ mục tiêu riêng”. Nói đổi mới có “hệ mục tiêu riêng” là không đúng. Hệ mục tiêu của đổi mới cũng là hệ mục tiêu của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội có nghĩa rằng: *động lực dân tộc gắn liền với động lực giai cấp.*

Đánh giá thấp động lực dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa là một sai lầm lớn. Nhưng không nhận rõ ảnh hưởng quyết định của yếu tố giai cấp đối với yếu tố dân tộc trong cả hai giai đoạn ấy cũng là một sai lầm lớn. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đặt *cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo cách mạng vô sản*, nhờ thế đã nâng cao chủ nghĩa yêu nước lên một tầm vóc mới - tầm vóc thời đại, một sức mạnh mới - sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại - mà trong các triều đại phong kiến trước chưa thể có được. Không có lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội thì không thể thắng được chiến tranh xâm lược của giặc Mỹ do bọn tư

bản độc quyền Mỹ phát động nhằm xâm chiếm nước ta, biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, vực dậy giai cấp tư sản mại bản phản động và thế lực phong kiến suy tàn, giày xéo công nông và trí thức, giày xéo dân tộc ta, hòng tiêu diệt Đảng Cộng sản và chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Sức mạnh dân tộc Việt Nam ngày càng được khơi dậy mạnh mẽ trong quá trình gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Lịch sử thế giới đã chỉ ra rằng: Liên Xô chiến thắng phát xít Đức và phát xít Nhật là nhờ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa Xô viết, do Đảng Cộng sản Liên Xô lãnh đạo.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Tổ quốc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trở thành Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Từ dân tộc phong kiến, dân tộc nô lệ, dân tộc ta trở thành dân tộc xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ và xây dựng Tổ quốc ngày nay là bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của 54 dân tộc anh em đổ xương máu mà có được.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sinh mệnh chính trị của Đảng ta. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mất thì sinh mệnh chính trị của Đảng ta mất. Hiện nay, những kẻ cơ hội, vốn sùng bái chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, tuyên truyền rằng: Ở nước ta, chủ nghĩa xã hội mất nhưng độc lập dân tộc vẫn còn. Luận điệu dối trá ấy muốn cắt rời độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, muốn đưa dân tộc chúng ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, đưa công nông và trí thức cách mạng Việt Nam phải sống dưới ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, làm cho sự nghiệp giải phóng giai cấp bị cắt đứt, “không đến nơi”, không đến đích, dân tộc lại rơi vào vòng nô lệ. Có những kẻ cơ hội cũng “nhã ý” mớm rằng: nên tạm gác khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa để tranh thủ sự đồng tình của các tầng lớp đế quốc và

tư sản. Nhưng thử hỏi, ngày nay vị thế dân tộc ta được nâng cao trên trường quốc tế, nhiều nước quan hệ làm ăn với ta trên phương châm: có đi có lại, không can thiệp vào chủ quyền và công việc nội bộ của nhau, là do đâu? Khi ta gia nhập WTO, hội nhập kinh tế quốc tế, ta vẫn kiên quyết xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là do đâu, là nhờ đâu? Trong khi tăng cường hợp tác quốc tế, chúng ta kiên quyết chống lại và chống lại có hiệu quả âm mưu chuyển chế độ ta thành chế độ tư bản chủ nghĩa không thông qua biện pháp chiến tranh là do đâu, là nhờ đâu? Từ bỏ chủ nghĩa xã hội, để chủ nghĩa xã hội thất bại là tự mình diệt mình, phản lại dân tộc, phản lại Bác Hồ.

Một số nước để cho chủ nghĩa xã hội thất bại trên Tổ quốc mình, trong khi có đầy đủ lực lượng chính trị và quân sự hùng hậu với hàng triệu đảng viên, là do dao động về chủ nghĩa xã hội, chạy theo miếng mồi như “kinh tế thị trường hiện đại”.

Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách lật đổ chế độ ta, các phần tử cơ hội luôn luôn rêu rao những quan điểm sai trái hòng làm chệch hướng con đường đi tới chủ nghĩa xã hội của chúng ta. Nhưng Việt Nam vẫn được đánh giá là quốc gia có sự ổn định chính trị vững vàng. Nếu không phải nhờ kiên trì độc lập tự chủ theo con đường xã hội chủ nghĩa thì do đâu?

Để xây dựng hình thái kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa thắng lợi ở một nước vốn có nền kinh tế nghèo và lạc hậu như nước ta, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ. Thời kỳ quá độ lâu dài ấy được thực hiện qua từng bước kế tiếp nhau, để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa và đồng thời từng bước xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Khi nói đến lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thành hai mệnh đề, hai khái niệm triết học tách rời nhau là nhằm để phân tích, nghiên cứu. Dẫu rằng lực lượng sản xuất là yếu tố tích cực nhất, năng động nhất, nhưng làm gì có một lực lượng sản xuất

không nằm trong một quan hệ sản xuất nhất định, làm gì có một quan hệ sản xuất “chân không” không chứa đựng trong nó một lực lượng sản xuất nhất định.

Hạ tầng cơ sở của chủ nghĩa xã hội nhất định phải là một *nền đại công nghiệp hiện đại, có trình độ phát triển cao*, mà trong đó, hàm lượng tri thức rất cao. Với nhận thức biện chứng như đã nói trên, trong thời kỳ quá độ ở nước ta ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất là ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng xã hội chủ nghĩa quyết định sự lựa chọn phương hướng phát triển phù hợp với đặc điểm dân tộc, đặc điểm xã hội, đặc điểm kinh tế và môi trường sinh thái, phù hợp với đặc điểm của từng bước đi, không những không rập khuôn theo mô hình ngoại lai mà lại càng không rập khuôn theo mô hình tư bản chủ nghĩa.

Chúng ta phải luôn luôn tôn trọng quy luật: Quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại ngày càng phát triển, không thể và không phải là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa mà *nhất thiết phải là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa*.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không thể *hình thành hoàn chỉnh* ngay từ đầu thời kỳ quá độ. Nhưng nó *hình thành và phát triển từng bước ngay sau khi giành được toàn bộ chính quyền về tay nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng*, qua việc tịch thu, quốc hữu hóa hệ thống tài chính - ngân hàng, sân bay, đường sắt, bến cảng, hệ thống điện lực, các trung tâm viễn thông, các cơ sở sản xuất vũ khí, tịch thu đồn điền, hầm mỏ của đế quốc, tư sản mại bản, tàn dư phong kiến...

Trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội, có lúc ta đã tuyệt đối hóa “công hữu”. Nhận ra khuyết điểm đó, chúng ta thực hiện

đổi mới, chủ trương xây dựng một nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể trở thành nền tảng ngày càng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Hiến pháp năm 1992 lại quy định: *các chủ thể sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật.*

Trong thời kỳ quá độ, đặc biệt là ở một nước có nền kinh tế lạc hậu, chủ yếu dựa vào nông nghiệp, “tuyệt đối hóa” công hữu là sai lầm. Nhưng nếu sửa chữa sai lầm “tuyệt đối hóa” công hữu mà lại đi vào hữu khuynh cực đoan “tư hữu hóa” nền kinh tế, xóa bỏ nền kinh tế công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu cũng lại là một sai lầm mới.

Trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, “tuyệt đối hóa” tác động chi phối của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất là một sai lầm lớn. Thì, hiện tượng coi nhẹ tác động ngược lại của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đối với sự phát triển lực lượng sản xuất cũng là một sai lầm lớn, sai lầm cơ hội hữu khuynh.

Nói cho cùng, quan hệ sản xuất là quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý, quan hệ phân phối mà quan hệ sở hữu đóng vai trò chủ đạo chi phối. Giành lại toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, thiết lập nhà nước Dân chủ cộng hòa, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quốc hữu hóa các tư liệu sản xuất chủ yếu ngay từ đầu, đều nhằm mục đích từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới. Trong giai đoạn chưa được hoàn thiện, nền kinh tế được thiết lập dưới chính quyền do Đảng Cộng sản lãnh đạo, xét về bản chất, mang *bản chất xã hội chủ nghĩa*. Các nhân tố xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, càng lớn mạnh, càng giữ vai trò chủ đạo chi phối, vai trò định hướng mà các thành phần kinh tế khác không thể nào thay thế được. Thành phần kinh tế tư bản tư nhân mà thay thế, lần át, đóng vai trò chủ đạo chi phối, định hướng cho nền kinh tế quốc dân thì nền kinh tế nước ta sẽ chuyển sang nền kinh tế tư

bản chủ nghĩa, chế độ xã hội chủ nghĩa nước ta sẽ biến dạng, đổi màu sang chế độ khác.

Có lúc chúng ta “tuyệt đối hóa” yêu cầu kế hoạch hóa và tập thể hóa nền kinh tế, “tuyệt đối hóa” phương thức bao cấp trong lưu thông phân phối. Các khuyết điểm sai lầm nêu trên là xuất xứ từ một nguyên nhân là “tuyệt đối hóa” tác dụng chi phối ngược trở lại của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển lực lượng sản xuất. Nhận rõ sai lầm có tính chất chủ quan, duy ý chí ấy, chúng ta đã ra sức sửa chữa, thay đổi tư duy kinh tế, thay đổi mô hình kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là lý thuyết kinh tế và mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ nhất là: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta *khác* với nền kinh tế thị trường tiền tư bản và nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, trước hết là ở *mục đích chính trị, bản chất chính trị* của nền kinh tế. Nền kinh tế thị trường tư bản vận động theo quy luật thị trường tư bản chủ nghĩa, do tư bản chiếm đoạt được đại bộ phận tư liệu sản xuất, nhờ đó mà tăng cường sức bóc lột thặng dư giá trị đối với tầng lớp lao động làm thuê, nhằm mục đích đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều cho tư bản. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở chế độ công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, nhằm mục đích làm cho nhân dân ta ngày càng được ấm no, giàu có, hạnh phúc, nhưng *dân giàu trước hết là phải làm cho nhân dân lao động thoát khỏi bần cùng.*

Thứ hai là: ở sự xác định vị trí, tính chất của từng thành phần kinh tế. Một nền kinh tế *dựa trên chế độ công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu* thì tất yếu kinh tế nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo, chi phối, nòng cốt và định hướng.

Và như vậy, cần có sự phân biệt giữa *chế độ sở hữu* (theo nghĩa rộng) và *hình thức sở hữu.*

Trong khi khẳng định chỉ có một chế độ sở hữu là **công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu** thì lại thừa nhận trong chế độ sở hữu ấy có nhiều *hình thức sở hữu* (nhiều thành phần kinh tế).

Thứ ba là: Các công ty cổ phần, các hình thức đa sở hữu ngày càng xuất hiện nhiều, nhưng trong các công ty đa sở hữu ấy lại mang *bản chất sở hữu* khác nhau. Phải đảm bảo cho các công ty đa sở hữu mà nhà nước có tỉ lệ cổ phần chi phối chiếm vị trí chủ đạo.

Thứ tư là: do *bản chất chính trị khác nhau mà có mục đích sản xuất - kinh doanh khác nhau*, cho nên nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa thúc đẩy bóc lột thặng dư giá trị của chủ tư bản, làm cho sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng cao. Còn nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong khi thúc đẩy phát triển, *phải đảm bảo ngày càng giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội*. Đó là một nhiệm vụ dân tộc và giai cấp của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là thước đo nghiêm khắc xem sự vận hành kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có đi đúng hướng hay không.

Chỉ khi nào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước tập trung sức cùng cố và phát huy cao vai trò của kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể, động lực và tiềm lực xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nhiều thành phần, thì việc giảm bớt khoảng cách giàu nghèo mới đạt hiệu quả thật sự.

Hồ Chí Minh xác định rất rõ mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp. Người chỉ ra: *Nói đến chính trị, chúng ta phải xem xét thái độ của các giai cấp và các tầng lớp xã hội*.

Từ quan điểm đó, phải thẳng thắn nói rằng: Giữa kinh tế cá thể, kinh tế tiểu thương, tiểu chủ (bao gồm kinh tế trang trại quy mô nhỏ, các công ty gia đình, các doanh nghiệp nhỏ và vừa) và kinh tế tư bản tư nhân có quan hệ sở hữu về *bản chất* khác nhau.

Về kinh tế, những năm qua kinh tế tư bản tư nhân có mặt tích cực, là một động lực góp phần xây dựng nền kinh tế quốc dân phát

triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên đã có những biểu hiện tiêu cực: chỉ nhấn mạnh mục tiêu duy nhất là lợi nhuận “lợi nhuận bất kỳ”, từ đó chạy theo lợi ích ngược lại định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phát huy mặt tích cực, khuyến khích họ đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giúp họ tồn tại lâu dài trong nền kinh tế nước ta, đồng thời đấu tranh khắc phục mặt tiêu cực.

Ở các thời đại, kinh tế hộ, kinh tế tiểu thương, tiểu chủ có vai trò rất quan trọng, nhưng chưa bao giờ đóng vai trò chủ đạo, quyết định bản chất kinh tế và chính trị của một phương thức sản xuất. Dưới chế độ phong kiến, kinh tế địa chủ đóng vai trò chủ đạo. Dưới chế độ tư bản, kinh tế tư bản đóng vai trò chủ đạo. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, kinh tế nhà nước xã hội chủ nghĩa đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể hợp thành nền tảng. Kinh tế hộ, tiểu chủ, tiểu thương đã góp phần rất quan trọng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng, như có nhà nghiên cứu ví dụ nền kinh tế cá thể, tiểu chủ, tiểu thương như “một cốc nước không đầy”. Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể nhận rõ trách nhiệm chính trị, kinh tế, xã hội của mình trong thời kỳ quá độ, tích cực “rót cho đầy cốc nước” đó để *giữ vững bản chất xã hội chủ nghĩa* của nền kinh tế chúng ta. Kinh tế tư bản tư nhân do bản chất tự thân của quan hệ sở hữu tư bản tư nhân, cũng tranh thủ thời cơ “rót đầy cốc nước”, và nếu họ làm được như vậy thì nền kinh tế chuyển sang một bản chất khác.

Quá trình “rót đầy cốc nước” nói lên tính chất cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ: con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển theo chủ nghĩa tư bản.

Hiện nay, bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế tập thể còn có những điểm yếu kém, tỷ trọng đóng góp vào GDP chưa cao. Đó là do Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và những cán bộ được phân công phụ trách xây dựng kinh tế tập thể chưa làm tròn trách nhiệm. Có yếu kém thì càng phải tích cực tập trung sức lực của Đảng, Nhà nước, của hệ thống chính trị mà khắc phục, mà vực

dậy. Đó là trách nhiệm củng cố nền tảng liên minh công nông và trí thức, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, đào tạo nguồn nhân lực xã hội chủ nghĩa trước mắt và lâu dài.

Kinh tế nhà nước đã có vai trò to lớn trong nền kinh tế, không ai có thể phủ nhận. Nhưng vừa qua, các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước, ít nhiều có phạm khuyết điểm, thậm chí nghiêm trọng như sai lầm ở Vinashin. Khuyết điểm và sai lầm ấy là do quản lý lỏng lẻo, do *chủ sở hữu* không làm tròn trách nhiệm chủ sở hữu, vịn vào và phó mặc cho tính tự phát của cái gọi là “cơ chế thị trường” để diễn ra tình trạng mà người ta cố tình bôi bác: “Cha chung không ai khóc”. Trên pháp lý, không có đơn vị kinh tế nhà nước nào không có chủ sở hữu, không có chuyện “cha chung” nhưng chủ sở hữu được xác định ấy lại thiếu trách nhiệm, đổ lỗi cho nhau, phân chia từng mảnh tẩn mạn. Có vị chủ doanh nghiệp đã phát biểu trên báo chí: *Kinh tế nhà nước là nơi sử dụng vốn như thùng không đáy, và là cỗ máy “nghiền” cán bộ nhanh nhất, không ít cán bộ hư hỏng, tham nhũng đều từ bộ máy kinh tế quốc doanh mà ra.*

Những người cộng sản, các tổng công ty và tập đoàn kinh tế nhà nước cùng các chủ sở hữu, chúng ta thấy rõ trách nhiệm của mình, kiên quyết tập trung củng cố, bất luận trường hợp nào cũng không thể để cho kinh tế nhà nước, xương sống của toàn bộ nền kinh tế quốc dân sa sút.

Các đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa chịu sự lũng đoạn tiêu cực cũng là một bộ phận của cuộc đấu tranh giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Để đảm bảo thắng lợi trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, trong Đảng và bộ máy nhà nước phải kiên quyết thật sự *chống quan liêu, tham nhũng*. Nơi nào mà quyền lực không vì nhân dân thì nơi ấy có tham nhũng. Còn trong nền kinh tế và trong xã hội phải kiên quyết *chống đầu*

cơ. Những người có chức quyền mà móc ngoặc với bọn đầu cơ để trục lợi, mua bán danh tước thì Đảng, nhà nước sẽ bị lung đoạn, tác hại không lường hết. Đó là một sự cấu kết cực kỳ nguy hiểm, “đi đêm giữa tay trong và tay ngoài”, giữa những người lợi dụng chức quyền và những kẻ có tiền của muốn làm giàu bất chính.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã xác định ở Cương lĩnh chính trị của Đảng năm 1991, được bổ sung và phát triển năm 2011 không phải là khẩu hiệu kêu gọi chung chung; cũng không phải là một việc làm được tiến hành sau năm 2015 hay 2020, mà quán triệt ngay, thấm thấu trong mọi lĩnh vực, mọi nhiệm vụ, mọi quá trình của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Quán triệt quan điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội sâu sắc chừng nào trong từng lĩnh vực, trong suốt quá trình và trong toàn bộ nền kinh tế thì càng thu hoạch được những thành tựu thực chất, nhân tố xã hội chủ nghĩa ngày càng tăng lên đúng định hướng.

Cắt rời các bước của thời kỳ quá độ lâu dài, cắt rời đổi mới với con đường xã hội chủ nghĩa là một sai lầm. Cho rằng đến 2020 mới công nghiệp hóa hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, còn trước đó chỉ là công nghiệp hóa chung chung cũng là một sai lầm. Không có công nghiệp hóa chung chung mà chỉ có công nghiệp hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa hay công nghiệp hóa theo con đường tư bản chủ nghĩa mà thôi. Tách rời “phát triển” và bản chất chính trị của sự “phát triển” là một biểu hiện của sai lầm đó.

4. Đi theo con đường Bác Hồ, Đảng và nhân dân lựa chọn

Khai phá được con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nhờ Đảng ta, từ những tổ chức tiên thân cho đến ngày nay, đã ráo riết học tập, kế thừa và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Cho nên, để kiên định và kiên trì con đường mà Bác Hồ

và Đảng ta đã lựa chọn thì **trong mọi hoạt động của Đảng, phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam.**

Không thực hiện điều quan trọng này thì sa vào vũng bùn của chủ nghĩa cơ hội “tả khuynh” hoặc “hữu khuynh”, lâm vào nguy cơ chệch hướng, tự phát hay tự giác phản bội lại thành quả cách mạng mà mồ hôi và xương máu chiến đấu hy sinh của nhiều thế hệ đã xây đắp nên.

Hiện nay nhờ có hòa bình, độc lập, thống nhất, kinh tế phát triển, giao lưu văn hóa và khoa học mở rộng, chúng ta được học tập nhiều gấp bội so với trước. Bằng cấp, chức danh, cấp quân hàm nhiều hơn trước, cao hơn trước. Điều đó rất quý. Nhưng, một vài lớp bồi dưỡng chính trị, một bằng cử nhân, một chức danh tiến sĩ, một chức vụ trung cấp, cao cấp trong Đảng và chính quyền... chưa thể đảm bảo là đã am tường sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Không thể hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh một cách thô thiển, không có gốc, không có hệ thống, sơ lược, chấp vá. Có hiện tượng chỉ hiểu câu chữ mà không nắm được sự tinh túy và nguyên lý có tính chất phổ quát; có hiện tượng cắt xén lý luận cơ bản, dẫn theo sách vở phương Tây, sách vở chống cộng. Không dày công lẫn lộn nghiên cứu thực tiễn. Có hiện tượng lợi dụng phát huy dân chủ, tự do dân chủ để truyền bá những quan điểm sai trái trên báo chí, trên mạng, trên các diễn đàn nghiên cứu.

Những hiện tượng ấy là miếng đất cho xu hướng giáo điều mới và xu hướng xét lại mới phát triển, ngăn trở việc nắm vững và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn một cách đúng đắn.

Bác Hồ dạy: *“Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt”.*

Tôi nghĩ rằng chúng ta cần khắc phục một cách nghiêm túc những khuyết điểm về dạy và học chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên. Cần lấy việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm một tiêu chuẩn rèn luyện đảng viên và bồi dưỡng cán bộ.

- Phải kết hợp nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc học tập, soạn thảo các Nghị quyết của Đảng..

- Phải rà soát chương trình học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường học.

- Phải coi trọng đào tạo một thế hệ giáo viên truyền giảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh có đạo đức và tài năng cao.

- Phải quan tâm tổng kết tình hình thực tiễn. Tổng kết thực tiễn là dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để soi rọi tình hình và thực tiễn để kiểm tra đường lối chính sách và từng bước hoàn thiện đường lối, chính sách.

- Trình độ hiểu biết và khả năng vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là một tiêu chuẩn để tuyển chọn công chức, đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

- Cần kiên quyết chống lại các quan điểm sai trái trong nội bộ Đảng và trong xã hội, các quan điểm chống phá của các thế lực thù địch, các khuynh hướng cơ hội, cố tình bôi bác chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đang tạo ra nguy cơ “tự diễn biến” rất nguy hiểm.

Học tập đi đôi với rèn luyện. Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là rèn luyện đạo đức, nâng cao ý chí chiến đấu phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, tác phong lãnh đạo và tác phong làm việc, tác phong lao động, nền nếp công tác và sản xuất, tinh thần đoàn kết thương yêu lẫn nhau giữa các thế hệ

và trong mỗi gia đình. Đặc biệt là cán bộ, đảng viên cần nêu cao các tấm gương tốt, *“một tấm gương tốt còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”*, như Bác Hồ dạy. Thoái hóa về đạo đức sẽ dẫn đến thoái hóa về chính trị.

Cần nâng cao đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh trong nhân dân và thanh niên, thiếu niên. Có chiến lược thực hiện lời *Di chúc* của Bác Hồ: Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, vừa hồng vừa chuyên, thế hệ kế thừa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cần nhớ mãi lời dạy của Người: *“Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”, “không có tư tưởng xã hội chủ nghĩa thì không làm được công việc của chủ nghĩa xã hội”*. Tập trung khắc phục bằng được tình hình thoái hóa biến chất về lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Không thể để đến Đại hội Đảng lại lặp lại nhận định: *“một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng”*.

Hàng ngàn, hàng vạn trang sách và trang báo mấy chục năm qua đã nói nhiều về tệ tham nhũng, quan liêu.

Đảng đã đề ra nhiều biện pháp. Tôi chỉ xin nhấn mạnh một điểm: *thực thà tự phê bình và phê bình* từ dưới lên trên và từ trên xuống dưới, đặc biệt từ cấp lãnh đạo, các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, trong cán bộ cao cấp, trung cấp.

Không xây dựng được tinh thần và nền nếp *thực thà tự phê bình và phê bình* thì không thể nào xây dựng Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị trong sạch và vững mạnh. Sức mạnh của một Đảng bộ, mỗi đảng viên không chỉ ở chỗ phát huy ưu điểm, mà còn là nhận ra, nhận rõ và kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của mình.

Việc thật thà tự phê bình và phê bình nên bắt đầu từ đợt học tập các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, nằm trong quá trình xây dựng chương trình hành động của Đảng bộ và đảng viên thực hiện Nghị quyết Đại hội XI.

Cùng với thật thà tự phê bình và phê bình là kiên quyết và thực hành rộng rãi dân chủ trong Đảng và ngoài xã hội. Bác Hồ dạy: *“Thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết được mọi khó khăn”*.

Cùng với mở rộng dân chủ là phải tăng cường kỷ luật, giữ vững chuyên chính. Bác Hồ dạy: *“Chế độ nào cũng có chuyên chính, vấn đề là chuyên chính với ai?... Như cái hòm đựng của cải, thì phải có cái khóa. Nhà thì phải có cửa... Dân chủ là cái quý báu nhất của nhân dân, **chuyên chính** là cái khóa, cái cửa để phòng phá hoại... Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ”*.

Để thực hiện mở rộng dân chủ, đề cao kỷ luật thì một biện pháp rất quan trọng là phải kiểm tra, thanh tra và giám sát.

Bên cạnh ưu điểm, hiện nay thanh tra, kiểm tra, giám sát còn né tránh, còn thỏa hiệp để giữ ghề, giữ ôn hòa, “nín thở qua sông”, chờ qua khỏi các kỳ đại hội, các kỳ bầu cử. Vậy thì làm sao phân biệt được cán bộ tốt xấu, làm sao đưa được cán bộ tốt vào bộ máy lãnh đạo và quản lý? Rốt cục “đảng viên, cán bộ là công bộc của nhân dân” chỉ là một khẩu hiệu. Thanh tra đi, thanh tra lại vẫn không phát hiện được vấn đề. Đến khi đổ bể mới biết. Thanh tra xong, có kết luận rồi, nhưng do nhân nhượng, thỏa hiệp với nhau nên không giải quyết được dứt điểm. Động đến cấp chức càng cao, càng khó thanh tra, kiểm tra. Vậy sức chiến đấu của Đảng có còn hiệu lực nữa không?

Đi theo con đường mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn là một cuộc đấu tranh để xây dựng cái mới và loại trừ cái cũ không còn phù hợp, là sự nghiệp mãi mãi của các thế hệ Việt Nam. Chúng ta khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển nổi tiếp tục thực hiện con đường cách mạng vinh quang đó tới đích. Chúng ta biết rằng: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ dài, nhưng không phải là vô hạn. Chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng.

**VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐÃ CHỌN,
TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**

NGUYỄN TẤN DŨNG*

I.

Hôm nay, tại Thành phố mang tên Bác, chúng ta long trọng tổ chức Hội thảo để kỷ niệm 100 năm Ngày Người ra đi tìm đường cứu nước. Tròn 100 năm trước, ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến cảng Sài Gòn, Bác Hồ - lúc đó là người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã xuống con tàu của Pháp mang tên Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin), bắt đầu cuộc hành trình 30 năm (1911 - 1941) tìm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Vào thời điểm đó, không một ai biết rằng vận mệnh của dân tộc Việt Nam đã gắn liền với quyết định ra đi của một con người mà lịch sử đã chứng tỏ là sáng suốt, phi thường ấy.

Trên suốt chặng đường bốn ba qua nhiều châu lục, cuộc sống lao động đầy gian khổ đã không làm Người chùn bước, trái lại, càng tôi luyện, hun đúc lòng yêu nước nồng nàn và mục tiêu giải phóng dân tộc kiên định, thôi thúc Người tranh thủ mọi cơ hội để học hỏi, nghiên cứu các học thuyết cách mạng, hòa mình vào thực tiễn đấu

* Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản và thuộc địa. Chính chủ nghĩa yêu nước cùng với những năm tháng tìm tòi không mệt mỏi về lý luận và hoạt động trong phong trào công nhân quốc tế đã dẫn dắt người thanh niên Việt Nam Nguyễn Tất Thành bất chấp mọi hiểm nguy, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành nhà hoạt động cách mạng quốc tế xuất sắc Nguyễn Ái Quốc. Sớm nhận thức được xu thế phát triển của lịch sử và tính chất của thời đại mới mà Cách mạng tháng Mười Nga mở ra, Người đã khám phá ra chân lý *"chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"*¹. Khi đọc bản luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã vui mừng reo lên *"Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"*². Người nhận thức sâu sắc rằng cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo và con đường phát triển tất yếu của cách mạng giải phóng dân tộc là tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, chỉ có làm cách mạng xã hội chủ nghĩa mới giữ vững và phát huy được những thành quả của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, đó là con đường cách mạng dân tộc dân chủ do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo đánh đổ đế quốc, thực dân, giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, sau đó tiến lên thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin, thể hiện tính quy luật của sự phát triển lịch sử của xã hội Việt Nam, trở thành quan điểm xuyên suốt trong toàn bộ tư tưởng và sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đó chính là *Đường Kách mệnh* cho dân tộc ta mà Người đã chọn.

1 Hồ Chí Minh, *Con đường dẫn tôi đến Chủ nghĩa Lênin*, Báo Nhân dân, ngày 22-4-1960. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 128.
2 Hồ Chí Minh, *Sdd*, tr. 127.

Dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong suốt hơn 80 năm qua, cách mạng Việt Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, giành được những thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử. Đó là thắng lợi của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh.

II.

Ngay sau khi cách mạng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ *"... nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"*¹. Người khẳng định: *"Đời sống nhân dân chỉ có thể thật dồi dào khi chúng ta dùng máy móc để sản xuất một cách thật rộng rãi, dùng máy móc trong công nghiệp và trong nông nghiệp... Đó là con đường phải đi của chúng ta. Con đường công nghiệp hóa nước nhà" và "công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là mục tiêu phấn đấu chung, là con đường no ấm thật sự của nhân dân ta"*². Trong điều kiện cả nước phải dồn sức cho công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Đảng ta đã kiên định con đường mà Người đã chọn - thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xác định là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ.

Đại hội lần thứ III của Đảng năm 1960 đã đề ra đường lối *tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội*. Đại hội xác định *"xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại kết hợp công nghiệp với nông nghiệp và lấy công nghiệp nặng làm nền tảng, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành*

1 Hồ Chí Minh. *Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 64.

2 Hồ Chí Minh, *Con đường phía trước*, Báo Nhân dân, ngày 20-1-1960. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 40 - 41.

một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại”¹. Trong điều kiện chiến tranh, đất nước bị chia cắt, cơ chế kế hoạch hóa tập trung và chủ trương công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu, ưu tiên công nghiệp nặng đã góp phần quan trọng trong việc huy động và tập trung nguồn lực cho công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tuy nhiên, khi đất nước hoàn toàn độc lập, toàn cầu hóa kinh tế, hòa bình, hợp tác và phát triển trở thành những xu thế lớn của thời đại thì mô hình này trở nên lạc hậu, kém hiệu quả, kìm hãm sự phát triển.

Tại Đại hội lần thứ VI năm 1986, Đảng ta đã phát động công cuộc Đổi mới, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài, tạo ra xung lực phát triển mới, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đi vào quỹ đạo tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế. Đại hội lần thứ VIII của Đảng năm 1996 đề ra chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp, có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Qua 25 năm thực hiện đường lối Đổi mới, đất nước ta đã giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đặc biệt, trong mười năm thực hiện *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010*, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 7,26%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp tăng cao, đạt gần 15%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; năng lực sản xuất và

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam: Văn kiện Đại hội*. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xuất bản, 1960, tập 1, tr. 65.

tiềm lực kinh tế của đất nước không ngừng tăng lên, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tăng gấp 3,26 lần năm 2000, góp phần đưa nền kinh tế vượt qua tác động nặng nề của khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á (1997 - 1998), khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (2008 - 2009). Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt; hệ thống an sinh xã hội được coi trọng và từng bước mở rộng, công cuộc xóa đói giảm nghèo đạt được những thành tựu nổi bật, tỷ lệ hộ nghèo giảm 2 - 3%/năm; thu nhập thực tế bình quân theo đầu người tăng hơn 2 lần. Đến năm 2010 nước ta đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu thiên niên kỷ mà Liên Hiệp Quốc đề ra cho năm 2015. Việt Nam đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình.

III.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 vừa được thông qua tại Đại hội lần thứ XI của Đảng, nhằm tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đã đưa ra một hệ thống các quan điểm, mục tiêu và các giải pháp lớn, gắn kết với nhau hình thành một chỉnh thể phát triển. Tôi xin trình bày một số nội dung cốt lõi của Chiến lược được soi rọi bởi tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Phát triển nhanh gắn với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong chiến lược

Khi xác định con đường phải đi là công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn “*công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa phải tiến hành từng bước*”¹, “*Phải bảo đảm chất lượng - Không nên chỉ dốc sức vào số lượng nhưng không bảo đảm chất lượng, không tiết kiệm được nguyên liệu, vật liệu, không hạ được*

1 Hồ Chí Minh, *Về phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm*, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1973, tr. 86.

giá thành... ”¹. Người nhấn mạnh “Tiến nhanh, tiến mạnh không phải là phiêu lưu, làm ẩu. Phải thiết thực đi từng bước, phải tiến vững chắc. Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế”².

Như vậy là, quan điểm phát triển bền vững đã được Hồ Chủ tịch và Đảng ta đặt ra từ rất sớm, nhưng trên thực tế quan điểm đó có lúc có nơi chưa được nhận thức đầy đủ và quán triệt sâu sắc trong hành động, vì vậy, kinh tế phát triển còn kém bền vững, chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp. Đây là nguyên nhân sâu xa tác động tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô, làm giảm khả năng chống chịu của nền kinh tế nước ta trước những tác động từ bên ngoài trong một thế giới toàn cầu hóa và biến động không ngừng. Đó là khuyết điểm lớn mà chúng ta, trước hết là những người lãnh đạo, quản lý - những học trò của Hồ Chủ tịch phải nghiêm túc khắc phục. Phải quán triệt sâu sắc, kiên trì thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đại hội XI về phát triển bền vững.

2. Tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Phát triển bền vững được đo bằng nhiều tiêu chí, bảo đảm sự gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường. Để phát triển bền vững, trước hết phải bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô - yếu tố quan trọng hàng đầu cho tăng trưởng bền vững; đồng thời, tăng trưởng bền vững sẽ tạo điều kiện để ổn định kinh tế vĩ mô vững chắc. Vì vậy, vấn đề không chỉ là tăng trưởng mà quan trọng hơn là cách thức tạo ra tăng trưởng. Trong

1 Hồ Chí Minh, *Vài ý kiến về “phong trào Duyên Hải”*, Báo Nhân dân, ngày 15-5-1961. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 358.

2 Hồ Chí Minh, *Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội*, Báo Nhân dân, ngày 27-3-1961. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 315.

thời kỳ chiến lược 2001 - 2010, tăng trưởng kinh tế của nước ta chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư và nguồn lao động giá rẻ, chất lượng thấp. Điều này là khó tránh khỏi khi bắt đầu quá trình công nghiệp hóa. Khuyết điểm của chúng ta là duy trì quá lâu mô hình này. Đã đến lúc phải chuyển mạnh sang tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên việc ứng dụng các thành tựu về khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và kỹ năng quản lý hiện đại nhằm tăng năng suất và hiệu quả sử dụng vốn, tạo ra nhiều sản phẩm có hàm lượng nội địa cao, giá trị gia tăng lớn, có sức cạnh tranh để có thể tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là quá trình vừa tiệm tiến, vừa cách mạng. Tiệm tiến bởi không thể có ngay mọi điều kiện đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiều sâu ở tất cả các lĩnh vực được lựa chọn; tiệm tiến cũng còn là sự tích lũy về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất. Cách mạng là để tận dụng được ưu thế của nước đi sau, thực hiện chiến lược tiến nhanh, bắt kịp ở những lĩnh vực mà khoa học công nghệ phát triển cao và chúng ta có điều kiện. Trên tinh thần này, Chiến lược xác định: *“Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững”*¹.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng trước hết phải được triển khai trong các ngành công nghiệp và dịch vụ. Bởi lẽ đây là những ngành chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, lại là những ngành có điều kiện chuyển đổi nhanh. Định hướng cơ bản là cơ cấu lại các ngành sản xuất công nghiệp cả về ngành, vùng và giá trị mới; phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên phát triển các sản phẩm có khả năng cạnh tranh; phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tầm cỡ khu vực và quốc tế; hiện đại hóa

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 107.

và mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng cao. Đồng thời, cần nhận thức sâu sắc hơn vai trò quan trọng và thế mạnh của nông nghiệp nước ta trong tiến trình công nghiệp hóa gắn với đô thị hóa để tập trung sức xây dựng một nền nông nghiệp đa chức năng; gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới và không ngừng nâng cao đời sống nông dân. Phải tìm tòi những mô hình tổ chức sản xuất phù hợp, có cơ chế để thực hiện mô hình ấy, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn làm cơ sở đưa công nghiệp tác động vào nông nghiệp, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra nền nông nghiệp sạch, năng suất cao, chất lượng tốt; bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến, lưu thông trong một chuỗi giá trị, phân phối lợi ích hợp lý giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị đó. Đây chính là điều kiện để phát triển nền nông nghiệp bền vững, bảo đảm lợi ích của nông dân.

Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong một thế giới mà toàn cầu hóa và liên kết kinh tế ngày càng sâu sắc, cạnh tranh kinh tế diễn ra rất quyết liệt, các mô hình công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu hoặc hướng về xuất khẩu không còn nguyên ý nghĩa kinh điển của nó. Điều đó càng đòi hỏi chúng ta phải có tư duy toàn cầu và hành động quốc gia để có cách làm sáng tạo. Ở đây, một lần nữa tư tưởng Hồ Chí Minh về sự phát triển lại tỏa sáng. Trong quá trình tìm đến chân lý cách mạng, ngay từ năm 1924 Người đã nói: *“Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”*¹. Tư tưởng đó của Người đòi hỏi chúng ta phải trên cơ sở những bài học lịch sử về tiến trình công nghiệp hóa mà các nước đi trước đã trải qua và những đặc điểm kinh tế của thời đại để tìm ra cách đi phù hợp với những điều kiện cụ thể của

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 465.

nước ta. Không ai có thể nhìn rõ mọi vấn đề một lúc, nhất là trong bối cảnh thế giới biến đổi nhanh chóng và khó lường như thời đại hiện nay. Điều cốt yếu là phải bám sát sự vận động của thực tiễn và kịp thời điều chỉnh, mà thực tiễn thì luôn luôn cụ thể và sinh động. Lênin từng nói *“Lấy trùu tượng mà thay thế cho cụ thể, đó là một trong những lỗi lầm lớn nhất và nguy hại nhất trong thời kỳ cách mạng”*¹.

3. Phát huy nhân tố con người, coi con người là động lực, là mục tiêu của sự phát triển

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng yếu tố con người và tư tưởng lấy dân làm gốc. Người nêu luận điểm nổi tiếng *“Muốn xã hội chủ nghĩa phải có người xã hội chủ nghĩa”*² và *“Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”*³. Thực tiễn khẳng định nguồn lực con người là yếu tố nội sinh năng động, là lợi thế cạnh tranh dài hạn của một quốc gia. Điều này đặc biệt đúng trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển nhảy vọt trong thời đại chúng ta. Đây là nguyên lý cứng, là yếu tố bất biến trong một thế giới toàn cầu hóa và biến đổi không ngừng. Hơn nữa, mục tiêu của phát triển kinh tế là vì con người và cho con người. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* nêu rõ quan điểm: *“Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển”*⁴; nhấn mạnh yêu cầu *“nâng cao năng lực và tạo cơ chế để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp để phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm sự đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước”*⁵; coi phát triển

1 Lênin, *Tuyển tập*, quyển 2, phần 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 81.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 296.

3 Hồ Chí Minh, *Bài nói chuyện tại Lớp học chính trị cho giáo viên cấp 2, cấp 3 toàn miền Bắc ngày 13-9-1958*. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 222.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 100.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 100.

nguồn nhân lực là một trong ba đột phá chiến lược. Thời gian càng lùi xa, chúng ta càng hiểu sâu sắc hơn vì sao trong điều kiện nước sôi lửa bỏng của những ngày đầu kháng chiến, Bác Hồ lại phát động phong trào “*chống giặc đói*” cùng với chống giặc dốt và giặc ngoại xâm; càng thấy tầm nhìn rất chiến lược của Bác và càng bồi hồi xúc động nhớ lại lời căn dặn của Người trước khi vĩnh biệt chúng ta *bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*. Thể hệ cách mạng cho đời sau chính là thể hệ thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa nhằm xây dựng đất nước ta “*đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*” như Bác hằng mong muốn.

4. Nâng cao chất lượng thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc xây dựng hệ thống pháp luật và hoàn thiện thể chế. Người viết “*trăm điều phải có thần linh pháp quyền*”. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Người nêu nhiệm vụ cấp bách là “*phải có một hiến pháp dân chủ*” và chính Người đã chủ trì soạn thảo bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Hiến pháp năm 1946, đạo luật cơ bản, khuôn khổ thể chế quan trọng nhất của nhà nước ta. Tư tưởng dân chủ, dân quyền của bản Hiến pháp này đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong *Di chúc* Người viết: *Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân*. Chúng ta cần hiểu kế hoạch mà Bác viết ở đây với cái nghĩa sâu rộng của cụm từ này. Nó bao gồm chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và một hệ thống thể chế, chính sách nhằm huy động nguồn lực cho sự phát triển đó. Thực tiễn phát triển ở nhiều nước cho thấy thể chế chứ không phải tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa kinh tế là yếu tố quyết định sự phát triển. Một hệ thống thể chế phù hợp, có chất lượng cao là điều kiện để huy động mọi tiềm năng sáng tạo của con người cho

phát triển, và chính hệ thống đó lại tạo ra môi trường rèn luyện năng lực và bản lĩnh con người. Chính vì vậy, Chiến lược xác định: *“hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính”*¹ là một đột phá. Thực hiện tốt đột phá chiến lược này là điều kiện cần để các chủ thể kinh doanh phát huy lợi thế so sánh sẵn có và không ngừng tạo ra lợi thế so sánh mới, biến lợi thế so sánh thành lợi thế cạnh tranh, tạo nên hiệu quả và sự phát triển bền vững.

5. Hoàn thiện bộ máy nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường

Mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường luôn là một trong những vấn đề trung tâm của các học thuyết kinh tế. Về mối quan hệ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng có những chỉ dẫn quý báu. Người nói *“Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”*² và *“đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân... Chính phủ chỉ giúp kế hoạch, cổ động”*³. Trong *Thư gửi các giới công - thương Việt Nam* ngày 13 tháng 10 năm 1945, Bác viết: *“Trong lúc các giới khác trong quốc dân ra sức hoạt động để giành lấy nền độc lập hoàn toàn cho nước nhà thì giới Công - Thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp đỡ giới Công - Thương trong công cuộc kiến thiết này”*⁴. Như vậy, Bác đã xác định rõ mối quan hệ giữa Nhà nước và các chủ thể kinh doanh trên thị trường, theo đó, giới doanh nghiệp và nhân dân đóng vai trò quyết định, nhà nước “giúp kế hoạch”, tạo môi trường và “tận

- 1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 106.
- 2 Hồ Chí Minh, *Dân vận*. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 698.
- 3 Hồ Chí Minh, *Thanh Hóa kiểu mẫu*. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 65.
- 4 Hồ Chí Minh, *Thư gửi các giới công thương Việt Nam*, Báo Cứu quốc, ngày 13-10-1945. Trích trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 49.

tâm phục vụ” cho hoạt động kinh doanh của họ. Quán triệt tư tưởng đó và từ các bài học của những cuộc khủng hoảng đã xảy ra trong thế kỷ XX và thập niên đầu của thế kỷ XXI, Đại hội XI của Đảng đã đề ra các định hướng cơ bản trong việc hoàn thiện bộ máy nhà nước, mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường và khẳng định: *“Nhà nước quản lý điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường. Tăng cường công tác giám sát, nhất là giám sát thị trường tài chính, chủ động điều tiết, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không phó mặc cho thị trường hoặc can thiệp làm sai lệch các quan hệ thị trường”*¹.

Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ của mình, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

IV.

Lịch sử có những sự trùng hợp thú vị. Từ Thành phố này, Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước. Và Thành phố này cũng là nơi khởi phát mạnh mẽ những tìm tòi con đường đổi mới, đưa nước ta thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, dẫn đến quyết định lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ VI. Trong 25 năm qua, Thành phố Hồ Chí Minh luôn giữ được vai trò tiên phong trong tiến trình đổi mới theo đường lối của Đảng. Là trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu quốc tế, thực hiện Nghị quyết số 01 và Nghị quyết số 20 của Bộ Chính trị, Đảng bộ và quân dân Thành phố đã phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, phấn đấu bền bỉ, năng động, sáng tạo, vượt qua nhiều khó

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 141.

khẩn thách thức, đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong mười năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thành phố luôn ở mức hai con số, đạt bình quân 11,2%/năm, đóng góp khoảng 30% ngân sách Nhà nước, 20% GDP và 30% sản lượng công nghiệp của cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh thực sự đóng vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với những cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp, Thành phố Hồ Chí Minh cần phấn đấu với quyết tâm cao hơn nữa, năng động và sáng tạo hơn nữa. Tôi muốn nhấn mạnh rằng quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng thường bắt đầu từ những địa bàn có chất lượng nguồn nhân lực cao, là trung tâm khoa học công nghệ, từ đó lan tỏa ra các địa bàn khác. Đây là vấn đề có tính quy luật. Thành phố Hồ Chí Minh cần nhận thức sâu sắc quy luật đó để phát huy tốt nhất lợi thế của mình, tiếp tục đi đầu trong sự nghiệp rất khó khăn nhưng cũng đầy hào khí cách mạng này. Cần hiểu đúng phương châm chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng sang kết hợp hợp lý giữa chiều rộng với chiều sâu, vừa mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng hiệu quả và tính bền vững không phải được thực hiện dàn đều trên mọi địa bàn. Với vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các trung tâm kinh tế lớn, phát triển theo chiều sâu phải là hướng đi chủ yếu. Cần tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, các dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, xây dựng nền nông nghiệp sạch, đi đôi với đầu tư phát triển nhanh kết cấu hạ tầng và tăng cường chất lượng quản lý đô thị, tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc. Đồng thời, Thành phố phải rất coi trọng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao để đi đầu trong việc chuyển đổi mô hình tăng

trường và phát triển kinh tế tri thức. Từ đó, tạo tác động lan tỏa, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở cả khu vực phía nam và trong cả nước. Đây là sứ mệnh rất vẻ vang của Đảng bộ và quân dân Thành phố mang tên Bác. Chúng ta tin tưởng rằng Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phát huy truyền thống tốt đẹp, làm tốt hơn nữa vai trò tiên phong của mình trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

* * *

Chín năm sau khi rời bến cảng Sài Gòn đi tìm đường cứu nước, Bác Hồ của chúng ta đã đến với bản luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, bắt đầu quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Là bậc “Đại nhân, Đại trí, Đại dũng”, trải qua *“cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”*, tư tưởng đó không ngừng được Người bổ sung, phát triển đạt đến tầm cao minh triết, trở thành *“tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta”*¹. Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh, lớp lớp thế hệ người Việt Nam đã vững bước theo con đường mà Người đã chọn. Đó là con đường của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường mang tầm nhìn vượt thời gian, đưa đất nước và dân tộc ta vượt qua biết bao khó khăn, thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, thực hiện công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thoát khỏi tình trạng nước kém phát triển, từng bước tiến lên *“sánh vai các cường quốc năm châu”*, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, kết hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và sức mạnh của thời đại, với sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước và sự nỗ lực phấn đấu của

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 88.

toàn xã hội, chúng ta sẽ vững bước trên con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI, đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trước mắt là toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần tập trung mọi nỗ lực để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì sản xuất, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011*.

HỒ CHÍ MINH VỚI NHỮNG BƯỚC NGOẶT LỚN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX

TÔ HUY RỬA*

1. Hồ Chí Minh, một nhân cách lớn trong thời đại chúng ta

Năm 2011 này chúng ta kỷ niệm 121 năm Ngày sinh của Bác Hồ kính yêu; đồng thời kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.

Đó là những sự kiện trọng đại không những trong đời sống chính trị của Đảng và của dân tộc ta mà còn là những kỷ niệm sâu sắc trong tư tưởng, tình cảm và tâm hồn của mỗi người Việt Nam với lòng kính yêu và biết ơn vô hạn đối với Người. Chúng ta nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã vạch ra, kiên trì thực hiện lý tưởng và mục tiêu mà Người đã lựa chọn: *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì độc lập tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.*

Thời gian càng lùi xa, chúng ta càng cảm nhận ngày một *đầy đủ và sâu sắc* hơn những cống hiến vô giá của Người đối với lịch sử, với cách mạng Việt Nam cũng như với phong trào cách mạng thế giới.

* PGS.TS. Triết học, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Với tầm vóc của một nhà tư tưởng mácxít sáng tạo, anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất, Hồ Chí Minh đã để lại những dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử dân tộc, những ảnh hưởng to lớn và sâu sắc trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là cuộc đời lao động, học tập, tranh đấu không ngừng, hy sinh quên mình cho cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc mình và cho cả nhân loại.

Sinh thời, Người đã từng nói, tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành tiến bộ và có cuộc sống hạnh phúc. Cả cuộc đời, Người đã phấn đấu hy sinh cho lý tưởng cao quý đó.

Được thúc đẩy bởi một động cơ vĩ đại là tấm lòng yêu nước thương dân, thương nhân loại khổ đau, cuộc đời Hồ Chí Minh là một mẫu mực về sự thực hành bền bỉ một lẽ sống cao thượng, đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội khỏi ách thống trị của đế quốc thực dân để xây dựng xã hội mới tốt đẹp, xứng đáng với phẩm giá con người. Đó là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mà Người tin tưởng và theo đuổi đến cùng với một niềm tin khoa học sâu sắc vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào quy luật phát triển tất yếu của lịch sử.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là cuộc đời của một con người gắn bó máu thịt với nhân dân, *thấu hiểu* và *thấu cảm* cuộc sống của dân, số phận của dân tộc, khát vọng muôn đời của nhân loại trong cuộc hành trình tới tự do và hạnh phúc. Người tự ý thức rằng, phục vụ nhân dân là phục tùng chân lý lớn nhất, làm đầy tớ trung thành và công bộc tận tụy của dân là lẽ sống cao thượng nhất.

Cuộc đời Hồ Chí Minh là “một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong

sáng và đẹp đẽ” như Đảng ta đã khẳng định trong *Điều văn* vĩnh biệt Người 42 năm về trước.

Trả lời các bạn bè quốc tế hỏi về cuộc đời mình, Người nói: *“Tôi hiến đời tôi cho nhân dân tôi và cho cả nhân loại”*. Người cũng nhấn mạnh rằng, độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do và hạnh phúc cho dân tộc và đồng bào tôi, cho các dân tộc trên thế giới - đó là tất cả những gì tôi muốn, đó là tất cả những gì tôi hiểu. Vậy là, hệ giá trị *“Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”* đã sớm định hình thành tư tưởng, thành động lực thúc đẩy Người hành động, tranh đấu đến cùng, dâng hiến *trọn vẹn* và *toàn vẹn* đời mình cho những giá trị cao quý đó của con người và loài người.

Trên phương diện con người, Hồ Chí Minh là hiện thân điển hình của lòng nhân ái, đức hy sinh, kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với quốc tế, truyền thống với hiện đại, nhà tư tưởng mácxít hiện đại trong cốt cách hiền triết Á Đông và đậm bản sắc Việt Nam. Đó là giá trị và nhân cách văn hóa của Người, kết tinh và tỏa sáng văn hóa dân tộc Việt Nam, phản ánh và thể hiện tinh hoa văn hóa nhân loại.

Nếu *Lao động, Đấu tranh* và *Tình thương* làm nên bản chất con người thì bản chất thẩm thấu chất nhân văn ấy càng nổi bật ở Hồ Chí Minh, vì vậy có thể khẳng định rằng, *có một chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh như một sự thăng hoa của tư tưởng và văn hóa Việt Nam, kết nối liền mạch quá khứ với hiện tại và tương lai*.

Bởi thế, Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc và trong trái tim nhân loại, trong tâm trí, tình cảm, sự tôn vinh và ngưỡng mộ của muôn triệu người dành cho Người - con người Việt Nam đẹp nhất, hiện thân của những giá trị văn hóa Chân - Thiện - Mỹ.

*“Tháp Mười đẹp nhất bông Sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”*

Bác Hồ, đó không chỉ là tiếng gọi triu mến của mọi người Việt Nam mà còn là tiếng gọi của nhiều bạn bè quốc tế, đã rất đời tự nhiên trở thành biểu trưng cho những gì tốt đẹp nhất của con người và sự sống. Ở đó có cốt lõi đạo đức, có sức mạnh cảm hóa của tình thương yêu, có sự sáng suốt của trí tuệ mẫn tiệp từ một đầu óc uyên bác và thông thái với tư tưởng cách tân, đời mới đầy bản lĩnh sáng tạo của Người.

Khi còn sống, Người đã nói tự đáy lòng mình, tình thương yêu của tôi với nhân dân và nhân loại mãi mãi không bao giờ thay đổi. Với miền Nam, suốt những năm tháng của một thời chiến tranh gian khổ, dầu sóng ngọn gió, đi trước về sau, Người khắc khoải nỗi chờ mong, miền Nam luôn ở trong trái tim Người. Trong *Di chúc* mà Người khiêm nhường chỉ gọi là “mấy lời để lại”, Người nghĩ về tất cả, nói tới tất cả, không sót một ai, từ cụ già tới em nhỏ, từ thanh niên tới phụ nữ, công nhân, nông dân và trí thức, chiến sĩ bộ đội và công an, dân tộc và tôn giáo, đồng bào trong nước và bạn bè trên thế giới. Muôn vàn tình thương yêu Người để lại cho tất cả. Người cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế. Đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: trong trái tim Người, với tình thương bao la, có chỗ cho tất cả mọi người. Đó chính là chất nhân văn Hồ Chí Minh - một nhân cách lớn trong thời đại chúng ta. Hồ Chí Minh, một con người, một cuộc đời, một sự nghiệp, một dân tộc và một thời đại như Phạm Văn Đồng nhận xét, chung đúc tất cả trong sự giản dị mà vĩ đại, thanh tao và cao thượng, là hình ảnh của dân tộc, là tinh hoa khí phách của thời đại.

2. Hành trình tìm đường cứu nước của Bác Hồ - một quyết định lịch sử làm thay đổi số phận của dân tộc

Hồ Chí Minh đã *tìm đường, nhận đường, mở ra con đường phát triển* của Việt Nam trong thời đại mới.

Cách đây vừa đúng 100 năm, ngày 5 tháng 6 năm 1911, người thanh niên 21 tuổi Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Sài Gòn,

bước lên con tàu vận tải Amiral Latouche Tréville (Amiran Latuso Torêvin) bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước kéo dài 30 năm, đi qua rất nhiều nước khác nhau khắp các đại dương và châu lục, mang rất nhiều cái tên, bút danh, bí danh khác nhau, hoạt động giữa vòng vây của kẻ thù mà vẫn vượt qua mọi hiểm nguy, làm chủ mọi hoàn cảnh. Hiếm có lãnh tụ nào trong thế kỷ XX có một cuộc hành trình như vậy. Người đã làm đủ mọi nghề, lao động vất vả, nặng nhọc để sống, để đi và để *tất thành sự nghiệp mà mình theo đuổi. Đó không phải là sự nghiệp cho bản thân mình mà là sự nghiệp cứu nước cứu dân, tìm ra con đường giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ thống trị của thực dân, để dân tộc được độc lập, nhân dân có tự do và hạnh phúc.* Không phải ngay từ đầu, người thanh niên yêu nước ấy đã ý thức đầy đủ về lý luận và phương pháp đấu tranh, đã thấy rõ con đường cách mạng. Đó là kết quả *về sau này*, nhờ nghị lực phi thường và tấm lòng yêu nước thương dân mãnh liệt mà Người có được, thông qua lao động, học tập và tranh đấu lâu dài, bền bỉ, tích lũy tri thức, kinh nghiệm và vốn sống, trau dồi phương pháp và hình thành quan điểm, lập trường cách mạng cũng như bản lĩnh chính trị.

Hoàn cảnh mà Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước là một hoàn cảnh nặng nề, ảm đạm, đen tối khi đất nước mất chủ quyền độc lập, dân tộc ở trong vòng nô lệ, nhân dân rên xiết dưới ách thống trị của thực dân xâm lược. Nước mất, nhà tan, dân nô lệ là nỗi đau lớn nhất trong tâm hồn, ý thức của Nguyễn Tất Thành.

Triều đình phong kiến nhà Nguyễn lúc đó bất lực và bạc nhược, đã để mất chủ quyền độc lập của quốc gia dân tộc, làm cho nước ta trở thành một xứ thuộc địa của thực dân Pháp. Nhân dân sống trong kiếp ngựa trâu, bị bóc lột tàn bạo về kinh tế, bị áp bức về chính trị và nô dịch về tinh thần. Các phong trào yêu nước kháng chiến bị đàn áp. Dân tộc vong quốc nô, trong đêm dài đen tối tưởng như không có đường ra.

Ngay từ tuổi thiếu niên, Nguyễn Tất Thành đã cảm nhận sâu sắc nỗi đau đó, đồng thời truyền thống của gia đình, quê hương, xứ sở và dân tộc đã là hành trang để Nguyễn Tất Thành bắt đầu dẫn thân trong cuộc hành trình cứu nước.

Từ nửa sau thế kỷ XIX đến những thập kỷ đầu của thế kỷ XX, xã hội Việt Nam ở trong một cuộc khủng hoảng triền miên về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc.

Mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam hồi bấy giờ là mâu thuẫn giữa dân tộc trong vòng nô lệ với đế quốc thực dân xâm lược và phong kiến tay sai bán nước. Vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc trở thành vấn đề sống còn đối với vận mệnh của dân tộc và sự phát triển của đất nước.

Đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược để giành lại độc lập, khôi phục chủ quyền quốc gia - đó là điều nung nấu lớn nhất, là lý tưởng và đạo đức cao nhất của những nhà yêu nước đầy nhiệt huyết trong những tháng năm đó.

Song lựa chọn con đường nào và bằng cách nào để thực hiện lý tưởng và khát vọng đó, thì các nhà yêu nước hồi đó với những ý thức hệ và khuynh hướng khác nhau đều chưa tìm đúng lời giải đáp mà lịch sử cần đến. Nhiệt huyết và chí khí có thừa nhưng tất cả vẫn dường như bất lực.

Bao nhiêu cuộc khởi nghĩa và phong trào đấu tranh yêu nước đều thất bại và bị kẻ thù chìm trong máu lửa.

Thất bại của phong trào Cần Vương chứng tỏ ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, chế độ phong kiến suy tàn không còn đủ sức để tập hợp lực lượng dân tộc, ý thức hệ phong kiến đã hoàn toàn phá sản trước sức mạnh của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân. Đó chính là sự thất bại và phá sản của chủ nghĩa dân tộc phong kiến cô độc và quá thời trước thế lực thực dân tư sản. Đến đầu thế kỷ XX, phong trào dân chủ tư sản nổi lên ở châu Á, trước hết và nổi bật ở Trung Quốc, Nhật Bản với các cuộc vận động duy tân

theo lập trường dân tộc dân chủ tư sản. Khuynh hướng này đã gây được ảnh hưởng tới phong trào yêu nước Việt Nam với sự xuất hiện tư tưởng về chế độ quân chủ lập hiến trong Việt Nam quang phục hội của Phan Bội Châu. Trong ý tưởng về một mô hình thể chế “Cộng hòa dân quốc” mà nhà chí sĩ Phan Bội Châu đề xướng có hé lộ một đường hướng khắc phục chủ nghĩa dân tộc phong kiến cô độc và muốn tập hợp mọi lực lượng dân tộc, *đoàn kết và đồng tâm* để cứu nước “dân là dân nước, nước là nước dân”.

Nhưng đường lối của Phan Bội Châu lại là một đường lối cầu viện, chủ trương dựa vào Nhật để đánh Pháp với phong trào Đông Du. Thất bại của Phan Bội Châu là không tránh khỏi bởi đó là đường lối sai lầm và ảo tưởng, chẳng khác nào “đưa hùm cửa trước, rước beo cửa sau”.

Tư tưởng duy tân của Phan Châu Trinh là một bước tiến bộ trong giai đoạn lịch sử đó. Song Phan Châu Trinh với đường lối cải lương, chủ trương dựa vào Pháp, dùng kỹ thuật, công nghệ và thương mại tư bản Pháp để chấn hưng kinh tế, dùng tri thức và học vấn, văn minh Pháp để khai dân trí, chấn dân khí, để đi tới dân quyền tự do ở xứ thuộc địa, làm cho dân tộc phú cường, từ đó đi tới độc lập tự do cho dân tộc cũng dẫn tới kết cục thất bại.

Rõ ràng, ý thức hệ tư sản và tiểu tư sản đã không đóng được vai trò là cơ sở tư tưởng cho một đường lối chính trị đúng đắn mà dân tộc đòi hỏi.

Trong bối cảnh ấy, cuộc đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành thực sự là một quyết định lịch sử mà sau này, thực tiễn đã chứng thực là có một tầm ảnh hưởng quyết định đến chiều hướng phát triển của lịch sử, làm thay đổi số phận của cả dân tộc.

Hành trình cứu nước đã giúp Nguyễn Tất Thành tìm ra một đường lối, một quan điểm mới, khác căn bản với quan điểm, đường lối của các bậc tiền bối, dù giữa họ vẫn có một điểm chung, tương đồng về *động cơ và mục đích*. Đó là lòng yêu nước, thương dân, là *ý thức và tinh thần dân tộc*.

Nguyễn Tất Thành khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu nhưng không tán thành cách làm của họ.

Vượt qua tầm nhìn hạn chế của các nhà yêu nước cùng thời, Nguyễn Tất Thành đã lựa chọn *một hướng đi khác*, đi về phía trời Tây, trong đó có nước Pháp. Có thể nói đây là một quyết định *cách mạng* và *táo bạo*, thể hiện tư tưởng *đổi mới*, cả tầm nhìn và hành động, báo hiệu sự xuất hiện thiên tài ở bậc vĩ nhân, ở Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sau này. *Cách mạng* vì hướng đi này khác hẳn với hướng đi truyền thống trước đó sang hướng Đông mà Nguyễn Thiện Thuật, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu nối tiếp nhau đã đi qua nhưng đều thất bại. *Táo bạo* vì quyết định của Nguyễn Tất Thành 21 tuổi lúc đó, một thân một mình với hai bàn tay trắng bước chân xuống tàu vượt qua các hải cảng, đại dương, chấp nhận mọi thử thách gian lao với một đức tin và một nghị lực phi thường.

Ai nấy đều biết, vào giờ phút chót, chỉ có một mình Nguyễn Tất Thành bước xuống tàu Amiran Latusơ Torêvin, còn những người khác đã vì ngợp trước khó khăn mà dừng lại. Dựa vào đâu mà đi, lấy gì mà sống? Câu hỏi ấy cũng là lẽ thường tình trong cuộc đời trần thế. Và Nguyễn chìa hai bàn tay ra rồi nói: tất cả là ở đây, vậy thôi, nhưng cử chỉ ấy, thái độ ấy không chỉ là tự tin mà còn là dũng cảm phi thường, bởi cuộc đi này là một sự dấn thân. Giáo sư Sử học Đinh Xuân Lâm nhận xét rất đúng rằng, đây là một sự dấn thân vào một thế giới còn rất xa lạ với nhân dân ta, một thế giới mà văn hóa, học thuật hoàn toàn khác với văn hóa, học thuật của Việt Nam. Cuộc hành trình dài ngày của Nguyễn Tất Thành qua các đại dương và đại lục là một cuộc khảo sát phong phú. Thu nhận đầu tiên từ cuộc khảo sát thực tế đó của người thanh niên yêu nước xứ thuộc địa tại chính xứ sở của chủ nghĩa tư bản thực dân là ở chỗ, Anh nhận ra những người lao động nghèo khổ, da trắng cũng như da màu, ở khắp mọi nơi đều cùng chung

một cảnh ngộ, cùng chịu chung một sự bóc lột. Cảnh ngộ chung ấy đã cho thấy họ có chung một kẻ thù, có chung một khát vọng giải phóng. Dần từng bước trong thực tiễn đấu tranh chính trị, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc đã hình thành quan điểm chính trị của người cách mạng: những người lao động bị áp bức bóc lột ở khắp mọi nơi, họ đều là anh em, bè bạn, đồng chí của nhau, phải đoàn kết lại, chống kẻ thù chung, *đem sức ta mà giải phóng cho ta*. Và ở đâu, bọn tư bản đế quốc thực dân cũng tàn bạo và độc ác, là một lũ ác quỷ phải đánh đổ nó đi. Chung quy lại, thế giới này cũng chỉ có hai giống người mà thôi, nhân dân mang khát vọng giải phóng khỏi cường quyền áp bức là giống người Thiện, còn bè lũ tư bản, đế quốc thực dân bóc lột, xâm lược dã man, tàn bạo là giống người Ác. Cũng như trong các tác phẩm của mình, Người nói rõ, con dia thực dân hút máu bằng cả hai vòi, ở chính quốc và ở thuộc địa, muốn giải phóng cho đồng bào mình và cho các dân tộc thuộc địa thì phải đồng thời cắt bỏ cả hai cái vòi ấy. Cũng như vậy, cách mạng ở thuộc địa cũng như ở chính quốc phải cùng phối hợp hành động như một con chim hai cánh mới có thể thắng lợi.

Với một sự mẫn cảm đặc biệt, Người đã nhận thấy, cách mạng ở thuộc địa cần phải chủ động, không thụ động chờ đợi cách mạng ở chính quốc. Nó có thể nổ ra và thắng lợi trước và điều đó sẽ hỗ trợ, thúc đẩy cho thợ thuyền vô sản ở chính quốc thực hiện công cuộc giải phóng bằng cách mạng.

Những nhận thức như thế được Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc từ quan sát và khảo nghiệm thực tiễn mà đúc rút thành kết luận, thành chân lý. Phải trải qua một thập kỷ đầu (1911 - 1920) để thực hiện ở Người một bước chuyển quan trọng, từ một người yêu nước và tinh thần dân tộc để trở thành một người cách mạng, thành người chiến sĩ quốc tế, gắn liền chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc với chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân, trên lập trường chủ nghĩa cộng sản khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, từ một người yêu nước trở thành người chiến

sĩ cộng sản, người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam với việc phát hiện ra quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Quy luật ấy cũng chính là con đường cách mạng phải đi qua để *giải phóng dân tộc và phát triển dân tộc Việt Nam* tới chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay. Bước chuyển tiếp nêu trên có vai trò và ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hành trình cứu nước của Người. Đó cũng là hành trình nhận thức khoa học của Nguyễn Ái Quốc với tư cách nhà cách mạng kiểu mới và tầm vóc của nhà tư tưởng mácxít sáng tạo lỗi lạc của cách mạng Việt Nam.

Hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, mà Paris là trung tâm của nền văn hóa và văn minh châu Âu, cũng như trong cuộc hành trình 3 thập kỷ ở nước ngoài, trước khi về nước (1911 - 1941), Người đã từng sống và hoạt động ở Anh, ở Mỹ đến nước Nga Xô viết - Tổ quốc của Lênin vĩ đại. Người đã từng học tập, nghiên cứu và tham gia các Đại hội của Quốc tế Cộng sản tại đây. Năm 1925, Người viết tác phẩm chính luận xuất sắc *Bản án chế độ thực dân Pháp* và tiếp xúc với Luận cương của Lênin về Dân tộc và quyền tự quyết dân tộc. Đây là thời kỳ định hình và phát triển rất quan trọng những tư tưởng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, của Cách mạng tháng Mười Nga và của Thời đại mới. Cái làm nên tư tưởng đổi mới, đường lối đổi mới của Nguyễn Ái Quốc, như đã nói, bắt đầu từ điểm xuất phát của cuộc tìm đường, với việc *chọn hướng đi, nơi đến, cách đi* để từng bước qua khảo sát thực tiễn, qua nghiên cứu mọi lý thuyết, chủ nghĩa, cuối cùng, Người quyết định lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, *lựa chọn con đường cách mạng vô sản* theo gương Cách mạng tháng Mười Nga - một hình mẫu của cuộc cách mạng *đến nơi*, tức là triệt để; đặt cách mạng Việt Nam là một bộ phận không tách rời của phong trào cách mạng thế giới, đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng vô sản, giải phóng

dân tộc rồi đưa dân tộc từng bước quá độ tới chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đến đây, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã định hình lý luận và phương pháp cách mạng, đã thấy sáng tỏ con đường đi, đã tìm đúng câu trả lời về chiều hướng và triển vọng phát triển của Việt Nam trong thời đại mới. Nói như nhà thơ nổi tiếng Chế Lan Viên vào những năm 70, Người đi tìm đường cứu nước cũng như *Người đi tìm hình của nước*. Từ thực tiễn, Người kiểm chứng mọi lý thuyết, tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin với xác tín rằng, đó là chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất, mau mắn thắng lợi nhất để rồi vận dụng và phát triển sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam, xác lập con đường giải phóng và phát triển của Việt Nam. Bằng cách đó, từ một Việt Nam chìm đắm trong cảnh lầm than nô lệ, không có tên trên bản đồ thế giới thành ra một Việt Nam độc lập, tự do, trở thành một dân tộc đứng trong hàng ngũ các dân tộc tiên phong trên thế giới, đánh bại cả chủ nghĩa thực dân cũ lẫn thực dân mới trong thế kỷ XX, lập nên chế độ dân chủ cộng hòa đầu tiên ở Đông Nam châu Á, đặt nền móng vững chắc cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay đang đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế để hiện đại hóa. Cống hiến lịch sử vô giá đó thuộc về thiên tài trí tuệ Hồ Chí Minh và Đảng chân chính cách mạng do chính Người sáng lập và rèn luyện. Người khẳng định rằng, cách mạng trước hết phải có Đảng và Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, giống như con tàu đi biển, phải có bàn chỉ nam, trong Đảng ai ai cũng phải hiểu, phải tin và hành động theo chủ nghĩa ấy. Đó là chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin. Phải giữ chủ nghĩa cho vững và phải ít lòng ham muốn về vật chất thì mới có sức mạnh và bản lĩnh đi đến cùng con đường cách mạng và đưa sự nghiệp tới thành công. Người cũng nhấn mạnh rằng, công nông là gốc của cách mạng, đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh làm nên chiến thắng. Với Đảng cách mạng và người cách mạng, học thuyết - chủ nghĩa phải trung thành một cách sáng tạo bằng cách nắm lấy *tinh thần* khoa học và *phương pháp* cách mạng của nó để hành động, sao cho đúng quy luật, thuận lòng dân, hợp thời

đại. Lại phải có đủ dũng khí đánh bại chủ nghĩa cá nhân, một thứ giặc nội xâm trong lòng mình. Có chính trị mưu lược lại phải có đạo đức trong sáng đảm bảo cho cách mạng *đến nơi*, tránh được những thoái hóa, hư hỏng. Cách mạng *vì dân* nên sự nghiệp và phong trào phải là *của dân, do dân*. Không có dân thì cách mạng không có lực lượng, không có Đảng thì phong trào cách mạng của dân không có người dẫn dắt. Người nhấn mạnh rằng, Cách mạng là phá cái cũ lạc hậu, lỗi thời, xấu xa, hư hỏng, đổi ra cái mới tiến bộ, tốt tươi, phát triển. Cách mạng thắng lợi, quyền phải trao vào tay dân chúng số nhiều. Đảng do dân xây dựng, Nhà nước do dân ủy quyền, trao quyền, không được làm trái ý dân, chỉ làm điều lợi cho dân, tránh điều hại tới dân. Muốn vậy, cán bộ đảng viên phải suốt đời trau dồi đạo đức cách mạng và nhân dân phải tham gia giám sát, kiểm tra mọi hoạt động của tổ chức, mọi việc làm và hành vi của cán bộ, công chức. Cách mạng là đổi mới và phát triển thường xuyên nên người cách mạng, Đảng cách mạng phải trước hết *tự đổi mới chính mình*, đi tiên phong và làm gương mẫu cho dân noi theo.

Đó là *một tóm tắt* những điều cốt yếu về tư tưởng và đạo đức trong di sản của Người mà ngày nay, chúng ta cần vận dụng, học tập và làm theo những chỉ dẫn quý báu của Người.

Vậy là, tìm ra con đường cách mạng, đem lại những kiến giải sâu sắc mà vô cùng giản dị về những điều hệ trọng cho sự phát triển của dân tộc, sáng lập ra Đảng, Nhà nước, Quân đội, Mặt trận, vạch ra chiến lược đại đoàn kết, suốt đời làm gương mẫu thực hành đạo đức và lối sống, cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc đã tạo nên những bước ngoặt lớn của cách mạng Việt Nam, đã làm thay đổi chiều hướng phát triển của lịch sử, đã thay đổi số phận của cả dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, đồng thời in dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử thế giới hiện đại. Con người, cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí

Minh trong sự gắn bó máu thịt với Đảng, với dân tộc và nhân dân ta, đã làm nên kỳ tích đó.

Đại văn hào Trung Quốc Lỗ Tấn có một câu nói bất hủ, thế gian làm gì có đường, chỉ có người ta đi mãi mới thành đường mà thôi. Đó là con đường trong không gian và thời gian lịch sử. Con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh vạch ra, đó là sự khai phá, tìm tòi đầy sáng tạo, *không đi theo đường mòn lối cũ, không sao chép máy móc giáo điều, không chủ quan tư biện sách vở mà độc lập sáng tạo, thấu thái và tích hợp mọi lý thuyết theo quy luật tiếp biến văn hóa để phát triển, tiếp thu và kế thừa tinh hoa của dân tộc và thế giới để sáng tạo ra con đường phát triển của Việt Nam.* Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh đã giải quyết thành công các mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, giữa giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp *trên lập trường giai cấp công nhân, vạch ra con đường của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành một xã hội văn hóa cao như Người hằng khát vọng.*

Cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Bác Hồ 100 năm trước đây đã chấm dứt cuộc khủng hoảng triền miên về đường lối cứu nước, mở ra tương lai rực rỡ cho dân tộc ta, cho mọi thế hệ người Việt Nam. Đúng như nhận định của Đảng trong giờ phút thiêng liêng vĩnh biệt Người, 42 năm về trước.

... *“Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”...*

... *“Người để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỷ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta...”*. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức sáng ngời của Người để đẩy mạnh toàn diện công

cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh mà lúc sinh thời Người hằng mong ước. Đó là tâm nguyện thiêng liêng của Người trong *Di chúc* và mỗi chúng ta đang ra sức thực hiện để xứng đáng là những người kế tục sự nghiệp mà Người để lại.

3. Học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Bác Hồ

Kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước và kỷ niệm 121 năm Ngày sinh của Người đúng vào thời điểm chúng ta đang khẩn trương học tập, nghiên cứu Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, xây dựng chương trình hành động đưa Nghị quyết Đại hội nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Một cách thiết thực và có ý nghĩa nhất đối với chúng ta lúc này là noi gương thực hành của Bác, lời nói đi đôi với việc làm, nói ít làm nhiều, làm tất cả những gì có thể làm được và làm tốt nhất để chăm lo cuộc sống cho dân, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của dân một cách thực chất.

Cương lĩnh, Chiến lược và các Văn kiện Đại hội XI của Đảng thấm nhuần quan điểm đổi mới và phát triển theo tư tưởng Hồ Chí Minh, hướng tới phát triển bền vững và hiện đại hóa, tạo nền tảng xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh là then chốt, xây dựng văn hóa thành nền tảng tinh thần của xã hội - đó là những định hướng quan trọng đang chỉ dẫn hành động của mỗi chúng ta. Học tập và làm theo những thực hành lớn trong cuộc đời của Bác, vào lúc này, cần phải ra sức phát huy dân chủ, nhất là dân chủ trong Đảng, đẩy mạnh công tác dân vận, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc vào công cuộc đổi mới toàn diện đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chúng ta cần tiếp tục đẩy mạnh *thực*

hành đạo đức cách mạng trong Đảng, trong Nhà nước, trong toàn xã hội và trong mỗi con người Việt Nam. Đó là những đảm bảo chắc chắn nhất để sự nghiệp cách mạng của chúng ta phát triển bền vững và thắng lợi, để giá trị, sức sống của tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh mãi mãi tỏa sáng trong cuộc sống, trong sự vững mạnh và trường tồn của dân tộc Việt Nam, một dân tộc có lịch sử hàng ngàn năm văn hiến và anh hùng.

**VỮNG BƯỚC TRÊN CON ĐƯỜNG NGƯỜI
ĐÃ CHỌN, XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH**

LÊ THANH HẢI*

**1. Chủ tịch Hồ Chí Minh xem việc xây dựng Đảng là điều kiện
tiên quyết của cách mạng Việt Nam**

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến cảng Sài Gòn, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành quyết chí đi ra nước ngoài xem xét họ làm như thế nào để trở về giúp đồng bào mình. Khát vọng cháy bỏng, nghị lực phi thường và đặc biệt là phương pháp tư duy hơn người đã đưa Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin – học thuyết của giai cấp công nhân, chân lý của thời đại.

Nguyễn Ái Quốc - người con ưu tú của dân tộc Việt Nam, từ yêu nước chân chính trở thành người cộng sản, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, đó là: *“Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”*.

Để thực hiện công cuộc cách mạng, việc đầu tiên là thành lập Đảng. Theo Người: *“Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức*

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”¹.

Người đã trực tiếp giáo dục, huấn luyện cán bộ nông cốt để trở thành người cách mạng với tư cách đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo, nhất là được rèn luyện trong thực tiễn qua phong trào “vô sản hóa”; đồng thời xây dựng Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - tổ chức tiền thân của Đảng. Quá trình dày công chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Người đã làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin thâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, tạo cơ sở thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3 tháng 2 năm 1930, mở ra bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời chăm lo xây dựng Đảng

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp soạn thảo đã giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong tất cả các văn kiện (Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt), Người đều đề cập đến Đảng, xác lập một Đảng cách mạng chân chính với tôn chỉ là: “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”; quy định hệ thống tổ chức từ Chi bộ đến Trung ương, hoạt động của đảng viên và cán bộ phải tuân thủ kỷ luật nghiêm minh của Đảng.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 220.

Quá trình trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Người luôn hằng tâm rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên làm nền tảng; đồng thời, xây dựng Đảng không ngừng đổi mới, nâng tầm trí tuệ để thực hiện vai trò tiên phong. Vấn đề hàng đầu nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng đã được Người chỉ ra là phải giáo dục toàn Đảng vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội với tinh thần chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo.

Nhờ vậy, thực hiện theo tư tưởng của Người, trong suốt quá trình hoạt động của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đứng vững trước mọi thử thách, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện nhất quán, sinh động và mẫu mực vấn đề này, tạo nên những bước ngoặt lịch sử của cách mạng nước ta như việc ngay sau khi về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương VIII vào tháng 5 năm 1941, thực hiện chỉ đạo chuyển hướng chiến lược cách mạng; nêu cao tinh thần “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, thực hiện sách lược mácxít - leninít tuyệt vời trong lịch sử, đưa nước ta thoát khỏi tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” sau Cách mạng tháng Tám năm 1945; xây dựng đường lối kháng chiến, kiến quốc nhằm phù hợp với tình hình, tập trung lực lượng và sức mạnh tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; xác định tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng - xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc và giải phóng dân tộc ở miền Nam nhằm mục tiêu thống nhất đất nước tại Đại hội III của Đảng vào tháng 12 năm 1960.

Trong *Di chúc* thiêng liêng, điều đầu tiên Người căn dặn là về Đảng, phải phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất để kiên định lý tưởng của Đảng làm mục đích phấn đấu; thực hiện tốt nguyên tắc tổ chức kỷ luật làm cho Đảng mạnh; đặc biệt phải rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng hầu giữ vững vai trò lãnh đạo

của Đảng: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹.

Tìm ra con đường cách mạng đúng đắn và lãnh đạo, tổ chức toàn dân thực hiện bằng việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo nên kỷ tích đối với dân tộc, đất nước và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Người trở nên là lãnh tụ vĩ đại của Đảng và nhân dân ta, là chiến sĩ cộng sản quốc tế lỗi lạc, người bạn thân thiết của các dân tộc thuộc địa, dân tộc bị áp bức trên thế giới.

3. Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Trong kháng chiến gian lao vẫn một lòng theo Đảng và Bác Hồ

Lịch sử của Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh như luôn có Bác cận kề dẫn dắt, soi đường chỉ lối. Những thắng lợi giành được trong 45 năm đấu tranh cách mạng kiên cường giữa hang ổ sào huyệt đầu não của quân thù, trước hết là do có sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng bộ Thành phố luôn tuân thủ đường lối của Đảng bằng quá trình tổ chức thực hiện đã cụ thể hóa, phù hợp với tình hình địa bàn, xuất phát và luôn bám sát thực tiễn để đề ra chủ trương, chỉ đạo sát thực, tạo nên sự năng động, sáng tạo, kiên cường bám trụ chiến đấu và chiến thắng. Nhờ vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ luôn được giữ vững trong mọi tình huống, trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt; giữa vòng vây của các thế lực xâm lược, kẻ địch, quân thù tàn bạo. Nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu là do Đảng

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 510.

lãnh đạo đã luôn gắn bó mật thiết, máu thịt với nhân dân, phát huy được sức mạnh vĩ đại của nhân dân, mở rộng và nâng cao thể trận lòng dân.

Đảng bộ Thành phố đã luôn chú trọng làm cho Đảng gắn chặt với giai cấp công nhân, thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên kiên định lập trường giai cấp, thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của con người, luôn giữ mối liên hệ máu thịt với nhân dân, coi cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, gắn lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc, đặt lợi ích giải phóng dân tộc, thống nhất non sông làm mục tiêu tối thượng.

Đảng bộ đã thường xuyên giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, chú trọng xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; không ngừng nâng cao chất lượng đảng viên và chất lượng sinh hoạt chi bộ, tự giác chấp hành nghiêm tổ chức kỷ luật của Đảng, thực hiện lãnh đạo theo đường lối quần chúng. Đảng viên bám trụ trong dân, công nhân, ngay tại nội thành, trong các xưởng thợ, bến cảng, chợ, trường học, xóm lao động nghèo; ở vùng ven đô thị sống chan hòa với dân, bám sát cuộc sống, lắng nghe ý kiến, học tập kinh nghiệm của đảng viên và nhân dân ở cơ sở, dựa vào nhân dân để chiến đấu và tập hợp, xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng ngay trong lòng địch, tổ chức nhân dân đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận với hình thức rất phong phú, cả bí mật, nửa công khai, công khai; tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp Đảng bộ vượt qua muôn trùng gian nguy, thử thách, vững vàng trên địa bàn chiến lược trọng điểm.

Sài Gòn - Gia Định, nơi sớm có các phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, trí thức luôn sôi động, quyết liệt và hình thành tổ chức - "Công hội Đỏ", rồi An Nam Cộng sản Đảng và chỉ sau một tháng khi Đảng ta ra đời, Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định được thành lập, sau đó dù có nhiều thay đổi về hệ thống tổ chức đảng, song vẫn liên tục hoạt động không ngừng; là địa bàn mà có nhiều đồng chí Tổng Bí thư của

Đảng cùng nhiều cán bộ lãnh đạo sống, hoạt động qua các thời kỳ, có điều kiện tiếp cận thực tiễn sinh động của phong trào để đề ra đường lối, chủ trương. Sài Gòn - Gia Định có “Vành đai Đỏ” thời kỳ chống Pháp, có địa đạo Củ Chi “Đất thép thành đồng”, căn cứ Rừng Sác thời chống Mỹ; là nơi nổ phát súng đầu tiên chống thực dân Pháp tái xâm lược, là nơi bùng lên trước tiên phong trào chống Mỹ can thiệp; là điểm quyết chiến chiến lược, nơi kết thúc thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc như mong đợi của Bác Hồ kính yêu: “*Đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào. Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn*”.

Tất cả những điều đó nói lên rằng, đầu đứng nơi đầu sóng ngọn gió, đi trước về sau, Đảng bộ và nhân dân Thành phố vẫn luôn gan vàng, dạ sắt, một lòng theo Đảng và Bác Hồ đến cùng, trải qua thực tiễn đấu tranh đã trui rèn bản lĩnh, lập nên truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết, năng động, sáng tạo, anh hùng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, đóng góp với Đảng một số kinh nghiệm lãnh đạo cuộc đấu tranh trong lòng địch, trên địa bàn đô thị, cùng miền Nam xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”.

Tiếp tục vững bước trên con đường Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã chọn - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Từ thành quả giành được trong cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh luôn ra sức củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Tiếp tục gắn bó, đồng cam cộng khổ với nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, chú trọng xây dựng bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; đặc biệt xuất phát từ thực tiễn, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân Thành phố nêu cao ý chí cách mạng, tinh thần năng động, sáng tạo, mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, đã có những bước đột phá tháo gỡ vướng mắc, cản ngại do cơ chế quản lý cũ không còn phù hợp, từng bước vượt qua

khó khăn chồng chất, ổn định tình hình, phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Thực tiễn đó được Đảng bộ quan tâm tổng kết và đã góp phần quan trọng vào việc hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta.

Đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng hợp với lòng dân nên sớm đi vào cuộc sống, Đảng bộ Thành phố đã nhanh chóng tiếp thu và triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả, qua 25 năm thực hiện đường lối đổi mới đã đạt thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đảng bộ luôn nhận thức, thành quả đó, trước tiên là của nhân dân, thuộc về nhân dân, phải được thể hiện trong thực tiễn bằng chất lượng cuộc sống của người dân Thành phố ngày càng nâng lên tốt đẹp hơn, đi đôi với sự chia sẻ cùng đồng bào trên cả nước. Cùng với phát triển kinh tế, Đảng bộ, chính quyền ngày đêm gắng sức, phát huy bản chất cách mạng và lòng nhân ái, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân và dựa vào đó để chăm lo cải thiện đời sống người dân, bảo đảm an sinh xã hội - Thành phố trở thành nơi khởi xướng, thực hiện tốt các phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, bảo trợ bệnh nhân nghèo, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, đem lại nụ cười cho trẻ thơ, ánh sáng cho người già...; gần đây, trước tác động bất lợi gây khó khăn lớn đến đời sống của một bộ phận công nhân, người lao động, dân nghèo, Đảng bộ, chính quyền đã đề cao trách nhiệm lãnh đạo, huy động xã hội chung tay góp sức giúp đồng bào vượt qua khốn khó bằng những việc làm cụ thể như thực hiện chương trình bình ổn giá, vận động tiết kiệm điện trong sinh hoạt để tập trung nguồn điện cho sản xuất, vận động chủ nhà trọ không tăng giá cho thuê đối với công nhân, sinh viên, học sinh đã tạo nên hiệu quả khá toàn diện, cả kinh tế, chính trị, xã hội. Bấy nhiêu đó chưa đủ, kết quả có được mang ý nghĩa thiết thực về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội rộng lớn và có sức lan tỏa, thể hiện sinh động bản chất tốt đẹp của chế độ ta, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đi lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu nhưng đòi hỏi yếu tố chủ quan về vai trò lãnh đạo của Đảng có ý nghĩa quyết định, vì đó là một cuộc cách mạng tự giác và thậm chí cũng có thể nói rằng chưa có tiền lệ đầy đủ, hơn thế nữa đang tiến hành trong bối cảnh có nhiều thách thức, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định về công cuộc xây dựng đất nước đang hoang hơn là công việc “*rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân*”¹.

Để góp phần thực hiện thắng lợi và về đích trước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ngày càng xứng đáng là Thành phố: cùng cả nước, vì cả nước, xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại, Đảng bộ Thành phố xác định rõ yêu cầu nhiệm vụ hàng đầu hiện nay là phải nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu toàn Đảng bộ. Đó là thể hiện tiếp tục quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt kiên định những vấn đề cơ bản của Đảng đã tổng kết tại Đại hội XI là: Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau; sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Đặc biệt, bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam; quán triệt sâu

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 505.

sắc rằng Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đây là những vấn đề cốt lõi và hệ trọng, thể hiện bản chất của Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Đảng bộ phải tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng niềm tin vững chắc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về vai trò lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước, tạo ra sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong Đảng bộ và sự đồng thuận trong nhân dân. Đồng thời, phải đẩy mạnh việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tiếp tục làm cho toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân Thành phố nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực. Phải coi đây là công việc thường xuyên hằng ngày, là trách nhiệm cụ thể, thiết thân của cán bộ, đảng viên và nhân dân; phải thực hiện trở thành nền nếp, đi vào chiều sâu, căn bản, toàn diện trong Đảng bộ và nhân dân theo phương châm “tích cực học tập, nỗ lực làm theo”; phần đầu ngày càng thêm có nhiều điển hình noi gương và nêu gương, nhất là trong cán bộ chủ chốt, người đứng đầu đơn vị, địa phương; góp phần xây dựng nền tảng văn hóa, đời sống tinh thần xã hội lành mạnh.

Đảng bộ hết sức chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; nhất là phát huy dân chủ, thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình thường xuyên, nền nếp và xem đây là việc làm thiết

thực của mỗi cán bộ, đảng viên, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết, thống nhất; thực hiện nghiêm kiểm tra, giám sát việc chấp hành điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Để xây dựng Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh thật sự trong sạch, vững mạnh thì phải dựa vào nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, vận động, tổ chức phong trào hành động cách mạng của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, Đảng bộ ra sức đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, bảo đảm ngày càng nâng lên mối liên hệ mật thiết với nhân dân với tâm niệm bao nhiêu quyền lợi cũng thuộc về nhân dân mà hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân hầu làm tròn trách nhiệm của Đảng, để Đảng được dân tin yêu mà giữ vững vai trò lãnh đạo, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội vì hạnh phúc của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - cả cuộc đời của Người hiến dâng trọn vẹn cho Tổ quốc, cho nhân dân. Lúc ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng, lúc trở về gây dựng cả một giang sơn gấm vóc, nhưng là để cho muôn đời con cháu mai sau, còn đối với Người thì: *"Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân"*.

Nguyễn Tấn Thành - Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người vô cùng bình dị mà thật là vĩ đại. Đảng bộ và nhân dân Thành phố nguyện xây dựng Đảng bộ thật sự trong sạch, vững mạnh để vững bước trên con đường Người đã chọn, để xứng đáng được mãi mãi là Thành phố mang tên Hồ Chí Minh.

Phần 2

**ĐẦU THẾ KỶ XX
TỪ SÀI GÒN NGƯỜI RA ĐI
TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC**

TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG XỨ NGHỆ - CỘI NGUỒN THỨC ĐẨY HỒ CHÍ MINH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

PHAN ĐÌNH TRẠC*

Tôi rất vui mừng và thực sự xúc động được thay mặt Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Nghệ An - quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, tham dự Hội thảo Khoa học: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước*”, tổ chức trên chính nơi Người đã ra đi tìm đường cứu dân, cứu nước cách hôm nay tròn một thế kỷ. Tôi hy vọng và tin tưởng rằng, Hội thảo khoa học của chúng ta sẽ tập trung làm sáng rõ hơn nội dung và tầm vóc của sự kiện hết sức có ý nghĩa đối với lịch sử dân tộc về ngày 5-6-1911 – Người ra đi tìm đường cứu nước. Theo đó, bài tham luận của chúng tôi sẽ trình bày những truyền thống quê hương - nguồn cội thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước - xét từ chính quê hương của Người, trên một số điểm đáng chú ý sau đây:

1. Truyền thống yêu nước của quê hương xứ Nghệ đã góp phần hình thành nên hoài bão cứu nước của Hồ Chí Minh

Nghệ An, và rộng hơn là xứ Nghệ (bao gồm cả Nghệ An và Hà Tĩnh) là vùng đất lâu đời và có bề dày truyền thống yêu nước rất đáng tự hào trong dòng chảy của lịch sử dân tộc.

* Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An.

Lần giở trang sử chống ngoại xâm - tạo nên dòng lịch sử anh hùng của dân tộc, chúng ta đều thấy in đậm dấu tích của vùng đất Hồng Lam. Trong thời kỳ chống ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, Nghệ An không chỉ nhiệt thành hưởng ứng khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Bà Triệu, khởi nghĩa Lý Bí, cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ, mà còn tự mình đứng ra giương cao ngọn cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân thù, xây dựng đất nước, đó chính là cuộc khởi nghĩa to lớn do Mai Thúc Loan lãnh đạo (713 - 722). Bước sang thời kỳ độc lập tự chủ, núi rừng, sông biển và con người nơi đây đã cùng hợp lực với nhau tạo nên vị thế chiến lược của quốc gia: đất “phên dậu” thời Đinh - Tiền Lê - Lý; đất “cối kê” thời Trần; đất “đứng chân” và “thang mộc” thời Hậu Lê; đất “Phượng Hoàng Trung Đô” thời Tây Sơn, là “thành đồng ao nóng” và giữ vị trí “then khóa” của biết bao triều đại. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhân dân Nghệ An cùng các nhà văn thân đã sớm tỏ rõ quyết tâm đánh “cả Triều lẫn Tây”, mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa do Trần Tấn và Đặng Như Mai lãnh đạo. Đến khi phong trào Cần Vương dấy lên, Nghệ An không chỉ nổi lên cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng lãnh đạo từ Hương Khê (Hà Tĩnh) phát triển ra. Bước sang đầu thế kỷ XX, cuộc vận động giải phóng dân tộc bùng lên với phong trào Đông Du và cuộc vận động Duy Tân theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản. Không ai khác, chính Phan Bội Châu - người con ưu tú của quê hương Nam Đàn, Nghệ An là linh hồn của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam trước khi Hồ Chí Minh xuất hiện.

Sinh ra trong một gia đình yêu nước, chứng kiến sự thất bại của các phong trào yêu nước, các cuộc khởi nghĩa diễn ra trên chính quê hương mình và sự “bất lực” của các bậc tiền nhân... tất cả đã nung nấu, thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi và tìm kiếm một con đường cứu nước mới.

Và như thế, chính mạch nguồn truyền thống yêu nước của vùng đất “địa linh nhân kiệt” này như một lẽ tự nhiên không chỉ

đã sản sinh ra Hồ Chí Minh mà còn góp phần tạo nên nền móng để hình thành hoài bão ra đi tìm đường cứu nước của Người.

2. Truyền thống văn hóa của quê hương xứ Nghệ đã góp phần trang bị cho Hồ Chí Minh một vốn kiến thức uyên thâm làm hành trang cần thiết để ra đi tìm đường cứu nước

Ngệ An là một trong số ít vùng đất tạo nên được dấu ấn sâu đậm trong bản sắc văn hóa của dân tộc. Đó chính là vùng văn hóa xứ Nghệ. Dấu tích văn hóa xưa như: Thầm Ồm, Làng Vạc, Rú Trăn, Vạn An, Nhạn Tháp, Rú Thành, Phượng Hoàng - Trung Đô trải qua bao lớp bụi thời gian nhưng vẫn được lưu giữ hiện hữu và trường tồn. Trong quá trình chinh phục và cải tạo tự nhiên, cộng đồng cư dân nơi đây đã tạo nên một nền văn nghệ dân gian phong phú. Đó là những làn điệu dân ca hát ví, hát dặm, hát hò đưa, hát phường vải trữ tình. Xứ Nghệ nổi tiếng là vùng đất hiếu học. Hình ảnh “thầy đồ Nghệ” đã trở thành biểu tượng khắc họa của nền giáo dục Nho học. Từ thời Trần, đã có trạng nguyên và từ đó về sau số người học hành khoa cử đỗ đạt của vùng đất Hồng Lam thuộc vào loại cao nhất của đất nước. Cùng với nét đặc sắc của nền văn nghệ dân gian, nền văn học ở đây tuy ra đời muộn nhưng đã phát triển nhanh chóng với văn phái Hồng Lam nổi tiếng. Vùng đất này cũng đã sản sinh ra bao bậc danh hiền cho quê hương đất nước như: Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Hồ Xuân Hương, Phan Bội Châu...

Tuổi thơ Hồ Chí Minh được tắm mình trong mạch nguồn văn hóa của quê hương. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình văn hóa yêu nước, lại là người có tâm hồn nhạy bén, chất văn hóa “xứ Nghệ” đã sớm kết tinh đậm nét ở Người. Thừa hưởng truyền thống văn hóa tốt đẹp của gia đình và quê hương là cơ sở để Hồ Chí Minh lĩnh hội văn hóa dân tộc, tiếp cận với tinh hoa văn minh nhân loại và vươn tới chân lý cứu nước mới.

3. Truyền thống lao động cần cù, dùm bọc thương yêu nhau của cộng đồng cư dân xứ Nghệ đã thúc đẩy Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước trong tư thế của một người lao động, thấu hiểu được cuộc sống của giai cấp cần lao, đem lại hạnh phúc cho nhân dân lao động

Xứ Nghệ - đất hẹp, người đông, khí hậu khắc nghiệt. Từ xa xưa, người dân nơi đây đã phải vật lộn với thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Cộng đồng dân cư Nghệ An đã phải cần cù lao động, chắt chiu tiết kiệm đến mức chịu thiếu, chịu khổ mà cuộc sống vẫn khốn khó. Đã thế, thiên tai và dịch họa lại rình rập, uy hiếp thường xuyên. Trong hoàn cảnh đó, nhân dân lao động Nghệ An đã sớm biết dùm bọc thương yêu, hợp quần cố kết với nhau. Tình thương yêu mà họ dành cho nhau là tình cảm chân thành của những người lao động bình dị, chân quê, giàu lòng vị tha: “trọng tình làng nghĩa xóm”, “tắt lửa tối đèn có nhau”.

Mặc dù có truyền thống Nho học nhưng gia đình Hồ Chí Minh có cuộc sống giản dị, thanh bạch, giàu lòng thương người, hòa mình với người dân lao động. Nhờ sớm được bồi đắp truyền thống lao động từ quê nhà, Người đã ra đi tìm đường cứu nước trong tư thế của một người lao động với hai bàn tay trắng. Và trên hành trình tìm đường cứu nước, chính lao động không chỉ giúp Người mưu cầu sự sống mà còn là một phương cách hữu hiệu để Người hoạt động yêu nước, hoạt động cách mạng, thấu hiểu được tâm tư, tình cảm và ước vọng của giai cấp cần lao, tiếp thu và vận dụng thành công Chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp vô sản vào hoàn cảnh của Việt Nam.

Kính thưa quý vị và các bạn,

Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước vào ngày 5-6-1911. Tròn một thập kỷ sau đó, năm 1920, Người đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc ta - đó là con đường cách mạng vô sản. Và phải đợi một thập kỷ tiếp theo, mùa Xuân năm 1930,

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, từ đây cách mạng Việt Nam dứt khoát đi theo sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản. Đi theo con đường cứu nước đúng đắn của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã giành được những thành quả vĩ đại: tiến hành thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945, tiến hành 30 năm chiến tranh cách mạng đánh thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước thu được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Tròn 100 năm trôi qua kể từ ngày Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911 – 5-6-2011), Nghệ An tự hào là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là nơi Người đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước mà còn vinh dự trở thành Thành phố được mang tên Người. Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh cùng cả nước đã và đang không ngừng nỗ lực phấn đấu để thực hiện ước mơ, hoài bão của Người. Chúng tôi luôn nghĩ rằng, Người vẫn đang hiện hữu dõi theo sự phát triển của quê hương, đất nước từng ngày và cũng tin tưởng rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường cách mạng Việt Nam.

KHÔNG GIAN LỊCH SỬ VIỆT NAM VÀ KHU VỰC Ở THỜI ĐIỂM NGUYỄN TẤT THÀNH RỜI CẢNG SÀI GÒN ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

PGS. TS. PHẠM XANH*

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành 21 tuổi nhận làm phụ bếp với lương tháng 45 francs trên tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) thuộc Hãng Vận tải Hợp nhất, rời cảng Sài Gòn “đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹. Một vấn đề đặt ra là: Tại sao Nguyễn Tất Thành không thể tìm được con đường cứu nước ngay trên quê hương mình hoặc thậm chí ở các nước trong khu vực quanh ta, mà phải sang tận trời Tây? Để trả lời thỏa đáng câu hỏi đó không phải là một việc dễ dàng. Tôi xin cố gắng luận giải vấn đề đó sau 100 năm nhìn lại.

Trước hết chúng ta xem xét những gì đã diễn ra trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX trên không gian hẹp là nước Việt chúng ta. Như chúng ta đều biết, sau khi dập tắt phong trào Cần Vương - cuộc vùng dậy cuối cùng theo ý thức hệ phong kiến nhằm khôi phục nền độc lập dân tộc, thực dân Pháp bắt tay khai thác thuộc

* Khoa Lịch sử trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị Quốc gia và Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1994, tr. 12.

địa nhằm bòn rút của cải nước ta làm giàu cho chính quốc. Cùng với việc nhập ngoại giống cây trồng mới, đặc biệt là cây công nghiệp dài ngày, nền nông nghiệp truyền thống chúng ta nhạt dần tính chất độc canh vốn có của nó, nhiều trung tâm công thương nghiệp và các loại hình giao thông vận tải hiện đại... xuất hiện. Xã hội truyền thống Việt Nam bắt đầu có sự chuyển biến, khởi đầu từ địa hạt kinh tế, sau lan sang các lĩnh vực khác. Đường như cùng một lúc với những chuyển biến bên trong, từ bên ngoài, luồng tư tưởng dân chủ tư sản, theo những con đường khác nhau, đã chảy vào Việt Nam. Từ Trung Quốc, Nhật Bản, *Tân văn*, *Tân thư* được truyền vào Việt Nam, tạo nên những ảnh hưởng to lớn. Sau này, người ta tổng kết: “Một tập sách vài mươi trang mà thay đổi lòng người như chớp, một tập sách nói chuyện nước Tàu mà làm cho 20 triệu dân Nam phần khởi như thần được đổi với người mắc bệnh trầm kha. Những *Thanh Nghị báo*, *Tân Dân Tùng báo*, *Ấm Bạng thất*, *Tự Do thư*, *Trung Quốc hồn* đã đánh thức đám sĩ phu ta, gần như trực tiếp, vì trong đó nói chuyện nước Tàu mà có nhiều chỗ trùng với bệnh của người mình lắm”. Sau cùng tư tưởng dân chủ tư sản đến từ nước Pháp, quê hương của cuộc cách mạng tư sản điển hình. Trong guồng máy thống trị không chỉ có những tên thực dân tàn bạo, mà còn có cả những người Pháp chân chính, yêu tự do, đó là đội ngũ những thầy giáo, cô giáo, những nhà khoa học Pháp. Tư tưởng dân chủ tư sản được họ gieo vào đầu óc đám học trò đang ngồi trên ghế nhà trường Pháp-Việt, những người đồng nghiệp Việt Nam cùng làm việc với họ trong các cơ quan nghiên cứu khoa học, các công sở. Bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, tại Pháp hàng năm đều có tổ chức những Hội chợ thuộc địa để quảng bá vẻ đẹp quyến rũ, nguồn tài nguyên phong phú của các xứ thuộc địa nhằm thu hút vốn đầu tư của tư bản Pháp. Các gian hàng Việt Nam được giới thiệu ở các Hội chợ đó. Nhân đó, nhiều người Việt có dịp sang Pháp làm việc như Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Văn Vĩnh... Đồng thời, các phái đoàn sang Pháp “khảo sát chính trị” cũng được tổ chức. Các đoàn này thường được tuyển chọn trong

đám quan lại cấp tỉnh và học sinh trường Hậu bổ. Tháng 2-1906, đoàn khảo sát chính trị của Bắc Kỳ gồm 10 người, trong đó có Tri phủ Hoài Đức là Trần Tấn Bình, sang Pháp. Năm sau, một đoàn khảo sát chính trị khác gồm 17 người (10 người Bắc Kỳ, 7 người Trung Kỳ, đáp tàu Himalaya sang Pháp). Đến Pháp, họ được đưa đi thăm nhiều nơi, nhưng chủ yếu tập trung khảo sát hai lĩnh vực quan trọng là kinh tế và giáo dục. Trở về nước, họ trở thành những người tuyên truyền cho nền văn minh Pháp. Hội quán Trí Tri ở 51 phố Hàng Quạt, Hà Nội thường xuyên tổ chức các cuộc diễn thuyết về những điều mắt thấy tai nghe trong các chuyến đi đó. Chẳng hạn, Nguyễn Văn Vĩnh đăng đàn diễn thuyết nhiều buổi về hành trình sang Pháp, về chính thể nước Pháp, quan phủ Thường Tín Nguyễn Năng Quốc nói về nhà nuôi dạy trẻ ở Nancy. Đặc biệt có tiếng vang nhất thời đó là bài diễn thuyết của Trần Tấn Bình tại Hội quán Trí Tri, và một vài điểm ở Nam Định, Hải Phòng, đặc biệt cuộc diễn thuyết tổ chức ở Núi Gôi (Nam Định) ngày 9-3-1907 có hơn 6.000 người nghe. Thính giả bị chinh phục và hút hồn bởi những lời có cánh của Trần Tấn Bình: *"... Sự buôn bán không những là đổi chác làng nọ sang làng kia mà thôi, lại còn đem đồ đi các nước nữa. Khắp mặt địa cầu, đâu đâu cũng có mặt nhà buôn người Đại Pháp, trên các mặt biển đều chi chít các tàu buôn; nơi này đại công ty, nơi nọ tiểu công ty, như thế làm cho dân phần nhiều người có việc làm. Ở nước Đại Pháp, người ta trọng nghề buôn hơn nghề làm quan. Có sự buôn thì người cày ruộng mấy có việc, người thợ khéo mấy có công, người tài mấy nghĩ ra mấy nọ, mấy kia; hơi nước, điện khí đều do ở sự buôn bán mà ra cả; vì buôn xe lửa mới chạy vùn vụt; vì buôn tàu bè mới xoáy nước; buôn là cái hồn thiên hạ làm cho các mạch máu thể gian mấy xoay chuyển"*¹.

Trong khi tư tưởng dân chủ tư sản tràn vào Việt Nam nhằm chuẩn bị về tư tưởng cho sự chuyển đổi hệ ý thức thì trong xã hội chúng ta lúc đó chưa hội đủ những điều kiện cần thiết nhất cho

1. *Dăng cổ Tùng báo*, năm 1907.

phong trào cách mạng theo khuynh hướng tư tưởng mới. Lúc đó, xã hội Việt Nam chưa xuất hiện một giai cấp tư sản làm bệ đỡ cho nó và lớp trí thức tân học đang ngồi trên ghế nhà trường, do vậy, lớp nhà nho yêu nước, thức thời đứng ra lãnh trách nhiệm tiếp nhận tư tưởng mới, đưa nó vào cuộc sống và biến nó thành phong trào cách mạng sôi nổi trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX. Đầu vậy, sự vận động tư tưởng ở Việt Nam bằng phong trào Duy Tân đã bắt đúng nhịp đi và hòa cùng trào lưu “châu Á thức tỉnh” thời đó.

Phong trào Duy Tân ở nước ta đầu thế kỷ trước được phân thành hai nhánh: *Ám xã* và *Minh xã*. Ám xã (tổ chức bí mật) do Phan Bội Châu lãnh đạo, chủ trương sử dụng bạo lực, còn minh xã (tổ chức công khai) do Phan Châu Trinh lãnh đạo, chủ trương tự cường bằng những hoạt động kinh tế, văn hóa - giáo dục. Điều đặc biệt lý thú là phong trào Duy Tân đầu thế kỷ do hai nho sĩ nổi tiếng lãnh đạo đã có sự phối hợp, liên kết bên trong với bên ngoài, giữa các lĩnh vực và giữa các vùng miền của đất nước, tạo thành một phong trào cách mạng có quy mô toàn quốc. Nhưng rồi, phong trào đó cũng bị bọn thực dân và tay sai dập tắt.

Theo Thỏa ước Nhật - Pháp được ký kết ở Paris, Nhật trục xuất Phan Bội Châu và học sinh Việt Nam. Phong trào Đông Du rầm rộ một thời đã chấm dứt. Đầu năm 1909, Phan Bội Châu phải rời nước Nhật, sau đó sang Xiêm lập Trại cày làm ăn, đợi thời phục quốc. Còn Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp xem như là người cha tinh thần của phong trào chống sưu thuế Trung Kỳ năm 1908, bị bắt, kết án và bị lưu đày ra nhà tù Côn Đảo. Tiếp đó, Cụ được Hội Nhân quyền Pháp can thiệp, đưa ra khỏi nhà tù và đưa sang Pháp tháng 3 năm 1911 nhằm tách Cụ khỏi môi trường cách mạng Việt Nam. Rõ ràng, phong trào cách mạng theo huynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ bị giáng một đòn mạnh. Thật không công bằng nếu chúng ta không nói tới cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám. Năm 1909, sau một thời gian hòa hoãn dài, thực dân Pháp

và tay sai huy động một lực lượng quân sự lớn tiến công vào Yên Thế. Khởi nghĩa Yên Thế đang đi dần tới những năm tháng tồn tại cuối cùng.

Rốt cuộc lại, phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX với trào lưu chủ đạo là khuynh hướng dân chủ tư sản bởi hai đại diện tiêu biểu Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh bị thực dân Pháp dập tắt. Phong trào cách mạng Việt Nam đang ở trong đường hầm, chưa nhìn thấy lối ra. Cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX với sự thất bại của phong trào Cần Vương theo hệ tư tưởng phong kiến đến bây giờ càng trở nên trầm trọng hơn.

Tiếp đến, trên không gian lịch sử rộng hơn - không gian lịch sử các nước trong khu vực, đặc biệt các nước cùng cảnh ngộ như nước ta.

Nước Trung Hoa rộng lớn, văn hiến lâu đời, bị các nước tư bản phương Tây xâu xé cũng đang tìm lối ra. Tư tưởng dân chủ tư sản từ nhiều ngã đường khác nhau được truyền vào Trung Quốc và được lớp nho sĩ tiến bộ như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng, Dương Thâm Tú... tiếp nhận, đẩy lên phong trào Duy Tân, rồi được ông vua trẻ Quang Tự đồng tình tiến hành cuộc chính biến Mậu Tuất 1898. Cuộc chính biến diễn ra được một trăm ngày thì bị phái bảo thủ trong triều đình Mãn Thanh do Tây Thái hậu cầm đầu phản công và dập tắt. Ngày 21-9-1898, Tây thái hậu truất ngôi và bỏ ngục vua Quang Tự, truy nã Khang, Lương và kết án tử hình Đàm Tự Đồng và Dương Thâm Tú, giải tán các học đường, học hội... Phong trào Duy Tân cuối thế kỷ XIX thất bại. Những người đang sống sót chạy ra nước ngoài cư trú chính trị, tiếp tục viết trước tác truyền về đại lục, tiếp tục nhen nhóm ngọn lửa cho những cuộc vùng dậy tiếp theo. Cho đến tháng 6-1911, Trung Quốc vẫn chưa tìm thấy lối thoát mà phải đến tháng 10-1911, Trung Quốc đã tìm thấy hướng đi bằng cuộc cách mạng Tân Hợi do Tôn Dật Tiên lãnh đạo.

Trên đất nước Ấn Độ bị thực dân Anh đô hộ, những nhà ái quốc Ấn Độ cũng đang tìm hướng giải thoát cho dân tộc mình. Tháng 12-1885, Đảng Quốc dân Đại hội (Đảng Quốc Đại), đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản dân tộc Ấn Độ, được thành lập, chính thức bước lên vũ đài chính trị. Mặc dù, Đảng chủ trương đấu tranh ôn hòa nhưng có vị trí đáng kể trong cuộc đấu tranh chống thực dân Anh như đòi cải cách về giáo dục, xã hội và mở rộng sự tham gia của người Ấn trong các Hội đồng tự trị... Ngày 16-10-1905, ngày đạo luật chia cắt Bengan có hiệu lực, nhân dân Ấn Độ coi đây là ngày quốc tang, đã đẩy lên phong trào chống Anh mạnh mẽ, đặc biệt ở Bombay và Cancúta. Hơn 10 vạn người kéo đến sông Hằng, dòng sông linh thiêng của người Ấn, làm lễ tuyên thệ và ca vang bài *Kính chào người Mẹ hiền Tổ quốc* để bày tỏ ý chí thống nhất, đoàn kết. Khắp nơi, người dân Ấn Độ hô vang khẩu hiệu: “Ấn Độ của người Ấn Độ”. Tinh thần dân tộc Ấn Độ thức tỉnh và phát triển mạnh vượt qua chủ trương của phái ôn hòa vốn chiếm ưu thế trong Đảng Quốc Đại. Vì thế Đảng Quốc Đại quyết định khai trừ Tilắc, người cầm đầu phái vũ trang, ra khỏi Đảng, đẩy ông vào tay thực dân Anh và bị kết án 6 năm tù. Sự việc đó như đổ thêm dầu làm bùng cháy một đợt đấu tranh mới. Hàng vạn công nhân Bombay tiến hành tổng bãi công 6 ngày phản đối việc kết án 6 năm tù đối với Tilắc. Tiếp đó họ dựng chiến lũy, thành lập các đơn vị chiến đấu chống lại quân đội Anh. Nhân dân các thành phố khác cũng hưởng ứng. Cuộc đấu tranh đó đã buộc thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Bengan, nhưng sau đó cũng không phát triển được.

Ở khu vực Đông Nam Á, phong trào giải phóng dân tộc cũng đang diễn ra rộng khắp, sôi nổi, liên tục.

Ở Indônêxia, nơi bị thực dân Hà Lan đô hộ, nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Từ năm 1905, nhiều tổ chức công nhân được thành lập và bước đầu truyền bá chủ nghĩa Mác. Cũng trong năm đó, tổ chức

nghiệp đoàn đầu tiên của công nhân xe lửa được thành lập, kích thích sự ra đời của các nghiệp đoàn khác, từ đó dẫn đến thành lập Hội Liên hiệp công nhân Indônêxia vào năm 1908.

Ở Lào, đầu thế kỷ XX, nhân dân các bộ tộc Lào đã nhiều lần nổi dậy chống thực dân Pháp. Năm 1901, nhân dân Xavanakhet, dưới sự lãnh đạo của Phacaduốc, đứng dậy đấu tranh. Và trong năm đó, một cuộc khởi nghĩa khác bùng nổ trên cao nguyên Bôlôven cho đến năm 1907 mới bị dập tắt.

Ở Miến Điện, cuộc kháng chiến chống thực dân Anh diễn ra anh dũng, nhưng cuối cùng bị đàn áp. Nghĩa quân phải rút vào rừng sâu hoạt động dọit thời.

Điêm qua tình hình Việt Nam và các nước trong khu vực như vậy để đi tới kết luận rằng cả “châu Á đau thương”, trừ Nhật Bản và Xiêm, phong trào giải phóng dân tộc theo nhiều khuynh hướng tư tưởng khác nhau diễn ra sôi nổi, liên tục, nhưng cuối cùng bị các thế lực thực dân và tay sai đàn áp và dìm trong máu. Khủng hoảng đường lối cứu nước không chỉ diễn ra ở Việt Nam, mà còn trong cả khu vực.

Ở Việt Nam, các bậc anh hùng nghĩa liệt thừa lòng yêu nước và lòng quả cảm, nhưng trước sau đều phải nhận lấy thất bại xót xa. Có nhiều nhân tố trong tình hình kinh tế - xã hội, chính trị - tư tưởng của đất nước lúc bấy giờ đã tạo nên những nghịch lý đó. Cuộc sống đang chứa đựng nghịch lý thì chính cuộc sống đang tạo ra những điều kiện vật chất để giải nghịch lý đó. Nhân loại, như C. Mác đã chỉ rõ, chỉ đặt ra cho mình những nhiệm vụ có thể giải quyết được vì bản thân những nhiệm vụ ấy chỉ nảy sinh khi điều kiện vật chất để giải quyết nó đã có hay chí ít cũng đang trong quá trình hình thành¹. Sự thất bại của các phong trào chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vừa chứng tỏ sự lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến, sự yếu ớt và bất lực của hệ tư tưởng tư sản, vừa từng bước chuẩn bị tiền đề cho một phương hướng cứu nước

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 16.

mới. Trong bối cảnh như vậy, phải có những người ưu tú của dân tộc với sức mãnh cảm của trí tuệ và tầm nhìn vượt lên trên những hạn chế của điều kiện lịch sử trong nước mới có khả năng tìm ra lối thoát cho dân tộc. Trong đội ngũ những nhà yêu nước đang hăm hở tìm đường cứu nước có một thanh niên trẻ tuổi mà buổi đầu xuất hiện đã vượt xa những nhà yêu nước đương thời về sự mãnh cảm của trí tuệ, về tầm nhìn. Đó là Nguyễn Tất Thành, người đã tự nguyện gánh lấy trách nhiệm ra đi tìm phương hướng cứu nước mới.

NGÀY 5 THÁNG 6 NĂM 1911, NGÀY CÓ Ý NGHĨA LỊCH SỬ ĐẶC BIỆT

TRẦN TRỌNG TÂN*

Năm 1858, giặc Pháp đánh chiếm nước ta. Vấn đề cứu nước trở thành vấn đề vô cùng bức xúc. Vua quan triều đình nhà Nguyễn đương đầu với giặc Pháp được 26 năm nhưng thế lực ngày càng suy yếu. Đến ngày 6 tháng 6 năm 1884, Triều đình ở Huế đã phải cử người đứng ra ký hòa ước với đại diện phía Pháp là Patenôtre (Patonốt) cam chịu đầu hàng và làm tay sai cho Pháp. Về sau, vua Thành Thái, Hàm Nghi, Duy Tân có hoạt động chống Pháp nhưng đều bị Pháp bắt giam và đày biệt xứ. Các phong trào hưởng ứng chiếu Cần Vương (lời kêu gọi dân giúp vua cứu nước) của vua Hàm Nghi cũng chấm dứt sau các cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám bị thất bại. Đến lúc này, tư tưởng cứu nước do vua làm chủ không còn sức sống.

Một số vị nho sĩ yêu nước của ta hướng qua Nhật nơi Minh Trị Thiên Hoàng đã thực hiện thành công công cuộc duy tân đất nước, xây dựng chế độ quân chủ lập hiến, đưa nước Nhật phát triển theo con đường của chủ nghĩa tư bản.

Một số vị nghĩ đến Trung Quốc, nơi có Tôn Trung Sơn đang vận động lật đổ chế độ phong kiến nhà Thanh với thuyết “Tam

* Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Dân”: “Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc”, là lý luận cho cuộc duy tân tư sản Trung Quốc. Nhìn chung, các vị nho sĩ yêu nước thời bấy giờ cho rằng có thể cứu nước với tư tưởng duy tân tư sản, tức là đánh đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, xây dựng nước ta theo con đường dân chủ tư bản chủ nghĩa. Nhưng vào thời này ở nước ta chưa có giai cấp tư sản bản xứ. Tư tưởng về cách mạng tư sản mà trong xã hội không có giai cấp tư sản, rõ ràng là không thích hợp.

Để biện minh cho sự xâm chiếm thống trị nước ta, thực dân Pháp cho rằng, Pháp là một nước văn minh, quê hương của tư tưởng “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”, Pháp đến Việt Nam là để khai sáng cho dân Việt Nam đang phải sống trong chế độ phong kiến lạc hậu. Mỗi quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt Nam là mối quan hệ như mẹ với con. Nước Pháp là mẫu quốc của Việt Nam.

Ở trường tiểu học Pháp - Việt có dạy lịch sử cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Nghe thầy giáo giảng giải, Nguyễn Tất Thành hiểu rằng, nước Pháp có một nền văn minh thật sự. Anh rất thích thú về chủ trương chống phong kiến, phủ nhận vua của các nhà tư tưởng trong cuộc cách mạng tư sản năm 1789 của Pháp. Nhưng thắc mắc lớn xoáy vào tâm trí của Nguyễn Tất Thành là tại sao những kẻ mệnh danh là người phát cao cờ “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, rêu rao rằng họ đến Việt Nam là để khai sáng cho Việt Nam mà đi đến đâu cũng chỉ thấy họ gây ra tội ác và nói điều giả dối. Ngay trước cửa nhà tù nơi giam giữ tra khảo những người Việt Nam yêu nước, cũng trương lên bảng hiệu bằng tiếng Pháp về “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.

Làm thế nào để ở Việt Nam ta có độc lập, tự do, bình đẳng, bác ái thật sự? Bức xúc trước câu hỏi đó Nguyễn Tất Thành không đi qua Nhật, không đi qua Trung Quốc mà đi qua Pháp, “đi để xem tận nơi cho rõ, sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, sẽ trở về giúp đồng bào”.

Năm 1909 từ Huế, Anh đến Quy Nhơn rồi đến nhà ông Phạm Ngọc Thọ bạn với cụ Nguyễn Sinh Sắc. Vào lúc này, Anh đã có vốn hiểu biết chữ Hán, đã đọc được khá nhiều sách về Nho giáo và hiểu biết chữ Pháp cũng đã khá nhưng ông Thọ biết anh Thành sắp qua Pháp nên muốn bồi dưỡng thêm chữ Pháp cho Anh và bảo Thành chờ cùng ông vào Phan Thiết. Đến Phan Thiết vào một ngày đầu thu năm 1910, Anh được giới thiệu vào trường Dục Thanh để dạy Hán văn và Quốc ngữ, hướng dẫn học sinh tập thể dục buổi sáng, đi tham quan những di tích lịch sử.

Đầu năm 1911, từ trường Dục Thanh, Thành đi vào Sài Gòn. Ở đây, Anh thấy tận mắt nhiều “ông tây, bà đầm” đi nghênh ngang, thấy bọn người Âu gác chợ Bến Thành giờ roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ, bắt họ tránh đường... Lui tới bến cảng Sài Gòn, anh biết được hãng tàu thủy Ságior Rêuyni, còn gọi là hãng Năm Sao có tuyến “bồi An Nam” để phục vụ khách trên tàu.

Ngày 2 tháng 6 năm 1911, khi tàu của hãng Năm Sao từ Đà Nẵng vào, vừa cập bến, Anh lên tàu xin việc làm. Anh được chủ tàu là Louis Edouard Michel (Lui Êđua Maisen) nhận làm phụ bếp với tên là Văn Ba. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) rời bến cảng Sài Gòn và ngày 15 tháng 7 đến Le Havre (Lơ Havơ), cảng chính ở miền Bắc nước Pháp. Thời gian làm phụ bếp, công việc rất vất vả, Văn Ba có lần suýt bị sóng biển cuốn trôi.

Nguyễn Tất Thành vượt trùng dương tìm đường cứu nước vào lúc tuổi đời còn rất trẻ.

Lần đầu tiên vượt biển đến nước Pháp xa xôi nhưng Nguyễn Tất Thành chỉ đi một mình. Nơi đến cũng không có ai tiếp đón. Anh Thành ra đi tìm đường cứu nước với tư cách là một người lao động, hòa mình với dân lao động, kiếm sống bằng lao động. Nhưng Anh có ý thức chọn việc làm phụ bếp trên tàu là để có điều kiện đến được nhiều nước để khảo sát tình hình xã hội, chọn việc

bồi bàn ở khách sạn là nơi có điều kiện tiếp xúc được với nhiều chính khách.

Đến Pháp, Thành sống bằng nghề rửa ảnh, viết chữ Hán cho xưởng sản xuất đồ sứ. Năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê trên chiếc tàu đi vòng quanh châu Phi, đã dừng lại các bến cảng ở các nước: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Dahômây, Xênegan, Rêuyniông... Đến đâu Anh cũng thấy cảnh người lao động bị áp bức bóc lột rất dã man. Cuối năm 1912 Nguyễn Tất Thành đến nước Mỹ, đi ở giúp việc nhà, làm bánh, phụ bếp ở khách sạn Omni Parker House (Boston). Anh tranh thủ giờ rảnh để học tập tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT), thăm các khu vực có người lao động và nơi người da đen sinh sống. Đến đây, Anh trực tiếp thấy cảnh dân lao động bải công làm cho mọi hoạt động của thành phố bị tê liệt. Từ cảm nhận được thực trạng xã hội ở Mỹ, trên sổ ghi cảm tưởng của khách tham quan tượng thần Tự do, Anh đã ghi: *"Ánh sáng trên đầu thần Tự do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thần Tự do thì người da đen đang bị chà đạp, số phận người phụ nữ bị chà đạp. Bao giờ người da đen được bình đẳng với người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới?"*¹.

Cuối năm 1913, Nguyễn Tất Thành sang nước Anh sống bằng việc cào tuyết cho một trường học. Sau đó, Anh chuyển qua việc đốt lò, rồi phụ bếp, làm bồi bàn ở khách sạn. Thành tranh thủ thời gian học tiếng Anh, vào thư viện đọc sách, thăm mộ của Các Mác, tìm cách kết thân với một số nhân vật nổi tiếng như nhà văn Romain Rolland (Rômanh Rôlăng), nhà khoa học Darwin (Đácuy-n), vua hề Charlie (Sác-lô)...

Sau 4 năm ở nước Anh, cuối năm 1917 Thành trở lại nước Pháp. Ở Pháp, Thành học viết báo, diễn thuyết, vào đọc sách ở thư

¹ Trích từ bài của bà Josephine Stenson (Giôxêphin Stenxơn), nhà Sử học Mỹ đọc tại cuộc hội thảo quốc tế ở Hà Nội tháng 3 năm 1990.

viện, tham quan các viện bảo tàng ở Pháp và ở Ý. Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành vào Đảng Xã hội Pháp với tên Nguyễn Ái Quốc. Vào Đảng Xã hội, Nguyễn Ái Quốc có dịp gần gũi các nhà hoạt động chính trị, văn hóa nổi tiếng của Pháp như Marcel Cachin (Mácxen Casanh), Paul Vaillant - Couturier (Pôn Vayăng - Cutuyriê), Léon Blum (Lêông Bolum), Raymond Lefèvre (Raymông Lophevorơ), Jean Longuet (Giăng Lôngghê), Gaston Monmousseau (Gaxtông Môngmút-xô),... Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài đăng trên các báo ở Pháp, đã thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước gửi đến Hội nghị Versailles (Vécxây) bản yêu sách của nhân dân Việt Nam đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam, đã góp phần sáng lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ) diễn đàn các dân tộc thuộc địa.

Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên đọc được tác phẩm của Lênin: *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*.

Từ luận cương của Lênin mà Nguyễn Ái Quốc hiểu được rằng, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản.

Con đường cách mạng vô sản được Nguyễn Ái Quốc tìm ra để cứu nước và giải phóng dân tộc lại đúng vào lúc ở Việt Nam đã có giai cấp công nhân công nghiệp do chính thực dân Pháp tạo ra. Đó cũng là cơ sở giai cấp cho việc xây dựng nên Đảng Cộng sản Việt Nam sau này để lãnh đạo dân ta đấu tranh giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cuối năm 1920 Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và hoạt động ở Pháp đến tháng 6 năm 1923 mới rời Paris qua học và hoạt động ở Liên Xô.

Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc). Trong thời gian hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc) đầu năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã mở lớp huấn

luyện chính trị cho những thanh niên bên nước cử qua, chuẩn bị cho việc tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam. Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc được tập hợp trong sách *Đường Kách mệnh*. Tháng 6 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc sáng lập “Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội”. Cuối năm 1925, tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc đã được xuất bản ở Paris.

Một đêm đầu tháng 5 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc bí mật đi Hương Cảng, rồi đi Thượng Hải, sau đó đáp tàu từ Thượng Hải đi Vladivôxtôc (Liên Xô).

Ngày 25 tháng 4 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc được Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đồng ý để Người trở về Đông Dương theo nguyện vọng. Nguyễn Ái Quốc qua Đức, qua Thụy Sĩ, sang Ý, rồi đáp tàu Nhật Bản đi Xiêm. Tháng 7 năm 1928 Nguyễn Ái Quốc đến Sacon (Xiêm) nơi có đông Việt kiều.

Ngày 10 tháng 10 năm 1929, Nguyễn Ái Quốc bị tòa án Vinh (Nghệ An) xử tử hình vắng mặt. Thực dân Pháp tung mật thám dò tìm ráo riết, có lúc Nguyễn Ái Quốc đã phải lánh vào chùa, cắt tóc như người đi tu.

Khi biết được trong nước có sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản, ngày 23 tháng 12 năm 1929, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm đến Trung Quốc.

Đầu năm 1930, ở Cửu Long (Hong Kông), Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam với Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt do Người khởi thảo, tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mở rộng đại đoàn kết dân tộc. Việc làm này rất đúng nhưng bị Quốc tế Cộng sản phê phán là bỏ lập trường giai cấp, hữu khuynh về chính trị.

Ngày 6 tháng 6 năm 1931, Nguyễn Ái Quốc với tên trên thẻ căn cước là Tống Văn Sơ, bị bắt và bị giam trong nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Kông. Nhờ có ông Loseby (Lôđơbai), Chủ tịch Hội

Luật gia Hồng Kông, ông Thomas Southern (Tômát Xautôn), Phó Thống đốc Hồng Kông, có vợ là Stella Benson (Xtenla Benxon) bạn thân của bà Loseby và luật sư Noel Pritt (Nôoen Prit), cùng luật sư Francis Jenkin (Phranxít Gienkin) giúp, sau 9 phiên ra tòa, tòa án Hoàng gia Anh ở Luân Đôn kết luận: Tống Văn Sơ vô tội và được trả lại tự do. Để tránh lưới mắt thám Pháp, Tống Văn Sơ được ông Loseby giúp đã bí mật rời Hồng Kông đi Xingapo. Nhưng vừa đặt chân lên Xingapo, Người lại bị bắt và bị trả lại Hồng Kông. Đến Hồng Kông người lại bị bắt giam một lần nữa, nhưng được luật sư Loseby giúp đỡ, Người được trả lại tự do. Người được ông bà Loseby thu xếp vào ở trong ký túc xá của Hội những người Thiên Chúa giáo trẻ Trung Quốc, chờ dịp rời Hồng Kông; được Phó Thống đốc Hồng Kông cho dùng ca nô riêng của Thống đốc rời bến cảng ra khơi đánh tín hiệu cho một chiếc tàu đang chạy về hướng Đông dừng lại đón Người đi Hạ Môn. Khoảng tháng 7 năm 1933, Nguyễn Ái Quốc từ Hạ Môn đáp tàu thủy lên Thượng Hải. Ở Thượng Hải, Người đã viết thư yêu cầu gặp Paul Vaillant - Couturier đang ở Trung Quốc, nhờ bà Tống Khánh Linh chuyển hộ. Gặp được Paul Vaillant - Couturier, Người được giúp đi trên tàu hàng Xô viết ở Thượng Hải để qua Liên Xô.

Sự thật về Nguyễn Ái Quốc bị bắt và được trả tự do rồi về Liên Xô như trình bày trên đây nhưng đã không được Quốc tế Cộng sản hiểu đúng, đặt ra nhiều nghi vấn, nên đã không tin tưởng, không giao việc cho Nguyễn Ái Quốc trong 7 năm trời. Ngày 6 tháng 6 năm 1938, Nguyễn Ái Quốc đã phải viết thư cho một đồng chí ở Quốc tế Cộng sản giải bày tâm trạng đau buồn: *"Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Kông. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này, tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này... Đề nghị với đồng chí là đừng*

để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng... ”¹.

Đến tháng 10 năm 1938, Nguyễn Ái Quốc về Trung Quốc móc nối với Đảng Cộng sản Trung Quốc để hoạt động cho đến cuối tháng 1 năm 1941, mới về nước sau 30 năm kể từ ngày ra đi.

Tháng 5 năm 1941, Bác chủ trì hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ VIII, họp ở Pác Bó (Cao Bằng), ra quyết định thành lập Mặt trận mang tên “Việt Nam độc lập đồng minh”, gọi tắt là Việt Minh.

Trong lần từ Cao Bằng đi qua Trung Quốc, Bác đã bị Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt giam trong nhiều nhà giam với thời gian hơn một năm (8-1942 đến 9-1943). Những bài thơ Bác làm trong thời gian ở các nhà giam này được tập hợp trong cuốn *Ngục trung nhật ký*.

Dưới ngọn cờ của Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với khẩu hiệu: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” tức là nước độc lập do dân làm chủ để mưu cầu tự do hạnh phúc cho dân, độc lập dân tộc để đi lên chủ nghĩa xã hội vì dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, góp phần vào phong trào cách mạng thế giới. Đó là lý luận về cách mạng vô sản được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế ở Việt Nam, không phải theo thuyết “Tam Dân” là lý luận về cách mạng tư sản ở Trung Quốc của Tôn Trung Sơn.

Để tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam, Bác Hồ đã phải vượt qua rất nhiều khó khăn thử thách, trải qua hai lần bị bắt, bị tù, không có niềm vui trong đời riêng, lại bị phê phán oan, nghi oan. Nhưng kết quả đạt được vô cùng to lớn. Từ con đường Bác Hồ tìm ra và được thực hiện, đã làm cho nước ta, dân ta được đổi

¹ Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 3, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 90.

đời; dân tộc ta trở thành một trong những dân tộc tiên phong mở ra trang sử thời hiện đại, chẳng những cho nước ta mà cho cả thế giới.

Với bộ óc thông minh đặc biệt, với chí lớn được hun đúc từ truyền thống yêu nước của dân tộc, của quê hương, của gia đình, với ý thức luôn cầu tiến và biết độc lập suy nghĩ, có phương pháp khoa học trong học tập, nghiên cứu và khảo sát, nên Bác Hồ chúng ta đã biết rất nhiều ngoại ngữ, có vốn tri thức uyên bác về nhiều mặt. Bác Hồ chúng ta đã được tổ chức UNESCO tôn vinh là “vị Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hóa lớn”. Mở ra trang sử thời hiện đại, được thế giới tôn vinh, chúng ta không thể không nhớ đến ngày 5 tháng 6 năm 1911. Đó là ngày từ bến cảng Sài Gòn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước và đã tìm được con đường đúng. Ngày 5 tháng 6 năm 1911 cách đây 100 năm, đúng là một ngày có ý nghĩa lịch sử đặc biệt.

SỰ KIỆN NGUYỄN TẮT THÀNH ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG*

Ngày 5-6-1911, từ bến cảng Sài Gòn, Chủ tịch Hồ Chí Minh - lúc này mang tên Nguyễn Tất Thành - bắt đầu cuộc hành trình ra nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân. Đây là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lịch sử đấu tranh vì sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Nhìn từ góc độ hội nhập quốc tế, bài viết hy vọng làm sáng tỏ thêm ý nghĩa lịch sử và thời đại của sự kiện lịch sử vĩ đại này.

1. Bắt đầu từ khát vọng từ tuổi 13, Nguyễn Tất Thành đã “muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp”, “muốn làm quen với nền văn minh Pháp”, nhưng không chỉ để thỏa mãn ước mơ hiểu biết của tuổi trẻ, mà là “muốn tìm xem ẩn giấu đằng sau” những gì đã làm nên văn minh và sức mạnh của phương Tây; muốn “xem cho rõ” sự “làm ăn ra sao” của những cường quốc mà các nhà yêu nước Việt Nam đương thời kì vọng có thể giúp đất nước

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

mình thoát khỏi ách thống trị thực dân; và, “sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹.

Với hành trang chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam và mục đích xác định trước, bằng lao động, Người bắt đầu cuộc hành trình sang phương Tây tìm con đường mới để cứu nước, cứu dân.

Trong khoảng thời gian này, không chỉ có Nguyễn Tất Thành phát hiện ra cái mới, muốn làm quen, đi tìm và học cái đã tạo nên văn minh, sức mạnh của nền văn minh phương Tây để trở về mưu độc lập, tự cường cho dân tộc, giải phóng cho đồng bào của mình. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là những người tiên phong như vậy.

Mang chung hành trang là chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam và cùng mục đích, nhưng giữa hai Cụ Phan với Nguyễn Tất Thành có những điểm khác nhau. Một bên là tìm, học cái mới mà dân tộc chưa có và xem đó như một chỗ dựa, một cứu cánh; một bên là muốn tìm hiểu giá trị thật của cái mới và cả cái ẩn giấu đằng sau nó; bên này chỉ mới tiến đến ở sự tiếp nhận, còn bên kia là đến tận nơi và *xem cho rõ cách làm*. Cho dù có cùng hành trang, cùng mục đích, nhưng sự khác nhau về tầm nhìn và phương pháp của họ đã tạo ra kết quả khác biệt. Bên này, là tiếp nhận và đưa về cái mới mà dân tộc chưa có nhưng không biết nó đã bắt đầu trở nên lỗi thời

¹ Trước khi thực hiện ý định ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành đã tâm sự với một người bạn: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi *xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta*”. Hơn mười năm sau, trả lời một nhà báo về lí do đi ra nước ngoài, Người cho biết: “Khi tôi độ 13 tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*... Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy”.

Một lần khác, Người nói: “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi *xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi*”.

Thực hiện ý chí của mình, ngày 2-6-1922, Người xin việc làm trên tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) đang đậu ở bến cảng Sài Gòn. Ngày 3-6-1911, Người bắt đầu làm việc trên tàu này với thế làm việc mang tên Văn Ba. Ngày 5-6-1911, tàu Amiral Latouche Tréville rời bến cảng Sài Gòn. Nguyễn Tất Thành bắt đầu cuộc hành trình đi ra thế giới tìm con đường mới để cứu nước cứu dân.

so với sự phát triển của lịch sử nhân loại. Bên kia với sự khảo sát trực tiếp, phân tích, so sánh giữa lý thuyết với kết quả thực tế của các cuộc cách mạng diễn hình trên thế giới (đã có đến thời điểm đó) để lựa chọn nhằm tiếp nhận những giá trị chung và mới của nhân loại đang tìm ra con đường cứu nước, cứu dân *thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước nhà và tương thích với sự vận động, xu thế phát triển mới trong quá trình tiến hóa của loài người*. Cũng vì vậy, những cố gắng cao nhất của hai cụ Phan cũng chỉ làm bùng phát một phong trào dân tộc, nuôi dưỡng ngọn lửa yêu nước trong nhân dân, bởi những cái được cho là chưa có và được xem là mới đối với dân tộc mà hai Cụ đưa về đã bị lịch sử nhân loại và chính phong trào cách mạng dân tộc vượt qua.

Bằng lao động và hòa vào dòng chảy của các sự kiện trên thế giới, cuộc hành trình của Nguyễn Tất Thành được tiến hành trong gần một thập kỷ ở nước ngoài không chỉ để biết thế giới mà chính là quá trình học tập, khảo sát, nghiên cứu kỹ lưỡng nhằm *thấu hiểu để chọn lọc và tiếp thu* những giá trị văn hóa - văn minh của nhân loại. Thông qua quá trình đó của cuộc hành trình vĩ đại đến với các dân tộc, chủng tộc ở các châu lục, đặc biệt là trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng ở nhiều nước đã *nâng cao trí tuệ, làm giàu văn hóa và mở rộng thế giới quan* cho Người - từ tầm mức dân tộc đến nhân loại. Đó là cơ sở tạo ra sự khác biệt giúp cho Người *thấu hiểu* được sự tương đồng và khác biệt giữa triết lý phương Đông và phương Tây; đã *nhận thấy* nguồn gốc trực tiếp nỗi khổ đau chung của các dân tộc thuộc địa và những người lao động, không phân biệt chủng tộc, màu da trên hành tinh này và đi tới khẳng định: vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng con người không chỉ là nhu cầu của dân tộc và con người Việt Nam mà là của các dân tộc bị áp bức và nhân dân cần lao trên thế giới.

Bằng trực tiếp khảo sát tại quê hương của các cuộc cách mạng tư sản điển hình (Pháp, Anh và Mỹ), với trí tuệ thiên tài của mình, Nguyễn Tất Thành đã phát hiện và tiếp nhận “*những lời bất hủ*”

mang giá trị chung của nhân loại về quyền dân tộc và quyền con người được ghi trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của nước Pháp. Đồng thời, Người cũng thấy rõ hạn chế giữa lý thuyết và thực tế mà nổi bật là tính chất “không đến nơi” của các cuộc cách mạng này.

Những kết luận trên đây không phải chỉ là kết quả của sự trải nghiệm. Chỉ với tầm trí tuệ không ngừng được nâng cao, trên cơ sở được làm giàu về các giá trị văn hóa - văn minh nhân loại và với một tầm nhìn thế giới trong phân tích lý luận và kiểm nghiệm thực tiễn, Nguyễn Tất Thành mới có thể đúc rút thành những kết luận khoa học đúng đắn có giá trị quan trọng như vậy. Do đó, Người không chỉ dừng lại ở phân tích lý luận và thực tiễn để chọn lọc và thấu thái các giá trị văn hóa - văn minh nhân loại, mà còn trên cơ sở các kết luận đó, tìm lời giải đáp những vấn đề đang được đặt ra trong lịch sử tiến hóa của loài người. Đây chính là sự chuẩn bị - cả trên phương diện lý luận và thực tiễn - để Người, không chỉ đi từ DÂN TỘC đến NHÂN LOẠI trong nhận thức các giá trị văn hóa - văn minh mà còn tiến tới năng lực phát hiện và nắm bắt được quy luật tiến hóa của lịch sử nhân loại, xu thế của THỜI ĐẠI bằng thế giới quan khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đi từ *Dân tộc* đến *Nhân loại*, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin là quá trình từ nhận thức cảm tính đến khoa học. Với thế giới quan khoa học và cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã *phát hiện* và *nhận thức* được quy luật tiến hóa, xu thế phát triển trong tiến trình đi lên của loài người và đi tới khẳng định: “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”¹.

Đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng vô sản và chỉ rõ “*cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 314.

*lợi hoàn toàn*¹, Người đã chỉ rõ: cách mạng giải phóng dân tộc phải hướng đích tới sự giải phóng triệt để đối với con người theo quy luật tiến hóa tự nhiên của lịch sử nhân loại. Độc lập dân tộc phải đưa tới Tự do - Hạnh phúc cho con người. Với con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chỉ ra, cách mạng Việt Nam hàm chứa sâu sắc các nội dung Dân tộc - Nhân loại và Thời đại, và do đó, với đường lối đúng đắn thuận theo quy luật tiến hóa của nhân loại, được sự ủng hộ của toàn dân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, cách mạng Việt Nam đã hội đủ các yếu tố thiên thời - địa lợi - nhân hòa đảm bảo cho sự thắng lợi.

Với tất cả các ý nghĩa đó, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà nội dung là giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng con người là triết lý phát triển Việt Nam. Đây là nội dung căn bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, chi phối mọi hoạt động lý luận và thực tiễn của cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa - đem lại tự do, hạnh phúc cho con người. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn là công lao vĩ đại đầu tiên, là cống hiến lý luận sáng tạo hàng đầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và là di sản có giá trị vĩnh hằng đối với cách mạng Việt Nam.

2. Đi ra nước ngoài để “*xem xét họ làm thế nào*” nhằm “*trở về giúp đồng bào chúng ta*” - với những hoạt động và kết quả trên đây, có thể nhìn nhận quá trình đó của Nguyễn Tất Thành thực chất là quá trình, trên cơ sở văn hóa dân tộc, hội nhập quốc tế để nghiên cứu, lựa chọn, tiếp nhận, vận dụng và phát triển các giá trị tinh hoa văn hóa - văn minh nhân loại nhằm tìm ra con đường đi lên cho dân tộc hướng tới mục tiêu vì sự nghiệp giải phóng con người. Chính từ mục tiêu và bản chất của toàn bộ quá trình tiếp biến các giá trị văn hóa - văn minh đó đã mặc định tư tưởng và sự nghiệp cách mạng mà Người lãnh đạo thực hiện ở Việt Nam cũng như những đóng góp

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 305.

của Người với dân tộc và nhân loại thắm đậm *giá trị văn hóa - văn minh*. Giá trị cao cả và đích thực của tư tưởng, sự nghiệp ấy chính là ở chỗ: Người đã lãnh đạo nhân dân đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành lại độc lập cho dân tộc, xây dựng xã hội mới vì tự do và hạnh phúc của con người Việt Nam, đồng thời góp phần cùng các dân tộc đấu tranh loại trừ chủ nghĩa thực dân - một trở lực lớn trên con đường tiến tới văn minh của nhân loại, đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh xây dựng một thế giới mới hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, thúc đẩy sự phát triển của lịch sử loài người.

Những giá trị văn hóa - văn minh đó càng thêm sâu sắc khi Người chủ trương cách mạng bắt đầu bằng sự *giác ngộ* nhân dân, làm cho nhân dân hiểu rõ các *quy luật* phát triển của xã hội, nhận rõ *mục đích* đấu tranh và *con đường* giải phóng, tin chắc vào sự thắng lợi mà *kiên quyết* tự đứng lên làm cách mạng và xây dựng xã hội mới, xóa bỏ áp bức, bóc lột và tạo ra những điều kiện phát triển toàn diện đối với con người. Người cho rằng: “*Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân giàu nước mạnh, mọi người Việt Nam đều phải hiểu biết quyền lợi của mình, bốn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia xây dựng nước nhà*”¹.

Xuất phát từ các giá trị văn hóa - văn minh nhân loại, *lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi*, đem văn minh chống lại dã man, vì vậy, sự nghiệp giải phóng dân tộc và con người dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự nghiệp văn hóa - văn minh vĩ đại ở Việt Nam, trong đó kết hợp chặt chẽ giữa giải phóng với phát triển và hoàn thiện con người. Giá trị cao cả nhất của văn hóa - văn minh là hướng tới và đưa đến sự giải phóng toàn diện, phát triển và hoàn thiện con người, nhưng sự sâu sắc của giá trị cao cả đó là làm cho con người tự đứng lên giải phóng bằng chính sự phát triển và hoàn thiện của mình. Lấy thống nhất thay vì loại trừ bằng sự giác ngộ, đoàn kết toàn dân nhằm “đem

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 36.

sức ta giải phóng cho ta” và không ngừng phát triển văn hóa làm cho nhân dân đồng thuận để “tự lực, tự cường” trong xây dựng xã hội mới là đường lối và cũng là phương pháp cách mạng thâm đậm nội dung văn hóa - văn minh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng, thực hiện ở nước ta. Giải phóng dân tộc, giải phóng con người bằng sự phát triển và hoàn thiện con người ở tầm cao văn hóa - văn minh như thế đã tạo ra nguồn năng lượng và động lực tổng hợp cực kì mạnh mẽ từ mỗi người dân đến toàn dân, để làm nên mọi thắng lợi của dân tộc ta trong lịch sử hiện đại. Đó là bí quyết thành công của cách mạng Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc rút từ giá trị tinh hoa văn hóa - văn minh của dân tộc và nhân loại vận dụng vào nước ta. Điều đó cắt nghĩa trong mọi hoàn cảnh lịch sử, Người luôn chủ trương nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, đẩy mạnh giáo dục đạo đức và nhân cách cho toàn dân đi đôi với mở cửa tiếp thu tinh hoa văn hóa - văn minh nhân loại.

Xã hội mà Người chủ trương xây dựng là sự kết hợp giữa việc kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa - văn minh dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa - văn minh nhân loại, thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa yêu nước - nhân văn Việt Nam và chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đối với cá nhân, đó là văn hóa - văn minh để làm người, làm việc, để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, phụng sự nhân loại; là xóa bỏ tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ và làm cho mọi người dân Việt Nam, từ già đến trẻ, đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mà mình được hưởng.

Xã hội mà Người chủ trương xây dựng là một xã hội đạo đức có điểm xuất phát từ chính nội dung văn hóa - văn minh của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa để giải phóng con người. Bởi vậy, Người đòi hỏi đội ngũ tiên phong là Đảng Cộng sản phải “là đạo đức, là văn minh” và người làm cách mạng và xây dựng xã hội văn hóa - văn minh phải có văn hóa và đạo đức cách mạng. Người thường nói: “muốn xây dựng

chủ nghĩa xã hội phải có con người thấm nhuần đạo đức xã hội chủ nghĩa"¹. Đó là đạo đức làm người, hoàn thiện con người, đạo đức vì thắng lợi của sự nghiệp vĩ đại là giải phóng con người và xây dựng xã hội đem lại tự do, hạnh phúc cho tất cả mọi người. Cũng chính vì thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi đạo đức là gốc, đạo đức cách mạng là đạo đức hành động và Người không chỉ đề lại một hệ thống quan điểm về đạo đức để toàn Đảng, toàn dân học tập mà còn là một tấm gương ngời sáng, một kiểu mẫu về đạo đức, về văn hóa - văn minh, về sự nhất quán giữa tư tưởng và hành động, giữa nói và làm. Dẫn dắt cả dân tộc đi vào cuộc cách mạng hướng tới sự giải phóng và hoàn thiện con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự toàn mỹ về văn hóa - văn minh, về đạo đức và nhân cách: yêu thương đồng bào và nhân loại; triết để cách mạng nhưng rất nhân văn; uyên bác mà cực kì khiêm tốn; nguyên tắc chiến lược nhưng rất linh hoạt về sách lược; nhìn xa trông rộng nhưng rất thiết thực cụ thể; vĩ đại mà rất mực bình dị... Đó là chuẩn mực giá trị con người của dân tộc Việt Nam.

Suy cho cùng, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy và dẫn dắt dân tộc thực hiện đã đưa tới những thắng lợi vĩ đại của dân tộc, đồng thời cũng là những đóng góp vào giải quyết khát vọng lớn lao nhất, mục tiêu văn hóa - văn minh nhất của nhân loại là cải tạo thế giới để giải phóng con người. Sự tôn vinh Người là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất là một vinh danh kép phải được hiểu trên cùng một ý nghĩa: giá trị cao nhất của văn hóa - văn minh, của đạo đức và nhân cách là đưa tới giải phóng, hoàn thiện con người và giải phóng, hoàn thiện con người chính là đỉnh cao của giá trị văn hóa - văn minh, đạo đức và nhân cách.

3. Với những biến cố lịch sử trong một thế kỷ qua, từ sự bế tắc trong đường lối cứu nước hồi đầu thế kỷ XX, với sự hy sinh của

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 485.

biết bao bậc tiên liệt cho nhiệm vụ mở lối, tìm đường cho dân tộc, đến thực tiễn của những thắng lợi đã đạt được trong cuộc tranh đấu giành và bảo vệ quyền dân tộc cơ bản cũng như trong xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn, chúng ta càng thấu hiểu thêm ý nghĩa lịch sử và thời đại của sự kiện đi ra thế giới (với phương hướng và phương pháp mới) để thấu thái những giá trị văn hóa - văn minh nhân loại mưu tìm con đường cho sự sinh tồn và phát triển của dân tộc mà Người đã thực hiện.

Trên ý nghĩa đó, ngày 5-6-2011 không chỉ là sự kiện đặc biệt đánh dấu sự khởi đầu của quá trình đi ra thế giới tìm con đường cứu nước, cứu dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn là sự kiện mở ra quá trình Việt Nam từng bước hội nhập vào dòng tiến hóa theo xu thế mới của nhân loại dưới sự dẫn dắt của Người. Trong quá trình đó, trên cơ sở tiếp nhận những giá trị văn hóa - văn minh nhân loại và nắm bắt được xu thế phát triển của loài người trong thời đại mới, thông qua con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn, Việt Nam đã kết hợp thành công sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp (cả lực, thể, thời) đưa tới những thắng lợi lịch sử cho cách mạng Việt Nam trong một thế kỷ qua. Mặt khác, trong quá trình đó, dân tộc ta đã góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại, làm cho thế kỷ XX trở thành thế kỷ phi thực dân hóa, thúc đẩy lịch sử loài người tiến lên theo hướng tiến bộ. Bởi vậy, kiên trì con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn không chỉ đơn nhất là giữ vững mục tiêu *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* cho dân tộc và con người Việt Nam mà còn là giữ vững các nhân tố đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng nước ta (thiên thời - địa lợi - nhân hòa) để đất nước (có lực, thể, thời mới) tiếp tục tiến bước mạnh mẽ nhằm hoàn thiện những mục tiêu vì dân tộc, vì con người Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên hành tinh của chúng ta.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với các giá trị trên đây, sự kiện lịch sử Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước càng có ý nghĩa thực tiễn. Với đường lối đổi mới của Đảng, trên thực tế, sự hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng là tiếp tục quá trình dân tộc ta đi ra thế giới trong điều kiện lịch sử mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh để thu nhận các giá trị văn hóa - văn minh nhân loại và nắm bắt xu thế phát triển của loài người nhằm vận dụng và tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo ra các điều kiện để thực hiện ngày một hoàn chỉnh các nội dung của tiêu chí *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* cho dân tộc và con người Việt Nam. Bởi vậy, cần phải nắm vững thế giới quan, phương pháp Hồ Chí Minh để không chỉ thu nhận được các giá trị văn hóa - văn minh, nắm bắt được xu thế phát triển của loài người mà còn vận dụng phù hợp với thực tiễn của đất nước. Chỉ có như vậy mới giải quyết tốt các mối quan hệ dân tộc - giai cấp, quốc gia - quốc tế, dân tộc - thời đại, phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với thời đại, liên tục tạo lập lực - thế - thời mới đưa đất nước phát triển vững chắc đang thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Một thế kỷ đã trôi qua nhưng sự kiện Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân vẫn còn nguyên ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa thời đại. Ngày nay, trong hành trình hội nhập cùng nhân loại đi đến tương lai, chúng ta càng tin tưởng và kiên trì phấn đấu trên con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã chỉ ra, quyết tâm đưa ngọn cờ của Người đến đích thắng lợi.

QUYẾT CHÍ LÀM CÁCH MẠNG CHO ĐẾN NƠI CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

GS. TS. NGUYỄN HÙNG HẬU*

Khi đất nước có giặc ngoại xâm, các anh hùng dân tộc đã phát cao cờ chính nghĩa, tập hợp toàn dân đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, cứu muôn dân ra khỏi cái khổ nạn ngoại xâm. Điều này thể hiện rõ ở Lý Bí, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Quang Trung,... Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ III trước Công nguyên cho đến nay, theo các nhà sử học, thời gian chống ngoại xâm lên đến 12 thế kỷ, bởi vậy, mỗi người dân đất Việt vô cùng thấm thía nỗi khổ nhục của người dân mất nước, nỗi đau đớn ê chề của kẻ nô lệ, từ đó càng hiểu sâu xa câu nói của Bác: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Chính vì vậy, ông cha ta trước kia và chúng ta hiện nay đã kiên quyết đứng lên đập tan mọi cuộc xâm lược, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân.

Trước kia, sau khi đánh tan quân xâm lược, hòa bình trở lại trên quê hương đất nước, các nhà nước phong kiến đã làm những việc tiếp theo như ổn định xã hội, có chính sách giảm thuế, kích thích sản xuất phát triển, ban bố những phép tắc, luật lệ nhằm làm cho nhân dân có cuộc sống no đủ, thanh bình; mặt khác, ra sức phát triển văn hóa, giáo dục, đưa ra một số tiêu chí đạo đức, pháp

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

luật để mọi người noi theo. Trần Quốc Tuấn cho rằng “khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”. Trong cuộc kháng chiến chống Minh cũng như sau này đất nước thanh bình, Lê Lợi có những chính sách sử dụng hiền tài nhằm phát triển đất nước. Sau khi đại phá quân Thanh, Quang Trung bắt tay xây dựng đất nước theo đường lối “quốc phú, binh cường, nội ngoại yên tĩnh”. Ông hạ chiếu khuyến nông, có chính sách khuyến khích để dân giàu, bắt những người phiêu tán trở về quê quán khai khẩn ruộng hoang, đề nghị nhà Thanh mở cửa ải, thông chợ búa. Ông còn hạ chiếu lập nhà học ở các xã, phủ, huyện; ra chiếu cầu người hiền tài. Ông rất quan tâm đến xây dựng lực lượng vũ trang, đưa chữ Nôm thành chữ viết chính thức của quốc gia. Tất cả những chính sách đó phần nào làm vơi đi nỗi cực khổ của người dân.

Tuy nhiên có một sự thực chúng ta cần thấy rằng, khi mất nước, ta có nỗi thống khổ của kẻ làm nô lệ. Điều này dân tộc Việt Nam thấu hiểu hơn bất cứ dân tộc nào trên thế giới và chúng ta quyết không chấp nhận, trước sau, sớm muộn cũng phải đánh đuổi quân thù, giành lại độc lập cho non sông đất nước. Nhưng khi tổng cổ bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi, đất nước trở lại thanh bình thì liệu người dân đã hết khổ chưa? Nỗi khổ con người thật vô cùng phong phú. Điều này các vua thời Lý - Trần đã phần nào nhận ra. Bởi vậy, họ không chỉ muốn cứu muôn dân thoát khỏi nỗi khổ của kiếp nô lệ, mất nước, mà còn muốn cứu dân thoát khỏi nỗi khổ trần tục hàng ngày như “sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh”, tám nỗi khổ cơ bản mà Phật giáo liệt kê ra. Những nỗi khổ mà Phật giáo nêu ra đều là những nỗi khổ tất nhiên trong cuộc đời mỗi con người, bởi lẽ, con người sinh ra là có thân, có tâm và nếu có thân và tâm đương nhiên phải chịu khổ.

Sau khi đánh tan quân xâm lược, đất nước trở lại thanh bình, nhưng theo các vua thời Lý - Trần, con người vẫn còn phải chịu

những nỗi khổ hàng ngày dày vò. Bởi vậy, các ông muốn cứu dân thoát khỏi những nỗi khổ thường nhật hàng ngày đó. Đây là một tư tưởng, ý muốn, mong muốn rất nhân văn, nhưng có thực hiện được hay không lại là một chuyện khác. Xuất phát từ việc muốn cứu khổ một cách triệt để đối với con người mà cụ thể ở đây là người dân Đại Việt trong thời chiến cũng như thời bình mà nhiều vua thời Lý - Trần sau khi đánh tan quân xâm lược đã nhường ngôi cho con để đi tu, tìm con đường cứu người dân khỏi nỗi khổ hàng ngày. Như vậy, nguyện vọng, mong muốn cứu khổ một cách triệt để cho dân chúng, trong lịch sử Việt Nam đã có, đặc biệt thể hiện rõ nhất ở các vua thời Lý - Trần.

Hồ Chí Minh, một mặt, đã kế thừa tinh hoa truyền thống muốn cứu khổ một cách triệt để cho con người thời Lý - Trần; mặt khác, khi nghiên cứu các cuộc cách mạng ở trong nước cũng như trên thế giới, Người cho rằng đã hy sinh làm cách mạng, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người; thế mới khỏi phải hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc. Người phân tích cách mạng Mỹ thành công đã hơn 150 năm nay nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính làm cách mạng lần thứ hai. Theo Người, cách mạng An Nam nên nhớ rằng ở Pháp cách mạng đã bốn lần rồi mà nay công nông Pháp hãy còn phải mưu làm cách mạng lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Người cho rằng trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật sự, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc Pháp khoe khoang bên An Nam. Như vậy, muốn cách mạng cho đến nơi thì về cơ bản phải làm như cách mạng Nga, nghĩa là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng (tức cách mạng dân tộc dân chủ) để đi tới xã hội cộng sản (tức cách mạng xã hội chủ nghĩa) như trong Chính cương, Sách lược vắn tắt từ năm 1930 đã nói; tức từ cách mạng

dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc là bước đầu có tính chất tiên quyết, nhưng logic tiếp theo là phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, cách mạng giải phóng dân tộc là sự mở đầu, cách mạng xã hội chủ nghĩa đi tới xã hội cộng sản là sự hoàn tất. Không có cái thứ nhất thì không thể có cái thứ hai, nhưng nếu chỉ dừng lại ở cái thứ nhất thì làm cách mạng lại không đến nơi. Muốn cho đến nơi lại phải làm tiếp bước hai, tức cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cái thứ nhất nghiêng về tiền đề không thể thiếu được, nhưng cái thứ hai mới là mục đích cuối cùng. Người cho rằng thắng đế quốc, phong kiến còn tương đối dễ, nhưng thắng bản cùng, nghèo nàn lạc hậu còn khó hơn nhiều. Đây là cuộc chiến khó khăn nhất, sâu sắc nhất, gay go nhất, gian khổ nhất nhưng cũng vĩ đại và vẻ vang nhất. Người thường nói, đây là cuộc chiến không lồ chống tất cả những gì là cũ kỹ, lạc hậu.

Như vậy, một logic tất yếu đành thép là làm cuộc cách mạng thứ nhất phải tiếp đến làm cuộc cách mạng thứ hai. Người cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Nếu không phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì vẫn là cách mạng nửa vời, cách mạng chưa đến nơi đến chốn, bởi lẽ *“nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”*¹. Hiện nay, một số thế lực cho rằng cần gì phải gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng xã hội chủ nghĩa, một số nước sau khi giải phóng dân tộc họ không tiến lên xã hội chủ nghĩa, nhưng họ có sao đâu. Nói như vậy, thật không hiểu lịch sử, không đứng trên quan điểm lịch sử cụ thể.

Thử hỏi khi đó không gắn cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thì liệu có giải phóng được dân tộc hay không? Ngược lại, nếu không gắn nó với cách mạng vô sản thì gắn nó với cái gì, với chủ nghĩa đế quốc chẳng? Ta bị đế quốc đô hộ, muốn giải phóng khỏi đế quốc lại gắn với đế quốc thì chỉ là ảo tưởng,

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 56.

điều này phần nào thấy ở hai cụ Phan, rốt cuộc đều đi đến thất bại. Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra điều đó, khi phê phán Phan Châu Trinh là “*cầu Pháp rủ lòng thương*”, còn Phan Bội Châu là “*đuối hùm cửa trước rước beo cửa sau*”.

Bây giờ chỉ còn một vấn đề đặt ra nữa: hay là chúng ta tự lực, không cần ai? Điều này cũng không được bởi lẽ đế quốc Pháp là một nước nằm trong hệ thống đế quốc, chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, chúng có thể hỗ trợ, cố kết, giúp đỡ nhau để tiêu diệt phong trào dân tộc, nhất là phong trào dân tộc ở một nước nhỏ bé như nước ta. Tất nhiên phương châm kháng chiến của ta vẫn là tự lực cánh sinh là chính, nhưng thử hỏi nếu không có sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô và người bạn láng giềng lớn Trung Quốc liệu cách mạng Việt Nam có thuận buồm xuôi gió được hay không? Ở đây cần phải có quan điểm lịch sử và từ đó mới thấy được thiên tài của Hồ Chí Minh.

Trải qua trăm trở hơn 10 năm bôn ba đi khắp thế giới, Người đã tìm ra cái “*cẩm nang*” để cứu một dân tộc đang chìm đắm trong đêm tối mà chưa có đường đi, đó là chủ nghĩa Lênin. Người cảm động sung sướng vui mừng đến phát khóc. Ngồi một mình trong buồng tối, Người nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “*Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta*”¹. Theo Người, “*Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin*”. Sau này, Người cho rằng chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam không những là “*cẩm nang*” thần kỳ, không những là kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lúc đầu chính là do chủ nghĩa yêu nước mà Người tin theo Lênin. Rồi từng bước một, Người đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 217.

cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức, giai cấp công nhân và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Người cho rằng chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới.

Tóm lại, chỉ có gần giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội thì chúng ta mới làm cách mạng đến nơi đến chốn, như vậy mới giải phóng được một cách triệt để người dân lao động, mới mang lại cho người dân hạnh phúc, tự do, bình đẳng và có như vậy mới không để quyền trong tay một bọn ít người, và do đó chúng ta không phải làm cách mạng nhiều lần.

Đường lối này không phải là chủ trương phi hiện thực, không có cơ sở. Một mặt, nó xuất phát từ truyền thống phương Đông và Việt Nam. Ở Việt Nam đã có truyền thống muốn cứu khổ cho con người một cách triệt để như các vua thời Lý - Trần mà ta đã phân tích ở trên. Mặt khác, ở phương Đông đặc biệt là trong Nho giáo có quan điểm “thế giới đại đồng”, tức cả thế giới là một gia đình lớn, chung một mái nhà, thế giới hòa bình, không còn ranh giới quốc gia, lãnh thổ, dân tộc nữa. Nhưng còn một cơ sở khá quan trọng mà các nhà nghiên cứu ít nói tới, đó chính là cái mà Hồ Chí Minh đã nhận ra rằng các nước châu Á dễ tiến lên chủ nghĩa xã hội hơn các nước châu Âu.

Một cơ sở thực tế nữa là ngay những năm 30 của thế kỷ XX, Người đã nhìn ra xu hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội của nhiều dân tộc và xu hướng của chủ nghĩa xã hội sẽ ngày càng lớn mạnh chi phối sự phát triển của xã hội loài người. Mặc dù hiện nay chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào nhưng vào thời đó, Người đã nhìn ra xu hướng vận động của lịch sử, nhất là sau chiến thắng phát xít Đức năm 1945.

Ở Việt Nam, sau khi một nửa nước giải phóng, việc đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng là nhu cầu của hàng chục triệu

người lao động. Tại sao lại như vậy? Chủ nghĩa xã hội có những ưu điểm gì? Hồ Chí Minh đã vạch ra mô hình về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên những nét chấm phá lớn tương đối cụ thể.

Trước hết ta thấy Mác và Ăngghen đã chỉ ra phương hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người qua học thuyết về các hình thái kinh tế xã hội mà sự phát triển của chúng là một quá trình lịch sử tự nhiên. Nếu chế độ tư bản tất yếu ra đời thay thế chế độ phong kiến thì đến lượt mình, chế độ tư bản có thể ngắn hay dài, trải qua một hay nhiều giai đoạn, đến một lúc nào đó, tất yếu sẽ phát triển thành một chế độ cao hơn, cái mà hai ông gọi là chế độ cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu là chế độ xã hội chủ nghĩa. Hai ông cũng đã vạch ra những đặc trưng cơ bản của xã hội sau tư bản như xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, giải phóng con người khỏi tình trạng bị bóc lột về kinh tế, bị áp bức về chính trị, bị nô dịch về tinh thần, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện, phát triển hết khả năng của mình.

Với Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, chủ nghĩa xã hội đã từ lý luận trở thành hiện thực. Mặc dù hiện nay chủ nghĩa xã hội vẫn còn ở trong giai đoạn thoái trào, khủng hoảng, nhưng học thuyết hình thái kinh tế xã hội khẳng định rằng mặc dù chủ nghĩa tư bản có thể trải qua một giai đoạn (như Mác, Ăngghen phân tích), hai giai đoạn (chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc như Lênin phân tích), hay nhiều giai đoạn, nhưng tất yếu nó phải phát triển thành một chế độ cao hơn, chế độ cộng sản chủ nghĩa. Đó là một tất yếu lịch sử. Hồ Chí Minh gọi đó là sự phát triển và tiến bộ không ai ngăn cản được.

Sự phát triển tất yếu lên chủ nghĩa xã hội còn thể hiện ở chỗ, tại các nước thuộc địa, chủ nghĩa tư bản đã bóc lột hết toàn bộ những mặt xấu xa của nó: sự bóc lột dã man tàn bạo; bịt miệng khóa mồm con người bằng súng liên thanh với lưỡi lê; người bản xứ bị đầu độc bằng rượu, thuốc phiện, tôn giáo; họ sống như nô lệ, không có bất cứ một quyền tự do nào,... Hồ Chí Minh cho rằng

chủ nghĩa tư bản dựa trên sự ngu dốt, quyền con người được thay bằng quyền của kẻ mạnh.

Cách mạng dân chủ tư sản chỉ là sự thay thế một hình thức áp bức bóc lột này bằng một hình thức áp bức bóc lột khác, còn đại bộ phận người lao động vẫn sống nghèo khổ. Chỉ có cuộc Cách mạng tháng Mười Nga mới giải phóng triệt để cho người lao động, dân cày mới có ruộng, các dân tộc nhỏ yếu mới giành được độc lập. Từ đó, Người đi đến kết luận: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*. Đặt cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo cách mạng vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, khiến cho quan điểm giải phóng mang tính triệt để. Độc lập dân tộc là tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nêu ra những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Nhìn tổng quát, Người cho rằng chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu được nhân loại; đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc, nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no; đem lại việc làm cho mọi người và vì mọi người; đem lại niềm vui, hòa bình, hạnh phúc; đem lại cho nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau.

Từ đó, để trả lời câu hỏi "Chủ nghĩa xã hội là gì?", Người cho rằng nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no, và sống một đời hạnh phúc. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là làm cho con người, trước hết là nhân dân lao động thoát khỏi nghèo nàn, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có công ăn việc làm. Người nhấn mạnh mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Qua đây ta thấy những tiêu chí của chủ nghĩa xã hội ở Hồ Chí Minh là no ấm, hạnh phúc, thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Một xã hội mà mọi người đều được như vậy thì quả là một xã

hội lý tưởng. Để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc thì nhiệm vụ quan trọng bậc nhất, đầu tiên là phát triển sản xuất.

Trong lần phát biểu tại Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa I, kỳ họp thứ VIII năm 1958, Người nói: "*Cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhằm xóa bỏ mọi chế độ người bóc lột người ở nước ta, nhằm đưa lại đời sống no ấm cho toàn dân ta*"¹. Ở đây ta thấy xuất hiện một tiêu chí nữa của chủ nghĩa xã hội: Xóa bỏ mọi chế độ người bóc lột người ở nước ta. Theo Người, xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng một xã hội không có người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít thì hưởng ít, không làm không hưởng. Như vậy, chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ chế độ bóc lột, trong lao động và hưởng thụ thì công bằng, bình đẳng.

Nói chuyện trong buổi lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, năm 1960, Người cho rằng kiến thiết chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống vui tươi, no ấm và mỹ tục thuần phong. Theo đó, xây dựng chủ nghĩa xã hội tức là xây dựng một đời sống văn hóa tốt đẹp, vui tươi, xây dựng những phong tục tập quán tốt đẹp.

Người cho rằng, mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động. Chủ nghĩa xã hội còn gắn liền với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật. Chỉ có trong chủ nghĩa xã hội thì mọi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách sở trường riêng của mình.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa, theo Bác, là một cuộc cách mạng nhằm đánh thắng lạc hậu và bần cùng, để xây dựng hạnh phúc muôn đời cho nhân dân ta, cho con cháu ta. Chủ nghĩa xã hội là làm cho đời sống nhân dân ngày càng sung sướng, ăn no, mặc ấm, được học hành, ốm đau có thuốc. Chủ nghĩa xã hội là no ấm, đoàn kết, vui khỏe,...

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 156.

Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... làm của chung, tức thiết lập chế độ sở hữu công cộng,...

Qua những bài nói chuyện, phát biểu, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh ta thấy những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội như sau:

1) Về chính trị, chủ nghĩa xã hội là chế độ do nhân dân làm chủ, Nhà nước là Nhà nước dân chủ nhân dân, từ đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, phát huy được mọi tiềm năng sáng tạo, huy động được tính tích cực của mọi người vào sự nghiệp chung.

2) Về kinh tế, chủ nghĩa xã hội là chế độ có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là chủ yếu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

3) Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục, con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, mọi người có cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú, tạo điều kiện để phát triển mọi tiềm năng, khả năng của mình. Cán bộ phải có văn hóa làm gốc. Người cách mạng với người tri thức, người văn hóa hòa quyện vào nhau theo phương châm:

Độc thư bất vong cứu quốc

Cứu quốc bất vong độc thư.

Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi. Chủ nghĩa xã hội là xây dựng cho được mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, cần xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa có đạo đức cách mạng và có tài.

4) Chủ nghĩa xã hội là một xã hội công bằng, hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng, các dân tộc bình đẳng, miền núi được giúp đỡ để tiến kịp miền xuôi.

5) Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Và muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công nông, đồng thời quan tâm đúng mức tới nhu cầu lợi ích cá nhân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, thực hiện công bằng xã hội, phát triển dân trí; mặt khác, phải chống tham ô, lãng phí; quan liêu; chống chủ nghĩa cá nhân, chống chia rẽ, bè phái, cơ hội của quyền, mất đoàn kết, vô kỷ luật; chống chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập; chống giặc nội xâm.

Qua phân tích trên ta thấy mô hình, những nét chấm phá về chủ nghĩa xã hội ở Hồ Chí Minh đã tương đối rõ nét. Đó là xã hội lý tưởng mà nhân dân ta cần xây dựng và hướng tới, xã hội này là ước mơ ngàn đời của dân tộc ta. Những anh hùng trước kia sau khi giải phóng đất nước lại thiết lập nên một triều đại mới, còn nhân dân lao động vẫn như trước kia, họ chỉ thoát khỏi cái khổ nạn ngoại xâm, còn vẫn khổ cực, vẫn là những người bị trị, được bề trên chận dặt vì là con đỏ của vua chúa; còn sau khi đánh đuổi quân xâm lược dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chí Minh, dân ta đặc biệt là những người lao động đã thoát khỏi kiếp bị trị, “con đỏ”, và trở thành người chủ thực sự của nước nhà. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc mới có được cuộc cách mạng vĩ đại đến như vậy. Bởi vậy, không quá khi nói rằng Hồ Chí Minh là vị anh hùng vĩ đại nhất trong các anh hùng của dân tộc Việt Nam. Điều này thể hiện ở chỗ Người đã lãnh đạo toàn dân tiến hành cuộc cách mạng đến nơi đến chốn, cứu khổ một cách triệt để đối với mọi người dân Việt Nam. Nếu như trước kia, việc cứu khổ một cách triệt để của các vua thời Lý - Trần chủ yếu chỉ là nguyện vọng, mong muốn, thì ở Hồ Chí Minh không chỉ là mong muốn mà đang và sẽ trở thành hiện thực. Hiện nay xã hội ta vẫn còn mặt này mặt nọ, một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất, nhưng với chủ trương đường lối đúng đắn, chúng ta đang tiến dần đến xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh như Bác Hồ của chúng ta vẫn hằng mong đợi.

TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH LỊCH SỬ TRONG HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH - HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. LÊ VĂN TÍCH*

1. Vừa tròn một thế kỷ, kể từ khi Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc và sau này là Hồ Chí Minh rời bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước (ngày 5-6-1911 – ngày 5-6-2011). Đối với Nguyễn Tất Thành đây không phải là quyết định giản đơn, tình cờ, mà là kết quả tổng hợp của một quá trình phân tích, lý giải khoa học những nhân tố thuận - nghịch của bối cảnh trong nước và thế giới tác động đến cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, để lựa chọn đúng hướng đi và xác định con đường cứu nước thành công. Đối với tiến trình giải phóng dân tộc, đây là sự kiện mang nội dung cách mạng và ý nghĩa lịch sử lớn lao. Bởi lẽ, sự kiện lịch sử này vừa là mốc kết thúc một quá trình tổng hợp những yếu tố chủ quan và khách quan của bối cảnh lịch sử, vừa là bước khởi đầu hành trình cứu nước của Hồ Chí Minh hồi đầu thế kỷ XX. Vì vậy, ý nghĩa và tầm vóc lớn lao của nó mãi mãi được ghi nhận và phát huy trong suốt hành trình cứu nước của Người trước đây và trên con đường đổi mới đất nước hiện nay.

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Trước hết cần nói rõ khái niệm “tác động của bối cảnh lịch sử” là gì? Theo chúng tôi: một là, không phải toàn bộ bối cảnh lịch sử (trong nước và thế giới) đều tác động đến hành trình cứu nước của Hồ Chí Minh. Do đó, bài viết này sẽ không nghiên cứu toàn bộ bối cảnh cuộc hành trình, mà chỉ đi sâu nghiên cứu những sự kiện lịch sử được Người biết đến và gây tác động đến quá trình hình thành con đường cứu nước của Người. Hai là, bối cảnh không phải là bức tranh bất động mà nó thường xuyên thay đổi và gây ảnh hưởng đến xu thế phát triển, hoạt động của mỗi tổ chức, con người. Vì vậy, bối cảnh lịch sử tác động đến hành trình cứu nước của Hồ Chí Minh bao gồm những sự kiện lịch sử mà Người nhận thức, trước hết phải kể đến những sự kiện mang ý nghĩa thời đại, gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam...

Điểm khởi đầu Hành trình cứu nước của Hồ Chí Minh là sự kiện ngày 5 tháng 6 năm 1911. Tiếp đó là quá trình vừa lao động vừa học tập lý luận và hoạt động thực tiễn để tìm ra con đường giải phóng dân tộc thành công. Đó là những năm tháng bôn ba đầy khó khăn của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ở nhiều quốc gia, châu lục. Vì vậy, nghiên cứu tác động của bối cảnh lịch sử đến hành trình cứu nước của Hồ Chí Minh không chỉ nghiên cứu những nhân tố hình thành quyết tâm và hướng đi mà còn nghiên cứu làm rõ hàng loạt yếu tố mới mà Người “bắt gặp”- nhận thức trong quá trình hình thành đường lối cứu nước của mình.

Vì vậy, ở đây không cần thiết phải thống kê đầy đủ tình hình trong nước và thế giới, cũng không phải mô tả kỹ lưỡng những sự kiện lịch sử đã diễn ra vì đó là bối cảnh chung mà bất kỳ con người đương thời nào đều sống trong đó, dù họ có nhận thức được “bối cảnh” ấy hay không.

Vậy bối cảnh lịch sử tác động đến sự hình thành quyết tâm và hướng xuất dương tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh là gì?

2. Cuối thế kỷ XIX, sự kiện lịch sử tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam; làm thay đổi kết cấu giai cấp, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống mọi người dân (trong đó có họ hàng, gia đình và bản thân Hồ Chí Minh) là thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Sau thời kỳ “bình định”, thực dân Pháp thi hành chính sách “khai thác thuộc địa” - thực chất là tăng cường bóc lột, vơ vét thuộc địa. Vì vậy, đời sống nhân dân lao động đã khó khăn, càng thêm khốn đốn. Hậu quả là Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.

Sang đầu thế kỷ XX, đời sống các tầng lớp nhân dân càng bị bần cùng hóa. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và chế độ thuộc địa ngày một gay gắt, trở thành mâu thuẫn vừa cơ bản, vừa chủ yếu. Bên cạnh đó, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ càng gay gắt. Đây là trở lực lớn, kìm hãm sự phát triển của xã hội Việt Nam.

Vì vậy, chỉ có giải quyết thành công những mâu thuẫn trên đây - đồng nghĩa với việc tìm ra con đường cứu nước, giành lại độc lập dân tộc thì xã hội Việt Nam mới tiếp tục phát triển. Đó là đòi hỏi khách quan, cấp bách của cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỷ XX.

Để giải quyết mâu thuẫn trên, nhiều phong trào đấu tranh diễn ra sôi nổi với mục tiêu “Phen này quyết chống cả Triều lẫn Tây”. Đó là phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực... do các sĩ phu yêu nước chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh lãnh đạo hay khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc Dân đảng dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài... rồi khởi nghĩa nông dân Yên Thế dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám kéo dài hơn 30 năm... Đó là trang sử đấu tranh vẻ vang của dân tộc trên con đường đấu tranh giành độc lập. Mặc dầu diễn ra sôi nổi, rộng khắp các vùng miền, nhưng tất cả các cuộc đấu tranh cuối cùng đều thất bại. Bối cảnh lịch sử này được Hồ Chí Minh mô tả trong bài *Con đường cứu nước và giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay*: “Trong suốt gần một thế

kỳ thống trị của thực dân Pháp, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam không ngừng phát triển, kẻ trước ngã, người sau đứng dậy. Nhưng tất cả những cuộc khởi nghĩa yêu nước ấy đã bị chìm trong máu. Những đám mây đen lại bao phủ đất nước Việt Nam”¹.

Thực tế thất bại của lớp cha ông đã chỉ ra rằng: sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản trước nhiệm vụ lịch sử đặt ra là lãnh đạo toàn dân chống Pháp, giành lại độc lập dân tộc. Cách mạng Việt Nam khủng hoảng về đường lối, tức là thiếu hệ thống lý luận cách mạng tiên tiến của giai cấp công nhân có khả năng dẫn dắt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam thành công. Câu hỏi của “bài toán thế kỷ” đặt ra cho dân tộc ta: *Ai là người lãnh đạo thành công nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở Việt Nam?* đến lúc này vẫn chưa có lời giải.

Bối cảnh trên đây, sau này được Hồ Chí Minh nói rõ khi trả lời nhà văn Mỹ Anna Louise Strong: *“Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác lại nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ”*.

Xuất thân từ gia đình trí thức phong kiến có truyền thống yêu nước, trọng nghĩa, Hồ Chí Minh sớm mang trong mình lòng yêu nước, thương dân. Tuổi học đường của Người gắn bó với những năm tháng quan trường ngăn ngui đầy trắc trở của người cha Nguyễn Sinh Huy. Người đã theo cha đến cả ba miền đất nước, biết được cuộc sống khó khăn của người dân mất nước dù họ ở xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ “bảo hộ” hay Nam Kỳ “thuộc địa”. Người có thời gian sống ở Huế. Đó là điều kiện để Người tìm hiểu, làm quen với cuộc sống quan chức, hoàng triều. Tuy nhiên thực tế ấy đã làm cho Người thấy rõ hơn cuộc sống phụ thuộc, thấp hèn của giới quan chức, tay sai. Từ những trải nghiệm đầu đời của mình và cuộc sống lận đận, trắc trở của người cha, Hồ Chí Minh càng

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 314.

thấu hiểu ý nghĩa thực tế của câu chuyện cha mình thường bình giải “*Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ*”. Cho nên, đầu năm 1910, sau khi ông Nguyễn Sinh Huy bị bãi chức thì ông vào Nam Kỳ hành nghề bốc thuốc trị bệnh cứu người, còn Hồ Chí Minh thì thấy rõ hơn sự thối nát của chế độ quan trường. Điều này càng thôi thúc Người quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Trong tác phẩm *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Trần Dân Tiên đã viết: “*Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, Anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc*”¹.

Tuy nhiên, đi đâu và làm gì để tìm ra con đường cứu nước thành công luôn là công việc hết sức khó khăn. Bởi lẽ, bọn thực dân rất bùng bít tư tưởng mới, ngăn trở sách báo tiến bộ với âm mưu giam hãm dân ta trong vòng nô lệ. Người đã nói với nhà báo Liên Xô Ôxip Mandenxtam: “*Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế... Trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người ta như con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của các nhà văn mới, mà cả Rút-xô và Mông-tê-xki-ơ cũng bị cấm. Vậy thì làm thế nào bây giờ? Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài*”².

Trong quá trình xác định con đường cứu một dân tộc, lòng căm thù giặc và quyết tâm chưa đủ, mà còn phải lý giải được nguyên nhân thất bại của các bậc tiền bối, hiểu được điều kiện chủ quan và khách quan của bối cảnh lịch sử, trên cơ sở đó mà vạch ra hướng đi của con đường cũng như những yếu tố đảm bảo thắng lợi.

Trước thất bại liên tiếp về con đường cứu nước của các bậc tiền bối, Người nhận xét:

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 12.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Sdd, tr. 477.

“Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... Điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương.

Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau.

Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì còn trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo người ta kể thì Cụ còn mang nặng cốt cách phong kiến”¹.

Từ những trải nghiệm cuộc sống và với quyết tâm lớn, Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện ra mâu thuẫn giữa chế độ đàn áp bóc lột dã man của bọn thực dân ở Việt Nam với cái lý tưởng cao đẹp của nước Pháp - quốc gia đã đề xướng ra lý tưởng cao đẹp và hấp dẫn mọi con người “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, muốn biết cái gì bí mật ẩn náu ở “nước Mẹ” xa xôi! Người cho rằng “Muốn đánh hổ thì phải vào hang hổ!”. Và chính những nhận thức về bối cảnh đất nước và những tìm hiểu của Hồ Chí Minh về nước Pháp đã thôi thúc Người sang Pháp và các nước khác... Đây không phải là hành động ngẫu nhiên, tự phát mà là sự lựa chọn, trăn trở; một quyết tâm lớn, nhằm đáp ứng đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam.

Quyết định sang phương Tây của Hồ Chí Minh là sự phủ nhận sự tồn tại nhà nước thực dân nửa phong kiến ở Việt Nam. Đó là đòn tiến công đầu tiên của Hồ Chí Minh đối với nhà nước đương thời, mở cửa ra thế giới để đón nhận những nhân tố mới của thời đại, tiếp thu lý luận tiên tiến, tích hợp tinh hoa văn hóa nhân loại để hình thành con đường cứu nước Việt Nam thông qua Hành trình cứu nước của một con người - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Ngày 3 tháng 6 năm 1911, Người xuống tàu buôn Pháp Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) thuộc Hãng Năm sao

¹ Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 10.

đang cập cảng Nhà Rồng gặp thuyền trưởng Maixen (Maisen) và được nhận vào làm phụ bếp trên tàu. Ngày 5 tháng 6 năm 1911 tàu Amiran Latusơ Tơrêvin rời bến cảng Sài Gòn mang theo người thanh niên Việt Nam 21 tuổi với khát vọng cháy bỏng là tìm ra con đường cứu nước Việt Nam khỏi ách thống trị thực dân phong kiến.

3. Khi rời Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có quyết tâm cao, nhưng sự hiểu biết về thế giới còn hạn chế. Sự ra đi ấy khẳng định một quyết tâm lớn, nhưng biết bao câu hỏi còn bỏ ngỏ. Vốn hiểu biết của Người chưa đủ để có thể nhận thức được đặc điểm, xu thế của thời đại. Từng bước một, vừa lao động kiếm sống, vừa học tập lý luận và hoạt động xã hội, Hồ Chí Minh dần dần nhìn ra bối cảnh của hành trình tìm đường cứu nước. Từ hoạt động trong nhiều tổ chức chính trị, xã hội, những trải nghiệm cuộc sống ở nhiều quốc gia trong thập niên 10, 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh sớm nhìn ra những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam như con đường Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng Lênin và đường lối giải phóng thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Nhiều bài viết, bài nói, báo cáo của Hồ Chí Minh gửi Quốc tế Cộng sản đã thể hiện quá trình nhận thức của Người về thời cuộc và sự tổng hợp, vận dụng sáng tạo những nhân tố tích cực của bối cảnh lịch sử để hình thành con đường cứu nước của mình.

Điều cần lưu ý ở đây là Hồ Chí Minh rời Tổ quốc hoà nhập vào thế giới trong thời điểm chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Hệ thống thuộc địa đã hình thành trên phạm vi thế giới. Trong tham luận trình bày tại Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản (1924), Hồ Chí Minh chỉ rõ: Năm 1876: có 1/4 tỷ người dân thuộc địa thì năm 1914 có 1/2 tỷ dân thuộc địa. Đến đầu những năm 20 diện tích các nước thuộc địa gấp 5 diện tích các nước chính quốc, còn dân số chính quốc chưa bằng 3/5 số dân các nước thuộc địa. Số dân thuộc địa Anh đông gấp hơn 8,5 lần số dân nước Anh, còn đất đai rộng gấp 252 lần của nước

Anh... Cuộc đấu tranh giải phóng của các thuộc địa và phụ thuộc tuy đã được đẩy mạnh ở các nước châu Âu như Airolen, Ba Lan nhưng chưa có nước nào giành được độc lập. Còn ở châu Á, tuy đã trỗi dậy một “châu Á thức tỉnh” nhưng các quốc gia lớn như Ấn Độ, Trung Quốc, Indônêxia vẫn đang là thuộc địa của bọn đế quốc. Trên phạm vi toàn thế giới chưa có một thuộc địa nào được giải phóng. Con đường giải phóng dân tộc chưa có một hình mẫu, tấm gương soi chung!

Vì vậy, hành trình cứu nước của Hồ Chí Minh lúc này cũng mới chỉ là quyết tâm và định hướng. Người bắt đầu bằng nghề phụ bếp rồi sau đó là công nhân trên tàu buôn Pháp. Nhờ đó, Người có dịp qua nhiều quốc gia như: Xingapo, Côlômbô, Aicập, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Mỹ. Đầu năm 1913 Người từ Mỹ về Lơ Havorơ sau đó sang Anh. Tại đây, Người làm nghề đốt lò, quét tuyết, phục vụ khách sạn. Bất kỳ hoàn cảnh nào, Người thường xuyên chú ý tìm hiểu đời sống và gần gũi với người lao động. Người rất xúc động trước điều kiện sống cực khổ và bị đàn áp của người da đen¹. Sau những tháng năm trải nghiệm cuộc sống người dân thuộc địa làm thuê, Người dần dần nhận ra một điều: ở đâu cũng có người nghèo và sự giàu nghèo không phụ thuộc vào màu da, chủng tộc. Người lao động ở đâu cũng khổ cực và biết thương yêu nhau.

Cuối năm 1917, Người từ Anh trở lại Pháp, vừa tiếp tục lao động kiếm sống, vừa tích cực tham gia hoạt động chính trị xã hội. Người liên hệ chặt chẽ với công nhân Pháp, những đại biểu thuộc địa và những người Việt Nam yêu nước tại Pháp. Đây là thời kỳ hoạt động sôi nổi và có hiệu quả trong hành trình tìm thấy con đường cứu nước Việt Nam. Đầu năm 1919, Người vào Đảng Xã hội Pháp: “Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: *Tự do, Bình đẳng, Bác*

¹ Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 40 - 50.

ái”¹. Giữa năm 1919, Người thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi “Bản yêu sách tám điểm” của nhân dân An Nam tới Hội nghị các nước đế quốc họp tại Vécxây (Versailles). Mặc dù yêu sách chỉ nêu những yêu cầu tối thiểu trong khuôn khổ cải cách, nhưng các tác giả của bản yêu sách ấy đã không nhận được một lời phúc đáp. Từ thực tế ấy, Người kết luận: “*Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình*”². Thực tế trên đây đã giúp Hồ Chí Minh hiểu thêm bối cảnh khách quan mà hành trình cứu nước không thể bỏ qua. Hành trình đi tìm con đường cứu nước của Hồ Chí Minh vẫn đang tiếp tục.

Sự kiện cực kỳ quan trọng làm chuyển biến cơ bản nhận thức con đường cứu nước giải phóng dân tộc của Người là được đọc bản “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* (L’Humanité) tháng 7-1920. Luận cương đã mang lại cho Người ánh sáng về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa. Khẳng định ý nghĩa to lớn của Luận cương trong hành trình tìm ra con đường cứu nước, sau này Người viết: “*Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đoạ đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”*”³. Cho đến cuối đời, Hồ Chí Minh càng trung thành với con đường độc lập dân tộc bao nhiêu, thì càng trung thành bấy nhiêu với những lý luận Lênin viết trong Sơ thảo Luận cương và đường lối của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Điều này thể hiện rất rõ khi Người trả lời phỏng vấn nhà báo Pháp Sáclo Phuócniô: “*Từ ngày Luận cương của Lênin đã hoàn toàn soi sáng cho tôi, tôi không còn chỉ dự các cuộc họp của Đảng một cách thụ*

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sdd, tr. 31.

² Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sdd, tr. 41 - 42.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sdd, tr. 127.

động nữa. Tôi lao vào cuộc chiến đấu, hăng hái bàn cãi, tiến công mạnh mẽ những kẻ chống lại Lenin và Quốc tế thứ ba”¹.

Sự kiện được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lenin cùng với những hoạt động sát cánh với công nhân, trí thức Pháp và các đại biểu thuộc địa cùng đồng bào mình trên đất Pháp trước đó đã tạo tiền đề quan trọng để tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tua tháng 12 năm 1920, Hồ Chí Minh tích cực thảo luận và sớm quyết định bỏ phiếu ủng hộ Đảng mình gia nhập Quốc tế III. Người đã tham gia dự thảo *Nghị quyết về chủ nghĩa Cộng sản và các thuộc địa* và *Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa* tại Đại hội lần thứ nhất (1921) và lần thứ hai (1922) của Đảng Cộng sản Pháp. Người đã trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên có nhiều đóng góp tích cực cho vấn đề giải phóng thuộc địa.

Với những sự kiện trên đây, Hồ Chí Minh đã từ người yêu nước trở thành người cộng sản chân chính. Và đây còn là mốc quan trọng đánh dấu việc Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cứu nước. Người đã hoàn thành sứ mạng *Người tìm thấy con đường cứu nước Việt Nam*.

Tiếp theo là những hoạt động của Hồ Chí Minh với sứ mạng *Người dẫn đường cứu nước đến thắng lợi*.

Tìm thấy đường lối, con đường cứu nước đã khó, tiến hành tuyên truyền vận động quần chúng và tổ chức thắng lợi đường lối ấy trên thực tế còn khó hơn nhiều. Vì trong suốt tiến trình thực tế hóa đường lối ấy, người lãnh đạo có quyết tâm chưa đủ mà còn phải đánh giá đúng tình hình, lựa chọn đúng thời điểm, địa bàn “đột nội” và phải tìm được những cộng sự có thực tế và kinh nghiệm vận động tổ chức quần chúng. Tháng 6-1923, trong thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp, Người phác họa công việc của

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tr. 471.

mình - người dẫn đường cứu nước khi trở về Tổ quốc là: *"Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng là trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"*¹. Tuy nhiên con đường ấy còn nhiều gian truân. Người đã trải qua nhiều công việc, hoạt động ở nhiều quốc gia như nghiên cứu lý luận tại Đại học Phương Đông, dự nhiều Hội nghị quốc tế tại Liên Xô, làm cán bộ Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản và nhiều năm làm phiên dịch trong Phái bộ Bôrôđin tại Trung Quốc (1924 - 1927). Cũng trong thời gian này, tại Quảng Châu, Người đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giữa năm 1927 Người trở lại Liên Xô, thực hiện nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao ở Pháp, Bỉ, Đức, Thụy Sĩ, Ý rồi về Xiêm, Thái Lan, Trung Quốc. Đầu năm 1930 tại Hồng Kông (Trung Quốc), Người đã chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Cũng tại đây, từ giữa năm 1931 đến năm 1933, Người bị thực dân Anh bắt giam. Đầu năm 1934 sau khi được trả tự do, Người trở lại Liên Xô học Trường Quốc tế Lênin và làm nghiên cứu sinh tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa (thuộc Ban Phương Đông, Quốc tế Cộng sản). Thành công nổi bật trong hoạt động cách mạng của Người là nhận thức và giải quyết thoả đáng mối quan hệ dân tộc và giai cấp - vấn đề quan trọng và nhạy cảm mà ngay Quốc tế Cộng sản cũng có lúc mắc sai lầm. Người rất chú ý đặc điểm và truyền thống dân tộc, nhưng không vì thế mà xa rời lập trường giai cấp. Điều này được thể hiện qua luận điểm: *"Vây là màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"*². Những luận điểm sáng tạo về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng thuộc địa còn được thể hiện rõ trong nhiều bài báo, đặc biệt trong tham luận của Người được trình bày tại Đại hội V của Quốc tế

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tr. 192.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tr. 266.

Cộng sản năm 1924. Trong bối cảnh Quốc tế Cộng sản chịu ảnh hưởng sâu sắc của trào lưu “tả” khuynh, biệt phái từ sau khi Lênin qua đời (1924), đặc biệt sau Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản (1928). Người vẫn kiên trì học tập lý luận và thường xuyên lập kế hoạch về nước thực thi con đường cứu nước, tìm cách bắt liên lạc với Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở trong nước.

Nét đặc sắc nhất cuộc hành trình cứu nước 30 năm là không bao giờ Người xa rời mục đích về nước cứu đồng bào. Khi ở Liên Xô dự Đại hội lần thứ VI Quốc tế Thanh niên, Người nói với nhà văn I. Êrenbua: *“Tôi chỉ có một mong ước là sớm trở về Tổ quốc”*¹. Khi đang hoạt động trong Bát lộ quân Trung Quốc, Người vẫn bí mật liên lạc với Ban lãnh đạo Đảng trong nước chuẩn bị xây dựng căn cứ địa vùng biên giới Việt Trung. Cuối tháng 6 năm 1940, ngay sau khi Pháp đầu hàng phát xít Đức, Người chỉ thị gấp cho đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không đi học Trường Quân chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Diên An nữa mà cùng các đồng chí Phùng Chí Kiên, Vũ Anh đi Quế Lâm, Nam Ninh (Quảng Tây) hướng về Cao Bằng đón thời cơ mới. Đầu năm 1941, sau 30 năm ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh kết thúc *Hành trình tìm đường cứu nước*, về vùng rừng núi Cao Bằng - địa đầu Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo dân tộc thực hành đường lối cứu nước mới, mở ra giai đoạn mới trong công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam.

4. Ra đi tìm đường cứu một quốc gia là nhiệm vụ vô cùng khó khăn. Nhưng tìm thấy con đường ấy và điều quan trọng tiếp theo là bổ sung, hoàn thiện nó cho phù hợp với điều kiện cụ thể rồi đưa về áp dụng trong nước là việc khó gấp bội phần. Sau nhiều lần thất bại của các bậc tiền bối, Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên kết hợp thành công sức mạnh trong nước và quốc tế - dân tộc và thời đại, yếu tố khách quan và chủ quan để tìm ra lời giải cho “Bài toán thế kỷ” đã đặt ra cho dân tộc ta từ đầu thế kỷ XX. Người

¹ Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 63.

đã khảo sát thực tế, nghiên cứu lý luận, tổng kết kinh nghiệm của nhiều thế hệ đã tìm thấy con đường cứu Việt Nam khỏi ách thống trị thực dân phong kiến. Tuy nhiên cần thấy rõ, đây không phải đơn giản là việc lựa chọn một mô hình con đường có sẵn để vận dụng vào Việt Nam. Mặc dù Luận cương của Lênin cũng như những quan điểm của Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp có vị trí quan trọng trong “con đường cứu nước” mà Hồ Chí Minh tìm đến, song chỉ ngần ấy thôi, chưa phải là con đường cứu nước Hồ Chí Minh. Bởi lẽ đó chỉ là những nguyên tắc lý luận, định hướng mang tính phổ biến. Con đường cứu nước Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo những nguyên tắc, quan điểm ấy vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam không chỉ được tạo ra bởi tác động mạnh mẽ của bối cảnh lịch sử mà còn bởi những đóng góp đầy sáng tạo của Hồ Chí Minh. Thắng lợi công cuộc giải phóng ở Việt Nam đã mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi thế giới. Đó tác động trở lại của cách mạng Việt Nam với thế giới, dấu ấn của Hồ Chí Minh với thời đại. Do đó, thế giới đã tôn vinh Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa kiệt xuất.

ẢNH HƯỞNG CỦA GIA ĐÌNH VỚI QUYẾT ĐỊNH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH

TS. ĐẶNG VĂN THÁI*

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trước hành động tấn công xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân ta đã vùng lên chiến đấu chống xâm lược. Các phong trào đấu tranh diễn ra hết sức anh dũng nhưng đều bị kẻ thù dập tắt trong bể máu. Triều đình phong kiến nhu nhược chống trả một cách yếu ớt, từng bước đầu hàng quân xâm lược. Các phong trào đấu tranh do các sĩ phu lãnh đạo không đủ sức qui tụ khối đại đoàn kết dân tộc. Đất nước rơi vào sự khủng hoảng về con đường cứu nước và phục hưng dân tộc.

Sinh ra trong một gia đình trí thức có truyền thống yêu nước, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã được giáo dục, hình thành lòng thương yêu đồng bào từ nhỏ. Từ tuổi ấu thơ, Người đã trực tiếp chứng kiến cảnh dân tộc bị rơi vào vòng nô lệ, nhân dân sống trong cảnh lầm than đau khổ. Tình cảm yêu nước thương dân, khao khát đất nước được độc lập, nhân dân được tự do hạnh phúc đã thúc đẩy, thôi thúc Người quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, lấy tên là Văn Ba, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Sài Gòn quyết tâm thực hiện tâm

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

nguyện mà Anh hằng ấp ủ tìm ra con đường để “đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào”.

Trong các yếu tố tác động dẫn đến quyết định nói trên của Nguyễn Tất Thành, vai trò của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là hết sức to lớn. Cụ là người cha, người thầy mẫu mực, là tấm gương về lòng yêu nước thương dân; người vun đắp ý chí, nghị lực, tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh của Tổ quốc cho người con thân yêu của mình. Cụ đã kiên trì giúp Nguyễn Tất Thành chuẩn bị hành trang cần thiết cho cuộc dấn thân gian khổ đi tìm đường cứu nước, cứu dân - điều mà thế hệ các cụ chưa làm được.

1. Cụ Nguyễn Sinh Sắc sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Kim Liên (thường gọi là làng Sen) xã Chung Cự, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Mồ côi cha mẹ sớm, Cụ được nhà nho Hoàng Xuân Đường ở làng Hoàng Trù xin họ Nguyễn Sinh đem về nuôi. Là người ham học và thông minh, lại được cụ Hoàng Xuân Đường hết lòng chăm sóc, dạy dỗ, tháng 5-1901, Cụ đậu Phó bảng khoa thi hội Tân Sửu. Là người từng trải qua gian khó mà trưởng thành, cụ Sắc luôn giáo dục các con ý thức lao động và học tập để hiểu đạo lý làm người. Khi còn trẻ, như nhiều người có chí đương thời, Cụ dùi mài kinh sử, quyết chí đi thi. Nhưng càng học, càng hiểu đời, cụ nhận thấy: “*Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ*”, nghĩa là “Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn”. Do đó, sau khi đỗ Phó bảng, được trao một chức quan nhỏ, nhưng vốn có tinh thần yêu nước, khảng khái, Cụ thường chống đối lại bọn quan trên và thực dân Pháp. Nhân cách sáng đẹp và bình dị của Cụ đã tác động quan trọng đến việc hình thành nhân cách, bản lĩnh và ý chí của Nguyễn Tất Thành.

Là một nhà Nho, cụ Nguyễn Sinh Sắc rất quan tâm đến việc giáo dục, hình thành cho con tư tưởng, nhận thức đúng đắn về thời cuộc, Cụ thận trọng, cân nhắc, suy nghĩ thấu đáo trong việc giáo dục các con, đặc biệt là Nguyễn Tất Thành - người con mà Cụ

luôn hy vọng có thể thay thế cụ thực hiện hoài bão của mình. Do đó, cụ đã dạy dỗ Nguyễn Tất Thành bằng một tình cảm đặc biệt. Cụ rất thận trọng, cân nhắc, suy nghĩ thấu đáo từ việc cho con học với ai, học ở trường nào... nhằm mục đích định hình, rèn luyện cho con ý chí về lòng yêu nước, thương dân.

Lúc còn nhỏ, Nguyễn Tất Thành được cụ Nguyễn Sinh Sắc gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và sau là thầy Trần Thân. Các thầy đều là những người có tinh thần yêu nước, thương dân, luôn trăn trở về vận mệnh của đất nước. Nguyễn Tất Thành được nghe nhiều chuyện qua các buổi bàn luận giữa các thầy với các sĩ phu yêu nước. Anh dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước hiện tình đất nước và số phận của dân tộc.

Những năm tháng sau khi đỗ Phó bảng, cụ Nguyễn Sinh Sắc còn trăn trở giữa ngã ba đường, không biết có nên đi nhậm chức hay không. Vì vậy, Cụ sống bằng nghề dạy học và đi lại, giao du với nhiều sĩ phu yêu nước để bàn luận về thời cuộc. Những nơi cụ Nguyễn Sinh Sắc đến, đều là địa phương có truyền thống và phong trào đấu tranh chống thực dân phong kiến sôi nổi, anh dũng. Những người Cụ kết giao là người có lòng yêu nước, thương nòi như cụ Phan Bội Châu - một nhà yêu nước nổi tiếng; các nhà nho ở Võ Liệt (Thanh Chương), ở Phương Tích (Nghệ Lộc), với cụ Võ Tất Đắc ở Vạn Phần, cụ Võ Khang Tế ở Hậu Luật, Diễn Bình (Diễn Châu), cụ Hồ Sĩ Tư ở Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu);... gặp gỡ, đàm đạo với các sĩ phu ở huyện Kiến Xương, Thái Bình. Bên chén rượu, chén trà, các Cụ canh cánh nỗi đau của người dân mất nước và làm sao giải phóng Tổ quốc để dân mình đỡ khổ.

Mong muốn con được học hỏi và mở rộng tầm nhìn về thời cuộc, cụ Sắc thường dẫn Nguyễn Tất Thành đi theo trong những lần như vậy. Được nghe các bậc cha chú bàn luận về tình hình đất nước, tận mắt chứng kiến cuộc sống lam lũ đói khổ của người dân

ở những địa phương mà anh đã tới, dần dần trong anh hình thành ý chí đuổi thực dân Pháp giải phóng đồng bào.

Với mong muốn con mình được tiếp xúc với những kiến thức tân học, tháng 9- 1905, cụ Sắc xin cho Nguyễn Tất Thành vào học lớp dự bị (préparatoire) Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh. Tại đây, Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên được tiếp xúc với khẩu hiệu **Tự do - Bình đẳng - Bác ái**. Không hiểu được, anh hỏi cha. Cụ Sắc trả lời: *"Điều mà con muốn biết, chính bọn cha cũng đang muốn biết. Cái lối học "tâm chương trích cú" đã làm cho dân mình ngu si, đờn đốn, không theo kịp với đà tiến phát của hoàn vũ. Những từ đó là ba cái đích lớn của cuộc Đại cách mạng Pháp nhưng đến giờ này chúng ta vẫn chưa hiểu được".* Cách sống, cách suy nghĩ của cụ Sắc luôn là bài học, là tấm gương từng bước bồi đắp nên ham muốn học hỏi cái mới trong tư duy Nguyễn Tất Thành.

Sau nhiều năm lần lữa việc đi làm quan, cuối tháng 5-1906, cụ Sắc vào kinh đô Huế nhậm chức. Nguyễn Tất Thành và anh trai cùng đi theo cha. Vào Huế, Nguyễn Tất Thành cùng với anh trai được cha cho đi học Trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên, lớp dự bị (cours préparatoire, tháng 9-1906); lớp sơ đẳng (cours élémentaire, tháng 9-1907). Khi Cụ ra nhận chức quan ở Huế, Cụ quyết định cho các con theo học trường Đông Ba. Đây là ngôi trường dạy ba thứ chữ Hán, Quốc ngữ và Pháp với mục đích đào tạo những người làm quan cho Pháp. Cụ cho con theo học ngôi trường này để có thể tìm câu trả lời cho những từ mà cậu đã hỏi "tự do, bình đẳng, bác ái". Để hiểu những từ đó, cũng như hiểu được cách đánh đuổi giặc Pháp chỉ có cách là phải hiểu Pháp.

Càng học nhiều, hiểu biết nhiều, Nguyễn Tất Thành càng suy nghĩ về những điều bàn luận của cha và các sĩ phu trước đây. Những gì học được, nghe được, kèm theo những lời giảng giải của cha, đối với anh là những bài học hết sức sống động, có ấn tượng mạnh mẽ.

Nhận thấy sự trưởng thành của các con, cụ Sắc dành nhiều thời gian trao đổi, với mong muốn giúp họ có cách suy nghĩ, nhìn nhận đầy đủ hơn về các phong trào đấu tranh yêu nước đã và đang diễn ra sôi nổi. Trong một lần cùng các con bàn luận, cụ Sắc phân tích: chung quanh chúng ta đều là những người yêu nước, đều muốn chống giặc để cứu nước. Từ thứ dân đến sĩ phu và một số quan lại đều sôi sục căm thù giặc. Nhưng mỗi người có suy nghĩ và hành động của mình. Trước đây quan Ngự sử Phan Đình Phùng, quan Phụ chánh Tôn Thất Thuyết, Tán tướng Quân vụ Nguyễn Thiện Thuật và nhiều vị khác đã dùng võ lực đánh Pháp nhưng tất cả đều lần lượt tan rã, nay chỉ còn có cụ Đề ở Yên Thế. Nhưng theo cha lực lượng của cụ Đề rồi cũng mai một. Gần đây, Giải San và Phó bảng Trinh¹ đề ra đường lối duy tân làm cho nước giàu dân mạnh rồi mới đánh Pháp. Nhưng ông Giải San lại chủ xướng nương tựa vào Nhật để đuổi Pháp, còn ông Phó bảng Trinh thì yêu cầu Pháp cải cách, sửa đổi lề lối cai trị để rồi từng bước đuổi Pháp đi. Con đường của ông Giải San đi ắt phải dẫn tới cảnh “tái nô dịch cũ”. Còn con đường ông Phó bảng Trinh lại khó thành công hơn vì kẻ cướp vào nhà thì chỉ có cách đánh nó thôi chứ không thể “van xin” nó được”. Rồi ông tiếp: bây giờ cha hỏi con, chung quanh chúng ta có nhiều người yêu nước căm thù giặc, đứng lên chống giặc từ hàng thứ dân đến sĩ phu, quan lại và kể cả đức vua (vua Thành Thái), nhưng rồi tất cả lần lượt đều bị bóp chết trong trứng nước. Cho nên cha thấy điều cốt yếu nhất là chống giặc bằng cách nào, bằng con đường nào để cuối cùng đuổi được giặc, giành quyền tự chủ cho quê hương cho giống nòi. Những lời nói của người cha gieo vào lòng Nguyễn Tất Thành suy nghĩ phải đi theo “con đường nào” để có thể cứu nước, cứu dân. Sau các cuộc trao đổi với cha, Anh cảm nhận được nỗi ưu tư, bế tắc của ông: yêu nước nhưng chưa biết làm sao để cứu nước. Và Anh cũng nhận thấy dường như ông muốn gửi gắm niềm hy vọng vào thế hệ trẻ các anh.

1 Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Trong thời gian này, ở Huế, xảy ra một sự kiện đánh dấu mốc khởi đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành – tháng 4-1908, Anh tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân tỉnh Thừa Thiên. Sau sự kiện này, Nguyễn Tất Thành bị thực dân Pháp đề ý theo dõi. Cụ Nguyễn Sinh Sắc cũng bị chúng khiển trách vì đã để cho con trai có những hoạt động bài Pháp. Tuy nhiên, tháng 9-1908, Nguyễn Tất Thành vẫn được tiếp nhận vào học tại Trường Quốc học Huế. Trong thời gian học tại đây, nhờ ảnh hưởng của các thầy giáo yêu nước người Việt, được tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ và nền dân chủ và văn minh phương Tây, *“ý muốn đi sang phương Tây để tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi thành tựu văn minh nhân loại đã từng bước lớn dần lên trong tâm trí của Nguyễn Tất Thành”*¹.

Thông qua các cuộc bàn luận và những tri thức tiếp thu được từ sách báo, từ những người thầy tiến bộ, những nhận xét, đánh giá của Nguyễn Tất Thành về nguyên nhân thành bại của các phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đã từng bước được hình thành trong thời gian này. Nhận thấy sự bế tắc trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối; cảm thông sâu sắc với nỗi thống khổ của đồng bào, Nguyễn Tất Thành đã sớm nuôi ý chí muốn *“đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào”*. Từ đó trong anh nảy ra ý nghĩ phải tìm cách *“ra nước ngoài xem người ta làm thế nào để về giúp đồng bào”*. Sau này, trong một lần trả lời một nhà báo, Người đã nói: *“Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi nghe được ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy. Nhưng trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của những nhà văn mới, mà cả Rút-xô và*

¹ GS. Song Thành (chủ biên), *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 46.

Môngtexkiơ cũng bị cấm. Vậy thì phải làm thế nào bây giờ? Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài”¹.

2. Đang trở về con đường cứu dân, cứu nước thì gia đình Anh có sự thay đổi lớn. Cụ Nguyễn Sinh Sắc được cử đi làm giám khảo khoa thi hương năm 1909 ở trường thi Bình Định và sau đó được bổ nhiệm Tri huyện Bình Khê thuộc tỉnh này. Trong lúc đang suy tính “*tìm đến các bến tàu xem có cách nào đi ra nước ngoài không*”², thì đây là một dịp tốt để Anh thực hiện. Nguyễn Tất Thành đã cùng với anh trai thôi học để cùng cha vào Bình Định. Có thể nói sự kiện Nguyễn Tất Thành rời Huế năm 1909 để đi về phía nam là khởi đầu của hành trình hơn 30 năm đi tìm đường cứu nước. Trên con đường vạn dặm đó, Bình Định là điểm dừng chân đầu tiên của Người.

Khi đến Bình Định, thấu hiểu ý chí và quyết tâm của con, mong muốn cho con tiếp tục chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện ý chí của mình, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã gửi con ở gia đình nhà giáo Phạm Ngọc Thọ - một người bạn vong niên với cụ từ thời còn ở Huế - nhờ thầy giúp đỡ Nguyễn Tất Thành nâng cao trình độ tiếng Pháp và nền văn minh phương Tây³. Thời gian học tập tại Quy Nhơn với thầy Phạm Ngọc Thọ có tác động không nhỏ đến tư tưởng của Nguyễn Tất Thành. Qua thầy Phạm Ngọc Thọ, Nguyễn Tất Thành không chỉ được bồi dưỡng thêm trình độ tiếng Pháp mà còn được tiếp cận nhiều hơn văn hóa Pháp và tư tưởng dân chủ phương Tây. Điều đó đã bồi đắp thêm ý chí và quyết tâm ra nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân của người thanh niên trẻ tuổi Nguyễn Tất Thành.

Đến Quy Nhơn được mấy tháng thì cả gia đình Nguyễn Tất Thành và gia đình thầy giáo Thọ đã xảy ra nhiều biến cố không

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 477.

2 *Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Báo Nhân dân ngày 18-5-1965.

3 Ông Thọ sinh năm 1884, học trường Quốc học Chasseloup Laubat ở Sài Gòn, đỗ bằng Brevet e'élémentaire (trên trung học, tương đương tú tài phần I) năm 1904, trợ giáo trường Quốc học Quy Nhơn năm 1905, cuối hè năm 1910 chuyển vào dạy ở Phan Thiết.

vui. Tháng 10 năm Kỷ Dậu, Nguyễn Tất Thành làm đơn dự kỳ thi tuyển giáo viên trường Âu học của tỉnh Bình Định, nhưng đã không được chính quyền thực dân chấp nhận. Tháng 11 năm Kỷ Dậu (khoảng cuối tháng 12-1909 đầu tháng 1-1910 bà Tôn Nữ Chánh Tín, vợ cả ông Phạm Ngọc Thọ mất. Lúc ông Thọ vương bệnh tang gia thì cũng là lúc cụ Nguyễn Sinh Sắc bị cách chức Tri huyện Bình Khê (ngày 7 tháng Chạp năm Kỷ Dậu, tức ngày 17-1-1910), phải về tỉnh thành Bình Định đợi ngày đưa ra Huế để triều đình xem xét.

Khoảng đầu tháng 3-1910, sau khi các cơ quan Nam triều ở Bình Định hoàn tất việc điều tra vụ án. Biết tin cụ Nguyễn Sinh Sắc bị giải về Huế để chịu sự phán xét của triều đình, Nguyễn Tất Thành đến thăm cha. Thấy con đến tìm mình, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã nghiêm giọng nói với con: *"Nước mất không lo đi tìm, tìm cha phòng có ích gì?"*. Là người hiểu sâu sắc đạo hiếu, cụ rất hiểu nỗi day dứt trong lòng người con thân yêu của mình, nhưng cụ mong Nguyễn Tất Thành phải biết hy sinh tình nhà, vì đại nghĩa mà ra đi tìm đường cứu dân, cứu nước. Lời trách cứ của cụ là lời nhắc nhở, động viên khích lệ Nguyễn Tất Thành thêm quyết tâm thực hiện chí hướng của mình.

Trong thời gian chờ đợi tin tức xét xử vụ án của cha, Nguyễn Tất Thành trở lại Quy Nhơn để tiếp tục công việc học tập. Khoảng tháng 6-1910, vụ án cụ Nguyễn Sinh Sắc đã cơ bản xét xử xong chỉ còn đợi sự chuẩn y của triều đình Huế và khâm sứ Pháp. Theo bản án số 140 được Hội đồng nhiếp chính lập vào ngày 19-5-1910, cụ Sắc bị giáng 4 cấp và bị bãi quan¹.

Sau khi chính thức biết tin cha mình bị bãi quan, Nguyễn Tất Thành quyết định rời Bình Định để đi vào phía nam nhằm tìm cách thực hiện ý đồ đi nước ngoài của mình. Đầu tháng 8-1910, Anh cùng với gia đình thầy giáo Phạm Ngọc Thọ rời Bình Định

1 Bản án này được Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ chuẩn y ngày 27-8-1910.

đến Phan Thiết. Anh được một người bạn cũ của cụ Sắc giới thiệu vào làm trợ giảng môn thể dục tại trường Dục Thanh. Tại đây, lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành được đọc Tân thư trong gia đình cụ Nguyễn Thông, được tiếp cận với tư tưởng của những văn hào và triết gia Pháp đã khởi xướng các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái.

Những ngày ở Phan Thiết, Nguyễn Tất Thành đã suy nghĩ về con đường Phan Châu Trinh vạch ra và đang được một số người có tâm huyết thực hiện. Anh khâm phục lòng yêu nước của cụ Phan nhưng chưa hoàn toàn đồng ý với đường lối của Cụ, Anh quyết chí tìm cách ra nước ngoài, xem thế giới làm như thế nào rồi sẽ trở về giúp đồng bào.

Đầu tháng 2-1911, Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn và ngày 5-6-1911 với tên gọi Văn Ba, làm phụ bếp trên một tàu buôn Pháp, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm cùng với quyết tâm thực hiện chí hướng mà Anh cùng người cha thân yêu của mình từng dày công vun đắp và chuẩn bị - tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

HÀNH TRANG RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

TS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân ta; cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX; cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, công bằng xã hội trên thế giới; cho sự củng cố và phát triển tình hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc. Cả cuộc đời của Người là *“một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ, hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”*.

Kỷ niệm 100 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911 – 5-6-2011), tác giả đề cập đến một nội dung, đó là hành trang ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. Tiếp thu truyền thống yêu nước và lòng nhân ái từ quê hương, gia đình

Dân tộc Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, đã tạo cho dân tộc ta có một nền văn hóa phong phú và bền vững với những truyền thống tốt đẹp như: yêu nước, đoàn kết,

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

nhân nghĩa, lạc quan yêu đời, cần cù, hiếu học, thông minh, dũng cảm, v.v.. Những truyền thống đó luôn được các thế hệ người Việt Nam kế thừa và phát huy, trở thành những giá trị tinh thần bền vững của dân tộc.

Đứng đầu bảng giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam đó là truyền thống yêu nước, đây là dòng chủ lưu chảy xuyên suốt trong lịch sử Việt Nam, là chuẩn mực cao nhất của dân tộc Việt Nam.

Xuất phát từ hoàn cảnh và nhu cầu của con người, để tồn tại và phát triển nhân dân ta phải thường xuyên chống chọi với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Từ trong cuộc đấu tranh trường kỳ đó, ý thức cộng đồng, ý thức tập thể và cao hơn là ý thức dân tộc được hình thành. Ý thức dân tộc được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, nó ngấm sâu vào máu thịt của mỗi con người Việt Nam, hình thành nên truyền thống yêu nước trên nền tảng của chủ nghĩa dân tộc. Yêu nước được thể hiện qua tình yêu non sông đất nước Việt Nam; yêu con người Việt Nam; yêu nhân dân, yêu đồng bào; yêu quê hương, Tổ quốc. Tất cả những giá trị đó không tách rời nhau mà gắn bó với nhau thành một thể thống nhất, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa lý trí và tình cảm, giữa suy nghĩ và hành động, giữa lời nói và việc làm. Đó là kết tinh của lòng yêu nước.

Việt Nam là nước nằm ở khu vực Đông Nam châu Á, đất không rộng, người không đông, điều kiện khí hậu khắc nghiệt, nóng ẩm, mưa nhiều; là nơi có vị trí thuận tiện về giao thông, án ngữ con đường huyết mạch từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương. Cho nên, Việt Nam luôn bị các thế lực bên ngoài dòm ngó. Để tồn tại và phát triển, cha ông ta luôn đặt nhiệm vụ chống ngoại xâm là nhiệm vụ hàng đầu, bởi “nước mất thì nhà tan”. Lịch sử đã minh chứng, trong hơn ngàn năm Bắc thuộc, dân tộc Việt Nam đã phải liên tục chống lại các thế lực xâm lược từ phương Bắc tràn xuống: Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, để giành độc lập cho dân tộc, với những tên tuổi làm rạng rỡ đất nước, như: Hai

Bà Trung, Mai Hắc Đế, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, v.v.. Tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc thời nào cũng có. Sau này, Hồ Chí Minh đã tổng kết truyền thống yêu nước của dân tộc ta trong một câu nói nổi tiếng: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước”*¹.

Việt Nam là một nước nông nghiệp, hơn 80% dân cư sống về nghề nông, chủ yếu là trồng lúa nước. Để phát triển sản xuất, con người phải chế ngự thiên nhiên, phải cộng tác, đoàn kết với nhau để xây dựng các công trình thủy lợi, đê điều, bởi họ hiểu rằng “đoàn kết lại thì thành công, chia rẽ thì thất bại”. Mặt khác, nền nông nghiệp Việt Nam lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế, lấy làng xóm làm cộng đồng cơ sở. Quan hệ nhà - làng - nước là trục quan hệ đặc biệt trong nền văn minh nông nghiệp. Mỗi quan hệ đó không chỉ là tình làng nghĩa xóm, việc nước, việc nhà, mà còn tạo ra động lực, tạo ra sức mạnh để dựng nước và giữ nước.

Yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa không chỉ thể hiện trong từng gia đình “thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn”; trong từng xóm làng “tối lửa tắt đèn có nhau”, “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”, mà còn được thể hiện rộng hơn, đó là cả cộng đồng, dân tộc “người trong một nước phải thương nhau cùng”. Yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa đã trở thành tình cảm tự nhiên của mỗi con người Việt Nam, trở thành phép ứng xử và triết lý sống của người Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên tại Nam Đàn, Nghệ An, một vùng quê giàu truyền thống yêu nước, một mảnh đất “địa linh nhân kiệt”.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 271.

Nghệ An là vùng đất cổ. Thời Bắc thuộc nằm trong huyện Hàm Hoan - là một trong 7 huyện của quận Cửu Chân. Thời nhà Tùy, nằm trong huyện Cửu Đức - là một trong 8 huyện của quận Nhật Nam. Thời Lê, nằm trong đất Hoan Châu. Năm 1036, nhà Lý đổi Hoan Châu thành châu Nghệ An. Tên Nghệ An bắt đầu có từ đó.

Về thiên nhiên và con người Nghệ An, Phan Huy Chú viết: *“Nghệ An núi cao, sông sâu, phong tục thuần hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất có danh tiếng hơn cả ở Nam Châu. Người thì thuận hòa mà chăm học, sản vật thì nhiều thứ quý của lạ... được khí tốt của sông núi, nên sinh ra nhiều bậc danh hiền, thực là nơi hiểm yếu như thành đồng ao nóng của nước ta và là then khóa của các triều đại”*¹.

Trong thời kỳ Bắc thuộc, nhân dân Nghệ An đã tích cực tham gia vào các cuộc đấu tranh chống xâm lược, giành độc lập dân tộc: năm 40, nhân dân quận Cửu Chân, Nhật Nam hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng chống lại quân xâm lược Đông Hán; năm 248, nhân dân huyện Hàm Hoan tích cực tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu; năm 542, nhân dân Hàm Hoan đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của khởi nghĩa Lý Bí; nhân dân châu Hoan - Diễn cùng đứng lên, tham gia cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan chống nhà Đường; năm 1285, nhân dân Nghệ An đã góp phần chặn đánh một hướng tiến quân từ Nam ra Bắc của quân Mông Nguyên; thế kỷ XV, tại đất Nghệ An đã diễn ra “trận Bồ Đằng sấm vang chớp giạt, miền Trà Lân trúc chẻ tro bay”, chống giặc Minh giải phóng đất nước. Thế kỷ XVIII, khi Quang Trung lên đường tiến quân ra Bắc đánh đuổi quân Thanh, có dừng lại ở Nghệ An để tuyển quân. Chỉ trong mấy ngày, hàng vạn thanh niên xứ Nghệ đã gia nhập nghĩa quân, góp phần đại phá 29 vạn quân Thanh.

¹ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 63.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858), trước thái độ bạc nhược đầu hàng của triều đình Huế, các văn thân cùng nhân dân Nghệ An đã quyết tâm “đánh cả Triều lẫn Tây”. Khi phong trào Cần Vương được đẩy lên, nhân dân Nghệ An đã hưởng ứng sôi nổi, tham gia vào các cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Cao Thắng... Đầu thế kỷ XX, người khởi xướng phong trào Đông Du là chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu.

Là một tỉnh nằm ở giữa miền Bắc và miền Trung, cho nên khí hậu ở Nghệ An khắc nghiệt hơn các vùng khác: gió Lào, hạn hán, lũ lụt xảy ra thường xuyên. Con người Nghệ An phải thường xuyên vật lộn với thiên tai. Vì vậy, ngoài những đặc điểm chung của con người Việt Nam, người Nghệ An còn mang những bản sắc riêng với những đức tính nổi bật như: cương trực, khảng khái, cần kiệm, trung thực, giàu nghị lực, có chí khí, dám xả thân vì nghĩa lớn.

Nghệ An còn nổi tiếng là vùng đất hiếu học. Thời nào, Nghệ An cũng có những người đỗ đạt cao, đem tài đức ra giúp dân, giúp nước. Qua các kỳ thi Hội, thi Đình thời phong kiến, Nghệ An thường đứng nhất, nhì về số thí sinh thi đậu. Theo thống kê của tác giả cuốn *Khoa bảng Nghệ An* thì trong suốt thời phong kiến, ở Nghệ An có tổng cộng 1.164 vị đỗ đạt, trong đó có 190 Tiến sĩ và Phó bảng, 145 Tam trường, 318 Hương cống (triều Lê); 595 Cử nhân (triều Nguyễn).

Nghệ An có những làng học nổi tiếng cả nước như: làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu), từ năm 1444 đến năm 1725, Quỳnh Đôi có hơn 700 người đỗ đạt. Cả huyện Quỳnh Lưu tính từ thời Hậu Lê có 15 Tiến sĩ, thì Quỳnh Đôi chiếm 12 vị; làng Lý Trai, Như Lâm (Diễn Châu), cả tỉnh có hơn 1.000 người đỗ đạt, thì Diễn Châu có 469 người, trong đó có 36 đại khoa (Tiến sĩ, Phó bảng); 23 Tam trường; 332 Hương cống (triều Lê); 78 Cử nhân (triều Nguyễn), ngoài ra còn có hàng nghìn người đỗ tú tài¹; làng Hoàn Sơn, Trung Cầu

¹ *Diễn Châu kể chuyện 1380 năm*, Nxb. Nghệ An, 2007, tr. 25.

(Nam Đàn) cũng có nhiều người đỗ đạt. Bia Văn Từ huyện Nam Đàn do Hoàng giáp Bùi Dương Lịch soạn năm Gia Long thứ 17 (1818) có đoạn: *“Từ Vũ huyện ta lại ở vào một nơi rất đẹp để có núi Hùng Lĩnh, sông Lam nổi tiếng của Nghệ An. Từ khi có nhân văn đến nay, thi Hội, thi Hương có nhân tài nối tiếp. Tuy từng đời có thay đổi, nhưng dòng tư văn trước sau không dứt”*.

Nghệ An là nơi sinh ra nhiều khoa bảng nổi danh, như: Trạng nguyên Bạch Liêu, là người khai khoa cho xứ Nghệ xưa; Trạng nguyên Hồ Tông Thốc; Thám hoa Nguyễn Văn Giai, Phan Thúc Trạc, Cao Quýnh; Tiến sĩ Ngô Công Trạc, Ngô Trí Trạch... Những người học giỏi, có tài, có đức được nhân dân tôn sùng gọi là “Tứ lâm”, “Tứ hổ”. Huyện Nam Đàn có “Tứ hổ” là San, Đôn, Lương, Quý (tức là Phan Văn San, Lê Bá Đôn, Trần Văn Lương, Vương Thúc Quý), đều đậu cử nhân, riêng Phan Văn San (Phan Bội Châu) đậu giải nguyên. Nhiều bậc tài hoa, tài trí như: nhà thơ Hồ Xuân Hương, nhà sử học Ngô Sĩ Dương, nhà giáo Nguyễn Đức Đạt, nhà ngoại giao Hồ Sĩ Đống, v.v..

Thời Nguyễn có Nguyễn Trung Mậu, người làng Vân Tập (nay thuộc xã Diễn Bình); Cao Xuân Dục, người xã Thịnh Khánh (nay thuộc xã Diễn Thịnh), ông đã để lại cho đời nhiều tác phẩm đồ sộ như: *Quốc triều chính biên toát yếu; Quốc triều luật lệ toát yếu; Quốc triều hương mục khoa lục; Quốc triều khoa bảng lục; Đại Nam chính biên liệt truyện; Đại Nam nhất thống chí*, v.v.. và hàng trăm tác phẩm thơ, văn, câu đối.

Nghệ An còn là một trung tâm văn hóa, có kho tàng văn học dân gian rất phong phú, đa dạng. Âm hưởng chính của dòng văn học này là tiếng nói yêu nước, thể hiện qua không gian kiến trúc (đình, đền, chùa) và văn nghệ dân gian (ca dao, chuyện cổ tích, tục ngữ, hò vè, dân ca v.v..) gắn liền với lao động sản xuất, với các nghề địa phương, giàu hình tượng, mang đậm chất chữ tình, thông qua đó lên án cái ác, ca ngợi cái thiện, suy tôn các anh hùng dân tộc có công với nước, với dân.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước và hiếu học, ngay từ nhỏ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được nuôi dưỡng và giáo dục trong một môi trường có gia phong, nề nếp, đầy tình thương yêu của gia đình, họ hàng, bà con làng xóm.

Ông ngoại là cụ Hoàng Xuân Đường, một thầy giáo dạy học nổi tiếng trong vùng. Cha là ông Nguyễn Sinh Sắc, cũng là một người học rộng, tài cao, thành đạt bằng con đường học hành khoa cử. Ngay từ nhỏ, Hồ Chí Minh đã được giảng giải về đạo lý làm người, tình thương yêu con người, về công cha, nghĩa mẹ, tình anh em, tình làng nghĩa xóm, tình dân tộc, nghĩa đồng bào, thông qua những bài giảng của cha, lời dạy bảo của mẹ. Được sống giữa những người nông dân hiền lành, chất phác, Hồ Chí Minh thấu hiểu thế nào là tình làng nghĩa xóm. Tình cảm đó ngày càng thấm sâu trong tâm hồn của Người, trở thành một tình cảm tự nhiên, một triết lý sống của Hồ Chí Minh.

Những năm tháng Hồ Chí Minh theo cha vào Nam ra Bắc, trên hành trình ấy, Hồ Chí Minh trực tiếp được chứng kiến bao cảnh đau lòng của người dân bị mất nước, họ bị áp bức, bóc lột làm than, cơ cực bởi sưu cao thuế nặng. Tình yêu thương những người cùng khổ, những người bị đọa đày đã giúp Hồ Chí Minh hòa mình vào cuộc đấu tranh của nhân dân Huế chống thuế năm 1908.

Hồ Chí Minh khâm phục ý chí đấu tranh giành độc lập của cha ông, tự hào về truyền thống và dòng văn hóa tốt đẹp của quê hương. Trong tâm hồn Người, tình yêu quê hương, đất nước, yêu thương con người ngày càng được bồi đắp. Chính tình cảm đó là điểm khởi nguồn, là cơ sở, là hành trang để Hồ Chí Minh ra nước ngoài, tìm đường cứu dân, cứu nước. Sau này Hồ Chí Minh nói: *“Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân”, “bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích là làm cho ích quốc lợi dân”*¹.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Sdd, tr. 240.

2. Tiếp thu vốn kiến thức về văn hóa phương Đông và phương Tây

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho giáo, Hồ Chí Minh từ nhỏ đã được giáo dục theo các phép tắc của Nho giáo, trước hết là gia phong trong gia đình.

Ông ngoại Hồ Chí Minh là một nhà Nho nổi tiếng, thân phụ của Hồ Chí Minh cũng là một người thành danh bằng con đường Nho học khoa cử. Năm 1906, ông Nguyễn Sinh Sắc được triều đình bổ nhiệm làm Thừa biện bộ Lễ, chuyên trông coi việc giáo dục, thiên văn, nghi lễ, tế tự. Đó là người thầy dạy đầu tiên của Hồ Chí Minh về Hán học và Nho học.

Thời niên thiếu, khi Hồ Chí Minh cùng sống với gia đình ở làng Dương Nỗ (Huế), ngoài thời gian học ở trên lớp, học ở nhà, học cùng bạn bè, Hồ Chí Minh còn được theo cha đi gặp gỡ các nhà Nho yêu nước (như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý), được nghe các nhà nho đàm đạo về hiện tình đất nước, về số phận của dân tộc, về văn chương, về thế sự ở đời. Các bậc tiền nhân không chỉ dạy Hồ Chí Minh học các cuốn sách của Nho giáo về *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, mà còn giảng giải cặn kẽ cho Hồ Chí Minh về cách đối nhân xử thế, giúp Người hiểu lẽ đời, hiểu đạo lý của cuộc đời, hiểu triết lý sống của các nhà Nho.

Hồ Chí Minh đã học Nho học một cách phóng khoáng, sâu sắc. Các chuẩn mực của đạo đức Nho giáo mà Hồ Chí Minh được học là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; trung, hiếu. Nho giáo dạy con người ta phải biết tu thân dưỡng tính, phải biết sửa mình để giúp đời. Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Việc gì cũng có gốc có ngọn, việc gì cũng phải có trước có sau, có thủy có chung. Nho giáo coi con người là trung tâm của vũ trụ. Vì vậy mỗi người không những phải có ý thức hòa nhập chung trong cộng đồng, mà còn phải hòa nhập với thiên nhiên nữa. Làm việc gì hợp lẽ trời, hợp lòng người thì sẽ thành công.

Nho giáo khi du nhập vào Việt Nam nó không còn giữ nguyên như sách *Luận ngữ* nữa, mà nó đã được Việt hóa qua lăng kính của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Ví dụ như *Nhân* không chỉ là yêu thương con người trong năm mối quan hệ, mà còn là yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu nhân loại...

Những bài học thuộc lòng về Nho giáo đã thấm sâu vào tâm trí Hồ Chí Minh. Sau này, Người đã nói: *"Tôi xuất thân từ một gia đình nhà Nho Việt Nam. Những gia đình như thế thanh niên đều theo học đạo Khổng. Đạo Khổng không phải là một tôn giáo. Nói cho đúng hơn, nó là một môn dạy về đạo đức và phép xử thế, xét về căn bản thì đạo Khổng cũng thuyết giáo nên hòa mục trong xã hội"*¹.

Những bài học về con người, về triết lý làm người, về đối nhân xử thế mà Hồ Chí Minh được học, được dạy dỗ trong thời kỳ này có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh. Với sự nhạy cảm về chính trị, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy sự bất lực của Nho giáo và Người đã vượt qua khuôn phép của Nho giáo để ra đi tìm đường cứu nước.

Thời gian sống ở Huế (1906 - 1908), Hồ Chí Minh có dịp tiếp xúc với giáo lý của đạo Phật. Đó là lòng tôn kính cha mẹ, tình anh em, tình bạn, sự hòa thuận của con người. Lúc bấy giờ, Huế là một trung tâm Phật giáo lớn, có tới hơn 200 chùa lớn, nhỏ. Cư dân ở Huế sùng đạo Phật vào bậc nhất ở Việt Nam. Sau này, Hồ Chí Minh nói: *"Lòng tôn kính cha mẹ, tình anh em, tình bạn, lòng trung thành, sự hòa thuận giữa mọi người đều rút ra từ quan điểm của Phật. Tẩy rửa con tim và khối óc, sự kiềm chế những dục vọng và lòng cuồng nhiệt"*².

Trong thời gian Hồ Chí Minh học ở Trường tiểu học Vinh, sau đó là Trường Quốc học Huế, Hồ Chí Minh đã bước đầu tiếp cận và

1 Tạp chí *Học tập*, số 6-1970, tr. 38.

2 *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*, Nxb. Mátxcova, 1925, tr. 2.

tìm hiểu văn hóa phương Tây. Hồ Chí Minh tâm sự: khi tôi 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã nghe thấy những từ tiếng Pháp Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Lúc đó tôi nghĩ rằng tất cả những người da trắng đều là người Pháp. Bởi vì những từ đó do người Pháp viết ra nên tôi muốn tìm hiểu về nền văn minh Pháp để hiểu thêm ý nghĩa của những từ đó.

Hồ Chí Minh thường tự đặt cho mình câu hỏi: tại sao người Việt kẻ cả quan lại đều phải cúi chào người Âu một cách cung kính? Tại sao cũng là người da vàng mà nước Nhật lại trở thành một nước hùng cường...? Sau này, Người kể lại: tôi cho rằng cần phải ra nước ngoài để tìm hiểu lấy câu trả lời cho mình. Sau khi tôi biết được họ làm thế nào, sống ra sao tôi sẽ trở về giúp đồng bào mình. Không phải ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh lại chọn nước Pháp là nơi dừng chân đầu tiên khi Người sang phương Tây. Hồ Chí Minh không sao chép con đường cứu nước của bất kỳ ai, mà chọn cho mình một hướng đi riêng.

Có thể nói, hành trang đầu tiên Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước là truyền thống yêu nước, tinh hoa văn hóa của dân tộc Việt Nam và tri thức ban đầu về văn học, về lịch sử nước Pháp.

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VIỆT NAM ĐỘNG LỰC MẠNH MẼ THÔI THỨC NGUYỄN TẤT THÀNH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

TS. LÝ VIỆT QUANG*
ThS. NGÔ XUÂN DƯƠNG**

1. Sự hiện hữu của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam

Khái niệm “chủ nghĩa yêu nước” được các tác giả *Từ điển tiếng Việt* giải thích là lòng yêu thiết tha đối với tổ quốc của mình, thường biểu hiện ở tinh thần sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc¹. Cách giải nghĩa này còn tương đối sơ lược, bởi nó mới chỉ đề cập tới khía cạnh tình cảm.

Còn các tác giả *Từ điển bách khoa Việt Nam* giải thích “chủ nghĩa yêu nước” là “*nguyên tắc đạo đức về chính trị, mà nội dung là tình yêu, lòng trung thành, ý thức phục vụ Tổ quốc... Cùng với sự hình thành dân tộc và nhà nước dân tộc, chủ nghĩa yêu nước từ chỗ chủ yếu là một yếu tố trong tâm lý xã hội, đã trở thành hệ tư tưởng (chúng tôi nhấn mạnh - TG). Nó trở thành lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, động viên mọi người đứng lên bảo vệ*

* ** Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, thuộc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, in lần thứ 6, đợt 2, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 1998, tr. 172.

Tổ quốc chống lại mọi cuộc xâm lược. Chủ nghĩa yêu nước chân chính thể hiện ở lòng trung thành với Tổ quốc vì lợi ích của dân tộc, của nhân dân bảo vệ sự sinh tồn của dân tộc và đấu tranh cho sự phồn vinh của đất nước”¹. So với cách giải nghĩa của các tác giả *Từ điển tiếng Việt* thì đây là cách giải nghĩa khá rõ ràng và có sức thuyết phục hơn. Thống nhất với cách giải nghĩa này, chúng tôi cho rằng, chủ nghĩa yêu nước là sự phát triển đến đỉnh cao của lòng yêu nước, là sự kết hợp chặt chẽ giữa tình cảm yêu nước nhiệt thành và một hệ thống các tư tưởng về tình yêu, lòng trung thành đối với Tổ quốc, ý thức phục vụ Tổ quốc. Nói một cách khái quát, chủ nghĩa yêu nước là sự thống nhất trong một chỉnh thể của tình cảm yêu nước và hệ lý luận về lòng yêu nước. Nếu chỉ riêng tình cảm yêu nước, dù có nồng nàn đến mức nào, cũng chưa thể gọi là chủ nghĩa yêu nước được.

Với quan niệm về chủ nghĩa yêu nước như trên, chúng tôi cho rằng “chủ nghĩa yêu nước Việt Nam” là sự phát triển đến đỉnh cao tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam, là sự kết hợp chặt chẽ giữa tình cảm yêu nước nhiệt thành và một hệ thống các tư tưởng về tình yêu, lòng trung thành đối với Tổ quốc, ý thức phục vụ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam, nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, mang lại cuộc sống hòa bình, tự do, ấm no cho người dân Việt Nam.

Khi đề cập về vấn đề trên, cũng có những ý kiến cho rằng chỉ nên gọi là “tinh thần yêu nước (hoặc là lòng yêu nước) Việt Nam”, hoặc gọi chung chung là “truyền thống yêu nước Việt Nam” và tránh dùng thuật ngữ “chủ nghĩa yêu nước Việt Nam”. Cơ sở của những người theo quan điểm này là cho rằng trong truyền thống, Việt Nam không có những nhà lý luận, những nhà hiền triết, với những công trình, trước tác lý luận chuyên biệt về lòng yêu nước; cho rằng ở Việt Nam, yêu nước mới chỉ dừng ở mức độ là tình cảm tự nhiên, chưa đạt tới trình độ lý luận, tư tưởng.

¹ Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr. 518.

Trên thực tế, vấn đề này đã được một số tác giả đặt ra và giải quyết về căn bản¹. Ở đây, chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh thêm mấy điểm.

Thứ nhất, đúng là trong truyền thống Việt Nam không xuất hiện những nhà triết học và tư tưởng với các công trình nghiên cứu mang tính bản thể luận nói chung và về lòng yêu nước nói riêng, kiểu như ở Trung Quốc hay Hy Lạp, La Mã thời cổ. Nhưng như thế không có nghĩa là trong truyền thống, người Việt Nam không có lý luận và tư tưởng yêu nước. Thực tế, lý luận và tư tưởng không phải lúc nào cũng được thể hiện một cách dễ thấy thông qua các công trình nghiên cứu lý luận, mà còn được biểu hiện thông qua các phương thức khác như truyền thuyết, thần thoại, văn học dân gian (sau khi đã lược bỏ cái vô thần bí, hư cấu); sâu sắc hơn và được đánh giá cao hơn - nhất là đối với truyền thống tư tưởng phương Đông - chính là biểu hiện thông qua những hành động, việc làm. Nếu chỉ căn cứ vào các bài viết, các công trình lý luận, chúng ta sẽ không thể trả lời được chính xác câu hỏi nên gọi là chủ nghĩa yêu nước hay chỉ dừng ở mức là tinh thần yêu nước, cũng như nếu chỉ căn cứ vào ngôn từ thì làm sao giới nghiên cứu có thể khẳng định được sự hiện hữu và ý nghĩa sâu sắc của triết lý “vô ngôn” trong Phật giáo.

Thứ hai, với cách tiếp cận như trên, rõ ràng trong truyền thống Việt Nam, không chỉ có tình cảm yêu nước mãnh liệt mà còn có hệ thống lý luận, tư tưởng về lòng yêu nước. Đó là ý thức cùng chung một nguồn cội, cùng một tổ tiên trong truyền thuyết *Lạc Long Quân và Âu Cơ*; là ý thức đoàn kết, gắn bó cùng nhau chống thiên tai trong truyện *Sơn Tinh và Thủy Tinh*; là ý thức về sức

¹ Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980; Trần Xuân Trường, *Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2001; Nguyễn Mạnh Tường, *Chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001; Trịnh Nhu, *Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam*, trong sách *Mấy vấn đề lịch sử Việt Nam - Tái hiện và suy ngẫm*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007...

manh vô cùng to lớn của người dân khi được huy động, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, không màng chút danh lợi cá nhân trong truyện *Thánh Gióng*; là ý thức đề cao cảnh giác với âm mưu xâm lược xảo quyệt của các thế lực ngoại bang trong truyện *An Dương Vương*. Đó cũng là ý thức về độc lập, chủ quyền của dân tộc trong bài thơ “thần” của Lý Thường Kiệt - bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc; là quyết tâm diệt giặc bảo vệ độc lập dân tộc, lợi ích của toàn dân, dẫu có hy sinh, mất mát trong bản *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo; là phép trị nước và giữ nước “khoan thư sức dân làm kế sâu gốc bền rễ” trong lời căn dặn vua Trần của Trần Hưng Đạo trước khi qua đời; là ý thức tự hào dân tộc, khẳng định độc lập, chủ quyền của đất nước và tiến hành chiến tranh nhân dân để giải phóng dân tộc, cứu nước gắn với cứu dân trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi; là ý thức về sức mạnh to lớn của nhân dân “chở thuyền và lật thuyền cũng là dân” của Nguyễn Trãi.... Đó còn là hành động và việc làm vì nước vì dân, coi trọng lợi ích của dân tộc, đặt lợi ích của đất nước và dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, gia đình, của những người anh hùng dân tộc từ Bà Trưng, Bà Triệu đến Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ....

Kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống tư tưởng của các thế hệ ông cha về lòng yêu nước nêu trên với tình cảm yêu nước nồng nàn của người dân Việt Nam, chúng ta sẽ thấy được trong truyền thống Việt Nam đã có một chủ nghĩa yêu nước mang đậm nét đặc sắc của lịch sử và con người Việt Nam. Như cách nói của giáo sư Trần Văn Giàu thì đó là “*một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam, và nếu dùng từ “đạo” với nguyên nghĩa của nó là “đường”, là hướng đi, thì chủ nghĩa yêu nước đích thật là đạo Việt Nam*”¹.

Kết quả nghiên cứu các nguồn tài liệu cổ, nhất là khảo cổ học đã chứng minh sự tồn tại lâu đời nền văn minh của các cư dân bản

¹ Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980, tr. 101.

địa và sớm hình thành nên quốc gia dân tộc ở Việt Nam. Điều đặc biệt là sự ra đời của nhà nước đầu tiên ở Việt Nam lại không phải trên cơ sở của sự phân hóa và đấu tranh giai cấp gay gắt, mà từ nhu cầu phải đoàn kết, gắn bó với nhau dưới một sự điều hành chung để phòng chống thiên tai bão lũ và nhất là chống lại những thế lực ngoại xâm hùng mạnh luôn luôn nhòm ngó, đe dọa. Với sự hình thành từ rất sớm của quốc gia dân tộc, tình cảm đối với nơi sinh ra và lớn lên, ý thức cùng chung một nguồn cội, phải thương yêu, đùm bọc nhau, cao hơn là ý thức về chủ quyền dân tộc và lòng tự hào dân tộc của người dân nước Việt cổ đã sớm được hình thành. Trải qua quá trình nhiều năm đấu tranh để xây dựng và bảo vệ đất nước, tình cảm yêu nước ngày càng trở nên sâu đậm, thiêng liêng và phát triển, trở thành tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần của người dân, là chuẩn mực xếp vị trí cao nhất trong hệ thống giá trị đạo đức tinh thần của xã hội và là tiêu chuẩn để phân định tính đúng sai của mỗi hành động, việc làm. Đồng thời, hệ thống các tư tưởng yêu nước cũng dần dần được định hình và hoà quyện với tình cảm yêu nước trở thành một chủ nghĩa sơ khai của dân tộc Việt Nam - chủ nghĩa yêu nước.

2. Ảnh hưởng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành

Truyền thống văn hóa từ lâu đời và có sức sống mạnh mẽ của cư dân Việt cổ, trong đó đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước, đã lý giải vì sao trải hơn nghìn năm Bắc thuộc, mặc dù kẻ thù đã rắp tâm tìm mọi thủ đoạn để đồng hóa, nhưng văn hóa Việt vẫn được bảo tồn, tiếng nói và phong tục của ông cha vẫn được gìn giữ. Chẳng những vậy, sau đêm dài Bắc thuộc, quốc gia dân tộc Việt lại được hồi sinh, văn hóa dân tộc Việt lại được phục hưng và phát triển rực rỡ. Vượt qua thử thách khắc nghiệt của lịch sử, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam càng được tôi luyện và tăng thêm sức

mạnh. Nhờ chủ nghĩa yêu nước truyền thống được khơi dậy và phát huy một cách đúng đắn, liên tiếp trong nhiều thế kỷ, quân dân nước Việt đã đập tan các cuộc xâm lược của những thế lực phong kiến phương Bắc lớn mạnh hơn cả nhiều chục lần.

Tuy nhiên, bước sang nửa sau thế kỷ XIX, với sự xâm lược và từng bước đặt ách thống trị của thực dân Pháp, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đứng trước một thử thách lớn. Có những ý kiến cho rằng, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã tỏ ra bất cập trước một kẻ thù hoàn toàn mới và ở một trình độ kỹ thuật cao hơn. Chúng tôi cho rằng nói như vậy chỉ đúng phần nào và còn chưa được rõ. Bởi lẽ, trên thực tế, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước truyền thống vẫn luôn luôn tiềm ẩn to lớn nhưng việc khơi dậy và phát huy nó phải thông qua vai trò của những con người cụ thể, lực lượng cụ thể, giai cấp cụ thể. Trong khi đó, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã ngày càng suy tàn và hèn yếu, đồng thời lại bị tư tưởng tôn quân, bảo thủ của Nho giáo chi phối, đã đặt lợi ích của dòng họ và chính quyền phong kiến lên trên lợi ích của dân tộc. Do vậy, triều đình phong kiến nhà Nguyễn không thể đủ uy tín và năng lực, cũng không đủ lòng tin và can đảm để đứng ra khơi dậy và phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc. Mặc dù ở nhiều địa phương đã có những sĩ phu văn thân yêu nước đứng ra tổ chức các phong trào đấu tranh chống quân xâm lược Pháp và được sự hưởng ứng của một bộ phận nhân dân, nhưng do thiếu một ngọn cờ thống nhất, thiếu một trung tâm chỉ đạo chung nên sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước không được khơi dậy và quy tụ đầy đủ, thống nhất. Bởi vậy, các cuộc đấu tranh tuy anh dũng nhưng cuối cùng đều bị thất bại theo cái cách bó đũa bị bẻ gãy từng chiếc một. Tuy các phong trào yêu nước chống Pháp thất bại nhưng chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam không thể bị mất đi, mà vẫn tiềm ẩn sức mạnh, chờ cơ hội có những con người cụ thể, lực lượng cụ thể và giai cấp cụ thể có phương pháp đúng đắn khơi dậy, phát huy và bùng lên.

Nghệ An - quê hương của Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh, vẫn nổi tiếng xưa nay là một vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống văn hóa, là một nơi tiêu biểu cho truyền thống văn hóa mấy nghìn năm của dân tộc, nhất là tinh thần yêu nước quật cường, ý chí vượt lên khó khăn trong cuộc đấu tranh chống sự khắc nghiệt của thiên nhiên và âm mưu thôn tính của các thế lực ngoại xâm. Trong suốt chiều dài lịch sử, vùng đất giàu truyền thống văn hóa này đã sản sinh ra nhiều người con ưu tú của dân tộc, với cả tài năng và tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc. Thời nhà Đường, ở Nghệ An đã có cuộc khởi nghĩa do Mai Thúc Loan lãnh đạo chống lại chính quyền đô hộ tham lam, tàn bạo. Khi quân Minh đến xâm lược nước ta, Nghệ An đã trở thành căn cứ của nhà Hậu Trần, rồi sau đó trở thành địa bàn chiến lược để nghĩa quân Lam Sơn phát triển lực lượng, thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mang tính nhân dân sâu sắc trong thế kỷ XV. Trong chiến dịch đại phá quân Thanh xuân Kỷ Dậu (1789), Nghệ An cũng đã được vua Quang Trung chọn làm nơi dừng chân và tuyển chọn hàng vạn trai tráng tham gia vào chiến dịch lịch sử của dân tộc. Khi phong trào Cần Vương bùng nổ, nhiều người con của Nghệ An đã hăng hái tham gia đội “Chung nghĩa binh” do Vương Thúc Mậu lãnh đạo, rồi tham gia cuộc khởi nghĩa Hương Khê nổi tiếng do Phan Đình Phùng đứng đầu. Nghệ An còn là quê hương của nhà cách mạng Phan Bội Châu, là nơi khởi đầu phong trào Đông Du, thu hút sự tham gia của nhiều thanh niên yêu nước trong vùng. Khi còn ở Nghệ An, nhiều lần Phan Bội Châu cũng đã ghé thăm gia đình Nguyễn Tất Thành và trao đổi, đàm đạo với cụ thân sinh là Nguyễn Sinh Sắc những câu chuyện về tình cảnh đau lòng của đất nước và người dân. Trong những lần ghé thăm như vậy, Phan Bội Châu đã để lại ấn tượng sâu sắc trong Nguyễn Tất Thành khi thường ngâm hai câu thơ của Viên Mai:

*“Mỗi phạn bát vong duy trúc bạch,
Lập thân tôi hạ thị văn chương”*

Nghĩa là:

*“Mỗi bữa (ăn) không quên ghi sử sách,
Lập thân hèn nhất ấy (là) văn chương”*

Bản thân Phan Bội Châu cũng đã từng có ý định đưa Nguyễn Tất Thành sang Nhật trong phong trào Đông Du nhưng không thành.

Khi đến tuổi đi học, Nguyễn Tất Thành đã từng được theo học nhiều thầy giáo trong vùng là những nhà nho yêu nước và nghĩa khí, trong đó có thầy Vương Thúc Quý - con trai nhà yêu nước Vương Thúc Mậu. Tại nhà thầy Quý, những khi có khách là những người bạn chung chí hướng cứu nước, cứu dân với thầy đến chơi, Nguyễn Tất Thành thường được giao lo việc tiếp nước. Trong những buổi như vậy, cậu đã được nghe tâm sự yêu nước và tấm lòng nhiệt huyết của các bậc cha chú.

Truyền thống yêu nước bất khuất của quê hương đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Tất Thành. Đặc biệt, các phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Nghệ An chống ách thống trị của thực dân Pháp đã để lại trong Nguyễn Tất Thành những ký ức sâu đậm. Tháng 2-1931, trong báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản nhan đề *Nghệ Tĩnh đỏ*, Người viết: *“Nhân dân Nghệ - Tĩnh nổi tiếng cứng đầu. Trong thời kỳ Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905 - 1925) Nghệ Tĩnh đã nổi tiếng”*¹.

Chẳng những được tắm mình trong truyền thống yêu nước bất khuất của quê hương, Nguyễn Tất Thành còn được trực tiếp học tập và tiếp thu truyền thống yêu nước của gia đình. Gia đình bên nội và bên ngoại của Nguyễn Tất Thành đều là những gia đình giàu truyền thống yêu nước, thương người. Ông ngoại của Nguyễn Tất Thành là cụ Hoàng Xuân Đường, một nhà nho yêu nước, bạn của nhà yêu nước Vương Thúc Mậu. Chị gái và anh cả của Nguyễn

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 70.

Tất Thành - bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Sinh Khiêm - đều là những người sớm tham gia các hoạt động yêu nước. Nhưng có thể nói người ảnh hưởng nhiều nhất và trực tiếp nhất đến tình cảm yêu nước, thương dân của Nguyễn Tất Thành chính là cụ thân sinh Nguyễn Sinh Sắc. Từ lúc còn thơ ấu cho đến khi trưởng thành, Nguyễn Tất Thành thường được ở bên cụ Nguyễn Sinh Sắc và được cụ dạy bảo, rèn giũa về đạo làm người. Đặc biệt, nhân cách thanh cao, giàu lòng yêu nước, thương dân của người cha luôn luôn là tấm gương sáng để Nguyễn Tất Thành học tập noi theo. Những khi nhà có khách là các bạn của cụ Nguyễn Sinh Sắc đến chơi, hoặc những lúc theo cha đi thăm các nhà nho yêu nước, đã để lại trong Nguyễn Tất Thành ấn tượng sâu sắc về những câu chuyện đàm đạo về thời cuộc, về tình cảnh đất nước, dân tộc.

Được sinh ra và lớn lên trong một môi trường quê hương và gia đình giàu truyền thống yêu nước thương nòi như trên, không có gì đáng ngạc nhiên khi Nguyễn Tất Thành sớm có lòng yêu nước, thương dân nồng nàn. Trong quá trình khôn lớn, trưởng thành, Nguyễn Tất Thành lại được đi nhiều nơi, được trực tiếp chứng kiến những hành động tàn ác, bất công của chính quyền thực dân, chứng kiến cảnh sống đau thương, cùng cực của bao gia đình, bao con người và cùng với đó là những cuộc đấu tranh yêu nước, phản kháng chế độ thực dân phong kiến của người dân. Đặc biệt, năm 1908, khi đang theo học Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, cậu Nguyễn Sinh Côn (tên gọi của Nguyễn Tất Thành thời điểm đó) đã được chứng kiến và trực tiếp tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Trung Kỳ tại Huế. Những điều này càng nung nấu, làm sâu sắc thêm tình cảm yêu nước, thương dân, ghét quân xâm lược ở Nguyễn Tất Thành. Ý thức về trách nhiệm của bản thân đối với vận mệnh của đất nước, của dân tộc và quyết định ra đi tìm đường cứu nước dần dần được hình thành ở Nguyễn Tất Thành và ngày càng trở nên sâu đậm, trở thành động lực mạnh mẽ thôi thúc Người bước vào hành trình

tìm đường cứu nước, cứu dân, dù biết rằng trước mắt sẽ là biết bao chông gai, thách thức.

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc chính là cơ sở ban đầu, là hành trang lớn nhất của Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh trước khi Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam chẳng những là nguồn động lực mạnh mẽ thôi thúc quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của Người, mà còn là điểm tựa tinh thần giúp Người vượt lên những gian khổ, thử thách trong suốt hành trình bốn ba xứ người. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống cũng giúp Người có tiêu chí để phân định chân giá trị của các loại chủ nghĩa, các trào lưu tư tưởng đang thịnh hành ở phương Tây, từ đó tìm ra chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường duy nhất đúng dẫn cho dân tộc - con đường cách mạng vô sản, giành độc lập dân tộc, đi lên chủ nghĩa xã hội. Sau này, trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin* (tháng 4-1960), Người đã nói rõ: "*Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba*"¹.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 128.

ĐỘNG LỰC NGUYỄN TẤT THÀNH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

PGS. TS. VŨ VĂN THUẤN*

Sự kiện Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) ra đi tìm đường cứu nước, ngày 5-6-1911, có ý nghĩa lịch sử to lớn; là khởi nguồn của một thời kỳ mới trong tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước ta, nổi bật là thời kỳ đổi mới đất nước do Đảng ta lãnh đạo ngày nay. Tìm hiểu những gì tác động như là động lực thôi thúc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước sẽ góp phần không nhỏ vào việc làm sâu sắc thêm những ý nghĩa lịch sử đó. Nguồn động lực đầu tiên là yêu cầu thực tiễn nóng bỏng đòi hỏi cấp thiết phải tìm ra một con đường cứu nước mới trước một thực tế đau xót là các cuộc khởi nghĩa và phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đều lần lượt thất bại. Nguyễn Tất Thành là người sớm nhận thức được yêu cầu của thực tiễn đó trên cơ sở của những nguồn động lực nội sinh ở một bậc vĩ nhân được sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh lịch sử thời đó. Đó là lòng nồng nàn yêu nước đã được nâng lên thành khát vọng cứu nước, cứu dân; là truyền thống “một dân tộc độc lập và một quốc gia có chủ quyền” trong suốt chiều dài đấu tranh giữ nước; là những kinh nghiệm được đúc kết thành triết lý chiến thắng trong đấu tranh

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

chống giặc của cha ông, là đạo hiếu của một người con được cha mẹ và gia đình đặt niềm tin tưởng...

Cuối năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Nhân dân Việt Nam đã anh dũng chống trả quyết liệt bọn xâm lược với tinh thần *"Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây"* (Nguyễn Trung Trực). Nhưng trước sức mạnh áp đảo của quân thù, triều đình nhà Nguyễn, trong thi sợ nhân dân, ngoài thì bạc nhược trước kẻ thù, lúc đầu có sự chống cự yếu ớt, về sau đã từng bước đầu hàng để giữ lấy ngai vàng và lợi ích của hoàng tộc. Năm 1883 - 1884, triều đình nhà Nguyễn lần lượt ký hàng ước với thực dân Pháp. Nước ta từ một nước độc lập có chủ quyền trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến dưới sự thống trị dã man, tàn bạo của thực dân Pháp. Nhân dân ta với lòng yêu nước nồng nàn và chí căm thù giặc sâu sắc đã đứng lên khởi nghĩa chống Pháp rầm rộ trên khắp cả nước. Nhưng các cuộc khởi nghĩa này đều lần lượt bị thất bại vì chưa có một đường lối kháng chiến chống Pháp đúng đắn, lãnh đạo kháng chiến vẫn là các sĩ phu, văn thân còn mang nặng ý thức hệ phong kiến, tôn quân.

Sang đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân ta chuyển sang theo xu hướng dân chủ tư sản. Tiêu biểu là các phong trào Đông Du (1904 - 1908) do Phan Bội Châu lãnh đạo, phong trào Duy Tân (1907 - 1908) do Phan Châu Trinh lãnh đạo và phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907) do Nguyễn Quyền và Lương Văn Can lãnh đạo. Các phong trào này chưa lôi cuốn được mọi tầng lớp nhân dân vì tư tưởng dân chủ tư sản chưa có cơ sở xã hội vững chắc, giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, con đẻ của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của tư bản Pháp, còn ở trình độ tự phát nên chưa thể lãnh đạo được phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Do đó phong trào chỉ rõ lên được một thời gian ngắn rồi lần lượt bị đàn áp và thất bại. Đến đây, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng, cả dân tộc vẫn chìm đắm trong đêm dài

nô lệ, tường chừng như không có đường ra. Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên trong bối cảnh lịch sử ấy. Anh đã sớm nhận thức rõ yêu cầu cấp bách là phải tìm ra được một con đường cứu nước mới chứ không thể theo lối mòn của các bậc tiền bối. Nhưng đó là con đường nào? Thì trong anh vẫn chưa có lời giải đáp.

Với tinh thần yêu nước, thương dân, được hun đúc bởi truyền thống yêu nước của dân tộc và những tấm gương sáng ngời của Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực, v.v.. Nguyễn Tất Thành đã hình thành quyết tâm phải tìm cho được con đường cứu nước mới đó...

Nguồn động lực đó ngày càng lớn dần ở Nguyễn Tất Thành. Ngay từ thuở thiếu thời, anh đã rất ham tìm hiểu những tinh túy của nền Nho học cổ truyền. Trí thông minh của anh thật đặc biệt, anh thường đặt ra những câu hỏi mới gắn với những hơi thở của cuộc sống đương thời, làm cho những thầy đồ nổi tiếng uyên bác cũng lúng túng, bất lực trước những câu hỏi của anh. Vì vậy anh thường chăm chú nghe những lời bàn luận về thời cuộc của những văn thân cùng thời với cha. Lời bàn của cụ Nghè (học vị của người đậu Tiến sĩ Nho học) Nguyễn Quý Song: *"Muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học chữ Pháp"*¹ đã góp phần quyết định việc anh chuyển từ học chữ Nho sang học chữ Pháp. Mùa thu năm 1905, Nguyễn Tất Thành vào học trường tiểu học Pháp - Việt ở Vinh, rồi sau đó học tiếp chương trình này ở trường Quốc học Huế vì phải theo cha - cụ Nguyễn Sinh Huy vào kinh nhậm chức. Tại trường tiểu học Vinh, Nguyễn Tất Thành chú ý đến ba từ được sơn vào gỗ, gắn ở phía trên bảng đen "LIBERTÉ, EGALITÉ, FRATERNITÉ" (Tự do, Bình đẳng, Bác ái). Anh tìm hiểu và biết đó là khẩu hiệu nổi tiếng của Đại Cách mạng Pháp 1789. Đối với anh, đó là những điều hoàn toàn mới lạ chưa thấy

¹ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Nghệ Tĩnh, *Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 61.

ở sách vở Nho học. Khi đó ở anh đã bộc lộ suy nghĩ khác thường muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm hiểu xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ đó. Vì vậy anh càng đề tâm tiếp thu những yếu tố tiến bộ của nền văn minh Pháp. Đặc biệt anh thường được theo cha đi thăm thú nhiều nơi trong nước, tìm hiểu nỗi khổ cực của đồng bào, những tội ác của thực dân Pháp và bè lũ quan lại tay sai, nhất là được tiếp xúc với nhiều chí sĩ yêu nước, có tâm huyết cứu nước, cứu dân, được nghe những lời bàn luận của họ về con đường cứu nước. Sau này, khi trả lời nhà văn Mỹ Anna Louise Strong về ý định xuất dương, Bác Hồ (tức Nguyễn Tất Thành) nói rõ: *“Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”*¹... Những trăn trở đó thực sự đã là những động lực mới “thôi thúc mạnh mẽ ý chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào”² của Nguyễn Tất Thành theo một con đường mới và anh đã quyết định sang phương Tây tìm đường cứu quốc.

Một ngày thu năm 1910, Nguyễn Tất Thành rời Bình Định vào Nam ra đi tìm đường cứu nước. Trước khi đi, anh đến thăm và từ biệt người cha thân yêu. Thấy Nguyễn Tất Thành đến tìm mình, cụ Nguyễn Sinh Huy đã nghiêm giọng với con: *“Nước mất không lo đi tìm, tìm cha phổng có ích gì”*³. Là người hiểu sâu sắc về đạo hiếu, cụ Huy nghiêm giọng nói với Nguyễn Tất Thành như vậy là mong muốn anh nên vì đại nghĩa (đại hiếu) mà quyết tâm ra đi “tìm nước”, chứ không nên bịn rịn, luẩn quẩn với chữ hiếu thông thường. Mong Nguyễn Tất Thành vẹn tròn chữ hiếu với cha như vậy cũng đồng nghĩa là trung với nước, hiếu với dân. Lịch sử

- 1 *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1992, tr. 47 - 48.
- 2 Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Nghệ Tĩnh, *Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 51.
- 3 Trần Minh Siêu, *Những người thân trong gia đình Bác Hồ*, Nxb. Nghệ An, 2004, tr. 34.

chống ngoại xâm của dân tộc còn ghi lại sự kiện về cuộc chia tay của Nguyễn Trãi với cha là Nguyễn Phi Khanh. Năm 1406, nhà Minh ồ ạt sang xâm chiếm nước ta, bắt gần như toàn bộ triều đình nhà Hồ giải về Trung Quốc. Trong số tù binh đó có Tư nghiệp Quốc Tử Giám Nguyễn Phi Khanh. Nguyễn Trãi và Nguyễn Hùng cải trang theo cha sang Trung Quốc. Đến biên giới, Nguyễn Phi Khanh đã khuyên Nguyễn Trãi: con là người có học, có tài “*con nên trở về lập chí, rửa thẹn cho nước, trả thù cho cha, như thế mới là đại hiếu, hà tất cứ phải vương vít bên cạnh cha, để cho ngày tháng mòn mỏi mới là hiếu hay sao*”¹. Là người thông hiểu truyền thống dân tộc nên cả cụ Nguyễn Sinh Huy và Nguyễn Tất Thành đều tường tận sự kiện lịch sử này. Vì vậy, lời dạy bảo đầy nghiêm khắc và tin tưởng của cụ Nguyễn Sinh Huy luôn là nguồn động lực lớn thúc đẩy, động viên Nguyễn Tất Thành quyết tâm vượt biển cả sang phương Tây tìm đường cứu nước.

Ngày 3-6-1911, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba, xuống một tàu buôn Pháp tên là Amiral Latouche Tréville (Amiran Latuso Torévin) đang cập cảng Sài Gòn, gặp thuyền trưởng Maisen (Maixen) và được nhận vào làm phụ bếp trên tàu. Nghĩ đến cuộc hành trình lênh đênh trên biển hàng vạn dặm, Nguyễn Tất Thành không khỏi băn khoăn và quyết định bộc lộ tâm sự với một người bạn: “*Tôi muốn đi ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình thì thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm..., anh muốn đi với tôi không?*

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?

- Đây, tiền đây... Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi.

¹ Bùi Văn Nguyên, *Văn chương Nguyễn Trãi*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1993, tr. 82.

*Nguyễn Tất Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay của mình một cách tự tin và kiên quyết*¹ một mình ra đi tìm đường cứu nước.

Sau gần 30 năm ra đi tìm đường cứu nước, vượt qua biết bao chông gai, thử thách, tù đày, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước mới - con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội (7-1920) và tổng thể những yếu tố cơ bản như là phương thức thực hiện thành công con đường ấy (1930) cũng như hoàn thiện những yếu tố đó vào năm đầu khi Người trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước (1941)... Con đường cứu nước mới - con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và những yếu tố cơ bản để thực hiện thành công con đường đó như: xác lập, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của chủ nghĩa Mác - Lênin; xây dựng, củng cố vững chắc khối liên minh công - nông - trí làm nền tảng đại đoàn kết toàn dân; thực hiện mở rộng đoàn kết quốc tế; phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; không ngừng củng cố và hoàn thiện nhà nước dân chủ kiểu mới - nhà nước của dân, do dân và vì dân... đều là những quy luật giành và giữ vững nền độc lập dân tộc cũng như xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thực tiễn lịch sử từ năm 1930 cho đến nay đã chứng minh chân lý rằng: khi nào Đảng ta xa rời, dù ít dù nhiều, những điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy thì đều làm chậm bước tiến của cách mạng ở mức độ nhất định như thời kỳ những năm 1930 - 1936 và 1976 - 1986. Còn khi nào Đảng ta đi đúng và vận dụng sáng tạo đường lối của Người thì cách mạng nước ta ngày càng thắng lợi rực rỡ hơn như thời kỳ 1941 - 1975 và thời kỳ đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay... Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại mãi mãi đồng hành cùng cách mạng Việt Nam!

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 11.

**CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VIỆT NAM
VÀ HOÀI BẢO CỨU DÂN TỘC, ĐỒNG BÀO
ĐƯA NGUYỄN TẮT THÀNH - NGUYỄN ÁI QUỐC
ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC,
ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

PGS. TS. NGUYỄN THANH TÂM*

Sự kiện lịch sử Nguyễn Tất Thành 21 tuổi, con cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan rời Sài Gòn - thủ phủ xứ Nam Kỳ thuộc địa, lên tàu Pháp Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) đậu ở bến cảng Sài Gòn, xin làm phụ bếp và theo con tàu nhỏ neo ra đại dương ngày 5-6-1911 hướng đến châu Âu đã diễn ra cách đây một thế kỷ. Người thanh niên đầy lòng yêu nước, thương dân, ôm ấp một hoài bão lớn cứu dân tộc và đồng bào ra đi xa Tổ quốc trong một hoàn cảnh lịch sử đau thương. Dân tộc mất độc lập, quốc gia bị xóa tên, đồng bào sống trong cảnh đời nô lệ. Gia đình ly tán, người cha yêu quý bị “triệt hồi” chức tri huyện Bình Khê (Bình Định) và về Huế “lai kinh hậu cứu” lâm vào cảnh lao lung. Xuất ngoại nhưng hành lý tư trang không có gì, chỉ biết trông cậy vào hai bàn tay và tài trí ứng xử để tự lo kiếm sống và nghiên cứu, Nguyễn Tất Thành biết trước sẽ gặp nhiều khó khăn, gian khổ, hiểm nguy. Song với ý chí, trí tuệ,

* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

ngợi lực phi thường và điều cao cả là lòng yêu nước nồng nàn, Người luôn nung nấu ý chí xả thân đi tìm cho được con đường dựng cứu dân, cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi vòng nô lệ của chủ nghĩa thực dân Pháp. Động lực thúc đẩy người thanh niên Văn Ba - Nguyễn Tất Thành rời đất nước đã được lịch sử khẳng định chính là *chủ nghĩa yêu nước Việt Nam* đã thấm sâu vào suy tư, tâm hồn, chất lọc từ một hệ thống quan niệm, ý thức, tư tưởng chính trị, đạo đức, văn hóa có ý nghĩa chỉ đạo hành động từ các thế hệ người Việt Nam truyền lại.

Trong lịch sử nhân loại, bất cứ một cộng đồng người là thị tộc, bộ lạc hay quốc gia dân tộc nào sinh sống, xây dựng giang sơn trên trái đất dù màu da, ngôn ngữ khác nhau, cũng đều có tinh thần yêu nước, yêu dân tộc mình. Yêu nước, nêu cao tinh thần dân tộc là yêu cương vực lãnh thổ, quyền được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc của người dân; là hy sinh bảo vệ giòng giống, văn hóa, phong tục cốt cách của dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Chủ nghĩa yêu nước chân chính là không chỉ yêu nước, yêu dân tộc giống nòi của mình, mà còn phải tôn trọng ngòi ca tinh thần yêu nước, quả cảm của nhân dân các dân tộc trên thế giới, suy rộng ra là yêu nhân loại tiến bộ. Trong xã hội có giai cấp, chủ nghĩa yêu nước mang tính giai cấp. Chỉ trong những điều kiện lịch sử khi nào chủ nghĩa yêu nước bao trùm toàn bộ quốc gia dân tộc, trong đó lợi ích quốc gia dân tộc, Tổ quốc được đặt lên trên hết, trước hết thì tinh thần, tư tưởng đó biến thành sức mạnh to lớn tới mức có thể “dời non, lấp biển” và không có kẻ thù, vũ khí nào thắng nổi. Nguyễn Tất Thành trước khi xa Tổ quốc đã hiểu được chân lý đó.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được hình thành, phát triển từ truyền thống lịch sử của dân tộc và nhân dân Việt Nam, có những đặc điểm riêng mà hiếm quốc gia dân tộc nào trên thế giới có được. Đó là không chỉ thể hiện lòng yêu thiết tha với Tổ quốc, sẵn sàng hy sinh tất cả sức lực, của cải, tính mệnh cho Tổ quốc, mà chủ nghĩa yêu nước đó mang tính cộng đồng rộng rãi, mạnh

mẽ - từ cộng đồng công xã, xã thôn đến làng nước, dân tộc quốc gia. Trong điều kiện một nước thiên nhiên khắc nghiệt, con người đối mặt với thú dữ bầy đàn trên rừng, thủy quái ở sông biển, nằm trên tuyến đường giao lưu quốc tế luôn phải đối phó, chống trả họa ngoại xâm, phải lao động sản xuất đắp đê chống lụt, làm nhà nhiều cột kèo chống giông bão, đào kênh mương, sông ngòi chống hạn hán, khai phá những vùng đất hoang sơ để mở cõi..., đòi hỏi phải có sức mạnh cộng đồng trong mọi hoàn cảnh. Từ nước Văn Lang của các vua Hùng (VII - 208 TCN); nước Âu Lạc (208 - 179 TCN) thời Thục Phán An Dương Vương; qua hàng nghìn năm Bắc thuộc không bị đồng hóa về văn hóa; đến nước Đại Việt thời Ngô - Đinh - Tiền Lê (968 - 1009), Lý (1010 - 1225), Trần (1225 - 1400), Lê sơ (1428 - 1527) và các triều đại tiếp theo cho đến nước Việt Nam dưới triều Tây Sơn (1778 - 1802), các triều đại nhà Nguyễn thời kỳ độc lập (1802 - 1883), qua hơn 4000 năm lịch sử thăng trầm, nước có lúc thịnh, lúc suy, nhưng con cháu Lạc Hồng trong dựng nước và đánh giặc giữ nước thời đại nào cũng nêu cao tinh thần yêu nước và chiến đấu bất khuất. Chỉ riêng trong giữ nước và bảo vệ đất nước, con dân nước Việt đã tiến hành hàng trăm cuộc khởi nghĩa, hàng chục cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mang tính nhân dân toàn quốc.

Từ năm 1858, Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đứng trước kẻ thù mới là chủ nghĩa tư bản Pháp đã phát triển chuyển sang chủ nghĩa đế quốc với sức mạnh và cách thức xâm lược, cai trị mới. Một quốc gia phong kiến nông nghiệp tuy độc lập thống nhất từ Lạng Sơn đến Hà Tiên dưới triều Tây Sơn và triều hoàng đế Gia Long (1802 - 1819), nhưng các triều vua nhà Nguyễn sau đó do sai lầm về đối nội, đối ngoại, yếu đuối về sức lực, tinh thần, phân tán lực lượng yêu nước nên cuối cùng để mất nước (1883 - 1884). Chỉ có nhân dân và sĩ phu suốt gần 30 năm (1858 - 1884) vẫn phát huy truyền thống yêu nước, kiên cường đứng lên khởi nghĩa vũ trang, chống thực dân Pháp cả

về tư tưởng, văn hóa. Tiêu biểu ngay từ đầu là các phong trào của Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Phan Văn Trị, Nguyễn Trung Trực, Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy Dương, Nguyễn Tấn Kiều, Phan Công Hớn...

Khi thực dân Pháp đặt xong ách cai trị, biến nước Việt Nam thành thuộc địa, chia nước ta thành ba kỳ thuộc Liên bang Đông Dương, cũng có những triều vua như các triều vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân biết được tình cảnh nước mất, từ vua quan đến dân đều là nô lệ, tỏ ý phản kháng nhưng sức đã tàn, lực đã kiệt không còn cơ hội.

Cũng như cánh đồng vùng châu thổ không ngừng được những dòng sông bồi đắp phù sa màu mỡ, Nguyễn Tất Thành được tiếp thụ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam từ thuở nhỏ, bắt đầu từ gia đình, truyền thống quê hương xứ sở và không ngừng phát triển trên đường đời. Trước khi ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành đã qua những bước chuyển biến về tư tưởng tiếp thu chủ nghĩa yêu nước.

Thứ nhất, là thời gian 5 năm (1896 - 1901) khi Nguyễn Sinh Cung cùng cha mẹ và anh sống ở kinh thành Huế lần thứ nhất. Nỗi gian truân lận đận chốn khoa trường của cha, sự lao động lo toan đến kiệt sức của mẹ; sự tương phản giữa con người, văn hóa nho giáo Huế với văn hóa phương Tây; sự đối lập giữa lớp người lao động “nhà quê”, phu bốc vác, culi kéo xe tay, trẻ nhỏ ăn mày lang thang đau khổ, tủi nhục lo sợ và những quan Tây da trắng ngênh ngang, hách dịch và tàn ác, cùng những quan lại Nam triều áo gấm, hài nhung, mũ mào cánh chuồn, ngồi kiệu lọng che trông bề ngoài bề vệ, nhưng lại khúm núm, rụt rè và sợ sệt trước bọn da trắng. Nỗi đau thương gia đình và những cảnh nhức nhối ấy đã in sâu vào ký ức tuổi ấu thơ của Nguyễn Sinh Cung.

Thứ hai, là 5 năm tiếp theo (1901 - 1906) khi trở về làng Chùa - làng Sen, Kim Liên (Nam Đàn) ở tuổi thiếu niên. Tự hào về sự thành đạt của cha và được cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy tin

cậy đặt niềm hy vọng, Nguyễn Tất Thành có khả năng và điều kiện hiểu sâu hơn một bước về truyền thống văn hóa, yêu nước của quê hương. Được thầy giáo Vương Thúc Quý - người hoạt động cùng với chí sĩ Phan Bội Châu, thầy Trần Thân dạy chữ, dạy học làm người, được nghe kể về những trang Nam sử, mở rộng bước chân nói dài đường đi đến Võ Liệt (Thanh Chương) quê hương của Phan Đà người tham gia khởi nghĩa của Lê Lợi, của Trần Tấn - người đứng đầu khởi nghĩa văn thân chống Pháp trong vùng; đến Đông Thái (Đức Thọ, Hà Tĩnh) quê của Phan Đình Phùng; đến Diễn Bình (Diễn Châu), Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu), Trảng Sơn (Yên Thành) tiếp xúc với nhiều sĩ phu yêu nước; đến cửa Rào - Trấn Ninh (Anh Sơn), nơi có những người phu làm đường; và còn theo cha ra Thái Bình nhân dịp cụ thân sinh đi gặp một số sĩ phu đất Bắc...

Thứ ba, là thời gian 3 năm (1906 - 1909) sau khi từ Trường tiểu học Pháp - Việt Vinh (Nghệ An) theo cha trở lại kinh đô Huế vào học Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, tiếp đó học Trường Quốc học Huế. Những kiến thức về Pháp văn, Hán văn, văn, toán, lịch sử, địa lý, khoa học, tập vẽ, hội họa... đã hướng Nguyễn Tất Thành khám phá văn hóa kinh thành, làng quê ngoại thành Huế - Thừa Thiên, tiếp xúc với nền văn minh Pháp, biết đến khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái"; đồng thời tham gia cuộc biểu tình của nông dân trước toà khâm sứ Trung Kỳ (11-4-1908) để chống thuế, đòi quyền sống. Tuy không bị đuổi học, nhưng Nguyễn Tất Thành cùng anh là Nguyễn Tất Đạt bị mật thám ghi vào sổ đen theo dõi.

Thứ tư, là thời gian 2 năm (từ tháng 5-1909 đến tháng 5-1911). Chủ nghĩa yêu nước và hoài bão cứu nước đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành rời Huế tiến dần vào Nam với ý định ra nước ngoài. Tư liệu lịch sử đã làm sáng tỏ Nguyễn Tất Thành đã ở nhiều địa điểm tại Quy Nhơn, đến huyện đường Bình Khê tại Đồng Phó (nay là Tây Giang, Tây Sơn) nơi cha anh làm tri huyện... Sau khi biết cha bị triều đình Huế kết tội, Nguyễn Tất Thành rời Quy Nhơn vào

Phan Thiết (9-1910) dạy học ở Trường Dục Thanh. Tháng 2-1911, thầy giáo Tất Thành bí mật rời Trường Dục Thanh vào thành phố Sài Gòn đô hội. Lưu trú tại trụ sở các chi nhánh của Liên Thành công ty đặt tại số 3 đường Tổng đốc Phương (nay số 5 Châu Văn Liêm) và số 128 Khánh Hội, anh Thành thường đến làm quen và tìm hiểu tình hình học sinh trường Kỹ nghệ Thực hành, trường Đào tạo Thợ máy Á Đông, công nhân, người lao động ở bến cảng Sài Gòn, cho tới ngày 2-6-1911 quyết định ra nước ngoài.

Những việc làm và sự chuyển biến tư tưởng yêu nước kế tiếp nói trên của Nguyễn Tất Thành là sự phát triển biện chứng giữa tư tưởng, ý thức và thực tiễn theo hướng chỉ đạo của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đạo lý của gia đình. Đó là nền tảng để Nguyễn Tất Thành quyết định sang châu Âu đến Pháp, một số nước châu Phi, nước Mỹ, nước Anh. Mùa đông năm 1917 từ Luân Đôn đến Paris (Pháp) - thủ đô "chính quốc", Nguyễn Tất Thành hoạt động lý luận, nghiên cứu thực tiễn trong phong trào công nhân, phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa, hoạt động chính trị trong Đảng Xã hội Pháp và phong trào cộng sản quốc tế liên tục hơn 6 năm. Tại Paris tên Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên xuất hiện trong bản *Yêu sách* 8 điểm của nhân dân Việt Nam gửi Hội nghị đại biểu quốc tế các nước đế quốc thắng trận là Mỹ, Anh, Ý, Nhật, Bỉ... trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), họp tại Vécxây. Dưới hình thức "yêu cầu khiêm nhường" đòi ân xá tù chính trị Đông Dương, cải cách nền pháp lý để nhân dân Việt Nam được hưởng quyền tự do, dân sinh, dân chủ; tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội và hội họp, tự do học tập và lập các trường kỹ thuật ở các tỉnh, thành phố; thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật; lập đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ do người bản xứ bầu ra tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được nguyện vọng của người bản xứ. Bản yêu sách thể hiện tinh thần yêu nước và tuyên bố trước chính quốc Pháp và các nước đế quốc trên thế giới về chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Bản yêu sách được đăng trên báo và in 6.000 tờ truyền đơn bằng tiếng Pháp, Quốc ngữ và chữ Hán tung ra nhiều nơi, phân phát trong các cuộc họp, mít tinh, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ trong người Pháp, người Việt tại Paris. Khi bản Yêu sách được báo chí công khai ở Sài Gòn đăng tải đã gây ra một tiếng vang “như một quả bom lớn nổ giữa Sài Gòn” (theo lời GS. Trần Văn Giàu).

Tiếp đó chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc nêu trong một số bài báo: “Vấn đề dân bản xứ” (đăng báo *L'Humanité* ngày 2-8-1919); “Đông Dương và Triều Tiên” (đăng báo *Le Populaire*, ngày 4-9-1919); “Thư gửi ông Utorây” (báo *Le Populaire*, ngày 14-10-1919)...

Trong một cuộc gặp trao đổi giữa Nguyễn Ái Quốc, Phan Văn Trường, một đại biểu Triều Tiên là Kim Tchon Wen và một phóng viên Mỹ của tờ báo *Yichépao* tại nhà phóng viên ở Paris, khi phóng viên hỏi, Nguyễn Ái Quốc đã trả lời:

“PV: Ông đến nước Pháp với mục đích gì?”

Đáp: Để đòi những quyền tự do mà chúng tôi phải được hưởng.

PV: Chương trình của ông là gì?”

Đáp: Luôn luôn tiến lên phía trước, tùy theo sức mạnh của chúng tôi”¹.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc phân biệt được được ai phải, ai trái trong cuộc tranh cãi gay gắt giữa hai phái trong Đảng Xã hội Pháp về vấn đề ở lại Quốc tế II hay chọn lựa Quốc tế III. Cũng nhờ chủ nghĩa yêu nước mà Nguyễn Ái Quốc đọc và hiểu được “những chữ chính trị khó hiểu” trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *L'Humanité* (ngày 16 và 17-7-1920). Đối với Nguyễn Ái Quốc vấn đề yêu nước, yêu Tổ quốc thì đã rõ, nhưng vấn đề dân tộc thuộc địa và giải phóng

¹ Báo *Yichépao* xuất bản ở Thiên Tân, Trung Quốc, ngày 20-9-1919, theo sách *Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn báo chí*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2005, tr. 9.

dân tộc thuộc địa vẫn còn là vấn đề trần trụi, nhức nhối nhiều năm trước đó chưa được giải đáp đầy đủ. Vì phần đông những đảng viên của Đảng xã hội Pháp hướng về Quốc tế III chỉ quan tâm đến vấn đề giai cấp công nhân, chuyên chính vô sản mà không nói gì đến vấn đề dân tộc thuộc địa. Đọc Luận cương của Lênin nhiều lần đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc hiểu được rằng phải đánh giá đúng vấn đề dân tộc và thuộc địa trong tình hình lịch sử cụ thể, phân biệt rõ rệt lợi ích của giai cấp bị áp bức, bóc lột, của những người lao động, của những dân tộc bị áp bức, phụ thuộc không được hưởng quyền bình đẳng với những dân tộc đi áp bức, bóc lột được hưởng mọi đặc quyền, đặc lợi. Từ đó đập lại sự lừa dối kiểu dân chủ tư sản đang che giấu việc tuyệt đại đa số nhân dân trên trái đất bị một thiểu số nhỏ bé những nước tư bản tiên tiến rất mực giàu có nô dịch về mặt thuộc địa và tài chính. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa không thể có khả năng chung sống hòa bình, bình đẳng giữa các dân tộc. Chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa là làm cho vô sản giai cấp và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước đoàn kết lại để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản. Các phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa phải gắn chặt với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước tư bản và chiến thắng của chính quyền Xô viết đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới. Các Đảng Cộng sản phải trực tiếp ủng hộ phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa nhằm lật đổ chủ nghĩa đế quốc.

Vào giờ phút đọc Luận cương của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã thấy rõ: *"Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"*¹. Như vậy, từ tháng 7-1920, nghĩa là trước khi tham dự Đại hội Tua (12-1920) tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã "hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế III"², tức là đã theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là cơ sở lý luận để 4 năm sau, trong bài phát

1, 2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 127.

biểu tại phiên họp thứ 22 Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1-7-1924), Nguyễn Ái Quốc nhận thức sâu sắc hơn chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa; đã phê phán các Đảng Cộng sản Pháp, Anh, Hà Lan, Bỉ... đã *"làm rất và rất ít"*¹, thậm chí không làm gì cho các nước thuộc địa. Trong bài phát biểu đó, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra 5 biện pháp cụ thể kiến nghị với Quốc tế Cộng sản và kêu gọi: *"Thưa các đồng chí, vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác"*².

Trước và đồng thời với Nguyễn Ái Quốc ở trong nước cũng như đi ra nước ngoài đã có nhiều người yêu nước nhiệt huyết, hiểu sâu sắc và hành động theo chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Nhưng từ Phan Đình Phùng theo ý thức hệ phong kiến, Hoàng Hoa Thám - thổ hào địa phương tập hợp được nghĩa quân nông dân đánh du kích chống Pháp (ở trong nước) đến Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh (ra nước ngoài) hoặc cầu cứu nước Nhật giúp đỡ đánh Pháp, hoặc dựa vào Pháp để chống vua quan phong kiến theo ý thức hệ dân chủ tư sản đều thất bại, chưa tìm được con đường khả dĩ cứu nước, giải phóng đồng bào. Chỉ có Nguyễn Ái Quốc tiếp thụ, phát triển chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tinh hóa tư tưởng, văn hóa của nhân loại đến với chủ nghĩa Mác - Lênin mới tìm được con đường cách mạng đúng đắn cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc thuộc địa bị áp bức, bóc lột.

Từ thực tiễn lịch sử đó, bài học mà chúng ta có thể rút ra được là chỉ có kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội thì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mới thắng lợi cũng như công cuộc đổi mới xây dựng đất nước một nước Việt Nam xã hội xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh mới thành công.

1 *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 3.

2 *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 9.

**CUỘC RA ĐI NĂM 1911 - MỞ ĐẦU SỰ NGHIỆP
CỨU NƯỚC, CỨU DÂN ĐÚNG ĐẮN,
MANG TÍNH KHOA HỌC, CÁCH MẠNG
CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH - NGUYỄN ÁI QUỐC**

TS. NGUYỄN THẾ KỶ*

Từ nhiều năm nay, một số nhà nghiên cứu và không ít người trẻ đã nêu câu hỏi: chuyển rời nước ngày 5 tháng 6 năm 1911 của Nguyễn Tất Thành, từ Sài Gòn sang Pháp, sang phương Tây, là sự xê dịch tình cờ, ngẫu nhiên hay là sự lựa chọn có chủ đích mang tính khoa học, cách mạng? Bài viết này của chúng tôi xin đi thẳng vào vấn đề vừa đề cập.

1. Nguyễn Tất Thành sinh ra trên mảnh đất nằm ở hạ lưu sông Lam của xứ Nghệ, nơi hội tụ của các trung tâm văn hóa vùng Bắc Trung Bộ; nơi phát tích nhiều nền văn hóa cổ; một vùng văn hóa dân tộc đặc sắc. Cụ Nghệ Nguyễn Xuân Ôn, một trong những lãnh tụ của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX từng ca ngợi quê hương: *“Non nước châu Hoan đẹp tuyệt vời, Sinh ra trung nghĩa biết bao người”*. Nhìn trong lịch sử dân tộc, những tên tuổi lớn như: Mai Hắc Đế, Hồ Quý Ly, Nguyễn Huệ - Quang Trung, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Nguyễn Trường Tộ... đều sinh trưởng ở

* Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương.

nơi này. Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc và lớp thanh niên yêu nước đầu thế kỷ XX như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Lê Hồng Sơn, Lý Tự Trọng, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Sĩ Sách,... tiếp tục làm rạng ngời pho sử đất Hồng Lam.

2. Sinh ra trong một gia đình gốc nông dân có truyền thống Nho học. Khi Nguyễn Tất Thành cất tiếng khóc chào đời, khói lửa của phong trào Cần Vương - bên kia sông Lam là cuộc đấu nghĩa của Phan Đình Phùng, Cao Thắng, bên này sông Lam là Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhã và ngay núi Chung trước nhà là Vương Thúc Mậu... dù rất oanh liệt, đã bị xâm lược Pháp và bè lũ tay sai chìm trong biển máu. Những cuộc đàm đạo văn chương, về “quốc gia hữu sự” của thân phụ Anh với các vị túc Nho như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Trần Văn Lương, Đặng Thái Thân, Đặng Nguyên Cẩn, Bùi Danh Trứ...; cảnh người dân bị sưu cao thuế nặng; cảnh người làng Sen bị bắt đi phu Cửa Rào trong tiếng khóc than oai oán... đã nhen lên trong tâm khảm Anh lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù quân cướp nước và lũ bán nước. Ông Nguyễn Sinh Sắc, đậu Phó bảng, được bổ làm quan rồi bị cách quan vì luôn đau đáu: “*Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ hựu nô lệ*” (quan trường là nô lệ trong đám người nô lệ nên càng nô lệ hơn). Chị cả của Nguyễn Tất Thành là Nguyễn Thị Thanh, còn gọi là Bạch Liên; người anh trai là Nguyễn Sinh Khiêm, còn gọi là Tất Đạt, đều được học hành, có chữ có nghĩa, khi trưởng thành đều tham gia các hoạt động yêu nước, bị chính quyền thực dân, phong kiến cầm tù nhiều năm, cả bà Thanh, ông Khiêm đều hy sinh hạnh phúc riêng tư vì nghĩa lớn. Truyền thống vẻ vang của quê hương và gia đình đã ảnh hưởng sâu sắc đến tuổi ấu thơ của Nguyễn Tất Thành, đến việc hình thành nhân cách, tư tưởng và sự lựa chọn con đường cứu nước sau này của Anh.

3. Ở quê hương Nghệ An, có nhiều trí thức phong kiến trước Nguyễn Tất Thành đã nuôi chí ra nước ngoài du học và hoạt động yêu nước. Nguyễn Trường Tộ, sinh năm 1828, quê làng Bùi Chu, huyện Hưng Nguyên (cách làng Kim Liên của Nguyễn Tất Thành chưa đến 10 km), năm 30 tuổi được Giám mục Gauthier (tên phiên âm tiếng Việt là Ngô Gia Hậu) đưa sang Hương Cảng, Singapore, Ý và học tập ở Pháp gần 2 năm. Về nước, ông nổi tiếng trong các lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, xây dựng và cả chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, ngoại giao, quân sự. Ông gửi hàng chục bản điều trần tâm huyết lên triều đình nhà Nguyễn đề nghị canh tân đất nước. Do *“thân phận hèn mọn mà dám nói việc cao xa”*... *“ở trong vòng của quân địch mà lại ôm chí khác”*... *“bị nghi kị mà vẫn hiển dương ý kiến”*, nên *“Nhất thất tức, thành thiên cổ hận; tái hồi đầu, thị bách niên cơ”* (Một kiếp sa chân, muôn kiếp hận; ngoảnh đầu cơ nghiệp ấy trăm năm). Cách Kim Liên chưa đầy 20 km, ông Đặng Thúc Hứa từng sang Lào, sang Thái Lan hoạt động yêu nước, được mệnh danh là *“Cổ Đi”* vì đi nhiều, vận động yêu nước nhiều, luôn tràn trề bầu nhiệt huyết. Và ở rất gần Kim Liên, cách khoảng 4 - 5 km là làng Đan Nhiễm, có Phan Bội Châu, bạn tâm giao của cụ Nguyễn Sinh Sắc - thân phụ của Nguyễn Tất Thành, một nhà yêu nước, nhà cách mạng, nhà văn hóa nổi tiếng, trở thành lãnh tụ của phong trào Đông Du, Duy Tân. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc - tên gọi sau này của Nguyễn Tất Thành, đã ca ngợi cụ Phan là *“Bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được hai mươi triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng”*. Tuy nhiên, sau bao nỗ lực, tâm huyết, với 3 lần thay đổi chính kiến, cụ Phan tự nhận *“trăm lần thất bại mà không một thành công”* (Phan Bội Châu niên biểu).

4. Trong câu chuyện với nhà thơ Xô viết Ôxíp Mandenstan tại Liên Xô năm 1923, Nguyễn Ái Quốc cho biết: *“Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe những từ Pháp “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái”... thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem*

những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy". Năm 15 tuổi, Nguyễn Tất Thành cùng cha, mẹ và anh Khiêm vào Huế; năm 18 tuổi (1908), Anh tham gia các cuộc biểu tình chống thuế của nông dân tại kinh đô Huế. Chính ở nơi này, Anh thấy rõ nhất, sâu sắc nhất mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn giai cấp, khát vọng độc lập, tự do của dân tộc mình. Theo một tài liệu (Việt Nam thuật) ghi lại: "Mười mười chín tuổi đầu, sau khi đỗ bằng cao đẳng tiểu học ở trường Quốc học Huế, ông (tức Nguyễn Tất Thành) liền bái biệt cha già ra đi, chưa biết là đi đâu, nhưng một điều chắc chắn là đi ra khỏi nước".

Phan Bội Châu đi về phương Đông, nhưng một thực tế hiển nhiên và hết sức phũ phàng là nước Nhật "đồng chủng" đang phản bội người da vàng, xâm lược Trung Quốc, Triều Tiên, ra lệnh trục xuất chính Ông và các du học sinh Việt Nam yêu nước. Cách mạng của Khang, Lương ở Trung Quốc thất bại cho thấy Trung Quốc không thể đi theo con đường Duy Tân của Nhật Bản. Cách mạng Tân Hợi (1911) của Tôn Văn tuy lật đổ được ngai vàng đế chế, nhưng đã không lật đổ được quyền chiếm hữu ruộng đất và ách bóc lột của địa chủ phong kiến, ách nô dịch của đế quốc tư bản nước ngoài. Nguyễn Tất Thành rời Huế, vào Phan Thiết, rồi vào Sài Gòn để sang phương Tây, như sau này Người kể lại *"Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta"*.

Mấy tháng sau khi Nguyễn Tất Thành, với tên mới Văn Ba rời Sài Gòn, cách mạng Tân Hợi nổ ra thắng lợi, nhưng Anh không quay lại Trung Quốc. Anh vẫn kiên định sang Pháp, sang đất nước của những kẻ xâm lược và cai trị dân tộc mình. Theo Anh, muốn đánh đuổi thực dân Pháp thì phải biết nước Pháp là thế nào. Đó là một sự cân nhắc kỹ lưỡng, là sự lựa chọn có chủ đích. Đó cũng là một sự đổi mới, không chỉ về hướng đi, tầm nhìn mà cả về phương pháp nghiên cứu và hành động.

5. Tuy nhiên, việc một số người Việt Nam lúc đó sang phương Tây, sang nước Pháp (kể cả chuyến đi của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba), tự nó, chưa hoàn toàn được coi là sự lựa chọn mang tính khoa học và cách mạng. Có nhiều trí thức Việt Nam đương thời cũng sang Pháp, có người chỉ lo học hành, kiếm sống, làm giàu; có người vừa học chữ, vừa tìm đường cứu nước, giúp dân. Luật sư, Tiến sĩ Phan Văn Trường và Phó bảng Phan Châu Trinh tiêu biểu cho nhóm thứ hai. Tuy nhiên, sống và hoạt động ở Pháp nhiều năm, từng tiếp xúc với các lực lượng cánh tả Pháp, vậy mà các ông vẫn không tìm được con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, không đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin như Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc sau đó. Theo báo cáo của Trung ương Đảng Xã hội Pháp thì năm 1913 đã có 7 người Việt Nam vào Đảng Xã hội Pháp, năm 1919 có 80 người Việt Nam tham gia Đảng này, nhưng đến năm 1920 chỉ còn 20 người, duy chỉ có Nguyễn Ái Quốc (vào Đảng Xã hội Pháp năm 1918) trở thành người cộng sản.

6. Trên con đường bốn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc được hòa mình trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á. Với bản tính thông minh, mẫn tiệp, nhạy cảm với cái mới, trần trụi, khát khao tìm con đường đúng đắn để cứu nước, cứu dân, Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc, gạn lọc, đón nhận những tư tưởng tiến bộ của văn hóa phương Tây: chủ nghĩa nhân văn thời Phục Hưng, chủ nghĩa duy lý thế kỷ Ánh Sáng, tư tưởng dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái của cách mạng Pháp, Anh, Mỹ... Ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường gửi *Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Versailles (Vécxây, 1919); viết *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1920); bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ Ba (tức Quốc tế Cộng sản), trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và đương nhiên, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (1920); tham gia sáng lập báo *Người cùng khổ* (Le Paria, 1922), ngay bài viết cho số đầu

tiên, Người tuyên bố sứ mệnh tờ báo là “giải phóng con người”. Hơn 10 năm vừa vất vả lao động kiếm sống, vừa đau đầu tìm kiếm con đường cứu nước, cứu dân, Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc càng nhận thức rõ: chủ nghĩa tư bản, bè lũ đế quốc, thực dân là những kẻ đã gây ra mọi áp bức, bóc lột, đau khổ cho công nhân, nông dân và các tầng lớp khác ở cả thuộc địa và ở ngay chính quốc. Theo Người: *“Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải là chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ Ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.”*¹ Người khẳng định: *“Muốn giải phóng dân tộc phải tự mình làm lấy”*. Người tin tưởng ở con đường đi của mình, tin tưởng ở sức mạnh của nhân dân, của dân tộc. Điều này rất khác với quan điểm của Phan Bội Châu, của Phan Châu Trinh; vượt qua giáo lý Khổng, Mạnh hẹp hòi; vượt qua sự hạn chế của chủ nghĩa yêu nước cũ của các sĩ phu phong kiến và các nhà cách mạng có xu hướng dân chủ tư sản, tiểu tư sản đương thời. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến với chủ nghĩa cộng sản khoa học, chủ nghĩa Mác - Lênin. Người bắt gặp, đón nhận *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V. I. Lênin không hề là sự may mắn ngẫu nhiên. Đó là một tất yếu khách quan mang tính khoa học và cách mạng. Chính Phan Châu Trinh, năm 1922, trong một bức thư đề ngày 18 tháng 2 gửi từ Marseille (Mácxây) cho Nguyễn Ái Quốc đang ở Paris, đã viết: *“Thân tôi tựa như chim lồng, cá chậu... Cảnh tôi như hoa sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong, mà hơi tàn cũng phải gào cho hả, may ra có tỉnh giấc hồn mê”*. Cuối thư, Cụ ví Nguyễn Ái Quốc *“như cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hành, lý thuyết tinh*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 126 - 128. (Bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, đăng trên Tạp chí *Các vấn đề phương Đông*, Liên Xô, 1960, nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh V. I. Lênin).

thông... không bao lâu nữa cái chủ nghĩa anh tôn thờ (ý nói chủ nghĩa Mác - Lênin) sẽ thâm căn cố đế trong đám dân tình chí sỹ nước ta”¹.

7. Điều mà cụ thân sinh Nguyễn Sinh Sắc cùng các chí sỹ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và cả dân tộc mong mỏi, theo bước chân của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc, qua thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Á, Âu, Phi, Mỹ; qua ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga, đã lan tỏa, “sâu rễ bền gốc” ở Việt Nam. Để có chuyến trở về nước lịch sử của Nguyễn Ái Quốc ngày 28 tháng 1 năm 1941, để có Ngày Quốc khánh 2 tháng 9 năm 1945 với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại “Người có tầm nhìn cao rộng và sâu xa, xuyên qua lịch sử, bao quát không gian, thấy sáng tương lai, mở ra những bước ngoặt vĩ đại, đưa dân tộc Việt Nam từ cảnh nô lệ lầm than ra ánh sáng độc lập tự do, từ một đất nước ít ai biết đến trở thành người chiến sỹ tiêu biểu cho cả loài người tiến bộ yêu mến và khâm phục. Đó là tầm nhìn mang ý nghĩa chiến lược, nhìn thấy con đường cứu nước là con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gấp gờ và hòa nhập với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa quyện vào nhau trong không gian và thời gian, ở một nước và trên toàn thế giới”².

¹ *Bác Hồ với đất Quảng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

² Lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại buổi gặp mặt với đại biểu cán bộ và nhân dân Nghệ Tĩnh ngày 19 tháng 5 năm 1985.

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA BÁC HỒ

PGS. TS. NGUYỄN HỮU CHÍ*

Cách đây tròn một thế kỷ, ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Tất Thành, sau này là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh rời bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước. Ý nghĩa và tầm vóc lớn lao của sự kiện này ngày càng được ghi nhận rõ hơn và phát huy mạnh mẽ hơn trong suốt hành trình cứu nước của dân tộc ta trước đây và trên con đường phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay. Sự kiện lịch sử này là kết quả của các yếu tố chủ quan và khách quan của bối cảnh lịch sử, khởi đầu của hành trình cứu nước Hồ Chí Minh.

1. Ngày 1-9-1858, thực dân Pháp chính thức nổ súng xâm lược Việt Nam. Chúng thực hiện chính sách từng bước thôn tính nước ta. Triều đình nhà Nguyễn từng bước thỏa hiệp và đi đến đầu hàng hoàn toàn (bằng những điều ước được ký vào các năm 1862, 1874, 1883, 1884). Với Điều ước Patenôtre (Patonôt) năm 1884, nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Tính chất xã hội Việt Nam thay đổi: từ xã hội phong kiến sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến, đặc trưng là: đế quốc - phong kiến kết hợp với nhau thống trị, bóc lột nhân dân. Đế quốc dựa vào phong kiến để duy trì ách thống trị, phong kiến dựa vào thế lực đế quốc để bóc lột nhân dân.

* Ban Tuyên giáo Trung ương.

Mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam thay đổi: từ mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến sang mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và một bộ phận phong kiến đầu hàng.

Dân tộc ta, với chủ nghĩa yêu nước sâu đậm, như rất nhiều lần trong mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, lần này lại đối diện với nhiệm vụ lịch sử trọng đại: đánh đuổi giặc ngoại xâm. Tuy vậy, ở đây có hai điểm khác căn bản: (1) kẻ thù lần này của dân tộc ta lớn mạnh hơn, ghê gớm hơn, có mức độ văn minh tiến hóa hơn chúng ta; (2) Nếu như trước đây trong trường kỳ lịch sử, nhân dân ta đối diện chủ yếu trước một nhiệm vụ: lên đường đánh giặc; thắng giặc rồi, đất nước giải phóng rồi thì yên lòng quay trở lại làm thần dân của nhà nước phong kiến. Nhưng kể từ nhà Nguyễn đầu hàng thực dân Pháp, chế độ phong kiến không còn là nơi quy tụ đông đảo lòng người như ngày xưa, nhân dân ta đứng trước **nhiệm vụ kép**: đánh giặc xong cần phải xây dựng đất nước theo mô hình tốt đẹp hơn chế độ phong kiến. Nếu không trả lời được vấn đề lịch sử này thì khó lòng có thể huy động sự hy sinh lớn lao của toàn thể dân tộc như đã xảy ra hàng ngàn năm trước. Con đường cứu nước của Hồ Chí Minh đã đáp ứng yêu cầu khách quan ấy của lịch sử dân tộc.

2. Tiếp nối truyền thống kiên cường bất khuất chống ngoại xâm của cha ông ta trong lịch sử, ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, các thế hệ người Việt Nam yêu nước đã lần lượt đứng lên đấu tranh chống giặc ngoại xâm, nhưng đến cuối những năm 20 của thế kỷ XX các phong trào đều lần lượt thất bại.

Phong trào chống Pháp theo ý thức hệ phong kiến - phong trào Cần Vương (1885 - 1896), điển hình là các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)... với những sĩ phu yêu nước như Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng... đã diễn ra sôi nổi, rộng khắp và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân

dân khi triều đình phong kiến đã đầu hàng. Nhưng ngọn cờ phong kiến lúc đó không còn là ngọn cờ tiêu biểu để tập hợp một cách rộng rãi, toàn thể các tầng lớp nhân dân, không có khả năng liên kết các trung tâm kháng Pháp trên toàn quốc, nên cuộc khởi nghĩa Hương Khê thất bại (năm 1896) cũng là lúc chấm dứt vai trò của phong trào chống Pháp dưới ngọn cờ phong kiến. Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở vùng miền núi phía Bắc, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, nghĩa quân xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp. Đây là cuộc đấu tranh anh dũng của nông dân Việt Nam kéo dài gần 30 năm, ghi một mốc son của lịch sử đấu tranh chống thực dân Pháp trong lịch sử cận hiện đại Việt Nam. Sự bền bỉ, ngoan cường của phong trào thể hiện sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng “cốt cách phong kiến”, không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cuối cùng cũng bị thất bại trước sự đàn áp của thực dân Pháp.

Những năm đầu thế kỷ XX, trước những biến đổi kinh tế, xã hội do tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, phong trào yêu nước Việt Nam chịu ảnh hưởng của *trào lưu dân chủ tư sản*. Tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh. Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu: chủ trương xây dựng chế độ quân chủ lập hiến như ở Nhật (1904), sau khi thất bại năm 1912 với tổ chức Việt Nam Quang Phục hội, Ông chủ trương xây dựng chế độ cộng hòa tư sản như Trung Quốc. Nhưng cuối cùng “một trăm lần thất bại không một lần thành công”. Hạn chế lớn nhất của Phan Bội Châu là dựa vào Nhật để đuổi Pháp chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: chịu ảnh hưởng từ tư tưởng dân chủ tư sản Pháp, lên án gay gắt tội ác của thực dân Pháp, quan lại phong kiến sâu mọt, chủ trương cải

cách đất nước. Sai lầm của Phan Châu Trinh là phản đối bạo động, dựa vào Pháp để đánh đổ chế độ phong kiến, chẳng khác gì “xin giặc rủ lòng thương”, mang đậm ảo tưởng chính trị và cuối cùng thất bại. Phong trào của tiểu tư sản trí thức những năm 20 của thế kỷ XX, nổi bật là Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Với mục đích: đánh Pháp giành độc lập, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp: đấu tranh vũ trang, manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên,... cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) với khẩu hiệu “không thành công thì thành nhân” đã nhanh chóng thất bại. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái chứng tỏ rằng phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Khởi nghĩa Yên Bái là “... một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, để rồi chết luôn không bao giờ ngóc đầu lên nổi. Khẩu hiệu “không thành công thì thành nhân” biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản”¹.

Khởi nghĩa Yên Bái thất bại, đánh dấu sự tan rã của xu hướng cách mạng dân chủ tư sản và cũng xác nhận sự bất lực của tư tưởng tư sản trong việc xác định con đường cách mạng phù hợp với quy luật vận động của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển chung của phong trào cách mạng trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản thế giới nửa đầu thế kỷ XX.

Như vậy, rõ ràng là vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất chống ngoại xâm, các phong trào chống thực dân Pháp theo ý thức hệ phong kiến, tư sản của nhân dân ta diễn ra rất sôi nổi và liên tục, nhưng tất cả đều không thành công, chính do thiếu đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của một tổ chức tiên phong. Trên thực tế, “các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư

1 Lê Duẩn, *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 41.

*sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại*¹. Phong trào yêu nước Việt Nam rơi vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Tình hình đó đòi hỏi phải có đường lối cách mạng đúng đắn và một tổ chức cách mạng có khả năng đưa phong trào cứu nước đi đến thắng lợi. Độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân là yêu cầu bức thiết, là khát vọng của nhân dân và của cả dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ.

3. Trong suốt thời thơ ấu, Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành đã được tận mắt chứng kiến cảnh nhân dân ta rên xiết dưới gông cùm của chế độ thực dân - phong kiến, thấy được cảnh người lao động bị áp bức, bóc lột, được nghe các bậc cha anh nặng lòng yêu nước bàn luận về thế sự... rồi vào trạc tuổi 13 đã nảy sinh ý muốn đi sang Pháp và các nước phương Tây tìm hiểu những điều ẩn giấu đằng sau những từ “Tự do”, “Bình đẳng”, “Bác ái” - vốn là những khẩu hiệu cao đẹp của Đại Cách mạng Pháp. Điều này càng đặc biệt có ý nghĩa khi ta lưu ý đến việc Nguyễn Tất Thành không chấp nhận con đường “Đông Du” đầy hấp dẫn (sang Nhật Bản học tập) do cụ Phan Bội Châu khởi xướng và dẫn dắt đầu thế kỷ XX mà Anh vốn được cụ Phan hết sức ưu ái.

Sau khi đã khảo nghiệm ở nhiều nước, đặc biệt là các nước ở châu Phi, châu Mỹ, Người đã hiểu được đầy đủ và sâu sắc hơn về chế độ thuộc địa, nhà nước thuộc địa và bản chất của chủ nghĩa đế quốc. Thực tế sinh động đã giúp Người đồng cảm và nhận thức rõ: nơi đâu cũng có người nghèo như ở xứ mình, dù ở các nước thuộc địa hay chính quốc, họ đều bị áp bức, bóc lột tàn nhẫn bởi chủ nghĩa thực dân tàn ác. Người đi tới kết luận: *“Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”*².

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 109.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 266.

Quay lại nước Pháp, Người đã tham gia vào những hoạt động chính trị sôi động ở đây. Nhân sự kiện các nước họp Hội nghị hòa bình tại Versailles (Véc-xây), ngày 18-6-1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Người gửi đến Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam dưới cái tên Nguyễn Ái Quốc, đòi chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Nhưng các nước đế quốc không hề để ý tới những yêu cầu này. Điều này cho thấy những lời tuyên bố của Mỹ và các đế quốc khác về tự do, dân chủ, tự trị, độc lập chỉ là bánh vẽ. Nguyễn Ái Quốc đã rút ra kết luận quan trọng: muốn được độc lập và tự do thật sự, các dân tộc bị áp bức phải dựa vào sức mình là chính. Người Việt Nam phải tự giải phóng lấy mình.

Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức. Người biết đến Cách mạng tháng Mười Nga và đã gặp được chủ nghĩa Lênin. Sau này Người kể lại: *“Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một cuốn sách nào của Lênin viết. Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các “ông bà” ấy - (hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế) - đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như Đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu”*¹.

Với “chủ nghĩa Lênin” cũng vậy: *“... Một đồng chí đưa cho tôi đọc Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa đăng trên báo Nhân đạo. Trong Luận cương ấy có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như*

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 126.

đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ Ba”¹.

Tin và theo Lênin vì vào lúc ấy, chỉ có Lênin là đáp ứng đòi hỏi bức thiết trong lòng “Nguyễn Ái Quốc - người yêu nước”; ở Người chỉ có một tiêu chí quan trọng nhất, xuất phát từ khát khao cháy bỏng nhất *“Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”²*. Người tham gia vào việc sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp (12-1920), với một lý do cũng thật rõ ràng, dứt khoát: đây là tổ chức cách mạng quan tâm đến vấn đề thuộc địa, bênh vực các dân tộc thuộc địa, có thể giúp giải phóng Tổ quốc của Người.

Bôn ba qua nhiều nước châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chú ý trước hết đến cuộc cách mạng Mỹ năm 1776 và cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Cuộc cách mạng Mỹ được Người đánh giá là cuộc cách mạng không triệt để và khẳng định không đi theo hình mẫu của cách mạng đó, vì *“Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai... Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”*. Nghiên cứu cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Chủ tịch Hồ Chí Minh rút ra 5 bài học: phải có tổ chức cách mạng vững chắc; phải lấy liên minh công nông làm gốc; phụ nữ và thiếu nhi là lực lượng cách mạng quan trọng; dũng khí cách mạng là một lực lượng vô địch; làm cách mạng thì phải có gan không sợ hy sinh. Kết luận cuối cùng của Người là nhân dân Việt Nam không thể đi theo con đường cách mạng tư sản của Pháp và

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 127.

2 Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 94.

của Mỹ bởi vì “*Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi*”.

Ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga, tin theo “chủ nghĩa Lênin”, Nguyễn Ái Quốc nhận thức được rằng, Cách mạng tháng Mười Nga là một cuộc cách mệnh đến nơi, khác với các cuộc cách mạng Mỹ, Pháp; Người tin rằng đây là con đường đúng đắn để thực hiện lý tưởng vì nước, vì dân đã bao năm nung nấu và theo đuổi.

Như vậy là, trải qua một cuộc hành trình đầy gian khổ, qua nhiều đại dương và lục địa, cuộc khảo cứu vô cùng phong phú đã đem lại cho Nguyễn Ái Quốc một tình cảm cách mạng sâu sắc, một sự lựa chọn đúng đắn con đường cứu nước, con đường cách mạng theo Lênin. Từ đây, Người đã dứt khoát đi theo con đường đó. Đó là con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và giải phóng toàn bộ xã hội.

Tổng kết 25 năm thực hiện đường lối đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đại hội Đảng lần thứ XI đã khẳng định: “*Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử*”. Lịch sử càng lùi xa, nhìn lại một cách khách quan hành trình Người “tìm đường đi cho dân tộc theo đi”, chúng ta càng ý thức rõ hơn giá trị sâu xa và vĩ đại về con đường mà Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc ta.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG YÊU NƯỚC CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH

NGUYỄN ĐÌNH NHẠ*

Cách đây tròn 100 năm, ngày 5 tháng 6 năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành từ cảng Sài Gòn rời Tổ quốc sang châu Âu với một quyết tâm: “*Xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào; sau khi xem họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta*”¹. Một quyết định như vậy thật là táo bạo và mạo hiểm đối với một thanh niên còn rất trẻ (khi đó mới 21 tuổi), trong tay không có đồng tiền nào. Quyết định đó vừa là kết quả của đòi hỏi khách quan của phong trào yêu nước Việt Nam, nhưng cũng là sự tích hợp của các yếu tố, của các xu hướng trong quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Nguyễn Tất Thành trước khi ra đi tìm đường cứu nước.

Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày những yếu tố cơ bản như sau:

1. Ảnh hưởng của giáo dục gia đình

Nguyễn Tất Thành sinh ra trong một gia đình trí thức Nho giáo; ông ngoại đỗ Tú tài, bà ngoại cũng là con gái của một cụ

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 11.

Tú. Đặc biệt cha đẻ của Nguyễn Tất Thành là một nhà Nho giàu nghị lực, bền chí mài mài kinh sử, thi đỗ Cử nhân rồi đỗ Phó bảng. Mẹ mất sớm khi 11 tuổi nên Thành chịu ảnh hưởng rất nhiều về sự dạy dỗ, giáo dục của người cha. Cụ Nguyễn Sinh Sắc là người trước sau như một ủng hộ phái Nho giáo yêu nước, đề cao chữ Trung nhưng theo cụ “Trung quân” phải gắn liền với “Ái quốc”. Cụ luôn giáo dục các con mình thấm nhuần tinh thần yêu nước ấy. Khác với cách giáo dục cổ điển là chỉ dựa vào lý thuyết kinh viện của học thuyết Khổng - Mạnh, cụ thường kể cho các con nghe những câu chuyện mang tính giáo dục, được chắt lọc từ trong quá khứ hào hùng của lịch sử dân tộc, giảng giải cho các con hiểu những câu châm ngôn của các bậc hiền triết về lý tưởng yêu nước, thương dân, về người có đức, có tài biết xả thân vì nghĩa lớn...

Trong cuộc sống đời thường, Cụ là tấm gương gần gũi và thân thiết nhất về những tư tưởng đó, để cậu bé Thành học tập và noi theo. Là người thức thời và có tầm nhìn xa trông rộng, trong lúc dư luận xã hội lúc bấy giờ cho rằng học tiếng Tây (tiếng Pháp) là theo Tây, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã bí mật cho con đi học tiếng Pháp ngay từ lúc Thành còn ít tuổi. Sau đó Cụ còn cho con học tại trường Tiểu học Đông Ba do chính phủ thực dân Pháp thành lập, ở đó chủ yếu học tiếng Pháp và văn học Pháp. Cụ nói với các con rằng ngày xưa chúng ta đánh Hán nhưng văn minh Hán ta vẫn tiếp thu, nay ta căm thù Pháp nhưng nền văn minh Pháp ta vẫn còn phải học để hiểu rõ hơn về người Pháp. Nhờ học ở Trường Đông Ba, Thành có thể trực tiếp đọc các tác phẩm viết bằng tiếng Pháp và bắt đầu tiếp xúc với nền văn minh Pháp.

Trước khi lên đường vào các tỉnh phía nam, Nguyễn Tất Thành đã đến thăm cha, khi đó cụ Nguyễn Sinh Sắc đang làm Tri huyện Bình Khê. Cuộc gặp đã củng cố thêm quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

2. Tác động của truyền thống dân tộc

Từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã rất khâm phục những chiến công của các anh hùng dân tộc chống kẻ thù xâm lược. Ngay quê hương của Thành cũng có biết bao tên tuổi được ghi vào sử sách, để lại tấm gương mà người đời sau mãi mãi kính phục. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, cụ Vương Thúc Mậu, người làng Sen, đứng ra lập đội quân mang tên “Chung nghĩa binh” quyết tâm kháng chiến chống Pháp. Khi bị vây bắt, ông kháng cự quyết liệt, rồi nhảy xuống ao Tù ở đầu làng Sen tự vẫn.

Ở làng Hoàng Trù có ông Hoàng Xuân Hành, hoạt động trong phong trào Văn Thân rồi tham gia nghĩa quân Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, Bắc Giang. Sau ông trở về Nghệ An, lập căn cứ ở vùng Bồ Lư thuộc huyện Thanh Chương để tiếp tục chống Pháp. Khi bị giặc bắt, tra tấn, hỏi cung ông kiên quyết không khai, tự cắn một khúc lưỡi làm cho giặc phải hoảng sợ và bị chúng đẩy ra Côn Đảo.

Trong dòng họ Nguyễn Sinh cũng có ông Nguyễn Sinh Quyết, tham gia Chung nghĩa binh. Sau khi cụ Vương Thúc Mậu tử tiết, ông đem một bộ phận quân Chung nghĩa vào núi Võ Quang tham gia cuộc khởi nghĩa của cụ Phan Đình Phùng. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông bị địch bắt đưa về Kim Liên xử chém. Trước lưỡi dao của giặc, ông vẫn thể hiện một khí phách hiên ngang, bất khuất. Rồi còn biết bao tấm gương nữa được Nguyễn Tất Thành kính phục.

Từ những tấm gương yêu nước của các anh hùng dân tộc đã hình thành trong tiềm thức của Nguyễn Tất Thành về chân dung một người anh hùng, Thành nhìn vào đó để học tập và noi theo, để rồi sau này chính Thành đã trở thành người anh hùng dân tộc vĩ đại.

3. Nguyễn Tất Thành - một thanh niên giàu lòng tự tôn dân tộc

Trong thời thơ ấu của mình, Nguyễn Tất Thành đã chứng kiến khá đầy đủ sự bất công trong quan hệ giữa người Pháp và người

Việt Nam. Hồi đó, bất kỳ một người Pháp nào cũng đều là “ông Tây”, “bà Đầm” - họ là ông chủ, còn bất kỳ người Việt Nam nào đối với người Pháp cũng đều là “nô lệ” hoặc kẻ làm thuê; còn triều đình phong kiến thực sự là một thứ bù nhìn tồn tại bên cạnh chính quyền thực dân. Mỗi quan hệ ông chủ và nô lệ đó đã đặt ra cho Thành nhiều câu hỏi lớn: có phải tất cả người Việt Nam đều là nô lệ của người Pháp? Có phải tất cả người Pháp đều sung sướng như những ông chủ, và quan hệ giữa những người Pháp như thế nào? Người Pháp và người Việt đều là người thì tại sao lại tồn tại mối quan hệ “ông chủ - nô lệ”?... Có những câu hỏi Nguyễn Tất Thành trả lời ngay được vì Anh đã chứng kiến trong quãng đời thơ ấu của mình. Có những câu hỏi Thành phải mất thời gian dài, bôn ba nước ngoài, trải nghiệm cuộc sống, quan sát tìm hiểu, suy ngẫm mới tìm ra câu trả lời. Bắt đầu từ sự ngạc nhiên khi Anh lên tàu biển gặp những người Pháp tận tình giúp đỡ mình, Anh có một nhận xét: cũng có những người Pháp tốt bụng. Lần đầu tiên trên đất Pháp Anh ngạc nhiên thấy ở Pháp cũng có người nghèo như bên nước mình, cũng có gái làm tiền... Anh tự hỏi sao người Pháp không khai hóa đồng bào của họ trước khi đi “khai hóa” chúng ta. Lần đầu tiên tại một quán cà phê ở Paris, Anh được người bán hàng gọi bằng ông rất lịch sự. Qua nhiều lần gặp gỡ tiếp xúc, Anh có cảm tưởng “người Pháp ở Pháp tốt và lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương”. Thì ra khái niệm “tự do, bình đẳng, bác ái” mà Thành đã đọc năm 13 tuổi không có tính thực tiễn, bởi nó hoàn toàn mâu thuẫn trực tiếp với các quan hệ mà Thành nhận biết được trên bước đường trải nghiệm của mình.

Cuối năm 1910, Nguyễn Tất Thành vào Phan Thiết dạy học ở Trường Dục Thanh. Tại đây Anh được tiếp xúc với giai cấp công nhân làm đường sắt, hiểu biết được nỗi vất vả nguy hiểm của họ. Cùng năm đó Anh nhận được tin cha mình bị triệu hồi về kinh, bị đánh một trăm trượng, bị phạt tiền, bị giáng chức và bị thải hồi. Cũng trong thời gian đó, vua Thành Thái bị thực dân Pháp giam ở

Ô Cáp (Vũng Tàu ngày nay), vua Hàm Nghi bị giam tại một hòn đảo ở Angiêri. Nhìn ra biển cả là nỗi nhục mất nước, nhìn vào đất liền là nỗi đau thương của gia đình. Hai nỗi niềm ấy đè nặng lên vai chàng thanh niên trẻ tuổi ấy. Tháng 2 năm 1911, Anh vào Sài Gòn chờ thời cơ sang châu Âu.

4. Nguyễn Tất Thành - một thanh niên giàu lòng nhân ái

Sinh ra trong một gia đình trí thức Nho học, gia đình Nguyễn Tất Thành chưa phải là một gia đình cùng cực trong khổ đau, đói nghèo nhưng chứng kiến nỗi thống khổ về vật chất và tinh thần mà thực dân Pháp đem lại cho nhân dân mình đã làm cho Thành suy ngẫm.

Theo cha vào Huế lần đầu khi mới 5 tuổi. 5 năm sống trong kinh thành Huế (1895 - 1901) cuộc đời của Thành thật sự trải qua nhiều đợt sóng gió. Kinh đô vừa thất thủ, thực dân Pháp tàn sát dã man đồng bào thành Nội. Hàng năm cứ đến ngày 23-5, ngày thất thủ kinh đô Huế, Thành lại được chứng kiến cảnh nhân dân cúng âm hồn cho những người đã khuất, Anh cảm nhận được những tình cảm chân thành của đồng bào đối với những người hy sinh vì nước, sự căm giận trước tội ác tột cùng của bọn thực dân. 5 năm ở kinh thành Huế, Thành và gia đình đã trải qua những ngày tháng lận đận gian nan và cả những đau buồn. Những năm tháng ấy Thành càng thấm thía tình thương, sự đùm bọc, giúp đỡ của bà con lao động nghèo xứ Huế. Nghĩa tình sâu nặng đó, chính là chân giá trị đích thực hình thành nên nhân cách, tình cảm yêu thương và lòng nhân ái cao cả của Nguyễn Tất Thành.

Năm 1901, Nguyễn Tất Thành đã phải chịu nỗi đau quá lớn, phải vĩnh biệt người mẹ hết mực yêu thương và sau đó không lâu, người em mới sinh cũng mất. Đây là thử thách khắc nghiệt để lại ấn tượng sâu sắc trong cuộc đời thơ ấu của Nguyễn Tất Thành, để đến khi trở về làng Chùa cũng như suốt nhiều năm sau Anh không thể nào quên được.

Nỗi đau mất mẹ, cùng với những cảnh tượng về nỗi “quốc hận” mà Thành chứng kiến đã hình thành nên ý thức về vai trò, trách nhiệm đối với đất nước và gia đình của Nguyễn Tất Thành.

Trở lại quê hương, đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, Nguyễn Tất Thành càng thấm thía về thân phận của người dân mất nước phải chịu làm nô lệ. Thuế khóa vốn đã nặng lại càng nặng thêm bởi những thủ đoạn ăn cướp dã man của bọn hào lý. Đặc biệt là nạn bắt phu đi xây dựng con đường Cửa Rào đã gây nên bao thảm cảnh trên mảnh đất quê hương của Thành. Gia đình Thành tuy không có ai là nạn nhân trực tiếp, nhưng những khổ đau của người dân hiền lành, gần gũi thấm đậm vào tâm hồn Thành trở thành nỗi đau của chính Anh. Tiếng súng nổ, tiếng kêu khóc thảm thiết của những phụ nữ trong những ngày bắt phu gây ra những cảm xúc mãnh liệt đối với Thành. Tuổi thơ của cậu bé 13 lúc ấy không còn êm ả nữa. Nỗi đau khổ của dân làng giúp Thành hiểu rõ những điều bất hạnh và trái ngang đang ngự trị trên đất nước Việt Nam thân yêu mà trước đây Thành chưa nhận thấy.

5. Nguyễn Tất Thành và buổi đầu hình thành một trí tuệ lớn

Nếu một người cả chục năm đứng trong hàng ngũ nhân dân lao động, trải qua các nghề thủy thủ, đốt lò, rửa ảnh, rất yêu nước và rất kiên quyết đấu tranh thì chúng ta cũng chỉ có được một lãnh đạo xuất sắc chứ không thể có một lãnh tụ vĩ đại Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Có được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh còn phải có một điều kiện nữa đó chính là một trí tuệ, một kiến thức sâu rộng. Đúng như nhà nghiên cứu Nga Va-si-li-ép đã nhận xét: *“Hiếm có chính khách nào của thế kỷ XX có thể sánh được với Hồ Chí Minh về trình độ học vấn, tầm biết rộng lớn và sự thông minh trong cuộc đời”*. Sự thông minh và trình độ học vấn ấy chắc chắn ẩn chứa rất sớm trong con người Nguyễn Tất Thành.

Sinh ra trong gia đình nhà Nho, ông ngoại là thầy đồ, cha đồ khoa bảng, quê hương là nơi giàu truyền thống hiếu học nên từ khi

còn nhỏ Nguyễn Tất Thành đã là một con người rất chăm chỉ học tập, ham tìm tòi học hỏi.

Nguyễn Tất Thành theo học Nho học khoảng 7 năm, ở độ từ 7 - 13 tuổi. Với thời gian và độ tuổi như vậy, lại rất thông minh, ham học hỏi, chắc chắn Nguyễn Tất Thành đã học qua các tác phẩm kinh điển của Nho giáo và hiểu được lý tưởng của các nhà Nho. Nhà nghiên cứu Đào Phan rất có lý khi nhận xét rằng *“Tâm uyên bác của Hồ Chí Minh về đạo Nho và chữ Hán được biểu hiện qua Ngục trung nhật ký, ắt chỉ có một xuất xứ là nền giáo dục ngay trong gia đình nhà Nho, mang sự xuất thân nhà Nho của Người. Từ khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh không được học thêm về đạo Nho và chữ Hán, cũng không có điều kiện để nghiên cứu các tác phẩm cổ truyền của Việt Nam. Khi trở về nước lãnh đạo cách mạng, phải sống trong hang sâu biên giới hoặc núi rừng chiến khu, không hề có một thư viện quốc gia hay một lưu trữ văn hóa nào bên cạnh mình mà chỉ bằng trí nhớ về những điều đã nhập tâm từ buổi thiếu niên được học ở nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn vận dụng hết sức phong phú và chuẩn xác biết bao văn lý của đạo Khổng và các tác phẩm cổ truyền trong nền văn hóa dân tộc”*¹.

Trong độ tuổi từ 14 đến 20, độ tuổi rất có ý nghĩa trong việc hình thành nhân cách, Nguyễn Tất Thành lại được học ở trường Tây. Những ngày học chữ Pháp trên ghế nhà trường Tiểu học Pháp - Việt và trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã bắt đầu tiếp cận nền văn minh của nhân loại, đặc biệt là nền văn minh Pháp. Khi đọc khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái”, Nguyễn Tất Thành đã hướng tới văn hóa Pháp với khát vọng phải tìm cho ra cội nguồn của những gì ẩn sau lý tưởng cao cả ấy.

Mùa xuân năm 1908, phong trào Duy Tân do cụ Phan Bội Châu khởi xướng đang diễn ra hết sức sôi nổi ở khắp mọi nơi, đặc

¹ *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc - Danh nhân văn hóa*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, tr. 253.

biệt là ở Huế. Phong trào Duy Tân thu hút rất nhiều thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ bởi tư tưởng khoa học và tri thức kỹ thuật mới. Đại đa số thanh niên lúc bấy giờ tìm đường sang Nhật du học, hy vọng nước Nhật đa vàng sẽ là người bạn “cùng hội cùng thuyền” với họ trên bước đường khai sáng.

Nguyễn Tất Thành cũng rất khát khao tìm hiểu tri thức khoa học, nhưng Anh không tìm đường sang Nhật mà lại hướng về châu Âu sang Pháp. Với mẫn cảm đặc biệt và một năng lực tư duy xuất chúng, Nguyễn Tất Thành đã đánh giá đúng cái được và cái chưa được trong đường lối cứu nước của các giai cấp lúc đó. Anh cho rằng để cứu nước phải bắt đầu bằng việc trải nghiệm, quan sát, tìm hiểu thật nhiều. Muốn đánh bại kẻ thù thì trước hết phải hiểu rõ kẻ thù, phải đến tận nơi quan sát xem họ sống và lao động ra sao, sau đó trở về giúp đồng bào mình. Với suy nghĩ như vậy, Nguyễn Tất Thành đã có một quyết định đúng. Nhà nghiên cứu người Nga E. Cô-bê-lép nhận xét hợp lý: *“Có thể, do tìm hiểu lịch sử nước Pháp, tìm hiểu những tư tưởng của các nhà khai sáng vĩ đại Pháp và trước mắt, do tính bẩm sinh thường chỉ có ở những trí tuệ tuyệt vời, anh (Nguyễn Tất Thành) dần nảy ra ý nghĩ chỉ có châu Âu, nơi đã diễn ra biết bao cuộc cách mạng, trong đó có Đại Cách mạng Pháp 1789 và Công xã Paris, nơi lần đầu tiên vang lên những chữ “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái”, nơi mà khoa học kỹ thuật phát triển vô cùng mạnh mẽ so với các lục địa khác, chỉ nơi đó mới giúp anh tiếp tục được những tri thức cần thiết và tìm ra được con đường giải phóng Tổ quốc. Chắc hẳn, ý tưởng đó lần đầu tiên nảy sinh ở Thành khi anh đọc các tác phẩm của Giăng Giắc Rút xô”¹.*

6. Nguyễn Tất Thành - một ý chí mãnh liệt, một bản lĩnh kiên cường

Có thể nói ý chí và bản lĩnh của người anh hùng dân tộc Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã được khẳng định, tỏa sáng ngay trong

E. Cô-bê-lép, *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2000, tr. 49.

những năm đầu hoạt động yêu nước của Người ở nước ngoài. Rất nhiều người đương thời, thuộc nhiều nước, nhiều nghề nghiệp, nhiều quan điểm chính trị và ở nhiều góc độ quan sát khác nhau đều có những nhận định, đánh giá rất đặc biệt về Nguyễn Ái Quốc.

Trong một bức thư gửi Nguyễn Ái Quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1922, nhà yêu nước Phan Châu Trinh coi Nguyễn Ái Quốc như *"Cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông"*, và Cụ tin rằng: *"Chủ nghĩa mà anh tôn thờ (chủ nghĩa Mác) sẽ sâu rễ bền gốc trong đám dân tình, chí sĩ nước ta"*.

Một điều đặc biệt hơn, khi Nguyễn Ái Quốc ở Paris, một viên mật thám Pháp tên là Ac-nu (sau này trở thành Tổng Thanh tra mật thám Pháp ở Đông Dương), được giao nhiệm vụ theo dõi những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã phải thốt lên với đồng sự của y ở Bộ Thuộc địa rằng *"Con người thanh niên mãnh mãnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt cây thập tự cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương"*¹... Ý chí và bản lĩnh ấy chắc chắn được hình thành từ những biến chuyển thăng trầm của điều kiện xã hội và hoàn cảnh gia đình của Nguyễn Tất Thành trước khi Anh xuống tàu xuất dương. Những biến chuyển thăng trầm đó tạo cho Nguyễn Tất Thành sự tôi luyện về ý chí và bản lĩnh, biết tự lập, vươn lên và vượt qua mọi hoàn cảnh.

Từ già quê hương, quyết định lên đường để đến một nơi hoàn toàn xa lạ với hai bàn tay trắng, Nguyễn Tất Thành thể hiện được ý chí quyết tâm đến cao độ của mình. Động cơ cứu nước mãnh liệt, mục tiêu giải phóng đồng bào khỏi cảnh thống trị, thoát khỏi cuộc sống tăm tối, đói rét lầm than, khổ cực thôi thúc Nguyễn Tất Thành dũng cảm vượt qua thử thách, nguy hiểm của đại dương mênh mông. Chí lớn đã thắng, niềm tin vào sự lựa chọn đúng đắn và nghị lực của mình đưa Nguyễn Tất Thành đi khám phá thế giới phương Tây.

1 Hồng Hà, *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 81.

Tuy nhiên, đâu có phải cứ sang phương Tây thì nhất định thắng lợi. Ngay từ năm 1913, đã có người Việt Nam tham gia Đảng Xã hội Pháp, nhưng đến năm 1920, chỉ duy nhất Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản. Nhiều nhà yêu nước như luật sư Phan Văn Trường, cụ Phan Châu Trinh là những người thông minh, học rộng và ở Pháp rất lâu nhưng đâu có đến được chủ nghĩa Mác - Lênin. Vấn đề là ở tầm nhìn phải vượt qua giới hạn chật hẹp của thế giới quan cũ, vượt qua những định kiến, bảo thủ của người lớp trước, phải thâm nhập cuộc sống, phải đến được nhiều chân trời, phải sống với nỗi thống khổ của người lao động ở nhiều đất nước ở nhiều châu lục, nhiều màu da, nhiều tiếng nói khác nhau, phải đứng ở vị trí của những con người cùng khổ đó mới có thể chuyển từ lập trường yêu nước kiểu cũ sang lập trường yêu nước kiểu mới. Đây chính là điểm khác nhau về chất so với các sĩ phu đương thời. Và đó cũng cũng là điểm xuất phát đúng đắn trên con đường đi tới chân lý của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

TỪ THÀNH PHỐ NÀY NGƯỜI ĐÃ RA ĐI

PGS. TS. TRƯƠNG THỊ HIỂN*

Thành phố Hồ Chí Minh - Thành phố Anh hùng, nơi Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Trong suốt chặng đường lịch sử, Thành phố luôn tự hào là nơi khởi nguồn cuộc hành trình vĩ đại của Bác và sau này cũng được vinh dự mang tên Người. 100 năm sau ngày Bác ra đi tìm đường cứu nước, Thành phố mang tên Người vẫn kiên cường và vững bước trên con đường cách mạng; quyết tâm xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình và xã hội chủ nghĩa. Nhân Hội thảo “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước” do Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, chúng tôi xin trình bày một số suy nghĩ của mình về con đường ra đi làm cách mạng để cứu nước của Bác, từ đó học lại tư tưởng, đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua đó nhằm giáo dục, bồi dưỡng nhận thức về truyền thống yêu nước, lòng tự hào về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đề cao trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân Thành phố trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Thành phố, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. Bước chân ra đi từ mảnh đất Sài Gòn trên con đường cứu nước

Bác Hồ của chúng ta quê ở Nghệ An, là vùng đất đai cằn cỗi, dân nghèo nhưng rất cần cù lao động, có tinh thần yêu nước nồng

* Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

nàn và đặc biệt là vùng có ý chí cách mạng rất kiên cường. Đây còn là vùng “địa linh nhân kiệt”, là quê hương của nhiều vị anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa.

Bác Hồ là con thứ ba của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan. Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, thương dân nên từ thuở nhỏ Bác đã được giáo dục thấm nhuần lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần dân tộc. Khi lớn lên vào Huế học Trường Quốc học, Bác Hồ lại được tiếp thu những trào lưu dân tộc, dân chủ, dân quyền khá mới mẻ lúc bấy giờ. Người tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng ái quốc như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng,... Nguyễn Tất Thành rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc sĩ phu nhưng cũng không hoàn toàn tán thành chủ trương của các cụ. Người nhận thấy con đường cứu nước không thể theo lối cũ, cách cũ mà phải tìm ra con đường mới, phương pháp cách mạng mới. Chính vì thế mà Người từ Huế vào Quy Nhơn, rồi Phan Rang, dừng chân ở Phan Thiết dạy học một thời gian rồi vào Sài Gòn.

Tháng 2 năm 1911, Nguyễn Tất Thành vào đến Sài Gòn, quyết chí xuất dương tìm đường cứu nước. Đối với nhiều người, Sài Gòn - mảnh đất được mệnh danh là “Hòn ngọc Viễn Đông”, miền đất hứa để định cư và sinh sống, còn với Nguyễn Tất Thành đây lại là nơi mở đầu hành trình vĩ đại, ra đi tìm đường cứu nước. Lý do đơn giản là Người nung nấu một quyết tâm cháy bỏng: *“Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”*. Do vậy, Người muốn tìm đường sang phương Tây, đến nước Pháp, đến với quê hương của lý tưởng *“Tự do - Bình đẳng - Bác ái”* để tìm hiểu những giá trị đích thực của nó.

Với quyết tâm và ý chí cháy bỏng, ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ thành phố Sài Gòn, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Đây là một mốc son trong hành trình cứu

nước, cứu dân của người anh hùng dân tộc và là niềm vinh dự, tự hào của Thành phố mang tên Bác. Tuy nhiên, một câu hỏi lớn là tại sao Người lại chọn nơi đây để ra đi. Theo chúng tôi, các lý do có thể như sau:

Lý do thứ nhất, Sài Gòn có nền kinh tế khá phát triển so với cả nước lúc bấy giờ, một vùng sầm uất về thương mại hàng hóa và cư dân đông đúc. Sài Gòn là thủ phủ chính trị của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp - đầu não chính trị của thuộc địa Nam kỳ. Đây là nơi có điều kiện tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội thuận lợi để Người dễ tiếp xúc, có điều kiện xem xét tìm đường đi ra nước ngoài.

Lý do thứ hai, Sài Gòn là nơi có nhiều thương cảng, tàu Pháp và các nước thường xuyên cập bến và giao thương nên thuận lợi trong việc xuất dương. Đây là cửa ngõ giao lưu quốc tế ở Đông Dương mà người Việt Nam có thể đi ra nước ngoài một cách dễ dàng. Mặt khác, nơi đây cũng có nhiều công nhân, thủy thủ thuộc địa làm việc trên tàu nên Pháp ít kiểm tra hoặc không để ý nhiều những người trẻ tuổi làm công nhân như anh Văn Ba khi xuống tàu.

Lý do thứ ba, theo đúng quy luật tự nhiên, xã hội của người Việt, Người cũng xuôi dòng lịch sử tự nhiên, văn hóa vào Nam trong bối cảnh đó.

Từ bước chân đầu tiên ra đi nơi Sài Gòn hoa lệ, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã tiếp nhận được những tư tưởng tiên bộ ở khắp năm châu bốn biển như:

Nhận thức về Tự do - Bình đẳng - Bác ái ở châu Âu và châu Mỹ, Người viết: *"Ánh sáng trên đầu thần Tự Do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thần Tự Do thì người da đen được bình đẳng với người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới?"*. Được tiếp xúc với tư tưởng tự do, quyền mưu cầu hạnh

phúc của con người trong *Bản Tuyên ngôn độc lập* của cách mạng Mỹ và *Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* nước Pháp đã giúp Người đi đến tư tưởng đấu tranh giành tự do, dân chủ, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, đây là kim chỉ nam để Người tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin, học thuyết dẫn đường, đưa lối cho Người lãnh đạo cách mạng nước ta thành công.

Như vậy, có thể cảm nhận một điều rằng, sự lựa chọn Sài Gòn làm nơi ra đi tìm đường cứu nước và sự kiện Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt tên thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh là niềm vinh dự lớn lao mà người dân thành phố luôn tự hào vì đây là nơi in dấu chân ra đi tìm đường cứu nước của một lãnh tụ cách mạng kiệt xuất, một Anh hùng giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hóa thế giới. Chẳng những chọn Sài Gòn là nơi ra đi, mà Người còn chọn đúng thời điểm để đi, để tìm cho được con đường giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ ngoại bang một cách hay nhất, tổn ít xương máu nhân dân nhất. Đó không chỉ là niềm vinh dự, tự hào mà còn là kết tinh chủ nghĩa anh hùng cách mạng của thời đại, tấm gương sáng chiếu rọi cho các dân tộc bị áp bức, bị nô lệ quyết đấu tranh giành độc lập cho dân tộc mình.

2. Những giá trị để lại và tình cảm của người dân Thành phố mang tên Bác

Từ bước chân ra đi đầu tiên trên đất Sài Gòn và thành quả cách mạng Việt Nam do chính Người lãnh đạo, Bác đã để lại những giá trị tinh thần, tính nhân bản sâu sắc của người chiến sĩ cách mạng cộng sản kiên cường mà người dân Thành phố luôn tự hào và mãi học tập noi gương, cụ thể:

- **Thứ nhất**, tinh thần yêu nước nồng nàn, vì độc lập tự do của dân tộc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Ngay từ khi chuẩn bị ra đi tìm đường cứu nước, Người xác định rõ con đường cứu nước, cứu dân là gian khổ, hy sinh. Một minh chứng đầu tiên là

trước ngày 2 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành bàn với một số người bạn thân về chuyển đi ra nước ngoài. Anh nói: *"Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?"*. Khi người bạn hỏi: *"Lấy đâu ra tiền mà đi"*, anh Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay: *"Đây, tiền đây... chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi"*. Ý chí và nghị lực là tiền đề giúp Người vượt qua phong ba bão táp của cuộc hành trình tìm đường cứu nước. Đây cũng là bài học về lòng dũng cảm, tinh thần ý chí quật cường mà nhiều thế hệ, toàn dân tộc nói chung và nhân dân Thành phố nói riêng luôn tự hào và làm theo tấm gương của Bác. Chính lòng yêu nước nồng nàn là động cơ mạnh mẽ nhất thúc đẩy người học trò còn tuổi nhỏ nhưng ý chí lớn, giàu nghị lực bước chân ra đi tìm đường cứu nước bất chấp gian lao trong thời gian ròng rã suốt 30 năm.

- **Thứ hai**, con đường cứu nước của Người bắt đầu từ bước chân đầu tiên trên đất Sài Gòn đến suốt 30 năm bôn ba hải ngoại thể hiện tính nhân văn cao cả, lòng yêu thương người, đồng loại cần lao của Bác. Những câu chuyện cảm động của Người đã làm chúng ta, những người con Thành phố mang tên Bác phải suy nghĩ, thán phục: khi Bác ra đi, trên con tàu Đô đốc Latouche Tréville tìm đường cứu nước, Người chỉ là anh phụ bếp Văn Ba. Đi đến đâu Anh cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Một trong những cảnh ấy Anh đã trông thấy ở Đaca (Dacar): *"Đến Đaca, bề nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bề cuốn đi"*. Cảnh tượng đó làm cho Nguyễn Tất Thành rất đau xót. Anh liên tưởng một cách tự nhiên đến số phận của người dân Việt

Nam, đồng bào khốn khổ của Anh. Họ cũng là nạn nhân của sự hung ác, vô nhân đạo của bọn thực dân. Những sự việc như vậy diễn ra khắp nơi trên đường Anh đi qua, tạo nên ở Anh mỗi đồng cảm sâu sắc với số phận chung của nhân dân các nước thuộc địa. Đối với Người, trên thế giới dù có nhiều giống người nhiều màu da nhưng xét cho đến cùng chỉ có hai loại người - kẻ thống trị và người bị thống trị. Vì vậy giữa các cộng đồng dân tộc cũng chỉ tồn tại một loại tình thương - đó là tình hữu ái giữa những người cùng khổ. Đây là bài học về tính nhân văn cao cả của một danh nhân văn hóa thế giới mà những câu chuyện của Người còn lay động mãi trái tim người dân Thành phố mang tên Bác.

- *Thứ ba*, kết hợp lòng yêu nước nồng nàn và lòng thương yêu con người cần lao cao cả, đã đưa Nguyễn Tất Thành từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, để đi tìm con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, sau này đã được kế thừa cùng với bài học gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kể từ khi nhen nhóm ý chí ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã vạch ra cho mình một định hướng riêng, khác với các bậc tiền bối. Sau khi thấy các phong trào cách mạng như Duy Tân, Đông Du mặc dù đều xuất phát từ lòng yêu nước và mong muốn giải phóng dân tộc nhưng đều thất bại do định hướng cách mạng chưa phù hợp, Người đã nảy sinh ý nghĩ phải hiểu kẻ thù thì mới có thể đánh thắng được kẻ thù. Từ đó, Người quyết định sang Pháp và các nước tư bản, xem họ làm như thế nào để lựa chọn cách thức phù hợp cho cách mạng nước ta. Chọn đúng con đường, đi đúng hướng của công cuộc cách mạng, Người đã thành công trong việc lãnh đạo cách mạng nước ta. Chính vì vậy, tác giả cuốn sách *Ho Chi Minh a life, Hyperion* - William J. Duiker, Giáo sư Sử học Mỹ cho rằng con đường cứu nước Hồ Chí Minh là một sự tìm lại cho Việt Nam một “quốc thể”, “*Một là độc lập dân tộc và hai là công bằng xã hội và kinh tế*”.

- *Thứ tư*, suốt hành trình tìm đường cứu nước của Người luôn mang theo hồn thiêng của dân tộc, ẩn chứa tiềm tàng truyền thống bất khuất chống ngoại xâm, ý chí kiên cường đấu tranh giải phóng dân tộc, toát lên những điều thần kỳ, điều mà viên mật thám Pháp Pôn Ácnu (Paul Arnoux) đã phải thốt lên dự cảm: “Con người thanh niên mãnh mãnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương”.

100 năm trôi qua, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn luôn tự hào là nơi Bác đã ra đi tìm đường cứu nước. Chính mảnh đất này là nơi tiễn đưa người con ưu tú của đất nước ra đi và mong mỏi Người trở về với dân tộc. Niềm ước ao được đón Bác trở về trên mảnh đất này tuy không trở thành hiện thực nhưng tình cảm của người dân thành phố dành cho Bác vẫn luôn dâng trào mãnh liệt, vẫn cháy bỏng trong lòng mọi người. Cho đến hôm nay, nhân dân Thành phố mãi hướng về Bác với tình cảm thiết tha nhất, nồng ấm nhất. Thành phố luôn tự hào là nơi Người đã ra đi và là thành phố duy nhất mang tên Bác. Xin được viết bài này như lời tri ân của một người con Thành phố dâng lên Bác Hồ kính yêu.

SÀI GÒN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, 100 NĂM – NHỮNG DẤU ẤN CỦA NGƯỜI

TS. NGUYỄN THỊ HOA XINH*

Nếu ta hình dung quá trình phát triển của Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh như một bức tranh lịch sử hoành tráng, thì *dấu ấn Hồ Chí Minh* là gam màu đỏ thắm ngày càng tươi sáng rực rỡ - kể từ khi người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đặt chân đến thành phố rồi từ bến cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước. Phần đông những người có mặt ở đây hôm nay và giới trẻ thành phố là thế hệ mà khi “*Người đã lên tàu đi xa*” chúng ta “*còn là hạt bụi*”. Vì vậy, việc tìm theo dấu chân cách mạng của Người để hiểu được vì sao thành phố này mang tên Hồ Chí Minh là một nhu cầu tự nhiên không thể thiếu được. Các thế hệ sau luôn tìm theo dấu chân Người đã đi nhưng không phải chỉ để biết Người đã đi qua con đường nào, ở lại những nơi đâu, mà quan trọng hơn là để hiểu ánh sáng văn hóa của Người đã lan toả trong không gian và thời gian như thế nào? Vì vậy “*Dấu ấn Hồ Chí Minh*” chính là ánh sáng văn hóa của Người bao phủ cả nước mà thành phố Sài Gòn, cảng Sài Gòn là những chứng tích vật chất được soi sáng bởi ánh sáng văn hóa ấy.

Ngược dòng lịch sử về cuối thế kỷ XVII - mùa xuân năm Mậu Dần (1689) - Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược Đàng

* Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong và lập phủ Gia Định. Từ đó Sài Gòn trở thành trung tâm hành chính, thương mại của vùng đất phương Nam. Thương cảng Sài Gòn ngày càng tấp nập, hàng hóa từ khắp nơi chở đến và hàng hóa từ Sài Gòn chở đi... Khung cảnh làm ăn phồn thịnh ấy làm cho những thương gia phương Tây cũng phải thán phục. Dưới con mắt của họ, Sài Gòn và thương cảng của nó là một trong những nơi đô hội nhất trong vùng thời đó. Sài Gòn và thương cảng của chúng ta đang phát triển tự nhiên và ngày càng phồn thịnh thì lịch sử Việt Nam rẽ sang một bước ngoặt lớn bởi sự xâm lăng của thực dân Pháp. Chúng đánh chiếm Đà Nẵng là điểm nằm giữa của bán đảo hình chữ S để làm bàn đạp và không phải ngẫu nhiên chúng tiến quân vào Nam Kỳ trước, mà mục tiêu đầu tiên là chiếm thành Gia Định, nơi có thương cảng Sài Gòn. Có lẽ cái nơi "*thiên thời địa lợi*" ấy từ lâu đã lọt vào con mắt tham lam của bọn thực dân đi cướp nước người... Trong quá trình xâm lược Nam Kỳ, ngay từ đầu thực dân Pháp đã chọn Sài Gòn làm trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự và coi đó như bàn đạp để tiến chiếm các tỉnh. Chính vì vậy mà chúng chú ý ngay đến thương cảng Sài Gòn, vị trí ấy vừa mang ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa về giao thông quân sự. Ngày 22-2-1860, chỉ sau một năm Pháp đánh chiếm Gia Định, cảng Sài Gòn được mở¹ nhằm buôn bán, trao đổi sản phẩm và để đưa quân Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ. Với mục đích như vậy, mặc dù tình hình chiến sự ở Sài Gòn còn tiếp diễn ác liệt, Chính phủ Pháp đã chỉ định Công ty Vận tải Hoàng đế (Messageries Impériales) phụ trách tuyến đường Viễn Đông xây dựng một chi nhánh tại Sài Gòn. Sau khi điều tra và bản đề án xây dựng được phê duyệt, từ giữa năm 1862 một số công trình được tiến hành xây dựng, trong đó có trụ sở Tổng đại diện Công ty (Hotel des Messageries Impériales) - ngôi nhà có kiến trúc Pháp nhưng trên nóc nhà gắn hai con rồng đang châu đầu vào mặt trăng theo mô típ "*lưỡng long châu nguyệt*" - một kiểu kiến trúc quen thuộc của đình chùa Việt Nam, chính vì vậy người ta quen gọi đó là Nhà Rồng. Cũng

1 Thanh Giang, *Thành phố chúng ta*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1980, tr. 19.

thời gian này, tại thương cảng Sài Gòn, ngoài hãng Messageries Impériales (năm 1870 đổi tên thành hãng Messageries Maritimes) còn có hãng Chargeurs Réunis, hãng Messageries Flurial và một vài hãng nhỏ do tư nhân người Hoa quản lý cùng hoạt động... Ở giai đoạn này, thương cảng Sài Gòn phát triển nhanh chóng cả về mặt xây dựng cơ sở vật chất lẫn về hoạt động xuất nhập khẩu. Sự phát triển đó gắn liền với nhu cầu xâm lược và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Nam Kỳ.

Cùng vào thời điểm ấy, có một người thanh niên Việt Nam tên là Nguyễn Tất Thành đã từ trường Dục Thanh (Phan Thiết) tìm vào Sài Gòn. Trong thời gian lưu lại thành phố, Nguyễn Tất Thành đã từng ở nhà ông Lê Văn Đạt, một vừa chiều (nay là ngôi nhà số 185/1 đường Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1), sau đó chuyển đến ở nhà số 3 đường Tổng Đốc Phương vùng Chợ Lớn (nay là số 5 đường Châu Văn Liêm, quận 5 thành phố Hồ Chí Minh). Người đến với xóm thợ nghèo, tìm hiểu cuộc sống, điều kiện lao động của những người thanh niên cùng trang lứa với mình ở Trường Kỹ nghệ thực hành (trường đào tạo thợ máy Á Đông) hay đến tiệm giặt ủi quần áo cho thủy thủ cạnh bến Nhà Rồng... hỏi chuyện để xin một việc làm trên tàu biển... Trong thời gian cùng làm việc với những người lao động, Người đã hiểu rõ cuộc sống lầm than cơ cực của họ vì đâu mà có? Và có lẽ điều đó đã góp phần thôi thúc Người cất bước ra đi tìm đường cứu dân, cứu nước. Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành với tên Văn Ba, đã lên tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) - một chiếc tàu lớn vừa chở hàng vừa chở khách của hãng Chargeurs Réunis từ cảng Sài Gòn rời Tổ quốc đi sang Pháp mở đầu cho cuộc hành trình bốn ba khắp thế giới với ý thức rõ rệt: *"Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta"*¹. Như vậy, ở thời điểm đầu tiên - từ một thanh niên có học vấn, chưa từng chịu

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chí tịch*, Nxb. Trẻ, 1999, tr. 11.

đựng lam lũ, nhọc nhằn của lao động chân tay, nhưng vì lý tưởng, vì muốn khám phá cái mới, vì tư tưởng yêu nước thương dân, đã quyết chí xuống làm phụ bếp trên một con tàu và đây cũng là dịp tốt để rèn luyện mình trong lao động như bao thân phận của hàng triệu người dân nước Việt lúc đó. Hòa mình trong đời sống thợ thuyền - một cuộc thâm nhập thực tế lớn lao chưa từng thấy trong đời người lãnh tụ nhân dân. Từ bến cảng Sài Gòn ra nước ngoài, không nghề nghiệp, không có bảo trợ, Nguyễn Tất Thành đã có sự suy nghĩ đáng ghi nhận: hãy tự lực, tự lập, tự mình làm cho mình sống và phát triển, không nên nhờ vả trông cậy vào sức của người khác đến cứu mình! Sự suy nghĩ ấy rất khác các bậc cha chú thuộc lớp người Việt Nam yêu nước thời ấy. Và cũng không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Tất Thành đã đến Sài Gòn để rồi từ đây Người ra đi tìm đường cứu nước. Thành phố Sài Gòn là một thành phố lớn nhất Việt Nam, thực dân Pháp sớm khai thác, nên giai cấp công nhân sớm ra đời, phong trào yêu nước ở đây rất sôi nổi. Sài Gòn còn nằm trên con đường giao lưu quốc tế rất thuận tiện. Sớm có ý thức muốn ra đi tìm đường cứu nước, nhất là sang các nước Tây Âu, tất nhiên thành phố này là nơi rất hấp dẫn đối với Người. Ngày 5-6-1911 đã trở thành mốc son đặc biệt quan trọng, không phải chỉ trong cuộc đời một con người, mà còn đối với lịch sử của cả một dân tộc. Bước xuống tàu để đi tìm đường cứu nước, với tên Văn Ba, Nguyễn Tất Thành cũng chưa hiểu được là chính mình đang gánh vác một nhiệm vụ lịch sử trọng đại. Và lịch sử dân tộc cũng chưa biết rằng từ ngày ấy đã bắt đầu giao phó một sứ mệnh hết sức thiêng liêng cho một con người mà tuổi đời mới vừa tròn 21. Tất cả chỉ được khẳng định bằng nhiều năm tháng hoạt động từ đó trở đi để Nguyễn Tất Thành trở thành Nguyễn Ái Quốc, từ một người đi tìm đường cứu nước trở thành người dẫn đường cho cả dân tộc. Việc ra đi của Nguyễn Tất Thành không phải là một hành động ngẫu nhiên do tính bột bột của tuổi trẻ, cũng không phải do một sự thôi thúc riêng - đi tìm một nghề nghiệp, một danh vọng, càng không phải sự trốn tránh hay chấp nhận một ân huệ.

Người ra đi không phải vì mình hay cho mình. Động cơ ra đi của Người chỉ có một, đó là lòng yêu nước thương dân. Mục đích ra đi của Người chỉ duy nhất là tìm cho được con đường cứu dân, cứu nước. Sự nghiệp Hồ Chí Minh bắt đầu từ đây, vận mệnh lớn của nước, của dân đã gắn bó với một quyết định lịch sử mà sau này công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thành công đã chứng minh điều sáng suốt phi thường ấy.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành quyết định đi Pháp, trước hết là để tìm hiểu nước Pháp - nước Pháp đã làm nổ ra cuộc cách mạng tư sản điển hình năm 1789, đã đưa ra một tuyên ngôn bất hủ về quyền con người và quyền công dân, nhưng nước Pháp lại cũng đã đẻ ra một chế độ thực dân thối nát và cực kỳ tàn bạo như chính anh đã thấy trên đất nước mình. Nguyễn Tất Thành muốn hiểu cho được cái nghịch đề văn minh - dã man mà chính nước Pháp vĩ đại kia đã sản sinh ra nó. Muốn tìm được con đường cứu nước thì trước hết phải hiểu thật đúng, thật đầy đủ về những kẻ đang cướp nước mình. Muốn đánh đổ được chủ nghĩa thực dân để giải phóng cho đồng bào thì trước hết phải hiểu cho được cái gốc rễ, cái bản chất của chủ nghĩa thực dân, nhất là từ trên chính mảnh đất đã sản sinh ra nó. Sự khác biệt của Nguyễn Tất Thành so với tất cả những người khác đi sang nước Pháp chính là ở chỗ đó. Ở một thời kỳ lịch sử nhất định, việc không lặp lại những thất bại của những người đi trước đã là điều khó khăn đối với lớp người đang kế tục cùng một sự nghiệp và đang bước vào đời. Còn không chấp nhận những con đường không phù hợp mà người đương thời chưa có sự phân biệt rạch ròi, điều đó khó hơn nhiều. Nhưng để từ đó lại tìm ra bằng được con đường mới phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử, đưa cả dân tộc đi đến thắng lợi, đầy quả thật là điều cực kỳ khó khăn. Trong suốt thời gian làm việc trên tàu, qua bờ biển châu Á, châu Phi, Nguyễn Tất Thành nhìn thấy nhiều việc chứng tỏ bọn thực dân thật hung ác, vô nhân đạo. Chúng coi tính mạng người dân thuộc địa, da

vàng hay da đen không đáng một đồng xu! Có lần, Người đã khóc trước cảnh bọn Pháp cười sặc sụa trong lúc đồng bào ta bị chết đuối vì chúng. Một lần khác, Người lại không kìm được nước mắt trước cảnh bọn Pháp bắt những người da đen từ trong bờ nhảy xuống biển để rồi bị sóng biển cuốn đi mất tích... Càng đau nỗi đau của người dân bị bọn thực dân áp bức, Nguyễn Tất Thành càng lặng lẽ găng sức làm việc, dù là những việc của người thù thù, người làm công khó nhọc ở nước này hay nước khác, lục địa này hay lục địa khác. Cuối năm 1912, đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành đến đất Mỹ. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh (1775 - 1781) và bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ đã thu hút sự chú ý và lòng khâm phục của Nguyễn Tất Thành. Người đã có những ngày ở Niuoóc, đi làm thuê ở Bruclin, đến thăm khu Háclem, nơi cư trú của người da đen. Những cuộc tiếp xúc khiến Nguyễn Tất Thành nhận thấy đã hơn 150 năm mà những quyền cơ bản của con người như quyền sống trong tự do, hạnh phúc vẫn không được giai cấp tư sản cầm quyền thực hiện đối với đông đảo người lao động ở trong nước. Vẫn còn đầy những tội ác phân biệt chủng tộc với những người da đen. Vẫn có những cuộc chiến tranh xâm lược nước khác. Khoảng cuối năm 1913, Nguyễn Tất Thành rời Mỹ sang Anh, một vương quốc có rất nhiều thuộc địa. Luân Đôn, thủ đô nước Anh cũng là một trung tâm văn hóa thu hút nhiều người dân thuộc địa đến sinh sống, học tập. Lúc ấy, cuộc đấu tranh yêu nước của người Ái Nhĩ Lan đang gây tiếng vang lớn thu hút sự chú ý của Người. Thời gian ở nước Anh có thể là một thời kỳ chuẩn bị tích cực để người thanh niên Nguyễn Tất Thành bước vào cuộc chiến đấu mới. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp. Ở Paris, Người thấy rõ số người dân các nước thuộc địa bị động viên sang Pháp làm việc trong các nhà máy, trang trại, lao công,... tăng lên rất nhiều. Chiến tranh cùng những mất mát khiến họ gần gũi nhau hơn. Giữa họ với những người lao động Pháp cũng có mặt thông cảm hơn. Nguyễn Tất Thành kết bạn cả với

những người công nhân Pháp, những trí thức cánh tả Pháp đáng mến, trung thực. Nguyễn Tất Thành cảm nhận bao quát: trên đời này không nên phân biệt màu da mà chỉ nên phân biệt hai loại người: loại người bóc lột và loại người bị bóc lột. Trong thảo luận, lúc tâm sự, khi cầm bút viết, Nguyễn Tất Thành nói với những người cùng cảnh ngộ rằng: nguồn gốc gây ra mọi sự đau khổ của các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương, ở châu Phi và các nơi khác chính là sự bạo ngược của chế độ thực dân. Các dân tộc bị áp bức chống chế độ thực dân Pháp, chống bọn cá mập thực dân nhưng đoàn kết với những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính. Chính họ mới đại diện cho một nước Pháp tự do, bình đẳng, bác ái và ở trên đời này *“cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”*¹. Nó bao gồm cả tình đoàn kết hữu ái giữa những người lao động ở thuộc địa và những người lao động ở chính quốc. Với suy nghĩ ấy, năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Người đã hiểu ra một điều là: không những các dân tộc thuộc địa đòi hỏi thay đổi chế độ, cách mạng xã hội mà ngay đến những người lao động ở chính quốc cũng mong muốn có cách mạng xã hội, thay đổi chế độ. Đi sâu hơn, Nguyễn Tất Thành hiểu thêm rằng chủ nghĩa tư bản là *“một lực lượng quốc tế”*. Chỉ có tình anh em quốc tế của công nhân các nước cộng với sự đoàn kết của các dân tộc bị áp bức thì sự nghiệp giải phóng dân tộc ở đất nước Anh mới đi tới thắng lợi. Tháng 6-1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Vécxây bản: *“Yêu sách của nhân dân Việt Nam”* và từ đây Người thực sự bắt đầu sứ mệnh của người chiến sĩ tiên phong của dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Tài liệu đó như một quả bom nổ giữa thủ đô Paris, nói lên tiếng thét phẫn nộ của hàng triệu người dân mất nước. Trên bầu trời chính trị Paris lúc này xuất hiện một ngôi sao sáng Nguyễn Ái Quốc đã làm cho bọn mật thám hết sức lo sợ, chúng ngày đêm theo dõi và gây nhiều khó khăn cho Người. Ngày

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 266.

16 và 17-7-1920, qua báo *Nhân đạo* (L'Humanité) Pháp, Nguyễn Ái Quốc được đọc luận cương của V. I. Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Đây là một sự kiện quan trọng làm biến đổi nhận thức, khẳng định con đường lựa chọn để cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Sau này Người nhớ lại: *"Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"'*¹. Từ thời điểm đó, cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc đã bước sang giai đoạn mới, trên con đường giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ ngày 25-12-1920, Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tour (Tua) và Nguyễn Ái Quốc là đại biểu duy nhất của nhân dân Đông Dương tham dự. Trên diễn đàn của Đại hội, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương, kêu gọi giai cấp công nhân và nhân dân Pháp ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và nhân dân các thuộc địa khác. Người đề nghị: *"Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức... Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế thứ Ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa"*². Cũng tại Đại hội này Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Sau này, Người nhớ lại sự kiện tham gia Đại hội: *"Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp mà tôi đã tìm thấy chân lý chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ trở thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa"*. Điều đó

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà nội, 1996, tr. 126.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 23.

chứng tỏ sự vận động nhận thức của Nguyễn Ái Quốc theo một logic phát triển từ thấp lên cao, từ phạm vi cục bộ đến phạm vi toàn cục. Đây cũng là logic phát triển tất yếu của cuộc chiến đấu mà Nguyễn Ái Quốc đã bước vào để từ chủ nghĩa yêu nước đã đến chủ nghĩa Lênin, để từ một người yêu nước trở thành một chiến sĩ cộng sản. Đây là sự kết thúc của nhiều năm tháng gian khổ đi tìm đường cứu nước để cuối cùng Nguyễn Ái Quốc đã thấy được con đường ấy.

Sau Đại hội Tour (Tua), người cộng sản Việt Nam đầu tiên Nguyễn Ái Quốc bắt tay ngay vào hoạt động nhằm đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân các thuộc địa đấu tranh chống áp bức, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Là người dân một nước thuộc địa nửa phong kiến, Nguyễn Ái Quốc ra đời, lớn lên trong trong hoàn cảnh Việt Nam cùng hàng trăm quốc gia độc lập, có chủ quyền ở châu Á, châu Phi đã bị chủ nghĩa tư bản phương Tây lấy có *"tự do truyền đạo, tự do buôn bán"* để đưa nhau đem hạm đội đến xâm chiếm làm thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc đã có mười năm liền đi và biết được cuộc sống ở những thuộc địa này. Với năng lực so sánh, đối chiếu, suy gẫm riêng, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy đâu phải chỉ ở châu Âu, những người lao động mới bị cực khổ vì chủ nghĩa tư bản. Chính ở châu Á, châu Phi và nhiều nước chậm tiến, chủ nghĩa tư bản và đế quốc xâm lược đã tước đi quyền của nhiều dân tộc, quyền sống của con người. Chủ nghĩa thực dân đã biến con người ở những nơi đó thành nô lệ, đẩy hàng triệu con người vào những cuộc chiến tranh ăn cướp lẫn nhau. Trong lúc xác định muốn giải phóng dân tộc phải trông cậy ở chính lực lượng của dân tộc mình, Nguyễn Ái Quốc không tự cô lập. Trái lại, Người vẫn mở rộng mọi hoạt động, vẫn từng ngày hòa nhập với phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản Pháp ngay tại Paris, thủ đô của một nước có lý tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái chứ không phải ở một nơi nào khác thuộc châu Âu. Lòng yêu nước nồng nàn cộng với

sự hòa nhập ấy đã kết thành đường dây dẫn Nguyễn Ái Quốc tìm thấy một hợp điểm tất yếu không hẹn trước - giữa con đường giải phóng dân tộc và con đường giải phóng giai cấp; Người khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức. Từ đây, hoài bão lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc là về nước để thực hiện mục tiêu giành lại độc lập cho đất nước, đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân theo con đường đã chọn. Đặc điểm nổi bật trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc là đã sớm gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, gắn cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam với phong trào giải phóng của tất cả các dân tộc bị áp bức khác. Vì vậy, vấn đề dân tộc và vấn đề quốc tế đã được kết hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, và Người đã sớm đến với lập trường của giai cấp vô sản, lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết mối quan hệ ấy. Đó là một lập trường hoàn toàn xa lạ với mọi thứ chủ nghĩa dân tộc như Lênin đã từng phê phán. Đó chính là lập trường mà Người đã kiên định trong suốt cuộc đời mình. Bằng thiên tài trí tuệ và kinh nghiệm hoạt động cách mạng của mình, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua sự hạn chế của chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản đương thời, sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và đi vào con đường cách mạng vô sản, kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Đó là sự kết hợp những yếu tố chủ quan của một con người kiệt xuất với những điều kiện khách quan của gia đình, quê hương, đất nước, của phong trào công nhân và phong trào cộng sản thế giới, của tất cả các quan hệ xã hội đã tạo nên bản chất của Người, để Người vượt qua mọi người đi trước cũng như tất cả lớp trẻ đương thời, đưa cách mạng Việt Nam bước vào một thời đại mới.

Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng với một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa nhằm

tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động cách mạng ở các thuộc địa, Hội Liên hiệp thuộc địa đã xuất bản báo *Le Paria* (*Người cùng khổ*), Nguyễn Ái Quốc là linh hồn của tờ báo, vừa là chủ nhiệm, kiêm chủ bút, thủ quỹ. Báo xuất bản bằng tiếng Pháp nhưng ở trang đầu còn có tên báo bằng chữ Ả rập và chữ Hán. Báo *Le Paria* là vũ khí chiến đấu. Sứ mệnh của nó đã rõ ràng: giải phóng con người. Tháng 6-1923, được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc rời nước Pháp sang Liên Xô. Tại Mátxcơva, Nguyễn Ái Quốc tham gia lớp học ngắn hạn tại trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Học viên ở đây đến từ nhiều dân tộc khác nhau, nhưng đoàn kết thống nhất. Nguyễn Ái Quốc được học những nguyên lý đấu tranh giai cấp, được trang bị những phương pháp, tổ chức làm cách mạng một cách khoa học và trường đã thực sự trở thành nơi đào tạo những cán bộ tuyên truyền đầu tiên cho các nước phương Đông. Được thực tiễn cách mạng Nga lúc đó cổ vũ, Nguyễn Ái Quốc kiên trì đấu tranh bảo vệ và phát triển sự sáng tạo tư tưởng của V.I Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, hướng sự chú ý của Quốc tế Cộng sản tới phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa. Trong thời gian ở Liên Xô (1923 - 1924), Nguyễn Ái Quốc đã có những hoạt động khá tích cực và có hiệu quả. Nguyễn Ái Quốc tham dự và thẳng thắn đóng góp những ý kiến riêng dựa trên những tư liệu cụ thể, vốn sống phong phú, phương pháp khoa học về vấn đề thuộc địa tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (tháng 6-1924) và các hội nghị quốc tế diễn ra ở Mátxcơva như: Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân (tháng 10-1923),... Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp một số bài báo đã đăng trong thời kỳ Người ở Pháp và biên tập lại, bổ sung hoàn chỉnh cuốn sách "*Bản án chế độ thực dân Pháp*". Do không kịp xuất bản ở Liên Xô nên Nguyễn Ái Quốc đã gửi về Paris cho Hội Liên hiệp thuộc địa xuất bản. Cuốn sách là cả một công trình lớn đề cập đến những vấn đề nóng bỏng tính thời sự như tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân

Pháp, kêu gọi và thức tỉnh các dân tộc thuộc địa trước tiên phải đoàn kết để tự cứu lấy mình. Nguyễn Ái Quốc thông qua cuốn sách bày tỏ tư tưởng, phương pháp cách mạng của mình, đề ra những phương hướng chỉ dẫn phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, với sự nhạy bén sâu sắc tiếp thu tri thức học được cộng với trí tuệ sẵn có, nắm bắt nhanh các vấn đề thời sự chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã bổ sung những luận điểm, những kinh nghiệm quý báu về phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ngày 11-11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu, Trung Quốc. Để hợp pháp hóa hoạt động của mình, Nguyễn Ái Quốc lấy bí danh là Lý Thụy, làm phiên dịch trong văn phòng của Đoàn công vấn Xô viết tại Quảng Châu trong phái bộ Bôrôđin, nhưng trên thực tế Nguyễn Ái Quốc liên lạc trực tiếp với Quốc tế Cộng sản. Quảng Châu là trung tâm cách mạng của Trung Quốc, ở đây nhiều nhà yêu nước Việt Nam đang sống, học tập và làm việc. Nguyễn Ái Quốc trực tiếp đến gặp gỡ trao đổi với Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong,... liên lạc thư từ với cụ Phan Bội Châu. Tháng 6-1925, trên cơ sở sở cán bộ được huấn luyện, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 21-6-1925, báo *Thanh niên* ra đời. Đây là tờ báo cách mạng làm nhiệm vụ tuyên truyền giới thiệu về chủ nghĩa Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga; giải thích đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam. Báo là người tuyên truyền tập thể, người cổ động và tổ chức tập thể góp phần quan trọng vào việc xúc tiến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuộc vận động cách mạng trong đồng bào yêu nước ngày càng mạnh mẽ, Nguyễn Ái Quốc đứng ra tổ chức các lớp huấn luyện chính trị cho các thanh niên yêu nước từ Việt Nam sang tại ngôi nhà số 13/1 đường Văn Minh, Quảng Châu từ năm 1925 - 1927. Một trong những vấn đề đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan

tâm là đào tạo những người tự nguyện hy sinh phấn đấu suốt đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; hiểu lý luận Mác - Lênin; biết đoàn kết và tổ chức nhân dân cùng phấn đấu vì sự nghiệp chung. Những bài giảng của Người được tập hợp và in thành sách mang tên "*Đường Kách mệnh*" xuất bản năm 1927. "*Đường Kách mệnh*" thực sự là sự nối tiếp sứ mệnh của "*Bản án chế độ thực dân Pháp*", là vũ khí đấu tranh chính trị, thức tỉnh và định hướng cho hành động cách mạng. "*Đường Kách mệnh*" là một tác phẩm có giá trị lớn về lý luận khoa học cách mạng và thực tiễn cách mạng, với cách diễn đạt dễ hiểu, cụ thể, đã chuyển tải những tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin cho mọi tầng lớp xã hội. Thực sự, qua tác phẩm "*Đường Kách mệnh*", những lý luận khó hiểu, trừu tượng của học thuyết Mác - Lênin được lý giải và vận dụng vào thực tiễn một cách tài tình. Cuốn sách được đưa về nước thức tỉnh dân tộc theo ngọn cờ cách mạng. Tháng 5-1927, Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu, đi Mátxcova, sau đó đi Béclin, tham dự Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng của Liên đoàn chống chiến tranh đế quốc tại Brúcxen (Bi), đi Ý và trở về Xiêm (Thái Lan).

Thời gian này, tại Sài Gòn, cùng với sự phát triển về mọi mặt nói chung và kinh tế nói riêng, đội ngũ công nhân thành phố cũng không ngừng tăng nhanh về số lượng. Giai cấp công nhân đã dần dần thức tỉnh, nhận rõ bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân và vùng lên đấu tranh tự giải phóng mình. Lúc ấy, Nguyễn Ái Quốc tuy đang ở nước ngoài nhưng tinh thần luôn hướng về Tổ quốc, Người muốn thức tỉnh đồng bào mình một tinh thần tự tôn dân tộc, muốn truyền cho mọi người một chất men đấu tranh cách mạng. Những tư tưởng ấy đến với công nhân và nhân dân thành phố qua các sách báo tiến bộ như: *Bản Yêu sách 8 điểm*, báo *Le Paria*, báo *Việt Nam Hồn*, báo *Thanh niên*, tác phẩm *Đường Kách mệnh*, tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*,... Như vậy, có thể nói rằng, Sài Gòn được xem là một trong những "cửa khẩu" tiếp nhận sự truyền bá

chủ nghĩa Mác - Lênin qua sách báo của Người và những cán bộ cách mạng được Người đào tạo và đưa về nước hoạt động.

Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc, triệu tập Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Thế là, sau 19 năm lao động, tù đầy, đấu tranh, quan sát và học tập, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, cũng như tổng kết thực tiễn đời sống trong nước, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành - lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã làm tròn sứ mệnh lớn lao, tạo ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử đó là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam sau này. Từ đây, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Sài Gòn bước sang một giai đoạn mới, mang một tính chất mới, đó là cuộc đấu tranh cách mạng tự giác có sự lãnh đạo của một Đảng mácxít với cương lĩnh và đường lối rõ ràng. Người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam và mang lại tính chất mới cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là Hồ Chí Minh; do vậy mà từ đây mọi phong trào cách mạng, mọi hành động cách mạng của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Sài Gòn nói riêng đều mang dấu ấn cách mạng, dấu ấn văn hóa của Người.

Ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh bắt giam trái phép tại Hồng Kông (Trung Quốc). Với bản lĩnh vững vàng và sự cảm hóa kỳ diệu của Người cùng sự giúp đỡ của Luật sư P. Loseby (Lôdobai), Nguyễn Ái Quốc thoát khỏi nhà tù Hồng Kông. Cuối năm 1933, Nguyễn Ái Quốc rời Hồng Kông. Đầu năm 1934 Người trở lại Liên Xô. Tại đây Người vào học trường Quốc tế Lênin, nghiên cứu ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, đồng thời tiếp tục theo dõi, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước trong tình hình chủ nghĩa phát xít đã công khai đàn áp mọi phong trào dân chủ và hòa bình. Trước những chuyển biến của tình hình thế giới, tháng 10-1938, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô về Trung Quốc. Tháng 9-1940 Người về sát biên giới

Việt - Trung, bắt liên lạc với tổ chức Đảng, chuẩn bị về nước. Người đã mở lớp huấn luyện chính trị để chuẩn bị cán bộ đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới. Và, thời điểm đáng ghi nhớ là vào ngày 28-1-1941, sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Người đã qua cột mốc 108 trên biên giới Việt - Trung trở về Tổ quốc, để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người trở về trong bộ quần áo chàm bạc màu, đội nón rộng vành, khăn mặt vắt vai, tay cầm chiếc gậy, như một ông già dân tộc Nùng ở địa phương. Hành trang của một người ba mươi năm ở nước ngoài trở về năm ấy có thể thôi! Song, điều quý nhất, quan trọng nhất là Nguyễn Ái Quốc trở về không những với nhiều truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam đã được nhân lên, được thử thách mà còn có cả những tinh hoa tư tưởng và văn hóa của loài người lúc bấy giờ. Đối với những thế hệ người Việt Nam đã biết thế nào là cuộc sống của những người dân mất nước, mất độc lập, tự do, thì sự trở về của Nguyễn Ái Quốc năm ấy là quý báu nhất, rất đúng lúc! Và Nguyễn Ái Quốc đã nói với những người đồng chí hoạt động gần gũi lúc ấy rằng: chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng! Từ buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, rồi trở về nước vào năm 1941 trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến tới tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công - Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu đã dẫn dắt cả dân tộc vượt qua bao gian nan, thử thách để hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc, đánh tan kẻ thù xâm lược, thống nhất nước nhà, tiến lên con đường mà Người đã chọn, đi huấn luyện cho đời sau.

Trong những năm tháng ấy, tại Sài Gòn đã liên tục diễn ra các phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân và gọi cho ta hình ảnh một Sài Gòn sục sôi trong đấu tranh cách mạng. Ngày 30-4-1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đất nước Việt Nam đã hoàn toàn được giải phóng - niềm mơ ước của Người đã trở thành hiện thực...

Một trăm năm - một thế kỷ đã trôi qua, ngôi Nhà Rong và cảng Sài Gòn vẫn còn đó với nét cổ kính như ngày nào, nhưng đất nước

này đã có bao sự thay đổi kỳ diệu. Chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”*, đã trở thành sự thật khi đất nước sạch bóng quân thù, non sông nối liền một dải, ấm no hạnh phúc đang tràn về khắp nơi nơi. Thành phố Sài Gòn được vinh dự mang tên Người - Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là thời điểm thành phố bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng thành phố và xây dựng kinh tế cho cả nước, thực hiện lời Di chúc của Người: *“... xây dựng đất nước ta ngày càng giàu hơn, to đẹp hơn”*; và công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cũng được đặc biệt quan tâm - trong đó có việc cải tạo và xây dựng ngôi Nhà Rộng thành *“Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh”*. Ngày 2-9-1979, nơi đây đã mở cửa đón khách tham quan nội dung trưng bày về *“Sự nghiệp tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh”*. Tháng 10-1995, *“Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh”* được Bộ Văn hóa Thông tin và Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đổi tên thành *“Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh”*. Bảo tàng đã thực sự trở thành cơ quan nghiên cứu khoa học và giáo dục về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây còn là nơi tổ chức các buổi nói chuyện, thuyết trình, dâng hương; là địa điểm họp mặt giao lưu, kết nạp Đảng, Đoàn, Đội; điểm sinh hoạt hè của học sinh, sinh viên,... Bảo tàng thường xuyên mở cửa đón khách tham quan và đón tiếp các đoàn nguyên thủ quốc gia khi đến thăm và làm việc tại thành phố. Với những nỗ lực và kết quả đạt được, hơn 30 năm qua, Bảo tàng đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III (năm 1997), Huân chương Lao động hạng II (năm 2009), Cờ Thi đua Xuất sắc, Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh... Đặc biệt, năm 1998, Nhà Rộng đã được chọn làm biểu tượng của thành phố nhân dịp kỷ niệm 300 năm...

Vinh dự và tự hào biết bao, Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố có tầm quan trọng bậc nhất của cả nước hiện nay,

một thành phố đã gắn bó với ngày lịch sử ra đi tìm đường cứu nước của Người, với truyền thống đấu tranh vẻ vang của Đảng và dân tộc Việt Nam quang vinh. Đảng bộ và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ luôn xứng đáng với tên tuổi và sự nghiệp của Người. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, chúng ta hãy cùng nhau suy nghĩ lại những chặng đường đã qua để kiên định con đường cách mạng vô sản, kiên định lòng tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, vào truyền thống cách mạng anh hùng, bất khuất của dân tộc ta, của nhân dân ta và của thành phố thân yêu của chúng ta. Chúng ta nguyện đi theo con đường cứu nước của Người, ra sức vận dụng sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn sinh động ở thành phố, vững tin ở tiền đồ tươi sáng của dân tộc, quyết tâm vượt mọi gian lao thử thách để xây dựng thành phố này thành một trung tâm kinh tế, văn hóa vững chắc, xứng đáng với danh hiệu Thành phố Anh hùng, thành phố mang tên vàng rực rỡ Hồ Chí Minh... Và, có thể nói, sự phát triển nhanh chóng của thành phố và những thành tựu kinh tế đạt được qua 36 năm xây dựng là sự kế thừa những thành quả đấu tranh cách mạng mà Hồ Chí Minh đã khởi xướng và lãnh đạo - nói cách khác, những thành quả ấy đều mang *dấu ấn Hồ Chí Minh*.

HỒ CHÍ MINH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VÀ BƯỚC NGOẶT CÁCH MẠNG VÔ SẢN VIỆT NAM

Thượng tá, TS. PHAN THANH LONG*

I. SỰ KHỦNG HOẢNG ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX VÀ SỰ LỰA CHỌN CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC RA ĐI TÌM CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC MỚI

Từ năm 1858, thực dân Pháp xâm lược và từng bước thiết lập chế độ thống trị rất tàn bạo, hà khắc và phản động của chủ nghĩa thực dân trên đất nước ta, xã hội Việt Nam đã có những biến đổi lớn: từ chế độ phong kiến chuyển sang chế độ thuộc địa nửa phong kiến; hai mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu trong xã hội ngày càng gay gắt. Đó là, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với đế quốc Pháp xâm lược và giữa nhân dân ta chủ yếu là nông dân với bọn địa chủ, phong kiến tay sai, chỗ dựa của thực dân Pháp. Nhiệm vụ chống đế quốc Pháp xâm lược và nhiệm vụ chống bọn phong kiến tay sai là không tách rời nhau. Đó là yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Với truyền thống yêu nước nồng nàn, nhân dân ta đã liên tiếp đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai ở khắp mọi nơi, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu và các nhà yêu nước đương thời theo nhiều khuynh hướng khác nhau. Song các

* Viện lịch sử Công an - Bộ Công an.

phong trào đấu tranh đó đều thất bại, nguyên nhân chủ yếu là chưa tìm được con đường cứu nước đúng đắn, chưa có một lực lượng xã hội, một giai cấp tiên tiến và một tổ chức cách mạng chặt chẽ đủ sức lãnh đạo phong trào. Cách mạng Việt Nam đứng trước sự bế tắc và khủng hoảng về đường lối cứu nước. Chính trong điều kiện đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước.

Ngày 5-6-1911, tại bến cảng Sài Gòn, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Hành trang của Người chỉ là hai bàn tay trắng, đôi mắt sáng ngời và một tâm hồn luôn khát khao giải phóng cho cả dân tộc Việt Nam đang chìm trong bóng tối của chủ nghĩa thực dân.

Với cái tên là Văn Ba, Người lên đường sang Pháp với nghề phụ bếp trên chiếc tàu buôn Amiral Latouche Tréville, một con tàu lớn đang chuẩn bị khởi hành từ cảng Sài Gòn sang Pháp. Động lực khiến cho Người ra đi đó là: *“Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy”, “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”*.

Đặt chân vào nước Pháp “tự do”, làm đủ mọi nghề trong xã hội và gặp gỡ không biết bao nhiêu lớp người. Không dừng lại ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một chiếc tàu của hãng Chargeurs Réunis (Sàigơ Rêuyni) đi vòng quanh châu Phi, Người đã đi qua những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Xênegan... Đến đâu Người cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Nguyễn Tất Thành tiếp tục theo các con tàu qua Trung Mỹ, Urugoay,

Áchentina và dừng lại ở nước Mỹ cuối năm 1912. Tại đây, Người có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng trong lịch sử. Cũng như ở Pháp và các nước khác, Người làm thuê để kiếm sống trên đất Mỹ, tìm hiểu đời sống của nhân dân lao động, đặc biệt là những người da đen luôn bị phân biệt đối xử ở Mỹ.

Năm 1913 hành trình tiếp theo của Người là nước Anh, với công việc như cao tuyết, đốt lò... và từ đó Người đã rút ra được nhiều điều, rằng ở đâu nhân dân lao động cũng bị bóc lột, ở đâu họ cũng bị đàn áp bởi chủ nghĩa thực dân xâm lược và hiếu chiến với vẻ ngoài luôn rêu rao là bình đẳng và bác ái.

Trở lại Pháp năm 1919, cuộc sống của Người lại gặp nhiều khó khăn vì là dân nhập cư. Người vẫn hăng say học tập và hoạt động. Người thường xuyên gặp gỡ với những người Việt Nam ở Pháp, có tư tưởng và khuynh hướng tiến bộ như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường. Nguyễn Ái Quốc từng bước tham gia vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và lao động Pháp. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia Đảng Xã hội Pháp, một tổ chức mà Người cho là tự do, bình đẳng và bác ái thực sự. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc (1918), ngày 16-8-1919, các nước Đế quốc tham chiến đã hội nghị tại thành phố Véc-xây (Pháp). Thực chất đây là hội nghị chia chác giữa nước thắng trận và trút những hậu quả lên các nước thua trận và các nước thuộc địa. Nguyễn Tất Thành đã gửi bản yêu sách đòi các quyền tự do và bình đẳng cho nhân dân An Nam tới hội nghị, ký tên là Nguyễn Ái Quốc. Bản yêu sách là tiếng nói của cả dân tộc An Nam nhưng không được hội nghị xem xét. Sau đó Nguyễn Ái Quốc tham gia các hoạt động báo chí, viết nhiều sách đề xuất bản tại Pháp và gửi về nước. Đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản.

Vì sao Bác lại lựa chọn con đường đó? Bằng những hoạt động thực tiễn của mình, Nguyễn Ái Quốc đã có những nhận thức về

cách mạng thế giới và những con đường cứu nước, từ đó Bác lựa chọn con đường đúng đắn cho dân tộc ta. Hồ Chủ tịch lớn lên trong khi nước ta đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Các cuộc đấu tranh của nhân dân ta liên tục nổ ra nhưng đều thất bại, cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối. Hồ Chí Minh, tuy khâm phục tinh thần và dũng khí của các bậc tiền bối như Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu... nhưng không tán thành cách làm của họ, do đó Người quyết tâm đi tìm con đường mới cho bản thân và dân tộc. Trong quá trình bôn ba hải ngoại, Hồ Chí Minh để tâm nghiên cứu cách mạng tư sản Pháp, Mỹ... và nhanh chóng đi đến kết luận: đây là những cuộc cách mạng “làm chưa đến nơi” vì nhân dân vẫn đói khổ, thành ra cách mạng thành công cả trăm năm mà người dân vẫn mưu toan làm cách mạng một lần nữa, phương pháp cách mạng của các nước này tuy hay nhưng không áp dụng cho nước ta được. Năm 1919, khi các nước thắng trận trong Đệ nhất thế chiến họp tại Vécxây để chia quyền lợi, Hồ Chí Minh, với tên gọi Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách đòi quyền lợi cho nhân dân Việt Nam nhưng không được chấp nhận. Người nhận ra rằng độc lập tự do thì phải do mình tự giành lấy, không thể cầu xin sự ban ơn của người khác. Năm 1920, Hồ Chí Minh gia nhập Đảng Cộng sản Pháp, cùng năm này, Người đọc luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa và tìm thấy ở đây điều mà mình đang tìm kiếm. Từ đó, Hồ Chí Minh hoàn toàn tin theo Lênin và chủ nghĩa Cộng sản.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga giành thắng lợi, chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành hiện thực, đồng thời mở ra một thời đại mới “thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”. Cách mạng tháng Mười đã nêu tấm gương sáng trong việc giải phóng các dân tộc bị áp bức. Nguyễn Ái Quốc khẳng định: *“Cách mạng tháng Mười như tiếng sét đã đánh thức nhân dân châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay”*. *Thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga và những chính sách*

tiến bộ của nó thực sự đem lại lợi ích cho đông đảo quần chúng nhân dân. Nó chứng tỏ được sự tiến bộ của hình thức cách mạng này. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc đã để lại những hậu quả vô cùng nặng nề. Trong khi đó cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga thực sự đem lại hòa bình, tự do cho con người. Từ những nhận thức đó Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu tin theo Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga. Người đã có những nhận thức hết sức đúng đắn: đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789)... nhưng cũng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản và khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thật sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.

II. TẠI SAO NGUYỄN ÁI QUỐC CHỌN CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC LÀ CÁCH MẠNG VÔ SẢN

Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu Cách mạng tháng Mười Nga 1917. Người rút ra kết luận: *“trong thế giới bấy giờ chỉ có Cách mệnh Nga là thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật”*. Việc Bác lựa chọn con đường cách mạng vô sản xuất phát từ tình hình và yêu cầu của cách mạng nước ta lúc bấy giờ.

Cách mạng tháng Mười Nga thành công (11-1919) làm cho phong trào công nhân, phong trào chống chủ nghĩa thực dân đế quốc trở nên mạnh mẽ. Năm 1919, Lênin và những người theo chủ nghĩa Mác đã thành lập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III), kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. *Bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin đã gây chú ý cho Nguyễn Ái Quốc: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi*

một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”.

Sau khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Người tìm thấy cơ sở lý luận chắc chắn cho con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Đó là con đường cách mạng vô sản. Bác Hồ khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức, “*Cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn*” và “*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”. Tư tưởng đó đã được Đảng ta khẳng định, được cả dân tộc hưởng ứng và đi theo. Đó là sự lựa chọn của lịch sử Việt Nam, của toàn dân tộc Việt Nam. Sự lựa chọn này dựa trên cơ sở: chỉ có chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản mới triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người khỏi ách áp bức bóc lột, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, đem lại vị trí làm chủ chân chính cho người lao động. Chủ nghĩa xã hội xóa bỏ triệt để chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, là nguồn gốc sinh ra tình trạng người bóc lột người, xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, cơ sở kinh tế đảm bảo cho nhân dân lao động thoát khỏi đói nghèo, hướng tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tạo điều kiện giải phóng và phát triển con người toàn diện. *Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc*. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi mở ra một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Tính tất yếu của thời đại mới đã tạo khả năng và điều kiện để các dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội, đem lại những nhận thức mới trong quan niệm và giải pháp giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc một cách triệt để.

Sức mạnh và thành tựu của chủ nghĩa xã hội, tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa đã thức tỉnh nhân loại, tạo khả năng đoàn kết các dân tộc để giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hủy diệt, buộc chủ nghĩa tư bản phải điều chỉnh chính sách có lợi cho người lao động; tạo khả năng hiện thực cho các nước lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn 80 năm qua, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn khoa học, cách mạng triệt để, nhất quán của sự lựa chọn đó.

TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC KHÁT VỌNG VÀ HOÀI BẢO CỦA TUỔI TRẺ NGUYỄN TẮT THÀNH

PHẠM THỊ THANH MAI*

Trong cuộc đời, ai cũng có những ước mơ, hoài bão của riêng mình và với tuổi trẻ điều đó lại càng sôi sục và mạnh mẽ. Khát vọng, hoài bão về những điều tốt đẹp, đồng thời hành động vì mục đích đó không chỉ làm hoàn thiện bản thân con người mà còn làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Đối với tuổi trẻ của một vĩ nhân, tiêu biểu như Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh, khát vọng và hoài bão cứu nước của Người đã làm thay đổi số phận của cả một dân tộc, đưa nhân dân Việt Nam thoát ra khỏi vòng nô lệ, đi lên xây dựng và phát triển đất nước.

Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, sống gần gũi với nhân dân, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của Nguyễn Tất Thành là một nhà nho cấp tiến, có lòng yêu nước, thương dân. Cuộc đời lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt qua mọi khó khăn, gian khổ của cha mẹ đã ảnh hưởng sâu sắc tới sự hình thành nhân cách của Nguyễn Tất Thành. Anh chị của Người: Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Sinh Khiêm cũng đều là những người yêu nước, đã từng tham gia chống Pháp bảo vệ quê hương. Truyền

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

thống gia đình đã sớm đem đến cho Nguyễn Tất Thành lòng yêu nước, yêu lao động và thương dân sâu sắc.

Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên khi Việt Nam đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Từ nhỏ, Anh đã được chứng kiến cuộc sống nghèo khổ, bị đàn áp, bị bóc lột đến cùng cực của đồng bào mình ngay trên mảnh đất quê hương. Xứ Nghệ, quê hương của Nguyễn Tất Thành vốn giàu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm. Đó là nơi có nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử, như: Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu,... Sau này, khi theo cha mẹ vào sống ở kinh đô Huế, Nguyễn Tất Thành lại được tận mắt nhìn thấy thái độ hèn nhát, bạc nhược của vua tôi nhà Nguyễn trước chính quyền thực dân cai trị. Tất cả những điều đó đã sớm hun đúc, thổi bùng khát vọng cứu nước, giải phóng đồng bào trong trái tim của người thanh niên trẻ tuổi Nguyễn Tất Thành.

Dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đã có rất nhiều phong trào yêu nước diễn ra ở Việt Nam. Các phong trào chống Pháp theo ý thức hệ phong kiến như: phong trào Cần Vương, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng; phong trào nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám. Tiếp đến là các phong trào yêu nước theo ý thức hệ tư sản mà hai gương mặt tiêu biểu là Phan Bội Châu với phong trào Đông Du và Phan Châu Trinh với phong trào Duy Tân. Tuy nhiên, tất cả các phong trào trên đều thất bại do thiếu đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo của một tổ chức tiên phong. Nguyễn Tất Thành rất khâm phục lòng yêu nước của các cụ Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh nhưng Anh không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Suy nghĩ về điều này, Anh nhận xét: *“Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương”, như thế “chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương”.* *“Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa*

sau”. Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì Cụ còn nặng cốt cách phong kiến”¹.

Như vậy, phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thực sự lâm vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước, điều đó đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đến Nguyễn Tất Thành. Trước cảnh thống khổ của nhân dân, người thanh niên ấy đã sớm có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào và không khỏi băn khoăn khi thấy nhiều cuộc nổi dậy của dân ta không thành công. Anh luôn trăn trở kiếm tìm một con đường đúng đắn để cứu dân, cứu nước.

Năm 1905, Nguyễn Tất Thành học ở trường Tiểu học Vinh. Chính tại ngôi trường này, Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên tiếp xúc với khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”. Những chữ Pháp đó đã thúc giục người thanh niên trẻ tuổi hăm học hỏi, cầu tiến bộ của một nước thuộc địa muốn làm quen với nền văn minh Pháp. Nguyễn Tất Thành tìm hiểu và biết đó là khẩu hiệu nổi tiếng của Đại cách mạng Pháp năm 1789. Đây là những điều hoàn toàn mới lạ đối với Anh lúc đó và rất tự nhiên, Anh nảy ra ý muốn khám phá những gì ẩn sau những từ ấy. Sau này, trả lời một nhà báo người Nga, Ôxíp Mandenxtam, Người nói: *“Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy”².*

Theo cha vào Huế, năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo học trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và sau đó, năm 1908, Anh học tại Trường Quốc học Huế. Qua học tập, đọc sách báo, Anh biết về những thành tựu dân chủ và văn minh của phương Tây,

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 10.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 477.

ý muốn đi sang phương Tây để tìm hiểu tình hình các nước và học hỏi thành tựu văn minh nhân loại đã từng bước lớn dần lên trong tâm trí của Nguyễn Tất Thành. Đây chính là khát vọng cháy bỏng, là hoài bão lớn lao của người thanh niên trẻ muốn đi sâu tìm hiểu và nắm bắt tri thức nhân loại, nắm bắt văn minh và học thuật phương Tây để rồi sử dụng chúng như một vũ khí mới cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào, trong khi các loại vũ khí tinh thần và vật chất mà các nhà yêu nước tiền bối từng sử dụng đến lúc này đã tỏ ra lỗi thời, bất lực.

Quyết tâm thực hiện hoài bão của mình, sau khi cha bị triều đình bãi chức và triệu hồi về Huế, Nguyễn Tất Thành bắt đầu cuộc hành trình về phía Nam, tìm cách thực hiện chuyến đi xa. Trong lúc tiền nong dành dụm đã cạn, phải tìm cách vừa sinh sống vừa có tiền để đi tiếp, Nguyễn Tất Thành dừng chân dạy học tại Trường Dục Thanh, thuộc thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Mặc dù việc dạy học chỉ là tạm thời, song anh Thành vẫn đem hết lòng nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước, những suy nghĩ, trăn trở về vận mệnh của đất nước và khát vọng cứu nước, cứu dân. Cũng tại nơi đây, qua đọc sách, anh đã có dịp tiếp cận với tư tưởng của những văn hào và triết gia Pháp đã khởi xướng các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái. Những tư tưởng mới mẻ đó tiếp tục cổ vũ, thôi thúc Nguyễn Tất Thành ra đi để tìm đường cứu nước.

Sau mấy tháng dạy học ở Trường Dục Thanh, Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn. Anh quyết chí tìm cách ra nước ngoài, xem thế giới làm như thế nào rồi sẽ trở về giúp đồng bào. Nghĩ đến cuộc hành trình trên biển hàng vạn dặm, Anh chia sẻ tâm trạng của mình với một người bạn: *"Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?"*. Khi người bạn hỏi lấy đâu ra tiền mà đi, anh Thành

vừa nói vừa giơ hai bàn tay: *"Đây, tiền đây... chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi"*¹. Hình ảnh đôi bàn tay của Nguyễn Tất Thành giơ lên đã làm cảm động biết bao người khi được đọc những dòng này. Đó là đôi bàn tay thể hiện sức mạnh, nghị lực của một người thanh niên 21 tuổi đầy nhiệt huyết, nuôi hoài bão cứu nước và quyết tâm thực hiện hoài bão lớn lao đó. Tiền ở đôi bàn tay, ở sức lao động chân chính sẽ đem lại cho Anh tất cả.

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Anh xin làm phụ bếp trên một con tàu của Pháp, tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin). Từ đây, người thanh niên yêu nước đó bắt đầu bước vào cuộc đời đầy sóng gió, đấu tranh cách mạng quyết liệt để thực hiện khát vọng, hoài bão của mình. Đó là *"ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"*². Đây cũng là ước muốn chân chính của một người dân thuộc địa yêu nước, là mục đích cao cả của hành trình đi ra nước ngoài của Nguyễn Tất Thành chứ không phải để kiếm kế sinh nhai, hay để thoả mãn một ước mơ xa lạ nào đó của tuổi trẻ.

Làm phụ bếp, cào tuyết, đốt lò, làm vườn, in phóng ảnh,... với bao thứ nghề cực khổ, Nguyễn Tất Thành đã đi đến rất nhiều nơi trên thế giới. Đi đến đâu, anh Thành cũng được chứng kiến cảnh người dân thuộc địa bị hành hạ, khinh miệt, bị áp bức dưới ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân. Đứng trước thực tế đó, nỗi đau mất nước của Anh hòa chung với nỗi đau của các dân tộc thuộc địa. Và vì vậy, khát vọng giải phóng dân tộc của Nguyễn Tất Thành trở thành khát vọng giải phóng cho tất cả các dân tộc bị áp bức. Cũng chính những năm tháng hòa mình trong cuộc sống của những người dân lao động nghèo khổ đó đã giúp anh Thành hiểu được

¹ Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 11.

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4, Sdd, tr. 161.

rằng, đằng sau những khẩu hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái, Công lý, Nhân quyền, Khai hóa,... là sự phản bội, lừa bịp của chủ nghĩa thực dân, đế quốc; là nỗi khổ cùng cực của nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột. Anh đi đến khẳng định: chủ nghĩa đế quốc chính là nguồn gốc của mọi sự tàn bạo bất công và muốn cứu nước, cứu dân thì phải tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga nổ ra thắng lợi đã làm rung chuyển cả thế giới. Nhà nước đầu tiên do giai cấp công nhân lãnh đạo ra đời. Điều này đã thu hút sự chú ý của Nguyễn Tất Thành, Anh vô cùng ngưỡng mộ và kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình. Cuối năm đó, Nguyễn Tất Thành trở về Pháp và hoạt động trong phong trào công nhân Pháp. Tháng 7 năm 1920, qua báo *L'Humanité* (Nhân đạo), cơ quan trung ương của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Từ bản Luận cương đó, Lênin chỉ ra rằng, chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc, tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản; các phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa phải gắn chặt với cuộc đấu tranh và chiến thắng của chính quyền Xô viết đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới; các đảng cộng sản phải trực tiếp ủng hộ phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa,... Sau này, nhớ lại cảm tưởng của mình lúc đó, Người nói: "*Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên, ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!"*". Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ Ba".¹

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 127.

Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, tháng 12 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã quyết định đứng hẳn về phía Quốc tế Cộng sản, tuyên bố tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Như vậy là người thanh niên yêu nước, thương dân của dân tộc Việt Nam đã sát cánh cùng những người công nhân Pháp, cộng sản Pháp trong quá trình đấu tranh quyết liệt chống bọn xét lại chủ nghĩa Mác, bọn xã hội cải lương, để lập ra Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu sự chuyển biến về tư tưởng chính trị của Nguyễn Tất Thành, gắn liền tư tưởng yêu nước của Anh với lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Từ chủ nghĩa yêu nước, Anh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, lựa chọn con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào. Đến đây, người thanh niên đi tìm đường cứu nước đã tìm thấy kim chỉ nam để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc về đến đích.

Lịch sử Việt Nam đã chứng minh sự đúng đắn của con đường cách mạng vô sản mà Nguyễn Tất Thành đã lựa chọn từ đầu thế kỷ XX. Đó là những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng do Người sáng lập và rèn luyện: Cách mạng tháng Tám với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (2-9-1945), đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người chủ đất nước; tiếp đó là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975) và những thành tựu của công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay. Đất nước, con người đều đổi mới. Đời sống nhân dân được cải thiện, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục đích suốt đời Người theo đuổi và cũng là mục tiêu của Đảng và nhân dân ta.

Đúng như người ta nói, tuổi trẻ là tuổi tươi đẹp nhất của những ước mơ và tuổi đôi mươi là giai đoạn thể lực và tinh thần của con người dồi dào nhất để nuôi dưỡng hoài bão. Sinh ra và lớn lên

trong hoàn cảnh nước nhà bị thực dân đô hộ, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã sớm nung nấu hoài bão giải phóng dân tộc. Đồng thời, người thanh niên ấy cũng sớm nhận ra những hạn chế lịch sử của hàng loạt phong trào đấu tranh yêu nước lúc bấy giờ và quyết tâm tìm một con đường mới để cứu dân, cứu nước. Hòa mình vào phong trào công nhân, phong trào xã hội ở Pháp và nhiều quốc gia phương Tây khác, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã đến được với ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã tìm ra con đường cách mạng duy nhất đúng đắn để giải phóng dân tộc mình: con đường cách mạng vô sản. Kỷ niệm 100 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước (5-6-1911 – 5-6-2011), thế hệ trẻ Việt Nam lại thêm tự hào sâu sắc về khát vọng và hoài bão cứu nước của tuổi trẻ Nguyễn Tất Thành, từ đó tiếp tục cống hiến, phát huy vai trò và sức mạnh của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

SỰ LỰA CHỌN ĐÚNG ĐẮN ĐỂ TÌM ĐƯỜNG ĐI CHO DÂN TỘC

BÙI KIM HỒNG*

Tại Hội thảo khoa học quốc tế “Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay”, bà Katherine Muller Marin - Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO Hà Nội - đã phát biểu: “*Có được một vị Chủ tịch như Hồ Chí Minh, người được nhiều người không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới tôn vinh như Anh hùng dân tộc, giống như có được một biểu tượng giúp chúng ta có được một tầm nhìn, chỉ cho đất nước một bến đỗ an toàn*”¹. Tìm được con đường cứu nước đúng đắn, Chủ tịch Hồ Chí Minh không những khai thông bế tắc trong đường lối giải phóng dân tộc mà còn giải quyết đúng đắn, sáng tạo và lãnh đạo thực hiện thắng lợi các vấn đề trọng yếu nhất của cách mạng nước ta.

I. TỪ BỐI CẢNH LỊCH SỬ...

Tháng 8-1858, thực dân Pháp nổ súng tại Đà Nẵng, bắt đầu chính thức xâm lược Việt Nam. Trước sự xâm lăng tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp, triều đình phong kiến Việt Nam từng bước nhượng bộ và đầu hàng. Sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp không chỉ làm cho dân tộc ta mất độc lập, chủ quyền mà

* Giám đốc Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

¹ Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 13-5-2010.

còn kìm hãm đất nước ta trong vòng lạc hậu. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc ngày càng trở nên sâu sắc. Đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược giành lại độc lập cho nước nhà là một đòi hỏi bức thiết của dân tộc ta.

Ngay từ khi thực dân Pháp bắt đầu xâm lược, các phong trào yêu nước chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ, liên tục (Cuộc kháng chiến chống Pháp 1858 - 1884, Phong trào Cần Vương 1885 - 1896, Phong trào nông dân Yên Thế 1885 - 1913...) nhưng đều không giành được thắng lợi. Đến đầu thế kỷ XX, khi phong trào Cần Vương đã bị dập tắt, các sĩ phu yêu nước tìm thấy con đường cứu nước mới có triển vọng hơn cuộc vũ trang kháng chiến trong những năm cuối thế kỷ XIX. Cuộc vận động duy tân ở Nhật Bản và ở Trung Quốc làm cho cả khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam, bắt đầu thức tỉnh. Phan Châu Trinh, một chí sĩ yêu nước đã nghiên cứu học thuyết của các nhà dân chủ tư sản Pháp qua các tác phẩm dịch của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi (Trung Quốc) chủ trương cải lương, sửa đổi chế độ vua quan, mở trường học, dạy văn hóa, tuyên truyền tư tưởng tư sản, thực hiện chế độ đại nghị nhưng lại dựa vào sự giúp đỡ của Pháp. Phong trào cải lương theo cách thức của Phan Châu Trinh mở ra chưa được bao lâu thì Phan Châu Trinh, Lương Văn Can và các cộng sự bị bắt, bị đày đi Côn Đảo và nhiều nơi khác.

Khác hẳn với chủ trương ôn hòa của Phan Châu Trinh (duy tân để tự cường rồi mới giành độc lập), nhà yêu nước, chí sĩ Phan Bội Châu lại chủ trương bạo động. Tuy nhiên, Phan Bội Châu cho rằng, người Việt tự mình không địch nổi người Pháp, do đó phải nhờ sự giúp đỡ của một cường quốc khác. Ông và các đồng chí trong Duy Tân hội đã chọn Nhật Bản để cầu viện vì Nhật là nước "đồng văn đồng chủng", Nhật vừa mới thắng Nga, vừa trải qua cải cách Minh Trị duy tân, đang tiến vào con đường tư bản chủ nghĩa trong khi hàng loạt nước châu Á khác đang chìm đắm trong đêm dài của chế độ phong kiến. Tháng 2-1909, sau khi bị

nhà đương cuộc Nhật trục xuất khỏi Nhật, Phan Bội Châu chuyển hướng, muốn liên kết với các nước “đồng bệnh” - trước hết là Trung Quốc - chống lại “cường quyền”. Nhưng cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Trung Quốc cũng bị thất bại, triều đình phong kiến Trung Quốc đã câu kết với thực dân Pháp bắt giam Phan Bội Châu. Như vậy là con đường cứu nước theo hệ tư tưởng tư sản cũng bị phá sản.

Sau thất bại của các phong trào yêu nước theo các khuynh hướng chính trị khác nhau, cách mạng nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước. Vấn đề đặt ra lúc này là cần và phải tìm ra một con đường cứu nước khác với con đường phong kiến và con đường dân chủ tư sản. Chính trong hoàn cảnh đặc biệt đó, xuất hiện một con người của lịch sử: Nguyễn Tất Thành (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này). Lịch sử đã ghi lại một sự kiện quan trọng: ngày 5-6-1911, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đã rời cảng Sài Gòn bắt đầu một hành trình dài tìm đường cứu nước.

Hành trang của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đó chỉ là hai bàn tay trắng, đôi mắt sáng ngời, một tấm lòng yêu nước thương dân, một tâm hồn luôn khát khao giải phóng cho cả dân tộc Việt Nam đang chìm trong bóng tối của chủ nghĩa thực dân. Hành trang ấy tuy giản dị nhưng lại là kết tinh của truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, được bổ sung bằng truyền thống quê hương xứ Nghệ, của gia đình gốc gác Nho học của Người. Nguyễn Sinh Cung (tên thời thơ ấu của Chủ tịch Hồ Chí Minh) sinh ngày 19-5-1890 tại quê mẹ là làng Hoàng Trù (còn gọi là làng Chùa), thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Hoàng Trù nằm gần sông Lam, giữa một vùng sơn thủy hữu tình, nhưng lại là một làng quê nghèo, nắng lên là hạn, mưa to mấy ngày là lụt. Quê nội của Nguyễn Sinh Cung là làng Kim Liên (làng Sen), cách làng Hoàng Trù 2 km, cạnh một quả đồi không cao mà dân làng vẫn quen gọi là núi Chung. Kim Liên cũng là một làng quê nghèo, nhưng tự

hào là “đất văn vật, chốn thi thư”, có nhiều di tích lịch sử và anh hùng hào kiệt. Phía tây nam núi Chung là dãy Thiên Nhân, nơi Lê Lợi, Nguyễn Trãi xây thành Lục Niên làm nơi xuất phát để công phá trấn trị Lam Thành. Cách núi Chung khoảng 3 km về phía đông là làng Thái Xá, quê tổ của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ. Phía bắc núi Chung là các làng Xuân Hồ, Xuân Liễu, nằm dưới dãy Đại Huệ, nơi tập kết nghĩa binh của Hội văn thân Nghệ - Tĩnh làm lễ tế cờ, mở đầu khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) nhằm đánh “cả Triều lẫn Tây”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình nhà Nho nền nếp, mang những nét đặc trưng của xã hội Việt Nam thời phong kiến. Cha của Người là ông Nguyễn Sinh Sắc đã đỗ phó bảng trong kỳ thi hội năm 1901 nhưng nhiều năm liền trì hoãn việc vào kinh đô nhậm chức bởi với ông “*Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ*” (nghĩa là: làm quan là nô lệ trong đám nô lệ, lại càng nô lệ hơn). Mẹ của Người là bà Hoàng Thị Loan, một người phụ nữ Việt Nam điển hình, làm nghề nông và dệt vải, tần tảo nuôi chồng con ăn học. Được nuôi dưỡng bởi những truyền thống ngàn đời của đất nước, của quê hương xứ Nghệ; của ý chí học tập và sự kiên nhẫn của người cha, của tâm hồn và tình cảm của người mẹ hiền, cậu bé Nguyễn Sinh Cung và anh chị em của mình ngay từ khi còn nhỏ tuổi đã biết nói những điều hay, làm những việc tốt, giàu lòng vị tha, nhân ái, chan hòa trong nghĩa cử đồng bào.

Đặc biệt, người cha đã ảnh hưởng rất nhiều, nếu không nói là nhiều nhất đến sự hình thành và phát triển tính cách của cậu bé Nguyễn Sinh Cung. Là nhà giáo, kiến thức cũng như cách nhìn nhận cuộc sống mà ông Nguyễn Sinh Sắc truyền cho con đã tác động mạnh mẽ đến quyết định ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành sau này. Là quan phó bảng nhưng ông Nguyễn Sinh Sắc đã viết lên xà nhà các chữ Hán “*Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng*” (nghĩa là: đừng lấy phong cách nhà quan làm phong

cách nhà mình) để răn dạy các con. Ông rất quan tâm đến việc hình thành cho các con một tư tưởng, nhận thức thật đúng đắn và sâu sắc về thời cuộc. Nguyễn Tất Thành, từ nhỏ đến lúc lớn đã được bốn ba theo cha từ Trung ra Bắc. Những chuyến đi này sớm mang lại cho Tất Thành nhiều điều bổ ích và những suy nghĩ về thời cuộc, về thân phận những người dân nô lệ trong cảnh nước mất nhà tan. Ông Nguyễn Sinh Sắc còn thường xuyên có những cuộc gặp gỡ những sĩ phu yêu nước nổi bật thời bấy giờ và đàm đạo chuyện thế sự. Trong những người mà ông Sắc thường gặp gỡ, có ông Phan Bội Châu, được Tất Thành rất kính phục. Đồng thời, ông Nguyễn Sinh Sắc còn rất thận trọng, cân nhắc, suy nghĩ thấu đáo từ việc cho con học với ai, học ở trường nào... nhằm mục đích định hình, rèn luyện cho con ý chí lớn về lòng yêu nước, thương dân. Tại quê nhà, Nguyễn Tất Thành được ông gửi đến học chữ Hán với các thầy giáo giàu lòng yêu nước như Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý (con trai nhà yêu nước Vương Thúc Mậu),... Nguyễn Tất Thành được nghe nhiều chuyện qua các buổi bàn luận thời cuộc giữa các thầy với các sĩ phu yêu nước khác. Nguyễn Tất Thành dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất, nhà tan. Tháng 9-1905, Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Tất Đạt được cha xin cho theo học lớp dự bị (préparatoire) trường tiểu học Pháp bản xứ ở thành phố Vinh. Việc vào học trường Pháp bản xứ là bước khởi đầu rất quan trọng để Nguyễn Tất Thành có điều kiện khám phá từ “Pháp”. Chính tại đây, Nguyễn Tất Thành lần đầu tiên biết tới ba chữ Pháp “LIBERTÉ, ÉGALITÉ, FRATERNITÉ” (Tự do, Bình đẳng, Bác ái) được sơn vào gỗ, gắn ở phía trên bảng đen. Năm 1906, khi ra nhận chức quan ở Huế, ông Nguyễn Sinh Sắc đã quyết định cho hai con trai theo học trường Đông Ba là ngôi trường dạy 3 thứ chữ Hán, Quốc ngữ và Pháp với mục đích đào tạo những người làm quan cho Pháp. Nhưng quan điểm của ông Nguyễn Sinh Sắc lại khác. Ông bày tỏ: “*Muốn đánh kẻ thù phải học tiếng kẻ thù để*

hiếu được kẻ thù”¹. Năm học 1908 - 1909, Tất Thành và Tất Đạt chuyển sang học trường Quốc học Huế. Càng tiếp cận với nền văn minh Pháp qua sách vở, Nguyễn Tất Thành càng muốn tiếp thu những tư tưởng tiên bộ của Tây Âu. Đồng thời, những năm tháng học ở trường Quốc học Huế còn giúp cho anh có điều kiện hiểu rõ bản chất của bọn thực dân với cái gọi là “khai sáng thuộc địa”. Những điều thầy dạy ở trường khác xa với cuộc sống, với thân phận của người dân mà anh phải chứng kiến hàng ngày. Đó cũng là một trong những lý do, luận giải về quyết định rời Tổ quốc, sang phương Tây tìm đường cứu nước, cứu dân của Nguyễn Tất Thành sau đó.

Mặt khác, có thể nói, vào năm 1910, phong trào yêu nước đang ở trong một giai đoạn cực kỳ khó khăn. Con đường Đông du đã không còn nữa. Phan Bội Châu đang ẩn nấp ở Xiêm. Cách mạng Tân Hợi chưa bùng nổ. Trong hoàn cảnh đó, ông Nguyễn Sinh Sắc bị “triệu hồi” chức tri huyện Bình Khê, bị triều đình gọi “lai kinh hậu cứu” (trở về kinh đô để xem xét sau). Có thể nói, quốc biến và gia biến đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành có một sự lựa chọn. Trân trọng công sức, nỗ lực tìm kiếm, khâm phục tâm huyết của các bậc tiền bối nhưng Người thấy rõ những con đường đã được chọn đó đều không hiệu quả: “*Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương*”, “*Cụ Phan Bội Châu hi vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”*”². Tâm nguyện của Người là phải đi tìm con đường khác thì may ra mới cứu được nước, cứu được dân thoát khỏi xiềng xích nô lệ.

¹ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 30.

² Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 13.

II. ...ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH MỘT QUYẾT ĐỊNH ĐÚNG DẪN

Chủ trương muốn đi nước ngoài, “xem xét họ làm như thế nào”, rồi “sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta” là chọn lựa, là quyết định của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào lúc bấy giờ như chính Người đã xác nhận trong cuộc trả lời phỏng vấn nhà báo Nga Ôxíp Mandenxtam khi sang Nga năm 1923: *“Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy. Nhưng trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của các nhà văn mới, mà cả Rút-xô và Mông-tê-xki-ơ cũng bị cấm. Vậy thì phải làm thế nào bây giờ? Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài”*¹.

Tại sao Nguyễn Tất Thành lại đi sang phương Tây mà không phải là Trung Quốc hay Nhật Bản như nhiều người đương thời. Những hiểu biết Người nghe được từ các bậc cha chú, bạn của cha luận bàn việc nước làm cho Người thấy cần phải lựa chọn khác cha ông. Những con đường mà các văn thân chí sĩ Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã lựa chọn không phải là con đường tốt nhất, những địa chỉ Trung Quốc hay Nhật Bản không phải là địa chỉ cần đến. Phương Tây, nơi xuất phát của chủ nghĩa thực dân đang gieo rắc nỗi khổ đau lên các dân tộc Á Đông, trong đó có những đồng bào An Nam của Người. Phương Tây, nơi có những khẩu hiệu ẩn chứa những tư tưởng tiến bộ mà Người được tìm hiểu ở trường lớp, qua sách vở. Phương Tây, nơi đó đang thấp lè tè trong chàng thanh niên những niềm hi vọng lớn lao. Đích nhắm ấy đã đưa bước chân Nguyễn Tất Thành tìm cách để ra đi và tới đó.

¹ Nguyễn Ái Quốc trả lời phỏng vấn báo Ogoniok (Liên Xô) ngày 23-12-1923, trong Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 477.

Tại sao lại là Sài Gòn? Điều dễ nhận thấy, trong bối cảnh cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1913), đô thị, nhà máy, hầm mỏ, bến cảng... đã mọc lên không ít ở nước ta. Song, duy nhất chỉ có cảng Sài Gòn là nơi mà người bản xứ có thể xuất dương, nơi “gần phương Tây” hơn cả.

Nhưng ra đi bằng cách nào? Phương tiện giao thông hồi đầu thế kỷ XX không phải là thuận tiện, không phải ai muốn đi đều có thể đi được. Thế giới Đông - Tây vẫn còn khép kín, tách biệt. Con đường đi sang phương Tây của tầng lớp lao động chỉ rộng mở hơn nếu họ có quan hệ với ngành hàng hải, thương mại. Nguyễn Tất Thành đã chọn dòng “xuất dương” này, như kinh nghiệm của 1.200 sinh viên - công nhân của Trung Quốc đã tìm đến nước Pháp những năm ấy. Nghĩ đến cuộc hành trình lênh đênh trên biển hàng vạn dặm, không phải Nguyễn Tất Thành không có băn khoăn. Anh nói về quyết định của mình, bày tỏ những băn khoăn của mình với một người bạn, đồng thời bày tỏ nguyện vọng khuyên người bạn cùng đi: *“Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh muốn đi với tôi không?”*. Và khi người bạn không dám mạo hiểm ra đi, anh đã quyết tâm ra đi bằng đôi bàn tay trắng, với ý chí *“sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”*¹. Thực tế ngày 5-6-1911, khi bước chân xuống tàu Đô đốc Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin) để “xuất dương” tìm đường cứu nước, ngoài chút kiến thức học được ở trường và đôi bàn tay sẵn sàng làm đủ nghề “miễn là lương thiện”, hành trang của anh chỉ là lòng yêu nước và yêu thương con người sâu sắc.

Chuyến đi lịch sử ấy của Nguyễn Tất Thành kéo dài đúng 40 ngày trên biển (từ Sài Gòn đến Marseille - nước Pháp). Những năm đầu thế kỷ XX, việc ra nước ngoài với nhiều mục đích khác nhau, trong đó có mục đích tìm cách đánh Pháp, giành độc lập dân

¹ Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 11.

tộc như vậy không phải là hiện tượng cá biệt. Khi Phan Bội Châu thành lập Duy Tân hội (1904) ở Quảng Nam, khoảng trên 200 thanh niên yêu nước, chủ yếu ở tầng lớp trung lưu, đã xuất dương sang Nhật Bản (Đông du). Nhưng ra đi với nghị lực, bản lĩnh quan sát, khám phá, tìm hiểu và tự lao động kiếm sống, vừa để thực hiện khát vọng lớn lao, vừa là tầm nhìn vừa là cách nhìn của một tư duy đổi mới kiểu Hồ Chí Minh thì là một hiện tượng độc nhất vô nhị. Chỉ duy nhất có Người, với chuyến đi lịch sử 40 ngày của mình, đã mở ra một chương lịch sử hào hùng cho dân tộc ta nói riêng, cho thế giới thuộc địa và cho tất cả những con người bị áp bức trên trái đất này nói chung.

Quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện một bản lĩnh vượt lên chính mình. Trước hết, Người đã vượt qua phương thức chống giặc cứu nước truyền thống. Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho, sớm thông thạo đạo Thánh hiền, nhưng Nguyễn Tất Thành đã không tìm con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến (Nho giáo) - vốn đã lỗi thời, kìm hãm, làm chậm bước tiến của dân tộc.

Thứ hai, Người đã vượt qua lập trường dân chủ tư sản Việt Nam, lập trường dân chủ tư sản ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, đồng thời phê phán tính không triệt để của nó. Sớm tiếp xúc với “Khế ước xã hội” của Rút-xô, Tân văn, Tân thư của các nhà cách mạng Trung Quốc; chứng kiến các phong trào yêu nước trên lập trường dân chủ tư sản (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh), Nguyễn Tất Thành thấy được lập trường dân chủ tư sản ở một nước thuộc địa chưa đủ sức tập hợp lực lượng để chống lại chủ nghĩa thực dân, và tất yếu chịu sự đàn áp của thực dân Pháp.

Trong hàng trang của những người đi tìm đường cứu nước lúc bấy giờ đều có một điểm chung, đó là lòng yêu nước sâu sắc, với ý chí quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp. Nhưng ở Nguyễn Tất Thành, tình cảm yêu nước gắn liền với lòng thương dân vô hạn. Đây là điểm khác nhau cơ bản giữa Người với các nhà yêu

nước đương thời. Điều đó dẫn đến những hệ quả về nhận thức và việc lựa chọn con đường cách mạng Việt Nam. Nguyễn Tất Thành ngay từ đầu đã xác định mục tiêu nhất quán, xuyên suốt trong cuộc ra đi của Người là phải tìm con đường để vừa giành được độc lập cho Tổ quốc, vừa mang lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

Thứ ba, quyết định đó thể hiện khát khao vươn tới đỉnh cao văn minh và trí tuệ nhân loại, muốn học hỏi nhiều hơn những gì mình có, mặc dù những điều đã có là truyền thống dân tộc với bề dày hàng nghìn năm lịch sử. Chuyện kể rằng, ngay ở tuổi thiếu niên, Nguyễn Tất Thành đã có chí vươn xa. Khi học với thầy Vương Thúc Quý, một lần thấp đèn, dầu sắp ra, thầy liền ra cho học trò một vế đối: “Thấp đèn lên dầu vương ra đế”, có một học trò lớn tuổi trong lớp đã đối một câu rất chỉnh: “Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn”. Nguyễn Tất Thành xin đối là: “Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường”. Thầy Quý khen cả hai câu, nhưng khen câu của Thành thoát hơn, thể hiện ý chí và hoài bão lớn hơn¹. Cũng chính vì ham hiểu biết, vì ý chí “làm trai phải giúp ích cho đời” được truyền dạy từ thuở niên thiếu học thầy Quý, Nguyễn Tất Thành không muốn tìm câu trả lời có sẵn. Anh muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác tổ chức và cai trị như thế nào, để trở về giúp đồng bào mình. Từ logic ấy, Nguyễn Tất Thành đi rất nhiều nước: Pháp, Anh, Mỹ, Italia, Thụy Sĩ, Đức, Tòa thánh Vatican, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan, châu Phi... Đi nhiều nơi, chiêm nghiệm nhiều, lao động để sống, để học tập, để hoạt động cách mạng, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - đã tích lũy được rất nhiều bài học, mà nếu chỉ ở quê nhà sẽ không thể tìm thấy. Người băn khoăn một câu hỏi thường trực: Chủ nghĩa nào có thể cứu nước, giải phóng dân tộc? Bây giờ vẫn còn cảm tính, Người chưa hiểu sâu sắc về các luận thuyết cũng như chủ nghĩa Mác - Lênin như sau này. Vì thế, độc lập - tự do là hoa tiêu để Người nhận diện sự đúng đắn, cần thiết và tính chân lý của một

¹ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An, *Bác Hồ thời niên thiếu*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 32.

học thuyết nào đó. Cơ hội lớn đầu tiên để một người dân thuộc địa nói tiếng nói của mình trong thế giới tư bản phương Tây là vào năm 1919, tại Hội nghị Versailles (Vécxây), nơi các nước đế quốc thắng trận họp nhau để phân chia thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc đã gửi bản yêu sách 8 điểm đòi tự do cho dân tộc. Bản yêu sách không được chấp nhận nhưng đã giúp Người hiểu rằng, không thể trông cậy vào lòng thương của những nhà tư bản, của giới cầm quyền thực dân. Một sự kiện lớn tiếp theo, tháng 7-1920, được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *L'Humanité* số 16 vào ngày 17-7, Nguyễn Ái Quốc như bừng tỉnh: Chân lý là đây, hạnh phúc đây rồi! Ngồi một mình trong phòng kín mà Người như đang nói to trước đồng bào bị dày dọa đau khổ: “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Cũng là đêm không ngủ, nhưng không còn là đêm thao thức mà đã là đêm thanh thản. Người đã nhận được ánh sáng tư tưởng vĩ đại của Lênin về cách mạng của các dân tộc thuộc địa, dù ánh sáng tư tưởng ấy chỉ mới từ trang giấy. Lênin! Cách mạng tháng Mười! Liên Xô! Tương lai sáng lạn biết bao mở ra trong trí tưởng tượng của Người đang khát vọng.

Bước tiến xa hơn, đó là sự kiện Nguyễn Ái Quốc chính thức tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người chiến sĩ cộng sản đầu tiên của dân tộc. Từ lòng yêu nước, Người đã đến với Chủ nghĩa cộng sản, trở thành một chiến sĩ đấu tranh vì hòa bình, độc lập, tự do không chỉ cho dân tộc mà còn cho cả nhân loại. Quả là cả một hành trình lớn lên, như Người đã nhìn nhận lại sự kiện này 40 năm sau đó: “... cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa...”¹.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 241.

Từ khi có lý luận Mác - Lênin, từ khi gắn kết chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, sức mạnh của dân tộc Việt Nam đã được khơi dậy một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lần đầu tiên trong lịch sử của gần một thế kỷ nô lệ, dân tộc Việt Nam đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Ngày 2-9-1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, là Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Thủ đô Hà Nội trở thành điểm sáng, thành ngôi sao đỏ đầu tiên của châu Á. Cả châu Á bị áp bức, cả loài người tiến bộ ngược nhìn, lắng nghe Hà Nội: *"Trời bỗng xanh hơn, nắng chói lòe - Ta nhìn lên Bác, Bác nhìn ta - Bốn phương chắc cũng nhìn ta đó - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa"*¹. Không ngược nhìn, không lắng nghe sao được khi một loạt quốc gia Đông Nam Á, Ấn Độ, Miến Điện, Indônêxia cùng một hoàn cảnh như ta nhưng không có được thành công nào, trong khi chúng ta đã đi một đoạn đường dài lịch sử trước họ.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước là thắng lợi của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là sức mạnh của lý tưởng "không có gì quý hơn độc lập tự do", của "nghìn tinh hoa sâu rộng" đã "nâng lên thành trí tuệ của toàn dân". Thực tiễn chứng tỏ rằng, chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đúng cho sự phát triển của Việt Nam. Con đường chân lý đó là sự lựa chọn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cũng là sự lựa chọn của chính nhân dân mà lịch sử mãi mãi ghi nhận và tôn vinh.

¹ Tố Hữu, *Theo chân Bác*.

CƠ SỞ HÌNH THÀNH KHÁT VỌNG RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

ThS. CÙ THỊ MINH*

Ngày 5-6-1911, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước giành độc lập cho dân tộc Việt Nam. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng có ý nghĩa lớn lao không chỉ đối với cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn đối với tiến trình cách mạng Việt Nam, góp phần đưa dân tộc ta bước sang một trang sử mới - trang sử hào hùng nhất trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc. Vậy, khát vọng ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh được bắt nguồn từ đâu? Để luận giải cho vấn đề này, tôi xin trình bày một số nhân tố tác động, thúc đẩy và hình thành nên khát vọng đó.

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo có truyền thống yêu nước. Thân phụ Người là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (1863 - 1929). Cụ là một nhà Nho cấp tiến. Tuy làm quan trong triều đình nhà Nguyễn, nhưng là người yêu nước, khẳng khái, thường có thái độ đối nghịch với chế độ thực dân phong kiến, cho nên chỉ làm quan trong một thời gian ngắn, Cụ bị chúng cách chức. Sau đó, Cụ vào Nam Bộ sinh sống, làm nghề thầy thuốc chữa bệnh cho người nghèo và dạy học. Cụ để lại cho

* Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

đòi câu nói nổi tiếng: “*Quan trường thị nô lệ, trung chi nô lệ, hựu nô lệ*”¹ (nghĩa là: quan trường là nô lệ trong đám nô lệ cho nên càng bị nô lệ hơn).

Tấm gương lao động cần cù, ý chí kiên cường vượt qua gian khổ, khó khăn để đạt được mục tiêu, đặc biệt là tấm lòng yêu nước thương dân của cụ Phó bảng Sắc đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với sự hình thành nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cụ Nguyễn Sinh Sắc đã truyền cho con tinh thần yêu nước thông qua các vần thơ, các câu chuyện về tấm gương của các anh hùng, liệt sỹ, cho các con tiếp xúc với các chí sỹ yêu nước như cụ Phan Bội Châu; cho các con học những nho gia có tư tưởng tiến bộ như thầy Vương Thúc Quý, Trần Thân, Hoàng Phan Quỳnh; cho con đến nghe những buổi bình văn ở Quốc Tử Giám. Có một lần Nguyễn Tất Thành không muốn đi, xin cha cho ra Hồ Tĩnh Tâm để đọc sách thì Cụ đã dạy: “*làm một người hành động thì không thể co mình trong cái ao tù hạn hẹp mà phải dấn thân vào các chốn. Bình văn là nơi nhiều người biểu lộ sự hiểu biết, ý hướng, tâm tư... cha đưa con đến đây vì lẽ ấy chứ cha đâu dùng con làm người hầu tráp cho cha!*”². Là một nhà Nho chính thống, nhưng cụ Nguyễn Sinh Sắc đã cho con đi theo con đường tân học theo chữ Quốc ngữ và chữ Pháp để có điều kiện và tiếp thu một nền chính trị, tư tưởng, văn hóa ở một trình độ cao hơn, mới mẻ và tân tiến hơn. Cánh cửa tân học đã mở ra chân trời mới cho thiếu niên Nguyễn Sinh Cung trở thành người thanh niên ham học hỏi, thích tìm hiểu, có nhận thức sâu sắc hơn về con người, về đất nước và nhân sinh quan chính trị. Trước khi Nguyễn Tất Thành rời quê hương đi tìm đường cứu nước, lúc từ biệt con, Cụ đã khích lệ, động viên: “*Nước mất nhà tan không tìm đường cứu nước, tìm cha có ích chi*”.

2. Bên cạnh gia đình thì quê hương và bối cảnh xã hội có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành khát vọng ra đi của Nguyễn Tất

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975. tr. 11 - 12.

² Đặc san kỷ niệm: Quốc học Huế 95 năm (1896 - 1991), Ban liên lạc học sinh cũ Quốc học Huế, 1991, tr. 8.

Thành. Kể từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) các phong trào đấu tranh chống giặc ngoại xâm liên tiếp nổi dậy. Nghệ Tĩnh, quê hương Nguyễn Tất Thành vốn là mảnh đất giàu truyền thống yêu nước, chống áp bức xâm lược; đó cũng là quê hương của nhiều anh hùng nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung; các lãnh tụ yêu nước cận đại như Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu... và biết bao con người ưu tú khác của dân tộc Việt Nam.

Thuở nhỏ, Nguyễn Sinh Cung - Hồ Chí Minh được sống trong phong trào Cần Vương. Khí thế hào hùng xen lẫn bi hùng của phong trào yêu nước này đã tác động sâu sắc tới tâm hồn đầy nhạy cảm và luôn rộng mở được nuôi dưỡng từ đó.

Thời niên thiếu của Người lớn lên trong bối cảnh mà các phong trào yêu nước do các bậc cách mạng tiền bối khởi xướng như phong trào Đông Du (1905 - 1908) do Phan Bội Châu lãnh đạo với chủ trương đưa một số thanh niên yêu nước sang du học ở Nhật, dựa vào Nhật để đánh Pháp, dùng văn thơ yêu nước để thức tỉnh nhân dân; Phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907) do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lãnh đạo dưới các hình thức như tuyên truyền tư tưởng dân chủ tư sản, đề cao lòng yêu nước thương nòi; Phong trào Duy Tân (1906 - 1908) do Phan Châu Trinh lãnh đạo nhằm vận động cải cách văn hóa xã hội, động viên lòng yêu nước, đã kích vua quan phong kiến thoái nát. Cũng trong thời kỳ lịch sử này còn có phong trào đấu tranh của nông dân với đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám là thủ lĩnh. Tuy nhiên, các phong trào cứu nước từ các lập trường phong kiến, tư sản, tiểu tư sản chỉ rộ lên một thời gian ngắn rồi lần lượt bị dập tắt.

Vào thời điểm bấy giờ, tuy chưa nhận thức được đặc điểm của thời đại, nhưng Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra những hạn chế của các phong trào đó. Vì vậy mặc dù rất kính trọng và khâm phục các

sĩ phu và thủ lĩnh của các phong trào yêu nước song Người không hoàn toàn tán thành cách làm của họ: cụ Phan Bội Châu muốn dựa vào Nhật để đánh Pháp khác nào “*đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau*”¹, cụ Phan Châu Trinh muốn dựa vào Pháp “*chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương*”²; còn cụ Hoàng Hoa Thám vẫn “*còn nặng cốt cách phong kiến*”³. Những nhận định, đánh giá trên của Hồ Chí Minh là kết quả của một quá trình suy nghĩ tìm hiểu, đối chiếu, so sánh công phu. Từ đó, Người luôn trăn trở tìm một hướng đi mới để cứu nước. Một nhà sử học Pháp nghiên cứu về cách mạng Việt Nam có một nhận xét rất hay về chuyến đi sang phương Tây để tiến hành một cuộc khảo sát thực tế vô cùng phong phú, sinh động và có một sự khám phá chính xác tuyệt vời của người thanh niên Nguyễn Tất Thành: “*khi ông rời Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc không biết rằng ông đang từ phương Tây để đi tìm phương Đông của ông. Ông hy vọng rằng sớm trở về Việt Nam để truyền bá những điều đã học hỏi được và đấu tranh...*”⁴. Chính cái nôi yêu nước, những phong trào cách mạng cùng với sự thăng trầm, những bài học về sự thành bại của các phong trào đó đã thúc đẩy Nguyễn Tất Thành ra đi “*từ phương Tây để đi tìm phương Đông*”, “*truyền bá những điều đã học hỏi được và đấu tranh*” như nhận xét thi vị và tinh tế của học giả trên.

3. Một nhân tố rất quan trọng tác động đến nhận thức tư tưởng và quyết định xuất dương của Nguyễn Tất Thành năm 1911, đó chính là sự xuất hiện của một lực lượng xã hội mới trong xã hội Việt Nam. Lực lượng mới này là giai cấp công nhân được hình thành và ra đời từ đợt khai thác đầu tiên của chủ nghĩa đế quốc Pháp cùng với sự xây dựng và hoạt động của các ngành nông, công, thương nghiệp thực dân. Do chính sách hạn chế ngặt nghèo của đế quốc Pháp nên lực lượng này còn kém phát triển về số

1, 2, 3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 12 - 13.

4 P. R. Féray, *Nước Việt Nam ở thế kỷ XX*, Nxb. Đại học Pháp, Paris, 1979.

lượng và chất lượng. Tính đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất có khoảng 10 vạn người, phân bố khắp nước và tập trung tại trung tâm kinh tế yết hầu của tư bản Pháp, như các thành phố lớn, các vùng mỏ, các đồn điền. Trong những năm đầu thế kỷ, các cuộc bãi công của công nhân đã nổi tiếp bùng nổ, khẳng định sức mạnh, tính tổ chức, tính thống nhất của một giai cấp tiên tiến, khẳng định vai trò của một lực lượng xã hội tiêu biểu đại diện cho phương thức sản xuất mới. Phong trào công nhân lúc đó đang ở trình độ tự phát nhưng đã là tiền đề cho sự phát triển phù hợp với xu thế tiến bộ của xã hội. Bến cảng Sài Gòn là nơi tập trung rất nhiều công nhân sống, làm việc và có phong trào cách mạng rất sớm. Và đường như để lấy kinh nghiệm và kiến thức chuẩn bị cho chuyến đi, Nguyễn Tất Thành đã xin vào làm thêm ở bến cảng Nhà Rồng và học ở trường kỹ nghệ Á Châu (nay là trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng). Trong thời gian làm việc với những người lao động trong đó có công nhân cảng Sài Gòn, Người hiểu rõ cuộc sống lầm than cơ cực của đời sống thợ thuyền và điều đó càng góp phần thôi thúc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

4. Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương giữa hành lang Đông - Tây, giao lưu đa dạng với các nền văn hóa cũng như các trào lưu tư tưởng. Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây dội vào Việt Nam. Bên cạnh đó còn có trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản qua các sách báo thời đó của Trung Quốc như cương lĩnh dân chủ tư sản với ba nguyên tắc dân tộc, dân quyền, dân sinh của Tôn Dật Tiên; tư tưởng của một số nhà cải cách Trung Hoa theo hướng cải lương tư sản mà đại diện là Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu. Ngoài ra còn có ảnh hưởng của Nhật Bản sau khi Nhật Bản thắng Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905). Tư tưởng của M. K Gandhi (Găngđi) hồi đầu thế kỷ XX cũng tác động mạnh mẽ ở châu Á và ảnh hưởng tới Việt Nam... Nhưng tất cả đều không ảnh hưởng tới Nguyễn Tất Thành, chỉ có trào lưu tư tưởng Cách mạng dân chủ

tư sản Pháp là phần nào ảnh hưởng tới người thanh niên non trẻ này. Bởi Nguyễn Tất Thành đã được nghe nói về cuộc Đại Cách mạng Pháp (năm 1789). Đó là một cuộc cách mạng tiêu diệt chế độ chuyên chế phong kiến, tạo điều kiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Pháp và một số nước khác ở châu Âu. Khi chủ nghĩa Mác - Lênin chưa thâm nhập vào Việt Nam, những người yêu nước thời coi Đại Cách mạng tư sản Pháp là tiến bộ. Cách mạng dân chủ tư sản Pháp đã hấp dẫn Nguyễn Tất Thành. Sự ảnh hưởng này đã khiến người thanh niên 20 tuổi sẵn có tinh thần yêu nước nồng nàn không hướng sang Nhật Bản, không hướng sang Trung Quốc mà hướng sang phương Tây, ở đó trào lưu cách mạng dân chủ tư sản đang lôi cuốn Người.

Hồi tưởng lại sự kiện này, trả lời phỏng vấn nhà báo Ôxíp Mandenxtam - phóng viên báo *Ngọn lửa* (Liên Xô) năm 1923, Nguyễn Ái Quốc cho biết: *"Khi tôi độ 13 tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe 3 chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy... Tôi quyết định tìm cách ra nước ngoài"*¹.

5. Có thể nói, trong con người Nguyễn Tất Thành sẵn có gien bẩm sinh của lòng yêu nước, của thiên tư trời phú: trí tuệ hơn người, biết chọn đường đi cho riêng mình, không đi theo lối mòn của các vị cách mạng tiền bối và đã tìm được chân lý cứu nước đúng đắn nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ngay từ khi còn nhỏ, tại quê nhà, Nguyễn Sinh Cung đã đau xót khi chứng kiến thực dân Pháp bắt bớ những người tuổi từ 18 đến 50 đi phu đắp con đường Cửa Rào. Được theo cha đi dạy học khắp nơi, tới đâu cậu Cung cũng thấy cảnh sống nghèo khổ, bị đàn áp, bị bóc lột cùng cực của nhân dân. Còn khi sống trong nội thành Huế, Người lại chứng kiến thái độ uơon hèn, bạc nhược của quan lại Nam triều.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 477.

Khi còn đi học, Nguyễn Sinh Cung đã bộc lộ sự thông minh, hiểu học, ham hiểu biết hơn người và Người luôn được các thầy giáo khen ngợi. Dù là theo những lớp học của cha hay của thầy Vương Thúc Quý... với các bài học bằng chữ Hán, Nguyễn Sinh Cung chỉ cần đọc vài lần là thuộc ngay; có khi bài dài hàng mấy trang giấy; Khi là học sinh trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Sinh Cung) là một trong 10 học trò giỏi nhất trường nên được thi vượt cấp, vượt lớp học lớp đệ nhị niên học 1908 - 1909. Đến khi học ở trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành học đều các môn, riêng Hán văn thì không ai bì kịp, Pháp văn thì vững vàng hơn bất kỳ một học sinh Nghệ Tĩnh nào. Bạn bè rất khâm phục cái trí nhớ phi thường của Nguyễn Tất Thành. Nhiều bài làm của Nguyễn Tất Thành được các thầy giáo khen trước lớp như thầy giáo Queignec đã nói về học trò của mình như sau: "*Cung a traité le sujet de rédaction en vers, c' est un élève intelligent et vraiment distingué*" (Cung làm bài luận bằng thơ, đây là một cậu học sinh thông minh và rất đặc biệt). Một thầy giáo Pháp khác đã nhận xét: "*Con người này nếu không có thiên hướng cách mạng thì có thể trở thành một nhà văn hay một nhà bác học lớn*"¹. Đúng như nhận xét của thầy giáo người Pháp, Người sớm có thiên hướng cách mạng. Năm 13 tuổi Nguyễn Tất Thành đã muốn sang tận nơi sinh ra những từ "*tự do, bình đẳng, bác ái*" để tìm hiểu nền văn minh Pháp "*muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những từ ấy*" và "*sau khi xem xét họ làm như thế nào*", "*sẽ trở về giúp đồng bào*"². Năm 15 tuổi, Người đã tham gia công tác bí mật, làm liên lạc cho một số nhà nho yêu nước. Nhiều lần, trong lớp học, Nguyễn Tất Thành còn chất vấn thầy giáo người Pháp trước lớp về những điều trái ngược giữa việc làm và lời nói của chính phủ bảo hộ Pháp ở Việt Nam, nhất là việc đàn áp đẫm máu cuộc biểu tình chống thuế của nông dân nổ ra ở Trung Kỳ vào tháng 4 năm 1908. Khi phong trào chống thuế diễn ra ở

¹ Đặc san kỷ niệm: Quốc học Huế 95 năm (1896 - 1991), Huế, 1991, tr. 9.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 477.

Huế, Nguyễn Tất Thành đã lôi kéo một số bạn bè đi ủng hộ phong trào chống thuế xin râu và bản thân Người làm nhiệm vụ phiên dịch giúp đồng bào. Sau sự kiện này, tháng 4 năm 1909, Nguyễn Tất Thành rời ghế nhà trường với hai bàn tay không, quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Người đã chọn bến cảng Sài Gòn làm điểm xuất phát cho hành trình của mình. Cảng Sài Gòn là đầu mối giao thông quốc tế, là cửa ngõ thông ra đường hàng hải quốc tế Đông - Tây. Ngay từ đầu, người Pháp đã sớm nhận ra cảng nằm ở vị trí rạch Tàu Hủ đổ ra sông Sài Gòn rất thuận lợi cho tàu ghe buôn gạo từ Chợ Lớn đến. Đó là điểm xuất phát của những tuyến đường biển quan trọng đi Ấn Độ, Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản và đến các vùng miền trong cả nước. Cảng Sài Gòn là cảng lớn nhất Đông Dương và là cảng thứ 7 của Pháp về mặt khối lượng lưu thông. Cảng Sài Gòn còn là địa bàn hoạt động của các chiến sĩ cách mạng và là nơi du nhập tài liệu sách báo cách mạng.

Với tinh thần yêu nước nồng nàn, bằng trí tuệ sáng suốt, sự mẫn cảm chính trị, đã vượt qua được các hạn chế của các bậc tiền nhân và đương thời, Hồ Chí Minh đã chọn con đường mới, sang phương Tây nơi có tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến để khảo sát, học hỏi và trở thành người Việt Nam yêu nước đầu tiên tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc một cách đúng đắn nhất. Chủ nghĩa yêu nước mà Hồ Chí Minh tiếp thu và đại diện là chủ nghĩa yêu nước có tiếp thu truyền thống chống xâm lược tốt đẹp của gia đình, quê hương, dân tộc và mang đậm dấu ấn của tính giai cấp, tính nhân dân, tính nhân đạo. Nó khác với chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu lớp trước về quan điểm, lập trường. Chính vì thế, trong cái mênh mông của hàng trăm thứ học thuyết, thứ chủ nghĩa mà Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy chân lý cứu nước là chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó cách mạng Việt Nam đi theo một phương hướng mới, trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Tóm lại, khát vọng ra đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh được kết tinh từ truyền thống yêu nước của dân tộc, của quê hương, gia đình, phong trào cách mạng, phong trào công nhân cùng với xu thế thời đại... đã hun đúc nên con người Hồ Chí Minh. Với bản lĩnh của người thanh niên yêu nước, từ bến cảng Sài Gòn ra đi, Người đã phải trải qua một chặng đường dài 30 năm, qua nửa vòng trái đất. Trở về Tổ quốc với cầm nang - chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở ra một thời kỳ mới của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh - tên tuổi của Người sẽ mãi mãi còn ghi trên những trang sử đẹp nhất của dân tộc ta và thời đại của chúng ta.

MỘT QUYẾT ĐỊNH MỞ RA BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ TRONG SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

PGS. TS. ĐỖ VĂN TRỤ*

1. Cuộc xuất dương lịch sử của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba vào ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ cảng Sài Gòn, bắt đầu cuộc hành trình đi tìm con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam, diễn ra trong bối cảnh xã hội Việt Nam đã và đang có những biến đổi vô cùng sâu sắc.

Từ giữa thế kỷ thứ XIX, xã hội phong kiến Việt Nam đã bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Mâu thuẫn cơ bản vốn có giữa một bên là toàn thể nhân dân Việt Nam, mà chủ yếu là nông dân với một bên là tập đoàn phong kiến phản động ngày càng trở nên gay gắt. Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, mở đầu bằng việc tấn công Đà Nẵng vào ngày 1 tháng 9 năm 1858; Việt Nam đã trở thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Bên cạnh mâu thuẫn cơ bản nói trên, đã xuất hiện một mâu thuẫn cơ bản mới là mâu thuẫn giữa một bên là toàn thể dân tộc Việt Nam với một bên là đế quốc Pháp xâm lược. Cách mạng Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ chiến lược phải giải quyết là nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong; trong đó nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bao trùm, cấp bách nổi lên hàng đầu, ảnh hưởng

* Phó Chủ tịch Thường trực, Tổng Thư ký Hội Di sản Văn hóa Việt Nam.

trực tiếp đến sự tồn vong của dân tộc, lợi ích của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội và toàn thể nhân dân Việt Nam. Với truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc; ý chí quật cường mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, được xây dựng, bồi đắp, hun đúc và tôi luyện qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước; ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, phong trào cứu nước của nhân dân Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ ở khắp các vùng miền trong cả nước, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân, các sĩ phu yêu nước và cả một bộ phận quan lại phong kiến tham gia. Các phong trào ấy tuy rất sôi nổi và anh dũng nhưng rốt cuộc, tất cả đều bị thất bại, dù đó là các cuộc đấu tranh vũ trang, phong trào Cần Vương, phong trào Duy Tân, phong trào Đông Du, hay xu hướng dân chủ tư sản... Bầu trời cách mạng Việt Nam lúc này u ám như đám mây đen bao phủ, cách mạng Việt Nam ở trong tình hình bế tắc, không có đường ra. Nguyên nhân của sự thất bại ấy không có gì khác là ở chỗ thiếu đường lối cứu nước đúng đắn. Thực tiễn đó chỉ ra rằng: tất cả các con đường ấy, đều không thể đem lại độc lập, tự do cho đất nước; nhưng con đường mới là con đường nào, thì luôn luôn là nỗi đau đầu, trăn trở của các nhà yêu nước. Người thanh niên Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên trong một gia đình yêu nước, một quê hương "địa danh, nhân kiệt", giàu truyền thống cách mạng, sớm chứng kiến cảnh nước mất, nhà tan, sự thất bại của các phong trào yêu nước lúc đó. Ngay từ khi còn nhỏ sống ở quê hương, Người thường xuyên được nghe thân phụ mình và các bậc sĩ phu yêu nước đàm đạo về thời cuộc. Sau này, trong những năm tháng học tập tại trường Quốc học Huế, tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ, đi qua các tỉnh miền Trung và dạy học tại trường Dục Thanh (Phan Thiết)... bằng lòng yêu nước thương dân sâu sắc, những kiến thức đã tiếp thu được trong nhà trường và sách báo, bằng trải nghiệm và những bài học rút ra từ thực tiễn; những điều mắt thấy tai nghe, bằng trí thông minh, nhãn quan chính trị tuyệt vời và ý chí kiên định đầy nhiệt huyết của tuổi trẻ; Người đã chọn con đường đi khác với cách làm của các bậc đi trước, đó là sang

phương Tây, đến nước Pháp, quê hương của những tư tưởng cao cả “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” - những ngôn từ đẹp đẽ đã làm rung động trái tim yêu nước của tuổi trẻ để nghiên cứu, học tập, tìm hiểu, rút ra kết luận cho mình. Độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào, đó là tất cả những gì Người hiểu và mong muốn.

Năm 1965, trong bài trả lời phỏng vấn của nữ nhà văn Mỹ Anna Louise Strong, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kể lại rằng: *“Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường hỏi nhau ai là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người thì nói là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”*¹.

Vượt lên hạn chế của những tư tưởng, trào lưu và phương pháp cứu nước đương thời; xác định ra nước ngoài, đến các nước phương Tây là dấu mốc quan trọng đầu tiên trong toàn bộ hành trình tìm đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

2. Khi quyết định ra nước ngoài tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành chỉ biết là phải tìm một con đường khác với các con đường của các bậc tiền bối đã làm, mà chưa biết con đường ấy sẽ là con đường nào. Hành trang Người mang theo trong cuộc hành trình vĩ đại ấy là truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ và niềm mong muốn được hiểu biết, được khám phá những điều mới mẻ mà Người hằng khát khao, nung nấu bấy lâu nay.

Trong một thập kỷ, từ khi rời Tổ quốc vào năm 1911 để ra đi tìm đường giải phóng dân tộc cho đến năm 1920, khi Người tìm thấy con đường sẽ đi, là thời kỳ nhận thức và kinh nghiệm cách mạng của Người từng bước được hình thành, củng cố và phát triển.

¹ Báo Nhân Dân, ngày 15-8-1965.

Nhờ đi rất nhiều nước, ở rất nhiều nơi, ham quan sát, học hỏi, lăn lộn trong cuộc sống và phong trào thực tiễn của những người lao động ở các nước đó, làm rất nhiều công việc, vừa đề mưu sinh, vừa đề hoạt động; Người đã rút ra kết luận đầu tiên vô cùng quan trọng: ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng đã man tàn bạo, độc ác; ở đâu người lao động cũng bị áp bức, bóc lột nặng nề và “...*dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản*”¹.

Trong quá trình Người đang bôn ba tìm đường cứu nước, trên thế giới đã diễn ra hai sự kiện trọng đại, có tác động sâu sắc, làm rung động loài người, đó là Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) và Cách mạng tháng Mười năm 1917.

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp để hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành gia nhập Đảng Xã hội Pháp; vì theo Người Đảng Xã hội Pháp là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ngày 18-6-1919, đại biểu các nước đế quốc thắng trận họp Hội nghị ở Versailles (Vécxây). Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Nguyễn Tất Thành với tên gọi Nguyễn Ái Quốc, lần đầu tiên xuất hiện, đã ký vào bản Yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị.

Bản Yêu sách tuy không được Hội nghị Vécxây xem xét, nhưng đã có tác động mạnh mẽ đến nhân dân Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, là bước tiến mới trong hoạt động của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc, là dấu hiệu mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trên đường đi tới độc lập dân tộc.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, tr. 266.

Nguyễn Ái Quốc đã viết rất nhiều bài tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương, phản ánh nỗi thống khổ của nhân dân Việt Nam, tinh thần yêu nước quật cường của nhân dân Việt Nam, kêu gọi nhân dân tiến bộ Pháp ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và các dân tộc thuộc địa.

Đầu năm 1919, Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) được thành lập, đã kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V. I. Lênin được Đại hội lần thứ hai Quốc tế Cộng sản họp năm 1920 thông qua, được đăng trên báo *L'Humanite* (Nhân Đạo) - Cơ quan của Đảng Xã hội Pháp trong hai số liên, vào ngày 16 và 17-7-1920. Luận cương đã phê phán luận điểm sai lầm của Quốc tế II về vấn đề dân tộc và thuộc địa, lên án mạnh mẽ các tư tưởng sô vanh, dân tộc hẹp hòi, ích kỷ; chỉ ra đường lối cơ bản cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa; đồng thời xác định nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản là phải giúp đỡ phong trào cách mạng các nước thuộc địa và phụ thuộc; đoàn kết giai cấp vô sản các nước tư bản với những người lao động của tất cả các dân tộc để chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến.

Như người đi đường đang khát có nước uống, đang đói có cơm ăn, Nguyễn Ái Quốc thấy ở Luận cương như một “cầm nang thần kỳ”, soi đường, chỉ lối cho nhân dân Việt Nam đi tới giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào.

Sau này, trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin* đăng trên Tạp chí *Những vấn đề phương Đông*, số 2 năm 1960, nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh V. I. Lênin - người thầy của giai cấp vô sản thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết về sự kiện quan trọng đó như sau: “*Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày*

đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta"! Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"¹.

Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ XVIII, từ 25 đến 30-12-1920, tại thành phố Tua (Pháp), Nguyễn Ái Quốc tham dự với tư cách là đại biểu chính thức và duy nhất của Đông Dương. Người đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Sự kiện đó đã đánh dấu bước chuyển biến về chất trong nhận thức tư tưởng, lập trường chính trị của Người: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin, từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa. Người đã rút ra những kết luận có tính chân lý: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản", "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng các dân tộc bị áp bức" và "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin"...

3. Việc Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường đúng đắn duy nhất để giải phóng dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội và kiên định đi theo con đường ấy hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của thời đại, đáp ứng đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam và nguyện vọng của những người Việt Nam yêu nước chân chính. Từ đó, bằng hoạt động lý luận và thực tiễn không ngừng nghỉ của mình, Người đã hình thành cơ bản lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc, từng bước đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời chính Đảng kiểu mới ở Việt Nam - nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 127.

NGUYỄN TẤT THÀNH VÀO SÀI GÒN CHUẨN BỊ CHO CHUYẾN TÂY DU

TS. TRẦN THUẬN*

1. Xuôi về Nam để thực hiện Tây du

Mặc dù đã có một quá trình chuẩn bị lâu dài, song thực dân Pháp cũng phải mất gần 30 năm trời mới hoàn thành công cuộc bình định đối với nước ta. Mục tiêu xâm lược của các nước đế quốc tư bản là khai thác thuộc địa để làm giàu cho chính quốc, vì vậy chiếm được vùng đất nào là tổ chức cai trị và khai thác vùng đất đó. Sau khi ký Hiệp ước Patenôtre (Patonôt, 1884) và đàn áp “Cuộc phản công kinh thành Huế” (1885), thực dân Pháp bắt tay vào việc triển khai chương trình khai thác thuộc địa với quy mô lớn trên phạm vi toàn cõi Việt Nam.

Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan. Đất nước bị thực dân Pháp xâm lăng và đã trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, nhân dân ta phải sống kiếp người nô lệ, đói khổ, lầm than và nhục nhã trước sự chà đạp của thực dân. Nhiều năm sống ở kinh đô Huế - trung tâm văn hóa, chính trị của đất nước lúc bấy giờ được tiếp xúc với nền văn hóa mới, với phong trào Duy tân đang diễn ra mạnh mẽ, với lối sống của quan lại và tầng lớp quyền quý trong

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

xã hội,... đã khiến cho anh Thành có nhiều nỗi suy tư và nhiều hiểu biết mới mẻ.

Chính trong bối cảnh lịch sử đau thương đó, trong ngồn ngộn nhiều chiều suy nghĩ đó, Nguyễn Tất Thành đã bình tâm nhìn lại các phong trào yêu nước đã diễn ra như phong trào Cần vương, mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo; phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu; phong trào Đông Kinh nghĩa thực; cuộc khởi nghĩa Yên Thế do cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Châu Trinh và phong trào chống thuế của nông dân Trung Kỳ,... Anh thực sự rất khâm phục và ngưỡng mộ các bậc tiền bối vì những gì họ đã làm được cho đất nước, cho nhân dân. Tuy nhiên, cũng chính từ sự thất bại của các phong trào yêu nước nói trên đã làm cho anh suy nghĩ nhiều và bằng khả năng dự cảm hết sức nhạy bén, Nguyễn Tất Thành đã phân tích để thấy được sự thành công và thất bại của phong trào và những nguyên nhân cơ bản của nó, để rồi anh quyết định không đi theo con đường của các cụ. Có thể nói, thực tiễn của đất nước đã đặt ra nhiều vấn đề bức xúc và tác động đến chí hướng của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành lúc còn ngồi trên ghế nhà trường, và rất chóng vánh, anh đã có một quyết định táo bạo và dứt khoát là xuất dương tìm đường cứu nước.

Khẩu hiệu của Đại cách mạng Pháp như một chân lý sáng ngời đối với nhân loại đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành. Anh muốn đến tận nơi sinh ra những lý tưởng cao đẹp đó để tìm hiểu xem người dân Pháp có được hưởng Tự do - Bình đẳng - Bác ái hay không. Tại sao người Pháp ở Đông Dương lại tàn ác đến vậy. Người dân Việt Nam hầu như cảm thấy xa lạ với tinh thần đẹp đẽ mà cách mạng Pháp nêu lên từ cuối thế kỷ XVIII. Anh Thành muốn đến tận nước Pháp để khám phá những gì ẩn giấu đằng sau câu khẩu hiệu ấy. Hơn nữa, anh còn nhận được sự chia sẻ của cha khi ông Nguyễn Sinh Sắc nói với anh rằng, *"Theo cha chỉ có một con đường là đi ra nước ngoài, hay là sang phương Tây, thậm chí sang tận nước*

Pháp, mới có khả năng tìm ra chân lý". Cũng như những lời động viên của ông nghề Nguyễn Quy Song, "Muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học chữ Pháp", thầy giáo Lê Văn Miến cũng góp phần tăng thêm sự háo hức cho anh khi ông cho rằng, "Người Pháp ở nước Pháp khác với người Pháp ở thuộc địa"; "Người Pháp rất tôn trọng người Việt Nam học giỏi và có tư cách"; "Trên đất Pháp lại có nhiều thư viện, đủ các loại sách vở nói về cuộc cách mạng của các nước trên thế giới, vào đọc không mất tiền",... Tất cả đã trở thành nguồn động viên, thúc giục, tạo nên động cơ cháy bỏng để rồi Nguyễn Tất Thành chọn hướng tây với mong muốn "đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta".

Bằng cách nào để đi sang Pháp? Một câu hỏi lớn được đặt ra với Nguyễn Tất Thành trong khi anh vẫn còn là một học sinh nghèo, không có điều kiện để du học đầu cho anh có mong muốn cũng không dễ gì thực hiện được. Có lẽ biện pháp xuất dương của chàng trai lúc ấy chưa được định hình. Ngạn ngữ có câu *cứ đi ắt sẽ đến*. Nhưng ra Bắc hay vào Nam? Có lẽ bấy giờ điều kiện vào Nam thuận lợi hơn. Bởi lúc ấy ông Nguyễn Sinh Sắc đang làm quan và Nguyễn Tất Thành theo cha vào Bình Định. Hơn nữa, Sài Gòn là nơi có nền kinh tế khởi sắc, sớm chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây, được xem là "Hòn ngọc Viễn Đông" vẫn luôn có sức hấp dẫn với những vẻ hào hoa mỹ lệ, được tạo nên từ phía chính quyền thực dân. Đối với người Việt Nam, những ai muốn xuất dương sang phương Tây, Sài Gòn vẫn được xem là nơi khởi đầu lý tưởng.

Cuối cùng thì chàng trai Nguyễn Tất Thành đã thực hiện chuyến đi của mình từ Sài Gòn hoa lệ. Và "Chuyến đi lịch sử của Hồ Chí Minh đã trở nên quen thuộc trong tâm thức của mọi người Việt Nam và không ít bạn bè nước ngoài, trong một chừng mực nào đó, nó cũng được coi như một biểu trưng của thế kỷ XX, ít nhất thì cũng từ phía các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc - sản

phẩm của sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, một đặc trưng nữa của chủ nghĩa tư bản hiện đại”¹.

2. Sài Gòn lúc Bắc đến

Anh Thành đến Sài Gòn khi Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định còn tách riêng bởi nhiều ruộng, kinh rạch, ao hồ và đầm lầy. Tuy dân cư thưa thớt, chợ Bến Thành chưa xây xong, chợ Sài Gòn còn rất nhỏ, nhóm họp trên nền Tổng Ngân khổng lồ ở đường Nguyễn Huệ bây giờ, nhưng Sài Gòn lúc ấy đã có nước máy, có đèn điện, có nhà ga. Công ty nước và điện Đông Dương được thành lập từ năm 1900 và đặt tại Sài Gòn (Nam Kỳ có điện sớm hơn Bắc Kỳ). Nhà ga xe lửa nằm giữa đường Hàm Nghi. Trên các phố chủ yếu là xe ngựa đóng thùng kính gọi là “xe kiếng”, xe thổ mộ, xe song mã và xe kéo tay. Ngày đó phương tiện đi lại còn rất thô sơ - Xe lửa chỉ chạy loanh quanh Sài Gòn từ Chợ Cũ đi Tân Định và Chợ Cũ đi Chợ Lớn.

Những ngày đầu mới đến Sài Gòn, anh Thành được cụ nghề Trương Gia Mô bố trí cho ở nhà cụ Lê Văn Đạt (em con bạn dì với cụ Nghè Mô), làm nghề bán chiếu ở xóm Rạch Bần, phía tây nam Sài Gòn². Sau vài ba ngày ở nhà ông Đạt, anh Thành chuyển về ở cùng với anh em trong Liên Thành phân cuộc tại Chợ Lớn. Đây là chi nhánh của công ty Liên Thành tại Sài Gòn³.

¹ laodong.com.vn ngày 30-1-2011.

² Rạch Bần là một nhánh của rạch Cầu Kho. Xóm nhà ở đây gọi là xóm Rạch Bần. Bây giờ chưa có đường Trần Hưng Đạo, chỉ có một con đường đất từ rạch Bến Nghé lên tới đường Trên (đường Nguyễn Trãi hiện nay) phải qua Rạch Bần, có một cây cầu. Vùng đất này còn rất hoang sơ phải đến những năm đầu thập kỷ 20 của thế kỷ trước, khu vực này mới được khai phá và nhập vào nội thành. Nền nhà trước đây nằm ở đường Dumortier, nay là 185/1 đường Cô Bắc, quận 1. Ông Trần Quang Nghiễm nhà ở cạnh nhà ông Lê Văn Đạt tại xóm cầu Rạch Bần rất có cảm tình với anh Ba. Ông đưa anh đi thăm nhiều nơi ở Sài Gòn - Chợ Lớn và qua ông giới thiệu, anh đã gặp được nhiều người yêu nước ở vùng đất này.

³ Vào những năm 1920, kênh này được lấp để làm đường Tổng đốc Phương, sau ngày miền Nam giải phóng (4-1975) đổi thành nhà số 3 và 5, đường Châu Văn Liêm (Chợ Lớn) và căn nhà số 5 được giữ làm di tích nơi Bác Hồ rời Sài Gòn xuống tàu ra đi tìm đường cứu nước. Căn nhà số 5 đường Châu Văn Liêm đã được Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử ngày 16-11-1988. Những người kế tục của công ty Liên Thành cho biết ngày trước ba gian nhà này chỉ là nhà một tầng, lợp ngói âm dương. Địa điểm này trước đây nằm tại ba căn nhà số 1, 2, 3, trên bờ Quai Testard, Chợ Lớn.

Sài Gòn những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã có nhiều thay đổi. Dân số Sài Gòn bấy giờ khoảng hơn một trăm ngàn người¹ gồm người Việt và người nước ngoài. Người Pháp quan tâm nhiều tới việc mở mang giao thông. Tuyến đường sắt đầu tiên tại Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung là tuyến đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho dài 71 km, được khởi công xây dựng từ năm 1881. Năm 1882, cho xây dựng hệ thống tàu điện đầu tiên ở Đông Dương nối hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn². Chiếc xe kéo đầu tiên xuất hiện ở Sài Gòn năm 1886. Chiếc tàu biển hiện đại đầu tiên đóng tại Việt Nam là tàu Albert Sarraut do Xưởng đóng tàu Ba Son hạ thủy năm 1892. Chiếc xe đạp Pháp đầu tiên đưa vào Việt Nam tại Sài Gòn năm 1894. Chiếc xe hơi đầu tiên xuất hiện ở Sài Gòn năm 1903,... Cảng lớn nhất nước ta là cảng Sài Gòn được xây dựng vào năm 1862. Sang đầu thế kỷ XX, người Pháp đẩy mạnh việc xây dựng các tuyến giao thông nối Sài Gòn với các tỉnh miền Trung. Năm 1901, tuyến đường sắt Sài Gòn - Nha Trang được khởi công xây dựng,...

Từ khi vùng đất này trở thành thuộc địa của Pháp, sự thâm nhập của văn hóa phương Tây trở nên mạnh mẽ hơn. Lối sống Tây xuất hiện với sự có mặt các quán cà phê, quán ăn, bưu điện, ngân hàng, bệnh viện, rạp chiếu bóng, trang phục kiểu Tây, phương tiện đi lại, nhà cửa, cách nói năng, lối ứng xử, việc học hành, cách thức xài tiền,... tất cả đều có sự thay đổi. Chỉ vài chục năm sau khi Pháp đô hộ, Sài Gòn đã nhanh chóng trở thành “Hòn ngọc Viễn Đông”, và so với khu vực, Sài Gòn bấy giờ chỉ đứng sau Xingapo và Hồng Kông mà thôi.

- 1 Theo L. I., *Saïgon-Souvenir, petit guide saïgonnais à l'usage des passagers des débutants dans la colonie*, Editeur Coudurier et Montégout (Saïgon), 1906 thì người Sài Gòn lúc ấy khoảng 55.750 người, trong đó, người Pháp 6.000, người châu Âu khác 5.000, người Việt 30.000, người Campuchia 150, người Hoa 13.000, người Ấn Độ 1.000, người Nhật 100, người Malaysia 500. Con số thống kê này chắc chỉ phản ánh số dân ở trung tâm thành phố vì dân số toàn vùng Sài Gòn năm 1869 đã là 104.522 người.
- 2 Tuyến tàu điện này do Công ty tàu điện Pháp ở Đông Dương (*Compagnie des tramways de L'Indochine*) phụ trách. Đây cũng là tuyến đường tàu điện đầu tiên ở Nam Kỳ và Việt Nam.

Nam Bộ sớm tiếp nhận và ứng dụng kiểu qui hoạch và kiến trúc phương Tây vào thành phố Sài Gòn với sự phát triển giao thông nội ô và liên vùng, hình thành nên một hệ thống liên hoàn các dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ xã hội. Đồng thời đã tiếp nhận và ứng dụng cách thức quản lý đô thị phương Tây hiện đại vào đời sống xã hội. Chính sự xâm nhập mạnh mẽ của văn hóa phương Tây vào Việt Nam đã dẫn đến sự ra đời sớm nhất và nhanh chóng nhất ở Sài Gòn một nền tảng công nghiệp hiện đại và tiên tiến với mức độ tập trung cao. Đây là nền công nghiệp tiên tiến nhất lúc bấy giờ trên đất nước ta và ở Đông Nam Á. Sài Gòn được xem là thành phố đầu tiên ở Việt Nam tiếp nhận được kiểu đô thị công nghiệp hóa từ phương Tây. Tại đây đã hình thành công nghiệp chế biến hướng đến xuất khẩu sớm nhất Việt Nam; hình thành nền công nghiệp nhẹ sản xuất hàng hóa tiêu dùng như công nghiệp sản xuất thực phẩm và đồ uống, công nghiệp sản xuất thuốc lá, công nghiệp dệt, công nghiệp chế biến mía đường, công nghiệp hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất,...

Nhà in Impériale là nhà in đầu tiên ở Sài Gòn được thành lập vào năm 1862, trụ sở đặt ở góc đường Hai Bà Trưng (lúc ấy là đường Impériale) - Nguyễn Du hiện nay¹. Cùng với nó, báo chí cũng xuất hiện ở Sài Gòn².

Sang đầu thế kỷ XX, bộ mặt Sài Gòn càng thay đổi nhanh chóng hơn. Việc hình thành hệ thống đường sắt từ Sài Gòn đi các

- 1 Đây là một chi nhánh của nhà in cùng tên bên Pháp. Năm 1870, nhà in này trở thành Imprimerie Nationale. Đến nay, một cái biển nhà in thời đó còn bảo tồn là "Imprimerie de Mission - 1864 - 1951" ở bên trong nhà thờ Tân Định.
- 2 *Gia Định* báo là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ra đời ở Sài Gòn ngày 15-4-1865, do người Pháp là Ernest Potteau chịu trách nhiệm xuất bản và phát hành (theo Nghị định 01-01-1865). Thời gian đầu, báo ra mỗi tháng một kỳ vào ngày 15, rồi một tuần một số, gồm 2 phần, phần "công vụ" (những thông tư, nghị định) và phần "tạp vụ" (tin tức, lời bàn về thời cuộc, luân lý, lịch sử,... phần này về sau mới có). Mục đích của tờ báo in bằng chữ Annam theo chữ cái La tinh này là "nhằm phổ biến trong người dân ban xứ những tin tức đáng cho họ quan tâm, và cho họ những kiến thức về những vấn đề mới có liên quan đến văn hóa và những tiến bộ về nông nghiệp...". Trương Vĩnh Ký là người viết báo *Tiếng Việt* đầu tiên ở nước ta. Tiếp đó là sự ra đời của các tờ báo *Phan Yên báo* (1868, chẳng bao lâu báo này bị chính quyền đóng cửa vì lý do chính trị); *Nhật trình Nam Kỳ* (1883); *Nam Kỳ địa phận* (là báo của tổ chức Công giáo, ra đời năm 1883); *Nông cổ mín đàm* (1901); *Lục tỉnh tân văn* (1907). Trong số các tờ báo ra đời ở thời điểm này, đáng chú ý là tờ *Nông cổ mín đàm* và *Lục tỉnh tân văn*.

tuyến đã thúc đẩy hoạt động công thương Sài Gòn - Chợ Lớn phát triển lên một bước cao hơn. Đến năm 1895, Nam Kỳ có khoảng 200 xưởng thủ công và nhà máy xay mà phần lớn là xay tay, nhà máy xay chạy bằng hơi nước còn rất ít (Sài Gòn có 2, Chợ Lớn có 7), trong đó chủ yếu tập trung ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Đầu thế kỷ XX, nhiều nhà máy mới mọc lên, đặc biệt là 8 nhà máy xay lúa do người Đức xây dựng để cạnh tranh với người Hoa vốn giữ thế độc quyền về kinh doanh lúa gạo từ trước. Nhà máy xay, nhà máy cưa, nhà máy sản xuất nước đá, nhà máy đèn, nhà máy bia, nhà máy sản xuất xà bông, nhà máy làm đường, xưởng in, lò thuộc da, lò nhuộm, lò gạch ngói, xưởng sửa chữa tàu thuyền, xưởng dệt, xưởng mộc, xưởng sửa chữa cơ khí,... đua nhau mọc lên và phát triển. Mặc dù quy mô chưa lớn lắm nhưng đã sử dụng máy móc khá nhiều. Xe lửa, xe điện, xe hơi, tàu sông, ghe chài,... việc vận tải nhộn nhịp. Người ta tính rằng, số công nhân ở Sài Gòn năm 1906 lên khoảng 25.000 người, trong đó có cả ngàn thợ máy chuyên nghiệp. Riêng xưởng Ba Son tập hợp trên dưới 1.000 công nhân, nhà máy rượu Bình Tây có đến 500 công nhân. Trường Bá Nghệ được thành lập từ năm 1897, đã đào tạo nhiều thợ máy vừa lành nghề vừa có ít nhiều văn hóa châu Âu. Lúc ấy đã xuất hiện nhiều nhà thầu, có cả nhà thầu người Việt Nam và nhiều công ty kiến trúc lớn của Pháp¹.

Sách *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* cho biết, tầng lớp công nhân công nghiệp Việt Nam ở Sài Gòn được hình thành khá đông đúc bắt đầu từ lúc Pháp lập xưởng sửa chữa tàu và xây bến tàu dài hồi 1863. Đây là nhóm công nhân công nghiệp đầu tiên ở nước ta. Công nhân đã có nhiều hình thức đấu tranh buổi đầu, tuy còn lẻ tẻ và manh động, không ý thức. Ngay từ năm 1902, chứ chẳng đợi đến khi chiến tranh thế giới bùng nổ, viên Thống đốc Nam Kỳ là Lamothe, trong một bản báo cáo gửi cho Toàn quyền Đông Dương, đã có những lời sau đây:

¹ Trần Văn Giàu (chủ biên), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987, tr. 261.

“Khốn thay, tấm huân chương có bề trái của nó. Sự phát triển của những đô thị lớn như Sài Gòn - Chợ Lớn cho ta thấy nảy sinh một tầng lớp vô sản ở nội thành và ngoại ô. Thái độ và hành động của đám người vô sản này làm cho những người châu Âu và những giai cấp giàu có người bản xứ đều phải lo sợ một cách nghiêm trọng và hữu lý”.

Bãi công đã bắt đầu xuất hiện từ năm 1911, đã có sự phối hợp giữa thợ thuyền xưởng Ba Son và học trò trường Bá Nghệ¹.

Bên cạnh sự lớn mạnh của đội ngũ công nhân Sài Gòn, tầng lớp tiểu chủ - tư sản nhỏ người bản xứ cũng có những bước phát triển. Đầu thế kỷ XX, có khá nhiều điền chủ ở Nam Kỳ bỏ tiền ra để đầu tư vào sản xuất công nghiệp nhỏ và kinh doanh dịch vụ như mở xưởng làm xà bông, mở lò kéo sợi, mở xưởng dệt, mở lò thuộc da, mở nhà in, nhà hàng, phòng trọ và dịch vụ cho vay lãi suất thấp nhằm chống lại bọn cho vay nặng lãi,... Một sự chuyển hướng khá nhanh với quá trình tư sản hóa đối với tầng lớp điền chủ Nam kỳ. Nhưng điều đáng nói là, một số điền chủ và hào phú không chỉ mở cơ sở kinh doanh nhằm mục đích kinh tế còn xuất phát từ động cơ gây quỹ, tạo điều kiện kinh tài cho phong trào Đông du hoạt động. Điền hình cho xu hướng kinh doanh mới nhằm ủng hộ phong trào yêu nước là sự ra đời của *Nam kỳ Minh tân công nghệ*, một công ty cổ phần thành lập công khai vào ngày 1-6-1908 trong một buổi họp tại văn phòng viên chương khế Aymard ở Sài Gòn theo luật lệ hiện hành, với bản điều lệ gần giống như các công ty của người Pháp lúc bấy giờ².

1 Trần Văn Giàu (chủ biên), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, Sđd, 1987, tr. 262.

2 Phần lớn cổ đông của công ty là điền chủ và công chức, họ đầu tư vào việc mở lò sản xuất xà bông, lò kéo chỉ, kéo sợi bông vải, lò dệt, nhà in và nhà hàng,... Tuy đầu tư một lúc nhiều lĩnh vực sản xuất, nhưng do bị chèn ép bởi giới tư bản - thực dân Pháp, nên lĩnh vực nào cũng có quy mô nhỏ, và đây là tình trạng phổ biến của tầng lớp tư sản dân tộc vừa mới ra đời, còn non trẻ, yếu ớt. Tư bản - thực dân Pháp và tầng lớp tư sản mại bản người Việt đã độc quyền, chèn ép và bóc lột siêu lợi nhuận tạo nên mâu thuẫn sâu sắc với tư sản dân tộc. Đây cũng chính là cơ sở lý giải cho hiện tượng ngày càng có nhiều bộ phận thuộc tầng lớp tư sản dân tộc bộc lộ rõ lập trường chống Pháp và dễ dàng đi cùng với giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Bảy giờ chế độ trực trị của Pháp cũng đã tạo điều kiện cho nhiều thanh niên ở Nam Kỳ xuất dương du học, và chính họ đã sớm tiếp thu tư tưởng tự do, dân chủ, dân quyền của phương Tây, đồng thời cũng sớm nhận ra thân phận của người dân mất nước và bản chất của chế độ thực dân, để rồi chính họ là thế hệ đầu tiên tiếp nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin do Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào.

Lần đầu tiên vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành thấy thêm những điều mới lạ, nhất là những cảnh ăn chơi xa hoa của người Pháp. So với những vùng đất Nguyễn Tất Thành đã đi qua thì Sài Gòn đồ sộ, sầm uất hơn gấp nhiều lần. Đến Sài Gòn, anh Thành thấy rõ cách tổ chức cai trị, bóc lột tinh vi của tư bản Pháp.

Càng thâm nhập vào đời sống của các tầng lớp quần chúng lao động, anh Thành càng xiết bao hy vọng ở “dân khí” của Nam Kỳ. Đời sống khổ cực dưới ách cai trị trực tiếp của thực dân Pháp làm cho tinh thần quật khởi của đồng bào Nam Kỳ càng thêm mạnh mẽ. Đồng thời, anh càng thấy rõ hơn sự đối lập giữa hai cảnh sống của bọn thực dân và những người lao động mất nước.

3. Những việc Bác làm trước khi xuất dương

Tháng 2-1911, Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn. Những ngày đầu mới đến Sài Gòn, cụ nghề Mô đã bố trí cho anh Thành ở xóm Rạch Bần¹. Sau vài ba ngày, anh chuyển sang ở nhà cụ Lê Văn Đạt rồi về ở cùng với anh em trong Liên Thành phân cuộc, tức các chi nhánh của Liên Thành công ty đặt tại Sài Gòn, như nhà số 3, đường Tổng đốc Phương (nay là số 5, đường Châu Văn Liêm); nhà số 128, Khánh Hội². Ở Sài Gòn, anh Thành thường đi vào các xóm thợ nghèo, làm quen với những thanh niên

¹ Phía tây nam Sài Gòn, nay là số nhà 185/1 đường Cô Bắc, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

² Về nơi tạm trú của Nguyễn Tất Thành trước khi ra nước ngoài có nhiều địa chỉ khác nhau. Có lần Bác Hồ nói chuyện với bác sĩ Lê Văn Chánh rằng, “*Chủ ở 118, Khánh Hội, chủ có biết nhà 128 không? Đó là nhà máy nước mắm Liên Thành cũ. Bác ở đó ba ngày trước khi xuống tàu ra nước ngoài tìm đường cứu nước*”. Dẫn theo Đỗ Hoàng Linh, Nguyễn Văn Dương, Sđd, tr. 129.

cùng lứa tuổi. Ở đâu anh cũng thấy nhân dân lao động bị đọa đày, khổ nhục.

Trong thời gian ở xóm Rạch Bần, anh Thành đã có dịp gặp lại cha mình trong hoàn cảnh thật xúc động. Sau khi thụ án với triều đình ở kinh đô Huế, ông Nguyễn Sinh Sắc đi vào Phan Thiết nhưng anh Thành lúc ấy đã vào Sài Gòn. Theo sự hướng dẫn của ông nghề Mô, ông Sắc đi thẳng vào Sài Gòn, đến nhà ông Lê Văn Đạt. Tại đây ông Sắc đã gặp cụ nghề Mô và Nguyễn Tất Thành. Ông Sắc vui mừng khôn xiết khi gặp lại con trai. Cụ quyết định ở lại Sài Gòn một thời gian để làm gì giúp con thực hiện ý nguyện xuất dương. Hàng ngày, cụ Sắc đi xem mạch, kê đơn ở hai tiệm thuốc Bắc gần cầu Ông Lãnh để kiếm tiền, cố dành dụm cho con làm lộ phí. Cụ nghề Mô cũng hăng hái tham gia cùng cụ Sắc gom góp ít tiền cho Thành thực hiện chuyến đi. Thấy cha và cụ nghề Mô vất vả chuẩn bị cho mình, anh Thành thật sự xúc động và thưa: *“Việc của con, để cho con lo. Con có thể tự lực”*.

Trong thời gian ở đây, anh Thành thường qua lại thăm cụ Sắc ở tiệm thuốc. Không lâu sau đó, anh chia tay cha để lên tàu xuất dương. Trong cuộc gặp giữa hai cha con lần cuối cùng tại Sài Gòn, anh Thành nói:

“Từ ngày con ngồi trên ghế nhà trường Quốc học Huế, con học lịch sử nước Pháp, con chú ý nhiều về cuộc cách mạng 1789. Họ đã lật đổ chế độ vua quan phong kiến. Rồi con đọc sách, tìm thấy ở nước Pháp đúng là có tự do, bình đẳng, bác ái; đặc biệt là coi trọng nhân quyền, có tổ chức bảo vệ gọi là Hội Nhân quyền. Con muốn được nhìn thấy tận mắt cái nước Pháp có nhân quyền lại vừa là nước Pháp đi xâm lược các nước nhỏ yếu khác”¹. Ông Mai Văn Bộ trong *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh* cũng kể lại cuộc chia tay giữa hai cha con Tất Thành. Hôm trước khi lên đường, Thành nhìn cha ái ngại:

¹ Nhiều tác giả, 79 câu hỏi đáp về thời niên thiếu của Bác Hồ, Nxb. Trẻ, tr. 198.

- Cha, hồi này sức khỏe của cha suy sụp quá nhiều, cha đã hy sinh cho con suốt bao năm dài, nuôi dưỡng, dìu dắt con từng bước đường đời. Nay đã từng tuổi này mà con chưa kịp báo đền, quả thật là bất hiếu, ra đi con chưa yên lòng.

- Nước mất thì lo mà cứu, con chỉ có một việc đó phải làm. Cứu nước tức là hiếu với cha rồi đó. Con hãy mạnh dạn lên đường. Cha chỉ ở quanh quần đất Sài Gòn này để trông tin tức của con.

- Xin cha hãy cố gắng giữ gìn sức khỏe, chờ tin con báo về.

Sau đó, khi đi ra nước ngoài, có vài lần Nguyễn Tất Thành gửi thư về cho cha nhưng đều không tới tay người nhận. Thế rồi, sau gần 10 năm bất tin, ông Sắc nhận được tin người thanh niên tên Nguyễn Ái Quốc đã viết *Quyền của các dân tộc* đăng trên nhiều tờ báo nước ngoài và được đưa về Việt Nam, chính là Nguyễn Tất Thành - con trai ông. Hạnh phúc lớn nhất của ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là biết được con mình đang tiếp tục đi theo con đường mà hai cha con đã chọn. Từ đó, ông Sắc thường giao du với bạn bè, đi khắp đó đây, và cuối cùng, vì cho rằng Cao Lãnh có phong trào yêu nước mạnh hơn, ông quyết định đến sống hẳn ở đây¹.

Năm 1911, bến cảng Sài Gòn đã có nhiều tàu biển của nước ngoài ra vào, có tàu của Pháp, Anh, của Na Uy, Nhật, Đức, chiếc tàu lớn của hãng Chargeurs Réunis (Sácgiơ Rêuyni) đậu gần cột cờ Thủ Ngũ, nổi lên dòng chữ Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin). Tàu này cập bến Sài Gòn ngày 17-5-1911. Ngày 21-5, rời cảng Sài Gòn đi Hải Phòng. Ngày 2-6-1911, tàu trở lại Sài Gòn.

Trong những hãng tàu vào ra ở cảng Sài Gòn, anh Thành đã làm quen với một số người Việt Nam làm ở hãng “Năm Sao”. Đúng như quảng cáo, hãng này chạy tuyến Sài Gòn - Đà Nẵng, Hải Phòng và đi Singapore, Colombo (thuộc Ceylan, nay là Sri Lanca), Bordeaux (Pháp), Marseilles (Pháp), Le Havre (Pháp),

¹ Dẫn theo 79 câu hỏi đáp về thời niên thiếu của Bác Hồ, Sđd, tr. 177 - 178.

cảng Sa'id (Ai Cập), Djibouti (Ghibuti, quốc gia ở Đông Phi),... Hai người bồi Việt Nam mà anh quen là Nguyễn Văn Hùm và Bùi Văn Viên. Hai ông này cho anh Thành biết là hãng đang tuyển bồi. Anh Thành và mấy người Việt Nam nữa liền xuống tàu liên hệ để xin việc.

Trưa ngày 2 tháng 6 năm 1911, chiếc tàu Amiral Latouche Tréville của hãng "Năm Sao" từ Đà Nẵng cập bến cảng Sài Gòn. Anh Ba xuống tàu và gặp viên thuyền trưởng. Nhìn thân hình mảnh khảnh của anh, thuyền trưởng hỏi:

- Anh có thể làm được việc gì?

- Tôi có thể làm bất cứ công việc gì. - Anh Thành đáp với lòng tự tin.

Nhìn thấy nét cương nghị và thông minh của anh, thuyền trưởng (sau này được biết tên ông ta là Lui Edua Maisen, quê ở miền Bắc nước Pháp) mỉm cười:

- Được, tôi đồng ý nhận anh làm phụ bếp, sáng mai anh xuống đây nhận việc. Anh tên là gì?

Tần ngần một lát, anh Thành đáp: - Tôi tên là Văn Ba!²

Về việc anh Thành đến xin việc ở hãng tàu, ông Mai quê Hải Phòng, một nhân viên cũ trên chiếc tàu Pháp của hãng Năm Sao cũng kể lại tương tự như vậy³.

1 Không phải là tàu chiến Latouche Tréville.

2 Trên tàu khi đó đã có một thủy thủ làm việc từ trước có tên là Nguyễn Văn Ba.

3 Ông Mai kể: Vào khoảng cuối năm 1911 hay 1912 - tôi không nhớ đúng nữa - tôi làm việc ở phòng ăn của các sĩ quan trên tàu. Tàu chúng tôi cập bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách. Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau một phút ngập ngừng, anh ta hỏi xin việc. Chúng tôi trả lời là không có việc và có chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền nhận anh ta. Chúng tôi cười vì chàng trai có vẻ một anh học trò, không phải là người lao động như chúng tôi. Chúng tôi nói nhỏ với nhau: "Một người như thế có thể làm được công việc gì trên tàu?". Tôi không hiểu tại sao tôi thấy thương hại anh ta và tôi nói: - Đi theo tôi, tôi dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có lẽ ông ta sẽ có việc cho anh làm. Chủ tàu hỏi: - Anh có thể làm việc gì? - Tôi có thể làm bất cứ việc gì! - Chàng trai trả lời. - Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai anh đến đây nhận việc. Chàng trai ấy xưng tên là Ba. Vì tôi đã giúp anh ta việc nhỏ ấy, cho nên anh ta rất thân với tôi, và cũng vì anh ta rất dễ mến nên tôi cũng rất thân với anh ấy. Việc gì tôi làm được là tôi cố làm để giúp anh ta, vì anh ta chưa biết gì cả. Và lại, anh ấy có can đảm và nhẫn nại. (Đường Bác Hồ đi cứu nước, Sđd, tr. 14 -15).

Ngày 3 tháng 6 năm 1911, anh Thành chính thức xuống tàu làm phụ bếp, anh nhận thẻ nhân viên của tàu với tên mới: Văn Ba. Đây là một trong những tàu lớn hồi đó vừa chờ hàng, vừa chờ khách¹. Trước khi rời thành phố Sài Gòn xuống tàu, anh Thành không quên từ biệt các ông Nguyễn Quý Anh, Trương Gia Mô, Trần Quang Nghiêm, cảm ơn họ vì sự giúp đỡ tận tình từ khi anh ở Phan Thiết cho đến cả lúc anh ở thành phố Sài Gòn. Ông Nguyễn Quý Anh, khi ấy phụ trách Liên Thành phân cuộc, đã xuất tiền quỹ của công ty ra may cho anh hai bộ quần áo “Tây” để anh dùng trên đường đi.

Trưa ngày 5 tháng 6 năm 1911, con tàu Amiral Latouche Tréville đã rời bến cảng Sài Gòn với 72 thủy thủ có mặt trên tàu. Sài Gòn hôm đó đã thay mặt đất nước Việt Nam tiễn Văn Ba lên đường. Trong chuyến hành trình đầu tiên đó, tàu Amiral Latouche Tréville đã đưa anh đến Singapore, qua Colombo, Sa'id, rồi đến Marseille và ngày 15 tháng 7 năm 1911, tàu cập bến Le Havre, cảng chính ở miền Bắc nước Pháp.

“Đất nước đẹp vô cùng nhưng Bác phải ra đi”. Anh Thành ra đi giữa mùa bão tố với một tấm lòng yêu nước thương dân. Từ buổi trưa hôm đó, Văn Ba - Bác Hồ kính yêu của nhân dân Việt Nam đã bước vào cuộc đời của một người lao động, để rồi tìm ra phương thức mới cứu nước cứu dân. Sự ra đi của anh như nhà nghiên cứu người Pháp đã viết: *Khi ông rời Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc không biết rằng ông đang bằng phương Tây để đi tìm phương Đông của ông*. Chuyến hành trình dài đến 30 năm để một ngày xuân, Bác trở về cùng dân tộc.

¹ Theo hồ sơ còn lưu trữ ở bảo tàng hàng hải bên Pháp thì tàu dài 124,1 mét, rộng 15,2 mét, chạy máy hơi nước, 2.800 mã lực, với tốc độ 13 hải lý/giờ, trọng tải 5.572 tấn và có đủ nhiên liệu để chạy một mạch 12.000 hải lý. Trong hồ sơ lưu còn có sổ lương và sổ thủy thủ. Lương tháng 6 năm 1911 của Văn Ba là 50 France, trong khi những người bồi Pháp làm việc rất nhàn nhã thì lương gấp 3 lần lương của anh. Còn theo Nguyễn Sô trong sách *Các di tích và bảo tàng Hồ Chí Minh* thì tàu dài 119,2 mét sức chở 3.436 tấn, 3 boong.

SÀI GÒN - NƠI KẾT TỤ HOÀI BẢO CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH TRƯỚC NGÀY RỜI TỔ QUỐC TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

TS. LÊ HỮU PHƯỚC*

100 năm trước từ thành phố Sài Gòn, Nguyễn Tắt Thành rời Tổ quốc với tâm nguyện tìm kiếm con đường mới cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngày 5-6-1911, Sài Gòn ghi dấu một sự kiện có ý nghĩa như một trong những cột mốc khởi đầu đặc biệt của lịch sử cách mạng Việt Nam thời kỳ cận - hiện đại.

100 năm sau nhìn lại, càng thấy rõ hơn vị thế của Sài Gòn - mảnh đất kết tụ hoài bão lớn của Nguyễn Tắt Thành sau nhiều trải nghiệm trên những chặng hành trình bắt đầu từ năm 15 tuổi cho đến năm 21 tuổi.

1. Mùa hè năm 1905, Nguyễn Tắt Thành cùng anh trai Nguyễn Tắt Đạt từ bỏ việc học chữ Hán để theo học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp (lớp dự bị - préparatoire) tại trường Tiểu học Pháp - Việt ở Vinh¹. Đây có thể xem là bước ngoặt quan trọng đầu tiên trên con đường tiếp nhận và thực hành tri thức, hơn thế nữa, trên con đường cách mạng của Nguyễn Tắt Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sau này.

* Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

¹ Theo William J. Duiker, *Hồ Chí Minh - a life* (bản dịch của Nguyễn Thành Nam, file PDF, 2000, tr. 13), vào mùa hè năm 1905 Nguyễn Tắt Thành theo học tiếng Pháp với một người bạn của cụ Nguyễn Sinh Sắc. Tháng 9 năm này, Nguyễn Sinh Sắc xin cho con học trường Pháp - Việt ở Vinh.

Tại Vinh - một trung tâm công nghiệp, cũng là nơi tập trung nhiều cơ quan hành chính của người Pháp, trước và trong thời gian theo học ở trường Tiểu học Pháp - Việt, Nguyễn Tất Thành học tiếng Pháp và bắt đầu làm quen với văn hóa phương Tây. Chịu ảnh hưởng các thầy giáo yêu nước, cấp tiến như Nguyễn Quý Song, Lê Văn Miến...¹ (và trước đó từ các thầy Vương Thúc Quý, Trần Thân...), tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh của Nguyễn Tất Thành càng được đắp bồi thêm từ những suy nghĩ tiến bộ, mạnh dạn của các bậc sĩ phu khả kính. Khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” của cách mạng dân chủ tư sản Pháp được nghe từ vài năm trước, nay có thêm điều kiện để tìm hiểu sâu sắc hơn, đầy đủ hơn. ***Thành phố Vinh trở thành nơi thôi thúc mạnh mẽ quyết tâm của Nguyễn Tất Thành: “muốn làm quen với nền văn minh Pháp” và “tìm hiểu tận nơi xem đằng sau những từ ngữ ấy ẩn giấu cái gì”.***

2. Chưa hết năm học ở trường Tiểu học Pháp - Việt tại Vinh, tháng 5-1906 hai anh em Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành cùng cha vào Huế, khi Nguyễn Sinh Sắc được bổ nhiệm làm Thừa biện Bộ Lễ. Tại Huế có những cơ quan đầu não của bộ máy cai trị thực dân ở Trung Kỳ như Tòa Khâm sứ, Sở Mật thám...; nhưng Huế cũng là nơi hường ứng sôi nổi các phong trào Đông Du, Duy Tân do Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... khởi xướng.

Tháng 9-1906, Nguyễn Sinh Sắc xin cho Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành vào học lớp dự bị trường Tiểu học Pháp - Việt

¹ Nguyễn Quý Song là một nhà khoa bảng Nho học nhưng có tinh thần duy tân. Ông từng đến thăm và nói với ông Nguyễn Sinh Sắc: “Phải đánh Tây, nhưng muốn đánh được Tây thì phải hiểu người Tây. Mà muốn hiểu rõ người Tây thì phải học chữ Tây (theo Chu Trọng Huyền, *Hồ Chí Minh thời trẻ*, Nxb. Nghệ An, 2007, tr. 102). Lê Văn Miến từng được Đào Tấn - Tổng đốc Nghệ An - mời làm thư ký cho mình, đến năm 1902 ông được Đào Tấn tiến cử về làm Hành tẩu Bộ Công. Lê Văn Miến có hai lần làm đốc giáo trường Pháp - Việt ở Vinh: lần một từ 1899 đến 1902, lần hai từ 1904 đến 1907; sau đó dạy vẽ ở Trường Quốc học Huế (theo Nguyễn Khắc Phê, *Lê Văn Miến - người họa sĩ đầu tiên, người thầy đầu tiên*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1995, tr. 100). Ông còn là một trong những người đã lập ra Hoan Châu học hội và góp tiền cho Triều Dương thương điểm - những cơ sở kinh tài của Duy Tân hội do Phan Bội Châu sáng lập.

tỉnh Thừa Thiên (thường gọi là trường Đông Ba). Đến tháng 8-1908, sau khi hoàn thành chương trình tiểu học, cùng với sáu bạn đạt điểm xuất sắc, Nguyễn Tất Thành được bỏ qua năm thứ nhất để vào thẳng năm thứ hai trường Quốc học Huế. Một lần nữa, những ngôi trường và môi trường xã hội trên đất Huế tiếp tục hun đúc chí khí và hoài bão của người thanh niên yêu nước.

Quãng thời gian ở trường Đông Ba và trường Quốc học, Nguyễn Tất Thành học thầy Hoàng Thông¹ và tiếp tục học thầy Lê Văn Miến, được thầy Hoàng Thông giao nhiệm vụ làm liên lạc cho các hoạt động Đông Du, Duy Tân. Bên cạnh đó, Nguyễn Tất Thành còn tham gia phong trào Duy Tân ở Huế với vai trò thông ngôn cho các cuộc đấu tranh chống thuế của đồng bào.

Chính trong những tháng ngày sôi động ở Huế (từ năm 1907 đến năm 1908), Nguyễn Tất Thành đã nghe, đã biết, đã chứng kiến Đông Kinh nghĩa thực bị đóng cửa, phong trào Đông Du bị dập tắt, phong trào Duy Tân và Kháng thuế Trung Kỳ bị đàn áp dã man... Các nhà yêu nước tiêu biểu như Phan Châu Trinh bị kết án tử hình; Trần Quý Cáp, Nguyễn Hằng Chi bị xử chém; Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế... bị đày ra Côn Đảo; hàng ngàn người khác bị giết hoặc bị cầm cố, lưu đày. Ở Huế, các sĩ phu Hoàng Thông, Lê Đình Mộng, Lê Kiệt, Nguyễn Bình, Phạm Toàn, Nguyễn Mạnh, Phan Đạm... đều bị kết tội khổ sai, hoặc giam cầm tại nhà lao Thừa Phủ hoặc phát vãng đi Lao Bảo. Tình cảnh ấy càng thôi thúc ý chí tìm đường cứu nước, đồng thời giúp Nguyễn Tất Thành nhận thức rõ hơn về sự bất thành trong phương thức đấu tranh mà các bậc tiền bối đã lựa chọn và thực hiện. Trong tác phẩm *Ho*, nhà báo Mỹ David Halberstam viết: *"Tư tưởng yêu nước của Hồ (tức Nguyễn Tất Thành) được*

¹ Hoàng Thông đỗ cử nhân, làm quản giáo kiêm dạy Hán văn tại trường Quốc học Huế từ năm 1896. Ông là đồng chí của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh..., là người đứng đầu một hội buôn ở Huế để làm tài chính cho các phong trào Đông Du, Duy Tân (theo Trần Văn Giàu - Trần Bạch Đằng, *Vàng trong lửa*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2009, tr. 52).

tăng cường ở Huế... Trong khi đang học ở Huế, Hồ tiếp tục các công việc yêu nước một cách tích cực và cuối cùng ông đã rời bỏ trường này trước khi có một mảnh bằng. Đây là một thời gian đặc biệt may mắn, và ông là một con người muốn học thêm nữa bằng cách chu du ra nước ngoài hơn là học trong trường khép khe do thực dân đỡ đầu”¹.

Vậy là, tiến thêm một bước, *trong hơn ba năm trên đất Huế, không chỉ tìm hiểu và chiêm nghiệm, Nguyễn Tất Thành đã trực tiếp tham gia các phong trào yêu nước, làm dày thêm hành trang nhận thức chính trị và hoạt động thực tiễn của mình, chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc dẫn thân vì Tổ quốc, vì dân tộc.*

3. Giữa năm 1909, Nguyễn Sinh Sắc được cử làm giám khảo kỳ thi Hương ở Bình Định, rồi nhậm chức Tri huyện Bình Khê - một huyện hẻo lánh vùng bán sơn địa thuộc tỉnh Bình Định. Đang học năm thứ hai trường Quốc học, Nguyễn Tất Thành theo cha rời Huế. Được cha gửi ăn học tại nhà ông Phạm Ngọc Thọ (cha của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch) đang dạy tại trường Tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn, Nguyễn Tất Thành tiếp tục theo chương trình “cours supérieur”, đồng thời nhận dạy tiếng Pháp và các môn khoa học sơ đẳng cho các thí sinh chuẩn bị thi hương khoa Kỷ Dậu (1909).

Qua phối kiểm các nguồn tài liệu (không nhiều lắm), có thể xâu chuỗi một số sự kiện có ảnh hưởng đến Nguyễn Tất Thành trong thời gian sống và học tập ở Quy Nhơn. Ngay khi đến Bình Khê, Nguyễn Sinh Sắc dẫn con đi thăm các sĩ phu trong vùng và di tích lịch sử ở Tây Sơn. Thời gian Nguyễn Sinh Sắc nhậm chức Tri huyện Bình Khê cũng là lúc Nguyễn Quý Song - thầy giáo cũ của Nguyễn Tất Thành bị cách chức Tri huyện Phù Cát (Bình Định) vì “không làm tròn phận sự”. Cuối năm 1909, Thành dự

¹ Dẫn theo Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thừa Thiên-Huế, *Ấm vang thời Bác Hồ ở Huế*, Nxb. Thuận Hóa, 2003, tr. 125. David Halberstam (1934 - 2007) là nhà báo Mỹ đoạt giải Pulitzer, phóng viên chiến trường và là tác giả nổi tiếng về đề tài chiến tranh Việt Nam. Tác phẩm *Ho* của ông được Nxb. McGraw-Hill ấn hành năm 1971.

khoa thi lấy Tổng sư ở Quy Nhơn, nhưng không có kết quả vì bị gạch tên¹. Đáng chú ý nhất là sự kiện sau khi Nguyễn Sinh Sắc bị bãi chức (tháng Giêng năm 1910) và bị triệu hồi về kinh, trong khi Nguyễn Tất Đạt theo cha thì Nguyễn Tất Thành xin ở lại, rồi sau đó tìm cách đi tiếp vào Nam. ***Bước ngoặt đầu năm 1910 ở Quy Nhơn chính là thời điểm đánh dấu sự trưởng thành trọn vẹn với những suy nghĩ và quyết định hết sức tự chủ của người thanh niên 20 tuổi Nguyễn Tất Thành trên hành trình thực hiện hoài bão cứu nước.***

4. Chặng đường tiếp theo của Nguyễn Tất Thành gắn với Phan Thiết - Bình Thuận, vùng đất cực nam Trung Kỳ mà từ năm 1899 báo cáo của Công sứ Phan Thiết gửi Khâm sứ Trung Kỳ đã nhấn mạnh: “*Vị trí của dư địa Bình Thuận khiến nó trở thành một nơi ẩn náu tự nhiên của tất cả những phần tử phiêu bạt từ Nam Kỳ lánh ra cũng như từ các tỉnh phía Bắc của Trung Kỳ chạy vào thành một địa bàn tụ hội cả Trung - Nam - Bắc*”². Lý giải về việc Nguyễn Tất Thành dừng chân ở Bình Thuận, tác giả Hà Huy Giáp cho biết: “*Bác Hồ có lần nói với tôi: trên đường từ Huế vào Sài Gòn, hễ nơi nào có thể vừa kiếm sống, vừa tìm được tàu ra nước ngoài thì Bác vào*”³. Tác giả Vũ Kỳ cho biết thêm: Nguyễn Tất Thành lúc đầu không có ý định dừng lại ở Phan Thiết, song đến đó thì tiền lộ phí đã cạn mới quyết định ở lại tìm việc để tiếp tục cuộc hành trình⁴.

Tại Bình Thuận, Nguyễn Tất Thành được tiếp xúc và gặp gỡ nhiều chí sĩ yêu nước, cấp tiến như Trương Gia Mô, Hồ Tá Bang, Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh... - những nhà sáng lập và điều hành Công ty Liên Thành (bao gồm Liên Thành thương quán,

¹ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Khoa học Kỹ thuật Bình Định, *Nguyễn Tất Thành ở Bình Định*, 1991, tr. 24.

² Dẫn theo *Vàng trong lửa*, sđd, tr. 68.

³ Dẫn theo *Nguyễn Tất Thành ở Bình Định*, sđd, tr. 64-65.

⁴ Viện Hồ Chí Minh (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, tập 1 (1890 - 1929)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 34.

Liên Thành thư xã và Dục Thanh học hiệu)¹. Nguyễn Tất Thành cũng rất quan tâm thu thập thông tin về việc đi ra nước ngoài, tìm hiểu mối liên hệ giao dịch của Liên Thành thương quán với các chuyến tàu biển²...

Có thể khẳng định rằng, nửa năm ở Bình Thuận và dạy học ở trường Dục Thanh (từ tháng 9-1910 đến tháng 2-1911) là thời đoạn có ý nghĩa rất quan trọng trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành. Từ Bình Thuận, Nguyễn Tất Thành đã nhận được “sự chuẩn bị của một đại gia đình bao nhiêu bậc đàn anh trong thế hệ nho sĩ lớp trước”, để “đến thành phố Sài Gòn không bị đơn độc và mau chóng làm quen với thành phố Âu hóa này”³.

5. Tháng 2-1911, được sự bảo trợ chu đáo của các thành viên Công ty Liên Thành, Nguyễn Tất Thành rời Bình Thuận vào Sài

1 Trương Gia Mô (quê Ba Tri, Bến Tre) từng giữ chức vụ Hàn lâm đãi chiếu tại Bộ Công cùng thời với Nguyễn Sinh Sắc, sau khi gửi bản điều trần 5 điểm nhưng không được triều đình chấp nhận đã từ quan về ở ẩn tại làng Hà Thủy, huyện Hòa Đa, tỉnh Bình Thuận. Năm 1907, ông bị bắt giam vì liên quan đến vụ án Trần Quý Cáp. Ông là một trong những người sáng lập Công ty Liên Thành ở Bình Thuận.

Hồ Tá Bang là người cùng làng (huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên) và là học trò của Nguyễn Lộ Trạch. Ông từng làm ký lục tại Phan Thiết, cùng lập Liên Thành thương quán và trường Dục Thanh. Năm 1910, ông bị đày ra làm ký lục ở Hội An, nhưng không thích nên bỏ về lại, được bầu làm Tổng lý trong Công ty Liên Thành.

Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh - hai con trai của Nguyễn Thông - là những sáng lập viên đầu tiên của Công ty Liên Thành. Năm 1905, các nhà yêu nước Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng từ Quảng Nam đã vào Phan Thiết bàn việc “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” với Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh. Kết quả của cuộc gặp gỡ này là sự ra đời Công ty Liên Thành vào năm 1906.

2 Các tác giả *Vàng trong lửa* (sdd, tr. 76) cho biết: “Trong thời gian dạy học ở trường Dục Thanh, thầy Thành rất hay trò chuyện với thầy Hải... là một người Việt lai, cha là một công nhân Pháp và có lần được cha đưa về thăm nước Pháp... Qua thầy Hải, thầy Thành còn muốn tìm hiểu thêm về việc đi ra nước ngoài. Thầy Thành thích nghe thầy Hải kể những chuyện mới lạ về xã hội Pháp, về con người Pháp ở nước Pháp và nhất là những nhận xét trong chuyến đi tàu biển từ cảng Sài Gòn sang cảng Marseille (Mácxây) hàng tháng trời lênhênh trên mặt biển”.

3 Theo Trần Văn Giàu - Trần Bạch Đằng, *Vàng trong lửa*, sdd, tr. 69, 78. Nhiều tài liệu cho biết: Trương Gia Mô là người trực tiếp tạo phương tiện đi lại cho Nguyễn Tất Thành. Căn nhà đầu tiên Nguyễn Tất Thành trú ngụ trên đất Sài Gòn là nhà ông Lê Văn Đạt - anh em con bạn dì của Trương Gia Mô (ở đường Cô Bắc, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay). Các địa chỉ tiếp theo cũng gần với Liên Thành: trụ sở Liên Thành phân cục Liên Thành (đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh); đại lý hàng của Công ty

Gòn. Bốn tháng ở Sài Gòn (từ tháng 2 đến đầu tháng 6 năm 1911) là chặng thời gian ngắn ngủi, nhưng Sài Gòn lại chính là nơi đánh dấu sự chín muồi cả về nhận thức và hành động, để Nguyễn Tất Thành quyết định dứt khoát sự lựa chọn của mình.

Tại Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành có dịp gặp gỡ các nhà yêu nước gắn bó với Hội Liên Thành và đã từng tham gia các phong trào Đông Du, Duy Tân. Một số tài liệu còn cho biết Nguyễn Tất Thành cũng đã gặp Phan Châu Trinh tại Sài Gòn trước khi lên đường sang Pháp. Những buổi đàm luận về thời cuộc, về phương thức đấu tranh cứu nước cùng các bậc cha anh càng đốt nóng hơn bầu nhiệt huyết luôn sôi sục từ những ngày còn ở Vinh, ở Huế, ở Bình Định và Bình Thuận.

Cũng tại Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã chứng kiến cảnh tượng “ngay giữa chợ Bến Thành - mà người ta bảo là một thành phố Pháp, bốn góc chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bán xir để bắt họ tránh khỏi làm nghề lỏi”¹. Nỗi khổ nhục ấy của người dân (mà đoạn dẫn trên chỉ là một trường hợp thường thấy) càng thôi thúc thêm ý chí đi ra nước ngoài của Nguyễn Tất Thành, như tác giả W. J. Duiker viết: “Không nghi ngờ gì, khi rời Sài Gòn tháng 6 năm 1911, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đã hoàn toàn nhận thức được những bất công mà đất nước mình đang phải gánh chịu và trong nước không có lời giải. Biết đâu, anh có thể tìm kiếm được những lời giải ở nước ngoài”². Hoàn toàn có thể khẳng định điều này, khi đọc lại bài trả lời phỏng vấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với một nhà báo Pháp đăng trên báo *Nhân Dân* (số ra ngày 18-5-1965): “Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau rằng ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có

1 Nguyễn Ái Quốc, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 148.

2 William J. Duiker, *Hồ Chí Minh - a life*, sdd, tr. 19. William J. Duiker từng là viên chức Bộ Ngoại giao Mỹ, và là Giáo sư Sử học trường Đại học Penn States.

người khác nữa nghĩ là Mỹ. Tôi thì thấy phải đi ra nước ngoài để xem cho rõ”.

Trong những ngày tháng ở Sài Gòn, việc Nguyễn Tất Thành đi vào các xóm thợ, làm quen với những thanh niên đang làm thợ hoặc học nghề ở các trường kỹ nghệ, rồi bản thân theo học nghề thợ máy; cũng như việc tiếp cận các hiệu giặt ở gần cảng Sài Gòn (chuyên nhận giặt quần áo cho các thủy thủ trên tàu Pháp)... tất cả đều hướng tới mục tiêu nung nấu suốt 6 năm qua: tìm cách đi ra nước ngoài, sang Pháp và các nước phương Tây, xem người ta làm như thế nào rồi về giúp đồng bào của mình. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nêu giả thuyết mà cũng là đáp án: “*Phải chăng thành phố ít nhiều mang tính chất công nghiệp đã góp phần vào sự lựa chọn quyết định của Bác?*”¹

* * *

Vậy là, qua các chặng hành trình Vinh - Huế - Bình Định - Bình Thuận - Sài Gòn, ***Sài Gòn đã trở thành nơi kết tụ hoài bão lớn của người thanh niên yêu nước trước ngày rời Tổ quốc.*** Các tác giả công trình *Vàng trong lửa* nhận định: “Sài Gòn, nơi tuy Bác dừng chân ngắn nhất, lại có vai trò quyết định đối với sự lựa chọn con đường cứu nước”, là “chốn giải tỏa cho Bác nhiều nghi vấn mà chỗ khác không đủ điều kiện giúp Bác giải tỏa”; từ đó đi đến kết luận: “Nếu Sài Gòn không phải là chỗ gợi ý, thì cũng là nơi định đoạt dứt khoát thái độ của Bác”². Đó là nhận định hoàn toàn xác đáng, bởi Sài Gòn đã trả lời rõ thêm những câu hỏi tồn nghi của Nguyễn Tất Thành về bản chất của chế độ thực dân, nơi cùng cố quyết tâm và góp phần hết sức quan trọng để Nguyễn Tất Thành quyết định dứt khoát phải sang Pháp và các nước phương Tây, chứ không phải hướng về phương Đông như một số nhà yêu nước tiền bối. Sài Gòn cũng là nơi góp phần tạo điều kiện và có

¹ Nguyễn Văn Linh, *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 29.

² Trần Văn Giàu - Trần Bạch Đằng, *Vàng trong lửa*, sdd, tr. 28, 32.

vinh dự thay mặt cả nước tiễn Nguyễn Tất Thành lên chiếc tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Tơrêvin)¹, bắt đầu một hành trình mới mà thực tế lịch sử đã chứng minh là con đường đúng đắn nhất để hoàn thành thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc².

- 1 Có tài liệu cho biết Nguyễn Tất Thành được ông Trương Cao Nho - làm trưởng bếp trên tàu của hãng Chargeurs Réunis, nhà ở đường Võ Thị Sáu (quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay) - giới thiệu làm phụ bếp trên tàu Amiral Latouche Tréville (xem *Vàng trong lửa*, sđd, tr. 86)
- 2 Bài viết có tham khảo một số tư liệu trong luận văn Thạc sĩ sử học của Huỳnh Bá Lộc, *Quá trình tiếp xúc của Nguyễn Tất Thành với các sĩ phu Việt Nam trước khi ra đi tìm đường cứu nước (1895 - 1911)*, bảo vệ tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.

TỪ SÀI GÒN NGUYỄN ÁI QUỐC BẮT ĐẦU HÀNH TRÌNH DÀI LÂU CHO DÂN TỘC PHÁT TRIỂN

PGS. TS. HÀ MINH HỒNG*

“*Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe những từ Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái... Và từ thuở ấy tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn náu đằng sau những từ ấy*”¹. Tính từ “trạc tuổi” ấy đến khi vào Sài Gòn năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành có 7 năm để lựa chọn một hướng đi, không chỉ cho mình mà cho thế hệ và cả dân tộc về sau.

CHỌN HƯỚNG ĐÚNG: VÀO SÀI GÒN

Việc làm quen với những chữ Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái chỉ là do dán sẵn trên tường cuối lớp học trong các trường Pháp - Việt ở Vinh rồi ở Đông Ba, tuổi niên thiếu chưa hiểu được những gì ẩn giấu bên trong những chữ ấy. Đến những năm 1906 - 1908, Nguyễn Tất Thành càng học nhiều, càng tiếp xúc nhiều với ngôn

* Trường Khoa Lịch sử trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

1 Trả lời phỏng vấn của Ôxíp Mandenxtam - nhà thơ, nhà báo Liên Xô, phóng viên Tạp chí *Ngọn lửa nhỏ*, tháng 12-1923.

ngữ và văn minh Pháp, càng có điều kiện hiểu thêm, nhất là khi vào trường Quốc học Huế, những thầy giáo tân học như thầy Hoàng Thông, thầy Lê Văn Miến giảng giải nhiều điều, làm cho Nguyễn Tất Thành càng hiểu nước Pháp, càng so sánh với thực tế quê hương Xứ Nghệ, Trung Kỳ và cả thuộc địa Việt Nam.

Ở tuổi 17 - 18 với vốn tiếng Hán và tiếng Pháp để đọc sách, làm quen với những tư tưởng mới, Nguyễn Tất Thành có thể phân tích được hay dở của những chính khách. Anh đã biết từ chối con đường Đông Du, thì cũng biết không theo con đường Phan Châu Trinh. Anh hiểu được ở nước Pháp xa xôi bên trời Tây có văn minh dân chủ, thì cũng nhận thức được lầm than của dân tộc mình cần phải có văn minh dân chủ. Nước Pháp làm thế nào để có Tự do, Bình đẳng, Bác ái? Đó là những cơ sở khách quan, tất yếu của sự xuất hiện ý định ra nước ngoài tìm con đường mới cho dân cho nước và Nguyễn Tất Thành đã chọn nước Pháp để xuất dương thực hiện hoài bão tuổi trẻ của mình. Lúc đó đã có nhiều người sang Pháp và sau đó cũng còn nhiều người đến Pháp, nhưng Nguyễn Tất Thành không phải ở Sài Gòn lại khởi hành từ Sài Gòn, đó là điều cần lý giải.

Từ khi xuất hiện ý định muốn đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước (muộn nhất là năm 1908), đến khi vào đến Sài Gòn thực hiện ý định ấy (năm 1911), Nguyễn Tất Thành có khoảng 3 năm để chuẩn bị cho chuyến đi. Tại sao lại chọn Sài Gòn làm nơi xuất phát cho việc xuất dương? Bởi vì:

Sài Gòn là cửa ngõ của xứ Nam Kỳ, nơi có nhiều tàu bè qua lại, đầu mối giao thông nên dễ dàng thuận tiện hơn các xứ khác trong việc xuất dương. Đặc biệt là Sài Gòn lúc ấy có những công ty tàu biển lớn chạy đường Pháp - Đông Dương - Pháp (các hãng Đầu Ngựa và hãng Năm Sao...), rất thuận lợi cho việc sang Pháp và các nước để xem họ “làm như thế nào”.

Sài Gòn cũng là nơi được tự do hơn các xứ khác ở Việt Nam trong việc đi lại, tìm kiếm công ăn việc làm tạm thời để kiếm sống... do đó có thể dễ tìm kiếm manh mối cho việc xuất dương. Việc hãng Năm sao tuyển bồi An Nam phục vụ hành khách trên tàu từ Sài Gòn sang Pháp là một cơ hội lớn cho những người như Nguyễn Tất Thành thực hiện chuyến xuất dương.

Sài Gòn là đất thuộc địa, xứ đông Pháp. Vào được Sài Gòn là có thể coi như đã thấy hình ảnh thực của nước Pháp. Sự đồ sộ, sầm uất cùng với cảnh ông Tây bà đầm ở Sài Gòn càng làm cho việc hiểu nước Pháp được nhiều hơn, thực tế hơn. Chính là vào đến Sài Gòn mà Nguyễn Tất Thành mới thấy rõ hơn cách tổ chức cai trị, cách bóc lột tinh vi, tàn nhẫn của tư bản Pháp, cũng như càng thấy rõ hơn “dân khí” của Nam Kỳ. Thực trạng cuộc sống của dân chúng ở Sài Gòn cũng như chế độ cai trị của Pháp ở Sài Gòn đã tạo ra những tương phản lớn trong sự so sánh của Nguyễn Tất Thành về văn minh Pháp; càng làm cho ý chí muốn sang Pháp được thôi thúc để xem “họ làm như thế nào” rồi trở về giúp đồng bào.

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và nhiều sĩ phu bạn hữu của cụ ở Huế, Bình Định, Phan Thiết... đã giúp cho Nguyễn Tất Thành dứt khoát chọn hướng vào Sài Gòn để thực hiện chuyến đi xa ra nước ngoài.

Quả nhiên, chỉ gần 4 tháng vào Sài Gòn (giữa tháng 2 đến đầu tháng 6 năm 1911), Nguyễn Tất Thành đã có thể kiếm được việc làm, có thể đi học thợ máy và thêm những bạn cùng trang lứa. Anh đi làm bốc vác và giúp người lao động học chữ. Anh giảng giải cho họ lý do sự sang giàu của kẻ bóc lột và sự cực nhọc của người cu-li. Anh có bạn dẫn đi chơi xem đèn điện và ăn kem, để rồi anh làm quen với những thông tin quảng cáo việc tuyển dụng bồi tàu, làm quen với anh Hùm, anh Viên và những người Việt khác đang làm công cho hãng Năm sao... Sự khác biệt ấy cho thấy Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn để tìm kiếm và để tiếp tục đi tìm kiếm,

không phải cuộc sống cho riêng mình mà là con đường cho giới cần lao và cho cả dân tộc.

Câu chuyện buổi trưa Sài Gòn ngày 2-6-1911 của ông Mai - nhân viên phòng ăn của sĩ quan trên con tàu Amiral Latouche Tréville của hãng Năm sao vừa cập bến Sài Gòn kể lại rằng: có một chàng trai về thư sinh xuống tàu xin việc làm. Ông Mai chẳng giải quyết được, nhưng thương tình đã dẫn anh ta đến gặp thuyền trưởng Louis Edouard Michel (Lui Êđua Maisen). Thế là may mắn cho chàng trai được nhận vào làm phụ bếp sau cái nhìn mỉm cười của viên sĩ quan người gốc miền Bắc nước Pháp ấy.

Sự may mắn tiếp tục đến với anh thanh niên hôm qua đã tự xưng tên Văn Ba và ngày hôm nay – mùng 3-6-1911, anh xuống tàu như đã hẹn, bắt đầu làm phụ bếp - bắt đầu hành trình đi tìm đường cứu nước.

PHƯƠNG CÁCH NHƯ ĐÃ THỂ NGHIỆM Ở SÀI GÒN

Những ngày lao động kiếm sống ở Sài Gòn trước khi xuống tàu sang Pháp, Nguyễn Tất Thành đã nhanh chóng tìm hiểu cuộc sống của thành phố đô hội vào bậc nhất của chế độ thực dân Pháp ở phương Đông. Nguyễn Tất Thành thấy ở Sài Gòn nhiều hạng người, trong đó những người lao động, làm culi là gần gũi nhất, thông cảm với anh, nhanh chóng thân thiết với anh. Tiếp xúc với những người lao động ở vùng cảng Sài Gòn như thế, Nguyễn Tất Thành cũng trở thành người lao động và tự kiếm sống, cùng cảm thông và chia sẻ, anh dạy họ học chữ, họ tôn trọng anh và rủ nhiều người làm bạn giúp đỡ anh. Cùng sinh sống với những người lao động ở Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành cũng ý thức được sự mạo hiểm khi đi xuất dương chỉ một mình, đồng thời cũng tự tin với ý chí, nghị lực của tuổi thanh niên cùng với đôi bàn tay lao động kiếm sống của chính mình.

Có lẽ những ngày sống ở Sài Gòn vừa lạ vừa quen như thế, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành càng có thêm những kinh nghiệm buổi đầu lao động kiếm sống để đi và học hỏi trên con đường bốn ba sắp tới. Sài Gòn đã tiếp thêm ý chí, nghị lực và vốn sống cho anh trên bước đường thực hiện những mục tiêu cứu nước mà anh đã lựa chọn bấy lâu nay.

Ngày 5-6-1911, con tàu mà Văn Ba vừa được nhận làm phụ bếp đã rời cảng Sài Gòn, đưa Văn Ba vào hành trình lao động. Chế Lan Viên trong bài *Người đi tìm hình của nước* đã mô tả hành trình ấy:

"Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng biển

"Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi

"Những đất tự do, những trời nô lệ

"Những con đường cách mạng đang tìm đi

"Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước

"Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà

"Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc

"Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa..."¹

Nhưng hành trình ấy không nên thơ, bởi cuộc sống của người lao động chân tay dưới hầm tàu với công việc "đốt lò, lau chảo, thái rau" và những công việc tương tự như thế không phải người trong cuộc thì chưa chắc đã hình dung hết, cũng như không phải không có nhiều hiểm nguy, mặc dù đã biết sẽ có nhiều mạo hiểm.

Chính người lao động ấy đã kể: *"Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, tối đốt lửa trong các lò. Sau đó đi khuân than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt cá, nước đá v.v.. Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp*

¹ Chế Lan Viên, *Ánh sáng và phù sa*, Nxb. Văn học, 1960.

rất nóng và trong hầm rất rét. Nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu trông trơn. Xong công việc ấy, phải dọn cho bọn chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày. Nhà bếp lo cho bảy, tám trăm người cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá, anh phải leo lên ghế để chùi nồi¹.

Thế đấy, có khác chi anh em lao động mà Văn Ba đã cùng làm khi còn ở Sài Gòn, nhưng còn đáng sợ hơn nữa: “Một lần, dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Biển nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp đến hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu trông trơn, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi, chuyển thứ hai một ngọn sóng lớn thành linh phủ lên sàn tàu và cuốn xuống biển mọi vật trên sàn tàu. Cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết”².

Sống ở nước Anh - nơi có cuộc cách mạng tư sản đầu tiên (1640), nơi có nhiều trường học lớn, nhiều khách sạn sang trọng, Văn Ba vẫn lao động cực nhọc như bao người dân khác của xứ sương mù này. Anh kể rằng: “Hôm thứ nhất, tôi nhận việc cào tuyết trong một trường học. Một công việc rất mệt nhọc. Minh mảy tôi đầm mồ hôi mà tay chân thì rét cóng. Và cuộc được đồng tuyết cũng rất khó khăn vì tuyết trơn. Sau tám giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Tôi đành phải bỏ việc... Hai ngày sau, tôi tìm được một việc khác. Lần này thì phải đốt lò. Từ năm giờ sáng, một người nữa với tôi chui xuống hầm để nhóm lửa. Suốt ngày chúng tôi đổ than thay than trong lò. Ở đây thật đáng sợ... Trong hầm hắt

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 15.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 16.

sức nóng, ngoài trời hết sức rét, và không có đủ quần áo, tôi luôn bị cảm. Vì vậy, tôi nghỉ việc luôn hai tuần lễ...¹.

Sống tại nước Pháp - chính nơi có cuộc cách mạng đã sản sinh ra những mỹ từ lý tưởng “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc đã hóa thân vào cuộc sống của giới cần lao ngay giữa Paris tráng lệ. Công việc rửa ảnh, làm tranh trên gốm, viết báo của anh phải dựa vào sự trợ giúp, chỉ dẫn của Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền cùng nhiều người khác, để có thể kiếm tiền cho mưu sinh và học tập.

Cuộc sống của người lao động ấy đã trở thành “Người cùng khổ” chưa còn tùy vào cảm nhận của chính người ấy, chỉ biết rằng: *“Mỗi buổi mai, ông Nguyễn nấu cơm trong một cái sanh nhỏ bằng sắt tây đặt trên ngọn đèn dầu. Với một con cá mắm hoặc một tí thịt. Ông ăn một nửa và để dành một nửa đến chiều. Có khi một miếng bánh mì với một miếng pho-mát là đủ ăn cả ngày. Ông trọ ở một phòng nhỏ trong một khách sạn rẻ tiền ở xóm lao động. Phòng chỉ vừa kê một cái giường sắt chập, một cái bàn nhỏ và một cái ghế. Chỉ thế thôi, không có gì khác. Về mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn. Chiều đến, ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét”².*

Như thế gần 10 năm lao động và trải nghiệm qua nhiều quốc gia khắp các châu lục Âu - Á - Phi - Mỹ, người lao động Văn Ba đã hóa thân vào giới cần lao, hiểu và thông cảm từ những người lao động cùng cực trong xã hội không phân biệt màu da. Phương cách ấy từ Sài Gòn - từ lao động và hóa thân, đã đưa Nguyễn Tất Thành - Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc tiếp cận đến học thuyết vô sản.

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 27-28.

² Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 39.

Hơn nữa, không chỉ là tiếp cận mà còn là nhận biết và thấu hiểu, giác ngộ và tin tưởng vào học thuyết ấy.

Cho đến cuối năm 1920, không phải chỉ có một mình Nguyễn Ái Quốc là người thuộc địa duy nhất vào Đảng Xã hội Pháp¹ và càng không phải ông là người Việt Nam duy nhất sang Pháp lao động, học tập và tìm kiếm chân lý. Nhưng đến thời điểm ấy, đến với chủ nghĩa Lênin và con đường cách mạng vô sản thì vẫn chỉ có một mình Nguyễn Ái Quốc mà thôi.

Chính Người đã lý giải một cách giản dị điều khác biệt ấy: “*Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải là chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ Ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ*”².

CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VỀ LẠI SÀI GÒN

Kết quả của quá trình ra đi tìm kiếm và lựa chọn sau gần một thập niên (1911 - 1920) đã chuyển sang quá trình mới đưa con đường cứu nước về với dân tộc, đi vào hiện thực hóa. Sài Gòn là một trong những đầu mối của quá trình ấy - truyền bá con đường cứu nước theo cách mạng vô sản, bắt đầu từ thập niên kế tiếp, nhằm “*đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập*”³.

Nhưng cách thức của sự truyền bá con đường cứu nước ấy không còn nhiều thuận lợi như việc đưa trào lưu tư tưởng mới vào

¹ Theo báo cáo của Trung ương Đảng Xã hội Pháp thì năm 1913 đã có 7 người Việt Nam vào Đảng Xã hội Pháp, năm 1919 có 80 người Việt Nam tham gia đảng này (Theo TS. Nguyễn Thế Kỳ, tại Hội thảo “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước”, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31-5-2011).

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 126.

³ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 52.

thuộc địa này những năm trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, mặc dù Sài Gòn vẫn tiếp tục chuyển biến mạnh mẽ trong khuôn khổ của chế độ thuộc địa.

Sau chiến tranh, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai với việc tăng nhanh đầu tư của tư bản Pháp sang Đông Dương ngày càng nhiều, dẫn đến sự ra đời hàng loạt công ty khai mỏ và các ngành giao thông đường sắt, đường bộ, chế biến, vải sợi... Đồng thời chính quyền thực dân cũng phải ra sức "Cải cách dân chủ", "Cải lương hương chính" nhằm giữ cho được thuộc địa trong quỹ đạo thực dân. Tình hình đó làm cho đời sống xã hội thuộc địa tiếp tục có những chuyển biến nhanh hơn, nhất là ở các đô thị Nam Kỳ như Sài Gòn.

Lúc đó ở Sài Gòn có nhiều lính thợ và lính chiến người Việt sau chiến tranh hồi hương từ Pháp về nước sinh sống. Trong nước đã có thêm nhiều báo chí tiếng Pháp, tiếng Việt xuất hiện góp thêm món ăn tinh thần mới; các gánh hát được thành lập đem theo một số vở kịch nói lần đầu tiên được lưu diễn; một số tổ chức chính trị, quần chúng ra đời hoạt động bí mật (như Công hội) hoặc công khai nhuộm màu tôn giáo; những tầng lớp mới trong xã hội ngày một đông như công chức, viên chức, trí thức, học sinh, người làm nghề tự do... Tất cả làm cho Sài Gòn thêm náo nhiệt, sôi động và nhạy cảm, Sài Gòn trở thành một đầu mối quan trọng ở phía nam để tiếp thu những tư tưởng mới về thuộc địa, bắt đầu từ năm 1921.

Công hội lúc đầu thành lập ở cảng Sài Gòn, xưởng Ba Son, sau lan ra xưởng Faci, nhà máy đèn Sài Gòn, nhà máy đèn Chợ Quán, nhà máy rượu Bình Tây, nhà máy xay xát Vạn Thành... Hội viên chủ yếu là công nhân ở các công xưởng, nhà máy, xí nghiệp, họp thành từng nhóm, lấy nhà hội viên mà hội họp luân phiên, thường họp ở ngoại ô; đặc biệt thường họp tại đình Bình Đông (quận 8 ngày nay). Theo cách thức hoạt động thiết thực kiểu Nguyễn Ái Quốc như thế, nhiều công nhân lao động gia nhập Công hội bí mật, khơi dậy trong họ lòng yêu nước, chí căm thù,

giúp cho họ phân biệt bạn và thù, từ đó tạo ra cơ sở xã hội cho tư tưởng cộng sản bén rễ, ăn sâu và phát triển trong phong trào công nhân ở Sài Gòn cũng như trên đất thuộc địa Việt Nam thập niên 20 của thế kỷ XX.

Năm 1923, từ những bài diễn thuyết bằng tiếng Pháp ngày 25-1-1923 (*Chung đúc một nền học thức cho dân An Nam*) và ngày 15-10-1923 (*Lý tưởng của thanh niên An Nam*), nhà yêu nước Nguyễn An Ninh đã kịch liệt đả kích các chính sách của chính quyền thực dân, kêu gọi nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh niên hăng hái giũ bỏ những ràng buộc của hủ tục, bất chấp sự đàn áp của thực dân Pháp ra đi tìm đường cứu nước, nêu cao ý tưởng *Thanh niên ngày nay, không ai cấm chúng ta phác họa ước mơ và cao vọng*, hình thành một tổ chức gọi là Thanh niên cao vọng. Từ đó một bộ phận những người yêu nước trong Thanh niên Cao vọng hoạt động và liên hệ gắn bó với tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đang phát triển ở Nam Kỳ, giới thiệu cho tổ chức này những hạt giống tốt của Nam Kỳ để gieo mầm cách mạng vô sản theo con đường của Nguyễn Ái Quốc.

Ngày 4-8-1925, một cuộc bãi công lớn của 1.000 công nhân xưởng Ba Son (Sài Gòn) do Công hội đồ tổ chức, đã vận động công nhân, viên chức trong thành phố ủng hộ vật chất và tinh thần cho công nhân Ba Son. Sau 8 ngày đấu tranh, một số yêu sách kinh tế đạt được thắng lợi, công nhân trở lại làm việc, nhưng tiếp tục bãi công, đến tháng 11-1925, tàu Misolê mới được sửa chữa xong, lúc phong trào công nhân Trung Quốc cũng đạt được những thắng lợi. Sự phối hợp như thế từ công nhân Sài Gòn đã thể hiện tình đoàn kết vô sản quốc tế của công nhân Việt Nam; từ đó những hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đang tìm những hạt nhân tích cực cho sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đã hướng vào phong trào công nhân ở Sài Gòn.

Tháng 10-1926, sau khi học xong lớp huấn luyện chính trị khóa II cho các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

tại Quảng Châu, hai hội viên là Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được Nguyễn Ái Quốc cử về Sài Gòn để xây dựng cơ sở của thanh niên ở trong nước. Chỉ một thời gian ngắn, theo cách thức của Nguyễn Ái Quốc chỉ dẫn, các hạt giống đỏ này đã phát triển hội viên (Tôn Đức Thắng, Trần Trương, Trần Ngọc Giải...), đưa một số người (Lê Mạnh Trinh, Ngô Thiêm, Lê Văn Phát...) đi dự lớp Quảng Châu... Đến giữa năm 1927, từ Sài Gòn tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên lan ra 11 tỉnh Nam Kỳ; Kỳ bộ lâm thời của Hội được thành lập do Phan Trọng Bình làm bí thư; đến năm 1929, toàn Nam Kỳ có 19 chi bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hoạt động.

Từ năm 1928, Sài Gòn tạo điều kiện cho một số cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đi “vô sản hóa” (Ngô Gia Tự làm công tại cảng Sài Gòn, Lê Văn Lương và Hoàng Quốc Việt vào xưởng Faci, Phan Trọng Quảng vào làm ở xưởng kéo xe...); họ mang tới cho phong trào công nhân hệ tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, chuẩn bị cho bước phát triển nhảy vọt của phong trào công nhân và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Lại có gánh hát “Đồng Nữ Ban” do Cô Ba Viện (Trần Ngọc Viện) thành lập cũng thu hút quần chúng nhân dân yêu thích ca nhạc, kịch, nhất là khi lưu diễn tại Sài Gòn, qua đó tuyên truyền tinh thần yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm...

Tháng 7-1929, Châu Văn Liêm tổ chức một cuộc họp với một số hội viên chọn những người ưu tú trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để chuyển thành đảng viên cộng sản. Tiếp đó Châu Văn Liêm triệu tập hội nghị tại *Phong cảnh Khách lầu* (góc đường Bonard - Philippin, nay là góc đường Lê Lợi - Nguyễn Trung Trực) thành lập An Nam Cộng sản đảng. Tại Hội nghị họp nhất đầu năm 1930, Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu đại diện cho An Nam Cộng sản đảng cùng các đại biểu Đông Dương Cộng sản đảng tán thành và nhất trí với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ mùa xuân ấy, con đường cứu nước theo cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc đã đâm chồi nảy lộc từ hạt giống đỏ do Người gieo về lại Sài Gòn và cả thuộc địa Việt Nam. Đó là những hạt giống cộng sản theo mẫu hình Nguyễn Ái Quốc chứa đầy trong lòng chủ nghĩa yêu nước thiết tha, thấm nhuần chủ nghĩa Lênin, ấp ủ hoài bão cứu dân cứu nước, giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội, để có hòa bình, dân chủ, giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu.

CON ĐƯỜNG DÀI LÂU CHO DÂN TỘC - SÀI GÒN ĐI TRƯỚC

Đầu tiên là giành độc lập cho dân tộc

Đề tiên tới Cách mạng tháng Tám, trong 15 năm (1930 - 1945), Sài Gòn đã đi trước trong nhiều công việc của cách mạng giải phóng. Nếu tính từ khởi nghĩa Nam Kỳ (1940), thì trước đó nhiều địa phương khác trong cả nước đã cống hiến nhiều kinh nghiệm đấu tranh dân tộc dân chủ, trong đó Sài Gòn những năm 1932 - 1939 đã rất điển hình khi khai thác khá tốt những điều kiện của chế độ thuộc địa trong việc đẩy mạnh đấu tranh công khai hợp pháp chống chế độ thuộc địa.

Từ trong khởi nghĩa Nam Kỳ, Sài Gòn hiện lên là một đô thị đầu não có vai trò rất quan trọng trong một cuộc nổi dậy toàn xứ; nhưng không phải cứ có quyết tâm ý chí là Sài Gòn có thể nổ ra khởi nghĩa và phát huy vai trò đầu não của nó được. Điều quan trọng là phải có thực lực cách mạng - những lực lượng lãnh đạo và quần chúng đông đảo cùng đồng tâm đồng chí về nền độc lập và giải phóng cho dân tộc. Chính trong điều kiện đó sẽ thấy Xứ ủy Tiền phong và việc Đoàn ngũ hóa Thanh niên tiền phong đã đi đầu trong việc xây dựng thực lực cách mạng ở trung tâm đầu não tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền, lật đổ chế độ thuộc địa.

30 năm chiến tranh cách mạng

Đó là khoảng thời gian thử thách một chế độ xã hội vừa được thành lập từ trong Cách mạng tháng Tám; và hơn thế nữa còn là thời gian kiểm nghiệm con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh sau 15 năm phát triển đã đạt được kết quả đầu tiên đưa dân tộc “rũ bùn đứng dậy sáng lòa”, nay đứng lên trong vị thế mới để bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng.

Sài Gòn là nơi đầu tiên trong cả nước thể hiện bằng hành động lời thề độc lập “*quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững nền tự do, độc lập ấy*”. Cuộc chiến 30 năm chống hai loại chủ nghĩa thực dân cũ và mới bắt đầu và kết thúc đều ở Sài Gòn, hoàn toàn chứng minh cho “dân khí” của Sài Gòn và Nam Bộ như hồi đầu thế kỷ XX Nguyễn Ái Quốc đã minh định từ thực tế Sài Gòn trước khi Người ra đi tìm đường cứu nước.

Độc lập, thống nhất làm tiền đề cho đất nước phát triển và hội nhập

Giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam đã tạo ra cơ sở cho việc xây dựng củng cố nền độc lập thống nhất quốc gia. Công cuộc xây dựng kiến thiết đất nước, đã trải qua hàng chục năm đưa đất nước phát triển đổi mới đi lên. Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang tiếp tục giữ vị trí đi trước, thực hiện trước ở phía nam trong nhiều hoạt động quốc tế dân sinh: Thành phố là nơi sản sinh và phát triển nhiều phong trào văn hóa - xã hội lớn, một trong những nơi sớm “xé rào” để xóa bỏ dần cơ chế và chính sách quản lý kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển sang nền kinh tế hàng hóa thị trường nhiều thành phần dưới sự quản lý Nhà nước và định hướng xã hội chủ nghĩa, một trong những địa phương đi trước trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tìm ra nhiều mô hình mới, cách làm ăn mới trên các mặt nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, ngân hàng, tài chính, tiền tệ, bưu chính, viễn thông, giao thông vận tải...

Như thế, ngoài những cơ sở tốt, Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh còn có nhiều tiền lệ tốt, kinh nghiệm tốt cho sự phát triển tiếp tục từ khi đất nước thống nhất, non sông liền một dải cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội, đổi mới, phát triển và hội nhập. Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những nơi khởi phát mạnh mẽ những tìm tòi con đường đổi mới, góp phần vào quyết định lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ VI mở đường cho sự phát triển và hội nhập từ cuối thập niên 80 thế kỷ XX tới ngày nay.

Con đường cứu nước mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh lựa chọn cho dân tộc từ đầu thế kỷ XX là con đường Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, con đường cách mạng đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tiễn của lịch sử nước ta, đưa cách mạng nước ta đến thành công, xây dựng lên chính thể cộng hòa dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Đó là con đường từ nô lệ và thuộc địa trở thành độc lập, tự chủ, con đường từ “rũ bùn đứng dậy” đi đến hào hùng và tỏa sáng Việt Nam, con đường từ chậm tiến, chưa phát triển đi tới bình đẳng với các dân tộc trên thế giới và sánh vai với các cường quốc năm châu.

Con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn là con đường dài lâu cho dân tộc, bởi nó đã được kiểm chứng bằng thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng kiến thiết, đổi mới, phát triển và hội nhập. Chứng tỏ “*muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*”, chỉ có con đường xã hội chủ nghĩa mới đảm bảo cho dân tộc có nền độc lập thực sự, đất nước ổn định phát triển, đi tới giàu mạnh. Sự lựa chọn con đường đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của lịch sử dân tộc và quy luật phát triển của thời đại như thế là sự đảm bảo cho quá trình tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam thống nhất bền vững.

* * *

Tròn một thế kỷ về trước, Sài Gòn đã tiễn người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Mười năm sau (1920), Người đã tìm ra chân lý và Người đã trở về với con đường cách mạng vô sản, đưa đất nước - dân tộc Việt Nam đi đến những thắng lợi có tầm vóc thời đại. Đi theo con đường ấy, đất nước - dân tộc Việt Nam đang tiến tới dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sự lựa chọn con đường cứu nước ngày ấy cũng là sự lựa chọn con đường dài lâu cho dân tộc phát triển trường tồn.

Phần 3

**CUỘC HÀNH TRÌNH
VĨ ĐẠI**

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

PGS. TS. NGUYỄN PHAN QUANG*

Tìm hiểu con đường dẫn Bác Hồ từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, những người nghiên cứu nhất trí nhận định rằng: trong nhiều nhân tố giải thích việc Bác Hồ tìm được con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn - con đường cách mạng vô sản - nổi bật lên hai nhân tố cơ bản¹.

Một là thời đại mới mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga, thời đại mà độc lập dân tộc không thể tách rời chủ nghĩa xã hội. Bác Hồ là người Việt Nam đầu tiên sớm nhận ra chân lý đó.

Thời gian Bác Hồ đi tìm đường cứu nước cũng là thời gian bộ mặt thế giới có nhiều thay đổi lớn. Qua gần ba phần tư thế kỷ tồn tại và phát triển (1848-1920), chủ nghĩa Mác đã tiến những bước nhảy vọt, chiếm được ưu thế trong phong trào công nhân sau Công xã Paris (1871) và giành được thắng lợi hoàn toàn với Cách mạng tháng Mười Nga (1917).

Cách mạng tháng Mười Nga mở đầu thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở

* Ủy ban Giải thưởng Trần Văn Giàu.

¹ Xin tham khảo: Nguyễn Văn Phụng - *Con đường dẫn Mác đến chủ nghĩa cộng sản và con đường dẫn Bác Hồ đến chủ nghĩa Mác - Lênin* - Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 2-1983, tr. 9-23.

ra con đường giải phóng hiện thực cho giai cấp vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Thời đại mới đã ảnh hưởng trực tiếp đến con đường đi tìm chân lý của Bác Hồ, giúp Bác giảm bớt những đoạn đường vòng và đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Hai là nhu cầu cấp bách của lịch sử Việt Nam: giành lại độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc. Bác Hồ là người sớm nắm bắt được nhu cầu đó và đáp ứng được đòi hỏi của lịch sử.

Tình hình xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đề ra yêu cầu cấp bách: làm thế nào để cứu nước, giành lại độc lập, tự do. Yêu cầu này được phản ánh qua cuộc đấu tranh liên tục và anh dũng của nhân dân ta trong phong trào Cần Vương ở cuối thế kỷ XIX và phong trào Đông Du, Duy Tân ở đầu thế kỷ XX do các cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh khởi xướng. Thất bại của phong trào Cần Vương chấm dứt thời kỳ đấu tranh giành độc lập dưới khẩu hiệu “phò vua giúp nước”. Phong trào Đông Du, Duy Tân ở đầu thế kỷ XX dựa trên lý luận dân chủ tư sản vừa bùng lên đã bị thực dân Pháp dập tắt.

Bước vào những năm 20 của thế kỷ XX, phong trào giải phóng sôi nổi của nhân dân ta đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối. Nói cụ thể hơn, đó là cuộc khủng hoảng về vai trò lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến. Trong bối cảnh đó, Bác Hồ đã nhanh chóng nắm bắt nhu cầu của đất nước và kịp thời đáp ứng đòi hỏi bức thiết của lịch sử.

Con đường dẫn Bác Hồ từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin được đánh dấu bằng những mốc lớn, những bước ngoặt quan trọng:

1/ Bằng thiên tài trí tuệ và nghị lực phấn đấu phi thường vượt qua sự hạn chế của những người yêu nước cùng thời, Bác Hồ không tán thành chủ trương cứu nước của cụ Phan Bội Châu cũng

như của cụ Phan Châu Trinh, tuy Bác hết sức khâm phục tinh thần yêu nước của hai cụ: “*Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... Chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương*”, “*Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau*”¹.

Bác Hồ quyết định đi tìm con đường cứu nước khác; và đây là bước ngoặt thứ nhất trên con đường dẫn Bác đến chủ nghĩa Mác - Lênin.

2/ Năm 1911, Bác Hồ ra đi với mục đích: “*Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta*”².

Vào lúc này, chủ nghĩa Mác ra đời đã ngót 70 năm, nhưng trên thế giới chưa có một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nào thắng lợi. Khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái” của cách mạng tư sản Pháp đã thúc giục Bác đi đến những nước có cuộc cách mạng tư sản thắng lợi³. Người khâm phục ý chí giành độc lập, tự do của nhân dân Mỹ, khâm phục tinh thần cuộc cách mạng tư sản Pháp. Nhưng với kinh nghiệm rút ra từ quan sát và hoạt động thực tiễn,

1 Trần Dân Tiên - *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* - Nxb. Văn học, Hà Nội 1970, tr. 10 - 11.

Nhà sử học Charles Fourniau không phải không có lý khi cho rằng việc Nguyễn Tất Thành theo học một trường kỹ nghệ ở Sài Gòn (trước khi đi ra nước ngoài) là dấu hiệu đầu tiên chứng tỏ Người muốn tiếp xúc với kỹ thuật phương Tây, cũng như với giai cấp công nhân: “Việc chuyển từ một thầy giáo thành một học sinh trường kỹ nghệ là một điều kỳ lạ ở một nước vốn khinh rẻ nghề thợ... Cho nên hình như anh thanh niên cách mạng (Nguyễn Tất Thành) đến với trường kỹ nghệ không phải để tập sự một nghề nghiệp mà là để tiếp xúc với phương Tây, với kỹ thuật phương Tây, với những con người tiến hành những kỹ thuật đó, nghĩa là với giai cấp công nhân” (*HO CHI MINH, notre camarade* - Introduction historique de Charles Fourniau - Editions Sociales, Paris 1970, p.21)..

2 Trần Dân Tiên - Sách đã dẫn.

3 Năm 1923, trả lời phỏng vấn của tạp chí *Ngon lửa nhỏ* (Liên Xô), Nguyễn Ái Quốc đã giải thích quyết định của mình như sau: “Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ ngữ tiếng Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái - đối với chúng tôi lúc ấy, mọi người da trắng đều được coi là người Pháp - thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy” (Tham khảo: E.Côbêlêp - *Đồng chí Hồ Chí Minh* - Nxb. Tiến bộ, Mátxcova 1985, tr. 38).

Bác Hồ đã nhìn thấy giai cấp tư sản không còn là giai cấp tiến bộ của thời đại nữa¹.

Không đi theo con đường cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ, mà đi tìm con đường cách mạng khác, đó là *mốc quan trọng thứ hai* của Bác Hồ những ngày ra đi tìm đường cứu nước².

3/ Năm 1914, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Bác Hồ càng có thêm thực tế sinh động để hiểu rõ bộ mặt thật của chủ nghĩa tư bản³.

Năm 1919, Bác gia nhập tổ chức tiên bộ nhất ở Pháp lúc bấy giờ là Đảng Xã hội Pháp, có dịp tìm hiểu thêm về phong trào công

1 “Nguyễn Tất Thành tìm hiểu cuộc cách mạng Mỹ năm 1776, cuộc cách mạng Pháp năm 1789, phong trào giải phóng của các nước thuộc địa chống chủ nghĩa thực dân. Anh thấy rằng cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp nêu cao khẩu hiệu tự do, bình đẳng, nhưng không đưa lại tự do, bình đẳng thực sự cho quần chúng lao động, “tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước đoạt công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”, “Mỹ tuy rằng khách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính đến khách mệnh lần thứ hai”, Còn Pháp “khách mệnh đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hẳn còn phải mưu khách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức” (Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương - *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Sơ thảo, Tập 1* - Nxb. Sự thật, Hà Nội 1981, tr. 47 - 78).

2 Theo Charles Fourniau (Sách đã dẫn), kinh nghiệm đầu tiên nhưng rất cơ bản của Nguyễn Ái Quốc, ngay khi Người vừa cập bến Mácxây, là nỗi thống khổ của những người vô sản ở phương Tây cũng chẳng khác gì ở phương Đông. Kinh nghiệm này càng được tích lũy thêm khi Người đến châu Mỹ, đến nước Anh. Đối chiếu với nỗi thống khổ của đồng bào mình ở quê hương (giống nhau về bản chất, khác nhau về mức độ), Nguyễn Ái Quốc sớm xác định cho mình nhiệm vụ chỉ rõ cho giai cấp vô sản phương Tây nhìn thấy trách nhiệm của họ là phôi hợp, ủng hộ các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh để loại trừ nỗi thống khổ chung đó (tr. 22).

3 Tóm tắt hành trình đi tìm đường cứu nước của Bác Hồ từ năm 1911 đến 1917:
Sau khi rời Huế vào Phan Thiết dạy học ở trường Dục Thanh một thời gian, đầu năm 1911 Người đến Sài Gòn, xin vào trường Bách nghệ. Được ít lâu, lấy tên là Văn Ba, Người xin làm phụ bếp trên chiếc tàu buôn Amiral Latouche Tréville để đi ra nước ngoài.
Ngày 5-6-1911, Người theo tàu sang Pháp; tháng 7-1911 tới các cảng Mácxây, Le Havre, tháng 8 đến cảng Dunkerque, tháng 9 lại quay về Mácxây theo hành trình của tàu.
Trong năm 1912, Người làm thuê cho một chiếc tàu của hãng “Năm Sao” chạy quanh châu Phi. Người đã dừng chân ở Algérie, Tunisie, Congo, Dahomey, Sénégal, Réunion, Guinée.
Cuối năm 1912, Người sang Mỹ, dừng chân ở New York, Boston một thời gian. Cuối năm 1913, Người rời Mỹ sang Anh. Năm 1917, Người từ Anh trở lại Pháp...

nhân, tiếp xúc và được sự giúp đỡ của nhiều nhà cách mạng nổi tiếng của giai cấp công nhân Pháp¹.

Tháng 11-1917, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thành công với khẩu hiệu nổi tiếng của Lênin “Vô sản của tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!”. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười làm lung lay tận gốc chủ nghĩa cải lương của Quốc tế thứ II, dẫn đến thành lập Quốc tế Cộng sản. Tuy chưa hiểu biết đầy đủ về Cách mạng tháng Mười, nhưng Bác Hồ hân hoan chào đón thắng lợi của cách mạng. Sau này Bác kể lại: “Về cảm tính, tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc Cách mạng Nga và những người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lênin”².

Bác Hồ khao khát tìm hiểu Cách mạng tháng Mười Nga. Người tham gia cuộc vận động nhân dân Pháp quyên góp để giúp nhân dân Nga vượt qua nạn đói. Người phân phát lời hiệu triệu của Đảng Xã hội Pháp kêu gọi nhân dân Pháp chống lại sự can thiệp vũ trang của các nước đế quốc vào nước Nga cách mạng³.

1 Trong lời giới thiệu Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1 có đoạn: “Không chịu ảnh hưởng của những tư tưởng dân tộc và dân chủ tư sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mong muốn tìm thấy đường lối cách mạng mới để tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân Pháp. Vì thế, Người đã tham gia hoạt động, đấu tranh trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân bị áp bức các nước châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ” (Nxb. Sự thật, Hà Nội 1980, tr. 25).

2 *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Sơ thảo, tập 1 - Sách đã dẫn, tr. 53.
Nhà sử học Charles Fourniau mấy lần vinh dự gặp Bác Hồ tại Hà Nội, và theo tác giả: “Chủ tịch Hồ Chí Minh còn giữ những kỷ niệm thật cảm động về những năm Người sống ở Paris. Người thích gọi lại kỷ niệm đó khi tiếp những người Pháp đến thăm”.
Trong lần gặp đầu tiên vào năm 1960, Charles Fourniau được Bác Hồ tiếp chuyện rất thân mật: “Tôi hết sức ngạc nhiên khi được chuyện trò thật thoải mái, thật giản dị với một bậc vĩ nhân như thế... Người kể với tôi rằng hồi ở Paris, Người còn là một thanh niên chưa từng trải..., nổi tiếng Pháp chưa thạo, nhưng qua bao nhiêu kinh nghiệm bản thân, Người hằng say quyết tìm cho được con đường giải phóng dân tộc mình” (Sách đã dẫn, tr. 25).

3 Theo E.Côbêlêp, “ở Pháp lúc bấy giờ, làm được điều này không phải dễ. Bộ máy tuyên truyền tư sản tiến hành một chiến dịch vu khống điên cuồng chống lại nước Nga Xô viết, tìm mọi cách xuyên tạc bản chất của những sự kiện đang diễn ra ở đó. Trên tường các tòa nhà ở Paris treo đầy những áp phích vu khống, lăng mạ. Người bôn-sê-vích được mô tả trên đó là kẻ man rợ, miệng ngậm con dao đầy máu, tay nắm tóc phụ nữ và sau lưng là những ngôi nhà nông dân đang bốc lửa. Trên những tấm áp-phích khác là nước Nga nghèo đói, khổ cực, bất lực, đang quần quai giẫy chết. Trên các trang báo tư sản, Người đọc thấy những điều bịa đặt quái gở về việc người bôn-sê-vích đã chìm đất nước trong biển máu và chính quyền Xô viết quốc hữu hóa cả phụ nữ, bởi vậy ai muốn lấy vợ phải được phép” (*Đồng chí Hồ Chí Minh* - Sách đã dẫn, tr. 55 - 56).

Đến đây, trong tình cảm và suy nghĩ của nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã có những nhân tố cộng sản. Và đây cũng chính là *mốc quan trọng thứ ba* trên con đường dẫn Bác đến với chủ nghĩa Mác - Lênin¹.

4/ Với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, trong phong trào công nhân quốc tế diễn ra một sự phân hóa sâu sắc. Trong Đảng Xã hội Pháp cũng diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt về việc theo Quốc tế thứ II hay theo Quốc tế thứ III của Lênin. Cuộc đấu tranh này có ảnh hưởng quyết định đến quá trình tìm đường cứu nước của Bác Hồ. Về sau, kể lại quá trình đó, Người viết: “Khi tôi nêu câu hỏi; “Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức?” thì người ta trả lời: Quốc tế thứ III. Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin vừa đăng trên báo *Nhân Đạo*. Từ đó tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ III và hoàn toàn tin theo Lênin”².

1 Về sau, khi sang Liên Xô học ở trường Đại học Phương Đông, trả lời câu hỏi của phóng viên báo *Đoàn Kết*: “Khi học xong, anh dự định làm gì?”, Nguyễn Ái Quốc đáp: “...Chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được... Chúng tôi hiểu rõ là chúng tôi có trách nhiệm rất nặng nề và tương lai các dân tộc thuộc địa tùy thuộc vào sự tuyên truyền và tinh thần hy sinh của chúng tôi...” (Bài phỏng vấn được in lần đầu tiên trên báo *Đoàn Kết* (L'Unita), cơ quan của Đảng Cộng sản Ý, số ra ngày 15-3-1924 - Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, (Sách đã dẫn, tr. 197).

2 *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin* (để trình bày tại Đại hội lần thứ hai Quốc tế Cộng sản, họp từ 23-7 đến 7-8-1920) được đăng trên *Tạp chí Quốc tế Cộng sản*, số ra ngày 14-7-1920. Báo *Nhân Đạo* đăng lại bản Sơ thảo... liên tiếp trong hai số ra ngày 16 và 17-7-1920.

Sơ thảo Luận cương... có những đoạn như sau:

“... Điều quan trọng nhất trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là phải làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì chỉ có sự gần gũi ấy mới bảo đảm chiến thắng chủ nghĩa tư bản, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng”.

“... Đối với các quốc gia và các dân tộc chậm tiến hơn, trong đó những quan hệ có tính chất phong kiến hoặc gia trưởng và gia trưởng nông dân chiếm ưu thế thì đặc biệt phải chú ý... nhất thiết phải có sự giúp đỡ của tất cả các Đảng Cộng sản đối với phong trào giải phóng dân chủ tư sản của những nước ấy; công nhân của một nước đang thống trị một dân tộc chậm tiến về mặt thuộc địa hoặc về tài chính phải có nhiệm vụ trước tiên ủng hộ tích cực nhất phong trào giải phóng của dân tộc ấy” (*V.I. Lênin Toàn tập* - Tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova 1978, T.41, tr. 199-203).

Luận cương của Lênin đã giải đáp trúng những vấn đề mà Bác Hồ đang tìm hiểu, giúp Bác khẳng định rằng: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không còn con đường nào khác con đường cách mạng vô sản. Có thể nói: đây là bước ngoặt căn bản sau mười năm đi tìm chân lý giải phóng đồng bào, kết thúc một quá trình chuyển biến trong nhận thức tư tưởng của Bác Hồ, từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa cộng sản¹. Bước ngoặt này được hoàn thành với việc Bác Hồ bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản trong Đại hội Tua (Tours)².

Tóm lại, bằng hành động lịch sử gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp³. Bác Hồ đã mở đường cho cách mạng Việt Nam ra khỏi cuộc khủng hoảng về đường lối⁴. Từ những ý nghĩa như trên, đồng chí Lê Duẩn viết:

- 1 Nhấn mạnh bước ngoặt căn bản này, trong bộ *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Sơ thảo, Tập 1) có đoạn: "Luận cương của Lênin đã giúp cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc khẳng định: chỉ có chủ nghĩa xã hội, chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác hơn là con đường cách mạng vô sản, con đường mà Cách mạng tháng Mười Nga đã đi qua, con đường mà Quốc tế Cộng sản đã chỉ dẫn, con đường chủ nghĩa Mác - Lênin" (Sách đã dẫn, tr. 55).
- 2 Tác giả Ch.Fourniau viết: "Chín năm đã trôi qua từ ngày anh rời Sài Gòn ra đi cho đến cuộc bỏ phiếu ở Tours. Đó là quãng thời gian đã dẫn dắt thanh niên Việt Nam yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản. Con đường diễn tiến đó tương chừng như đơn giản và tự nhiên. Thực ra đó là chặng đường chiến thắng biết bao khó khăn với một sự chọn lựa vững chắc, tránh được những sai lầm dẫn đến ngõ cụt" (Sách đã dẫn, tr. 26)..
- 3 Phác họa những nét lớn về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ sau Đại hội Tours, tác giả Ch.Fourniau viết: "Từ sau Đại hội Đảng Xã hội Tours, Nguyễn Ái Quốc đứng về phía Quốc tế thứ III tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và sống ngót ba năm với Đảng (1921-1923). Người hoạt động trong các tổ chức cơ sở; Người khuyến bảo, dìu dắt những người cách mạng Việt Nam sống ở Pháp, tham gia lãnh đạo phong trào của các dân tộc bị áp bức, chống chủ nghĩa thực dân Anh và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Hoa Kỳ. Bằng những hoạt động đó, Nguyễn Ái Quốc đã gieo hạt giống cách mạng khắp bốn phương trời, đấu tranh cho quyền lợi của tất cả các dân tộc thuộc địa, mà một chứng cứ rõ nét là tờ báo Người cùng khổ (Le Paria) do Người sáng lập năm 1922 (Sách đã dẫn, tr. 27-28).
- 4 Trong một luận văn nhan đề "Suy nghĩ về viết tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác giả Trần Quang viết: "Từ khi đế quốc Pháp xâm lược nước ta, cách mạng Việt Nam đã trải qua nhiều khảo nghiệm và thất bại. Trước và đồng thời với Chủ tịch Hồ Chí Minh, bao nhiêu người Việt Nam yêu nước nồng nàn đã cố tìm một con đường nhằm giải quyết nhu cầu của lịch sử nhưng không tìm ra. Bao nhiêu chiến sĩ đã hy sinh vì nền độc lập tự do của Tổ quốc. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chấm dứt sự bế tắc đó... Con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm ra cho nhân dân Việt Nam hoàn toàn phù hợp với xu thế pháp triển của thời đại, phù hợp với quy luật cách mạng của thời đại (Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 9-1985, tr. 55).

"Công lao vĩ đại đầu tiên của Hồ Chủ tịch là đã gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, đưa nhân dân Việt Nam đi theo con đường mà chính Người đã trải qua, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin"¹.

*

Trong hơn mười hai năm kể từ ngày Bác Hồ ra đi từ Bến cảng, Sài Gòn (1911 đến ngày bí mật vượt biên giới nước Pháp sang Liên Xô (1923), Người đã sống liên tục một nửa thời gian đó trên đất Pháp. Các mốc lớn đánh dấu những chuyển biến quan trọng của Bác Hồ trên con đường từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là bước ngoặt căn bản khi Bác đến với bản Luận cương của Lênin, tiếp đó là việc Bác tham gia Quốc tế Cộng sản, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, rồi trở thành một chiến sĩ quốc tế..., tất cả đều diễn ra chủ yếu trong sáu năm (1917-1923) Người sống và hoạt động trên đất Pháp².

Cho đến nay, khi tìm hiểu những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp, chúng ta đã tiếp cận được một khối lượng tư liệu phong phú, khai thác từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó có mảng tư liệu được bảo quản tại các kho lưu trữ quốc gia ở Pháp và một số thành phố khác của Pháp. Trong cuốn sách nhan đề Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925³, tác giả Thu Trang đã cố gắng khai thác nguồn tư liệu này, trong đó có những tư liệu liên quan đến Nguyễn Ái Quốc, đến mối quan hệ giữa Nguyễn Ái Quốc với Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và một số người khác.

- 1 Lê Duẩn - *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới* - Nxb. Sự thật, Hà Nội 1970, tr. 10).
- 2 Khi viết phần "Dẫn luận" cho cuốn Hồ Chí Minh, đồng chí của chúng ta (Ho Chi Minh, notre camarade), nhà sử học Ch.Fourniau cũng tự đặt cho mình nhiệm vụ "lần theo những chặng đường mà Nguyễn Ái Quốc đã trải qua để phát hiện chủ nghĩa Lênin" trong những năm tháng Người sống ở Paris (Sách đã dẫn, tr. 22).
- 3 Thu Trang - *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925* - Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đề tựa, Nxb. Đông Nam Á, Paris, 1983.

Chúng tôi có may mắn tìm thấy tại các kho lưu trữ ở Pháp¹ một số tư liệu liên quan đến Nguyễn Ái Quốc, trong đó có những tư liệu chưa được công bố trên sách báo trong và ngoài nước, cũng như chưa có trong cuốn sách của Thu Trang².

¹ Ví dụ:

- Archives Nationales Rue Francis Bourgeois, Paris.
- Archives Nationales, Section Outre-Mer, Rue Oudinot, Paris.
- Archives Nationales, Dépôt des Archives d'Outre-Mer, Aix-en-Provence.
- Archives départementales des Bouches-du-Rhône, Mácxây.

- ² Năm 1982, ngay sau khi ở Pháp về, chúng tôi đã sao chụp hầu hết các tư liệu nói trên gửi đến Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng (bấy giờ là Đồng chí Nguyễn Văn Phùng) và Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh (bấy giờ là Đồng chí Hà Huy Giáp) (Xin xem *Danh mục* ở Phần Hai) và đã được sử dụng trong sách *Hồ Chí Minh - Biên niên Tiểu sử* và *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 1.
- Các *Tạp chí Lịch sử Đảng*, *Tạp chí Cộng Sản* cũng đã công bố một số tư liệu nói trên trong các năm 1983-1987.

NHỮNG MỐC QUAN TRỌNG TRONG CUỘC HÀNH TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. NGHIÊM ĐÌNH VỸ*

Trong những chặng đường lịch sử của dân tộc, đất nước nói chung và trong cuộc đời của mỗi con người, nhất là những vĩ nhân nói riêng, đều có những năm tháng không thể nào quên. Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những ngày tháng, sự kiện mãi mãi đi vào lịch sử. Trong Hội thảo nhân kỷ niệm 100 năm ngày ra đi tìm đường cứu nước của Người, báo cáo của chúng tôi chỉ nêu tóm tắt một vài mốc lịch sử chủ yếu nhất.

1. Năm 1911, hành trình đi tìm đường cứu nước của Bác Hồ bắt đầu. Khác với các nhà yêu nước đương thời, Nguyễn Tất Thành không lựa chọn phương Đông và cụ thể là nước Nhật làm điểm đến mà lựa chọn phương Tây. Đây là sự lựa chọn khá mới ở thời điểm những năm đầu của thế kỷ XX. Nhìn lại các con đường cứu nước, chống Pháp đã qua, Nguyễn Tất Thành đã “rất khâm phục lòng yêu nước của các cụ” Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, nhưng không hoàn toàn tán thành con đường cứu nước của các bậc tiền bối. Theo Người, “Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương”, thì điều đó là sai lầm, chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương; “Cụ Phan Bội Châu hy

* Ban Tuyên giáo Trung ương.

vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước rước beo cửa sau”. “Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến”¹. Như vậy, Nguyễn Tất Thành rất tôn trọng, yêu quý các nhà yêu nước, xem đó là những tấm gương cần học tập, nhưng đã có tinh thần phê phán, biết rõ những điều không phù hợp với cuộc đấu tranh giành độc lập và không đi theo con đường cũ vì nó không thể đưa đến thành công. Nguyễn Tất Thành từ chối con đường Đông du không phải vì Người đã hiểu được bản chất của giai cấp cầm quyền Nhật Bản khi nước này đang trên con đường chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Người chỉ mới cảm thấy rằng, sang Nhật thì con đường cứu nước không thể đưa đến thắng lợi.

Nguyễn Tất Thành đã chọn phương Tây, đến nước Pháp. Sau này Người nhớ lại, *“khi tôi độ 13 tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy... Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài”*². Điều này chứng tỏ rằng từ độ tuổi 15 - 20, Hồ Chí Minh đã muốn tìm hiểu ý nghĩa, giá trị của nền văn minh Pháp nên quyết tâm tìm ra sự thực. Và còn một lý do nữa như sau này Người từng nói, đó là vì sao ở quê hương của những ngôn từ đẹp như vậy lại sản sinh ra những đội quân xâm lược, gây bao đau thương tang tóc cho nhân loại! Người muốn đến quê hương của những tư tưởng tiến bộ ấy xem đằng sau những tư tưởng ấy là gì! “xem nước Pháp và các nước khác, sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta.”

Người quyết định sang Pháp bởi *“điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thức được và nó dẫn Người đi đúng hướng là:*

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, in lần thứ 2, tr. 12 - 13.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 477.

Nguồn gốc những đau khổ và áp bức dân tộc là ở ngay tại "chính quốc", ở nước đế quốc thống trị dân tộc mình"¹. Quyết định này mở ra bước ngoặt lớn trong cuộc đời cách mạng Hồ Chí Minh.

Sau mười năm bôn ba ở các nước tư bản, (Pháp, Anh, Mỹ...) mặc dù chưa tìm được con đường cứu nước, nhưng đã cho Người một nhận thức quan trọng. Đó là, cách mạng tư sản là những cuộc cách mạng vĩ đại, nhưng là những cuộc cách mạng chưa đến nơi. Nó đã phá tan gông xiềng phong kiến cùng những luật lệ hà khắc và những ràng buộc vô lý để giải phóng sức lao động của con người. Cách mạng tư sản xây dựng lên một chế độ mới tiến bộ hơn xã hội phong kiến. Nhưng nó là cuộc cách mạng chưa đến nơi, vì cách mạng xong rồi dân chúng vẫn khổ, vẫn bị áp bức, bóc lột và vẫn mưu toan làm cách mạng. Từ đó Người đi đến kết luận, chúng ta đổ xương máu để làm cách mạng thì không đi theo con đường cách mạng này.

Cũng sau mười năm bôn ba, tìm kiếm, học hỏi, Nguyễn Ái Quốc rút ra thêm một nhận xét: Trên thế giới, ở đâu cũng chỉ có hai loại người. Loại người thứ nhất chiếm số ít, chuyên sống bằng mồ hôi, nước mắt và sức lao động của người khác. Đó là kẻ bóc lột. Loại người thứ hai, chiếm số nhiều là những người lao động bị bóc lột. Nhận thức này là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc đưa ra khẩu hiệu: nhân dân lao động trên toàn thế giới đoàn kết lại.

Như vậy, việc Người lựa chọn sang phương Tây cùng những nhận thức trong mười năm đầu của hành trình tìm đường cứu nước đã đặt nền móng quan trọng cho việc Người tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và chuyển từ lập trường của một người yêu nước đơn thuần sang lập trường của một người cộng sản yêu nước.

2. Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tiếp cận, nghiên cứu *Luận cương những vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin.

¹ Nguyễn Khánh Toàn, *Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đến chủ nghĩa Cộng sản khoa học* (Xem: Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 14).

Đây là sự kiện đánh dấu sự chuyển hướng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người.

Vào đầu năm 1920, trong Đảng Xã hội Pháp, cuộc đấu tranh gay gắt diễn ra giữa phái “tả” và phái “hữu” của Đảng Xã hội Pháp đang trở nên sôi động chung quanh vấn đề có gia nhập hay không gia nhập Quốc tế Cộng sản. Sự phân vân, do dự còn chiếm ưu thế trong số đông đảng viên.

Nguyễn Ái Quốc say sưa tham dự tất cả những cuộc họp, đặc biệt theo dõi hoạt động của đoàn đại biểu Đảng Xã hội Pháp ở Mátxcova: những buổi làm việc của Đoàn với Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, với V.I.Lênin, việc Đoàn tham dự Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản. Những hoạt động của Đoàn đại biểu Đảng Xã hội Pháp ở nước Nga Xô viết gây ấn tượng tốt đẹp cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động Pháp và Nguyễn Ái Quốc. Người đã chăm chú đọc nhiều lần văn kiện của Lênin, trong đó có Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin, được đăng trong hai số liên trên báo “Nhân đạo” (L’Humanité) vào năm 1920. Trong văn kiện này, Lênin phê phán các quan điểm sai lầm của tư tưởng sô vanh, dân tộc hẹp hòi; nhấn mạnh đến sự đoàn kết quốc tế giữa những người cộng sản và nhân dân thuộc địa trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung - đế quốc, phong kiến - vì độc lập dân tộc. Lênin coi trọng quyền tự quyết dân tộc, đặc biệt của dân tộc thuộc địa. Sau này, Hồ Chí Minh nhớ lại rằng: *“Trong Luận cương ấy có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: ‘Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ III’”*¹. Rõ ràng Luận cương những vấn đề dân tộc và vấn đề

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Sđd, tr. 127.

thuộc địa đã làm cho Nguyễn Ái Quốc hiểu được *con đường giải phóng dân tộc* mà Người đang đi tìm qua cuộc hành trình quanh thế giới.

Luận cương của V.I.Lênin tác động mạnh mẽ đến Nguyễn Ái Quốc, vì *Luận cương* nêu và giải đáp những vấn đề lớn của thời đại sau Cách mạng tháng Mười thắng lợi, trong đó có vấn đề giải phóng dân tộc thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm. Những vấn đề này rất cấp thiết không chỉ vì sự đoàn kết chung của nhân dân các thuộc địa, giai cấp công nhân thế giới, sự đoàn kết giữa nhân dân thuộc địa và chính quốc mà còn vạch ra chiến lược cho cuộc đấu tranh giành quyền tự quyết dân tộc, đặc biệt việc phát huy sức mạnh của công nhân, liên minh với nông dân trong cuộc đấu tranh chống địa chủ phong kiến, thực hiện cách mạng ruộng đất. *Luận cương* còn khẳng định Quốc tế Cộng sản là Bộ tham mưu chung, nước Nga Xô viết là ngọn cờ đầu, là thành trì và căn cứ cách mạng của thế giới¹. Như thế, *Luận cương* đề cập đúng và trúng những vấn đề dân tộc đang cần và Người đã tìm kiếm bấy nay chưa thấy. Đó là những vấn đề: hướng đi của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa; vấn đề người lãnh đạo, lực lượng tham gia và mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc... *Luận cương* đã giúp Người tìm ra câu trả lời cho câu hỏi “Làm thế nào để cứu nước cứu dân”.

Bước đầu nhận thức và tán thành các quan điểm cơ bản như trên, Nguyễn Ái Quốc đã quyết định đứng về phía Quốc tế Cộng sản, đưa phong trào giải phóng dân tộc của nước mình theo *con đường cách mạng vô sản* và mong muốn sang nước Nga Xô viết để học tập, và nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn. *Luận cương* giúp Người quyết tâm đi theo chủ nghĩa Lênin và *con đường* của Cách mạng tháng Mười. Từ một người yêu nước, đến 7-1920, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản yêu nước.

¹ Xem V.I.Lênin, *Tuyển tập*, quyển 2, phần 2, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 426 - 429.

Công tác và học tập ở Liên Xô trong thời gian ngắn, đầu năm 1924 Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu Trung Quốc. Tại đây Người đã xây dựng lực lượng cho cách mạng Việt Nam.

3. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam đã diễn ra trong thời gian từ đến ngày 6 tháng 1 đến 7 tháng 2 năm 1930, tại Hồng Kông (Trung Quốc), do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì, quyết định thành lập một chính đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Hội nghị hợp nhất, các văn kiện: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam...* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua. Nội dung cơ bản của các văn kiện đó đã nêu ra những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh đó đã chỉ rõ đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam: “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản”. Như vậy, ngay từ trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng vô sản với qua hai giai đoạn: Giai đoạn một làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân với hai nhiệm vụ cơ bản: Giải phóng dân tộc và từng bước thực hiện các vấn đề dân sinh, dân chủ. Giai đoạn hai tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân với bộ tham mưu là Đảng Cộng sản. Lực lượng tham gia cách mạng là toàn thể các giai tầng của nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, thậm chí đến cả bộ phận tư sản và địa chủ mà “chưa lộ rõ phản cách mạng” thì phải tìm cách lôi kéo họ về giai cấp vô sản, chỉ ít cũng để cho họ đứng trung lập... trong đó giai cấp công nhân, nông dân, trí thức là nòng cốt. Cách mạng Việt Nam có mối quan hệ mật thiết với cách mạng vô sản trên thế giới, đặc biệt là phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản Pháp.

Như vậy, với Chánh cương, Sách lược vắn tắt và các văn bản đã được thông qua tại Hội nghị hợp nhất, chứng tỏ đến 1930, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam đã được hình thành về cơ bản. *Năm 1930 không những là dấu mốc quan trọng trong hành trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc mà còn là dấu mốc quan trọng của Cách mạng Việt Nam.* Việc thành lập cho cách mạng Việt Nam một chính đảng, việc đưa ra cương lĩnh hoạt động cho Đảng Cộng sản Việt Nam, cho cách mạng Việt Nam vừa chứng tỏ sự trưởng thành trong nhận thức của Nguyễn Ái Quốc, vừa ghi nhận thành quả trong quá trình hoạt động cách mạng của Người. Với những việc làm này, Nguyễn Ái Quốc đã đưa Cách mạng Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng bế tắc về đường lối, về tổ chức, tạo ra bước chuyển mới về chất cho Cách mạng Việt Nam. Cách mạng Việt Nam chính thức bước vào quỹ đạo của cách mạng vô sản thế giới.

4. Bôn ba ở nhiều nước, “*mặc dầu nguy hiểm, ông Nguyễn vẫn muốn trở về Việt Nam... Có thể nói là ông Nguyễn suốt ngày nghĩ tới Tổ quốc, và suốt đêm mơ đến Tổ quốc mình.*”¹

Mở đầu cho giai đoạn này là sự kiện ngày 28-1-1941, sau hơn 30 năm ở nước ngoài, xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước. Trong 30 năm ấy đã có biết bao thay đổi ở Người và đất nước. Nguyễn vọng trở về Việt Nam để trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào mà Người hằng mong ước đã đạt được. Một trang mới mở ra trong cuộc đời cách mạng của Người và cũng là bước ngoặt mới cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam.

Ba tháng sau ngày trở về nước, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị Trung ương Tám (5-1941). Đây là Hội nghị được đánh giá là tạo ra sự chuyển hướng cho Cách mạng Việt Nam. Tại Hội nghị này, Nguyễn Ái Quốc đã xác định nhiệm vụ dân tộc phải

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 46 - 47.

được đặt lên hàng đầu. Người khẳng định: Lúc này nếu quyền lợi của dân tộc không đòi lại được thì quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi toàn dân đoàn kết, toàn dân quyết tâm “mang sức ta để giải phóng cho ta”. Người triệu tập “Hội nghị Tân Trào” để khẳng định ý chí và quyết tâm đánh giặc của toàn dân tộc. Cùng với việc phát huy sức mạnh yêu nước của toàn dân, Nguyễn Ái Quốc cũng chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa, tích cực chuẩn bị mọi mặt để thúc đẩy thời cơ cách mạng đến gần và sẵn sàng chớp thời cơ, khởi nghĩa giành chính quyền khi điều kiện cho phép.

Bốn năm sau ngày Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo công cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc và Cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi. Nhật rút, Pháp tan, vua Bảo Đại thoái vị, chính quyền cách mạng và nước Việt Nam mới ra đời. Cách mạng tháng Tám thành công là kết quả nhiều nhân tố, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng chính là do có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và đứng đầu là Nguyễn Ái Quốc.

Đó cũng là kết quả của hành trình tìm đường cứu nước với những dấu mốc không thể nào quên của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

NGUYỄN TẮT THÀNH CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC VỀ CON ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

PGS. TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC*

Cách đây 100 năm, ngày 5-6-1911, trên con tàu Amiran Latuso Torêvin, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Sài Gòn sang nước Pháp, bắt đầu quá trình đi tìm con đường đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Năm Tân Hợi ấy khởi nguồn một hướng đi mới, một tư duy mới của một khát vọng “muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”.

Động lực nào thúc đẩy Nguyễn Tất Thành hướng về phương Tây mà không tham gia phong trào Đông Du của nhà yêu nước Phan Bội Châu hướng về Nhật Bản? Từ tuổi thiếu niên 14, 15 khi nghe Phan Bội Châu đàm đạo cùng cha mình về chủ trương nhờ Nhật Bản giúp sức để đánh đuổi xâm lược Pháp, Nguyễn Tất Thành đã không tán thành chủ trương đó. Năm 1905, Nguyễn Tất Thành theo cha ra Bắc kỳ mong liên lạc với phong trào kháng chiến của Hoàng Hoa Thám cũng là cách từ chối sang Nhật. Trên thực tế, Hội Duy Tân và Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu đã không thành công. Nước Nhật tư bản chủ nghĩa đã từng có tham vọng lớn ở châu Á và năm 1910 xâm lược Triều Tiên, đã từ

* Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

chối yêu cầu của Phan Bội Châu và câu kết với Pháp làm thất bại phong trào.

Khi còn học ở Vinh, Nguyễn Tất Thành đã nghe những từ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái của cách mạng Pháp. Thời gian học ở Quốc học Huế có điều kiện để tìm hiểu rõ hơn. Nguyễn Tất Thành muốn tìm hiểu sự thật về những lý tưởng cao cả đó và nuôi ý định sang Pháp khi có điều kiện.

Khi rời Tổ quốc, hành trang của Nguyễn Tất Thành là tình yêu nước, thương dân, là ý chí, nghị lực vượt khó khăn, thách thức ở phía trước, là tinh thần tự cường của dân tộc, tự mình khám phá con đường mới chứ không phải *đi cầu ngoại viện*. Suốt 30 năm sống và hoạt động ở nhiều nước, Nguyễn Tất Thành chỉ có một khát vọng cứu nước, giúp đồng bào. Có thể thấy rõ nhận thức của Nguyễn Tất Thành về con đường giải phóng dân tộc qua mấy giai đoạn chủ yếu:

Từ năm 1911 đến cuối năm 1920 là giai đoạn từng bước nhận thức và định hình nội dung cơ bản của con đường giải phóng dân tộc, gắn liền chủ nghĩa yêu nước với lập trường của cách mạng vô sản, gắn liền giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã thôn tính được Việt Nam và áp đặt chế độ thuộc địa có chế độ phong kiến làm chỗ dựa, đàn áp khốc liệt các phong trào yêu nước từ phong trào Cần Vương đến khởi nghĩa nông dân của Hoàng Hoa Thám; các xu hướng duy tâm, cải cách cũng rơi vào bế tắc, thất bại; sau này chỉ còn vài cuộc khởi nghĩa như khởi nghĩa của vua Duy Tân (1916), khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) cũng nhanh chóng bị Pháp dập tắt. Sau khi bình định xong, Pháp tiến hành khai thác thuộc địa và thực hành chính sách thực dân tàn bạo. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với kẻ thù xâm lược ngày càng gay gắt. Đầu thế kỷ XX chủ nghĩa đế quốc đã chia nhau xong thế giới, các nước nhỏ yếu

lần lượt trở thành thuộc địa của tư bản phương Tây. Hệ thống các nước thuộc địa mở rộng mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa trở nên sâu sắc. Vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa trở thành nội dung cách mạng của thời đại. Sự mâu thuẫn giữa các tập đoàn đế quốc tư bản trong cạnh tranh, phân chia thuộc địa cũng phát triển dẫn tới cuộc chiến tranh đế quốc 1914 - 1918. Gánh nặng chiến tranh đổ lên đầu giai cấp vô sản, nhân dân các nước tư bản và cả các nước thuộc địa.

Mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản đã cách mạng hóa giai cấp công nhân, đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, cơ hội lũng đoạn trong Quốc tế II và Lênin tiêu biểu cho tinh thần cách mạng chân chính, đã cùng Đảng Vô sản lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và lập ra Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) năm 1919. Những sự kiện đó có ảnh hưởng lớn đến cách mạng giải phóng ở các thuộc địa. Mâu thuẫn dân tộc ở các thuộc địa đã đẩy lên phong trào đấu tranh đòi độc lập ở nhiều nước nhất là phong trào châu Á thức tỉnh và cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 đã nổ ra ở Trung Quốc.

Khi Chiến tranh Thế giới bùng nổ năm 1914, Nguyễn Tất Thành đang ở nước Anh và cuối cuộc chiến tranh, Cách mạng tháng Mười diễn ra ở Nga, Nguyễn Tất Thành trở lại nước Pháp và có mặt ở Paris. Ở nửa cuối thập niên thứ hai của thế kỷ XX, có hai biến cố lịch sử tác động sâu sắc vào nhận thức của Nguyễn Tất Thành về cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc mình.

Một là, chiến tranh thế giới 1914 - 1918 kết thúc, các nước thắng trận họp tại Versailles (Vécxây) nước Pháp để chia lại thế giới. Cần nói thêm là Uynxon, Tổng thống Mỹ từ năm 1913 đến 1921, năm 1917 tuyên bố Mỹ tham gia chiến tranh đứng về Anh, Pháp để chống Đức. Khi chiến tranh sắp kết thúc Uynxon đề ra Chương trình 14 điểm (chủ nghĩa Uynxon) tăng cường chống nước Nga Xô viết và nô dịch các dân tộc bị áp bức, nhưng lại được che giấu bởi những hứa hẹn về “dân chủ” và “quyền dân tộc

tự quyết”; Chương trình 14 điểm đó làm cơ sở cho nội dung của Hội nghị Versailles. Nhân cơ hội đó, thay mặt nhóm những người Việt Nam yêu nước ở Pháp Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Tuyên, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Tất Thành lấy tên mới là Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điểm tới hội nghị Versailles ngày 18-6-1919. Đó là những yêu sách tự do, dân chủ tối thiểu, nhưng đã bị từ chối. Sự kiện này đã gây tiếng vang lớn và Nguyễn Ái Quốc trở thành linh hồn của phong trào giải phóng dân tộc, một nhà hoạt động chính trị có kinh nghiệm. Từ đây Nguyễn Ái Quốc đi đến nhận thức quan trọng các dân tộc muốn được giải phóng phải tự mình đứng lên đấu tranh, sự hứa hẹn của chủ nghĩa thực dân chỉ là trò bịp.

Hai là, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, Quốc tế Cộng sản của lý luận Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, về vấn đề dân tộc, vấn đề thuộc địa. Đầu năm 1919 Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, tổ chức duy nhất lúc đó ở Pháp ủng hộ phong trào đấu tranh ở thuộc địa. Cách mạng tháng Mười không chỉ giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động Nga mà còn giải phóng các dân tộc vốn là thuộc địa của đế quốc Nga. Lênin là lãnh tụ có ảnh hưởng lớn đến cách mạng ở các thuộc địa. *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, đăng trên báo L’Humanité ngày 16, 17-7-1920 mà Nguyễn Ái Quốc được đọc, đã làm chuyển biến sâu sắc nhận thức về con đường giải phóng dân tộc chân chính “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ thời điểm đó, Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Đó cũng là cơ sở quyết định để đến Đại hội 18 của Đảng Xã hội Pháp họp ở Thành phố Tours (Tua) cuối tháng 12-1920 Nguyễn Ái Quốc đứng về phái tả, tán thành thành lập Đảng Cộng sản và trở thành người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Tại Đại hội Tours, Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ “Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa”. Nguyễn Ái Quốc khẳng định mục tiêu: “Tự do cho đồng bào tôi,

độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”¹.

Giai đoạn thứ hai từ 1921 đến 1930 Nguyễn Ái Quốc với tư cách chiến sĩ cộng sản, nhận thức rõ vai trò và sứ mệnh của cách mạng giải phóng ở các thuộc địa trong đó có Việt Nam và Đông Dương, đưa cách mạng giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản; xây dựng một Đảng cách mạng chân chính, theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để lãnh đạo sự nghiệp cách mạng vẻ vang đó. Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp từ 1921 đến 6-1923, sáng lập *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* và báo *Le Paria*. Ngày 30-6-1923 tới Liên Xô và làm việc trong Quốc tế Cộng sản, tham gia Đại hội V (6.1924). Ngày 11-11-1924 với tư cách cán bộ của Quốc tế Cộng sản tới Quảng Châu (Trung Quốc) thực hiện nhiệm vụ quốc tế đồng thời với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản. Tháng 6-1927, rời Trung Quốc trở lại Mátxcơva sau đó đi nhiều nước châu Âu. Năm 1928 tới Xiêm và cuối 1929 tới Hồng Kông triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 5-1921 khi còn ở Paris, Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài nghiên cứu đăng trên các báo, tạp chí, lên án mạnh mẽ chủ nghĩa thực dân, trình bày nhận thức về chủ nghĩa cộng sản, về cách mạng giải phóng các thuộc địa. Khẳng định sứ mệnh to lớn của cách mạng giải phóng các thuộc địa. “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây

¹ *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 94.

trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”¹. Đây là nhận thức đặc biệt quan trọng, sau này còn được nêu rõ trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* và nhiều công trình khác. Cách mạng thuộc địa có thể giúp đỡ cách mạng vô sản ở chính quốc chứ không phụ thuộc hoàn toàn vào cách mạng ở chính quốc. Hai cuộc cách mạng đó như hai cánh chim và hai công cuộc giải phóng vĩ đại đó chỉ có thể là sự nghiệp cách mạng thế giới. “*Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi. Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi*”².

Trở thành người cộng sản, nhà hoạt động quốc tế đầy bản lĩnh và với tư duy mới về cách mạng giải phóng dân tộc gắn với con đường xã hội chủ nghĩa, Nguyễn Ái Quốc tập trung trí tuệ, công sức cho sự phát triển con đường giải phóng dân tộc Việt Nam. Những nhân vật nổi tiếng người Việt Nam yêu nước đặt niềm tin vào con đường đúng đắn mà Nguyễn Ái Quốc theo đuổi. Ngày 18-2-1922, tại Paris, Phan Châu Trinh gửi thư cho Nguyễn Ái Quốc khuyên Nguyễn trở về nước để tổ chức đồng bào đấu tranh. Về sự kiện này đã có nhiều nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước đề cập. Phan Châu Trinh cho rằng Nguyễn Ái Quốc như “cây dương lộc”, “nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông”; kiến thức của Nguyễn “sẽ hoài phí nếu ông ở lại Pháp”. Tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp sang Liên Xô cũng là khởi đầu lộ trình trở về nước. Trong thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp trước khi rời Paris, Nguyễn Ái Quốc viết: “*Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập*”³.

Cũng cần lưu ý ngày 14-2-1925 tại Quảng Châu Phan Bội Châu đã gửi thư cho Nguyễn Ái Quốc: “*Nhớ lại hai mươi năm trước đây, khi đến nhà cháu uống rượu gỡ án ngâm thơ, anh em*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 36.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 28.

3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 192.

cháu thầy đều chưa thành niên, lúc đó Phan Bội Châu này đâu có ngờ sau này cháu sẽ trở thành một tiểu anh hùng như thế này. Bấy giờ đem kẻ già này so với cháu, bác thấy rất xấu hổ. Nhận được liền tiếp hai lá thư của cháu, bác cảm thấy vừa buồn vừa mừng. Buồn là buồn cho thân bác, mà mừng là mừng cho đất nước ta. Việc thừa kế này đã có người, người đi sau giỏi hơn kẻ đi trước, trên tiền đồ đen tối sẽ xuất hiện ánh sáng ban mai... Việc gây dựng lại giang sơn, ngoài cháu có ai để nhờ ủy thác, gánh vác trách nhiệm thay mình. Có được niềm an ủi lớn lao như thế, làm sao bác không cảm thấy vui mừng được”¹.

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Nguyễn Ái Quốc xác định có hai loại cách mạng: *dân tộc kách mệnh* “đánh đuổi các đế quốc chủ nghĩa giành lấy quyền tự do bình đẳng cho dân nước mình”; *thế giới kách mệnh*: “tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà để đập đổ tất cả tư bản trên thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng”. Dân tộc kách mệnh phải biết tranh thủ sự giúp đỡ của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. “*Nhưng muốn người ta giúp cho thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã*”².

Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (17-7 - 1-9-1928) xác định ba kiểu cách mạng: *Cách mạng vô sản* ở những nước tư bản phát triển cao; *cách mạng tư sản dân chủ* ở các nước tư bản phát triển vừa, còn vết tích phong kiến phát triển thành cách mạng vô sản; *cách mạng giải phóng dân tộc* ở các nước mà chủ nghĩa đế quốc nước ngoài chiếm đóng quân sự và cướp đoạt đất đai. Ở đây (cách mạng giải phóng dân tộc) nếu các dân tộc đó khởi nghĩa thắng lợi, nếu họ được các nước chuyên chính vô sản giúp đỡ thiết thực và mạnh mẽ thì có thể mở ra con đường đi đến chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đại hội VI đã

¹ Dẫn theo *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 161.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sdd, tr. 293.

thông qua *Đề cương phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*. Cương lĩnh cách mạng thuộc địa của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản gồm 8 nhiệm vụ:

1. Lật đổ chủ nghĩa tư bản ngoại bang, chế độ phong kiến và tầng lớp địa chủ;
2. Thành lập nền chuyên chính dân chủ của giai cấp công nông trên nền tảng của chính quyền Xô viết;
3. Tiến tới độc lập nước nhà và thống nhất chính trị;
4. Hủy bỏ nợ quốc gia;
5. Quốc hữu hóa những cơ sở kinh doanh lớn của giai cấp tư bản (trong những ngành công nghiệp, giao thông, ngân hàng...);
6. Sung công tài sản của những đại địa chủ, nhà thờ và tu viện, quốc hữu hóa toàn thể đất đai;
7. Thực hiện chính sách ngày làm tám giờ;
8. Thành lập quân đội cách mạng công nông.

Trước đó, năm 1927, từ thực tiễn phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa và Việt Nam, với chính sách thực dân tàn bạo làm cho mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc, thực dân ngày càng gay gắt trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc luôn luôn nêu cao vấn đề dân tộc, thuộc địa đặt lên hàng đầu *dân tộc cách mạng*. Nguyễn Ái Quốc không dự Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, song *Đường Kách mệnh* là hướng đi đúng.

Giai đoạn thứ ba bắt đầu từ sự kiện Nguyễn Ái Quốc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930). Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng thảo luận và thông qua là sự phát triển và khẳng định bản chất của cách mạng giải phóng dân tộc. Mục tiêu

chiến lược là đánh đổ sự thống trị của đế quốc và phong kiến, làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập, đi tới xã hội cộng sản.

Nguyễn Ái Quốc nêu cao nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc bằng sức mạnh của toàn dân tộc. Cách mạng là sự nghiệp chung của dân chúng chứ không phải của một, hai người. Nguyễn Ái Quốc chủ trương tập hợp, đoàn kết rộng rãi mọi giai cấp, tầng lớp, lực lượng có tinh thần yêu nước, tranh thủ cả trung, tiểu địa chủ, tư sản vừa và nhỏ. Vấn đề giải phóng dân tộc cần được giải quyết trong khuôn khổ mỗi nước, nêu cao tinh thần yêu nước, tự lực tự cường dân tộc. Chính vì nêu cao vấn đề dân tộc, đoàn kết các giai cấp, cả tư sản, địa chủ vì mục tiêu giải phóng dân tộc, nên Nguyễn Ái Quốc bị phê phán là coi nhẹ đấu tranh giai cấp, theo chủ nghĩa dân tộc, không theo đúng đường lối chính trị của Quốc tế Cộng sản.

Tư tưởng đoàn kết dân tộc rộng rãi trong sự nghiệp cách mạng giải phóng của Nguyễn Ái Quốc được thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đông Dương và phong trào cách mạng thế giới từng bước chứng minh và khẳng định. Sau Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (10-1930), Ban Thường vụ Trung ương đã ban hành chỉ thị thành lập Hội “Phản đế đồng minh” ngày 18-11-1930 - hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất đầu tiên ở Đông Dương. Những năm 30 xuất hiện chủ nghĩa phát xít - đội quân xung kích của chủ nghĩa đế quốc - tấn công vào lực lượng dân chủ, tiến bộ và cách mạng thế giới. Trong hoàn cảnh đó Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) đã chuyển hướng trong chiến lược, sách lược cách mạng, chủ trương các Đảng Cộng sản tăng cường đoàn kết các lực lượng hòa bình, dân chủ, dân tộc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. Quan điểm của Nguyễn Ái Quốc được khẳng định trên thực tế và trong nhận thức.

Sau khi ra khỏi nhà tù của chính quyền Anh ở Hồng Kông, trở lại Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục chuyên tâm nghiên cứu những vấn đề dân tộc và thuộc địa, đấu tranh chống

chủ nghĩa đế quốc thực dân. “Chủ nghĩa tư bản đã đi đến con đường tối phản động là chủ nghĩa phát xít”. Năm 1934, Nguyễn Ái Quốc vào học trường Quốc tế Lênin ở Mátxcơva. Tháng 3-1935, Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Ma Cao (Trung Quốc) đã bầu Nguyễn Ái Quốc vào Ban Chấp hành Trung ương và là đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản cùng với Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Nọn và Nguyễn Thị Minh Khai, cử Người là đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản. Do còn có khác nhau về quan điểm và nhận thức nên Nguyễn Ái Quốc không được Đại hội VII Quốc tế Cộng sản chấp nhận là đại biểu chính thức mà chỉ được mời dự với tư cách là đại biểu tư vấn. Cần nhấn mạnh rằng, nữ đồng chí V.Valiliêva, đồng chí D.Manuilsky (người mà năm 1922 - 1923 đã tạo điều kiện để Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô và hoạt động trong Quốc tế Cộng sản) đã chia sẻ quan điểm và đánh giá cao vai trò của Nguyễn Ái Quốc. Cuối năm 1936, Nguyễn Ái Quốc làm nghiên cứu sinh chuyên ngành lịch sử tại *Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Trước yêu cầu của cách mạng, Nguyễn Ái Quốc có nguyện vọng trở về nước. Quốc tế Cộng sản đã đồng ý và đầu tháng 10-1938 Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcơva trở lại Trung Quốc trên lộ trình trở về Tổ quốc.

Những năm 1938, 1939, 1940, tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã hoạt động tích cực, tham gia sự nghiệp kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc. Từ Trung Quốc, Người có nhiều ý kiến chỉ đạo đối với phong trào đấu tranh của *Mặt trận dân chủ* ở trong nước. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1-9-1939) thực dân Pháp thủ tiêu mọi thành quả đấu tranh về dân sinh, dân chủ trong nước mâu thuẫn dân tộc ta với thực dân Pháp trở nên gay gắt. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì đã nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Đường lối của Đảng và quan điểm của Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn thống nhất. Ngày

28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc trên mảnh đất Cao Bằng cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cao trào giải phóng dân tộc.

Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Khuổi Nặm, Hà Quảng, Cao Bằng từ ngày 10 đến 19-5-1941. Nghị quyết Hội nghị Trung ương là sự phát triển hoàn thiện, toàn diện đường lối cách mạng giải phóng dân tộc và khẳng định giá trị khoa học, hiện thực của con đường giải phóng dân tộc mà Nguyễn Ái Quốc đã đề ra từ nhiều năm trước. Nêu cao mục tiêu giải phóng dân tộc giành độc lập, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, trước hết, lợi ích của giai cấp, bộ phận phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, dân tộc. Tập hợp, đoàn kết lực lượng của toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất (Mặt trận Việt Minh) khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường của dân tộc chống thực dân và phát xít giành cho được độc lập. Xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang nhân dân, dựa vào nhân dân để phát triển *thực lực cách mạng*. Khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc phải kết thúc bằng cuộc khởi nghĩa vũ trang của toàn dân và đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi. Chú trọng tình thế và thời cơ cách mạng. Coi trọng xây dựng Đảng, sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để đưa quần chúng nhân dân vào hành động cách mạng.

Sự phát triển nhận thức của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc trở thành cơ sở tư tưởng, lý luận vững chắc cho đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là lý luận Lênin về cách mạng thuộc địa; vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Sự đúng đắn và sáng tạo đó là nhân tố quyết định thắng lợi của

cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc tạo điều kiện đi lên chủ nghĩa xã hội, quyết định thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống đế quốc, thực dân suốt 30 năm (1945 - 1975) giành độc lập và thống nhất hoàn toàn. Với sự cống hiến về lý luận và đấu tranh thực tiễn vô cùng oanh liệt, hiến cả đời mình cho dân tộc Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở thành anh hùng giải phóng dân tộc.

CON ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH CON ĐƯỜNG DÂN TỘC, CON ĐƯỜNG THỜI ĐẠI

NGND. GS. TRẦN THANH ĐẠM*

Việt Nam ta vốn có câu triết ngôn: *Thời thế tạo anh hùng và Anh hùng tạo thời thế*. Sự xuất hiện của Bác Hồ trong lịch sử Việt Nam ta thế kỷ XX là một minh họa cho quy luật biện chứng đó của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Quy luật này cũng được phát biểu trong Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta ngày Bác qua đời: *Non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ non sông đất nước ta*. Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (1911 - 2011), chúng ta thử tìm hiểu thời thế đã tạo ra người anh hùng Hồ Chí Minh như thế nào và Người đã tạo ra thời thế như thế nào để làm xoay chuyển lịch sử Việt Nam và góp phần biến đổi lịch sử thế giới trong thời đại chúng ta ngày nay.

1911 là năm đầu tiên của thập niên thứ hai của thế kỷ XX. Đất nước ta và cả thế giới đang đắm chìm trong bóng tối của khổ nạn và thất vọng. Từ cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, khác với dự đoán ban đầu của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa tư bản châu Âu vượt qua được một số bước suy thoái và khủng hoảng để có những bước phục hồi và phát triển tương đối do chuyển thành chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, tìm lối thoát bằng công cuộc bành

* Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

trước, xâm lược và khai thác thuộc địa rộng lớn ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Chuyển thành các đế quốc thực dân, chủ nghĩa tư bản châu Âu đã tăng cường được sức mạnh kinh tế, chính trị và quân sự, như con bạch tuộc có hai vòi, một vòi hút máu giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở chính quốc, một vòi hút máu nhân dân lao động ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Siêu lợi nhuận thuộc địa trở thành nguồn máu cấp cứu và trợ lực cho chế độ tư bản ở các chính quốc, nhờ đó các nước này mang bộ mặt phồn vinh, giàu có của “liệt cường”, làm mưa làm gió trên vũ đài quốc tế, khuất phục và thống trị các dân tộc và các quốc gia khác ở các lục địa, chia nhau rồi tranh nhau các miếng mồi béo bở ở phương xa. Các quốc gia chậm tiến trở thành:

*Thịt một miếng trăm dao xâu xé
Chiếc kim khâu chẳng mề cũng khôn lành.
Tôi con Pháp, tớ thầy Anh,
Nín hơi Đại Đức, nép mình Cường Nga...*

(Á tế á ca)

Sự phục hồi và phát triển nhất thời của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu tác động vào phong trào cách mạng vô sản tại đó, tạo ra chủ nghĩa cơ hội. Khuynh hướng này tìm mọi cách tô son điểm phấn cho chủ nghĩa tư bản, cắt xén và tước đoạt tinh thần cách mạng của chủ nghĩa Mác, hô hào thỏa hiệp, cải lương, thích nghi với chủ nghĩa tư bản. Trong các nước châu Âu, chỉ có nước Nga chuyên chế, lạc hậu là còn khả năng cách mạng, song cuộc cách mạng Nga 1905 thất bại cũng giáng một đòn nặng vào lực lượng cách mạng đang sinh thành, phải hơn 10 năm sau đó mới hồi phục thành cao trào. Còn ở các nước Tây Âu khác thì chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế thứ II thống trị và hoành hành, phụ họa với chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, tạo ra thoái trào cách mạng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Cũng trong thời gian đó, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã hình thành - kể cả các quốc gia rộng lớn như Ấn Độ,

Trung Quốc, Nam Dương và nhiều quốc gia đất rộng người đông khác ở Trung Đông, châu Phi, Nam Mỹ - nhân dân trở thành “chim treo trên lửa, cá nằm dưới dao”, các cố gắng vẫy vùng để giành lại quyền độc lập, tự chủ chỉ trở thành các biển máu. Chỉ trừ trường hợp đặc biệt - Nhật Bản, các cố gắng mưu cầu độc lập, duy tân của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đều không đi đến thành công. Tiêu biểu là cách mạng Tân Hợi (1911) của Trung Hoa, chỉ lật đổ được triều đình Mãn Thanh phong kiến, song thân phận phụ thuộc, bán thuộc địa vẫn không thể nào thoát ra được.

Mười năm đầu thế kỷ XX ở Việt Nam, kế thừa phong trào ái quốc cận vương cuối thế kỷ XIX, phong trào ái quốc duy tân đầu thế kỷ XX rất hào hùng, sôi nổi, song cũng kết thúc trong thất bại, bị chìm trong biển máu của cuộc khủng bố 1908 - 1910 (Thân, Dậu, Tuất). Ách thực dân cơ hồ trở thành vĩnh viễn.

Bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XX, thế giới cũng như Việt Nam đang đứng trước một tình trạng bế tắc và một yêu cầu tìm đường, mở đường giải phóng. Ngày 11 tháng 11 năm 1911, trong nhà tù Côn Đảo có một nhà ái quốc Việt Nam khi sắp sửa qua đời trong ngục, đã viết một bài thơ tuyệt mệnh rất hay (Bài thơ, cũng như tác giả, tiếc thay, còn ít được các nhà văn học sử thế kỷ XX nhắc đến, dù ông được Phan Bội Châu tôn là bậc thầy, là người đã tác thành cho mình. Đó là Tiểu La Nguyễn Hàm, 1863 - 1911). Bài thơ như sau:

*Nhất sự vô thành mấn dĩ ban
Thử sinh hà diện kiến giang san.
Bỏ thiên vô lực đàm thiên dị,
Tế thế phi tài tị thế nan.
Thời cuộc bất kinh vân biến huyễn,
Nhân tình chỉ khủng thủy ba lan.
Vô cùng thiên địa khai song nhãn,
Tái thập niên lai thí nhất quan.*

Tiểu La vốn có cảm tình và hi vọng vào Cách mạng Tân Hợi (1911). Trong bài thơ, ông nói lên sự thất vọng của mình trước hiện tình của đất nước và của thế giới, song ở hai câu cuối, đã đặt hi vọng vào thập niên 1911 - 1920, sau khi mình từ biệt cuộc đời.

Huỳnh Thúc Kháng dịch:

*Mở toang hai mắt xem trời đất
Ngẫm thử mười năm vẫn thế ru?*

1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, lúc Thời đại cũng như Tổ quốc đang chìm vào khủng hoảng, thoái trào, đồng thời cũng đang ấp ủ những triển vọng và hi vọng mới. Trong mười năm 1911 - 1920, cách mạng Việt Nam sau thất bại của phong trào Đông Du và Duy Tân, lâm vào thoái trào. Trên thế giới, đó là thời gian trước và sau Thế chiến I (1914 - 1918) bộc lộ bộ mặt ghê tởm và tàn ác của chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc. Tiến công và đẩy lùi chủ nghĩa cơ hội của Quốc tế thứ II, học thuyết của V.Lênin về chủ nghĩa đế quốc, “giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản”, “mang chiến tranh trong mình như mây đen mang mưa”, và về khả năng cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở nước Nga, một khâu yếu nhất của hệ thống đế quốc, bằng cách liên minh cách mạng của giai cấp vô sản với cách mạng của nhân dân các dân tộc bị áp bức trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân. Sự kết hợp của chủ nghĩa Lênin - giai đoạn mới của chủ nghĩa Mác - với phong trào cách mạng rộng lớn của giai cấp vô sản Nga liên minh với giai cấp nông dân và các dân tộc bị áp bức dưới chế độ Nga Hoàng đã tạo ra một sự kiện vĩ đại nhất trong thập niên thứ hai, đồng thời cũng là của thế kỷ XX: đó là Cách mạng tháng Mười Nga 1917, phá tan khủng hoảng bế tắc của thoái trào, mở ra triển vọng rộng lớn của cách mạng thế giới. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười 1917, sau đó là sự thành lập Liên bang Xô viết (1922) đã mở ra một thời đại mới của sự nghiệp giải phóng không những của giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở các nước tư bản phương Tây, mà còn của nhân dân các dân tộc

bị áp bức trên các châu lục. Với chủ nghĩa Lênin, ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác, lúc này trở thành chủ nghĩa Mác - Lênin, từ châu Âu qua cách mạng Nga và Liên bang Xô viết tỏa chiếu ra khắp thế giới, từ phương Tây sang phương Đông, từ Đông bán cầu, Bắc bán cầu sang Tây bán cầu, Nam bán cầu. Với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới có một niềm tin lớn: chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, biểu hiện tàn bạo đó của chủ nghĩa tư bản không phải là vô địch, bất khả chiến thắng. Các giai cấp bị áp bức, các dân tộc bị nô dịch có thể tiến hành cách mạng để tự giải phóng dưới ngọn cờ "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!"

Thời thế mới tạo ra các anh hùng mới, để các anh hùng đó tạo ra những thời thế mới, thúc đẩy lịch sử tiến lên. Hơn mười năm từ ngày rời Tổ quốc ra đi, Bác Hồ đi tìm con đường cứu nước:

*Đời bồi tàu lênh đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi,
Những đất tự do, những trời nô lệ,
Những con đường cách mạng đang tìm đi.*

(Chế Lan Viên)

Bác đã gặp con đường đó trên đất Pháp. Điều này Bác đã viết một cách vô cùng giản dị, trong sáng, chân thực và cảm động trong bài văn tuyệt vời "*Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*". Đó là cuộc gặp gỡ vĩ đại có tính lịch sử giữa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với chân lý của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lênin đang ở đỉnh cao ánh sáng của nó đầu thế kỷ XX.

Ôi! Đường đến với Lênin là đường về Tổ quốc

...

Lênin mất rồi! Nhưng Bác chẳng dừng chân.

(Chế Lan Viên)

*Về phương Đông, ta về phương Đông
Cùng phương Tây, giương ngọn cờ hồng*

*Đi ta đi, anh em đồng chí
Chặt xiềng gông, chặt hết xiềng gông!*

(Tố Hữu)

1911 - 1927, cuộc tìm kiếm gian nan và kiên nhẫn hơn 15 năm, kết thúc và kết tinh thành viên ngọc quý: tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927). Cương lĩnh cứu nước, con đường cứu nước. Song đó mới chỉ là lý thuyết, là tư tưởng. Còn phải biến thành hành động, thành tổ chức. Hành động đó, tổ chức đó là Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), sự kết hợp giữa phong trào yêu nước Việt Nam với học thuyết cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin do Nguyễn Ái Quốc thực hiện. Đây là những bước đầu “anh hùng tạo ra thời thế”.

Những gì lịch sử Việt Nam diễn ra sau đó, ngày nay chúng ta đều đã biết: cao trào 1930 - 1931, cao trào 1936 - 1939, cao trào 1941 - 1945, Cách mạng tháng Tám 1945, kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954, kháng chiến chống Mỹ 1955 - 1975. Từ chủ nghĩa Mác - Lênin đến tư tưởng Hồ Chí Minh - con đường gian khổ nhưng vinh quang, anh hùng, chiến thắng, con đường của Độc lập - Tự do và Chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, ngọn cờ của nhân dân và dân tộc Việt Nam trong thời kỳ lịch sử hiện đại.

Tất cả những điều tôi trình bày trên đây đều xuất phát từ một nhận thức và một niềm tin sáng tỏ và vững chắc rằng: câu nói chúng ta thường nói và thường nghe là năm 1911, Bác Hồ từ cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước, điều đó không chỉ là mỹ từ, là công thức, là sự vinh danh đối với Bác Hồ - đó là một chân lý, một sự thực lịch sử vĩ đại. Vĩ đại mà giản dị: Bác đã ra đi, Bác đã đi tìm, Bác đã tìm được, Bác đã trở về, Bác đã mở con đường ấy cho dân tộc, cho nhân dân, cho Tổ quốc, con đường ấy đã đưa chúng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đến thắng lợi ngày nay: giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ, xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến

lên dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Đó là con đường Hồ Chí Minh với bao nhiêu ý nghĩa sâu sắc, phong phú. Tôi xin phép nhắc lại một đoạn thơ của Tố Hữu viết năm 1970, một năm sau ngày Bác ra đi về con đường Hồ Chí Minh

*“Đường mòn Hồ Chí Minh” là con đường sáng tạo
Trường Sơn cao hay địa đạo âm thầm
Cũng là linh hồn ta, từ bốn nghìn năm
Tự xây đắp để ngang tầm thế kỷ.
Vàng bạc uy quyền không làm ra chân lý
Óc nghĩ suy không thể mượn vay
Bạch Đằng xưa, Cửu Long nay
Tắm gội lòng ta, chẳng bao giờ cạn.*

(Tố Hữu, 1970)

Nhìn lại lịch sử, không chỉ để chiêm ngưỡng, dù lịch sử hào hùng, vẻ vang đến đâu. Nhìn lại lịch sử để tiếp tục làm nên lịch sử. Nhìn lại con đường Bác tìm ra và dẫn chúng ta đi để chúng ta còn tiếp tục đi, không xao lãng, không chệch hướng.

Thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI vừa mới đi qua, tiếp nối thế kỷ XX, cũng có cái gì như tương đồng với thập niên thứ nhất của thế kỷ XX tiếp nối thế kỷ XIX. Lịch sử có vẻ như tuần hoàn, lặp lại, nhưng ở vòng xoáy ốc cao hơn, rộng hơn rất nhiều. Có phải cuối thế kỷ XX, cũng như cuối thế kỷ XIX, thế giới cũng như Việt Nam đều có những bước thụt lùi tạm thời, cách mạng tạm thời lui vào thoái trào, các lực lượng phản cách mạng có vẻ như có những bước hồi phục, phản công, có khi trông như nắm quyền sinh sát, làm mưa làm gió trên vũ đài thế giới. Tình trạng này cũng kéo dài sang thập niên đầu của thế kỷ XXI giống như trong thập niên đầu của thế kỷ XX. *Thoái trào cách mạng là mảnh đất đẻ ra các màu sắc khác nhau của chủ nghĩa cơ hội trên thế giới cũng như ở nước ta.* Song sự phồn vinh và hùng mạnh của chủ nghĩa tư bản,

chủ nghĩa đế quốc chỉ là nhất thời, bước thụt lùi của cách mạng thế giới cũng chỉ là tạm thời. Quy luật của lịch sử vẫn phát huy tác dụng của nó: chủ nghĩa tư bản vẫn tiếp tục quá trình khủng hoảng và suy vong tất yếu, tuy bằng con đường của chủ nghĩa thực dân mới, kết hợp mưu mô với bạo lực, chúng còn tiếp tục duy trì sức sống và sức mạnh nhất định của mình. Song chủ nghĩa xã hội và phong trào độc lập dân tộc vẫn tiếp tục con đường lịch sử của mình với sức mạnh lớn lao, vẫn mở đường tiến lên qua khủng hoảng và bế tắc tạm thời. Thời gian và lịch sử vẫn tiếp tục ủng hộ chủ nghĩa xã hội và độc lập tự do của các dân tộc, ủng hộ hòa bình, tiến bộ, phát triển, tự do cho nhân dân thế giới trên các lục địa. Như hình ảnh trong mấy câu thơ của Tố Hữu:

*Những sông Thương bên đục bên trong
Chảy về xuôi, càng đẹp xanh dòng
Lịch sử vẫn một sông Hồng vĩ đại.*

Trong quá khứ, hiện tại cũng như trong tương lai, con đường Hồ Chí Minh vẫn là con đường lớn, con đường sáng, con đường đúng, con đường thắng lợi của dân tộc và của thời đại, con đường của dân tộc trong lòng thời đại.

**TỪ YÊU NƯỚC, THƯƠNG DÂN, NGUYỄN ÁI QUỐC
HỒ CHÍ MINH XUẤT HIỆN ĐÚNG LÚC,
RA ĐI ĐÚNG THỜI CƠ, TÌM CON ĐƯỜNG
ĐÚNG ĐẮN CHO CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

PGS. TS. PHAN XUÂN BIÊN*

**1. Gia đình, quê hương, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đặt nền móng,
xây dựng tinh thần yêu nước, thương dân cho Nguyễn Ái Quốc -
Hồ Chí Minh**

“Xứ Nghệ đất cằn cỗi, dân nghèo, nhưng tinh thần nhẫn nại, chịu gian khổ, lấy sự cần kiệm tiết ước làm đầu”. Sách *Hoan Châu phong thổ ký*, *Nghệ An ký* rồi *Đại Nam Nhất thống chí* đều viết như vậy về đất và người xứ Nghệ. Còn quê Bác “*Làng Sen đông khổ thay quần; ít cơm, nhiều cháo, tảo tăn quanh năm*”. Nhưng nơi đây trong 9 kỳ thi hương (1635 đến 1890) làng Kim Liên và Hoàng Trù (xã Chung Cự) có 82 người đỗ đạt trở thành ông tú, ông cử¹. Quả thật, đất thì sỏi đá, người thì trí tuệ. Bác Hồ của chúng ta sinh ra và lớn lên ở một môi trường như vậy, dù tất cả cộng lại chỉ được khoảng 15 năm ở cả quê ngoại lẫn quê nội, ngay từ thời niên thiếu, đã cảm nhận được cảnh ngộ và truyền thống của gia đình, quê hương. Hơn vậy, trong gia đình, Nguyễn Sinh Cung là người được cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc đặt nhiều niềm tin, hy vọng.

* Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

¹ Theo GS. Trần Văn Giàu, *Hồ Chí Minh - Chân dung một tâm hồn và trí tuệ vĩ đại*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh - 2010, tr. 110.

Đi lại trong quê hay sang Hà Tĩnh, ra Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, hay đi ra Bắc, cụ Phó Bảng thường cho cậu Cung đi cùng. Tuổi 14 -15, Nguyễn Sinh Cung chứng kiến rất nhiều cảnh sống dọ đầy của nhân dân. Bao cảnh tang tóc của mọi gia đình, làng xóm do thực dân gây ra, bao dọ đầy, tủi nhục do cuộc đời nô lệ đưa lại. Cảnh nghèo túng, bần hàn, thiếu trước hụt sau của gia đình, nhất là lúc một mình cơ cực vượt qua cơn hoạn nạn ở Huế, khi cha đi vắng, ông bà ở xa, dù mới 10 tuổi đã phải đơn côi một mình lo tang mẹ, rồi ngày ngày phải đi xin sữa, xin cháo nuôi em nhỏ và xin cơm cho mình, Nguyễn Sinh Cung đã thấm sâu tình làng nghĩa xóm, lòng dân, nghĩa đồng bào.

Từ năm 10 tuổi đến 15 tuổi Nguyễn Sinh Cung trở lại quê nhà sinh sống, học tập. Ở đây, cụ Phó bảng đã gửi con học cả quốc ngữ và Pháp ngữ. Đồng thời, Nguyễn Sinh Cung đã được nghe về truyền thống đánh Tây của quê hương, như phong trào của ông tú Vương Thúc Mậu dựng cờ Cần Vương ở núi Chung, gương hy sinh dũng cảm của Nguyễn Sinh Quyền ngay tại làng Kim Liên. Nói rộng hơn là truyền thống của vùng Nghệ Tĩnh, như Nghị Xuân với Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ; Đức Thọ với Phan Đình Phùng, Phan Trọng Mưu; Can Lộc với Nguyễn Huy Tự; Nam Đàn với Nguyễn Đức Đạt, Phan Bội Châu, và xa hơn là vùng thượng nguồn sông Lam, nơi có căn cứ địa của Lê Lợi trong kháng chiến chống Minh, có thành Bình Ngô, có ải Khả Lưu, có trận Trà Lân, có núi Bồ Tát... Sinh ra và lớn lên trong vùng "địa linh nhân kiệt" ấy, với trí thông minh, mẫn cảm tuyệt vời, với nghị lực phi thường, trong Nguyễn Sinh Cung đã sớm nảy nở lòng yêu nước với những tinh hoa của xứ sở, những trăn trở khổ đau thời cuộc, những căm ghét uất giận của người nô lệ, những mơ ước khát khao...

Quá trình học tập của Nguyễn Sinh Cung từ nhỏ gồm cả tự học và học ở trường lớp, ở các nhà Nho, nhất là từ người cha của mình đã trang bị những kiến thức cơ bản, đặc biệt quốc học Việt

Nam, nhất là quốc sử và quốc văn đã vun bồi tinh thần yêu nước, yêu dân, tự hào dân tộc cho mình.

Xuất thân trong gia đình nhà Nho, Nguyễn Sinh Cung được học Hán học từ rất sớm và đã có một quá trình “luyện Nho” khá lâu, nên đã thấm thấu văn hóa và đạo đức phương Đông khá sâu, một trong những cội nguồn văn hóa làm nên tâm vóc vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Và có lẽ, với vốn Hán học khá tốt, trước khi tiếp xúc với trường Tây, Nguyễn Sinh Cung đã tiếp cận với văn minh Tây phương qua các tài liệu chữ Hán như Tân Thư, Tân Văn vốn đã du nhập vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như Thanh Nghị báo, sách về Lịch sử cách mạng Pháp, lịch sử Đức, Ý, lịch sử tư tưởng Tây Âu..., của nhiều tác giả như Montesquieu (Mạnh Đức Tư Cưu), Voltaire (Phúc Lộc Đặc Nhĩ), Rousseau (Lư Thoa), Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, v.v... Khi được học tiếng Pháp, những từ “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái” đánh vào tâm trí Nguyễn Tất Thành những suy nghĩ và khát vọng “muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy”, muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình.

Tâm nguyện ấy càng được nung nấu khi xã hội Việt Nam thời thanh niên của Bác Hồ - cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đang đặt ra yêu cầu cấp bách: làm gì để cứu nước, cứu dân và bằng con đường nào? Phong trào Cần Vương thể hiện lòng yêu nước, không cam tâm làm nô lệ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước, nhưng cuối cùng đã thất bại. Phong trào nông dân Yên Thế, phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân Hội thể hiện các chủ trương, đường lối cứu nước của Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng đang bế tắc, chia rẽ chí hướng và lòng người. Người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành vừa tham gia phong trào biểu tình của hàng vạn nông dân Trung kỳ vừa phân tích, lựa chọn các chủ trương, các con đường cứu nước bấy giờ. Với sự minh

mẫn, nhạy cảm, với sự hiểu biết ít nhiều về tính thời đại qua các tác phẩm “tân thư”, “tân văn”, Nguyễn Tất Thành đã có phân tích lựa chọn độc lập, chính xác, phù hợp với xu hướng thời đại. Phong trào Yên Thế dù dựa vào núi rừng, kiên trì với thể “thủ hiểm” nhưng rồi cũng sẽ kết thúc như khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng. Phong trào Đông Du có lúc phát triển rất cao, nhưng “ngoại bang” trước sau vẫn là “ngoại bang”, ai thương cho dân tộc mình. Còn phong trào “khai dân trí”, “chấn dân khí” trong khuôn khổ xã hội thuộc địa, của chủ nghĩa thực dân làm sao kẻ thù dân tộc lại có sự rộng lượng, thương xót dân ta để lo “dân sinh” được. Chính vì vậy mà Nguyễn Tất Thành đã phải đi tìm một con đường cứu nước mới, một giải pháp mới cho quê hương - đi tìm “tự do, bình đẳng, bác ái” ở các nước cách mạng châu Âu để trở về cùng đồng bào trong nước tự đem sức mình làm nên những điều ấy. Đó là một quyết định quan trọng của người thanh niên yêu nước nhiệt tâm Nguyễn Tất Thành với một nghị lực phi thường, ý chí mãnh liệt quyết tìm bằng được con đường cứu dân, cứu nước. Đó chính là sự xuất hiện *đúng thời cơ* và ra đi *đúng lúc* của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

2. Một cuộc hành trình vĩ đại

Từ ngày 05-6-1911, đến khi Nguyễn Ái Quốc trở về Việt Nam (1941), kéo dài 30 năm, tất cả những gì của xã hội, con người, nhất là thân phận của người lao động, người cùng khổ trên khắp các châu lục mọi miền của trái đất, Nguyễn Ái Quốc dường như đã nếm trải.

Khi đến Pháp, với vốn kiến thức đã có, Nguyễn Tất Thành hoàn toàn có thể tiếp tục học tập để đạt được những bằng cấp cao. Nhưng vốn mang tâm nguyện “tìm đường cứu nước”, một lần nữa, Nguyễn Tất Thành đã có suy nghĩ và quyết định theo suy nghĩ riêng của mình: lao động để “sống”, tự học để “biết”. Nguyễn đã chọn nghề làm thủy thủ viễn dương, vừa có tiền trang

trải cuộc sống, vừa được đi đây đó, thấy được nhiều, biết nhiều. Nhờ đó, mà như chúng ta đã biết, từ 1912 trên con tàu của hãng vận tải Chargeurs Réunis, Nguyễn đã đi từ châu Âu đến châu Phi, có dịp dừng lại ở những bến cảng của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Côngô, Dahômây, Xênegan, Rêuniông. Và sau đó, cuối năm 1912, Nguyễn đã đến nước Mỹ, đi làm thuê kiếm sống, tìm hiểu cuộc sống của người dân lao động Mỹ, nhất là của người da đen. Rồi cuối năm 1913, Nguyễn sang Anh làm nghề cào tuyết, đốt lò, làm bồi bếp, và 4 năm sau trở lại Pháp, Nguyễn làm đủ nghề như rửa ảnh, lao động chân tay và viết báo. Có lẽ những năm tháng lao động chân tay, thâm nhập cuộc sống của công nhân và nhân dân lao động đã vun bồi tình cảm, nâng cao nhận thức cho Nguyễn Tất Thành trong giai đoạn đầu của cuộc hành trình tìm đường cứu nước. Đi mọi nơi Nguyễn Tất Thành đều tận mắt nhìn thấy áp bức, đọa đày, bóc lột, tàn sát của thực dân Tây Phương đối với các dân tộc thuộc địa như ở nước mình.

Do vậy mà các dân tộc thuộc địa, những người bị áp bức đều có chung tinh thần căm thù đế quốc, thực dân nên có chung nguyện vọng giành độc lập dân tộc. Tìm hiểu thân phận, tình cảm, ý chí của “những người bị áp bức” đã giúp Nguyễn từ ý thức dân tộc, yêu nước phát triển lên ý thức giai cấp quốc tế. Cho nên, sau này khi Nguyễn đã bước vào hoạt động chính trị, tham gia Đảng Xã hội, rồi Đảng Cộng sản Pháp, Người luôn quan tâm đến mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc. Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa nên Người bỏ phiếu ủng hộ Quốc tế III, dù chưa biết thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản, nhưng “*tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn....*”¹. Cho nên khi đọc đi đọc lại nhiều lần bản Luận cương các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Nguyễn đã hình dung ra được con đường giải phóng cho dân tộc mình, từ đó Người đã có sự lựa chọn dứt khoát: tán

¹ Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, tập 1, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1992, tr. 105.

thành Quốc tế III và hoàn toàn theo Lênin. Cũng từ đó Nguyễn Ái Quốc đã dần tập trung trí lực chuẩn bị con đường cứu nước, cứu dân tộc mình. Luận cương của Lênin như là một “bản thiết kế” mang tính chỉ đường. Cái quan trọng tiếp theo là hình thành con đường cứu nước như thế nào cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam, một nước thuộc địa ở châu Á, nơi giai cấp vô sản còn yếu, mà đại bộ phận thành phần trong xã hội là nông dân, những người bị áp bức nặng nề. Nguyễn Ái Quốc đã tham gia rất nhiều tổ chức, nghiên cứu và viết rất nhiều tài liệu từ thực tiễn của nhiều nước. Đọc Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1 từ 1919 - 1924 và tập II từ 1925-1930 chúng ta thấy được cường độ làm việc và sức sáng tạo phi thường của Nguyễn Ái Quốc. Từ đó đã hình thành cơ bản con đường mà Nguyễn đã chọn cho dân tộc Việt Nam. Mười năm hoạt động liên tục trên những cương vị đa dạng và khó khăn, trên một địa bàn hết sức rộng, Nguyễn Ái Quốc đã kết hợp nghiên cứu thực tế, thực hành trong hoạt động và sáng tạo về lý luận. Trong thời gian này Nguyễn Ái Quốc đã dự nhiều cuộc hội nghị quốc tế lớn, thành lập nhiều tổ chức chống đế quốc, viết nhiều báo, nhiều bài tuyên truyền cổ động cho cách mạng thuộc địa, giải phóng dân tộc. Đồng thời mở nhiều lớp đào tạo cán bộ, thành lập tổ chức cách mạng, đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thực sự đã vạch ra “tổng lộ tuyến” - con đường cơ bản, đúng đắn của cách mạng Việt Nam. Có thể nêu một cách khái quát quá trình tìm ra con đường ấy và nội dung cơ bản của nó là:

- Từ chủ nghĩa yêu nước, với khát vọng cứu dân, cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã trải qua hơn chục năm bôn ba khắp hải ngoại, lao động, học tập, tham gia hoạt động thực tiễn, tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin và khẳng định “muốn giải phóng dân tộc không có con đường khác con đường cách mạng vô sản”, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, “chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người... tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no...”

- Muốn cách mạng thành công phải có Đảng lãnh đạo. Muốn có Đảng lãnh đạo phải có chủ nghĩa làm cốt. Do vậy Nguyễn Ái Quốc đã dày công truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tổ chức các lớp đào tạo cán bộ, trực tiếp chuẩn bị mọi điều kiện để sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930.

- Đường lối cách mạng Việt Nam được thể hiện trong tác phẩm “Đường Kách mệnh” và “Chánh cương vắn tắt”. Đó là cuộc cách mạng tư sản dân quyền tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là những nét cơ bản của con đường cách mạng Việt Nam, con đường cứu nước đúng đắn do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vạch ra trong quá trình “tìm đường cứu nước” từ năm 1911, đặc biệt trong giai đoạn từ 1920 đến 1930. Con đường đó là kết quả của quá trình lao động, học tập, sáng tạo của một con người vĩ đại, vốn giàu lòng yêu nước, thương dân, nhạy cảm, minh mẫn và có ý chí quyết liệt trước thời cuộc; là sự kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với những tư tưởng dân chủ tiến bộ của nhân loại, với chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó được thể hiện: Từ mục đích “tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi” thể hiện tâm nguyện đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ qua nghiên cứu lý luận mà trải qua sự hoạt động phong phú, đa dạng của Người. Người đã đi khắp đó đây, tới đâu cũng xem xét, ghi chép, nhận xét, tìm bạn “đồng phận”, “đồng cảnh ngộ” chứ không phải “đồng văn”; “đồng chủng”. Từ đó ý thức giai cấp quốc tế trong Nguyễn Ái Quốc đã được hình thành. Khi tiếp xúc với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã nghiên cứu tất cả, song điều mà Người quan tâm nhất, ảnh hưởng đến việc hình thành con đường cứu dân cứu nước, hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn mácxít và phương pháp làm việc biện chứng; Người coi đó là bản chất khoa học và cách mạng nhất của học thuyết Mác. Người đã tiếp nhận hai yếu tố này một cách trung thành, triệt để và trọn vẹn. Đó không phải tiếp thu từng câu chữ, từng mệnh đề nguyên lý mà nắm chắc cốt lõi và được tỏa

sáng trên từng hành vi, lời nói, việc làm... Từ gốc nguồn nhân ái, nhân nghĩa của văn hóa truyền thống dân tộc, Người tiếp thu chủ nghĩa nhân văn mác xít ở chỗ tất cả là để giải phóng con người, trước hết là con người bị áp bức, con người nghèo khổ, bị đọa đày bởi chế độ thực dân, tư bản. Thấm đẫm chủ nghĩa nhân văn mác xít, nên sau này Bác Hồ đã nói và dạy chúng ta: *"Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống với nhau không có tình có nghĩa thì sao lại gọi là hiểu Mác - Lênin được"*¹. Hơn lúc nào hết, khi chúng ta đang tích cực đẩy mạnh Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, càng thấm thía lời dạy sâu sắc đó. Bác Hồ khẳng định: *"Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có nghĩa có tình... Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành nghĩa tình đồng bào, đồng chí"*² và trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người đã luôn thể hiện trọn vẹn tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà, cho đến lúc ra đi Người đã *"để lại muôn vàn tình thân yêu"* cho toàn Đảng toàn dân.

Về phương pháp biện chứng, thể hiện rõ nét nhất tư tưởng con đường cách mạng của Người vạch ra là *"Dĩ bất biến, ứng vạn biến"*. Tất cả vì độc lập dân tộc, vì hạnh phúc nhân dân, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Người đã vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, hình thành nên đường lối đúng đắn cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Vì dân, vì nước, vì con người, chăm lo hạnh phúc cho con người là bản chất của chủ nghĩa nhân văn mác xít. Mục tiêu cách mạng cũng là vì con người, con người được hưởng độc lập tự do, được mưu cầu hạnh phúc, cho nên vận dụng học thuyết đấu tranh giai cấp, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã huy động sức mạnh toàn dân tộc, giải quyết trước hết vấn đề độc lập dân tộc. Ở đây, Người đã có những sáng tạo độc đáo và hết sức đúng đắn, không những

1,2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 554.

đối với cách mạng Việt Nam mà còn có tầm quan trọng quốc tế. Như chúng ta đã biết, Các Mác đề ra khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại”. Lênin phát triển: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc thuộc địa, đoàn kết lại!”. Khi làm việc trong Hội Liên hiệp thuộc địa, viết truyền đơn cổ động mua báo Le Paria, Nguyễn Ái Quốc đề ra “*Lao động tất cả các nước đoàn kết lại!*”¹. Đây là sự phát triển và cụ thể hóa khẩu hiệu của Mác - Lênin, nói rõ chủ lực quân của lực lượng cách mạng thuộc địa là *người lao động*, không chỉ có công nhân mà còn đông đảo nhân dân lao động thuộc các giai cấp, tầng lớp, từ nông dân đến trí thức, cả tư sản dân tộc có tinh thần yêu nước. Ở đây cũng thể hiện mối liên hệ khăng khít giữa cách mạng các nước thuộc địa và chính quốc; vừa mang ý thức giai cấp vừa phù hợp với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Đặc biệt về vấn đề *dân tộc*, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã có quan điểm nổi tiếng, rất mới và phù hợp không những đối với Việt Nam mà dần dần mang tính thời đại. Ngay từ những năm 20 của thế kỷ trước, Người đã nhận định “*chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*”². Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế 1908, nó dạy những người cu li..., người “nhà quê” biết phản đối..., nó thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho các sĩ phu, các nhà cách mạng... đi tìm kế cứu nước cứu dân... Thực chất, quan điểm đó là kết quả của sự tổng kết sâu sắc, đúng đắn thực tiễn lịch sử Việt Nam từ thời cổ đại cho đến cận hiện đại, nó có nguồn gốc sâu xa từ bối cảnh lịch sử - xã hội Việt Nam qua các thời, được kết tinh qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Nó là động lực tạo nên sức mạnh giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua bao cuộc xâm lăng của ngoại bang. Đến cuối thế kỷ thứ XIX, đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc; chủ nghĩa thực dân lan tràn mọi châu lục, nhu cầu giải phóng dân tộc gắn liền với nhu cầu giải phóng áp bức, bóc lột, giải phóng

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, năm 2000, tr. 461.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, tr. 466.

con người, chủ nghĩa dân tộc mang một nội dung mới, vừa là chủ nghĩa yêu nước chân chính, chủ nghĩa nhân văn cao cả, vừa là ngọn cờ của giai cấp vô sản, gắn liền với cách mạng vô sản. Quan điểm đó thực sự đã có ý nghĩa thời đại trong thế kỷ XX, khi loài người theo chân lý ấy được phát triển thành “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã tạo nên sức mạnh to lớn, lần lượt đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Trong thời đại ngày nay, khi được mệnh danh là “thế giới phẳng”, được kêu gọi nhân quyền hơn chủ quyền thì “chủ nghĩa dân tộc” theo quan điểm Hồ Chí Minh, chân lý “không có gì quý hơn độc lập, tự do” vẫn mang tính thời đại, có ý nghĩa định hướng cho sự độc lập tự chủ, bảo đảm chủ quyền quốc gia, lợi ích của nhân dân trong sự phát triển chung của nhân loại trong bối cảnh “toàn cầu hóa”. Đảng ta đã nhận định “*Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội khác nhau và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc*”¹.

3. Kiên trì con đường đã chọn, vượt qua mọi thử thách, không ngừng sáng tạo

Những tưởng từ khi tìm ra “cái thần kỳ cho dân tộc” với con đường “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân”, “chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại”, cho nên “muốn giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” đến việc thành lập các tổ chức cách mạng, tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 03-02-1930 với *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình vắn tắt của Đảng...* đã trở thành cương lĩnh chính thức của Đảng để thực hiện thành công con đường giải phóng dân tộc do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

¹ *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 13.

xác định. Ai dè, Nguyễn Ái Quốc đã phải mất thêm 10 năm nữa, với biết bao nhiêu trở ngại, thử thách xuất phát từ Quốc tế Cộng sản, từ nội bộ Đảng, từ đồng chí, học trò của mình. Xem *Biên niên tiểu sử*, tập 2 (1930-1945), trong đó đặc biệt là giai đoạn 1934-1938 chúng ta mới thấy được sự gian truân của Bác Hồ thời đó, và cũng từ đó mới thấy được lòng bao dung, độ lượng, ý thức tổ chức kỷ luật, nhân cách, trí tuệ và ý chí kiên định để bảo vệ và thực thi con đường cứu nước mà chính Người đã dày công tìm kiếm và xác định. Với nền tảng chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, sự sáng tạo trong vận dụng và kiến lập con đường cứu nước, Bác Hồ của chúng ta đã kiên trì, nhất quán “cả đời... chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân”, “bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu,... cũng chỉ đeo đuổi một mục đích là làm cho ích quốc, lợi dân”. Người đã kiên định lập trường “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”, nên Đảng cách mạng do Người sáng lập là đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động, của cả dân tộc. Theo Người thì “*nếu cần có đảng thì sẽ là Đảng dân tộc Việt Nam. Đảng đó sẽ chỉ có một mục đích là làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập. Đảng viên của đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc và những kẻ tham ô*”¹. Khi đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam (1951), Hồ Chí Minh còn nói rõ hơn: “*Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là đảng của dân tộc Việt Nam*”². Kiên định với quan điểm “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”, nên khi trở về trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam Hồ Chí Minh đã quyết liệt thực hiện bằng được con đường Người đã chọn và hoạch định. Ngay tại Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (từ ngày 10 đến 19 tháng 5 năm 1941) tại Khuổi

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 141-142.

² *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, tr. 37-38.

Năm (Cao Bằng) Người đã lãnh đạo Trung ương ra Nghị quyết lịch sử về chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ phân để, giải phóng dân tộc lên trên hết, vấn đề “giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc” vì “*nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được*”¹. Người không nhắc lại những vấn đề mà Người đã ngồi nghe những đồng chí, những người học trò của mình kiểm điểm, “gột rửa tư tưởng” về chủ nghĩa cơ hội, về đấu tranh giai cấp, về động lực cách mạng, mà Người quyết liệt hành động. Người thành lập Mặt trận Việt Minh tập hợp mọi lực lượng yêu nước tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc với qui luật quan hệ biện chứng “đoàn kết” thì “thành công”, “đại đoàn kết” thì “đại thành công”. Nhờ đó mà Đảng ta đã lãnh đạo cuộc vận động giải phóng dân tộc thành công với thắng lợi lịch sử của Cách mạng tháng Tám vĩ đại, giành lại độc lập cho non sông sau bao thập niên nô lệ. Đảng Lao động Việt Nam - đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta trong thế kỷ XX.

Cũng theo quan điểm “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng lý luận và thực tiễn xây dựng chính quyền cách mạng là của dân, do dân, vì dân với triết lý “bao nhiêu lực lượng đều ở nơi dân...; bao nhiêu lợi ích thuộc về dân, bao nhiêu quyền hành đều là của dân...”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trong Đại hội X và XI của Đảng ta gần đây đã xác định “phát huy sức mạnh toàn dân tộc” luôn là nguồn lực cơ bản, là động lực mạnh mẽ của sự phát triển. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt

¹ Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr. 113.

Nam". Nhà nước của ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân, vì dân. Tất cả những điều trên đây dường như trái với những nguyên tắc, quan điểm "kinh điển" về lập trường giai cấp, về bản chất của một Đảng Cộng sản, về nhà nước chuyên chính vô sản.... Nếu như trước đây, chúng ta lại bị phê phán, bị gột rửa tư tưởng, coi là sai quan điểm dưới góc nhìn của những người giáo điều. Thực ra đó là sự thẩm thấu, quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, là sự vận dụng sáng tạo có sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin theo đúng phương pháp biện chứng của chính chủ nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của nhân dân ta. Và điều đó càng minh chứng con đường mà Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc ta, cho cách mạng nước ta là mãi mãi đúng đắn.

Con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh hoạch định cho dân tộc Việt Nam là một con đường đầy sáng tạo dựa trên triết lý "Dĩ bất biến, ứng vạn biến". Một cuộc hành trình kéo dài mấy thập niên, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã trải qua bao năm tháng gian lao, tự bươn chải trong cuộc sống để học tập và hoạt động cách mạng, bị tù đầy trong ngục tù đế quốc thực dân đến những phê phán, công kích từ một số lãnh đạo Quốc tế Cộng sản và trong nội bộ Đảng do chính mình lập ra, từ những đồng chí, bạn chiến đấu, học trò của mình. Nhưng với tâm huyết thuở ban đầu "đi tìm đường cứu nước, cứu dân", với bản lĩnh và trí tuệ phi thường, đạo đức trong sáng, Người đã vượt qua tất cả và đã đạt được mục đích cao cả, lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội. Ngẫm lại, lịch sử cách mạng nước ta đã chứng minh, khi nào quán triệt, thẩm thấu tư tưởng Hồ Chí Minh thì cách mạng giành được thắng lợi vẻ vang, khi nào giáo điều, bảo thủ, xa rời tư tưởng Hồ Chí Minh ít nhiều đều gặp khó khăn và gây nên những tổn thất. Thực tiễn cuộc sống thành phố mang tên Người - Thành phố Hồ

Chí Minh qua các thời kỳ, nhất là 10 năm đầu sau ngày đất nước được giải phóng, với biết bao khó khăn chồng chất, có lúc tưởng chừng không vượt qua được, trong đó có khó khăn từ khách quan, nhưng khó khăn lớn hơn là từ chủ quan, từ chủ trương, đường hướng phát triển. Theo con đường, tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng là sáng tạo, là “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, thành phố đã tin tưởng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào sức mạnh trí tuệ và sức lực của quần chúng, tất cả vì lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia, lợi ích giai cấp, lợi ích của nhân dân, đã năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm..., dù bị phê phán là “phá rào”, bị gột rửa tư tưởng về quan điểm giai cấp, về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, bị kiểm tra, kiểm điểm..., cuối cùng đã vượt qua bao thử thách, tạo nên những nhân tố mới, góp phần tạo tiền đề cho sự đổi mới đất nước như ngày nay. Nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, nếu thực sự nghiêm túc nhìn lại con đường chúng ta đã và đang đi, với tinh thần Hồ Chí Minh, nắm chắc cốt lõi, bản chất khoa học và cách mạng, tư tưởng, con đường cứu nước Hồ Chí Minh, bám sát thực tiễn cuộc sống, tất cả vì dân vì nước, chắc chắn chúng ta sẽ vững bước trên con đường Người đã chọn với sự sáng tạo không ngừng.

TỪ CẢNG SÀI GÒN ĐẾN BA ĐÌNH LỊCH SỬ NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG ĐÃ MỞ ĐƯỜNG CHO MỘT KỶ NGUYÊN MỚI CỦA DÂN TỘC

GS. SONG THÀNH*

Việt Nam, vào đầu thế kỷ XX, đã có một lớp thanh niên ưu tú rời nước ra đi, không phải vì mưu sinh mà vì khát vọng giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do và nhân phẩm cho đồng bào. Họ nô nức Đông Du theo lời kêu gọi đầy nhiệt huyết của Phan Bội Châu. Duy có một người thanh niên mãnh khảnh dám một mình tìm đường sang phương Tây. Đó là Nguyễn Tất Thành. Thành tự chung cuộc đã làm cho việc ra đi đó trở thành một sự kiện lịch sử trọng đại, mở ra bước phát triển mới cho cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam. Chỉ có thể đánh giá hết ý nghĩa, giá trị và bài học của sự kiện này khi đặt nó vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc của phong trào cứu nước hồi đầu thế kỷ trước.

I. BỐI CẢNH XÃ HỘI VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

1. Sau thất bại của các cuộc khởi nghĩa vũ trang cuối thế kỷ XIX, tư tưởng của các sĩ phu yêu nước đã có sự chuyển biến. Họ cố thoát ra khỏi ý thức hệ phong kiến, đi tìm một con đường mới trong ý thức hệ tư sản Âu - Mỹ qua các tân thư được truyền vào từ Trung Hoa. Song những cố gắng ấy cũng đều lần lượt bị thất

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

bại. Cuộc vận động chống sưu thuế bị đàn áp, Trần Quý Cáp bị xử tử, Phan Châu Trinh bị đày đi Côn Đảo. Vụ Hà Thành đầu độc thất bại, các nghĩa sĩ bị chặt đầu; Trường Đông Kinh nghĩa thực bị đóng cửa; căn cứ nghĩa quân Yên Thế bị bao vây, đánh phá; phong trào Đông Du bị tan rã, Phan Bội Châu và các đồng chí của ông bị trục xuất khỏi nước Nhật,... Những nỗ lực cuối cùng của các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ hầu như đều đã thất bại.

Phong trào cứu nước, giải phóng dân tộc đứng trước một cuộc khủng hoảng, bế tắc cả về lý luận, đường lối và phương thức đấu tranh. *Làm thế nào để đánh đuổi được chủ nghĩa thực dân xâm lược, giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào?* Câu hỏi đó ngày đêm nung nấu, day dứt tâm can lớp thanh niên yêu nước thế hệ Nguyễn Tất Thành lúc bấy giờ.

Sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn đầy biến động của đất nước; được kế thừa truyền thống yêu nước, bất khuất của quê hương và gia đình, khi còn là một thiếu niên 15 tuổi, Nguyễn Tất Thành đã sớm biết đau nỗi đau mất nước, xót xa trước nỗi thống khổ của đồng bào, đã sớm có chí đuổi giặc, cứu nước, giải phóng dân tộc.

Nhưng bằng con đường nào? Liên minh với ai, dựa vào ai để chiến đấu? Cuộc tranh luận không phải về **mục tiêu** mà về **con đường**: *dựa vào Pháp để cải cách* như Phan Châu Trinh hay *dựa vào Nhật để cứu nước* như Phan Bội Châu? Mặc dù uy tín của hai chí sĩ họ Phan đều rất lớn, nhưng Anh không đứng về phe nào. Trước khi đi đến quyết định, theo tinh thần “cách vật, trí tri”¹, Anh cần tìm hiểu đến tận cùng thực chất của thời cuộc. Sau này, trong một lần trò chuyện với nhà báo Mỹ Anna Louise Strong, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau: Ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp? Người này nghĩ là Nhật, người*

¹ Một phương châm nhận thức của Nho giáo, nghĩa là có tiếp cận trực tiếp sự vật mới có thể đi tới nhận thức thấu đáo bản chất của sự vật.

khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"¹. Điều đó cho thấy, Nguyễn Tất Thành đã sớm có ý thức khám phá thời đại để tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc.

2. Bước sang thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc đã trở thành một hệ thống thế giới, mỗi thuộc địa là một mắt khâu của hệ thống đế quốc, do đó cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc không thể chỉ là hành động riêng rẽ của một quốc gia này chống lại sự xâm lược và thống trị của một quốc gia khác như trước kia, mà đã trở thành một bộ phận của cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Trong điều kiện lịch sử mới, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, như Lênin đã nói. Đây chính là **đặc điểm mới của thời đại** mà các sĩ phu trong nước thời đó chưa có điều kiện để nhận ra.

Với nhạy cảm chính trị của một trí tuệ hiếm có, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành đã có được *dự cảm* nhất định về sự chuyển biến của thời đại. Kẻ xâm lược mới đến từ phương Tây, mang theo sức mạnh của văn minh phương Tây. Muốn thắng được họ, phải đi tìm một con đường khác. Đó là con đường nào? Ở tuổi 20, người thanh niên ấy chưa thể trả lời ngay được, nhưng sự lựa chọn đầu tiên đã tỏ ra vô cùng sáng suốt: Ngược với làn sóng Đông Du, anh một mình đi sang phương Tây, nơi sớm nở ra các cuộc cách mạng dân chủ tư sản, nơi các trào lưu tư tưởng tự do dân chủ và khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ. Phải ra đi xem xét họ làm ăn thế nào để trở về giúp đồng bào. Khát vọng đó của anh đã nảy nở từ rất sớm và lớn dần lên theo năm tháng.

Ngày 2-6-1911, Nguyễn Tất Thành ra cảng Sài Gòn liên hệ xin việc. Ngày 3-6-1911, anh được giới thiệu và nhận vào làm phụ bếp trên tàu Amiral Latouche Tréville (Amiran Latusơ Torêvin).

¹ Ba lần nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Báo Nhân Dân, số ra ngày 18-5-1965.

Ngày 5-6-1911, với tên mới Văn Ba, Anh theo tàu rời nước ra đi. Không khoác áo thân sĩ, ra đi trong tư cách một người lao động, khởi nghiệp với đôi bàn tay trắng, với một ý chí mãnh liệt, một nghị lực phi thường, một mình tiến hành cuộc trường chinh 30 năm đi tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

II. QUÁ TRÌNH TÌM TÒI VÀ HÌNH THÀNH CƠ BẢN CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA VIỆT NAM

1. Tiến hành cuộc khảo sát rộng lớn thế giới tư bản

Nguyễn Tất Thành nhận làm bồi tàu, thủy thủ để có điều kiện được đi. Từ cảng Sài Gòn, anh đã đi qua Xingapo, Côlômbô, vượt Hồng hải, qua Suê đến cảng Saïd, Macxây, Lơ Havorơ. Từ Pháp, anh trở lại Sài Gòn, rồi đi vòng quanh châu Phi, qua các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Angiêri, Tuynidi, trở lại các cửa biển Đông Phi, vòng qua Cônggô, Đahômây, Ghinê, Sênegan, vượt Đại Tây Dương tới Hoa Kỳ, vòng xuống Nam Mỹ, tới Achentina,... Sau đó, trở lại Anh, về Pháp, qua Đức, tới Liên Xô, về Trung Quốc, sang Thái Lan,... tất cả hơn 30 nước.

Có thể nói, vào đầu thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong số rất ít các nhà cách mạng đương thời có điều kiện đi nhiều, có một vốn hiểu biết khá tường tận về chủ nghĩa đế quốc và hệ thống thuộc địa của chúng. Bản thân là người dân thuộc địa, ra nước ngoài hòa mình vào cuộc sống lao động và đấu tranh của vô sản ở chính quốc, có gần 10 năm bôn ba, khảo sát các thuộc địa của đế quốc Anh, Pháp, Đức - từ châu Á, châu Phi đến châu Mỹ La-tinh nên Người sớm có hiểu biết về bản chất chung và màu sắc riêng của mỗi nước đế quốc cũng như trình độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội khác nhau giữa các nước thuộc địa. Nhờ vốn hiểu biết thực tế đó, cùng với một năng lực tư duy độc lập, tự chủ đã giúp Người không rơi vào các khuynh hướng cơ hội nhưng cũng không dễ dàng chấp nhận một cách giáo điều những công thức

lý luận không phù hợp với thực tế các nước thuộc địa, nhất là ở phương Đông.

2. Bắt đầu tham gia hoạt động chính trị, từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp vào lúc cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga vừa bùng nổ thắng lợi, mở ra một hướng phát triển mới trong lịch sử loài người. Nhân Hội nghị Hòa bình Versailles (Vécxây), cùng với Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, dưới tên ký Nguyễn Ái Quốc, anh thử nghiệm sử dụng pháp lý tư sản và hình thức đấu tranh bằng phương pháp hòa bình, đưa ra bản *Yêu sách tám điểm*, đòi quyền bình đẳng về pháp lý và các quyền tự do, dân chủ tối thiểu cho nhân dân Việt Nam. Bản *Yêu sách* không được các đế quốc thắng trận để mắt tới, anh rút ra kết luận: Chương trình 14 điểm của Tổng thống Mỹ W. Wilson chỉ là một trò bịp lớn, *“muốn giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình”*¹.

Cuối năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, chính đảng duy nhất ở Pháp quan tâm đến số phận các dân tộc thuộc địa. Tuy nhiên, anh đã thất vọng, vì họ nói rất hay, *“thông qua những nghị quyết rất kêu, để sau đại hội đưa vào viện bảo tàng”*².

Giữa lúc đó, ai đã chia bàn tay thân ái đối với anh, với các dân tộc thuộc địa? - Chính phái tả của Đảng Xã hội Pháp, Quốc tế III, Lênin và Cách mạng Nga! *“Họ đã không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những nghị quyết ‘nhân đạo’... Mặc dù đang vấp phải những khó khăn trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng không hề một chút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi”*³.

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 281.
2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tr. 281.
3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, tr. 298.

Chính nhờ thắng lợi của cách mạng Nga, rồi đọc *Luận cương* của V. I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ánh sáng cho con đường giải phóng dân tộc mình trong sự nghiệp giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức. Đêm kết thúc Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (30-12-1920), Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế III, đánh dấu bước ngoặt trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời mở ra bước chuyển cho bao thế hệ người Việt Nam: Từ người yêu nước thành người cộng sản.

3. Vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu lý luận, góp phần bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác

Nguyễn Ái Quốc khởi đầu hoạt động đấu tranh cách mạng của mình bằng *việc tố cáo những tội ác man rợ của bọn thực dân ở thuộc địa*, nhằm làm cho nhân dân Pháp và nhân dân thế giới biết được sự thật về cái gọi là “chính sách khai hóa” của bọn thực dân, gây men căm giận, phẫn nộ, từ đó kêu gọi “*nô lệ thức tỉnh*”: “*Mọi chế độ thực dân đế quốc đều tiêu diệt hết các nòi giống bản xứ, muốn cứu vãn những nòi giống này, ta phải lật đổ chủ nghĩa đế quốc*”¹. Sử dụng hình ảnh “chủ nghĩa tư bản là con địa hai vòi”, nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai cái vòi của nó đi, Nguyễn Ái Quốc nêu lên *sự cần thiết phải thực hiện sự liên minh chiến đấu giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa*, hai cuộc cách mạng đó phải phối hợp nhịp nhàng với nhau như hai cánh của một con chim.

Trong cuộc đấu tranh giải phóng đó, sự ủng hộ của quốc tế là rất quan trọng, song *nhân tố quyết định vẫn là sự nỗ lực của bản thân nhân dân các dân tộc thuộc địa*. Người viết: “*Vận dụng công thức của C. Mác, tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải*

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sdd, tr. 340.

phóng anh em, chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”¹.

Những bài báo đó của Nguyễn Ái Quốc đã đặt cơ sở ban đầu cho việc hình thành lý luận về con đường giải phóng các dân tộc thuộc địa theo con đường cách mạng vô sản.

Sau khi đến Liên Xô, tham gia một khóa học lý luận ngắn hạn, rồi được mời tham dự nhiều đại hội và hội nghị quốc tế lớn, Nguyễn Ái Quốc có cơ hội vừa lắng nghe, học tập, vừa vận dụng vốn lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của mình, tham gia vào cuộc tranh luận, đưa ra những ý kiến sắc sảo, những luận điểm riêng, góp phần bổ sung và phát triển lý luận của Lênin về cách mạng ở thuộc địa.

Thời kỳ sau khi Lênin qua đời, về mặt lý luận, phong trào cộng sản quốc tế có xu hướng bị “sơ cứng hóa”, còn tỏ ra chịu ảnh hưởng nhiều của thuyết “đĩ Âu vi trung” (Européo-centrisme = lấy châu Âu làm trung tâm), thường chỉ nhấn mạnh vai trò quyết định của cách mạng vô sản ở chính quốc mà coi nhẹ hoặc đặt cách mạng giải phóng dân tộc ở địa vị phụ thuộc.

Sớm nhận ra tình hình này, tại các diễn đàn quốc tế đó, bằng những lời lẽ tâm huyết và lập luận thuyết phục, Nguyễn Ái Quốc đã ***“thức tỉnh” các đồng chí cộng sản châu Âu về tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa***, rằng *“vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa...”*, rằng *“nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc, ... Thế mà các đồng chí khi nói về cách mạng, lại khinh thường thuộc địa... trong lúc chủ nghĩa tư bản lại dựa vào nó để tự bảo vệ và chống lại các đồng chí?”².*

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sdd, tr. 128.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 273 - 275.

Từ luận điểm đó, Nguyễn Ái Quốc *làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa*. Người yêu cầu giai cấp vô sản ở chính quốc và đảng tiên phong của nó: “không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đây bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức”¹; “cần nêu một tấm gương về những điều họ có thể và phải làm cho những anh em của họ đang bị áp bức”², chỉ có sự hợp tác đó mới có thể đảm bảo cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

Trước khi rời Mátxcơva đi về phương Đông, Nguyễn Ái Quốc thấy cần thiết phải chính thức phát biểu quan điểm của mình (báo cáo bằng văn bản) với Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Người nhấn mạnh *sự cần thiết phải vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi nước*. Người đặt vấn đề: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? - Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”³. Đây không phải Nguyễn Ái Quốc phản biện Mác mà chỉ thể hiện sự phản ứng với khuynh hướng “lấy châu Âu làm trung tâm” vào lúc đó, vẫn coi châu Âu là mẫu mực, là điển hình cho sự phát triển của nhân loại, cho rằng khi nào cách mạng vô sản ở châu Âu thắng lợi thì các dân tộc thuộc địa đương nhiên sẽ được giải phóng.... (trong khi Nguyễn Ái Quốc, do đánh giá cao chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc của nhân dân thuộc địa, lại cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa *có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc* và bằng thắng lợi của mình mà góp phần “giúp đỡ những người anh em ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”)⁴.

Xuất phát từ tư duy biện chứng và yêu cầu phải vận dụng chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm phát triển

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sdd, tr. 114.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 302.

3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 466.

4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 36.

kinh tế - văn hóa - xã hội các nước phương Đông và Việt Nam, trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đề xuất ba luận điểm lớn:

- “*Cuộc đấu tranh giai cấp ở đó (tức Việt Nam) không diễn ra giống như ở phương Tây*”, do ở đó sự phân hóa giai cấp chưa triệt để và sâu sắc; sự đối lập về tài sản và mức sống giữa các giai cấp chưa thật lớn, do đó, “*sự xung đột về quyền lợi giữa họ được giảm thiểu*”; mặt khác, các dân tộc Viễn Đông không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ, nên *cuộc đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây (tức phương Tây)*.

- “*Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước*” - hơn nữa còn là *động lực vĩ đại và duy nhất* của họ, vì ở các thuộc địa đang đấu tranh giành độc lập thì *mâu thuẫn dân tộc và đế quốc là mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu nhất*, mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ dân tộc vẫn tồn tại, nhưng được giảm thiểu, vì dù là tư sản hay địa chủ (hạng vừa và nhỏ) cũng đều là người nô lệ mất nước.

+ Từ đó, Người mạnh dạn kiến nghị: “*Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ các Xô viết phải đảm nhiệm*”¹.

Những quan điểm trên đã thể hiện một năng lực tư duy độc lập, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc về lý luận, dựa trên quan điểm thực tiễn, quan điểm biện chứng vốn là linh hồn của chủ nghĩa Mác. Tiếc rằng ba luận điểm đó được đưa ra vào thời điểm sau khi Lênin đã mất, quan điểm “giai cấp chống giai cấp” đang thăng thế, “chủ nghĩa dân tộc” bị coi là rơi vào phạm trù tư tưởng tư sản, nên chưa được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Tuy vậy, các quan điểm đó vẫn được Nguyễn Ái Quốc kiên trì vận dụng để chỉ đạo cách mạng Việt Nam, vì nó đúng với hoàn cảnh và điều kiện của Việt Nam.

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 466 - 467.

4. *Từ Đường Kách mệnh đến Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt - đánh dấu sự hình thành cơ bản tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng Việt Nam*

a. Tác phẩm *Đường Kách mệnh* là sự phát triển các quan điểm lý luận đã được Nguyễn Ái Quốc sơ bộ nêu lên trước đó, nay được trình bày tương đối có hệ thống về con đường cách mạng Việt Nam:

- *Đường Kách mệnh* khẳng định cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng Nga, tức là phải đặt nó trong quỹ đạo cách mạng vô sản.

- *Đường Kách mệnh* xác định rõ con đường cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: *dân tộc cách mệnh* và *thế giới cách mệnh*, hai giai đoạn này có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng mỗi giai đoạn có mục tiêu và phương pháp vận động cách mạng khác nhau. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đề cao sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, trên nền tảng “công nông là người chủ cách mệnh”, “là gốc cách mệnh”, “còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ,... ba hạng ấy chỉ là bầu bạn của công nông thôi”.

- *Đường Kách mệnh* sớm chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết quốc tế, vấn đề phương pháp cách mạng như phương pháp tuyên truyền, giảng giải về lý luận, về chủ nghĩa, về giác ngộ và cách tổ chức - vận động quần chúng ra đấu tranh,...

- *Đường Kách mệnh* nhấn mạnh tầm quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng, “Đảng có vững, cách mệnh mới thành công. Đảng muốn vững, phải có chủ nghĩa làm cốt... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin”.

- *Đường Kách mệnh* chỉ rõ sức mạnh của đảng cách mạng là ở lý luận, ở tổ chức, đồng thời còn ở phẩm chất chính trị và đạo đức

của mỗi đảng viên. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc đặt lên hàng đầu vấn đề đạo đức cách mạng, nhắc nhở phải “ít lòng ham muốn về vật chất, phải xem thường danh vị, ngôi thứ và tiền bạc, ...” vì chúng là cội nguồn sinh ra đổ ỵ, hận thù, chi diếm, phản bội, làm tổn hại nghiêm trọng đến sự nghiệp cách mạng.

Những nội dung trên cho thấy **Đường Kách mệnh** đã đặt cơ sở cho sự hình thành đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam theo đường lối cách mạng vô sản; nó đánh dấu sự chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước đã diễn ra từ cuối thế kỷ XIX cho đến những năm 20 của thế kỷ XX.

b. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và các văn kiện của Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc thảo ra, đã đánh dấu *sự hình thành cơ bản tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam:*

- Về tiến trình của cách mạng Việt Nam, **Chính cương vắn tắt** nêu rõ “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, nghĩa là tiến trình đó gồm hai giai đoạn cách mạng như Lênin đã nói; vì *thổ địa cách mạng* cũng chỉ là một trong hai nhiệm vụ cơ bản của giai đoạn tư sản dân quyền cách mạng. Còn để “đi tới xã hội cộng sản”, đó là nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng sau (giai đoạn thế giới cách mạng, tức cách mạng vô sản).

Xuất phát từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: Đế quốc và phong kiến là hai đối tượng phải đánh đổ trong cách mạng dân tộc dân chủ, nhưng không coi hai nhiệm vụ đó phải thực hiện ngang nhau, song song, đồng thời, mà đặt lên hàng đầu *nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc*, cần tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính, còn nhiệm vụ chống phong kiến, đem lại ruộng đất cho dân cày sẽ thực hiện từng bước, nhưng phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc. Đó là chỗ khác với quan điểm của Xtalin và Quốc tế Cộng sản.

- Về đường lối tập hợp quần chúng: **Sách lược vẫn tắt** đề ra chủ trương mềm dẻo, nhằm tập hợp rộng rãi các tầng lớp dân chúng, lôi kéo họ đi về phe vô sản giai cấp, còn đối với bọn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít ra làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến,...) thì phải đánh đổ.

Sách lược vẫn tắt của Đảng cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, cùng với **Chính cương vẫn tắt** trở thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, nguồn gốc tạo nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó là sự thâm nhuần và vận dụng sáng tạo những tư tưởng của Lênin được Người đề ra trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*.

Tuy nhiên, ở thời kỳ sau Lênin, nhất là sau Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928), khi mà cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản đang đến gần, Quốc tế Cộng sản cho rằng thời kỳ bùng nổ và thắng lợi của cách mạng vô sản châu Âu đã tới, càng nhấn mạnh hơn khẩu hiệu “giai cấp chống giai cấp”, coi cách mạng giải phóng dân tộc của các dân tộc phương Đông chỉ nằm ở vòng ngoài, hỗ trợ cho thắng lợi của cách mạng vô sản; lúc này mặt trận Quốc - Cộng hợp tác ở Trung Quốc cũng đã thất bại và tan vỡ,... nên **Chính cương vẫn tắt, Sách lược vẫn tắt** của Nguyễn Ái Quốc bị phê là “sặc mùi hợp tác giai cấp”. Chỉ sau những thất bại liên tiếp của cách mạng vô sản ở châu Âu cuối những năm 20 đầu những năm 30 của thế kỷ XX, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và sự bùng nổ chiến tranh thế giới mới, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) mới thay đổi đường lối, mới trở lại với tư tưởng của Lênin về chính sách mặt trận, khi đó tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về con đường cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam mới được thừa nhận và triển khai trong thực tế.

III. TRỞ VỀ TỔ QUỐC, LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG THẮNG TÁM THẮNG LỢI MỞ RANG MỘT KỶ NGUYÊN MỚI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

Đến với cánh tả của Cách mạng Pháp rồi với Lênin và Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Người nóng lòng trở về Tổ quốc, “*đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập*”. Sau nhiều năm dày công chuẩn bị về chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng, đào tạo và huấn luyện cán bộ cho cách mạng Việt Nam, đề chủ động đón thời cơ giải phóng dân tộc đang đến gần, ngày 28-1-1941, Người đã vượt qua biên giới Việt - Trung, đặt chân lên mảnh đất địa đầu của Tổ quốc thân yêu sau mấy chục năm xa cách.

Ba mươi năm trước, khi Người bước chân ra đi, con đường cứu nước, giải phóng dân tộc vẫn còn mù mịt, chưa thấy đường ra. Ba mươi năm sau, Người trở về với ***Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*** sáng trong lòng. Người chủ trì Hội nghị Trung ương VIII (5-1941), cùng với Trung ương Đảng ta chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược, *xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp*. Hội nghị nhận định: Cách mạng Đông Dương hiện tại *không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền...* (mà) ***là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc***. Hội nghị quyết định *tạm gác khẩu hiệu ruộng đất*, chỉ tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, Việt gian, đề thêm khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công,... Làm như vậy, như Hội nghị phân tích, không phải là bỏ mất nhiệm vụ điền địa, mà nhằm ngay nhiệm vụ bức thiết trước mắt là giải phóng dân tộc, vì “*Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được*”¹.

¹ Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 113.

Thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”, Hội nghị cũng rút khẩu hiệu thành lập liên bang Đông Dương. Về vấn đề chính quyền, Hội nghị chỉ rõ: “sau khi đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới... Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc... ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thảy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền”¹.

Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 đã lôi cuốn hàng chục triệu nông dân, dù chưa được chia lại ruộng đất của địa chủ, vẫn hăng hái tiến bước cùng giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, làm nên cuộc cách mạng long trời lở đất. Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng đọc bản **Tuyên ngôn Độc lập** của nước Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Dân tộc Việt Nam từ thân phận nô lệ đã vươn lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới.

Công lao đó thuộc về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Người đã xông pha trên con đường vạn dặm để tìm ra cái “cẩm nang thần kỳ”, đưa sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc đến thắng lợi vẻ vang, lập nên nhà nước dân chủ cộng hòa đầu tiên ở châu Á. **Bài học khảo sát tận cùng thời đại với một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo** nhằm tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh từ 100 năm trước đây vẫn đang là tấm gương sáng mà chúng ta phải thấm nhuần, quán triệt, để tìm ra **con đường phát triển phù hợp cho Việt Nam** ở thời đại toàn cầu hóa hiện nay.

¹ Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 7, Sdd, tr. 114.

HỒ CHÍ MINH HOÀN THIỆN ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHO SỰ RA ĐỜI CỦA MẶT TRẬN VIỆT MINH

PGS. NGND. LÊ MẬU HÂN*

1. Hồ Chí Minh là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, một dân tộc có truyền thống văn hóa, tư tưởng được hình thành qua hàng ngàn năm lịch sử, mà cốt lõi là ý chí độc lập và khát vọng tự do. Đó là mục tiêu cao cả, quyền dân tộc thiêng liêng quy tụ toàn dân đứng lên chiến đấu đánh bại các đội quân ngoại bang phương Bắc xâm lược, để giành và giữ vững chủ quyền đất nước qua các thời đại lịch sử.

“Tự do độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc... Hễ một dân tộc đã đứng lên kiên quyết tranh đấu cho Tổ quốc họ thì không ai, không lực lượng gì chiến thắng được họ”¹.

Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của học thuyết giải phóng và phát triển dân tộc của Hồ Chí Minh, là nền tảng của đường lối chiến lược đại đoàn kết dân tộc qua các thời kỳ cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sự hình thành Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam do Đảng tổ chức và lãnh đạo đã diễn ra qua một tiến trình vận động từ năm 1930 và được hoàn thiện về đường lối chính trị và tổ chức với sự ra đời của Việt Minh năm 1941.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 7.

Việt Minh ra đời giữa lúc nhân dân Việt Nam đang sống quẩn quại trong cảnh “nước sôi lửa nóng”, lúc “quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”. Việc cứu nước là việc chung của đồng bào cả nước, ai là người Việt Nam đều phải kề vai sát cánh:

*“Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền.
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta”¹.*

Hồ Chí Minh sớm xác định cuộc cách mạng của nhân dân các nước thuộc địa chống lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc là “dân tộc kháng mệnh”. Cuộc cách mạng để “giải phóng công cùng nô lệ cho đồng bào”, là một sự nghiệp lớn, “là việc chung của cả dân chúng”, “trong đó công nông là gốc kháng mệnh”, là “chủ kháng mệnh”, “học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn kháng mệnh”; các giới đồng bào sĩ, nông, công, thương đều phải đoàn kết lại do đảng cách mạng lãnh đạo để chống bọn đế quốc và tay sai.

Người không rơi vào giáo điều khuôn mẫu, không đơn giản hóa vấn đề dân tộc theo quan điểm coi vấn đề dân tộc thực chất là vấn đề nông dân và nội dung cơ bản về quyền lợi của nông dân là ruộng đất.

Nội dung cơ bản của cách mạng thuộc địa là quyền tự do độc lập. Nhân dân thuộc địa có một động lực vĩ đại khi họ đã hiểu được giá trị của sự đoàn kết dân tộc, quyết vùng dậy đấu tranh chống ách thống trị của chủ nghĩa thực dân giành lại quyền độc lập dân tộc và tự do cho toàn dân.

Cách mạng của nhân dân các nước thuộc địa có thể giành được thắng lợi trước cách mạng của nhân dân các nước tư bản và họ có thể giúp đỡ những người anh em ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Đây là những quan điểm cách mạng cơ bản của Hồ Chí Minh làm nền tảng để xây dựng đường lối chiến lược cách mạng, thực

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Sdd, tr. 205.

hiện khối đại đoàn kết thống nhất dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.

2. Đầu năm 1930, nắm vững bản chất vấn đề dân tộc, Hồ Chí Minh đã lập ra *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng do chính Người soạn thảo, được Hội nghị thành lập Đảng nhất trí thông qua đã kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, trong đó nổi lên hàng đầu là vấn đề dân tộc. Cương lĩnh nêu rõ chủ trương chiến lược của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc là đánh đổ đế quốc thực dân Pháp và bọn phong kiến, "*làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập*", thực hiện các quyền tự do dân chủ, kể cả vấn đề tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản cách mạng đem chia cho nông dân, chuẩn bị thực hành thổ địa cách mạng. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận công nhân và nông dân, đồng thời phải đoàn kết với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tranh thủ hoặc trung lập phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư sản Việt Nam... Chủ trương thành lập *Hội phản đế đồng minh* cũng được nêu ra để Ban chấp hành Trung ương phải tổ chức ngay.

Điểm sáng nổi bật trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng là chủ trương chiến lược chống đế quốc và tay sai giành độc lập, tự do, thực hiện đại đoàn kết dân tộc. Phong trào cách mạng nổ ra năm 1930 có tính quần chúng rộng rãi, nhất là những địa phương có phong trào lên đến đỉnh cao nhất như Nghệ An, Hà Tĩnh đã cuốn hút mạnh mẽ sức mạnh đoàn kết dân tộc, không chỉ có công nông mà còn có các tầng lớp trí thức, một số sĩ phu, phú nông, trung, tiểu địa chủ và một số quan lại nhỏ ở nông thôn. Đó là một sự thật lịch sử, bước đầu minh chứng tính hiện thực về sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc và sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, về tính chân xác của quan điểm gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, đoàn kết toàn dân chống đế quốc và tay sai của Hồ Chí Minh.

Ngày 18-11-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị về vấn đề thành lập *Hội phản đế đồng minh*, nhắc lại tư

tướng cách mạng đúng của Cương lĩnh chính trị đầu tiên, coi việc đoàn kết toàn dân là một trong những nhân tố thắng lợi của cuộc cách mạng. Chỉ thị phê phán những nhận thức sai lầm trong Đảng như đã tách rời vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, đã coi nhẹ vai trò của Hội phản đế đồng minh trong cách mạng ở thuộc địa. Tư tưởng đoàn kết dân tộc trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, nội dung Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng chưa được Ban Chấp hành Trung ương Đảng quán triệt, trái lại còn tiếp tục mắc bệnh “tả khuynh” giáo điều. Khuynh hướng “tả”, biệt phái giai cấp đó được tiếp tục biểu hiện rõ trong thư của Trung ương gửi cho các cấp đảng bộ ngày 9-12-1930 và các văn kiện khác của Đảng trong những năm 1931 - 1935 về sau.

Trong những năm 1936 - 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định vận động thành lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi, sau gọi là Mặt trận thống nhất dân chủ để tập hợp các giai cấp, các đảng phái chính trị dù nhỏ bé, bấp bênh vào cuộc đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi các quyền tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình. Hồ Chí Minh cũng đã truyền đạt cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương phải tổ chức mặt trận một cách rộng rãi, phải đấu tranh không khoan nhượng chống tư tưởng bè phái, biệt lập. Đây là một bước trưởng thành mới về chủ trương xây dựng Mặt trận thống nhất của Đảng. Cao trào đấu tranh dân chủ rộng rãi của quần chúng diễn ra trong toàn quốc đã dẫn đến các hình thức phối hợp và liên minh hành động giữa các giai cấp, đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng khác nhau trong từng đợt, từng phong trào đấu tranh đòi quyền lợi dân chủ và dân sinh. *Mặt trận dân chủ “đã bắt đầu thực hiện từng bộ phận” chứ chưa được hình thành về mặt tổ chức*, có hệ thống từ cơ sở đến trung ương, song Đảng đã tích lũy thêm những kinh nghiệm có ý nghĩa thực tiễn quan trọng trong cuộc vận động xây dựng mặt trận những năm tiếp theo. Những kinh nghiệm đó đã được Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư của Đảng tổng kết bước đầu trong tác phẩm *Tự chỉ trích*, công bố tháng 7-1939.

3. Từ tháng 9-1939 trở đi, các dân tộc ở Đông Dương đứng trước nguy cơ mất còn. “Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”. Vì vậy Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Nguyễn Văn Cừ chủ trì đã quyết định giương cao ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu. Hội nghị đã quyết định lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương nhằm mục đích đánh đế quốc Pháp, vua chúa bản xứ và bọn tay sai của đế quốc phân bội dân tộc; giành lại quyền độc lập hoàn toàn cho cả dân tộc trên bán đảo Đông Dương (thi hành quyền dân tộc tự quyết).

Vào mùa Xuân năm 1941, Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc trực tiếp chỉ đạo Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo và tổ chức nhân dân đánh Pháp, đuổi Nhật để giành lại quyền độc lập, tự do. Trung ương Đảng đã khẳng định và tiếp tục phát triển tư tưởng cách mạng dân tộc của Hồ Chí Minh, rằng: Nói đến vấn đề dân tộc là nói đến quyền tự do độc lập của mỗi dân tộc. Dân tộc đó có quyền lựa chọn con đường giải phóng của mình. Sau khi đánh đuổi Pháp, Nhật, Đảng phải thi hành đúng chính sách dân tộc tự quyết cho các quốc gia dân tộc ở Đông Dương. Các dân tộc sống trên bán đảo Đông Dương sẽ tùy ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy theo ý muốn của mình.

Hội nghị quyết định nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, thống nhất lực lượng cách mạng trên toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, tiểu tư sản, tư sản bản xứ, trung, tiểu địa chủ, ai có lòng yêu nước thương nòi vào một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, đánh Pháp, đuổi Nhật giành quyền độc lập, tự do cho các dân tộc ở Đông Dương theo quan điểm thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Đối với dân tộc Việt Nam sau khi đánh đuổi được Pháp - Nhật, sẽ lập nên nước Việt Nam mới theo chế độ dân chủ cộng hòa... Đây là một sự chuyển hướng về chiến lược cách mạng tư sản dân quyền của Đảng, xác

định lại tính chất của cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng” vì nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp ngựa trâu muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được. Do đó, tính chất của cuộc cách mạng Đông Dương là cách mạng dân tộc giải phóng.

Vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc, Đảng phải nêu cao ngọn cờ dân tộc. Đảng phải khơi dậy cho hết chí khí cách mạng, tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân, tập trung mọi lực lượng dân tộc để thực hiện nhiệm vụ trung tâm là giải phóng dân tộc, cứu nước. Cho nên, tổ chức mặt trận đại đoàn kết dân tộc phải có một tên mới có tính chất dân tộc hơn, có sức mạnh hiệu triệu đồng bào toàn quốc hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế lúc bấy giờ là Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Việt Minh. Đảng cũng đã ra một nghị quyết về chương trình của Việt Minh làm cơ sở để tổ chức và lãnh đạo mặt trận.

Công cuộc vận động xây dựng tổ chức Mặt trận Việt Minh đã được triển khai vào cuộc sống cách mạng của nhân dân ta.

Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra Tuyên ngôn, kính cáo đồng bào rằng:

“Từ khi lập quốc, xét lịch sử nước ta, chưa bao giờ dân tộc ta nhục nhằn, đau khổ như lúc này...”

Nguy cơ diệt vong đã bày ra trước mắt. Hiện thời chúng ta chỉ có một con đường mưu sống là đoàn kết thống nhất, đánh đuổi Nhật, Pháp, trừ khử Việt gian.

Mở con đường ấy cho đồng bào, “Việt Nam độc lập đồng minh” (Việt Minh) ra đời...

Việc giải phóng của ta phải do ta làm lấy.

Ai là người Việt Nam hãy phấn đấu tự cường, hãy tự tin, tự trọng, hãy đoàn kết thống nhất!”¹.

Chương trình cứu nước của Việt Minh đã nêu rõ, sau khi đánh đuổi được Nhật - Pháp sẽ lập ra Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Quốc dân Đại hội cử lên. Chính phủ sẽ thực hiện những chính sách của Việt Minh về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội gồm 44 điểm cụ thể cốt đáp ứng hai điều mà toàn thể đồng bào ta đang mong ước là “*Làm sao cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do*”.

Tổ chức Việt Minh được Hồ Chí Minh chỉ đạo thí điểm từ đầu năm 1941 ở Cao Bằng, rồi phát triển nhanh khi Việt Minh được chính thức thành lập. Việt Bắc là nơi phong trào Việt Minh phát triển mạnh. “*Đặc điểm to nhất, đáng chú ý nhất của Việt Nam độc lập đồng minh ở Việt Bắc là tính chất rộng rãi, rộng rãi đến một trình độ xưa nay chưa từng thấy trong lịch sử cách mạng nước ta; rộng rãi về phạm vi: từng xã, từng tổng, từng châu, từng huyện đã hoàn toàn tham gia vào hàng ngũ cách mạng; rộng rãi về mặt thành phần nhân dân: nam, phụ, lão, ấu đều rầm rộ tham gia vào công tác cứu quốc, chỉ trừ một số rất ít trung lập và phản động*”². Tháng 11-1942, Việt Minh Cao Bằng đã mở Đại hội bầu Ban Chấp hành chính thức của tỉnh. Ban Chấp hành Việt Minh của liên tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn cũng đã được thành lập. Các hội cứu quốc được phát triển trong cả nước. Hội Văn hóa cứu quốc ra đời cuối năm 1943. Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập tháng 6-1944 và đã tham gia làm thành viên của Việt Minh.

Đứng đầu Việt Minh trong toàn quốc là Tổng bộ Việt Minh.

Việt Minh đã thực sự trở thành trung tâm tập hợp, đoàn kết các giai cấp, đảng phái chính trị và cá nhân yêu nước trong toàn quốc đứng lên đánh Pháp, đuổi Nhật.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sdd, tr. 459 - 463.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, tập 7, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr. 461.

Đảng đã thông qua Việt Minh các cấp để vận động, tổ chức và lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ trung tâm là chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Cuộc khởi nghĩa dân tộc trong cả nước tháng 8-1945 của nhân dân Việt Nam bằng “sức mạnh đoàn kết dân tộc” đã giành được thắng lợi.

Mục tiêu cứu nước của Việt Minh đã trở thành hiện thực.

Sự phát triển hoàn thiện về đường lối, chủ trương chiến lược “đoàn kết dân tộc” của Đảng dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Việt Minh năm 1941.

Sự thành lập và hoạt động của Việt Minh đã trở thành một nhân tố cơ bản, quyết định thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. Việt Minh đã ra đời chính ở khu rừng Pác Bó. *“Hai chữ Việt Minh trong một thời kỳ dài làm nức lòng đồng bào cả nước, Hai chữ Việt Minh còn mãi mãi trong lịch sử, chói lọi nét vàng”*¹.

Việt Minh là một tổ chức mặt trận tiêu biểu, hoàn chỉnh, sáng chói như một mốc son đánh dấu sự ra đời của Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam.

- Việt Minh ra đời là kết quả của một quá trình vận động cách mạng ở Việt Nam, kết quả thắng lợi của tư tưởng độc lập, tự do và chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, của Đảng ta; kết quả của một tư tưởng khoa học và sáng tạo, kiên quyết khắc phục tư tưởng ấu trĩ, “tả” khuynh, giáo điều rập khuôn.

- Sự ra đời và hoạt động của Việt Minh gắn liền với tư tưởng, đường lối chính trị, đường lối tổ chức và sự hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Người là hiện thân của khối đoàn kết dân tộc vì độc lập, tự do; của chiến lược:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công”.

¹ Hoàng Quốc Việt, *Ánh sáng mới từ Pác Bó, Đầu nguồn*, tập hồi ký, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1975, tr. 17.

- Giương cao ngọn cờ dân tộc, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước và đoàn kết thống nhất dân tộc, dựa vững vào khối liên minh công nông và trí thức, đoàn kết chân thành với mọi lực lượng yêu nước và tiến bộ của dân tộc trong một Mặt trận thống nhất rộng rãi - Mặt trận Việt Minh là một thành công sáng tạo của Hồ Chí Minh, của Đảng về công tác mặt trận trong Cách mạng tháng Tám, về chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng Việt Nam.

Vai trò lịch sử là người sáng lập và lãnh đạo Mặt trận Việt Minh - Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam của Hồ Chí Minh không chỉ được những người cách mạng ngời ca mà cả những người ở trận tuyến đối lập cũng phải thán phục, kính nể. Đônít Óácơ (Denis Warner) một người chống cộng cứng rắn ở Ôxtrâyliya đã ngợi ca rằng Hồ Chí Minh "luôn luôn có mặt khi mọi người cần tới mình", là người dắt dẫn lôi cuốn dân tộc vào một mặt trận đại đoàn kết. Óácơ viết: *"Vừa mới tập hợp những người cộng sản lại với nhau năm 1930, thì khi cuộc chiến tranh Thái Bình Dương mới nổ ra, Cụ Hồ lại đã sẵn sàng bắt tay vào việc tập hợp những người theo chủ nghĩa dân tộc và những người cộng sản vào một Mặt trận thống nhất mới rộng rãi hơn... vào mùa Xuân năm 1941"*¹.

Nguyễn Tường Bách, một đảng viên Việt Cách thuộc phe đối lập chống Việt Minh đã viết những lời thán phục sức nổi dậy của Việt Minh để giành chính quyền năm 1945 như sau: *"Đâu đâu cũng là Việt Minh cả... Tại sao? Đó là câu tôi tự hỏi. Họ tài thật. Chúng tôi không khỏi thán phục... Việt Minh đã thắng khắp nơi. Ngày 2-9, Chính phủ Hồ Chí Minh làm lễ tuyên thệ độc lập ở Quảng trường Ba Đình. Tôi đã biết... Hồ Chí Minh ngày nay là Nguyễn Ái Quốc mà chúng tôi vẫn khâm phục như một nhân vật thần kỳ"*².

¹ Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 170.

² Nguyễn Tường Bách, *Việt Nam những ngày lịch sử*, Nhóm nghiên cứu Sử - Địa xuất bản, Môngtréan 1981, tr. 69, 70.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

GS. TS. NGÔ VĂN LỆ*

Việt Nam là quốc gia đa tộc người. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, quá trình hình thành quốc gia dân tộc là quá trình hội nhập và phát triển, mở rộng địa bàn cư trú, tiếp nhận các cộng đồng tộc người mới vào đại gia đình các tộc người Việt Nam. Sự hình thành quốc gia dân tộc Việt Nam diễn ra trong bối cảnh hết sức khó khăn, vừa phải chống kẻ thù xâm lược, vừa phải tạo dựng những cơ sở cho sự phát triển lâu dài trên một vùng lãnh thổ mà thiên nhiên có phần khắc nghiệt. Trong suốt chiều dài lịch sử, các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam không phân biệt là đã định cư lâu đời hay mới di cư đến đều coi Việt Nam là Tổ quốc của mình và đều có những đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Do những điều kiện lịch sử, mà phần lớn các tộc người thiểu số sinh sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo - những địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái, nhưng cũng hết sức khó khăn cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Một quốc gia đa tộc người như Việt Nam, nhưng sự phát triển lại hết sức không đồng đều giữa các tộc người là một vấn đề cần phải chú ý khi giải quyết các mối

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

quan hệ tộc người. Nhận thức rõ vị thế của vấn đề dân tộc cũng như sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đối với sự phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chủ trương thực hiện nhất quán chính sách dân tộc trong quá trình tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Bài viết của chúng tôi, trên cơ sở các bài nói chuyện, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh liên quan đến vấn đề dân tộc để trình bày tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc.

1) Những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác đều rất coi trọng vấn đề dân tộc. Nhưng ở giai đoạn đầu Mác và Ăngghen, vấn đề dân tộc không đặt ra cấp bách. Bởi hai ông tập trung vào nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến chủ nghĩa tư bản, đến đấu tranh giai cấp. Vì lẽ đó những ý kiến của hai ông về vấn đề dân tộc là không nhiều và chưa tập trung. Ở thời kỳ Lênin, khi chủ nghĩa tư bản phát triển trở thành chủ nghĩa đế quốc đã đi nô dịch các dân tộc khác và xâm chiếm đất đai lãnh thổ của các quốc gia khác biến thành thị trường. Trong tình hình đó, nhiều quốc gia mất chủ quyền. Mặt khác, từ thực tế của nước Nga Sa hoàng “địa ngục trần gian của các dân tộc”, Lênin và sau đó là Stalin đã quan tâm đến vấn đề dân tộc. Vào năm 1913, tác phẩm khá nổi tiếng *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc* của Stalin đã được xuất bản. Cho đến nay trải qua gần 100 năm, thế giới đã có nhiều biến đổi, nhưng nhiều vấn đề trong công trình này vẫn còn nguyên giá trị. Là người tổ chức và lãnh đạo nước Nga sau Cách mạng tháng Mười, hơn ai hết Lênin đã thấy thực trạng áp bức dân tộc đã tồn tại ở chế độ Nga Sa hoàng, nên rất quan tâm đến vấn đề dân tộc. Trên cương vị lãnh tụ giai cấp vô sản Nga, tình hình thực tế nước Nga, nên Người đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản và chính quyền Xô viết. Trong tác phẩm nổi tiếng của Lênin *Về quyền dân tộc tự quyết*¹, cương lĩnh về vấn đề dân tộc có thể nêu tóm tắt: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các

¹ V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 25, Nxb, Tiến bộ, Mátxcova.

dân tộc có quyền tự quyết và liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại. Bình đẳng là một nguyên tắc cực kỳ quan trọng, thể hiện rất rõ quan điểm của Lênin về vấn đề dân tộc. Bình đẳng ở đây bao gồm không chỉ bình đẳng về chính trị, mà còn cả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong bài viết của mình, khi nói về bình đẳng giữa các dân tộc, Lênin nhấn mạnh: Người nào không thừa nhận và không bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc và bình đẳng giữa các ngôn ngữ, không đấu tranh chống mọi áp bức hay mọi bất bình đẳng dân tộc, người đó không phải là người mácxít, thậm chí cũng không phải là người dân chủ nữa...; giải phóng các dân tộc thuộc địa và tất cả các dân tộc bị áp bức hoặc bị bất bình đẳng... không những không làm cho quần chúng lao động các dân tộc được bình đẳng thật sự, mà cả việc phát triển ngôn ngữ và văn hóa của họ¹. Quyền tự quyết là một trong ba nguyên tắc cơ bản trong cương lĩnh của Lênin về vấn đề dân tộc. Có thấy được tình trạng nhiều dân tộc bị áp bức dưới chế độ Nga Sa hoàng mới thấy hết được ý nghĩa của quyền tự quyết dân tộc. Quyền tự quyết dân tộc không phải là mục tiêu dẫn đến sự tách ra của các dân tộc, mà hướng tới việc các dân tộc xích lại gần nhau, tạo nên sức mạnh trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới tươi đẹp hơn. Bởi vì: “chủ nghĩa xã hội có mục đích không những xóa bỏ tình trạng nhân loại bị chia thành những quốc gia nhỏ và xóa bỏ mọi trạng thái biệt lập giữa các dân tộc, không những làm cho các dân tộc gần gũi nhau, mà còn nhằm thực hiện việc hợp nhất các dân tộc lại... Nhân loại chỉ có trải qua thời kỳ quá độ của chuyên chính của giai cấp bị áp bức, mới có thể xóa bỏ được các giai cấp cũng giống như vậy, nhân loại chỉ có trải qua thời kỳ quá độ hoàn toàn giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức, nghĩa là thời kỳ các dân tộc được tự do phân lập, thì mới có thể đạt tới sự hợp nhất tất nhiên giữa các dân tộc². Và cuối cùng là liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại là nguyên tắc thứ ba trong Cương lĩnh của Lênin về

¹ V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 38.

² V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 27, tr. 328.

vấn đề dân tộc. Đây là sự liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức dân tộc và áp bức giai cấp, vì sự giải phóng dân tộc và xã hội. Theo đó, việc giải phóng khỏi ách tư bản, việc xây dựng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là nhiệm vụ quốc tế của tất cả những người vô sản, của tất cả nhân dân lao động các nước. Đây là một quan điểm nhất quán của Lênin về chủ nghĩa quốc tế vô sản, hoàn toàn khác và đối lập với chủ nghĩa dân tộc tư sản là luôn gây sự thù hằn dân tộc và chia rẽ giữa các dân tộc. Lênin viết: *"Chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đó là hai khẩu hiệu đối lập không thể điều hòa được và thích ứng với hai mặt trận giai cấp lớn trong thế giới tư bản chủ nghĩa và biểu thị hai chính sách lớn (hơn thế nữa: hai thế giới quan) trong vấn đề dân tộc"*¹. Sau Cách mạng tháng Mười, những quan điểm của Lênin về vấn đề dân tộc đã được triển khai thực hiện và mang lại những kết quả to lớn. Được sự giúp đỡ của chính quyền trung ương và của người Nga nhiều nước cộng hòa ở Siberi, ở các vùng khác như Trung Á, Capcador có trình độ phát triển kinh tế, xã hội thấp dưới chế độ Xô viết đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong lịch sử phát triển của mình. Mức sống của nhân dân các dân tộc được cải thiện và nâng cao bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn, làm giàu do quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa giữa các dân tộc trong quá trình xây dựng Liên bang Xô viết... Những thành tựu trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến sự phát triển của các dân tộc ở Liên bang Xô viết là rất lớn, là bài học cho nhiều nước có thể vận dụng sau khi giành độc lập bắt đầu xây dựng cuộc sống mới. Tuy nhiên, sau khi Lênin qua đời, chính sách dân tộc của Người không được thực hiện một cách đúng đắn, càng về sau này càng xa rời những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc. Việc này làm suy yếu khối đại đoàn kết các dân tộc Xô viết, sức mạnh làm nên chiến thắng vĩ đại trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Sự tan rã của Liên Xô sau này có nhiều nguyên nhân kinh tế, chính trị, nhưng chính việc không

1 V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 24, tr. 157.

nhất quán trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, để cho chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa ly khai phát triển tại các nước cộng hòa, cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Nhà nước Xô viết. Những xung đột diễn ra ở nhiều nước thế giới trong bối cảnh hiện nay, bên cạnh những nguyên nhân kinh tế, xã hội, còn có nguyên nhân do sự bất bình đẳng giữa các dân tộc trong những quốc gia đa tộc người.

2) Là người sinh ra tại một nước phương Đông, khác với những bậc tiền bối, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước không hướng tới phương Đông, mà lại hướng tới phương Tây, nơi chủ nghĩa tư bản hình thành và phát triển. Trong quá trình bôn ba năm châu bốn biển, tiếp cận với các học thuyết khác nhau, Người đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin. Người tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường giải phóng dân tộc. Theo GS. Phan Hữu Dật, thì tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc bao gồm hai lĩnh vực tổng quát. Thứ nhất là: *"Vấn đề dân tộc trên phương diện vĩ mô. Khi nước ta là một nước thuộc địa, nửa phong kiến thì vấn đề dân tộc là vấn đề giành độc lập tự do cho toàn dân tộc, cho nhân dân ta, cả dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số trong quốc gia Việt Nam thống nhất, làm cho các dân tộc từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước"*. Và thứ hai là: *"Vấn đề dân tộc trên phương diện vi mô. Nước ta là một quốc gia đa dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc ở đây là xác định đường lối, chính sách để đưa các dân tộc tiến lên xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, trong một xã hội công bằng và văn minh"*¹. Khi Người ra đi tìm đường cứu nước thì Việt Nam đang là thuộc địa của Pháp, cho nên cùng một lúc bị áp bức dân tộc và áp bức giai cấp. Do vậy, tình hình ở các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, khác với các nước phương Tây, khi vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có mối liên hệ với nhau, không thể giải quyết vấn đề giai cấp, nếu không giải quyết vấn đề dân tộc. Nhưng

¹ GS. TS. Phan Hữu Dật, (Chủ biên), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.52-53.

vào thời điểm đó, một vấn đề đặt ra là liệu có nước thuộc địa nào giành được thắng lợi, khi mà ở “chính quốc” chưa xảy ra cách mạng vô sản? Bằng nhãn quan thiên tài của một nhà cách mạng chuyên nghiệp, từ truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam và trí thức tích lũy được của Người trong những năm bôn ba ở nhiều nước khác nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng cách mạng thuộc địa có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở “chính quốc” khi Người nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu trong cách mạng tư sản dân quyền ở Việt Nam. Người cũng chỉ ra rằng chủ nghĩa dân tộc là một động lực to lớn của công cuộc giải phóng dân tộc, mà đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh của giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác (nông dân, trí thức...) là một chiến lược, là sức mạnh, là cội nguồn của thành công. Sau này, khi trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, những tư tưởng đó được vận dụng vào thực tiễn và chính thực tiễn cách mạng Việt Nam đã làm sáng tỏ những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho phong trào giải phóng dân tộc, cho tiến trình phi thực dân hóa trên phạm vi toàn thế giới. Để có thể giải phóng giai cấp ở các nước thuộc địa, thì trước hết phải giành độc lập dân tộc, không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc thì không thể nói đến giải phóng giai cấp. “Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ rằng, đối với Việt Nam (có thể rộng ra đối với các nước ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin), không phải là giải quyết vấn đề giai cấp rồi mới giải quyết được vấn đề dân tộc như ở các nước tư bản phát triển phương Tây, mà ngược lại, chỉ có giải quyết dân tộc mới giải phóng được giai cấp, giải phóng dân tộc đã bao hàm một phần giải phóng giai cấp và tạo tiền đề cho giải phóng giai cấp”¹.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều lời nói, bài viết chứa đựng những tư tưởng lớn về vấn đề dân tộc ở nước ta. Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên

¹ GS. TS. Phan Hữu Dật, sđd, tr. 54

cứu về những tư tưởng lớn của Người được công bố. Một trong những nội dung đó là nói về đoàn kết dân tộc trong công cuộc đấu tranh giành độc lập cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Sau 30 năm bôn ba năm châu bốn biển tìm đường cứu nước, ngay khi về tới Việt Nam để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người quan tâm đến công tác xây dựng lực lượng (xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng quần chúng), mà nội dung quan trọng là đoàn kết. Ngày 6 tháng 6 năm 1941, trong bức thư nhan đề “Kính cáo đồng bào”, Người viết: “*Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng.*”

Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề.

*Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!
Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật!¹.*

Trong thư kêu gọi tổng khởi nghĩa, Người cũng nhấn mạnh đến vấn đề đoàn kết: “Chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới độc lập.

Việt Minh là cơ sở cho sự đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này”². Trong thư gửi đồng bào tỉnh Lào Cai, ngày 18 tháng 10 năm 1945, Người cũng nhắc nhở “đồng bào chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ, phải tranh đấu đến cùng để mưu cầu tự do hạnh phúc cho dân tộc”. Có thể thấy tư tưởng đoàn kết xuyên suốt trong các bài viết của Người. Người quan tâm đến mối quan

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 198.

² Hồ Chí Minh, *Sđd*, tập 3, tr. 554.

hệ đoàn kết giữa người Kinh (Việt) với các dân tộc thiểu số khác, bởi theo Người thì chỉ có xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc mới tạo được sức mạnh để chống kẻ thù xâm lược, chống lại nghèo nàn, lạc hậu. Trong lúc kẻ thù lại luôn tìm mọi cách để phá vỡ sự đoàn kết, chia rẽ và gây hận thù giữa các dân tộc. Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều là con cháu Việt Nam. Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâycu đề ngày 19 tháng 4 năm 1946, Người viết: *"Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau... Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu của các dân tộc... Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải yêu thương nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta"*¹. Tư tưởng nhất quán về sự đoàn kết các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cũng được thể hiện trong các thư gửi cho đồng bào người Hoa, các dân tộc ở các tỉnh Tây Bắc, Việt Bắc. Cùng với đoàn kết, Người cũng luôn nhắc nhở mọi người nêu cao cảnh giác trước những âm mưu của kẻ thù. Người nhấn mạnh: *"Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Các dân tộc anh em trong nước ta gắn bó ruột thịt với nhau trên một lãnh thổ chung và trải qua một lịch sử lâu đời cùng nhau lao động và đấu tranh để xây dựng Tổ quốc tươi đẹp. Đế quốc và phong kiến cố tình phá hoại tình đoàn kết và sự bình đẳng giữa các dân tộc, gây thù hằn giữa các dân*

¹ Hồ Chí Minh, Sdd, tập 4, tr. 217-218.

tộc, thi hành chính sách “chia để trị”. Đảng và Chính phủ ta luôn luôn kêu gọi các dân tộc xóa bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra, cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Các dân tộc thiểu số đã sát cánh với anh em đa số chiến đấu chống kẻ thù chung, đưa Cách mạng tháng Tám và kháng chiến đến thắng lợi. Từ ngày hòa bình lập lại, Nhà nước ta đã giúp đỡ các dân tộc anh em tiến bộ thêm về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội. Các dân tộc đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đang hăng hái thi đua xây dựng nước nhà. Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, Người dành nhiều tình cảm cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc thiểu số, nhất là Tây Nguyên. Trong bức điện gửi đồng bào, chiến sĩ và cán bộ Tây Nguyên, Người gửi lời thăm hỏi ân cần đến toàn thể đồng bào Tây Nguyên, các cháu thanh niên, nhi đồng và nhấn mạnh: “Đồng bào và chiến sĩ Tây Nguyên đã đoàn kết càng phải đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, không ngừng phát huy mạnh mẽ thắng lợi đã giành được, luôn nêu cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu của địch, ra sức củng cố và phát triển vùng giải phóng và phục vụ tiền tuyến”². Di chúc là bài viết cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc đi xa, thì : “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”³. Tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc để có thể tạo nên sức mạnh chống kẻ thù xâm lược luôn giữ một vị trí quan trọng trong các trước tác của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Là người vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc trong một nước thuộc địa, dẫn đến

1 Hồ Chí Minh, Sđd, tập 9, tr. 587.

2 Hồ Chí Minh, Sđd, tập 12, tr. 512.

3 Hồ Chí Minh, Sđd, tập 12, tr. 512.

những thắng lợi vĩ đại, đó là đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ thực tế của nước Nga Sa hoàng, V.I. Lênin đã chỉ ra rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể thành công ở một nước riêng biệt, nó là một mắt xích yếu kém trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, thì sự đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đó là cách mạng giải phóng dân tộc có thể thành công ở một nước thuộc địa, khi cách mạng vô sản chưa thành công ở "chính quốc". Để có thể thực hiện được thắng lợi công cuộc giải phóng dân tộc, ngoài một đường lối đúng đắn, thì phải xác định được sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc. Đối với một nước thuộc địa như Việt Nam, khi nền công nghiệp chưa phát triển, tuyệt đại cư dân sinh sống ở nông thôn, lấy nông nghiệp là hoạt động kinh tế chính, thì lực lượng làm nên sức mạnh đó là toàn bộ nhân dân lao động. Mà động lực của phong trào giải phóng dân tộc là khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nền tảng là giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân. 30 năm trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (từ 1941 đến 1969), tư tưởng đoàn kết là nội dung xuyên suốt trong các bài viết và bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Như vậy có thể thấy, xuất phát từ tình hình thực tế các dân tộc ở Việt Nam, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ thực dân phong kiến áp bức bóc lột thậm tệ, nhưng nhân dân các dân tộc thiểu số lại có lòng yêu nước, không chịu khuất phục kẻ thù, đã bao lần đồng bào các dân tộc thiểu số sát cánh cùng người Kinh (Việt) chống xâm lược giành độc lập trong những năm bị đô hộ, cũng như khi Pháp xâm lược Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách hết sức sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam. Trên nền tảng lấy tinh thần đoàn kết thương yêu, đùm bọc lấy nhau, lòng yêu nước, chí căm thù địch, kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản làm phương châm vận động chính để động viên, tổ chức quần chúng đánh giặc cứu nước, giành độc lập tự do, hạnh phúc

cho toàn dân, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhờ một đường lối nhất quán trong việc giải quyết những vấn đề dân tộc, nên trải qua hai cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp và đế quốc Mỹ khối đoàn kết thống nhất dân tộc ngày càng được củng cố vững chắc hơn bao giờ hết. Những âm mưu thâm độc, những thủ đoạn xảo quyệt của bọn đế quốc và bè lũ tay sai nhằm chia rẽ dân tộc, làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã bị thất bại. Thắng lợi của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ có nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến sức mạnh toàn dân tộc. Mà để có được sức mạnh của toàn dân tộc là nhờ Đảng và Nhà nước ta đã giải quyết thành công những vấn đề căn bản liên quan đến vấn đề dân tộc.

SỰ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG QUÁ TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

LÊ NGÂN MAI*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước vĩ đại, đồng thời là nhà quốc tế chủ nghĩa cao đẹp, hiện thân của tư tưởng về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Cuộc hành trình tìm đường cứu nước qua khắp các nước Á, Âu, Phi, Mỹ đã tạo cho Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách nhìn mới về thế giới, về mối liên hệ giữa Việt Nam và thế giới. Người đã vượt qua tầm nhìn hạn hẹp của các nhà yêu nước tiền bối để hướng ra bên ngoài, gắn kết giữa sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc với công cuộc cách mạng của toàn thể các dân tộc đang bị áp bức.

Nguyễn Tất Thành sinh ra và lớn lên khi phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở trong cảnh “*đường như trong đêm tối không có đường ra*”, bị bế tắc, khủng hoảng cả về lãnh đạo và đường lối cứu nước. Tìm hiểu nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước kể trên, một trong những yếu tố đầu tiên mà Người phát hiện là: chính âm mưu “chia để trị” mà thực dân Pháp thiết lập ở Việt Nam là một cản trở lớn cho việc củng cố và phát huy sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc. Người vạch rõ: “*Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hi vọng làm nguội*

* Khu di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người An Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau”¹.

Trước âm mưu chia cắt đất nước và sự đàn áp dã man của thực dân Pháp đối với các cuộc đấu tranh, nhiều lãnh tụ của phong trào yêu nước đã bị bắt hoặc bị mua chuộc. Số còn ý chí đi tìm động lực đấu tranh, tìm chỗ dựa ở nước ngoài. Nguyễn Tất Thành trân trọng mọi công phu, tìm kiếm, khâm phục tâm huyết của các bậc tiền bối nhưng Người thấy rõ những con đường đã được chọn đó đều không hiệu quả: “*Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương*”, “*Cụ Phan Bội Châu hi vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”*”². Tâm nguyện của Người là phải đi tìm con đường khác thì mới có hy vọng cứu được đất nước, cứu được nhân dân thoát khỏi xiềng xích nô lệ.

Tháng 6-1911, người thanh niên 21 tuổi Nguyễn Tất Thành đã bước chân xuống tàu Amiran Latouche Tréville sắp nhổ neo ở cảng Sài Gòn để bắt đầu cuộc hành trình tìm đường cứu nước với đích hướng là phương Tây. Khác với mục đích “cầu viện” dựa vào sự giúp đỡ nước ngoài để đánh Pháp giành độc lập cho dân tộc như Phan Bội Châu và một số nhà yêu nước khác. Với Nguyễn Tất Thành, như Người đã nói: “*Tôi muốn ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta*”³. Có thể, do tìm hiểu lịch sử nước Pháp, tìm hiểu những tư tưởng của các nhà khai sáng vĩ đại Pháp như Rút-xô, Mông-tét-xkiơ,... và do tính bẩm sinh thường có ở những trí tuệ thiên tài, đã hình thành nên trong Người suy nghĩ rằng, chỉ có ở châu Âu, nơi đã diễn ra nhiều cuộc cách mạng lớn, trong đó có Đại cách mạng Pháp 1789 và công xã Paris, nơi lần đầu tiên đã

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 116.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 13.

3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Hà Nội, 1970, tr. 11.

vang lên những chữ “tự do”, “bình đẳng”, “bác ái”, nơi có khoa học - kỹ thuật phát triển mạnh mẽ hơn so với các lục địa khác - chỉ có nơi đó mới giúp Người tiếp thu được những tri thức cần thiết và tìm ra được con đường giải phóng Tổ quốc.

Khởi đầu từ năm 1911, 10 năm tiếp theo đó, Nguyễn Tất Thành đã tới nhiều nước thuộc địa cũng như nhiều nước tư bản chủ nghĩa, ở cả châu Âu, châu Phi, châu Mỹ. Với ý chí kiên cường và lòng yêu nước nồng nàn, Người đã sống cuộc đời của người lao động, hòa mình vào phong trào cách mạng của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, của các dân tộc bị áp bức bóc lột ở thuộc địa. Người đã chứng kiến cảnh cùng cực, khốn cùng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đồng thời cũng thấy rõ cảnh sống xa hoa của bọn tư sản. Qua những chuyến đi, những cuộc khảo nghiệm đó, chủ nghĩa yêu nước ở Người có những biến chuyển mới. Sự đồng cảm với đồng bào mình đã được nâng lên thành sự đồng cảm với nhân dân lao động, với các dân tộc cùng cảnh ngộ bị áp bức như dân tộc mình. Người đã đưa ra kết luận quan trọng: ở đâu, dù ở các nước thuộc địa, phụ thuộc hay chính quốc, những người lao động đều bị bóc lột, áp bức nặng nề, ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo độc ác: *“Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”*¹. Kết luận trên vô cùng quan trọng, là khởi đầu của tư tưởng đoàn kết quốc tế Hồ Chí Minh - đoàn kết với những người lao khổ, cần lao trên thế giới. Từ kết luận này, Người đã phân biệt rõ hơn bọn thực dân đế quốc với nhân dân lao động ở chính quốc: thực dân đế quốc là kẻ thù chung của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa và cũng là kẻ thù của nhân dân lao động chính quốc.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc tìm được con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa Mác - Lênin

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 266.

đã trở thành chiếc cảm nang thần kỳ, là mặt trời soi sáng con đường mà dân tộc ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Năm 1923, Người đã chỉ ra rằng: *“Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”*¹. Như vậy cũng có nghĩa là, chỉ có đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin thì mới đảm bảo sự đoàn kết thực sự chân chính.

Cũng từ quá trình 10 năm trải nghiệm thực tiễn ở nhiều nước, Nguyễn Ái Quốc rút ra một kết luận rất quan trọng: *“Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là sự biệt lập. Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lực địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cố vũ lẫn nhau”*². Vì vậy, Người chỉ ra sự cần thiết của việc xây dựng khối đoàn kết chiến đấu giữa các dân tộc bị dọa dẫm, đau khổ: chủ nghĩa đế quốc hiện tại đặt nền móng trên sự bóc lột hàng triệu người lao động ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Bởi thế, nó chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa. Vì lẽ đó, các nước thuộc địa và phụ thuộc muốn được giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản thì chỉ bằng cách đoàn kết chặt chẽ để chống kẻ thù chung. Người kêu gọi nhân dân các nước thuộc địa Pháp rằng: *“Thật ra những người gây ra sự lầm than cho các bạn và giữ các bạn trong cảnh khổ đó để lợi dụng chỉ là một số ít, chúng*

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 461.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 263.

có quyền hành vì chúng giàu. Chúng tôi là số đông và đang đấu tranh chống lại chúng vì chúng tôi cũng như các bạn là nạn nhân sự tàn bạo của chúng... Chúng tôi yêu cầu các bạn giúp đỡ chúng tôi trong nhiệm vụ đó, vì các bạn và chúng tôi, chúng ta cùng chung một lợi ích... Mỗi quan hệ giữa chúng tôi với các bạn sẽ là những mối quan hệ đoàn kết và liên minh"¹. Trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa, Người nêu: "Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản trong nước các bạn đã lừa dối các bạn, dùng các bạn làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách quỷ quyệt ấy giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của các bạn. Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!"². Nhận thức đó của Người còn thể hiện bằng hành động cụ thể: Tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng xã hội Pháp ở Tua (tháng 12-1920), Người đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành một thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ đây, Người đã đặt nền móng cho tình đoàn kết chiến đấu giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp, tạo sự gắn bó chặt chẽ hơn giữa phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới.

Là người dân từ một nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc thấy được khả năng tiềm tàng của sức mạnh đoàn kết của các dân tộc thuộc địa và tin tưởng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh của họ. Người nói: Khách mệnh Việt Nam cũng là một bộ phận trong khách mệnh thế giới. Ai làm khách mệnh trên thế giới đều là đồng chí của dân Việt Nam cả. Vì vậy, trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, một mặt Người nhấn mạnh tư tưởng phải "lấy sức ta mà giải phóng cho ta", mặt khác Người kêu gọi phải tăng cường sự đoàn kết, giúp đỡ và phối hợp nhịp nhàng cuộc đấu tranh của vô sản ở

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 449-450.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sdd, tr. 128.

chính quốc với vô sản ở thuộc địa, như hai cái cánh của một con chim. Trong lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn, Người luôn luôn nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở chính quốc. Người viết: *“Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi”*¹. Người kêu gọi giai cấp công nhân các nước phương Tây phải đẩy mạnh việc ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa. Trong những bài phát biểu tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, Người nói: *“Tất cả các đồng chí đều biết rằng, hiện nay nạn đói và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc. Các thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy; các thuộc địa cung cấp binh lính cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc. Các thuộc địa trở thành nền tảng của lực lượng phản cách mạng”*².

Để thực hiện sự đoàn kết giữa nhân dân lao động chính quốc và nhân dân lao động thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc yêu cầu các Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân ở chính quốc phải có hiểu biết đúng về thuộc địa và có sự giúp đỡ thiết thực đối với những người anh em thuộc địa. Trên tinh thần đó, Người đã nghiêm khắc phê phán một số Đảng Cộng sản chưa có chính sách và hành động tích cực giúp đỡ các thuộc địa. Trong thời gian ở nước ngoài, Người đã tham gia tích cực phong trào cách mạng của công nhân Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc... từng bước xây dựng nhiều tổ chức quốc tế như: Hội Liên hiệp thuộc địa (1921), Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (1925)... là nhà cách mạng hoạt động tích cực trong Đảng Cộng sản Pháp, Quốc tế III, các Quốc tế Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ... thường xuyên mở rộng với nhiều chính khách, các nhà hoạt động xã hội... Tất cả hoạt động nói trên của Người đều hướng vào mục tiêu tăng cường thêm bạn bè, đồng chí

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 298.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 274.

cho cách mạng Việt Nam.

Qua những phân tích trên ta có thể thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế có một vai trò cực kỳ quan trọng. Thực tiễn cách mạng Việt Nam 81 năm qua đã chứng minh hùng hồn sức sống kỳ diệu và sức mạnh vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết quốc tế. Kể từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, trong suốt 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chăm lo xây dựng, giữ gìn và phát triển tình đoàn kết gắn bó giữa Việt Nam với Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; với nhân dân và các dân tộc Á, Phi, Mỹ La-tinh... Người chủ trương tăng cường đoàn kết quốc tế, thêm bạn bớt thù, “giúp bạn là tự giúp mình”; coi trọng thắt chặt tình đoàn kết, giúp đỡ của nhân dân thế giới và các tổ chức quốc tế đối với Việt Nam; gắn cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Ngay đối với Mỹ là nước đưa quân sang xâm lược Việt Nam, Người cũng phân tích rõ ràng để nhân dân ta biết phân biệt sự khác nhau giữa những người Mỹ xâm lược và nhân dân Mỹ, như thông qua bức thư gửi nhân dân Mỹ tháng 1-1962, trong đó nêu rõ: Nhân dân Mỹ và nhân dân Việt Nam không thù oán gì nhau. Nhân dân Việt Nam kính trọng các bạn là nước đầu tiên phát cờ chống chủ nghĩa thực dân và chúng tôi mong muốn có quan hệ hữu nghị với các bạn.

Xúc động biết bao khi trong bản *Di chúc* gửi lại cho muôn đời sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn trần trụi: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em”. Biết rằng không thể tiếp tục làm vị “thiên sứ cách mạng” nữa, nên trước lúc đi xa, Người đã căn dặn: “Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các

đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”.

Thế kỷ XXI với những thời cơ và thách thức đan xen nhau đang thường xuyên tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc và quá trình hội nhập với thế giới. Hơn lúc nào hết, thực tiễn đất nước đòi hỏi chúng ta phải quán triệt những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế, phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển những quan điểm ấy, phù hợp với những biến đổi của tình hình mới. Thực tế cho thấy, âm mưu của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ dân tộc, kích động tôn giáo... đang và sẽ thất bại trước sức mạnh đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Rõ ràng, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế sẽ ngày càng phát triển, hoàn thiện cùng với thực tiễn biến đổi của đất nước. Tư tưởng ấy vẫn là ngọn nguồn tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam để đi tới thắng lợi hoàn toàn và triệt để của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VẬN DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN HỌC THUYẾT MÁC - LÊNIN
VỀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP TRONG CÁCH MẠNG
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM**

TS. CHU ĐỨC TÍNH*

Ngày 5-6-1911, rời bến cảng Sài Gòn, con tàu buôn mang tên Amiran Latusơ Torêvin đã đưa anh thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Trải qua gần 10 năm lăn lộn trong phong trào công nhân và nhân dân lao động khắp các nước châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh... tới năm 1920, Anh đã tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin qua đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* được đăng tải trên báo Nhân đạo (Pháp).

Từ đây, Anh là một trong số những người Việt Nam đầu tiên nghiên cứu, áp dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Có thể nói, một trong những cống hiến vĩ đại nhất của Hồ Chí Minh là Người đã làm phong phú và phát triển học thuyết về đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội loài người, đặc biệt khảo sát sâu sắc chế độ tư bản đã và đang diễn ra đương thời, Mác là người đã hoàn thiện những phát hiện của những nhà khoa học

* Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh.

trước Mác về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Bởi lẽ, tuy chính là những người phát hiện ra, song vì nhiều lý do khác nhau, trong đó lý do cơ bản là để bảo vệ quyền lợi của chính giai cấp tư sản, mà các nhà triết học trước Mác đã cố tình “bỏ qua” lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp, chỉ có Mác là người đưa lại lý luận hoàn chỉnh về học thuyết này. Mác đã xem xét sự xuất hiện, tồn tại và mất đi của giai cấp là gắn liền với sự phát triển của nền sản xuất xã hội. Ông chỉ ra đấu tranh giai cấp là động lực to lớn của lịch sử xã hội có đối kháng giai cấp. Đặc biệt Mác chỉ ra nguyên nhân dẫn đến đấu tranh giai cấp là do sự đối lập về lợi ích và địa vị của các giai cấp khác nhau trong một hệ thống sản xuất nhất định. Đồng thời, Mác cũng chỉ ra nguyên nhân dẫn đến áp bức dân tộc là từ nguồn gốc áp bức giai cấp, do vậy, xóa bỏ áp bức giai cấp là cơ sở để xóa bỏ áp bức dân tộc.

Luận điểm nổi tiếng của Mác là: đấu tranh giai cấp là cuộc đấu tranh cuối cùng giữa giai cấp vô sản và tư sản trong lịch sử và đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn tới chuyên chính vô sản. Ngay trong chương đầu của Tuyên ngôn Đảng Cộng sản do Mác và Ăngghen công bố năm 1848, hai ông đã kết luận: chủ nghĩa tư bản (CNTB) do những mâu thuẫn đối kháng nội bộ mà sẽ không tránh khỏi bị diệt vong và nêu lên mục đích cuối cùng của đấu tranh giai cấp là chuyên chính vô sản. Mác và Ăngghen đã khẳng định: giai cấp công nhân - giai cấp được sinh ra từ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN) sẽ là giai cấp có sứ mệnh làm cuộc cách mạng để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng nhân loại, và để làm được sứ mệnh đó, “*giai cấp vô sản mỗi nước trên hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc. Cho nên, do đấy, họ vẫn còn có tính chất dân tộc...*”¹. Do nhiệm vụ CNTB trong giai đoạn phát triển, nên Mác và Ăngghen chỉ ra thời điểm cách mạng vô sản nổ ra và giành được thắng lợi phải là trong cùng một thời gian ở tất cả các nước hoặc đại đa số các nước trên thế giới.

¹ C. Mác và P. Ăngghen, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 74.

Sau khi Mác và Ăngghen qua đời, V.I.Lênin, với khả năng chính trị thiên tài, từ việc nghiên cứu CNTB đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc (CNDQ) trên phạm vi toàn thế giới, đã phát triển học thuyết Mác và đưa ra kết luận đầy tính chiến đấu và cách mạng: do quy luật phát triển không đều của CNTB trong thời đại ĐQCN, mà cách mạng vô sản có thể thắng lợi trước ở riêng một nước tư bản hoặc trong vài nước tư bản - ở khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của CNTB.

Phát triển quan điểm Mác - Ăngghen về vấn đề dân tộc, Lênin đã chỉ rõ CNTB nói chung, và đặc biệt là CNDQ là nguồn gốc của mọi áp bức dân tộc trong thời đại ngày nay. Và muốn được giải phóng, các dân tộc phụ thuộc và thuộc địa phải làm cách mạng giải phóng dân tộc (CMGPDT). Đặc biệt Lênin đã chỉ rõ: trong thời đại cách mạng vô sản, cuộc cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản trên thế giới. Các dân tộc bị áp bức có cùng một kẻ thù với giai cấp vô sản là chủ nghĩa đế quốc. Con đường giải phóng của các dân tộc bị áp bức là con đường cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc. Do vậy, như một quy luật tự nhiên, phong trào giải phóng dân tộc phải liên minh với giai cấp vô sản trên toàn thế giới; và tới đây, khẩu hiệu đoàn kết của Mác được Lênin thêm vào với toàn bộ sức nặng của mối tình đoàn kết chiến đấu: "*Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, liên hiệp lại*".

Trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, Lênin đã chỉ rõ: "*Điều quan trọng trong chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, là phải làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau, để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì chỉ sự gần gũi ấy mới đảm bảo việc chiến thắng CNTB, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng*"¹. Đây chính là luận điểm quan trọng mà Lênin dự định sẽ trình bày ở Đại hội II

¹ V.I.Lênin, *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978, tr. 10.

của Quốc tế Cộng sản. Và cũng chính vì các luận điểm này, mà khi Hồ Chí Minh bắt gặp bản *Sơ thảo...* Người đã lập tức tin theo Quốc tế thứ III - Quốc tế của Lênin. Từ đó, từng bước một, Hồ Chí Minh nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và Người đã vận dụng thành công vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Khi sáng tạo ra học thuyết của mình, Mác - Ăngghen - Lênin không bao giờ mong rằng hậu thế chỉ việc sao chép máy móc. Trái lại, cái mà các ông để lại chính là thế giới quan khoa học. Thế giới quan đó là chủ nghĩa duy vật biện chứng, là cách sử dụng phương pháp biện chứng để nghiên cứu tự nhiên, xã hội loài người và để tư duy. Chính các ông, trong khi vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc nghiên cứu các hiện tượng xã hội đã xây dựng được chủ nghĩa duy vật lịch sử. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở lý luận của chủ nghĩa cộng sản, là nền tảng lý luận của chính đảng mácxít, là lý luận cách mạng về việc cải tạo thế giới, là kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng.

Tiếp thu lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã khéo léo kết hợp yếu tố dân tộc và giai cấp trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam và Người đã có nhiều điểm phát triển hơn so với các nhà kinh điển, có nhiều sáng tạo hơn so với chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.

Những điểm phát triển và sáng tạo ấy, tập trung ở ba vấn đề:

- Đánh giá vị trí của cách mạng giải phóng dân tộc,
- Xác định động lực của cách mạng giải phóng dân tộc,
- Xây dựng liên minh giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc.

1. Hồ Chí Minh đánh giá đúng đắn sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc.

Thời kỳ Mác - Ăngghen, các ông đã đánh giá đầy đủ sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản thế giới, chỉ ra con đường đi đến thắng

lợi của cuộc đấu tranh giai cấp là phải sử dụng chuyên chính vô sản, là giai cấp vô sản phải xây dựng chính đảng của mình, là giai cấp vô sản phải trở thành dân tộc và giai cấp vô sản toàn thế giới phải liên hiệp lại với nhau.

Sống ở thời đại đế quốc chủ nghĩa, Lênin đã chứng kiến sự thoái ruồng của chủ nghĩa tư bản, ông chỉ ra khả năng cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở một nước tư bản, đồng thời thấy sức mạnh to lớn của phong trào giải phóng dân tộc, song ông chưa nói đến khả năng thắng lợi trước của cách mạng thuộc địa so với cách mạng vô sản ở chính quốc. Lênin đã từng khuyên các nhà cách mạng phương Đông: *"Các đồng chí nên mở đường đi vào quần chúng lao động và bị bóc lột của mỗi nước, và nói làm sao cho họ hiểu được rằng mối hy vọng duy nhất của họ muốn được giải phóng, là thắng lợi của cách mạng thế giới"*¹.

Tuân theo Lênin, Hồ Chí Minh cũng là người phát hiện ra mối liên hệ hữu cơ giữa cách mạng vô sản ở các nước chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Người đã diễn tả rất sinh động và dễ hiểu mối quan hệ này bằng việc ví chủ nghĩa đế quốc như con đĩa có hai vôi, một vôi hút máu giai cấp vô sản ở chính quốc, một vôi hút máu các dân tộc thuộc địa, giai cấp vô sản, muốn thắng lợi, phải cùng một lúc cắt bỏ cả hai vôi đi. Người cũng dùng hình ảnh con chim có hai cánh khi nói về sự liên quan giữa cách mạng ở chính quốc và cách mạng ở thuộc địa.

Điều phát triển hơn của Hồ Chí Minh là Người không chỉ thấy mối quan hệ, mà với sự phân tích đúng đắn mâu thuẫn của các nước đế quốc với các nước thuộc địa, giữa đế quốc với đế quốc và khả năng to lớn của các dân tộc bị áp bức mở ra sau Cách mạng tháng Mười - Người đã nhìn thấy *"Nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các nước thuộc địa hơn là ở chính quốc"*². Ngay từ năm 1921, trên *Tạp chí Cộng sản*

¹ *Lênin toàn tập*, tập 30, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1968, tr. 193 (Người trích gạch chân).

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 274.

số 15. Hồ Chí Minh đã thấy rõ vai trò to lớn của cách mạng giải phóng dân tộc đối với cách mạng ở chính quốc, thậm chí có thể thành công trước và giúp đỡ cho thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Người viết: *“Ngày mà hàng trăm triệu người dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của những tên thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”*¹ và chính vì vậy mà “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc vào phần lớn các thuộc địa”.

Việc Hồ Chí Minh quan niệm cách mạng giải phóng dân tộc có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc và góp sức đẩy mạnh cách mạng vô sản ở chính quốc đến thắng lợi là có cơ sở khoa học, xuất phát từ cái nhìn biện chứng về cách mạng thuộc địa của Người. Và rồi trong thực tiễn, với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã cùng Đảng Cộng sản Việt Nam chứng minh cho luận điểm đầy tính chiến đấu và cách mạng của mình.

2. Về động lực của cách mạng giải phóng dân tộc

Xuất phát từ việc đánh giá đầy đủ vai trò của cách mạng ở thuộc địa, đặc biệt quán triệt quan điểm tự lực cánh sinh và tinh thần chủ động tiến công cách mạng, ngay từ những năm đầu tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã luôn luôn khẳng định không trông chờ, ỷ lại, phải dùng chính sức ta mà giải phóng cho ta. Năm 1922, trong *Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa* Người đã viết *“Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng: Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”*².

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 36.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập I, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 465.

Ngay từ đầu, Người cũng khẳng định vị trí lãnh đạo và vai trò nòng cốt của giai cấp công nhân. Song, một đặc điểm nổi bật ở các nước thuộc địa là giai cấp nông dân chiếm số đông dân số, trong khi đó giai cấp công nhân còn rất yếu và thiếu. Do vậy, bên cạnh việc xác định vai trò nòng cốt của công nhân, cần phải sớm xác định việc liên minh với giai cấp nông dân. Trong đó việc đầu tiên nổi lên là phải đánh giá đúng vai trò của giai cấp đông đảo này. Vì nếu bỏ qua việc liên minh với giai cấp nông dân thì là một sai lầm tai hại (nguyên nhân thất bại của công xã Paris đã chứng minh điều đó) nhưng nếu quá thời phồng đến mức nịnh bợ nông dân, coi nông dân là quân chủ lực cũng sẽ là một sai lầm nguy hiểm. Hồ Chí Minh đã đi tới kết luận hết sức đúng đắn rằng: “Nông dân và công nhân là hai bạn đồng minh tự nhiên”, rằng nông dân là một trong hai động lực của cách mạng giải phóng dân tộc, và chỉ có liên minh với công nhân, chịu sự lãnh đạo của công nhân, thì giai cấp nông dân mới được giải phóng.

Vượt lên hẳn những nhà yêu nước Việt Nam đương thời, Hồ Chí Minh đã tìm được tới chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra được con đường giải phóng, đặc biệt tìm ra được động lực đảm bảo sự giải phóng ấy là phải tổ chức và lãnh đạo công nhân và nông dân. Hồ Chí Minh xác định: người làm nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức ấy, không thể ai khác ngoài một chính đảng vô sản kiểu mới như Lênin đã chỉ ra. Năm 1925, trong lớp huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu (Trung Quốc) Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Trước hết phải có đảng cách mạng, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”*¹.

Xây dựng Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa tiểu nông, giai cấp nông dân chiếm hơn 90% dân số, giai cấp công nhân nhỏ bé, chưa có nền sản xuất đại công nghiệp tiên tiến, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ trước tiên và bao trùm nhất của Đảng là lãnh

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 167.

đạo cách mạng giải phóng dân tộc, muốn vậy, một mặt kiên trì quan điểm Mác - Lênin trong việc xác định đường lối, mục tiêu mặt khác phải có biện pháp tối ưu để phát triển Đảng vào nông dân, tiểu tư sản, trí thức. Người đã thành công trong việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, Đảng của nhân dân lao động và Đảng của dân tộc Việt Nam. Người làm được điều đó vì có đường lối chiến lược đúng đắn, nhưng cơ bản là vì xuất phát từ một tiền đề lý luận khoa học: Lợi ích của giai cấp công nhân Việt Nam ở trong cách mạng giải phóng dân tộc và cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn thống nhất và phù hợp với lợi ích của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, vì con đường đi tới chủ nghĩa cộng sản do giai cấp công nhân chủ trương hoàn toàn phù hợp với quy luật tiến hóa của loài người.

Như thế, vì đại diện cho lợi ích dân tộc, vì xác định con đường đi lên hợp quy luật khách quan, nên mặc dù ra đời muộn, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam lập tức nắm được quyền lãnh đạo chính trị và được toàn dân tộc ủng hộ. Điều đó giải thích vì sao trong Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ có 5000 đảng viên mà đã tập hợp và lãnh đạo được 25 triệu đồng bào giành chính quyền trong cuộc cách mạng long trời, lở đất.

3. Về liên minh giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đều chú ý tới vấn đề liên minh giữa giai cấp công nhân với các giai cấp, tầng lớp trong xã hội phục vụ cho cuộc cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhưng một liên minh, dù tạm thời, giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản - địa chủ chưa được các ông đề cập tới cụ thể.

Nghị quyết của nhiều kỳ họp Quốc tế Cộng sản cũng thường chỉ nêu liên minh giai cấp giữa công nhân với những người lao động, mà không đề cập đến việc liên minh giữa giai cấp vô sản

với giai cấp bóc lột để chống chủ nghĩa đế quốc. Đặc biệt nghị quyết Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản năm 1928, sau sự kiện Tưởng Giới Thạch đem Quảng Châu Công xã vào biển máu, thì Quốc tế Cộng sản hoàn toàn gạt bỏ giai cấp địa chủ khỏi mặt trận chống đế quốc, ngay giai cấp tư sản cũng chỉ nhấn mạnh tính dao động, thỏa hiệp, đánh giá thấp khả năng chống đế quốc và không tính tới khả năng có thể lôi kéo họ thành người bạn đồng minh của giai cấp vô sản.

Là một nhà yêu nước vĩ đại, cũng như nhiều vị cách mạng tiền bối khác, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam. Người thấu hiểu nỗi nhục mất nước mà cả dân tộc đang phải gánh chịu và Người thấy được sức mạnh quật cường của mọi giai cấp, mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam. Hơn ai hết, Hồ Chí Minh nhìn thấy những mặt xấu của giai cấp tư bản và địa chủ phong kiến Việt Nam, nhưng đồng thời Người cũng thấy họ cũng là những giai cấp bị chủ nghĩa đế quốc Pháp bóc lột và cai trị, thấy sự nhỏ bé và bạc nhược của giai cấp tư sản Việt Nam. Thực tế là, bên cạnh một số ít tư sản - địa chủ Việt Nam có quan hệ máu thịt với đế quốc thực dân, thì nhìn chung tư sản và địa chủ Việt Nam cũng là đối tượng bóc lột của chủ nghĩa thực dân Pháp và như thế, trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, những người vô sản Việt Nam có thể tìm được tiếng nói chung với hai giai cấp này. Sự liên minh đó, không chỉ trong cách mạng giải phóng dân tộc, mà ngay cả trong cách mạng XHCN, khi mà giai cấp tư sản trở thành đối tượng của cách mạng, thì với truyền thống yêu nước Việt Nam, vẫn có thể phân hóa họ, tranh thủ họ, lôi kéo họ từ bỏ giai cấp để đi cùng dân tộc. Đây là cái nhìn hết sức biện chứng của Hồ Chí Minh trong việc đánh giá, xem xét các giai cấp ở Việt Nam, từ đó chủ trương đúng đắn tập hợp lực lượng phục vụ cho lợi ích dân tộc Việt Nam.

Sách lược vắn tắt do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dự thảo và được thông qua tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, thành

lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 đã ghi rõ “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông (...) để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (...) thì phải đánh đổ”¹.

Trong khi chủ trương đoàn kết, Hồ Chí Minh luôn kiên định nguyên tắc giai cấp, kịp thời uốn nắn mọi hiện tượng tả hoặc hữu, không vì lo liên minh mà nhân nhượng vô nguyên tắc, cũng không vì cứng nhắc lợi ích giai cấp công nhân mà cực bộ, hẹp hòi. Ngay trong *Sách lược vắn tắt* Hồ Chí Minh đã căn dặn: “*Trong khi liên lạc tạm thời với các giai cấp phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp*”.

Là người thấm nhuần tư tưởng quyền dân tộc tự quyết của Lênin, Hồ Chí Minh trong khi luôn luôn chú ý quan tâm và mẫu mực thực hiện chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính, đã chủ trương để cho mỗi dân tộc ở bán đảo Đông Dương tự quyền quyết định vận mệnh của mình. Người phản đối Liên bang Đông Dương do thực dân Pháp áp đặt. Người nêu lên quan điểm ở mỗi nước nên có một Đảng Cộng sản riêng để lãnh đạo và thực hiện công việc của dân tộc mình.

Nhờ đặt ra và giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc, mà Hồ Chí Minh cũng giải quyết trọn vẹn hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong cách mạng Việt Nam. Căn cứ vào từng hoàn cảnh và thời điểm cụ thể, mà Người có quyết sách phù hợp đối với việc giải quyết hai nhiệm vụ này, làm sao cho hai nhiệm vụ này phối hợp, bổ sung cho nhau, không gây tác động ngược chiều. Nếu như trước năm 1945, trong khi mà nhiệm vụ giải phóng dân tộc cao hơn hết thảy, thì nhiệm vụ dân chủ phải thấp đi, thậm chí chưa nêu ra để tập trung mọi

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 3.

sức mạnh giải quyết nhiệm vụ dân tộc, nhưng tới những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, khi đã có điều kiện thực hiện và dề động viên sức dân, thì nhiệm vụ dân chủ đã được đưa ra thực hiện từng bước một. Nhờ giải quyết đúng mối quan hệ dân tộc và giai cấp, trong đó khơi dậy được lòng tự hào, tự tôn dân tộc, đồng thời chú ý đúng mức lợi ích của các giai cấp tham gia trong liên minh, dựa vào hai giai cấp nông cốt là công nhân và nông dân, mà Hồ Chí Minh đã xây dựng thành công Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Đại đoàn kết toàn dân luôn là chiến lược xuyên suốt của Người và trong sách lược vận động cụ thể thì uyển chuyển mềm dẻo - trong đó khác nhau về cấp độ thực hiện hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong từng thời điểm, là một sáng tạo tài tình, đầy bản lĩnh của Hồ Chí Minh.

Có thể nói, việc Hồ Chí Minh áp dụng học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp của Mác - Lênin vào việc tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam, là một mẫu mực tuyệt vời của việc vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước.

Ăngghen nói *“học thuyết của chúng tôi (Ăngghen nói về mình và về người bạn nổi tiếng của mình) không phải là một giáo điều mà là một kim chỉ nam cho hành động”*¹. Hồ Chí Minh đã làm đúng như vậy, Người đã tiếp thu nguyên lý chủ yếu, phát triển thêm những điều mà do lý do lịch sử các ông chưa đề cập đến, áp dụng có chọn lọc những gợi ý của các ông vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Có một điều Hồ Chí Minh học suốt cả cuộc đời, đó là học tập phương pháp tư duy biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, để có cái nhìn sự vật đúng bản chất, ở trong một thế giới luôn luôn vận động và phát triển.

Tiếp thu học thuyết Mác - Lênin về đấu tranh giai cấp, Hồ Chí Minh đã giải quyết trọn vẹn mối quan hệ giữa lợi ích giai cấp

1. Dẫn theo, V.I.Lênin: *Các Mác và chủ nghĩa Mác - Lênin*, xuất bản lần thứ 5, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1968, tr. 90.

công nhân, với lợi ích dân tộc Việt Nam và lợi ích toàn nhân loại. Chính giai cấp công nhân Việt Nam làm cách mạng tự giải phóng đã đồng thời giải phóng cho toàn thể dân tộc Việt Nam, và có tác động tích cực tới phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới, hỗ trợ trực tiếp cho cách mạng hai nước Lào và Campuchia. Và việc giai cấp công nhân Việt Nam định hướng đưa dân tộc Việt Nam vào quỹ đạo của CNCS sẽ là một sự giải phóng đầy đủ và triệt để nhất, hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển của xã hội loài người.

Vì thế hôm nay, trong lúc phong trào cộng sản quốc tế đang có bước thoái trào, chúng ta vẫn có đủ cơ sở để vững tin vào sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản do Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công xây dựng, có đủ khả năng đưa đất nước vượt qua khó khăn để tiếp tục tiến lên.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một khoa học và chắc chắn sẽ có sức sống mãnh liệt, đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một học trò, một cộng sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhận xét: *Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi.*

VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

PGS. TS. NGÔ VĂN THẠO*

Bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (tháng 2 - 1951), Đảng ta đã khẳng định vai trò, ý nghĩa, tác dụng của đường lối chính trị, tư tưởng đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đến Đại hội VII (6-1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đã trân trọng ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4 - 2001) đưa ra khái niệm tương đối đầy đủ về tư tưởng Hồ Chí Minh: *“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.*

... Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”¹.

* Ban Tuyên giáo Trung ương.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 83 - 84.

Định nghĩa về tư tưởng Hồ Chí Minh như trên, thể hiện 4 nội dung chủ yếu sau:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn 80 năm qua và tiếp tục soi sáng con đường chúng ta tiến lên xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong các điểm nêu trên, vấn đề vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nay vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu, làm rõ về cơ sở lý luận, nội dung, mức độ, ý nghĩa, tầm quan trọng của nó. Nghiên cứu những hoạt động lý luận và thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phong trào cách mạng thế giới có thể khẳng định sự phát triển lý luận của Người mang tầm vóc quốc tế và thời đại. Để chứng minh và làm rõ thêm nhận định trên đây, cần có công trình nghiên cứu có chiều rộng và chiều sâu hơn. Bài viết này muốn nêu và bước đầu đề xuất một số kiến giải như sau:

1. Từ bản chất khoa học và cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận “mở”, luôn luôn yêu cầu vận dụng vào các điều kiện cụ thể, cả không gian và thời gian

Trong quá trình hình thành học thuyết khoa học của mình, C. Mác, F. Ăngghen chủ yếu nghiên cứu thực tiễn của các nước

Anh, Pháp, Mỹ, Đức và kế thừa các thành tựu lý luận của những nước châu Âu, là những nước tư bản phát triển nhất lúc bấy giờ. Với sự thiên tài về trí tuệ cộng với lao động cực nhọc, gầy bó và hoạt động trong phong trào cách mạng châu Âu giữa thế kỷ XIX, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã hình thành nên chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị học mác xít và những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong quá trình phát triển tư tưởng của mình, từ khi tuyên bố về một học thuyết mới “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” tháng 02- 1848, đến khi Ph.Ăngghen mất (1895), C. Mác và Ph. Ăngghen đã không ngừng phát triển, hoàn thiện các quan điểm lý luận của mình, làm cho nó sát hợp hơn với điều kiện thực tế phát triển của xã hội châu Âu nói chung và phong trào công nhân, phong trào cộng sản của châu Âu lúc đó nói riêng. Không hiếm lần, chính các ông đã thay đổi cách nhìn, cách lý giải và thậm chí cả quan niệm về những vấn đề cụ thể. Với tinh thần hết sức biện chứng, C.Mác và Ph.Ăngghen không coi hệ thống lý thuyết của mình là cái gì đã hoàn thiện, đầy đủ, không thể góp ý và thường căn dặn các nhà cách mạng trẻ phải không ngừng phát triển những vấn đề lý luận để giải quyết các yêu cầu của một thực tiễn cụ thể trong một giai đoạn cách mạng cụ thể, “nếu không muốn bị lạc hậu với thời đại mình”.

Về không gian, chủ nghĩa Mác - Lênin dù chủ yếu xuất phát từ nghiên cứu thực tiễn của châu Âu đã chỉ ra những quy luật chung của sự phát triển. Điều đó không có gì lạ, bởi thời điểm đó ở châu Âu và bắc Mỹ chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến độ chín muồi, bộc lộ ra những quan hệ bản chất nhất của nó và giai cấp công nhân đã bước lên vũ đài chính trị. Với khả năng khái quát hóa, trừu tượng hóa cao, C.Mác và Ph. Ăngghen đã luận giải về chế độ tư bản chủ nghĩa, chỉ ra quy luật phát sinh, phát triển và diệt vong tất yếu của nó. Nhưng ngay khi khẳng định những quy luật đó, C. Mác và Ph. Ăngghen cũng chỉ ra sự thể hiện khác

nhau của chúng trong từng điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Khi nghiên cứu về sự thống trị của người Anh tại Ấn Độ, C. Mác đã nhận xét rằng, ở các nước phương Đông có một “phương thức sản xuất châu Á” mang nhiều đặc điểm riêng về lịch sử và xã hội, nhưng các ông chưa có thời gian và điều kiện nghiên cứu nhiều. Điều đó gợi ra và yêu cầu những nhà cách mạng các nước này cần dựa trên các nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của mình.

Như vậy, với tính chất là một hệ thống lý luận “mở”, chủ nghĩa Mác - Lênin tạo khả năng và luôn yêu cầu sự vận dụng và phát triển các nguyên lý cơ bản của nó trong điều kiện lịch sử cụ thể, cả không gian và thời gian. Đó chính là cơ sở để các nhà cách mạng chân chính trên thế giới không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong phong trào cách mạng thế giới hơn 100 năm qua.

2. V.I. Lênin là hình mẫu của sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện mới. Người đã phát triển học thuyết Mác và mở rộng phạm vi áp dụng của nó trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc đầu thế kỷ XX

Sau khi C.Mác và Ph. Ăngghen mất, các nước tư bản phát triển đã thể hiện ngày càng rõ bản chất đế quốc chủ nghĩa: độc quyền, xâm lược thuộc địa, phản dân chủ và chiến tranh. Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn phát triển mới, chỉ ra những đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa đế quốc, V. I. Lênin đã chỉ ra quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn không thể điều hòa trong xã hội tư bản và giữa các nước tư bản, dẫn đến chiến tranh đế quốc và cách mạng vô sản, để chỉ ra khả năng thắng lợi của cách mạng vô sản trong điều kiện mới.

Vận dụng các phương pháp nghiên cứu của C. Mác, V.I. Lênin đã phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, chỉ ra những mâu thuẫn nổi bật, trong đó có mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức với sự nô dịch của đế quốc Nga Sa hoàng, để khẳng

định nước Nga đang là nơi tập trung của các mâu thuẫn lớn của thời đại, đang là trung tâm của phong trào cách mạng thế giới. Chính trong quá trình phân tích mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức trong nước Nga Sa hoàng mà V. I. Lênin đã chạm đến vấn đề dân tộc và thuộc địa trên thế giới, chủ trương đưa phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới gắn với phong trào công nhân và cách mạng vô sản.

Vấn đề lý luận khác, liên quan đến một trong những vấn đề cơ bản của triết học, trong thời của C. Mác và Ph. Ăngghen chưa thực sự nổi lên, đã được V. I. Lênin phát triển, đưa đến tầm cao mới. Đầu thế kỷ XX, vật lý lượng tử xuất hiện, là cơ hội để những người chống chủ nghĩa duy vật biện chứng la lối về “sự mất đi” của vật chất và lấy cơ đó để phủ nhận chủ nghĩa duy vật biện chứng, thực chất là chống chủ nghĩa Mác. V. I. Lênin đã phát triển các luận điểm triết học của Mác, nêu nên định nghĩa vật chất nổi tiếng, bảo vệ và phát triển xuất sắc tính khoa học của triết học mác-xít.

Về thực tiễn, sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới được thành lập, trong bối cảnh nội chiến thảm khốc, trong sự bao vây của 14 nước đế quốc, V. I. Lênin đã vận dụng các nguyên lý lý thuyết của C. Mác và Ph. Ăngghen về xã hội cộng sản còn ở dạng phác thảo để đề ra chính sách “cộng sản thời chiến” ở Nga. Nhưng khi nội chiến kết thúc, Người đã sớm nhìn ra những khuyết tật, sự không phù hợp của mô hình này để đề ra chính sách kinh tế mới.

Giải quyết vấn đề dân tộc trong nước Nga Sa hoàng, nhà tù của các dân tộc, V.I. Lênin đã phát triển quan điểm quyền dân tộc tự quyết, trao trả độc lập cho Phần Lan, thành lập Liên bang Xô viết. Từ thực tế đó, Người đã đề xuất phương hướng phát triển của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại đế quốc chủ nghĩa là gắn kết với phong trào công nhân và cách mạng vô sản; bổ sung khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước liên hiệp lại” thời C. Mác và Ph. Ăngghen thành “Vô sản tất cả các nước và các dân

tộc bị áp bức đoàn kết lại”. Bản sơ thảo, ban đầu là báo cáo tại hội nghị của Quốc tế Cộng sản với tên gọi: “Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa”.

V. I. Lênin đã phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện không gian và thời đại mới, do vậy học thuyết khoa học của C.Mác và Ph. Ăngghen phát triển sang giai đoạn mới, là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Điều đáng tiếc là V. I. Lênin mất quá sớm. Bộ óc vĩ đại và tinh thần cách mạng của Người không được tiếp tục cống hiến cho phong trào cách mạng thế giới. Tuy nhiên, khi lịch sử đặt ra vấn đề cần giải quyết thì lịch sử cũng luôn chứng kiến những vĩ nhân, bằng trí tuệ và hoạt động cách mạng của mình để giải quyết vấn đề đó. Đầu thế kỷ XX, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong phong trào cách mạng có sự đóng góp to lớn của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh.

3. Những đóng góp to lớn của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh trong sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, một giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Ra đi tìm đường cứu nước với tuổi đời còn rất trẻ và trong một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, có thể khẳng định Nguyễn Ái Quốc chưa có một ý niệm rõ ràng nào về giai cấp, đấu tranh giai cấp, đảng chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin... Với khát vọng tìm tòi, một đêm tháng 7-1920 Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin qua đọc sơ thảo luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của V. I. Lênin. Từ sự khát khao tìm tòi đã làm cho Nguyễn Ái Quốc ngay từ lần đọc đầu tiên, dù “chưa hiểu hết”, nhưng đã khẳng định “đây là cái cần thiết” cho phong trào giải phóng dân tộc của Việt Nam lúc đó và “reo lên” như nói với đồng bào trong nước, rằng “đây là cái cần thiết cho chúng ta”, “đây là con đường giải phóng chúng ta”... Từ tiếp xúc ban đầu với học thuyết khoa học qua một tài liệu vận dụng, Nguyễn Ái Quốc đã tranh thủ thời gian để tìm hiểu thêm, không biết thì hỏi, nhờ các đồng chí trong

Đảng Cộng sản Pháp giải thích..., để nắm được những điểm cơ bản của bài viết. Khi đến Liên Xô, Người tham gia một số buổi học lý luận để nắm được những nguyên lý cơ bản nhất. Hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế, Người quan tâm nghiên cứu tình hình và phong trào cách mạng ở các nước châu Phi, châu Á, Mỹ Latinh, qua đó vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện của các nước này.

Tiếp tục những tư tưởng lớn của V. I. Lênin đang còn dang dở, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định một vấn đề có tính thời đại là “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Điều này đúng với Việt Nam, bởi từ khi Pháp xâm lược (1858) đến khi sự nghiệp giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản (02-1930) đã có trên 300 cuộc khởi nghĩa và phong trào vận động cách mạng, nhưng đều không thành công. Nhưng không chỉ có vậy, sự vận dụng và phát triển của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh còn đúng với các nước thuộc địa và phụ thuộc khác. Cơ sở của sự khẳng định nêu trên xuất phát từ nhận thức cảm tính của Người khi quan sát nhiều nơi trên thế giới: dù ở bất cứ đâu, với màu da nào, thì cũng chỉ có hai hạng người: áp bức bóc lột và bị áp bức bóc lột, đến nhận thức sâu sắc hơn: chủ nghĩa đế quốc là con đĩa có hai vôi. Một vôi hút máu giai cấp công nhân và nhân dân chính quốc, một vôi hút máu nhân dân các nước thuộc địa.

- Thực hiện con đường đó, Nguyễn Ái Quốc không chỉ tuyên truyền phổ biến lý luận trong điều kiện có thể để thế giới quan tâm đến các nước thuộc địa, mà người còn tranh luận cùng các đồng chí trong Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng Cộng sản khác khi họ chưa quan tâm đến phong trào cách mạng thuộc địa bởi quan niệm “ưu tiên cho cách mạng chính quốc”, vì “một khi cách mạng chính quốc thành công thì tất nhiên cách mạng thuộc địa cũng thành công”. Người khẳng định muốn giết con đĩa có hai vôi đó, người ta phải đồng thời cắt cả hai cái vôi đó đi. Phong trào giải phóng

dân tộc là đồng minh tự nhiên của phong trào công nhân và cách mạng vô sản. Khi phân tích tình hình thực tế, người còn dự báo: Cách mạng giải phóng dân tộc có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Điều đó đã được khẳng bằng chính lịch sử của cách mạng thế giới trong thế kỷ XX.

- Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện các nước thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc đã phát triển lý thuyết xây dựng đảng kiểu mới của V. I. Lênin. Khi giai cấp công nhân còn nhỏ bé, chưa trở thành lực lượng chính trị độc lập, khi mâu thuẫn cơ bản nhất trong xã hội thuộc địa là mâu thuẫn giữa toàn dân tộc, bao gồm các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội có lòng yêu nước với thực dân xâm lược và một nhóm nhỏ tay sai bán nước, thì chủ nghĩa dân tộc có vai trò rất to lớn để tập hợp lực lượng thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc chính là chủ nghĩa yêu nước chân chính và tinh thần dân tộc.

Từ lý luận và thực tiễn, Người đã khẳng định: Đảng Cộng sản được thành lập ở Việt Nam phải là sự kết hợp giữa phong trào yêu nước, phong trào công nhân và chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc Việt Nam. Đảng chỉ có một mục đích duy nhất là “ Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”.

- Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh đã phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc xác định lực lượng cách mạng. Khi giai cấp công nhân đã có giác ngộ cách mạng, nhưng còn chiếm một số lượng nhỏ trong xã hội, lực lượng cách mạng chủ yếu phải là nông dân trong mối quan hệ liên minh công nông chặt chẽ và mở rộng sự đoàn kết, lôi cuốn đến tất cả các lực lượng, giai tầng xã hội yêu nước có thể tranh thủ được. Từ Chánh cương vắn tắt đến Lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh đều khẳng định vai trò đoàn kết toàn dân tộc để đấu tranh giành chính quyền. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công” được Hồ Chí Minh nêu lên đã trở thành khẩu hiệu chung của các dân tộc trên thế giới.

- Sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh về các bước đi để giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản cũng là sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX. Con đường chung là "trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới". Theo cách nói lúc đó là làm cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trước, sau đó làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, ưu tiên giải quyết vấn đề dân tộc trước, giải quyết vấn đề dân chủ từng bước. Bảo vệ nền độc lập dân tộc đã giành được bằng biện pháp hòa bình. Hồ Chí Minh đã sử dụng mọi cơ hội để vận hồi nền hòa bình với Pháp đang có nguy cơ tan vỡ. Trong Hiệp định sơ bộ 06-3-1946 hay Tạm ước 14-9-1946, Người chấp nhận Việt Nam "sẵn sàng nằm trong khối liên hiệp Pháp", chỉ cần một điều kiện là Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam. Nhưng khi kẻ thù đã dùng chiến tranh xâm lược để áp đặt sự nô dịch mới, thì cần dựa vào và phát huy sức mạnh của cả dân tộc để bảo vệ nền độc lập dân tộc, với tinh thần "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ". Trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc, Người đã lãnh đạo nhân dân ta "biết đánh" và "biết thắng" trong những hoàn cảnh cụ thể. Về lâu dài, để bảo vệ nền độc lập dân tộc chân chính, cần xây dựng một xã hội mới là xã hội xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công và xây dựng chủ nghĩa xã hội để bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.

Có thể kể ra thêm những phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhiều lĩnh vực khác nhau của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thực tiễn thành công của cách mạng Việt Nam, góp phần vào việc xóa bỏ chủ nghĩa thực dân cũ và mới đã thể hiện ý nghĩa lớn lao của những đóng góp ấy.

Những hoạt động cách mạng phong phú trong phong trào cách mạng thế giới của Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh đã góp

phần đưa những sự sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Người vào phong trào cách mạng thế giới thế kỷ XX.

Với niềm tin vào tính tất yếu khách quan của con đường vô sản trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX, ngay sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã cùng các đồng chí của mình từ các nước châu Phi, châu Á, Mỹ Latinh thành lập "Hội các dân tộc thuộc địa" ở Paris, ra báo "Người cùng khổ" để tuyên truyền và phổ biến lý luận về con đường cách mạng mới. Hoạt động trong tổ chức Quốc tế Cộng sản, Người dùng diễn đàn và uy tín của Quốc tế Cộng sản để đưa lý luận Mác - Lênin vào phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa. Khi được cử về Trung Quốc, Người cùng các đồng chí của mình thành lập "Hội các dân tộc bị áp bức phương Đông".

Trong quá trình vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh cũng có lúc bị hiểu nhầm, nhất là trong những năm 1928-1938, khi Quốc tế Cộng sản bị chi phối bởi tư tưởng tả khuynh. Giữ vững nguyên tắc, kiên định mục tiêu, giữ quan điểm độc lập đúng đắn, đồng thời tôn trọng các quy định của tổ chức, người chiến sĩ cộng sản quốc tế lỗi lạc Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua những hoàn cảnh ngặt nghèo, hoàn thành nhiệm vụ được giao, đóng góp trí tuệ và tài năng của mình cho phong trào cách mạng thế giới.

Sự phân tích như trên đã cho thấy, sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa rất to lớn đối với tư tưởng lý luận và thực tiễn của phong trào cách mạng thế giới. Rõ ràng, sau khi V. I. Lênin mất, Quốc tế Cộng sản bị rơi vào xu hướng tả khuynh, Hồ Chí Minh là người đã kế tục xuất sắc tư tưởng của V. I. Lênin về mối quan hệ giữa cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc. Bằng hoạt động lý luận và thực tiễn của mình, Hồ Chí Minh đã có đóng góp xuất sắc cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Bởi vậy mà Người được UNESCO tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc.

- Với ý nghĩa đó, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện Việt Nam, mà còn là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào cách mạng thế giới, có thể coi là một giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những đóng góp của Người xuất phát từ thế giới quan khoa học, phương pháp luận duy vật biện chứng và lịch sử, các quy luật chi phối quá trình vận động, phát triển của xã hội và sự tổng kết thực tiễn tinh tế và phong phú. Sự phát triển đó đã mở rộng được phạm vi ứng dụng chủ nghĩa Mác - Lênin với mức độ khác nhau trong phong trào cách mạng thế giới, đến với hàng trăm nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ latin. Bởi vậy, có thể coi tư tưởng Hồ Chí Minh là một giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Tuy nhiên, cũng như C.Mác và Ph. Ăngghen, V. I. Lênin và nhiều nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin khác, Hồ Chí Minh là người của thời đại mình. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Người phải dành nhiều trí tuệ và công sức cho cuộc đấu tranh giành chính quyền và chiến tranh cách mạng để bảo vệ nền độc lập dân tộc; chưa có nhiều điều kiện để cụ thể hóa, phát triển lý luận mác-xít trong xây dựng, phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế kém phát triển, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Bởi vậy, trách nhiệm của các thế hệ cách mạng tiếp theo là tiếp tục nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới. Đó chính là sự bảo vệ đúng đắn nhất chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

BẢN LĨNH SUY NGHĨ ĐỘC LẬP SÁNG TẠO TRONG QUÁ TRÌNH ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC

PGS. TS. VÔ VĂN SEN*

Một trong những bản lĩnh quan trọng nhất trong tính cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là khả năng suy nghĩ độc lập sáng tạo của Người, không bao giờ rập khuôn máy móc, giáo điều trong bất cứ vấn đề gì. Bản lĩnh đó đã xuất hiện rất sớm, góp phần quyết định thành công của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc trong quá trình đi tìm đường cứu nước và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bản lĩnh ấy chắc chắn có nguồn gốc sâu xa từ tư chất thông minh khác thường và đồng thời cũng thông qua sự giáo dục của văn hóa Việt Nam: Làng - Nước - Gia đình. Có người nói rằng thiên tài là chín mươi chín phần trăm do mồ hôi, còn chỉ một phần trăm do thiên phú. Dễ dàng đồng ý về điều đó nhưng cần phải nhấn mạnh thêm rằng: Cái một phần trăm bẩm sinh, thiên phú ấy là cái không phải ai cũng có và không phải dễ dàng gì có được chỉ đơn thuần thông qua rèn luyện, giáo dục! Các nghiên cứu, khám phá tới nay về thời thơ ấu, niên thiếu của Bác Hồ đều nhất trí rằng Nguyễn Sinh Cung ngay từ bé đã có tư chất rất thông minh, linh

* Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử TP. Hồ Chí Minh.

lợi khác thường, ham học, “ham hiểu biết, ưa suy nghĩ”¹. Từ cuốn *Tất Đạt tự ngôn* mà cụ Nguyễn Sinh Khiêm, anh của Bác Hồ, trao cho Sơn Tùng năm 1950 mấy tháng trước khi cụ mất, chúng ta đã biết đến bài thơ *Công* của Nguyễn Sinh Cung lúc 5 tuổi, tuổi đang bập bẹ làm thơ, khi đang cùng gia đình đi qua Đèo Ngang về kinh đô Huế²:

*“ Núi công con đường mòn
Cha thì công theo con
Núi nằm lì một chỗ
Cha đi cúi lom khom
Đường bám lì lưng núi
Con tập chạy lon ton
Cha siêng hơn hòn núi,
Con đường lười hơn con*

...
*Biển là ao lớn,
Thuyền là con bò
Thuyền ăn gió no
Lội trên mặt nước
Em nhìn thấy trước
Anh trông thấy sau
Ta lớn mau mau
Vượt qua ao lớn”.*

Theo Vũ Đình Hoè, sau khi truy vấn nhà văn Sơn Tùng về nguồn gốc bài thơ này, đồng chí Phạm Văn Đồng, người thông hiểu dịch lý, đã hết sức thích thú đưa ra nhận xét: “Cái gì thuộc về thiên nhiên tạo đều “tĩnh”, cái gì thuộc con người là “động”. “Núi công con đường. Cha thì công con”, “Đường nằm lì lưng núi” là tĩnh, “con chạy lon ton” thì động. Thơ có thể là hay vì nó có cái thần, cái ngộ nghĩnh của đứa trẻ. Điều đó cũng dễ hiểu, nhưng

1 Côtêlêp, *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1985, tr. 20.

2 Sơn Tùng, *Búp Sen Xanh*, Nxb. Văn Nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 63-65.

còn vấn đề tư tưởng, tầm nhìn này hơi lạ...”¹ Câu chuyện bé Sinh Cung và bác thợ rèn đầu làng cũng phần nào cho thấy thêm tư chất thông minh khác thường của Nguyễn Sinh Cung².

Làng quê Nghệ Tĩnh, một vùng địa linh nhân kiệt mà có lúc GS. Trần Văn Giàu gọi là “Yên, Triệu của Việt Nam”, tức là nơi sinh ra nhiều bậc kỳ tài, anh hùng cứu nước và kinh đô Huế của một triều đình phong kiến tay sai dưới ách thống trị của thực dân Pháp, chắc chắn đã đại diện cho văn hóa Việt Nam truyền lại cho Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành bản sắc văn hóa Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam và buộc anh phải thường xuyên động não suy nghĩ về tình hình đất nước và con đường cứu nước. Có lẽ đến nay *Búp Sen Xanh* và *Bông Sen Vàng* của Sơn Tùng là hai tác phẩm viết về điều này sáng rõ nhất.

Bên cạnh quê hương - làng - nước thì giáo dục gia đình, trong đó có vai trò hết sức to lớn của người cha, đã hình thành nên tính cách, tâm hồn và bản lĩnh của Nguyễn Tất Thành, bao hàm cả bản lĩnh luôn luôn suy nghĩ độc lập sáng tạo. Cụ Nguyễn Sinh Sắc là một nhà Nho yêu nước điển hình, đã biết kết hợp những tinh hoa của Nho học với chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, cụ Nguyễn Sinh Sắc và Phan Bội Châu là hai bạn đồng môn, cùng học với cụ cử Nguyễn Thước Tự, một nghĩa sĩ của khởi nghĩa Hương Sơn, người mà cụ Phan Sào Nam gọi là “Nhân sư nan tầm” (Dạy người khó tìm). Phương pháp dạy học của thầy Tự hết sức đặc biệt, đã ảnh hưởng sâu sắc đến học trò, trong đó có cụ Nguyễn Sinh Sắc. Đó là cách học đào sâu suy nghĩ để hành và hành theo sự độc lập suy nghĩ của mình, hành theo mục đích ứng xử vào đời sống, sao giúp ích được cho đời, hành xong thì đối chiếu lại với sách để tiếp tục sáng tạo lời của sách và bổ sung cho sách³. Nguyễn Sinh Sắc đã áp dụng cách dạy này cho học trò của mình, trong đó có hai con của

¹ Vũ Đình Hòe, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 74-75.

² Vũ Đình Hòe, Sdd, tr. 67.

³ Vũ Đình Hòe, Sdd, tr. 68.

cụ là Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung. Sau này Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cuộc đời hoạt động của mình cũng thường mở lớp “trồng người” bằng phương pháp tương tự như thế: luôn phát huy sự suy nghĩ độc lập sáng tạo của người học. Bản thân Nguyễn Sinh Sắc là một tấm gương mẫu mực cho con cái về sự suy nghĩ độc lập sáng tạo, “trên cổ mình là cái đầu của mình, chứ không phải là đầu của người khác”. Là một nhà Nho, Cụ không sa vào con đường “ngu trung”, mà phân biệt rõ quan hệ giữa “trung quân” và “ái quốc”; nếu nhà vua đã yếu hèn, phản bội dân tộc, thì “trung quân” lúc ấy không còn ý nghĩa gì. Sau khi thi đậu Phó Bảng, Cụ tìm cách từ chối làm quan ở triều đình mà về quê mở trường dạy học, dạy dỗ hai con của mình. Khi không thể từ chối được nữa, bắt đầu phải nhận chức trong Bộ Lễ hay khi bị cách chức đưa xuống làm tri huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, thì Cụ vẫn luôn luôn giữ được sự suy nghĩ độc lập và hành xử theo suy nghĩ của mình (để rồi tiếp tục bị cách chức sau vài tháng): không bắt tội những người mắc nợ, buộc những người kiện tụng phải giải hoà, thả những người bị tù oan,...¹. Cụ tán thành chủ trương Duy Tân, nhất là việc dạy chữ quốc ngữ và ở nhà Cụ đã dạy chữ quốc ngữ cho con. Khi trở lại Huế, Cụ dứt khoát cho hai con đi con đường tân học, vào trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba để rồi chỉ qua một năm học cả hai con Tất Thành và Sinh Khiêm đều được tuyển vào Trường Quốc học Huế, một trường được coi là tốt nhất lúc đó. Bị cách chức, Cụ lặn lội đi vào Nam Kỳ, từ tỉnh này sang tỉnh khác, có vài năm “làm cu li đồn điền cao su Lộc Ninh”² và cuối cùng Cụ cũng thực hiện được chí hướng “trung y y dân”, giúp dân theo cách của mình để cho ba con được tự do đi theo con đường của từng người: Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Sinh Khiêm hoạt động Hội kín, còn Nguyễn Tất Thành thì bốn ba ra nước ngoài tìm đường cứu nước. (“Cha có con đường của cha, con có con đường của con”³).

1 Còbêlêp, Sdd, tr. 20.

2 Điện mật của Chánh mật thám Trung Kỳ gửi Công sứ Phan Thiết ngày 10-11-1923. Theo Sơn Tùng, *Bông Sen Vàng*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2010, tr. 14.

3 Xem Vũ Đình Hòe, Sdd, tr. 95.

Có hiểu vấn đề từ gốc rễ như vậy, ta mới không khỏi ngạc nhiên, vì sao ở vào tuổi 15, thiếu niên Nguyễn Tất Thành có thể có đủ lý lẽ và bản lĩnh để từ chối đề nghị Đông Du của một bậc đại chí sĩ danh tiếng lúc bấy giờ như cụ Phan Sào Nam vì đã nhận ra được hạn chế trong chủ trương của cụ ngay lúc phong trào Đông Du mới bắt đầu. Sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ, Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, điều đó chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”¹.

Với Phan Châu Trinh, cụ Nguyễn Sinh Sắc và Nguyễn Tất Thành có nhiều điểm gần gũi. Cụ cũng nói rất nhiều với anh Thành về người bạn đồng khoa này. Anh Thành vào lúc 13 tuổi cũng có đọc qua bản dịch bằng chữ Hán cuốn *Dân ước* (Du Contrat Social) của J.J. Rousseau trong tủ sách ở nhà và khi học ở Quốc học Huế anh Thành đã bí mật đọc cuốn này bằng tiếng Pháp ở nhà sách Trảng Tiễn². Sau này Nguyễn Ái Quốc thuật lại: “*Lần đầu tiên tôi đã nghe những từ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi lúc bấy giờ người da trắng nào cũng đều là người Pháp cả. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn dấu đằng sau những từ ấy*”³. Không chỉ dừng lại ở lý luận, anh Thành còn tham gia làm phiên dịch cho cuộc đấu tranh chống thuế của đồng bào nông dân ở Huế và đã bị đuổi học khỏi Trường Quốc học vì lý do đó. Tán thành quan điểm duy tân là như vậy, nhưng với bản lĩnh độc lập suy nghĩ, anh Thành nhận thấy có điều không ổn trong lý luận của cụ Phan Châu Trinh vì cụ muốn dựa vào Pháp để lật đổ Nam triều. Sau này Hồ Chủ tịch nhắc lại vấn đề này: “Cụ Phan Châu Trinh chủ trương dựa vào Pháp để thực hiện cải cách, chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương”⁴. Hơn nữa, lúc

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 13.

2 Vũ Đình Hòe, Sđd, tr. 140.

3 Ôxip Mandensotam, *Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản*, Báo Đốm lửa, Liên Xô, ngày 23-12- 1923. Bài dịch trên Tạp chí *Học tập*, Hà Nội, tháng 6-1970.

4 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 13.

này anh Thành còn nhận ra được hạn chế của phong trào cứu nước theo phương pháp truyền thống. “Cụ Hoàng Hoa Thám thì thực tế hơn vì cụ chủ trương đánh Pháp. Thế nhưng cụ còn nặng cốt cách phong kiến”¹. Phê phán cốt cách phong kiến của cụ Phan cho thấy rằng Nguyễn Tất Thành đã hiểu và tin rằng con đường cứu nước ở nước ta lúc đó theo ngọn cờ phong kiến đã quá lỗi thời!

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành đi con đường riêng mà anh suy nghĩ: Tây du chứ không Đông du. “Tôi muốn ra nước ngoài xem Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.”² Anh ra đi bằng cách “làm bất cứ việc gì để sống và để đi”³. Chính bản lĩnh suy nghĩ độc lập sáng tạo đã dẫn Nguyễn Ái Quốc đến quyết định đúng đắn mở đầu một con đường cứu nước mới, đem đến thắng lợi cho cách mạng Việt Nam sau này.

Rời Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước, từ năm 1911 đến 1920 Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã bôn ba khắp nơi, làm nhiều nghề để sống, hòa mình vào giai cấp công nhân, nhân dân lao động đủ các màu da, dân tộc, vừa hoạt động thực tiễn vừa nghiên cứu lý luận. Đầu tiên anh Thành ghé và làm công ở cảng Mácxây, Lơ Havơơ của Pháp; từ năm 1912 anh làm thủy thủ của hăng tàu Năm Sao chạy vòng quanh châu Phi; năm 1913 anh sống và lao động nhiều tháng ở New York, Boston (Mỹ); từ 1914 đến 1917 anh sống ở Anh và từ 1917 đến 1923 tiếp tục sống ở Pháp,...

Ra đi với sự háo hức muốn biết những gì ẩn giấu đằng sau những từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái của đại Cách mạng tư sản Pháp, nhưng sau những khảo nghiệm thực tế và nghiên ngẫm lý luận, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra tính hai mặt của chủ nghĩa tư bản, thấy rõ sự khác nhau về bản chất của chủ nghĩa thực dân Pháp và nền văn minh Pháp, người lao động Pháp, điều mà cụ Phan

1 Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 13.

2 Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 10 - 11.

3 Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 14.

Châu Trinh đến cuối đời cũng vẫn không thể nào hiểu được. Theo nhà sử học Pháp Charles Fourniau, khi tàu đến cảng Mácxây, nhìn thấy những cô gái điếm rẽ tiền trên bến cảng, Nguyễn Tất Thành đã thấy được cái mặt trái của nước Pháp. “Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!”¹, “Tại sao người Pháp không “khai hóa” đồng bào của họ trước khi khai hóa chúng ta...”². Từ kinh nghiệm đó dần dần anh Thành đã rút ra nhận thức chính trị hết sức quan trọng, phân biệt được bạn và thù: Giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước đều là bạn, chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là thù³. Sống ở các nước tư bản, đọc nhiều sách về các cuộc cách mạng tư sản Pháp, cuộc chiến tranh giành độc lập của Mỹ, Nguyễn Ái Quốc rất khâm phục tinh thần cách mạng của nhân dân Pháp và ý chí giành độc lập của nhân dân Mỹ, nhưng đồng thời anh cũng nhận ra những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản này. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927) sau này, Nguyễn Ái Quốc đã phân tích rõ: “*Kách mệnh Pháp cũng như kách mệnh Mỹ, nghĩa là tư bản kách mệnh, kách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực bên trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Kách mệnh đã 4 lần rồi mà nay công nông Pháp hãy còn phải mưu kách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi áp bức*”⁴. Với cách nhìn độc lập, sâu sắc như vậy, dù đã tiếp thu nhiều nhân tố tích cực của hệ tư tưởng tư sản, nhưng Nguyễn Ái Quốc không dừng lại ở hệ tư tưởng này. Có ý kiến cho rằng mãi đến *Bản Yêu sách 8 điểm* ở Hội nghị Vécxây đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc mới thực sự tan vỡ ảo tưởng về việc chủ nghĩa đế quốc có thể trao quyền độc lập, tự do cho các thuộc địa⁵. Thật ra, đến năm 1919 Nguyễn Ái Quốc đã có một sự

1 Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1999, tr. 137.

2 Trần Dân Tiên, *Sdd*, tr. 16.

3 Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 21.

4 Hồ Chí Minh, *Tuyên tập*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 246.

5 Lê Văn Quang, *Về con đường của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Lênin*, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, *Mãi mãi theo Người, Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr. 21-22.

chín mươi về chính trị, đã đủ sức nhận ra bản chất của chủ nghĩa đế quốc và sự lừa bịp của chủ nghĩa Wilson. Thế nhưng việc đưa ra *Bản Yêu sách 8 điểm* chỉ là vấn đề phương pháp đấu tranh, đó chính là một đòn tiến công trực diện vào chủ nghĩa đế quốc, gây tiếng vang lớn trong nhân dân và trên thực tế Nguyễn Ái Quốc đã rất thành công trên phương diện này. Có thể nói rằng, nhờ bản lĩnh suy nghĩ độc lập, sáng tạo, không bị một “ảo tưởng” nào che mờ nhận thức khoa học nên Nguyễn Ái Quốc từ sau Cách mạng tháng Mười Nga đã chịu ảnh hưởng ngày càng sâu sắc của cuộc cách mạng này. Đỉnh cao của quá trình này chính là quyết định đứng về phía Quốc tế III của Lênin ở Đại hội Tours của Đảng Xã hội Pháp (12-1920) và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là một bước ngoặt trong cuộc đời của Hồ Chủ tịch, từ một người yêu nước, trải qua trường học dân chủ tư sản và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Trách nhiệm lịch sử của Nguyễn Ái Quốc là sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin là phải đem học thuyết ấy về nước sao cho sáng tạo nhất, phù hợp nhất với những điều kiện lịch sử của Việt Nam. Ở đây nếu phạm phải chủ nghĩa giáo điều, mắc bệnh “tả” khuynh hay hữu khuynh đều dẫn đến những hậu quả tai hại làm mất đi tính chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin và dẫn đến những thất bại to lớn của phong trào cách mạng. Ở đây một lần nữa đòi hỏi cao bản lĩnh suy nghĩ độc lập và sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, bản lĩnh vận dụng biện chứng nhất học thuyết Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo đến mức trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin hình thành những cơ sở đầu tiên của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngay từ đầu với bản lĩnh suy nghĩ độc lập, sáng tạo, Nguyễn Ái Quốc đã có một sự hiểu biết hết sức sâu sắc về chủ nghĩa

Mác - Lênin, thấy được nguồn gốc, ý nghĩa lịch sử cùng những giới hạn lịch sử của nó.

“Dù sao thì cũng không cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được.

Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại....

Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, cũng cố nó bằng dân tộc học phương Đông.....

Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của dân tộc”¹.

Từ năm 1920 đến 1930 là quá trình Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân và dân tộc (1930). Đỉnh cao về lý luận của giai đoạn này chính là tác phẩm *Đường Kách mệnh* (12-1927) và sau đó là *Chính cương, Sách lược vắn tắt*, trong đó Nguyễn Ái Quốc đã cho thấy sự vận dụng cực kỳ sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin để xác định những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam: Hai giai đoạn cách mạng, kết hợp giải quyết mâu thuẫn dân tộc và giai cấp một cách hợp lý, động lực cách mạng và lực lượng cách mạng, giai cấp lãnh đạo, đoàn kết quốc tế,... Thực tế lịch sử sau này cho thấy rằng một trong những nguyên nhân khiến Đảng ta có sự nhất quán, vững vàng về đường lối trong suốt quá trình cách mạng chính là nhờ ngay từ đầu Nguyễn Ái Quốc đã xác định được những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam một cách hết sức chính xác, phù hợp với quy luật khách quan của lịch sử. Nội dung Luận cương tháng 10-1930 do Trần Phú khởi thảo có những hạn chế khi nhấn mạnh quá mức đến “thổ địa cách mạng” và hẹp hòi trong xác định lực lượng cách mạng là vì đã không tuân

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 465-466.

thủ hoàn toàn theo *Chính cương, Sách lược văn tắt* do Nguyễn Ái Quốc dự thảo và thông qua trong Hội nghị hợp nhất (2-1930) (mà nay Đảng ta coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên). Những ảnh hưởng và khuynh của đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản (1928) đã tác động trực tiếp vào những hạn chế này.

Xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước ta, giai cấp công nhân chỉ chiếm 1% dân số, đang là nước thuộc địa nửa phong kiến, trong đó mâu thuẫn dân tộc là chủ yếu,... Nguyễn Ái Quốc không bắt đầu xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng từ một tổ chức công đoàn mà từ một tổ chức thanh niên yêu nước có khuynh hướng cộng sản, trong đó đông đảo là thanh niên trí thức tiểu tư sản. Quy luật ra đời Đảng ta không chỉ có hai yếu tố là chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân, mà còn có vai trò to lớn của phong trào yêu nước. Điều này đã bị Quốc tế Cộng sản và cả những đồng chí trong Đảng ta cũng phê bình Nguyễn Ái Quốc. Thư của Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương, ngày 31-3-1935, gửi Quốc tế Cộng sản đã phê bình trực diện Nguyễn Ái Quốc và tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên do Người thành lập: "Ở Đông Dương, những tổ chức cộng sản đã tiến hành một cuộc đấu tranh công khai chống những tàn dư của hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cách mạng pha lẫn chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa duy tâm của Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội và của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Những tàn dư ấy rất mạnh và tạo thành một chướng ngại nghiêm trọng cho sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản. Cuộc đấu tranh không nhân nhượng chống những học thuyết cơ hội này của đồng chí Quốc và của Đảng Thanh niên là cần thiết... Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin viết một cuốn sách để tự phê bình những khuyết điểm đã qua"¹. Ngay cả việc đặt tên Đảng ta là Đảng Cộng sản Việt Nam trong Hội nghị thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ tọa (2-1930) cũng bị chỉ thị của Quốc tế Cộng sản phê phán là

¹ Thư của Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương gửi QTCS, 31-3-1935. Lưu trữ QTCS, ký hiệu 495-154-683. Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 1999, tr. 34

có “tư tưởng hẹp hòi, cô độc”¹, “không nắm được đặc điểm chung của tình hình Đông Dương là giống nhau”².

Bản lĩnh suy nghĩ độc lập sáng tạo không chỉ thể hiện trong giai đoạn lịch sử đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc, mà còn xuyên suốt trong toàn bộ cuộc đời hoạt động sôi nổi, phong phú và thắng lợi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chắc chắn sẽ không sai nếu nói rằng không có bản lĩnh này thì đã không có “tư tưởng Hồ Chí Minh” xuất hiện và không có những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam gần một thế kỷ qua. Đây là một trong những tính cách, bản lĩnh quan trọng bậc nhất mà chúng ta phải tiếp tục học tập và làm theo Bác Hồ.

¹ Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 1999, tr. 34.

² Đỗ Quang Hưng, *Sdd*, tr. 35.

**TÌM HIỂU THÊM
THỜI KỲ NGUYỄN TẮT THÀNH
Ở LUÂN ĐÔN NƯỚC ANH (1913-1917)**

CHU THỊ NGỌC LAN*

Luân Đôn - Thủ đô nước Anh không phải là nơi đặt chân đầu tiên và nơi in dấu cuối cùng của hành trình 30 năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng đó là những năm tháng đầu tiên bắt đầu chặng đường ra đi tìm đường cứu nước của Người, khi đó Người được biết đến với tên Văn Ba, Nguyễn Tất Thành. Đó là quãng đời tuổi thanh xuân đẹp nhất, nung nấu nhiều ý chí nhiệt huyết tìm tòi, khám phá thế giới để thực hiện mục đích ra đi của mình là xem cho rõ họ làm ăn ra sao rồi trở về giúp đồng bào mình. Đây cũng là bước chuẩn bị điều kiện để Người bước sang giai đoạn hoạt động cách mạng tiếp theo, trở lại Pháp, sang Nga, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường giải phóng dân tộc, đưa cách mạng nước ta theo con đường cách mạng vô sản.

Thời kỳ Nguyễn Tất Thành sống và làm việc ở Anh cuối năm 1913 - 1917, từ trước đến nay ít có những công trình nghiên cứu chuyên khảo về giai đoạn này, như thời kỳ Người ở Pháp và ở Nga. Tư liệu, hình ảnh gốc về giai đoạn này hiện còn rất ít ỏi, khả năng sưu tầm thêm được là rất khó khăn vì thời gian quá xa và khi đó Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh chỉ là một thanh niên thuộc

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

địa người châu Á bình thường đang kiếm sống ở xứ sở sương mù mà thôi. Qua một số nguồn tư liệu hiện có, nhất là dựa theo lời kể trong cuốn *“Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí tịch”* tác giả Trần Dân Tiên, bài viết đi theo hướng trình bày những vấn đề chính sau:

1. Thời gian và lý do Nguyễn Tất Thành tới Anh

Về thời gian Nguyễn Tất Thành tới Anh hiện có hai luồng ý kiến là vào năm 1913 và năm 1914.

Theo nguồn chính thống là sách Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử và Tiểu sử Hồ Chí Minh: *“Khoảng giữa năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo con tàu rời Mỹ trở về Lor Havorơ đi Anh, như anh nói để học tiếng Anh và xem nước tự nhận là “mặt trời không bao giờ lặn” trên đế quốc của mình hiện tình hình ra sao”*¹.

Còn theo một số nhà nghiên cứu nước ngoài, như TS. Thu Trang, viết kiều Pháp², bà Lady Borton³ và tiến sĩ sử học người Anh John Callow, giám đốc thư Viện Các Mác⁴ ... thì cho rằng Nguyễn Tất Thành tới Anh vào năm 1914.

Lý do Nguyễn Tất Thành tới nước Anh có thể lý giải như sau:

Năm 1913, Người sang Anh vào thời điểm châu Âu có nhiều biến động, cuộc chiến tranh Pháp - Đức đang lan rộng thành Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), châu Âu bước vào thời kỳ khủng hoảng, nền kinh tế bị khó khăn, ngưng trệ. Do đó, nhiều hãng tàu của Pháp bị ảnh hưởng, phải giới hạn trong việc đi lại, một số công nhân, thợ thuyền làm trên tàu bị thất nghiệp. Trong số đó, có anh bồi tàu Văn Ba, sau những chuyến đi ròng rã hơn 2 năm trước đó qua châu Âu, Phi, Mỹ về lại Pháp, và từ hải cảng Lor Havorơ đi sang Anh bên kia vùng biển Măngơơ.

¹ *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2010, tr. 60.

² Thu Trang, *Nguyễn Ái Quốc tại Paris, 1917 - 1923*, Nxb. Thông tin lý luận, 1989, tr. 23.

³ Lady Borton, *Hồ Chí Minh - một hành trình*, Nxb. Thế giới, 2002, tr. 35. (tiếng Anh)

⁴ John Callow, *“Tiếng sấm mùa xuân”*: *Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác và nghệ thuật thực tiễn*, Kỷ yếu hội thảo khoa học kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị - Hành chính, 2010, tr.257.

Trước khi tới Anh, theo con tàu, Nguyễn Tất Thành đã đi qua nhiều nước trên thế giới. Người đã nhận thấy đâu đâu cũng là thuộc địa của Anh. Người muốn đến tận nước để chế mạnh nhất thế giới, được mệnh danh là “Chủ nghĩa đế quốc thực dân” này xem xét và khám phá xem có gì giống với nước Pháp đang thống trị nước mình không.

Nguyễn Tất Thành sang Anh là để học tiếng Anh, trang bị cho mình công cụ ngôn ngữ giao tiếp rất quan trọng trong sinh hoạt và đấu tranh chính trị. Như trong bức thư gửi cụ Phan Châu Trinh từ địa chỉ Khách sạn Drayton Court, khu West Earling, Luân Đôn, Người thông báo đã tìm nơi để học tiếng và viết: *“Mấy bốn tháng rưỡi nay thì chỉ làm với Tây, nói tiếng Tây luôn luôn. Tuy ở Anh, nhưng chẳng khác gì ở Pháp và tháng ngày luống những chỉ lo làm cho khỏi đói, chớ chẳng học được bao nhiêu. Và cháu ao ước rằng, bốn, năm tháng nữa lúc gặp Bác thì sẽ nói và hiểu được tiếng Anh nhiều nhiều”*¹

Bức thư này Người gửi vào năm 1913, khi mới tới nước Anh khoảng 4 - 5 tháng, đang làm thuê tại khách sạn Drayton Court (Theo địa chỉ đề cuối thư, ký tên Cuồng điệt Tất Thành) vào thời điểm chiến tranh chưa xảy ra (dựa vào việc Người hỏi thăm cụ Phan ở cuối thư: *“Bên ta có gì mới không?”* và *“Chuyến này Bác sẽ nghỉ ở đâu?”*)

Như vậy, Nguyễn Tất Thành sang Anh vào năm 1913 với mục đích học tiếng Anh và tìm hiểu tình hình nước Anh lúc bấy giờ.

2. Những việc Nguyễn Tất Thành đã làm ở Anh

Bị cuốn hút đến trung tâm của một đế chế tầm cỡ thế giới, xa quê hương, xa những nhà yêu nước lưu vong, Nguyễn Tất Thành phải bươn trải tìm việc để kiếm sống. Đầu tiên, Người xin làm việc quét tuyết cho một trường học:

¹ Bản chụp bút tích. Lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh (Ký hiệu: ST.07).

“Một công việc rất mệt nhọc. Mình mấy tôi đâm mò hời mà tay chân thì rét cóng. Và cuộc được tuyết cũng rất khó khăn vì tuyết trơn. Sau tám giờ làm công việc này, tôi mệt lử và đói bụng. Tôi đành bỏ việc”¹

Bỏ việc quét tuyết, Người xin làm chân đốt lò ở trung tâm sưởi ấm của thành phố Luân Đôn. Công việc nặng nhọc không kém: trong hầm hết sức nóng, ra ngoài trời cực kỳ rét, không đủ quần áo, bị cảm Người phải nghỉ việc hai tuần. Với số tiền dành dụm được Người trả tiền thuê phòng ở, ăn và trả công thầy dạy tiếng Anh.

Tiếp đó, Nguyễn Tất Thành làm thuê ở khách sạn nhỏ Drayton Court, khu West Ealing, phía tây Luân Đôn. Khách sạn này tồn tại đến năm 1962 và hiện tại nó là một quán ăn, trên tường treo nhiều bức ảnh chụp tòa nhà khách sạn năm 1900, khu chợ, trung tâm West Ealing những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Tòa nhà vẫn còn nguyên dáng vẻ năm xưa và khách tham quan có thể lên tầng 3, nơi trước kia có thể Nguyễn Tất Thành đã sống trong căn phòng nhỏ nhất trong dãy phòng dành cho người làm thuê, cửa sổ nhìn ra một khu vườn rất đẹp.

Đã có kinh nghiệm làm việc trong một bếp ăn bận rộn, Người dễ dàng tìm được việc rửa bát thuê tại khách sạn Carlton sang trọng ngay trong trung tâm Luân Đôn. Người làm việc rất cẩn thận, phân riêng đồ sứ và đồ bạc để sau đó số bát đĩa này được chuyển xuống tầng hầm bằng một phát minh mới nhất lúc bấy giờ là thang máy. Chính sự cẩn cù, thông minh và nhất là khi thấy Người không vứt đi những thức ăn thừa (đôi khi còn cả phần tư con gà hay miếng bít tết to tướng), mà giữ gìn sạch sẽ đưa lại cho nhà bếp dành cho người nghèo đã gây ấn tượng tốt với người phụ trách bếp, ông vua đầu bếp Auguste Escoffier. Ông đã đưa Người lên làm việc ở bộ phận làm những chiếc bánh cầu kỳ, tổ

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn học, 1969, tr. 24.

chức những bữa tiệc lớn cho những chính khách nổi tiếng với mức lương cao hơn. Sau này, Người kể lại:

“Công việc làm từ tám giờ đến mười hai giờ và chiều từ năm giờ đến mười giờ. Hàng ngày, buổi sáng sớm và buổi chiều, anh Ba ngồi trong vườn hoa Hayđơ (Hyde), tay cầm một quyển sách và một cái bút chì. Hàng tuần vào ngày nghỉ, anh đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý”¹.

Về mối quan hệ giữa Nguyễn Tất Thành và ông vua đầu bếp huyền thoại Auguste Escoffier rất tiếc cho đến nay chưa tìm ra tài liệu gốc để chứng minh. Nhưng theo tư liệu thì Auguste Escoffier làm đầu bếp tại Khách sạn Carlton, Luân Đôn (1899 - 1919), và Nguyễn Tất Thành làm việc ở đây trong khoảng thời gian từ 1914 đến 1917, thì chắc chắn là dưới quyền quản lý của ông. Cuốn sách *“Auguste Escoffier - Hồi ký cuộc đời của tôi”* do chất gái ngoại ông là Laurence Escoffier dịch ra tiếng Anh và xuất bản tại Mỹ năm 1996, nhân kỷ niệm 150 năm ngày sinh nhật của ông. Nguyên bản sách do cháu trai ông (con trai của Paul Escoffier) là Pierre Escoffier xuất bản bằng tiếng Pháp năm 1985 trên cơ sở các tư liệu do cha ông tập hợp sau khi ông nội Auguste qua đời năm 1935. Cuốn sách cung cấp nhiều bức ảnh tư liệu quý, nhất là các ảnh tư liệu về khách sạn Carlton như: Auguste Escoffier trong phòng làm việc tại khách sạn Carlton, năm 1900; Toà nhà khách sạn Carlton năm 1900; Auguste Escoffier cùng đội ngũ những người làm bếp tại khách sạn Carlton ở Luân Đôn (1908) và nhiều trang thực đơn của khách sạn Carlton vào năm 1912 - 1914 do ông viết tay... Ở trang 166 của cuốn sách, phần *“Chiến tranh, nhìn từ Luân Đôn” (1914-1918)* góc trái có chú thích như sau: *“Đêm hôm Đức xâm chiếm Bỉ vào tháng 8-1914, Lloyd George và Winston Churchill đang ăn tối ở Carlton, thì Hồ Chí Minh, sau này là lãnh tụ cộng sản của Bắc Việt Nam, đang làm việc dưới bếp của Escoffier chuẩn bị món rau”*

¹ Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 25.

Ông Giảng Xanh-toni, nguyên Cao ủy Pháp tại Đông Dương, đã nhiều lần tiếp kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuốn sách của mình *"Đôi diện với Hồ Chí Minh"* (xuất bản tại Paris, năm 1970) có một nhận xét hóm hỉnh: *"Khi "Vua bếp" nổi tiếng của chúng ta quyết định truyền bí quyết làm món bánh kem vani nhân hạnh đào sô trường cho Nguyễn Tất Thành, thì ông không ngờ rằng người học trò duy nhất của ông sẽ không tiếp tục sự nghiệp làm bếp của ông."*

Cho đến nay, một điều rất đáng tự hào là trong số tất cả các ông vua, bà hoàng, chính khách và doanh nhân lớn đã từng ở khách sạn Carlton, chỉ có hình ảnh người thanh niên yêu nước Việt Nam mảnh khảnh từng làm phụ bếp tới giờ vẫn được ghi nhớ tại toà nhà khách sạn Carlton - nay là Tòa nhà Đại sứ New Zealand (khách sạn bị bom phá hủy trong chiến tranh thế giới thứ hai, năm 1956 mặt bằng khách sạn được chuyển nhượng để xây toà nhà New Zealand bây giờ). Trên tường chính diện tòa nhà, tấm biển hình tròn nền xanh da trời giản dị nổi bật hàng chữ:

"Hồ Chí Minh (1890 - 1969), người sáng lập nước Việt Nam ngày nay, đã làm việc tại khách sạn Carlton trong khuôn viên này năm 1913".

Tại Anh, Nguyễn Tất Thành đã hằng hái tham dự những buổi diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị và triết học, tham gia Hội những người lao động hải ngoại, ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Aizolen. Cũng trong thời gian này anh đọc được một tờ báo Anh đưa tin về ông Terence Mac Swiney - thị trưởng thành phố Cork, nhà đại ái quốc Aizolen, đấu tranh chống đế quốc Anh, bị bắt. Trong tù ông đã tuyệt thực, nằm im bất động một phía suốt 40 ngày rồi hy sinh. Hết sức xúc động và cảm phục Nguyễn Tất Thành đã thốt lên: *"Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng."* Và *"Tôi tôn kính tất cả những người như Tổng Duy*

Tân. Tôi sùng kính tất cả thị trường Coóc. Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ là bất diệt”¹.

Qua một số bức thư Nguyễn Tất Thành gửi cụ Phan Châu Trinh ở những địa chỉ khác nhau từ Luân Đôn về Paris, phần nào cho chúng ta thấy được tâm tư, tình cảm và nỗi vất vả kiếm sống của người thanh niên xứ Nghệ.

Bức thư viết gửi cụ Phan Châu Trinh, năm 1914, bằng bài thơ thất ngôn bát cú trên một bưu ảnh, mở đầu hai câu thơ:

*“Chọc trời quấy nước tiếng ùng ùng,
Phải có kiên cường mới gọi hùng.”*

Và hai câu cuối

*“...Ba hột đạn thâm hai tác lưỡi,
Sao cho ích giống mấy cam lòng
Hy Mã Nghi Bá đại nhân thẩu
Cuồng diệt: Tất Thành”².*

Những câu thơ trên thể hiện tâm lòng của người cháu hăng say, oăm mồm

“chọc trời quấy nước”

Một bức thư khác gửi cụ chí sĩ họ Phan vào năm 1914, Nguyễn Tất Thành viết đề trao đổi ý kiến về thời cuộc, tham họa chiến tranh, tình hình chiến sự ở châu Âu và dự đoán tương lai ảnh hưởng của cuộc chiến đến châu Á:

*“Tiếng súng đang rền vang và thây người đang phủ trên đất.
Năm cường quốc đã vào vòng chiến và chín nước đang đánh nhau.
Cháu chợt nhớ đến thư cách đây mấy tháng đã viết về cơn giông bão này. Định mệnh sẽ dành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước được ai sẽ là người thắng.*

1 Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 26, 27.

2 Bản chụp bút tích. Lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh (Ký hiệu: ST.09).

...Cháu nghĩ trong vòng ba, bốn tháng nữa, số phận cháu Á sẽ thay đổi và thay đổi nhiều...

Xin gửi lời thăm Nghi bá và em Dật. Xin trả lời cháu về địa chỉ sau đây:

Nguyễn Tất Thành

Số nhà 8

Đường Stephen Tottenham, Luân Đôn”¹.

Trong một bức thư khác, khoảng năm 1917, trước khi Người rời nước Anh trở về Pháp, Người viết đề hồi ý kiến cụ Phan:

“Cách lâu không biết tôn tin, không hay Bác hành chỉ thế nào và sự thế bên ta thế nào? và cháu muốn biết như cháu có thể gặp Bác trước lúc đi hay không vì cháu rất cần một ít lời tôn hỏi.

Xin Bác trả lời liền cho cháu, vì chừng trong tuần lễ cháu sẽ xuống tàu đi chưa biết đâu.

Kính chúc Bác, M. Trường và em Dật và các đồng bào yên hảo

Nguyễn Tất Thành

Số 10 Orchard Place, Southamton, nước Anh”².

Qua những bức thư trên với lời lẽ thân mật và kính trọng, Nguyễn Tất Thành luôn luôn trao đổi ý kiến chính trị, tin tức ở quê nhà và muốn nhận được những lời khuyên bảo của cụ Phan Châu Trinh. Những bức thư đó thể hiện ý chí và lòng nhiệt huyết tràn trề, hoài bão lớn lao và nỗi băn khoăn, trăn trở của người thanh niên trẻ tuổi trước vận mệnh của đất nước.

3. Những điều Nguyễn Tất Thành thu nhận được trong thời kỳ ở Anh

Vừa làm vừa học tiếng Anh, vừa tìm hiểu quan sát thời cuộc, gần 4 năm sống ở Anh, Nguyễn Tất Thành đã tích lũy cho mình vốn

¹ Bản chụp bức thư. Lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

² Tài liệu lưu BTHCM, TP. 268. Tài liệu nhà văn Phan Tứ, cháu ngoại cụ Phan Châu Trinh, con bà Phan Thị Châu Liên trao tặng, năm 1978 tại Đà Nẵng. Năm 1925 cụ Phan từ Pháp về Sài Gòn, sau đó lâm bệnh. Trước khi qua đời cụ trao bức thư này cho con gái là bà Liên giữ.

hiểu biết nhất định về điều kiện xã hội, kinh tế, chế độ chính trị của xã hội tư bản, về đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa chính quốc và thuộc địa của một nước tư bản chủ nghĩa sớm phát triển, là đế quốc Anh có nhiều thuộc địa nhất trên thế giới, trải dài từ châu Á, Phi, Mỹ Latinh đến châu Đại Dương, đặc biệt là cuộc đấu tranh của nhân dân Aizolen. Với vốn hiểu biết thu nhận được trong thời gian này và những năm tháng bôn ba tiếp theo là cơ sở quan trọng tạo nên một ngòi bút sắc sảo, uyên thâm về thuộc địa, tố cáo danh thép chủ nghĩa thực dân, cách cai trị thuộc địa của các nước đế quốc và miêu tả chân thực, rõ nét tình cảnh nhân dân thuộc địa nơi Người đã từng đi qua, và nhất là các thuộc địa của đế quốc Anh. Những bài viết của Người vào những năm 20 - 30 của thế kỷ XX đăng trên các báo L'Humanite, Le Paria, La Vie Ouvriere, tạp chí Communiste, Inprekorr... mang dấu ấn vốn hiểu biết sâu rộng của Người trong thời kỳ ở Anh như: *Phong trào cách mạng ở Ấn Độ*, ngày 8-9-1921, *Chính sách thực dân Anh*, ngày 9-11-1923, *Lối cai trị của người Anh*, ngày 8-4-1925... và một loạt bài về phong trào công nhân, nông dân Ấn Độ năm 1928...

Mặt khác ở Anh, Nguyễn Tất Thành đã trang bị cho mình vốn tiếng Anh - phương tiện ngôn ngữ phổ biến thế giới để mở mang kiến thức, giúp ích cho Người trong cuộc sống và hoạt động cách mạng về sau này. Thông thạo hai ngôn ngữ là tiếng Trung và tiếng Pháp, Người còn có thể giao tiếp, đọc báo chí, sách tiếng Anh và tự soạn thảo nhiều bài viết, điện, thư, báo cáo bằng tiếng Anh.

Luân Đôn cũng là điểm đến của nhiều vĩ nhân, nhiều nhà hoạt động chính trị nổi tiếng, như Các Mác, V.I Lênin - những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, mà sau này Người tiếp thu và coi nó như "*cẩm nang thần kỳ*". TS John Callow đánh giá:

"Có thể chính trong thời gian ở Luân Đôn, lần đầu tiên Hồ Chí Minh đã đọc các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăngghen. Các tác phẩm này được Twentieth Century Press - cơ quan xuất bản của Đảng Dân chủ xã hội Anh, đặt trụ sở tại tòa nhà Clerkenwell Grenn

ở Luân Đôn - xuất bản thành những cuốn sách giá rẻ. Ngày nay, tòa nhà này trở thành Thư viện tưởng niệm C. Mác và có một bức chân dung của Hồ Chí Minh được treo ở hành lang bên ngoài căn phòng nơi V. I. Lênin từng ngồi làm việc vào những năm 1902 - 1903. Tấm chân dung ấy của Hồ Chí Minh là bằng chứng về mối liên hệ giữa nhà xuất bản và vị khách nổi tiếng của mình"¹.

Ở Anh, tuy có điều kiện dễ kiếm sống và học tập, nhưng thông tin về quê hương quá ít ỏi, khó khăn trong việc liên hệ với những người yêu nước lưu vong và trong việc đi sâu tìm hiểu kẻ thù trực tiếp thống trị dân tộc mình để chọn con đường cứu nước đúng đắn mà Người hằng mong muốn. Hơn nữa với bản tính luôn cởi mở, sẵn sàng tiếp thu cái mới, khám phá quan sát thế giới xung quanh để không ngừng tự học, tích lũy kiến thức giúp ích nhiều nhất cho dân tộc mình, cộng với đã có liên lạc từ Anh với cụ Phan Châu Trinh, nên Người quyết định rời Anh trở về Pháp vào năm 1917.

Như vậy, thời kỳ Nguyễn Tất Thành ở Anh gần 4 năm là chặng tương đối dài trong hành trình 30 năm bôn ba ở nước ngoài, bước đi trên con đường nhận thức thế giới, chuẩn bị về mọi mặt để vững tin bước vào thời kỳ hoạt động cách mạng chuyên nghiệp trong hành trình kế tiếp. Ngày nay, bất kỳ ai đến Luân Đôn - thủ đô của Vương quốc Anh cũng có thể tới thăm khách sạn Drayton Court, khách sạn Carlton (nay tòa nhà New Zealand), thư viện tưởng niệm C. Mác hay đi dạo trên phố Soho, trong công viên Hydepart, theo dấu chân Người cách đây gần tròn 1 thế kỷ. Tìm hiểu thêm về giai đoạn này, càng củng cố thêm niềm tin yêu, kính phục của mỗi chúng ta đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, một tấm gương sáng về lòng yêu nước thương dân vô bờ bến, lý tưởng cao đẹp, nghị lực phi thường, tinh thần học hỏi, vượt khó của Người trong những năm tháng tuổi trẻ.

¹ John Callow, Sdd, tr. 260.

NGUYỄN TẮT THÀNH ĐẾN PARIS LÚC NÀO?

TS. PHAN VĂN HOÀNG*

Trong hành trình tìm đường cứu nước của người thanh niên Nguyễn Tất Thành, có một thời điểm chưa được xác định: Nguyễn Tất Thành đến Paris lúc nào? Chúng tôi không viết “Nguyễn Ái Quốc trở lại Paris lúc nào?” như một số nhà nghiên cứu đã viết, vì hai lý do:

- Khi đến Paris, anh còn mang tên Nguyễn Tất Thành. Biệt danh Nguyễn Ái Quốc chỉ xuất hiện từ ngày 18-6-1919 với bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam*.

- Năm 1911, anh đặt chân lên nước Pháp nhưng chưa từng đến Paris.

Tới nay, nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã cố gắng tìm cách trả lời câu hỏi trên, nhưng ý kiến còn chưa thống nhất, tạm chia thành hai nhóm như sau:

Nhóm thứ I: gồm những tác giả không cho biết căn cứ vào tư liệu nào, có hơn 10 ý kiến khác nhau (được xếp theo thứ tự thời gian):

* Nguyên Tổng Thư ký Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất như:

- Philippe Devillers, *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*, Nxb. Seuil, Paris, 1952, tr. 57 ;

- Trường Chinh, *Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam* đăng trên tạp chí *Học tập* tháng 5 và tháng 7 năm 1960, được Nhà xuất bản Sự thật (Hà Nội) in thành sách năm 1965 ;

- Phạm Văn Đồng, *Hồ Chủ tịch, tình hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 45 ...

2. Cuối năm 1916 - đầu năm 1917 như:

Alain Ruscio, *Le procès de la colonisation française - Ho Chi Minh*, Nxb. Le Temps des Cerises, Pantin, 1998, tr. 8...

3. Năm 1917 như:

- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 15 ;

- Hồ Song, *Lịch sử Việt Nam 1919 - 1929*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1979, quyển III, Tập IV, tr. 67 ;

- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Năm mươi năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 17 ;

- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (sơ thảo)*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 48 ;

- Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 14 ;

- Alain Ruscio, *Ho Chi Minh - Textes 1914 - 1969*, Nxb. L'Harmattan, Paris, 1990, tr. 14 ;

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 54.

4. Ngày 3-2-1917 như:

- Thép Mới và Tranh Nam, *Le Courrier du Vietnam*, Hà Nội, bộ mới, số 4 (74), 1984...

5. Khoảng cuối năm 1917 như:

- Louis Saurel, *La guerre d'Indochine*, Nxb. Rouff, Paris, 1966, tr. 29 ;

- Hồng Hà, *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 37-38 ;

- Ép-ghe-nhi Cô-bê-lép, *Đồng chí Hồ Chí Minh*, bản dịch của Nguyễn Minh Châu và Mai Lý Quảng, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1985, tr. 42 ;

- Nguyễn Thành, *Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1988, tr. 34 ;

- Đức Vượng, *Tìm đường cứu nước trong Hành trình cứu nước của Bác Hồ* (nhiều tác giả), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1990, tr. 30 ;

- Viện Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992, tr. 63 ...

6. Một vài tuần trước Cách mạng tháng Mười Nga (7-11-1917)

- Jean Lacouture, *Hồ Chí Minh - A Political Biography*, bản dịch tiếng Anh của Peter Wiles, Nxb. Vintage Books, New York, 1968, tr. 19...

7. Khoảng cuối tháng 12-1917 như:

- Đinh Xuân Lâm, *Nguyễn Ái Quốc ở Pa-ri và thủ đoạn theo dõi của thực dân Pháp*, Tạp chí *Lịch sử Đảng* số 5, 1993, tr. 48...

8. Ngày 3-12-1917 như:

- *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 545 (phản biên niên tóm tắt hoạt động của Hồ Chủ tịch) ;

- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 146.

9. Cuối năm 1917 - đầu năm 1918 như:

- Bernard B. Fall, *The Two Viet-Nams*, Nxb. Frederick A. Praeger, New York - Luân Đôn, 1963, tr. 88...

10. Cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất như:

- William J. Duiker, *Historical Dictionary of Vietnam*, Nxb. The Scarecrow Press, New Jersey - Luân Đôn, 1989, tr. 64...

11. Năm 1919 như:

- Daniel Hémery trong *Ho Chi Minh - de l'Indochine au Vietnam*, Nxb. Gallimard, Paris, 1990 khẳng định rằng Nguyễn Tất Thành ở Luân Đôn từ 1914 đến 1919 (tr. 41) và mãi đến năm 1919 mới sang Paris “chứ không phải năm 1917 như phần đông các nhà chép tiểu sử Hồ Chí Minh đã viết” (tr. 42).

v.v...

Nhóm thứ II: gồm những tác giả có căn cứ vào các tư liệu thành văn, có những ý kiến khác nhau như sau:

1. TS. Thu Trang (Công Thị Nghĩa):

Trong bài *Nguyễn Ái Quốc đến Pa-ri năm nào?* đăng trên báo *Nhân dân* (Hà Nội) ngày 18-5-1983 và viết lại trong cuốn *Nguyễn Ái Quốc tại Pa-ri (1917-1923)* Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1989, sau khi trích dẫn một câu trong bản báo cáo ngày 8-1-1920 của mật thám Jean: “Ông ta (tức Nguyễn Ái Quốc) nói qua cho tôi biết là đã từng ở Mỹ và ở Anh trước khi đến Pháp từ bốn năm nay” (tr. 35), nhà sử học Việt kiều Thu Trang kết luận: “Như vậy, qua mật báo này, tính theo năm tháng ngược trở về trước, thì Nguyễn Ái Quốc đã đến Pa-ri (...) vào cuối năm 1916, đầu năm 1917” (tr. 36).

2. PGS. TS. Nguyễn Phan Quang:

Căn cứ vào “một báo cáo của mật thám Pháp trong tập hồ sơ năm 1917”, theo đó “người mang tên Nguyễn Ái Quốc [sic], 27 tuổi, quê ở Đông Dương. Anh từ Luân Đôn đến Paris tháng 6 vừa

rời và ở một mình từ ngày 7 đến ngày 11 tháng 6 tại số nhà 10, phố Xtô-kôn (Stockholm), sau đó ở số nhà 56, phố Mơ-xi-ơ lơ Pranh-xơ (Monsieur le Prince). Hiện nay anh ở số 6, Vi-la dê Gô-bơ-lanh (Villa des Gobelins) là nhà một đồng bảo của anh tên là Phan Văn Trường” (tr. 26), PGS. TS. Nguyễn Phan Quang viết trong cuốn *Thêm một số tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc thời gian ở Pháp 1917-1923* (Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1988): “Theo hồ sơ của mật thám như chúng tôi đã giới thiệu, thì Nguyễn Ái Quốc đến Pa-ri khoảng tháng 6-1917 và muộn nhất là từ tháng 7-1917 Người đã bị mật thám theo dõi” (tr. 31).

3. PGS.TS. Phạm Xanh:

Trong cuốn *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam 1921-1930* (Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1990), PGS. TS. Phạm Xanh viết: “*Trước khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, khoảng giữa năm 1917, Nguyễn Tất Thành quyết định trở lại nước Pháp*” (tr. 21). Kết luận này căn cứ trên cùng một báo cáo nói trên của mật thám Pháp.

4. TS. Sophie Quinn-Judge:

Trong cuốn *Ho Chi Minh - The Missing Years* (University of California Press, 2002), nhà sử học người Mỹ Sophie Quinn-Judge viết: “*Về vấn đề ngày tháng tới Paris của (Nguyễn Ái) Quốc, có lẽ bằng chứng đáng tin cậy nhất là hồ sơ của cảnh sát Pháp, ở đó ghi nhận anh đến Paris vào tháng 6 năm 1919 từ Luân Đôn. Thông tin trong hồ sơ cho biết Hồ (Chí Minh) đến Paris ngày 7 tháng 6 năm 1919 từ Luân Đôn, ban đầu anh ở số 10 rue de Stockholm, sau đó là số 56 rue M. le Prince, và tiếp theo là số 6 Villa des Gobelins*”¹.

Ý kiến của chúng tôi:

Những ý kiến thuộc Nhóm thứ I không căn cứ vào tài liệu nào nên không có tính thuyết phục. Chúng tôi chỉ nhận xét các ý kiến thuộc Nhóm thứ II.

¹ Bản dịch *Hồ Chí Minh - Những năm tháng chưa được biết đến* của Diên Vỹ và Hoài An. www.x-cafevn.org, tr. 35.

1. Trước hết, cần phân biệt thời điểm Nguyễn Tất Thành bí mật đến Paris với thời điểm Nguyễn Ái Quốc ra công khai bằng việc thay mặt “Nhóm những người Việt Nam yêu nước” (Groupe des patriotes annamites) ký bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (Revendications du peuple annamite) ngày 18-6-1919.

Nguyễn Tất Thành phải bí mật đến Paris vì ngay từ năm 1914, nhà cầm quyền Pháp đã chú ý tới những hoạt động ở Anh của “một người tên (Paul) Tất Thành” (Báo cáo của Nha tổ tụng và tư pháp quân sự, hiện bảo quản ở Trung tâm lưu trữ hải ngoại CAOM, Aix-en-Provence, série III, carton 29). Ngày 23-6-1915, Tòa Đại sứ Pháp ở Luân Đôn đề nghị cảnh sát Anh đặc biệt giám sát người thanh niên này¹.

“Trong buổi đầu đến Paris [*sic*], chưa có giấy tờ hợp pháp (...) anh vẫn phải sống ẩn náu, hạn chế đi lại tới mức tối thiểu để tránh sự kiểm tra của cảnh sát” (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, sdd, tr. 54). Các tác giả nước ngoài cho biết anh đã sống trong một căn phòng tồi tàn trên đường Marcadet: “[Il] habite dans un réduit de la rue Marcadet” (Louis Saurel, sdd, tr. 29), “[He] lived in shabby lodgings in the rue Marcadet” (Jean Lacouture, sdd, tr. 20). Michele Zucchini, đảng viên Đảng xã hội Pháp phụ trách đón tiếp những người lao động các thuộc địa, còn cho biết thêm: anh sống bí mật trong một căn phòng thuê trên đường Charonne: “[Il] vivait incognito dans un garni de la rue de Charonne” (trích dẫn bởi Thu Trang Gaspard, *Hồ Chí Minh à Paris 1917 - 1923*, Nxb. L'Harmattan, Paris, 1992, tr. 71). Đối với anh, việc thay đổi chỗ ở là chuyện bình thường. Điều cần lưu ý ở đây là, như William Duiker đã viết trong *Hồ Chí Minh - A Life* (Nxb. Hyperion, New York, 2000): “Chính quyền Pháp không hề biết việc (Nguyễn Tất) Thành có mặt ở Pháp cho tới tận mùa hè năm 1919 khi Thành tham gia một sự kiện đã làm

¹ Trích dẫn bởi Nguyễn Thế Anh, *La prolétarianisation de Ho Chi Minh: mythe ou réalité?*, Đường mới, Paris, số 7, 1984.

cho Thành trở thành một người (Việt Nam) nổi tiếng nhất trên đất Pháp”¹. Do đó, khó có thể “muộn nhất là từ tháng 7-1917, (Nguyễn Tất Thành) đã bị mật thám Pháp theo dõi” như một tác giả đã viết.

2- Ba tác giả cùng dựa vào một báo cáo của mật thám Pháp, cùng căn cứ vào một câu “*Il est arrivé à Paris en Juin dernier venant de Londres*” (anh từ Luân Đôn đến Paris tháng 6 vừa rồi), nhưng trong khi nữ TS. Sophie Quinn-Judge cho đó là tháng 6-1919 thì hai tác giả trong nước lại cho đó là tháng 6-1917.

Lý do: báo cáo này không ghi năm. Hai tác giả trong nước dựa vào tuổi của Nguyễn Ái Quốc trong câu *Le nommé Nguyen Ai Quoc est âgé de 27 ans* để tính ra năm viết báo cáo: $1890+27=1917$.

Tuy nhiên, có nhiều lý do để tin rằng báo cáo này viết năm 1919:

Trong đơn gửi Tổng thống Pháp ngày 15-9-1911, Nguyễn Tất Thành ghi năm sinh của mình là 1892 (đơn này hiện lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ hải ngoại Pháp CAOM, carton 27, dossier 11). Đối với nhà cầm quyền Pháp, đây là năm sinh của nhân vật lịch sử này. Một số tác giả Pháp, Mỹ (như P. Devillers, J. Lacouture, L. Saurel, Ellen J. Hammer...) và cả Việt Nam như Ho Van Tao (tác giả cuốn *Le mystérieux Ho Chi Minh* xuất bản ở Paris năm 1953, tr. 5) dựa vào hồ sơ của Pháp mà thừa nhận năm sinh này. Do đó, năm viết báo cáo căn cứ trên năm sinh này: $1892+27=1919$.

Tên mới “Nguyễn Ái Quốc” chỉ được sử dụng từ sau “sự kiện 18-6-1919”.

Trong năm 1919, Nguyễn Ái Quốc thay đổi chỗ ở 3 lần: số 10 phố Stockholm (từ 7 đến 11-6-1919), số 56 phố Monsieur le Prince (từ 12-6) và số 6 Villa des Gobelins (trong tháng 7-1919)². Đặc biệt, từ “hiện nay” (*actuellement*) trong báo cáo cho thấy báo

1 Bản dịch của Phòng Phiên dịch thuộc Bộ Ngoại giao Việt Nam, Hà Nội, 2001, tr. 35.

2 Viện Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh - Biên niên tiêu sử*, tập 1, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992, tr. 65, 67.

cáo viết sau khi Nguyễn Ái Quốc dọn đến ở chung với hai cụ Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường.

3- Sau “sự kiện 18-6-1919”, nhà cầm quyền Pháp phái nhiều mật thám (như Désiré, Devèze, De Villier, Édouard, Jacques, Jean, Josselme...) thường xuyên theo dõi Nguyễn Ái Quốc. Các báo cáo của những mật thám này là một nguồn tư liệu cần tham khảo khi nghiên cứu các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919-1923.

Tuy nhiên, theo Jean, Nguyễn Ái Quốc “cũng biết là mật thám đã theo dõi bất cứ nơi nào Quốc đã đến” (Báo cáo ngày 16-1-1920)¹ nên “Nguyễn Ái Quốc rất khôn khéo, ông ta có vẻ nghi ngờ tất cả mọi người” (Báo cáo ngày 1-1-1920), rất cảnh giác khi tiếp xúc với người lạ. Pierre Guesde, viên tổng kiểm soát người Đông Dương tại Pháp, nhận xét: “Ông ta giấu tung tích thật của mình một cách rất kỹ” (Báo cáo từ ngày 18 đến ngày 28-11-1919) đến độ “chúng ta chẳng biết được gì về người mà chúng ta đang tìm” (Báo cáo ngày 12-10-1920). Đôi khi, Nguyễn Ái Quốc tìm cách đánh lạc hướng mật thám như nói với Édouard họ tên của anh là Hồ Ba, quê ở Hải Phòng, sinh viên tại Lyon (Báo cáo ngày 10-11-1919), “đã rời Đông Dương vào năm 1914” (Báo cáo ngày 17-11-1919). Do đó, bên cạnh những thông tin chính xác, các báo cáo của mật thám còn chứa đựng nhiều chi tiết sai lầm, không đáng tin như Nguyễn Ái Quốc tên thật là Ái chứ không phải là Quốc (Báo cáo ngày 3-11-1919), từng ở Mỹ trong 6 năm và ở Anh trong 4 năm (Báo cáo ngày 4-1-1920), v.v...

Trong báo cáo mà hai tác giả trong nước sử dụng có những chi tiết đúng (như Nguyễn Ái Quốc 3 lần thay đổi chỗ ở) đồng thời cho những thông tin sai lầm như “Anh thuộc một gia đình giàu có ở Đông Dương, học hành giỏi giang ở Anh. Anh sống ở đó khoảng 10 năm” (*Il appartient à une riche famille de l'Indochine*

¹ Xem các báo cáo được đề cập ở đoạn này trong Thu Trang, *Nguyễn Ái Quốc tại Pa-ri 1917-1923*, sdd, tr. 96, 90, 32, 120, 70, 93.

et a fait de bonnes études en Angleterre où il a habité une dizaine d'années).

Do đó, cần phải cân nhắc hết sức cẩn trọng khi sử dụng các báo cáo của mật thám, vì nếu quá tin sẽ dẫn tới những kết luận trái ngược:

- Nữ TS. Thu Trang căn cứ vào câu “Ông ta (tức Nguyễn Ái Quốc) nói qua cho tôi biết là đã từng ở Mỹ và ở Anh trước khi đến Pháp từ bốn năm nay” (*Il m'a vaguement dit qu'il a été en Amérique et en Angleterre, qu'il a été en France il y a 4 ans*) để đoán Nguyễn Ái Quốc đã đến Paris vào cuối năm 1916 - đầu năm 1917.

- Trong khi đó nữ TS. Sophie Quinn-Judge lại dựa vào câu “Ông ta từ Luân Đôn đến Paris vào tháng 6 vừa rồi” (*Il est arrivé à Paris en Juin dernier venant de Londres*) để khẳng định Nguyễn Ái Quốc đến Paris vào tháng 6 năm 1919¹.

4- Trước những ý kiến khác nhau như trên, chúng tôi xin trình bày ý kiến riêng của mình như sau:

Trong cuốn *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh* có nhân vật tên là Nam cùng làm việc chung với Nguyễn Tất Thành (tên thường gọi là anh Ba) tại nhà hàng Carlton của ông vua bếp Escoffier ở Luân Đôn.

Ông Nam kể: Một hôm, “anh Ba đến nói với tôi:

- Xin từ biệt anh Nam.

- Anh đi đâu?

- Tôi đi Pháp.

- Không nói chơi chứ? Nước Pháp đang có chiến tranh, anh đến Pháp làm gì?

¹ Ý kiến của S. Quinn-Judge và D. Hémerly (cho rằng Nguyễn Tất Thành đến Paris năm 1919) là khó chấp nhận, vì M. Zucchini khẳng định đã gặp Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên ngày 18-7-1918 và cho biết: trước đó, Nguyễn đã quen thân với nhiều nhân vật trong Đảng Xã hội Pháp (“Ho Chi Minh, l'homme et son message”, *Planète-Action*, Paris, số 15, tháng 3-1970).

- Tôi đi xem. Tôi sẽ viết thư cho anh (...)

Sau khi rời Luân Đôn, anh Ba viết thư cho tôi. Đại ý thế này: “Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Châu Trinh (...) Tôi cũng gặp Luật sư Phan Văn Trường và những người khác. Tôi nói với họ: Trong khi vua Duy Tân nổi dậy ở Huế, nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa, thì chúng ta phải làm gì chứ?”¹.

Chính hai cuộc khởi nghĩa (một của vua Duy Tân và một số sĩ phu yêu nước ở miền Trung tháng 5-1916, một của binh lính Việt Nam do Trịnh Văn Cấn lãnh đạo cuối tháng 8 - đầu tháng 9 năm 1917) đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành rời kinh đô Luân Đôn đầy sương mù để tới Paris - Thành phố Ánh sáng.

Nhiều tác giả trong và ngoài nước có cùng nhận định như vậy:

“Vua Duy Tân nổi dậy ở Huế. Nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa. Mọi vùng đất của đế quốc Pháp đều có chuyển biến, báo hiệu cơn giông. Anh Nguyễn Tất Thành muốn đến gần những trung tâm nóng bỏng. Anh bỏ nghề phụ bếp ở Luân Đôn, sang Pháp. Đây là vào cuối năm 1917” (Hồng Hà, sdd, tr. 37-38)

“Người thanh niên họ Nguyễn, tuy đang ở xa quê hương, nhưng lúc nào cũng theo dõi những gì đang xảy ra ở trong nước. Biển cổ nào cũng làm động lòng người có nhiệt tình với quê hương, do đó anh không thể ngồi yên mà học hành [*sic*] ở bên Luân Đôn. Anh muốn xích lại gần những người đang hoạt động ở bên Pháp, mà trong đó có Phan Châu Trinh là người anh đã thư từ liên lạc” (Thu Trang, sdd, tr. 45).

“Bản tính ưa hoạt động của anh không cho phép anh cam chịu mãi cuộc sống buồn tẻ, đơn điệu ở Luân Đôn, nơi xa tất cả những gì có thể gắn bó anh với Tổ quốc (...). Tại Pháp anh sẽ có thể dễ dàng hơn theo dõi tình hình chính trị ở Đông Dương, nơi đang diễn ra nhiều biến cố dữ dội” (E. Cô-bê-lép, sdd, tr. 41)

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 30, 31.

Như vậy, Nguyễn Tất Thành rời Luân Đôn *sau tháng 9-1917*.

Đúng bốn mươi năm sau, trong một bài nói chuyện với các nhà báo Liên Xô (in trên báo *Lao động* ở Liên Xô ngày 10-7-1957), Nguyễn Tất Thành - lúc đó đã trở thành Chủ tịch Hồ Chí Minh - thuật lại: "Khi Cách mạng tháng Mười nổ ra ở nước Nga, tôi sống ở Pháp" (Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 719).

Như vậy, Nguyễn Tất Thành đã có mặt ở Paris *trước ngày 7-11-1917*.

Kết hợp hai nhận định nói trên, chúng tôi có thể kết luận: ***Nguyễn Tất Thành đến Paris sau tháng 9 và trước tháng 11, tức khoảng tháng 10 năm 1917.***

NGUYỄN TẤT THÀNH ĐẾN NƯỚC PHÁP NĂM 1917 - MỘT BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ

NGUYỄN BÁ NGỌC*

Xuất phát từ điều kiện khách quan và chủ quan, các nhà nghiên cứu trong nước khi tiếp xúc với các sự kiện về Hồ Chí Minh và thời gian Người ở nước ngoài tìm đường cứu nước gặp nhiều khó khăn. Khi tiếp xúc với các sự kiện này thường phải dựa vào các học giả nước ngoài, do đó tính khách quan, khoa học bị hạn chế. Người Việt Nam ở nước ngoài có số lượng đông, ở hầu hết các nước mà Hồ Chí Minh đã ở, nhưng số người nghiên cứu Hồ Chí Minh quá ít chỉ trừ một số học giả người Việt Nam ở Pháp. Ở nước Nga, số người Việt Nam lên đến hàng chục vạn, nhưng không có ai chuyên sâu nghiên cứu Hồ Chí Minh, mặc dầu ở nước Nga có hàng chục vạn trang tài liệu nghiên cứu về Hồ Chí Minh và về Việt Nam - phải nói tài liệu ở Nga chiếm một phần lịch sử cách mạng Việt Nam.

Đã đến lúc cần nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp Hồ Chí Minh giai đoạn 1911 đến 1941, cần phân định rõ các mốc lịch sử và định lượng, định tính hoạt động yêu nước của Nguyễn Ái Quốc trong từng giai đoạn một cách rõ ràng, chính xác, công bằng. Mỗi giai đoạn cần có sự tổng kết, phản ánh hoạt động cụ thể bằng các hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc. Thời gian qua, công tác sưu

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

tầm tài liệu phân nào phản ánh rõ những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong từng thời kỳ, trong từng giai đoạn cụ thể. Nghiên cứu mỗi sự kiện, mỗi thời kỳ đều có mối liên hệ mật thiết với nhau, không tách rời nhau. Giai đoạn này vừa là tiền đề vừa là kết quả của cả quá trình mở ra những nhân tố mới cho giai đoạn tiếp theo. Mỗi sự kiện lớn đều là đỉnh cao kết thúc một thời kỳ, một nấc thang khẳng định sự biến đổi về chất trong quá trình tiến triển.

Qua 30 năm ra nước ngoài sống và hoạt động, Hồ Chí Minh đã để lại những dấu mốc lịch sử, những sự kiện vĩ đại như: ra nước ngoài năm 1911, thành lập Đảng năm 1930, trở về nước năm 1941... Ngoài ra trong từng giai đoạn Người còn để lại những sự kiện, những biến cố cần được xem xét một cách khoa học để làm sáng tỏ sự lớn lao của sự kiện đó trong cuộc đời vĩ nhân Hồ Chí Minh. Ví dụ như sự kiện Nguyễn Ái Quốc đến nước Nga Xô viết năm 1923, một bước ngoặt to lớn làm xoay chuyển vận mệnh hoạt động của một vĩ nhân, nếu không sang nước Nga Xô viết để có sự giúp đỡ toàn diện của phong trào cộng sản quốc tế, thì cách mạng Việt Nam chưa chắc có sự nghiệp như ngày hôm nay. Đặc biệt chúng ta muốn trở lại nguyên nhân nào đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với nước Nga Xô viết, tức là đi sâu nghiên cứu sự kiện trở lại nước Pháp năm 1917 của Nguyễn Tất Thành.

Vì sao đặt vấn đề sự kiện Nguyễn Tất Thành trở lại nước Pháp năm 1917 là một dấu mốc quan trọng, quyết định chuyển hướng sứ mệnh chính trị cuộc đời sự nghiệp cách mạng của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Trước hết chuyển trở về Pháp cuối năm 1917 đầu năm 1918 đã chấm dứt quãng thời gian gần 7 năm nay đây mai đó, lênh đênh chân trời góc bể, làm đủ mọi nghề để kiếm sống.

Trở về Pháp lần này Nguyễn Tất Thành có điều kiện sống ở trong môi trường sôi động - Paris là trung tâm hoạt động chính trị xã hội của thế giới. Chính trong điều kiện đó đã nảy mầm hạt giống đỏ Nguyễn Ái Quốc.

Từ môi trường trung tâm văn hóa chính trị thế giới, Nguyễn Tất Thành trở thành Nguyễn Ái Quốc, trở thành nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, trở thành người cộng sản vĩ đại của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Chuyến trở về Pháp cuối năm 1917 đầu năm 1918 đã tạo cơ hội tiếng tăm nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc trên trường quốc tế, lọt vào vòng ngắm đào tạo cán bộ cộng sản chuyên nghiệp của Quốc tế Cộng sản. Không có mảnh đất nào khác tốt hơn ở nước Nga Xô viết trong việc đào tạo cán bộ cách mạng chuyên nghiệp, chính vì thế Nguyễn Ái Quốc đã được giới thiệu đến tổ quốc của Lênin năm 1923, từ đây Người trở thành lãnh tụ cách mạng vĩ đại Hồ Chí Minh - sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, sáng lập nhà nước Việt Nam mới sau này.

Triết lý Phương Đông khi nhìn nhận sự vận động của sự vật thông qua Nhân Quả. Nhân nào Quả ấy, Quả là biểu hiện bản chất của Nhân. Nhân là sự biểu hiện tính tất yếu của Quả. Nếu như không có quá trình trải nghiệm tìm tòi chín muồi từ năm 1911 đến 1917, thì Nguyễn Tất Thành khó đạt tới quyết tâm trở về Pháp để đi vào con đường hoạt động chuyên nghiệp - cho cuộc đấu thân vì đất nước, vì giống nòi. Tuy Người chưa trực tiếp hoạt động cách mạng, nhưng gần 7 năm lênh đênh chân trời góc bể là thời kỳ trải nghiệm cuộc đời, đi nhiều nơi, chứng kiến xã hội áp bức không trừ dân tộc nào; hòa vào cuộc sống lao động của những người lao động ở dưới đáy xã hội để tự rèn luyện mình, thấu hiểu sâu hơn tâm trạng, nỗi niềm của người nghèo khổ. Có lẽ thời gian gần 7 năm đó, Nguyễn Tất Thành đã hoàn thiện nhân cách, phẩm chất, trí tuệ đạo đức của một thanh niên trưởng thành trước khi làm người cách mạng, trước khi làm người cộng sản chân chính. Rõ ràng cái “Nhân” đó là quá trình gieo hạt cho “Quả” trở về nước Pháp cuối năm 1917 đầu năm 1918. Giá trị lớn lao gần 7 năm đi khắp năm châu bốn bể là tạo nên sức nén lớn lao, nghị lực phi thường dám đương đầu với muôn trùng khó

khẩn phức tạp về sau này khi dần thân vào con đường hoạt động cách mạng chuyên nghiệp.

Gần 7 năm đó, Nguyễn Tất Thành đã hoàn thành chương trình ngoại ngữ, biết được nhiều và nói thông viết thạo nhiều ngoại ngữ. Song song với những trải nghiệm thực tế, Nguyễn Tất Thành hiểu sâu sắc hơn các tầng văn hóa của các dân tộc khác nhau trên thế giới. Sau này, khi là lãnh tụ, Hồ Chí Minh tiếp xúc với các nguyên thủ quốc gia, hay các trí thức, các nhà chính trị trên thế giới, Người luôn làm chủ tình thế bằng vốn hiểu biết văn hóa và thái độ đối xử hài hòa trong tâm giao quốc tế. Đặc biệt, Nguyễn Tất Thành có thời gian dài sống lao động ở nước Anh, nơi mà Người đã được học rất nhiều kiến thức về văn minh của loài người. Nước Anh là nơi Mác và Lênin đã từng đến và đã tiếp thu được nhiều kiến thức đồ sộ, để viết nên những chân lý cho giai cấp cần lao. Nguyễn Tất Thành cũng vậy, sau những giờ lao động mệt nhọc, Người đến đọc sách ở thư viện, tiếp xúc với các tầng lớp xã hội. Nước Anh thực sự là trường học lớn để Nguyễn Tất Thành trưởng thành, là thời kỳ rèn luyện cái “Nhân” để cho “Quả” to lớn mai sau.

Sau gần 7 năm trải nghiệm thực tế, Nguyễn Tất Thành đã có đủ tâm thế, đủ điều kiện tiếp thu kiến thức mới mẻ và đủ nghị lực vượt qua những khó khăn phức tạp để hòa mình vào cuộc đấu trí mới.

Thủ đô Paris nơi hội tụ nhiều luồng tư tưởng tiên bộ của thế giới. Từ đây sản sinh ra những nhà hoạt động văn hóa, chính trị lớn như Môngmút-xô, Lôngghê, Lêông Blum, Mác-xen Casanh... Từ Việt Nam hội tụ về Paris có nhiều chí sĩ nổi tiếng như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, vv... thủ đô Paris là thủ đô chính trị, văn hóa của thế giới thời bấy giờ. Qua thời gian vừa đi học, vừa làm các nghề kiếm sống, vừa thực tế thâm nhập đời sống xã hội, Nguyễn Tất Thành đã quyết định trở lại Paris. Tư duy sáng tạo luôn có trong vĩ nhân, Nguyễn Tất Thành cũng đúng vậy, có nhạy bén về chính trị, với tầm nhìn xa

và rộng mở, có những quyết định táo bạo và thông minh. Triết lý Phương Đông khi nói về thời cơ hội tụ 3 yếu tố: thiên thời, địa lợi và nhân hòa, ở Paris có đầy đủ cả 3 yếu tố trên. Trở về Paris như một định mệnh đặt trên vai Hồ Chí Minh khi đó. Nếu không về Paris thì không thể có Nguyễn Ái Quốc. Nếu ở nơi khác Nguyễn Tất Thành có thể trở thành nhà tư sản lớn, một danh nhân kiệt xuất, một thương gia giàu có, một người yêu nước xuất sắc nhưng không thể so sánh được với Nguyễn Ái Quốc.

Sự kiện Nguyễn Tất Thành trở lại Paris cuối năm 1917 đầu 1918, theo chúng tôi đánh giá là một sự kiện vĩ đại, xoay chuyển cả sự nghiệp cuộc đời hoạt động của vĩ nhân Hồ Chí Minh, tác động dây chuyền đến cả vận mệnh đất nước Việt Nam sau này, bởi vì khi chúng ta phân tích kỹ những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong một thời gian ngắn ở Paris mới thấy hết tầm vĩ đại của nó. Gần 7 năm trải qua bao thăng trầm, sóng gió, chưa có điều kiện hoạt động trong tổ chức cách mạng nào, nhưng về đến Paris hơn một năm sau đó (tháng 6 năm 1919), tên gọi Nguyễn Ái Quốc đã vang trên chính trường quốc tế, rồi những hoạt động cách mạng liên tiếp sau đã làm đau đầu chính quyền sở tại, đến nỗi chúng phải cho hai tên mật thám bí mật theo dõi từng cử chỉ, lời ăn tiếng nói, đi lại của Nguyễn Ái Quốc. Nơi môi trường chính trị mới với tâm thế của một thanh niên đầy nghị lực, Nguyễn Ái Quốc đã phát huy hết tiềm năng của mình cho sự nghiệp cách mạng. Tại Paris Nguyễn Ái Quốc như cá được trở về với nước, Người bước vào hoạt động cách mạng một cách say sưa nhất, tâm huyết nhất, mãnh liệt nhất. Nhờ những ghi chép sự theo dõi sát sao của mật thám, mà chúng ta biết được lịch hoạt động ken dày của Nguyễn Ái Quốc trong một ngày: Sáng đi thư viện nghiên cứu, trưa gặp chính khách, các nhà danh sĩ, chiều tham gia diễn thuyết cách mạng, tối viết báo... liên tục ngày này qua ngày khác. Tại Paris, trong một thời gian ngắn, Nguyễn Ái Quốc đã lập nên những kỷ lục khó ai sánh được: tên gọi Nguyễn Ái Quốc truyền

nhanh trên chính trường quốc tế, từ người chỉ biết đọc báo, rất nhanh đã trở thành cây bút xuất sắc với những bài viết mang nội dung thiết thực và sâu sắc ở báo L'Humanité, rồi Người sáng lập và là linh hồn của tờ báo Le Paria, nổi danh với những lập luận sâu sắc về thuộc địa trên các diễn đàn chính trị, trở thành đảng viên Đảng xã hội Pháp và là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp... Vô vàn những sự kiện lớn mang dấu ấn của một nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp năng nổ, nhiệt huyết và thiên tài đã diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn tại thủ đô văn hóa, chính trị của thế giới. Những tư tưởng tiên bộ và những hoạt động tích cực, sáng tạo trong Đảng Cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc đã được đồng chí Manuinxki - Thường vụ Quốc tế Cộng sản đặc biệt chú ý và sắp xếp, bố trí để Nguyễn Ái Quốc có dịp sang nước Nga Xô viết dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản. Từ đây mở ra một chân trời mới trong sự nghiệp cách mạng của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Sự kiện trở về Pháp cuối năm 1917 đầu năm 1918 của Nguyễn Tất Thành là một mốc son chói lọi, tỏa sáng những năm tháng trước đó Người đã lăn lộn, bươn chải, lênh đênh, trải nghiệm cuộc đời, tỏa sáng cho những bước đi vững chãi trong các năm sau đó để cho Người đi tới đích cuối cùng thành lập một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, biến một dân tộc nô lệ thành dân tộc tự do. Chính dân tộc của Người đã trở thành ngôi sao sáng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; trở thành niềm tin tất thắng của các dân tộc nhỏ bé biết đoàn kết chiến thắng kẻ thù to lớn hơn mình gấp nhiều lần. Việt Nam - Hồ Chí Minh vang vọng ngàn đời.

MỘT SỐ SƯU TẬP HIỆN VẬT VỀ THỜI KỲ NGUYỄN ÁI QUỐC HOẠT ĐỘNG Ở PHÁP (1917 - 1923)

NGUYỄN TRƯỜNG PHÚ*

Sưu tập hiện vật về Nguyễn Ái Quốc trong thời kỳ hoạt động cách mạng ở Pháp (1917 - 1923) là bộ sưu tập hết sức quý giá, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh. Đó là những bài báo, bài viết, bài phát biểu, đặc biệt một số hiện vật thể khôi là đồ dùng sinh hoạt của Người ở ngôi nhà số 9, ngõ Công poanh, quận 17, thành phố Paris (Pháp), phản ánh sinh động về cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng thời thanh xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây cũng là thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh có rất nhiều hoạt động tích cực và rộng rãi trong phong trào cách mạng Pháp. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi không thể giới thiệu được toàn bộ sưu tập hiện vật về những hoạt động phong phú này, mà chỉ tập trung giới thiệu hai bộ sưu tập nổi bật nhất là: *bộ sưu tập về sự kiện Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tiếp thu Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa và tham gia Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua (Pháp), tháng 12 năm 1920 và bộ sưu tập những đồ dùng của Người ở ngôi nhà số 9, ngõ Công poanh, quận 17, thành phố Paris (Pháp)*. Đây là sưu tập hiện vật về sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của cách mạng Việt Nam và là những tài liệu, hiện vật gây ấn tượng sâu sắc đối với khách tham quan.

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

1. **Sưu tập hiện vật về sự kiện Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tiếp thu Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa và tham gia Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua (Pháp), tháng 12 năm 1920:**

Cách đây 100 năm, năm 1911, đau xót trước cảnh nước mất, nhà tan, người thanh niên Việt Nam yêu nước Nguyễn Tất Thành, lấy tên là Văn Ba đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Sau hành trình đầy gian khổ, đi qua nhiều nước như Pháp, Anh, Mỹ..., Người trở lại nước Pháp vào năm 1917. Tại đây, Người hoạt động trong phong trào Việt kiều và Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp; tham gia Đảng Xã hội Pháp; thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước gửi Bản “*Yêu sách tám điểm của nhân dân An Nam*” đến Hội nghị hòa bình Vécxây; viết báo tố cáo tội ác của thực dân Pháp, cùng với những đồng chí tiến bộ trong Đảng Xã hội Pháp tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ III (Quốc tế Cộng sản), trở thành một trong những người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

Sưu tập hiện vật về những sự kiện quan trọng này bao gồm:

- 1.1. **Báo *Nhân đạo*, ngày 16 và 17-7-1920 đã đăng “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin (Số KK: ST. 114 .Q.3)**

Tài liệu là bản chụp lại trang đầu của tờ báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp, số ra ngày 16, 17 tháng 7 năm 1920. Tài liệu này (01 bản) thuộc khối hiện vật có liên quan tới những hoạt động của Hồ Chí Minh do đồng chí Hồng Hà¹ sưu tầm

¹ Bản chụp lại bản sao bài báo, hiện trưng bày ở Tuốcnikét 3, Chủ đề II của Bảo tàng Hồ Chí Minh. Theo Báo cáo của đồng chí Hồng Hà gửi Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 5 tháng 5 năm 1979 và “*Chúng tôi làm phim về Bác Hồ ở nước ngoài*”, Hồng Hà; báo CAND.com, thứ 3, ngày 7-9-2010. Đồng chí Hồng Hà, nguyên Tổng Biên tập Báo Nhân dân; Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương kể lại, đồng chí đã được đồng chí Tô Hữu, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương cử đi Pháp và một số nước Tây Âu để sưu tầm tài liệu, làm bộ phim về hoạt động của Bác Hồ ở những nước này... Năm 1977, đồng chí Tô Hữu đã tiếp tục cử đồng chí Hồng Hà đi Liên Xô để sưu tầm tư liệu và làm bộ phim về Bác Hồ ở Liên Xô. Cùng đi với đồng chí Hồng Hà có đạo diễn điện ảnh Bùi Đình Hạc và nhà quay phim Đỗ Duy Hùng. ... để sưu tầm những tài liệu, giấy tờ, tác phẩm, hiện vật... của Bác Hồ thời gian ở Liên Xô, cũng như ở một số nước khác trước năm 1945...

được năm 1979. Ngày 5 tháng 5 năm 1980, đồng chí Hồng Hà đã bàn giao cho Ban phụ trách xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh (nay là Bảo tàng Hồ Chí Minh) khối hiện vật mà đồng chí Hồng Hà đã sưu tầm được có liên quan đến những hoạt động của Hồ Chí Minh.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Đầu năm 1919, Lênin họp đại hội ở Mátxcơva, thành lập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản). Quốc tế Cộng sản đã kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. *"Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa"* của Lênin được Đại hội lần thứ hai Quốc tế Cộng sản họp năm 1920 thông qua, đã vạch ra đường lối cơ bản cho phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nguyễn Ái Quốc đã đọc văn kiện này lần đầu tiên trên báo *Nhân đạo*, ngày 16 và 17-7-1920.

Bản *"Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa"* gồm 12 điểm, trong đó Lênin đã đề cập tới những vấn đề cơ bản sau:

Giai cấp tư sản đã giải quyết một cách trù tượng và hình thức vấn đề dân tộc và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Đó là một sự dối trá, thủ tiêu đấu tranh giai cấp nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. Thực chất chủ nghĩa dân tộc của giai cấp tư sản là vị kỷ, hẹp hòi..... Nó tạo ra những quốc gia độc lập về phương diện chính trị, nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào chủ nghĩa tư bản về phương diện kinh tế, tài chính và quân sự.

Lênin đã đặt ra một loạt các vấn đề có tính nguyên lý và những phương hướng giải quyết các vấn đề dân tộc của chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Đây là sự phát triển, hoàn thiện lý luận chủ nghĩa Mác về vấn đề dân tộc của Lênin. Ở đó các dân tộc đều có quyền bình đẳng và quyền tự quyết về vận mệnh của dân tộc mình trên tinh thần hợp tác và xích lại gần nhau giữa các dân tộc.

Lênin phê phán mọi luận điểm sai lầm của những người đứng đầu Quốc tế II về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa, lên án mạnh mẽ tư tưởng sô vanh, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ích kỷ, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản là phải giúp đỡ thật sự phong trào cách mạng của các nước thuộc địa và phụ thuộc, về sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản các nước tư bản ở chính quốc với quần chúng nhân dân lao động của các nước thuộc địa để chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến.

Luận cương của Lênin đã chỉ cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Người nói: “*Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”*”.

*Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba*¹.

Nếu “*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*” năm 1848 với các Lời tựa của nó do Ăngghen viết cho các lần tái bản 1892 và 1893 khẳng định: Giải phóng dân tộc là điều kiện để đoàn kết quốc tế chống chủ nghĩa tư bản, đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, thì “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc có liên quan trực tiếp đến cách mạng Việt Nam và ảnh hưởng đến tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam. Những nguyên tắc đó là: Phải phân biệt rõ quyền lợi của các giai cấp; dân tộc bị áp bức, bóc lột với quyền lợi của những kẻ thống trị. Sự gắn kết giữa phong trào công nhân ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là điều tất yếu cần phải

¹ Bản thảo: “*Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (số kiểm kê: TP. 766) hiện lưu trong kho cơ sở Bảo tàng Hồ Chí Minh gồm 1 bản, được thảo làm 3 lần.

có trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Và cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc thuộc địa là một bộ phận của cuộc cách mạng vô sản ở chính quốc...

Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa đã ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình Người tìm đường cứu nước. Qua nghiên cứu Luận cương, Người đã hoàn toàn tin theo Lênin và Quốc tế Cộng sản, đồng thời khẳng định con đường duy nhất đúng của cách mạng Việt Nam là đi theo con đường cách mạng vô sản. Quyết tâm đi theo con đường của Lênin vĩ đại, Nguyễn Ái Quốc xin gia nhập Ủy ban Quốc tế III, do một số đồng chí trong Đảng Xã hội Pháp lập ra, nhằm tuyên truyền vận động gia nhập Quốc tế III.

1.2. Suru tập tài liệu, ảnh về Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua (Pháp), tháng 12 năm 1920:

Suru tập gồm ảnh, tài liệu về Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp tại thành phố Tua (Pháp), tháng 12 năm 1920, cũng được đồng chí Hồng Hà¹ suru tầm ở Pháp năm 1979 và đã bàn giao cho Ban phụ trách xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh (nay là Bảo tàng Hồ Chí Minh).

¹ Bản chụp lại bản sao bài báo, hiện trưng bày ở Tuốcnikét 3, Chủ đề II của Bảo tàng Hồ Chí Minh. Theo Báo cáo của đồng chí Hồng Hà gửi Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 5 tháng 5 năm 1979 và “*Chúng tôi làm phim về Bác Hồ ở nước ngoài*”, Hồng Hà: báo CAND.com, thứ 3, ngày 7-9-2010. Đồng chí Hồng Hà, nguyên Tổng biên tập Báo Nhân dân; Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương kể lại, đồng chí đã được đồng chí Tố Hữu, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương cử đi Pháp và một số nước Tây Âu để suru tầm tài liệu, làm bộ phim về hoạt động của Bác Hồ ở những nước này... Năm 1977, đồng chí Tố Hữu đã tiếp tục cử đồng chí Hồng Hà đi Liên Xô để suru tầm tư liệu và làm bộ phim về Bác Hồ ở Liên Xô. Cùng đi với đồng chí Hồng Hà có đạo diễn điện ảnh Bùi Đình Hạc và nhà quay phim Đỗ Duy Hùng. ... để suru tầm những tài liệu, giấy tờ, tác phẩm, hiện vật... của Bác Hồ thời gian ở Liên Xô, cũng như ở một số nước khác trước năm 1945...

- Ảnh: Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII, Đảng Xã hội Pháp tại Tua (12- 1920), (ký hiệu: ST. 563)¹.

- Ảnh: Các đại biểu dự Đại hội lần thứ XVIII, Đảng Xã hội Pháp tại Tua (12- 1920) (ký hiệu: ST. 564)².

- Thẻ Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc (Henri Tchen), 1922, 01 bản. Chụp lại bản sao của Ban NCLSDTU (ký hiệu: ST.26 - Q.4).

- Giấy chứng nhận là Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc, năm 1922; 01 bản. Chụp lại bản sao của Ban NCLSDTU (ký hiệu: ST.26 - Q.4).

- Trích: Biên bản Phát biểu của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp tại Paris (Pháp), 28-12- 1920. Biên bản tốc ký, tiếng Pháp, 1921, 5 bản; tr. 133-135. Chụp lại bản sao của Ban NCLSDTU (Số KK: ST.20a-e).

- Phát biểu của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp tại Paris (Pháp), 28-12- 1920 (Số KK: ST.2581-Q.3)³.

- Nghị quyết gia nhập Quốc tế thứ III của Đại hội Đảng Xã hội Pháp ở Tua (Tours), Pháp, 1920 (Số KK: ST.3879 - 3879a - Q.3).

Đây là sưu tập ảnh, tài liệu phản ánh chân thực, sinh động sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp ở Tua (Pháp), tháng 12-1920, một Đại hội có ý nghĩa lịch sử trọng đại trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, đã diễn ra cách đây hơn 90 năm ở Pháp. Bởi tại Đại hội này, Người đã có quyết định bước ngoặt trong lập trường, quan điểm cách mạng của mình. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đảng Xã hội Pháp đang diễn ra sự phân liệt trong việc lựa chọn cương lĩnh chính trị: Tiếp tục đi theo khuynh hướng của Quốc tế II, lúc này đã từ bỏ lập trường vô sản để theo đuôi giai

1,2 Những tài liệu này đều là bản chụp lại bản sao, hiện ở tủ trưng bày chính, Chủ đề II của Bảo tàng Hồ Chí Minh, gồm 02 bản chụp lại.

3 Bài phát biểu này của Nguyễn Ái Quốc được đăng trên báo Nhân đạo, cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội Pháp, ngày 27, 28 tháng 12-1920.

cấp tư sản, hoặc đi theo Quốc tế III, con đường mà Cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (họp từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920), tại thành phố Tua (Pháp), Người tham dự đại hội với tư cách là đại biểu chính thức và duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương.

Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương, kêu gọi giai cấp công nhân và những người cách mạng Pháp hãy ủng hộ sự nghiệp giải phóng của nhân dân Việt Nam và các dân tộc thuộc địa khác. Trong phiên họp buổi chiều ngày 26-12-1920, Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu tố cáo, lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, vì lợi ích của nó, đã dùng lưỡi lê chinh phục Đông Dương và trong suốt nửa thế kỷ, nhân dân Đông Dương không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm. Bằng những sự thật, Nguyễn Ái Quốc vạch rõ những sự tàn bạo mà bọn thực dân Pháp đã gây ra ở Đông Dương, và cho rằng: *“Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức”, rằng “Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa... đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa...”*¹. Cùng với những người cách mạng chân chính của nước Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế Cộng sản. Người trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, thuộc thế hệ lớp đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Đó là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và trong lịch sử cách mạng nước ta. Nếu như cuộc đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị Vécxây năm 1919 mới là phát pháo hiệu thức tỉnh nhân dân

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 23 -24.

ta trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp, thì việc Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 đã đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người: Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Lênin. 40 năm sau nhìn lại sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *"...Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa"*¹.

Như vậy, từ thực tế lao động, học tập, thâm nhập đời sống những người lao động, phân tích tình hình chính trị thế giới, tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn, đó là con đường cách mạng vô sản mà sau này Người đã đúc kết: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*².

2. Suu tập những đồ dùng của Bác Hồ ở ngôi nhà số 9, ngõ Công poanh, quận 17, thành phố Paris (Pháp)

Thời gian ở ngôi nhà số 9, ngõ Công poanh, quận 17, thành phố Paris (Pháp), cuộc sống hàng ngày của Người rất kham khổ: *"...Buồng anh chỉ đủ kê một cái giường sắt, một cái bàn con... Khi anh viết hoặc đọc sách thì anh đưa thau và bình nước xuống gầm giường... Mùa đông giá lạnh, không đủ chăn đắp, trước khi đi làm, anh đặt nhờ một viên gạch trên bếp bà chủ nhà; tối về, anh gói viên gạch vào một tờ báo, rồi đút vào giường cho đỡ rét"*³. Cuộc sống chỉ đơn giản thế thôi, không có gì khác. Sau này, đoàn

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 241.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 314.

³ *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2003, tr. 71-73. Và *Bác Hồ ở Pháp*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, tr. 148.

đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đến thăm căn phòng Chủ tịch Hồ Chí Minh từng ở và làm việc tại số 9, ngõ Công poanh, Paris. Với mong muốn giữ gìn, phát huy những kỷ vật quý giá này của Người, đồng chí Xuân Thủy đã giao cho Đại sứ quán nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp đưa về nước một chiếc tủ gỗ đựng quần áo và một chiếc tủ con, qua Văn phòng Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Ngày 9 tháng 10 năm 1974, Văn phòng Trung ương đã bàn giao cho Ban phụ trách xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh (nay là Bảo tàng Hồ Chí Minh), để lưu giữ, trưng bày¹.

2.1. Tủ đựng quần áo (Số kiểm kê: BTHCM.1248-DM.240):

Ông Trần Thi, một Việt kiều ở Pháp, là một trong số những nhân chứng về sự kiện cái tủ gỗ của Bác Hồ ở Paris. Ông kể lại, ông đã được Mácxen Casanh (M.Cachin) cho biết như sau: *“Có một thời gian ngắn, Nguyễn Ái Quốc đã ở trong khách sạn bình dân giá rẻ, tại quận 17, Paris. Khách sạn nhỏ này chỉ có một cầu thang. Lên hết cầu thang rẽ phải, là gặp ngay phòng Nguyễn Ái Quốc đã ở để làm báo. Trong phòng chỉ có một cái bàn gỗ, một cái ghế đầu hình vuông và góc nhà kê một cái tủ đứng bằng gỗ đã cũ kỹ. Tủ có hai buồng. Buồng tay phải để áo dài, buồng bên trái đựng đồ”*²... Tủ làm bằng nhiều loại gỗ: Khung tủ và khung cửa tủ làm bằng gỗ hồng sắc (muồng cánh dán). Hai hồi và hậu tủ làm bằng gỗ dán, ván ngăn tủ làm bằng gỗ thông. Tủ hình khối hộp chữ nhật. Có ba ngăn tủ và một ngăn kéo phía dưới cùng, có kích thước: 1,97m x 0,86m x 0,39m. Cánh cửa tủ ghép bằng 4 tấm gỗ,

¹ Theo đồng chí Trịnh Ngọc Thái, nguyên Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, nguyên Đại sứ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Pháp kể lại: Đầu năm 1968, đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sang Paris đàm phán do Bộ trưởng Xuân Thủy làm trưởng đoàn, đồng chí Lê Đức Thọ làm cố vấn đặc biệt. Đoàn đại biểu Chính phủ ta đã ở Paris từ tháng 5 năm 1968 đến tháng 3 năm 1973. Trong thời gian ở Pháp, đoàn đã đến thăm căn phòng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại số 9, ngõ Công poanh, Paris.

² Theo báo *Nhân dân*, hàng tháng, số 124, tháng 8 năm 2007, tr. 15.

tấm giữa vàng nhạt, hai tấm bên và một tấm dưới màu nâu đen. Phía trong cánh cửa có buộc hai sợi dây day ngang.

2.2. Tủ để đầu giường (Số kiểm kê: BTHCM.1249/DM.241)¹

Tủ gỗ đơn giản làm bằng gỗ thông, hình khối hộp chữ nhật. Tủ có hai ngăn kéo, dưới có 4 chân kiểu chân tiện và nối với nhau bằng then ngang chạm trổ, đánh vecni màu nâu cao khoảng 0,8m, rộng 0,35m, dày 0,35m.

Mặt tủ và đáy ngăn kéo dưới được làm bằng đá trắng. Chiếc tủ con này đã được Người vừa dùng làm bàn làm việc, bàn ăn...

2.3. Viên gạch sưởi²: Viên gạch trưng bày ở Bảo tàng Hồ Chí Minh là viên gạch được phục chế trên cơ sở viên gạch đồng thời, đồng loại do Tổng Lãnh sự Pháp ở Thành phố Hồ Chí Minh tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Do căn phòng rất thiếu thốn tiện nghi, không có phương tiện để sưởi ấm nên rất lạnh, nên cũng giống như những người nghèo ở Pháp, thời đó, Người đã chống rét bằng cách: “...Về mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn. Chiều đến, ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét.”³ Hình ảnh viên gạch hồng đã trở thành nguồn cảm hứng của các nhà thơ khi sang tác về Bác. Trong bài: “Theo chân Bác”, nhà thơ Tố Hữu đã viết:

“Muôn nỗi đời như ánh trắng đen
Bâng khuâng đêm lạnh, thức bên đèn
Một hòn gạch nóng nung tâm huyết
Máu bánh mì con nuôi chí bền”.

1,2 Hiện trưng bày trên đại. Chủ đề II của Bảo tàng Hồ Chí Minh.

3 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1969.

2.4. Mô hình nhà của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc tại số 9, ngõ Công poanh, quận 17, thành phố Paris, Pháp:

- Mô hình mô phỏng kiến trúc những ngôi nhà trong ngõ Công poanh (Số kiểm kê: BTHCM.945/N.46).

Mô hình mô phỏng kiến trúc những ngôi nhà trong ngõ Công poanh theo tỷ lệ 1/100, trong đó có mô phỏng riêng ngôi nhà số 9 nơi Hồ Chí Minh đã ở và làm việc với ba tầng, do Liên hiệp Việt kiều và Liên hiệp trí thức Việt Nam tại Pháp (ông Lâm Bá Châu làm trưởng đoàn) tặng ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong dịp về nước dự lễ Quốc khánh lần thứ 25, tháng 8 năm 1970. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chuyển giao Ban phụ trách xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 1 năm 1971.

Toàn bộ mô hình này đặt trong một khối hộp chữ nhật, làm bằng năm tấm mi ca trong suốt; kích thước: 60,5 x 50,5 x 25,5 cm. Đáy hộp bằng gỗ ở một góc có dán miếng giấy trắng đề chữ: “*Mô hình nhà của Chủ tịch Hồ Chí Minh số 9 phố Compoin Paris*” và tên những người xây dựng mô hình “*Võ Thành Nghĩa, Bửu Diễm, Trương Ngọc Châu, Trần Văn Lộc, Mai Thứ và Phạm Ngọc Tới...*”.

- Mô hình kiến trúc tách biệt ngôi nhà số 9 ngõ Công poanh. (Số kiểm kê: 946/N.47):

Ngoài mô hình trên, Liên hiệp Việt kiều và Liên hiệp trí thức Việt kiều còn làm một mô hình kiến trúc tách biệt ngôi nhà số 9 ngõ Công poanh, quận 17, thành phố Paris, Pháp, với tỷ lệ 1/25. Ngôi nhà gồm 3 tầng, màu trắng, mái dốc, chính giữa nhà có chỗ trống hình chữ nhật nhìn vào trong có thể thấy chiếc giường và tấm biển của ngôi nhà. Nhà gồm 16 cửa. Mô hình được đặt trong khối hộp chữ nhật làm bằng năm tấm mi ca trong suốt, kích thước: 60,5 x 50,5 x 50,5 cm. Phía dưới đáy có những đặc điểm giống mô hình trên.

Sưu tập những đồ dùng của Bác Hồ ở ngôi nhà số 9, ngõ Công poanh, quận 17, thành phố Paris (Pháp) là bộ sưu tập hết sức quý giá phản ánh cuộc sống sinh hoạt của Người. Tuy rất đơn sơ và giản dị, thiếu thốn đủ mọi thứ, không có chỗ để tắm giặt... khó khăn, khắc nghiệt như vậy, nhưng tâm trí, hoài bão của người thanh niên Nguyễn Ái Quốc không bao giờ nguôi nhiệt tình cách mạng, tình yêu quê hương, đất nước. Ngôi nhà lạnh lẽo cùng những vật dụng đơn sơ đã che chở, giúp ích cho một con người có trái tim ấm áp, cháy bỏng luôn nung nấu ý chí và lòng quyết tâm tìm đường cứu nước, giúp đồng bào mình thoát khỏi kiếp lầm than.

Những bộ sưu tập hiện vật về thời kỳ Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp (1917 - 1923) trên đây góp phần tái hiện lại một cách sinh động một trong những thời kỳ hoạt động cách mạng hăng say, sôi nổi của Người; thời kỳ mà Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc ta - con đường cách mạng vô sản; phản ánh quá trình Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc mình. Qua đó thể hiện trí tuệ, tài năng, ý chí và tinh thần bất khuất của người thanh niên Việt Nam yêu nước Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ... để mưu cầu đem lại: “*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi...*”¹.

¹ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1969, tr. 45.

MỘT CÁCH TIẾP CẬN HÀNH TRÌNH CỨU NƯỚC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH (1911-1923)

NGUYỄN THỊ THU HÀ*

Ngày 5-6-1911, từ bến cảng Sài Gòn, con tàu Amiran Latútso Torêvin của công ty vận tải Sácgiơ Rêuyni đã đưa Văn Ba - Nguyễn Tất Thành sang nước Pháp. Nhìn lại lịch sử dân tộc Việt Nam trong thế kỷ 20, chuyến đi của người thanh niên Nguyễn Tất Thành vào tháng 6-1911 không chỉ là chuyến đi mở đầu của hành trình cứu nước đầy gian nan của chính bản thân mình với hoài bão “Tôi muốn xuất dương đi thăm nước Pháp và các nước khác. Sau khi đã xem xét các nước ấy, tôi sẽ trở về nước nhà để giúp đồng bào”¹, mà đó còn là thời điểm bắt đầu hình thành một con đường “dấn thân” khác biệt. Không ảo vọng ở đồng chủng đồng văn, không mong chờ giành độc lập theo kiểu bắt tay “dề huề” với kẻ thù dân tộc, Nguyễn Tất Thành đã quyết định chọn cách đi khác so với những người đi trước và đi cùng anh, cho dù tất cả đều cùng một ý chí, một quyết tâm đấu tranh để “giải phóng đồng bào mình”, song chỉ có mình Nguyễn Tất Thành chọn cách: độc lập kiếm sống bằng những việc làm phổ thông, cực nhọc để tự tồn tại và dành toàn bộ tâm lực làm cách mạng. Cùng một mục tiêu song con đường và cách đi mỗi người mỗi khác, để kết quả cuối cùng thuộc về người thanh niên sinh ra trong một gia đình nhà nho

* Bảo tàng Hồ Chí Minh.

1 Trần Ngọc Danh, *Tiểu sử Hồ Chí Minh*, Chi hội Liên Việt tại Pháp xuất bản năm 1949, tr. 15.

ở huyện Nam Đàn, Nghệ An. Vào thời điểm Tất Thành ra đi anh hoàn toàn có quyền chọn một cuộc sống nhàn nhã an bình ở quê nhà vì được “Sinh ra trong một gia đình nhà nho An Nam. Những gia đình như thế ở nước chúng tôi không phải làm việc gì”¹. Cùng khát vọng, cùng chí hướng với Nguyễn Tất Thành, hàng ngàn người Việt Nam yêu nước, chống xâm lược đã tới Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản... để gây dựng và phát triển phong trào đấu tranh giành độc lập, song cuối cùng dù ở chân trời góc bể nào tất cả đều hội tụ dưới ngọn cờ giải phóng với ý chí “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” của Người.

Công việc Văn Ba - Tất Thành làm lúc trên tàu là phụ bếp, là thủy thủ “ai cũng thấy cậu ta đem hết cả trí óc và sức lực để làm việc mà làm một cách ngượng nghịu vì không quen làm bao giờ”², rồi sau đó trong từng chặng trên hành trình đến trên hai chục quốc gia khác nhau, trong đó có nhiều nơi là tâm điểm của nền văn minh nhân loại, các cường quốc có nhiều ảnh hưởng như Pháp, Anh, Mỹ... nhưng cũng nhiều nơi người lao động vẫn sống trong cảnh nô lệ bần hàn, cái ác vẫn hoành hành. Là người có nhiều năm theo học tại những trường nổi danh trong xứ, biết sử dụng nhiều ngoại ngữ khác nhau, song ở đâu Nguyễn Tất Thành cũng tự chọn cho mình làm những nghề lao động chân tay để kiếm tiền cho đủ vô cùng nặng nhọc. Sau giờ làm việc, anh dành toàn bộ thời gian còn lại cho việc học tiếng bản địa, đọc sách, quan sát và tham gia những hoạt động nhằm tự khơi thông, mở mang nâng cao tầm hiểu biết, tích lũy kinh nghiệm sống để đấu tranh với kẻ thù bạo tàn xâm lược. Cho đến nay, qua những nguồn tư liệu đã được khảo sát, chúng ta chưa tìm thấy tài liệu nào ghi rằng Văn Ba - Tất Thành đã nhận nguồn hỗ trợ hay giúp đỡ bạc tiền hay tham gia một tổ chức kinh tế chính trị, liên kết với một cá nhân cụ thể nào trước khi có sự kiện Nguyễn Ái Quốc đưa Bản yêu sách 8 điểm của nhân dân Việt Nam tới hội nghị Véc Sai ngày 19-6-1919. Điều

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1 (1919 - 1924), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 447.

2 Trần Ngọc Danh, sách đã dẫn, tr. 16.

đó góp phần lý giải việc tại sao chỉ một thời gian ngắn trở lại Pháp, ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, Nguyễn Ái Quốc lập tức trở thành một trong những người đi đầu công khai và đầy bản lĩnh trong tổ chức và duy trì cuộc đấu tranh đòi quyền tự do, độc lập cho đồng bào mình ngay tại đất nước của đội quân đang xâm lược tổ quốc mình.

Cho đến nay, chẳng đường ba mươi năm liên tục hoạt động ở nước ngoài mà dấu chân “Người đi tìm hình của nước” Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đi từ Á đến Âu, rồi sang châu Phi, tới châu Mỹ... với chiều dài không thể tính được, song tất cả đều bắt nguồn từ những những bước chân đầu tiên của Người ngày 5-6-1911, khi rời quê hương để tìm con đường mới cho tương lai của dân tộc. Với hành trang là hai bàn tay lao động và tài sản duy nhất lúc đó là lòng yêu nước, là khát vọng, là ý chí mong muốn đồng bào mình được tự do, tổ quốc mình có độc lập được bắt đầu từ Cảng Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh hôm nay. Tròn nửa thế kỷ sau “dấu ấn 5-6-1911” đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết “việc làm trọng yếu” của mình trong ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài là “đến Pháp để học chống đế quốc, đến Trung Quốc để học chống phong kiến, đến Nga để học xây dựng Đảng”¹. Những lý luận cách mạng được coi là những cảm nang mang tính nguyên tắc đã được tiếp thu từ chính nơi ngọn nguồn trong sáng và tinh khôi nhất, được vận dụng và tổ chức khéo léo, khoa học phù hợp với điều kiện và tính chất của công cuộc giải phóng dân tộc đã trở thành nền tảng động lực, chất xúc tác to lớn từ mục tiêu “ra đi rồi trở về giúp đồng bào” với tinh thần cách mạng triệt để, với ý chí quyết tâm cao, bằng tài năng và sự nhạy cảm của một lãnh tụ cách mạng trong cách tiếp cận, phát động và xử lý vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc như một trong những động lực giữ vai trò trọng yếu nhất đã giúp Người tìm đúng, chọn đúng con đường

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, sách đã dẫn.

duy nhất đúng để đi đến đích của một cuộc khởi nghĩa, huy động được sức mạnh của toàn dân vào mùa thu năm 1945.

Một hành trình dài tới ba mươi năm, để rồi chỉ 4 mùa xuân khi Người trở về Tổ quốc, bằng thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - Người mà lịch sử lựa chọn đã trở thành người kiến tạo thành công nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một chính thể dân chủ công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Trên hành trình khởi đầu của sự lựa chọn “tự thân” này bằng niềm tin và quyết tâm, Nguyễn Tất Thành đã đi đến cùng cuộc đấu tranh không khoan nhượng với một kẻ thù xâm lược khác xa những triều đại phong kiến xâm lược hàng ngàn năm trước đó, một đội quân xâm lược đến từ một quốc gia cách xa Việt Nam hàng vạn cây số có nền văn minh với thành tựu từ mấy trăm năm của cuộc cách mạng công nghiệp, có hàng thế kỷ mang danh là nước cộng hòa với tiêu chí “tự do - bình đẳng - bác ái” làm mê hoặc lòng người; một nước Pháp tự coi mình “mẫu quốc” vốn được liệt vào hàng “đế chế” thuộc địa chỉ đứng thứ hai sau nước Anh đã đi ăn cướp để tự cho mình quyền sở hữu trên 12 triệu km² thuộc địa¹ trên nhiều châu lục khác nhau. Với tâm địa thực dân, họ đã không từ một thủ đoạn nào nhằm đặt ách cai trị lên một dân tộc đã có truyền thống lịch sử nhiều ngàn năm, cùng với nền văn hiến đã có từ lâu đời. Họ đã xóa tên gọi Việt Nam và trùm lên cả 5 xứ trong khu vực với tên gọi mới “Xứ Đông Dương thuộc Pháp”, bắt những người dân nơi đây, ngay cả những đứa bé khi từ khi mới đến trường đã bị buộc phải quên đi nguồn gốc “Lạc Hồng” của tổ tiên mình. Chính chặng đường đầu tiên ấy, cùng với sự dân thân khác lạ ấy, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã thể hiện sự lựa chọn con đường đi và chí hướng khác biệt rất nhiều so với những trào lưu của bao lớp cha anh đi trước cho dù tất cả đều là những nỗi trăn trở lớn của các phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du... nhưng rồi thế hệ nối tiếp thế hệ, truyền thống

¹ Diện tích thuộc địa của Pháp cao nhất đạt đến trong những năm từ 1919 đến 1939 là 12.347.000km²

yêu nước, tinh thần dũng cảm của muôn người dân ta lúc đó vẫn chưa đủ trí và lực dẫn dắt dân tộc thoát ra khỏi cảnh ngộ “Cha ông xưa từng đắm nát tay trước cửa cuộc đời/ Cửa vẫn đóng và đời im im khóa”¹. Nói như vậy để hôm nay chúng ta nhớ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ với tầm vóc là lãnh tụ của cách mạng Việt Nam, người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất đã được tổ chức UNESCO công nhận và tôn vinh, mà còn là sự ghi nhận một nhân vật với những cống hiến của mình đã trở thành ngọn cờ đầu phong trào giải phóng dân tộc, một CON NGƯỜI được viết hoa đã góp phần vẽ lại bản đồ chính trị thế giới trong thế kỷ XX để dẫn dắt cả dân tộc mình vươn tới và đạt được những giá trị mang tầm vóc nhân loại.

Đã tròn một thế kỷ trôi qua, song ngày ra đi và sự lý giải cách lựa chọn ấy sẽ tiếp tục là tiền đề đặt ra những câu hỏi tiếp cho nhiều thế hệ mai sau đi tìm thông tin để có lời giải đầy đủ hơn. Song một điều có thể khẳng định chắc chắn rằng ngày 5-6-1911 đã trở thành khởi nguyên của sự dần thân đầy sức trẻ của một con người, một cuộc đời, một sự nghiệp mà từ đó cả dân tộc chúng ta để lại sau lưng mình tên gọi là một phần của xứ Đông Dương và buộc tất cả những kẻ xâm lược phải trả lại cho tên gọi Việt Nam truyền thống tự hào, và mở ra một thời đại mới: thời đại Hồ Chí Minh lịch sử với mục tiêu vì độc lập tự do và Chủ nghĩa xã hội, vì cuộc sống hạnh phúc của muôn người.

Quãng thời gian sống và hoạt động ở Pháp từ 1917 đến 1923 của Nguyễn Ái Quốc đã có nhiều nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế giành sự quan tâm đặc biệt, nhiều công trình nghiên cứu đã được xuất bản, hơn thế nhiều ngàn trang tài liệu được tập hợp từ rất nhiều cơ quan trong chính quyền Pháp theo dõi và lưu giữ tại các trung tâm lưu trữ ở Pháp và nhiều quốc gia trên thế giới mà chúng ta chưa đủ điều kiện vươn tới để sưu tầm, song với những cảm nhận thông qua khối tài liệu mới sưu tầm từ các trung tâm lưu

¹ Chế Lan Viên, *Tô quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*

trữ của Pháp đã giúp chúng ta phần nào có thể tìm ra cách tiếp cận với độ lùi thời gian cần thiết để từ đó phát hiện thêm những khác lạ trong hành trình tìm đường cứu nước của Người. Song trước khi trở thành Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam đầu tiên trong lịch sử dám tố cáo tội ác và sự bất nhân của thực dân Pháp ngay giữa Paris, Nguyễn Tất Thành đã trải qua những ngày tháng lao động cực nhọc và bấp bênh ở Anh, ở Mỹ. Ngay khi cuộc chiến tranh thế giới nổ ra, được biết “Hoàng tử, vương tước xứ Galles, tổ chức quyền tiền giúp thương binh. Anh ấy (tức Văn Ba - Nguyễn Tất Thành) bảo tôi¹ theo anh ấy tình nguyện ra đi lính cho nước Anh cát lợi. Anh ấy nói: Chúng ta phải chiến đấu cho sự tự do của các dân tộc, thế cũng là chiến đấu cho dân tộc ta. Ba đi một mình đến Sở mộ quân. Nhưng anh không được tuyển. Viên võ quan coi bàn giấy nói anh ta không có đủ điều kiện để đi lính, Ba có vẻ buồn lắm...Sau anh ta đem sổ tiết kiệm cúng vào quỹ lạc quyền của Hoàng tử. Trong sổ tiết kiệm Ba có được đâu vài chục đồng tiền vàng (livres sterling) vì anh tiết kiệm lắm. Ngoài tiền mượn sách ở thư viện thành phố, tiền xem chiếu ảnh² mỗi tuần một lần, anh không tiêu pha gì hết. Anh không uống rượu, không đánh bạc. Anh cũng không có nhân ngãi”³.

Nói về cuộc sống trong những ngày ở Pháp, khó ai có thể tưởng tượng được rằng Nguyễn Tất Thành đã từng phải trải qua tình cảnh “Khi ở Paris, ông sống rất kham khổ, không chết đói là may. Ông ở một căn phòng, trong một nhà ngủ rẻ tiền, giữa một phố lao động”⁴, ngoài nửa ngày lao động kiếm sống, Nguyễn Ái Quốc giành “thời gian đi thư viện, đi tới dự các cuộc diễn thuyết có tính giáo dục. Trong các cuộc họp bình dân ấy ở Paris, người ta bàn cãi về hết mọi vấn đề: thiên văn, chính trị, văn chương..., có đủ mọi hạng người: nhà thông thái, cự thư thượng thư, nghị sỹ.

¹ Người kể chuyện trong sách Tiểu sử Hồ Chủ tịch.

² Chiếu phim.

³ Trần Ngọc Danh, sách đã dẫn, tr. 28.

⁴ Trần Ngọc Danh, sách đã dẫn, tr. 37.

thợ thuyền, nhà buôn, người già, người trẻ. Không khí thân thiện và bình dân. Đến đây học được rất nhiều lại được dịp biết người. Thật là bổ ích”¹.

Sáu năm ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã đi nhiều nước ở châu Âu, vì Người là thành viên hội Du lịch (Société des excursion), là một hội tổ chức cho người ta đi thăm nước Pháp và các nước lân cận, rất rẻ tiền. Nguyễn đã đến nhiều nơi nổi tiếng trong nước Pháp và đến nhiều nước khác nhau trong khu vực. Ông nói Tòa Thánh thật “hùng vĩ.” Nhà thờ Thánh Pierre xây dựng đẹp đẽ, khéo léo lạ lùng, bảo tàng viện của Tòa Thánh là cuốn sử ký sống của tôn giáo song không quên nhắc đến việc trưng bày “Bánh xe đời Trung cổ” xa xưa tại đây, đó là đồ vật gợi nhớ “hình ảnh người dân quê không nộp được thuế cho giáo hội người ta bắt nằm trên bánh xe, tay chân bị trói chặt rồi có người vừa quay bánh xe vừa cầm roi đánh”. Ở thành La Mã, Nguyễn Ái Quốc đã nhận xét “rất đẹp” song lại chỉ ra một thực tế có rất “nhiều mặt thám” ăn mặc giả thường dân trà trộn vào với dáng điệu “mắt nhìn lăm lét, điệu bộ cừ khôi”. Thăm nước Ý, Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy người Ý sống từ tốn, tiếng hát của các tài tử Ý rất hay, nghe vang như tiếng chuông nhưng vẫn còn đó cuộc sống của những người “thượng lưu sống lờ lợc, om sòm” trong khi đa phần dân chúng phải sống lam lũ. Thành phố Bá Linh của Đức thì lớn và đẹp, nhà cửa đều sạch sẽ, các công sở của người Đức tổ chức rất khéo, người dân Đức chăm làm, nhã nhặn đáng yêu và tổ chức làm việc có phương pháp nhưng lại có “những thói quái lạ”. Những nhận xét trên của Nguyễn Ái Quốc phần nào giúp chúng ta hiểu thêm cách tiếp cận và phương pháp tư duy của Người về những vấn đề cơ bản của trong một xã hội có giai cấp, có người giàu, kẻ nghèo, có bóc lột và bị bóc lột để từ đó tìm ra những cách thức và mục tiêu phù hợp cho công cuộc giải phóng dân tộc của mình. Cũng trong hành trình ấy, có một quốc gia Nguyễn Ái Quốc có cảm tình đặc biệt. Đó là

¹ Trần Ngọc Danh, sách đã dẫn, tr. 38.

Thụy Sĩ có nhà nước “được tổ chức theo chính thể dân chủ, lãnh thổ chỉ có 41.000 cây số vuông, dân cư ít không đầy 4 triệu người” mà bảo vệ nổi nền độc lập không chịu để các nước láng giềng thôn tính”, “là nước đáng yêu hơn hết, các thành phố rất sạch sẽ, phong cảnh nên thơ. Người nào cũng nhã nhặn và biết nhiều thứ tiếng... Dâu dâu cũng có núi, hồ, thung lũng... thật là một nguồn thơ vô tận”¹. Bằng sự trải nghiệm cá nhân tinh tế, Nguyễn Ái Quốc suy nghĩ: “Dân Việt Nam đông hơn Thụy Sĩ năm lần, lãnh thổ nước ta cũng rộng hơn tới năm lần... Nước ta từ Nam chí Bắc cùng chung một giống nòi, cùng nói một thứ tiếng. Tại sao ta không thể làm cho nước ta thành một nước độc lập?”².

Cho đến nay, tiếp cận từ thực tế, có những người quan tâm và đặt ra một câu hỏi: Tại sao trong suốt 6 năm ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc, một người được cho rằng đã “dùng toàn bộ thời gian để nghiên cứu, đọc các sách Pháp, nước ngoài để có thể phát biểu thoải mái trong việc bảo vệ lợi ích của Đông Dương”³, một người đã từng trong một năm bị cấp có thẩm quyền cao nhất quản lý người nhập cư thẩm vấn tới hai lần, nhất nhất mọi hành động đều bị theo dõi, và hơn thế đó cũng là người Việt Nam đầu tiên và duy nhất lúc đó dám công khai đòi quyền tự quyết cho dân tộc mình mà chính quyền thực dân cho dù đã tìm mọi cách dọa nạt, vu cáo, thậm chí có lúc bị thu căn cước song vẫn không thể tìm nổi cơ gì để bắt và tổng giam anh như đã làm với Cụ Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường? Cụ Phan Văn Trường như chúng ta đã biết, Cụ không chỉ giỏi tiếng Pháp, vào “làng Tây” mà còn là luật sư thành viên của đoàn bồi thẩm Paris. Cũng như vậy, bằng sự sắc sảo trong tư duy, nhạy cảm trong xử lý với những gian kế của kẻ thù, Nguyễn Ái Quốc đã không chỉ công khai đưa bản yêu sách 8 điểm đòi quyền tự quyết cho dân tộc Việt Nam mà còn công khai tố cáo bằng những lời lẽ sắc sảo trên những trang báo về những

1 Sách đã dẫn, tr. 40.

2 Sách đã dẫn, tr. 43.

3 Tài liệu SPCE: 364, Lưu trữ Quốc gia Pháp tại Ai-en Provence.

nhân vật quan trọng của chính quyền thực dân Pháp ở chính quốc cũng như ở thuộc địa trong đó có Outorây, hạ nghị sỹ đại diện cho Nam Kỳ tại Quốc hội Pháp trong việc vị nghị sỹ này đã vu khống anh ngay tại diễn đàn Quốc hội khi tranh luận với Long ghê, hạ nghị sỹ Đảng Xã hội, chủ bút báo Dân chúng một tờ báo bênh vực các nước thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc luôn thân thiện và có bài đăng. Với những thông tin đã có, ta chỉ có thể tự trả lời cho mình một điều: Nguyễn Ái Quốc là người tôn trọng luật pháp của nước sở tại và anh luôn tỉnh táo để đối phó với những điều bất lợi luôn rình rập để tự bảo vệ mình và luôn kiên trì, khôn khéo để có thể đi tiếp đến cùng mục đích mình đã chọn, chứ không chịu cảnh “lỡ dở” như nhiều người cùng chí hướng với anh trong công cuộc giải phóng dân tộc.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1917 - 1923

ThS. PHẠM HOÀNG DIỆP*

Trong hành trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nước Pháp là nơi Người sống và hoạt động trong thời gian khá dài. Lần đầu Người đặt chân lên đất Pháp vào ngày 6 tháng 7 năm 1911, khi tàu Latouche Trevillé cập cảng Mácxây. Tháng 10 năm đó, sau khi bị từ chối vào học trường Thuộc địa, Nguyễn Tất Thành tiếp tục theo tàu của hãng Charge Réuni đi qua các nước ở châu Phi và châu Mỹ. Khoảng giữa năm 1913, Người sang nước Anh. Sau hơn bốn năm ở Anh, cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Luân Đôn trở lại Paris. Lúc này đại chiến Thế giới lần thứ nhất chưa kết thúc, nước Pháp bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh. Nền kinh tế nước Pháp bị sa sút nghiêm trọng, đời sống nhân dân Pháp, nhất là nhân dân lao động vô cùng khó khăn. Tình hình chính trị - xã hội nước Pháp và nhiều nước trên thế giới đang có những diễn biến phức tạp. Mâu thuẫn giữa nhân dân các nước thuộc địa với chính quốc ngày càng sâu sắc trong khi những người dân của các nước thuộc địa sống trên đất Pháp xích lại gần nhau hơn. Thêm vào đó, thành công của Cách mạng tháng Mười đã có ảnh hưởng không nhỏ đến thái độ chính trị của nhiều đảng viên Đảng Xã hội Pháp. Trong số đó có những người sau này đã

* Khu Di tích Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

trở thành những người bạn, người đồng chí thân thiết của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

Khi mới đến Paris, Nguyễn Tất Thành trọ trong một căn phòng nhỏ ở phố Charonne. Sau đó Anh được thu xếp đến ở nhà một đồng chí người Tuynidi ở quận 13. Giữa năm 1919, sau khi có thẻ lao động hợp pháp, Anh đến ở số 10 Stockholm thời gian ngắn rồi lại chuyển đến số 56 phố Monsieur le Prince. Tháng 7 năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến ở tại nhà của luật sư Phan Văn Trường, số 6 Villa de Gaublin. Tháng 7 năm 1921, Anh rời đến số 9 ngõ Compoint và ở đây đến tháng 3 năm 1923 thì chuyển sang trụ sở Hội Liên hiệp thuộc địa, số 6 Marché de Patriarches.

Thời gian đầu Nguyễn Tất Thành phải nhờ sự giúp đỡ của nhà buôn Khánh Ký và Phan Châu Trinh. Thời gian sau, để có tiền chi phí cho việc sinh hoạt và học hành, Nguyễn Tất Thành học làm nghề rửa ảnh. Lúc này môi trường hoạt động đòi hỏi phải thành thạo tiếng Pháp nên anh Nguyễn rất chịu khó học để nâng cao trình độ tiếng Pháp của mình. Ngoài giờ làm việc Anh thường xuyên đến thư viện Quốc gia và thư viện Sainte Geneviève để đọc sách. Anh đọc rất nhiều sách báo để hiểu xã hội Pháp và tình hình thế giới. Với sự nỗ lực học tập của bản thân, lại được tiếp xúc với các nhà trí thức lớn như Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường, Nguyễn Tất Thành trưởng thành nhanh về nhận thức chính trị. Theo nhận xét của Jean Lacouture, nhà văn, nhà hoạt động chính trị người Pháp thì lần trở lại Pháp này “Anh (Nguyễn Tất Thành) đã khám phá ra một nước Pháp khác hẳn với nước Pháp đang xâm chiếm quê hương Anh. Đây là một quốc gia đang chiến đấu, đang bị đe dọa và có rất nhiều chiều hướng cách mạng sâu sắc, một dân tộc kiêu hãnh và từng khổ đau, có nhiều nét giống nhân dân Việt Nam”¹.

Ngoài việc đọc sách, Nguyễn Tất Thành còn quan tâm tìm hiểu trên thực tế tình hình chính trị - xã hội Pháp, tìm cách tiếp xúc

¹ Thu Trang, *Nguyễn Ái Quốc tại Paris*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1989, tr. 30.

với những người Việt Nam có tinh thần yêu nước, từng bước tham gia vào phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động Pháp. Tại thời điểm đó số người Việt Nam ở Pháp lên tới hàng vạn nhưng phần lớn là binh lính và công nhân quốc phòng mới sang Pháp trong những năm chiến tranh nên chưa được tổ chức lại.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia vào Đảng Xã hội Pháp vì anh nhận thấy đây là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng của Đại cách mạng Pháp: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”. Trong Đảng Xã hội Pháp lúc này có nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau. Một số đảng viên theo xu hướng ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thuộc địa, phản đối chính sách tàn bạo của Chính phủ Pháp.

Tháng 6 năm 1919, nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pháp, đại diện là Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Tất Thành đã gửi tới Hội nghị các nước đế quốc thắng trận họp tại Versailles, *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* gồm tám điểm, ký tên Nguyễn Ái Quốc. Bản yêu sách được gửi đi nhằm mục đích: yêu cầu Hội nghị xem xét các nguyện vọng chính đáng của nhân dân ta, đồng thời tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh của nhân dân An Nam nói riêng và nhân dân thuộc địa nói chung. Ngay sau đó Bản yêu sách đã được báo *L'Humanité* (Nhân đạo), *Le Populaire* (Dân chúng) đăng toàn văn. Nguyễn Tất Thành còn tự tay viết bản yêu sách bằng chữ quốc ngữ (*Việt Nam yêu cầu ca*) và bằng chữ Hán (*An Nam nhân dân thỉnh nguyện thư*), in thành truyền đơn phân phát trong các cuộc hội họp, mít tinh và các buổi sinh hoạt câu lạc bộ. Mặc dù Bản yêu sách không được hồi âm nhưng nó có tác động mạnh mẽ đến nhiều người Việt Nam. Từ đây Nguyễn Tất Thành với tên mới Nguyễn Ái Quốc đã trở thành linh hồn của những người Việt Nam tại Pháp. Paul Arnoux- mật thám chuyên theo dõi người Việt Nam sống ở Paris, khi gặp Nguyễn Ái Quốc đã thốt lên: “Con người thanh niên mạnh mẽ và đầy sức sống này có thể là người đặt cây chữ thập cáo chung lên nền thống trị

của chúng ta ở Đông Dương”¹. Đối với Nguyễn Ái Quốc, từ việc Bản yêu sách không được Hội nghị quan tâm như mong muốn, anh đã rút ra kết luận hết sức quan trọng: “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”².

Những năm 1917, 1918, Nguyễn Tất Thành vẫn giữ được bí mật vì Bộ Thuộc địa và tai mắt của họ chưa nắm được những gì cụ thể về hoạt động chống thực dân Pháp của Anh. Từ tháng 6 năm 1919, khi tên Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên bản Yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới hội nghị Versailles và trên các trang báo Pháp đòi hỏi sửa đổi chính sách thực dân thì chính quyền thực dân bắt đầu chú ý đến Anh. Từ đó Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền thực dân theo dõi rất gắt gao, bọn mật thám luôn theo sát Anh từng bước. Trong số những mật thám theo dõi Nguyễn Ái Quốc, có một tên tay sai người Việt Nam thường xuyên gửi các mật báo ký tên Jean về Văn phòng Bộ Thuộc địa. Một mật báo đề ngày 10-12-1919, đã viết: “Những ghi chú của Jean về Nguyễn Ái Quốc. Đó là một nhà trí thức, nhưng nói năng có vẻ khô khan, biết viết và nói khá tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, đọc và nói được chút ít tiếng Ý. Ông ta có những xét đoán nhạy bén về nhiều sự việc. Ông ta dành cả ngày để học hỏi, đọc tất cả những sách bằng tiếng Pháp hay tiếng nước ngoài đã đề cập đến Đông Dương. Mục đích duy nhất mà ông ta muốn ở lại Pháp là để có thể bênh vực quyền lợi của Đông Dương một cách tự do...”³.

Mặc dù ở vào hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm như vậy nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn tìm mọi cơ hội để thông tin rộng rãi về vấn đề thuộc địa ở Đông Dương để dư luận Pháp và thế giới biết rằng: nhân dân Đông Dương đang sống lầm than tủi nhục bởi những chính sách thực dân vô cùng tàn bạo. Đồng thời kêu gọi nhân dân tiên bộ Pháp và thế giới đồng tình, ủng hộ cuộc đấu tranh vì

1 Hồng Hà, *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 81.

2 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, tr. 30.

3 Thu Trang, *Nguyễn Ái Quốc tại Paris*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1989, tr. 78.

tự do và công lý của nhân dân Việt Nam. Từ thực tiễn đấu tranh, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy sức mạnh của báo chí. Anh đã học cách viết bài đăng trên một số tờ báo *La Vie Ouvrière* (Đời sống thợ thuyền), *L'Humanité*, *Le Populaire*... để tố cáo tội ác của bọn thực dân. Lúc đầu là những mẩu tin ngắn rồi đến những bài báo dài. Khi đã hiểu biết sâu sắc tình hình thực tế, nhận thức chính trị đã nâng lên rõ rệt, nắm bắt được xu hướng của thời đại, Nguyễn Ái Quốc không dừng lại ở việc viết bài gửi đăng báo. Anh cho rằng cần phải viết nhiều hơn, rõ ràng hơn với đầy đủ chứng cứ, với những sự kiện có thật đã xảy ra tại Đông Dương mới đủ sức thuyết phục dư luận Pháp và thế giới. Được một số đồng chí Pháp rất am hiểu về vấn đề thuộc địa khuyến khích, nâng đỡ, tháng 5 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành bản thảo cuốn sách với nhan đề *Les opprimés* (Những người bị áp bức). Đây được coi là cuốn sách đầu tiên mà Nguyễn Ái Quốc viết tại Pháp. Nội dung cuốn sách nói về tình trạng Đông Dương trước khi Pháp chiếm đóng, về những gì người Pháp đã đem lại cho Đông Dương, về tình trạng Đông Dương hiện tại và trong tương lai. Đáng tiếc cuốn sách đã không được xuất bản vì bản thảo đã bị đánh cắp. Nhưng qua những nỗ lực trong việc cho ra đời cuốn sách đã chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc đã bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, tìm mọi cách để hướng sự chú ý của dư luận Pháp cũng như dư luận thế giới về vấn đề Đông Dương nói chung cũng như An Nam nói riêng.

Trong những năm 1917 - 1923, Nguyễn Ái Quốc đã viết gần 70 bài báo tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân, lên án những chính sách bóc lột và đàn áp dã man nhân dân thuộc địa được núp dưới danh nghĩa "khai hóa văn minh" của chúng. Trong nhiều bài báo Người công khai tố cáo tội ác của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Albert Saraut. Có lần tên trùm thực dân này đã "mời" Người đến để vừa đe dọa vừa dụ dỗ, nhưng trước bản lĩnh phi thường của Nguyễn Ái Quốc mọi thủ đoạn của hắn đều thất bại.

Các bài báo của Nguyễn Ái Quốc còn kêu gọi các Đảng Cộng sản ở chính quốc giúp đỡ các phong trào đấu tranh giải phóng thuộc địa. Bởi lẽ Người nhận thấy: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến”¹. Bằng sự nhạy bén chính trị, Nguyễn Ái Quốc sớm nhìn thấy triển vọng cách mạng của các nước thuộc địa. Người đó dự báo: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột dè tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”².

Tháng 7 năm 1920, có một sự kiện đánh dấu mốc quan trọng trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc, đó là Người đã đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở trong đó lời giải đáp cho những vấn đề mà Người luôn trăn trở từ nhiều năm trước. Luận cương viết: “Phải phân biệt thật rõ rệt những dân tộc bị áp bức, phụ thuộc không được hưởng quyền bình đẳng với những dân tộc đi áp bức bóc lột được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi để đập lại sự lừa dối kiểu dân chủ tư sản đang che dấu việc tuyệt đại đa số nhân dân trên trái đất bị một thiểu số nhỏ bé những nước tư bản tiên tiến rất mực giàu có nô dịch về mặt thuộc địa và tài chính.... Chính sách của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa là làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản; Các phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa phải gắn chặt với cuộc đấu tranh và chiến thắng của

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 27-28.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 36.

chính quyền Xô viết đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới¹. Sau khi nghiên cứu kỹ Luận cương Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: *Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*. Từ đây Người hoàn toàn đặt niềm tin vào Lênin và Quốc tế III.

Tháng 12 năm 1920, với danh nghĩa là đại biểu Đảng bộ Bắc kỳ và là người bản xứ duy nhất, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp tổ chức tại thành phố Tour (thuộc Tây Bắc nước Pháp). Phát biểu tại Đại hội, Người nói: "...với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên Đảng Xã hội, để phản ánh những tội ác ghê tởm trên quê hương tôi....Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên Đảng Xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí hãy cứu chúng tôi"². Cuối cùng, Người bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, chính thức đặt vận mệnh giải phóng dân tộc của mình theo đường lối chính trị và tổ chức của Quốc tế III, theo con đường cách mạng vô sản. Từ đây Nguyễn Ái Quốc "đã tìm thấy chân lý của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiên bộ trở thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa"³.

Sau khi gia nhập Quốc tế III, Nguyễn Ái Quốc mong muốn đưa đường lối của Lênin về vấn đề cách mạng và thuộc địa vào hiện thực. Trên thực tế, vấn đề cách mạng thuộc địa hầu như chưa được các đảng viên Đảng Cộng sản Pháp quan tâm nhiều, thậm chí họ còn rất thờ ơ, Nguyễn Ái Quốc muốn thay đổi *tình trạng đau buồn* này. Am hiểu sâu sắc tình hình thực tế ở thuộc địa, với một khả năng tư duy khoa học và biện chứng, Nguyễn Ái Quốc đã phát triển luận điểm của Lênin về vai trò của cách mạng thuộc địa. Theo Lênin, cách mạng thuộc địa phải phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc chỉ có

1 Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 74.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 23-24.

3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 241.

thể thắng lợi khi cách mạng vô sản chính quốc thắng lợi. Nhưng Nguyễn Ái Quốc lại thấy cách mạng vô sản như *con chim đại bàng*, một cánh võ ở chính quốc, một cánh võ ở thuộc địa. Muốn cách mạng vô sản thành công thì cùng một lúc phải tiến hành hai cuộc cách mạng: cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Hai cuộc cách mạng này sẽ hỗ trợ, thúc đẩy nhau đi tới thành công. Người cho rằng, cách mạng thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà nó có thể giành thắng lợi trước, từ đó nó góp phần vào thắng lợi cách mạng vô sản ở phương Tây. Với kinh nghiệm qua nhiều năm tìm hiểu thực tiễn phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa, kết hợp với những nghiên cứu về chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc nhận định: chủ nghĩa tư bản đến giai đoạn độc quyền tồn tại chủ yếu dựa vào sự bóc lột nhân dân các nước thuộc địa. Vì vậy, muốn đánh bại các nước đế quốc chủ nghĩa thì phải chặt đứt được nguồn nuôi sống nó, đó chính là hệ thống thuộc địa của chúng.

Nhằm thắt chặt mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, tháng 6 năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số đồng chí đại biểu các thuộc địa của Pháp sống ở Paris đã họp bàn về việc thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* - mặt trận của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân Pháp thống trị, liên minh với giai cấp vô sản chính quốc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. “Đây là hiện tượng có một không hai trong lịch sử: một liên minh chống thực dân ra đời ngay tại trung tâm chính trị của chủ nghĩa thực dân đó”¹. Thành viên của Hội phần lớn là những người của *Hội những người Việt Nam yêu nước* và *Hội đấu tranh cho quyền công dân của người Madagasca*. Trong tuyên ngôn của Hội có viết: “Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em. Hội

¹ Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 104.

Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy... Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại"¹. Hội cũng kêu gọi mọi người dân thuộc địa sống trên đất Pháp đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, tham gia Hội để bảo vệ quyền lợi của bản thân cũng như quyền lợi của nhân dân nước mình.

Hội Liên hiệp thuộc địa cho xuất bản tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ) làm cơ quan ngôn luận. Nguyễn Ái Quốc phụ trách tờ báo với vai trò vừa làm chủ nhiệm, chủ bút, giữ quỹ kiêm phát hành. Nội dung chủ yếu của báo là tố cáo sự lạm quyền về chính trị, chính sách cai trị hà khắc, thủ đoạn bóc lột về kinh tế của chủ nghĩa thực dân, đồng thời kêu gọi những người bị áp bức đoàn kết lại đấu tranh cho sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của chính họ. Báo ra đời nhằm kêu gọi, tổ chức các tầng lớp nhân dân bị áp bức giúp họ thoát khỏi cảnh nô lệ, thực hiện tình yêu thương bác ái. Tờ báo nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của Đảng Cộng sản Pháp, nhiều đồng chí đảng viên cộng sản Pháp tham gia viết bài như: Marchel Cachin, Henri Barbus... Từ khi ra đời (1-4-1922) cho đến lúc đình bản (4-1926), báo *Le Paria* ra được 38 số. Với vai trò là chủ bút, Nguyễn Ái Quốc đã có gần 40 bài viết, có số Người viết đến 4 bài. Bằng ngòi bút sắc sảo, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần những thủ đoạn bóc lột nhân dân Đông Dương của thực dân Pháp như chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, đưa ra đủ mọi loại thuế, bắt phu, bắt lính, đầu độc nhân dân bằng cồn rượu và thuốc phiện... Người cũng tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Anh trong việc chiếm đoạt của cải của nhân dân Trung Quốc và đàn áp dã man phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ v.v.. Từ đó Người rút ra kết luận: chủ nghĩa thực dân ở đâu cũng tàn bạo và man rợ như nhau, số phận của người dân thuộc địa đều giống nhau, đều bị tước đoạt mọi quyền sống, quyền tự do. Người khẳng định: Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và các

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 128.

dân tộc bị áp bức là không thể điều hòa mà chỉ có thể giải quyết bằng con đường đấu tranh cách mạng. Để cuộc đấu tranh này đi đến thắng lợi phải thực hiện *đoàn kết dân tộc* và *đoàn kết quốc tế*. Người kêu gọi những người Pháp chân chính ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước thuộc địa. Những bài viết của Nguyễn Ái Quốc đã góp phần thức tỉnh nhân dân thuộc địa đứng lên đấu tranh để giải phóng mình.

Mặc dù hoạt động trong điều kiện hết sức khó khăn nhưng *Hội Liên hiệp thuộc địa* và báo *Le Paria* đã đạt được những kết quả tốt. Như Nguyễn Ái Quốc đã nhận xét: “Nó làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính biết rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa, làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó làm thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do, bình đẳng, bác ái...”¹.

Tháng 12 năm 1921, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp họp tại Mácxây (miền Nam nước Pháp). Tại Đại hội, Người khẳng định: “Chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản người ta mới thấy tình hữu ái thực sự và quyền bình đẳng, và cũng chỉ có nó chúng ta mới có thể thực hiện sự hòa hợp và hạnh phúc ở chính quốc và các nước thuộc địa”². Cũng tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị thành lập *Ban nghiên cứu thuộc địa* của đế quốc Pháp để tập hợp tình hình các thuộc địa và đề xuất các chính sách đấu tranh chống thực dân. Đại hội đã chấp nhận đề nghị này đồng thời chỉ định Người tham gia vào ban đó.

Trong quá trình nghiên cứu thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc thấy rõ những khó khăn trong công tác vận động tuyên truyền ở các nước này. Điều này đã được Người phân tích cụ thể trong bài “Mấy ý nghĩa về vấn đề thuộc địa”, đăng trên báo *Nhân đạo* số ra ngày 25-5-1922 như sau: “diện tích thuộc địa rất rộng, tình trạng thờ ơ

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 191.

² Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, tập 1, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 2006, tr. 148.

của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa, tình trạng dốt nát của người dân bản xứ, thành kiến giữa công nhân chính quốc và dân bản xứ, sự đàn áp dã man của thực dân Pháp"¹. Trước thực tế đó, Nguyễn Ái Quốc cho rằng Đảng Cộng sản Pháp không thể thỏa mãn với những bản tuyên ngôn chỉ đơn thuần bằng tình cảm mà cần phải có một kế hoạch hành động chính xác, một chính sách thiết thực và có hiệu quả đối với vấn đề thuộc địa. Trước hết, Đảng phải tăng cường công tác tuyên truyền.

Tháng 10 năm 1922, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội II Đảng Cộng sản Pháp họp tại Paris. Tại Đại hội lần này Người đã đề trình *Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa* và đã được Đại hội thông qua. Lời kêu gọi có đoạn viết: "Vì hòa bình thế giới, vì tự do và sự ấm no của mọi người, những người bị áp bức bóc lột thuộc mọi nòi giống chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh chống bọn áp bức"². Lời kêu gọi đã được Nguyễn Ái Quốc viết ngắn gọn lại bằng tiếng Việt, in thành truyền đơn, bí mật chuyển về Việt Nam.

Để có thêm diễn đàn tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc tham gia Câu lạc bộ Faubourg. Thông qua những sinh hoạt ở câu lạc bộ này Người đã mở rộng mối quan hệ với các học giả, trí thức và bạn bè Pháp. vở kịch *Con Rồng tre* do chính Nguyễn Ái Quốc sáng tác, dàn dựng và đóng vai chính với nội dung tố cáo tội ác cùng sự uơon hèn cam tâm làm tay sai cho thực dân Pháp của ông vua bù nhìn Khải Định, đã được tổ chức trình diễn tại câu lạc bộ. Truyện *Paris* - tác phẩm văn học đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc, phản ánh cuộc sống của các tầng lớp xã hội, đặc biệt là cuộc sống của tầng lớp nhân dân lao động, cũng ra đời từ đây.

Một ngày trung tuần tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật từ giã những người bạn, người đồng chí thân thiết trên đất Pháp để đi dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản và Hội nghị

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 62-64.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 459-460.

quốc tế Nông dân tổ chức tại nước Nga theo lời mời chính thức của đại diện Quốc tế Cộng sản.

Với thời gian gần 6 năm sống ở Pháp, trong bối cảnh đời sống chính trị - xã hội nước Pháp và thế giới đầy biến động, bằng ý chí kiên cường và lòng nhiệt tình cách mạng, bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng nhân dân thuộc địa nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng. Từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam. Vượt lên giới hạn tư tưởng yêu nước đương thời, Nguyễn Ái Quốc đã giương cao ngọn cờ đoàn kết các dân tộc bị áp bức với giai cấp vô sản chính quốc chống chủ nghĩa thực dân. Tiếp thu và phát triển những luận điểm của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc mình, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa trên thế giới.

NGUYỄN ÁI QUỐC TRÊN ĐẤT NƯỚC CỦA LÊNIN (1923-1924)

ThS. VŨ KIM YẾN*

Ngày 5-6-1911, với tâm nguyện “muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào”¹, người thanh niên 21 tuổi Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc, bắt đầu cuộc hành trình tìm đường giải phóng dân tộc kéo dài 30 năm. Người đã tới nhiều nước, làm nhiều nghề để sống và hoạt động cách mạng. Qua hoạt động thực tiễn trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới, Người đã gặp và tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy ở học thuyết Mác - Lênin con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Người quyết định đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên năm 1920.

Những hoạt động xuất sắc của Nguyễn Ái Quốc² được Trung ương Đảng Cộng sản Pháp đánh giá cao. Trung ương Đảng Cộng sản Pháp cử Nguyễn Ái Quốc đến Mátxcova dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản. Điều này phù hợp với nguyện vọng cháy bỏng của

* Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.

1 Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Hà Nội, 1970, tr. 11.

2 Tên gọi Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên xuất hiện khi Nguyễn Tất Thành gửi bản Yêu sách tám điểm của nhân dân An Nam tới Hội nghị Vécxây (6-1919).

Người là được đến nước Nga, trung tâm của phong trào cách mạng thế giới để học tập kinh nghiệm lý luận và thực tiễn một cách có hệ thống. Ngày 13-6-1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Paris đi Liên Xô. Ngày 30-6-1923, Người đến Pêtrôgrát, quê hương của Cách mạng tháng Mười và ít ngày sau Người lên xe lửa đi Mátxcơva. Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người Việt Nam đầu tiên có mặt trên đất nước Lenin, nơi nhân dân Liên Xô đã được tự do và đang xây dựng một cuộc sống hạnh phúc, bình đẳng. Trên đất nước của Lenin, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động, học tập để hướng tới con đường giải phóng dân tộc và góp phần phát triển tư tưởng độc lập tự do cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Bài viết này chỉ xin lược thuật một số sự kiện gắn với quãng thời gian Người sống và làm việc ở quê hương Cách mạng tháng Mười (1923-1924).

Ngoài những điều kiện tối ưu cho con người của một đất nước tự do thực sự, Mátxcơva lúc này còn là trung tâm của phong trào cách mạng thế giới, nơi đóng trụ sở của Quốc tế Cộng sản - Bộ tổng tham mưu của những người cộng sản thế giới. Trong môi trường mới mà lúc đó trên thế giới không nơi nào có được, hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc như được tăng thêm sức, chấp thêm cánh. Các mối quan hệ của Nguyễn Ái Quốc được mở rộng thêm ra. Nếu như ở Pháp, Người quan hệ với những người mácxít Pháp, với những chiến sĩ chống thực dân đế quốc thuộc các thuộc địa Pháp thì ở Mátxcơva mối giao tiếp của Người chẳng những gia tăng về số lượng mà cả chất lượng nữa. Tại đây, Người có thể trò chuyện, trao đổi kinh nghiệm với những lãnh tụ nổi tiếng trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với các chiến sĩ chống đế quốc thực dân trên mọi miền của thế giới và được học tập, nghiên ngẫm những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học¹.

Tất cả những yếu tố đó tạo thành nền tảng để Nguyễn Ái Quốc triển khai hoạt động tuyên truyền của mình với nhiều hình thức

¹ Nguyễn Thành, Phạm Xanh..., *Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội*, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1986, tr. 60.

phong phú hơn, chất lượng và chủ đề hơn. Người đã có được nhiều phương tiện thông tin khác nhau để nhận thức chủ nghĩa xã hội - Lenin, nhận thức hội phải kể đến những tên báo chí. Từ tháng 9-1923, trên tạp san *Avantgarde* của Pháp xuất 1. *Tham khảo* là *Le Populaire* đã xuất bản các bài viết của Người. Riêng về tờ *Le Paris*, khi còn ở Pháp, Người là chủ nhiệm, chủ bút và Măxơcva Người chủ một phòng viết thường tin của báo. Những bài viết của Người gửi cho tờ *Le Paris* chủ yếu những thông tin về nước Nga - đất nước vì đại có sức cổ vũ mạnh mẽ đối với các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh giải phóng. Người còn viết nhiều bài chủ các ấn phẩm chính trị của Quốc tế Cộng sản như tạp chí *Thế giới quốc tế*, tạp chí Quốc tế nông dân, báo chí của Đảng Cộng sản Liên Xô như tờ *Soviet*. Người cũng viết trên *Người bạn chí*, *Người Ai Quốc* bởi đây sử dụng các phương tiện thông tin mới chưa có trước đó như truyền đơn, sách báo, diễn đàn, tin là các văn kiện, thư từ của Quốc tế Cộng sản và của Người như danh Quốc tế Cộng sản gửi cho nhân dân Việt Nam¹. In truyền đơn, là các bài phát biểu, tham luận tại Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Nông dân, Công hội, Thanh niên... Trong đó, đáng chú ý có hai tác phẩm mang tầm vóc tư tưởng lớn: "Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc" (Nha xuất bản Măxơcva xuất bản năm 1924) và "Tân án chế độ thực dân Pháp" (in mắt lần đầu tiên năm 1925 tại thủ đô Paris, trên tạp san *Avantgarde* của Quốc tế Cộng sản).

Thời gian hoạt động ở Măxơcva cũng là thời gian Người Ai Quốc tham dự nhiều hội nghị quốc tế lớn. Người đã tham gia Đại hội I Quốc tế Nông dân (thọp từ ngày 12 đến ngày 15-16-1923), Đại hội V Quốc tế Cộng sản (thọp từ ngày 17-6 đến ngày 8-7-1924), Đại hội III Quốc tế Công hội đỏ, Đại hội IV Quốc tế Thanh niên... Tại các diễn đàn của các đại hội đó, Người đã nêu lên tiếng nói của nhân dân thuộc địa bảo vệ những quyền lợi đáng

1. Phạm Anh, *Người Ai Quốc với vận mệnh giải phóng của người dân* - *Levin ở Việt Nam*, Nhà Xuất bản Lý luận, Hà Nội, 1990, tr. 78-83.

đến của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, và truyền truyền cách mạng cách mạng của mình lên lớp trưởng nước. Cũng là một hình của Người đã để lại những ấn tượng đẹp đẽ trong lòng các đại biểu, đặc biệt là những đại biểu từ các nước thuộc địa và phụ thuộc Á, Phi, Mỹ Latinh. Qua đó, đã nên những cơ sở liên minh, tình đoàn kết và sự quan tâm giữa nhân dân Việt Nam và những người lao động thế giới.

Cùng với hoạt động thực tiễn, Nguyễn Ai Quốc luôn luôn chú ý đến việc cần phải học tập nâng cao nhận thức lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin. Cho nên, cuối năm 1923, Nguyễn Ai Quốc đã xuất thân tham gia lớp học ngắn hạn của Trường Đại học Phương Đông. Được học ở ngôi trường này, Người đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của việc đào tạo lý luận chính trị cho đội ngũ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Học xong lớp ngắn hạn tại Đại học Phương Đông, trong khi chờ đợi Đại hội V Quốc tế Cộng sản khai mạc và chờ lên đường về châu Á, Nguyễn Ai Quốc được nhận vào làm cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản (theo giấy xác nhận do Pécxốp ký ngày 14-4-1924). Đến ngày Quốc tế lao động 1-5-1924, Nguyễn Ai Quốc được mời đến Hồng trường nói chuyện với những người di biến tình và được Tư lệnh thành phố Mátxcơva cấp giấy phép tự do đi lại trên Hồng trường trong ngày hôm đó. Những hoạt động tích cực này của Nguyễn Ai Quốc, đặc biệt là sự có mặt của Người trong những nghi lễ quan trọng cho thấy vai trò và uy tín của Người ngày càng được khẳng định ở trung tâm phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tuy nhiên, khi được sống và hoạt động ở Mátxcơva, điều mà Nguyễn Ai Quốc nhận thấy rõ nhất, đó là Quốc tế Cộng sản và các đảng ở châu Âu hiểu biết rất ít về tình hình ở các thuộc địa. Đặc biệt, Người nhận thức rõ ràng, không thể áp dụng một cách máy móc, rập khuôn những nguyên lý về đấu tranh giai cấp của học thuyết Mác vào điều kiện cụ thể của các thuộc địa. Vì vậy, Người

theo định kế của chúng ta; sự thực đã cho thấy rằng những người cộng sản ở phương Tây luôn tỏ lòng vệ thuộc địa.

Hàng sự quân sự tiến triển tại nhiều thuộc địa của các đế quốc khác nhau. Nguyễn Ái Quốc cho là rằng các thuộc địa cũng cấp nguyên liệu cho các nhà máy; các thuộc địa cũng cấp lương thực cho quân đội của chủ nghĩa đế quốc; các thuộc địa tạo thành nền tảng của học thuyết phân cách chủng: "Mặc dầu chủ nghĩa quốc gia xuất. Đảng Dương cũng đã trước phải gọi là 300, 400 năm nay các đế quốc phải bán và những kẻ lập học mình. Những công nhân thuộc địa đã bán ra đi hàng triệu triệu người. Mỗi năm, người da Nam đã phải đi một hai triệu người một đi nhập khoảng chừng 400 triệu người phương Bắc hết cho đế quốc Bắc Mỹ để bán. Người ta đã lại còn phải gánh những khốn khổ hơn rất lớn về quân sự mà độ trường Bộ Thuộc địa gọi một cách văn hoa là "khai thác phân chia dân cư". Tóm lại, "sự bóc lột và sự sống của con dân địa phương chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc". Từ sự thấu hiểu đó, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục tiến hành đấu tranh không mệt mỏi, phê phán những quan điểm sai trái của một số Đảng Cộng sản trong cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò, vị trí của cách mạng thuộc địa với cách mạng ở chính quốc. Tại Phiên họp lần thứ 22 Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản, ngày 1-7-1924, với tư cách là một đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp, và nhận danh một người dân thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc từng lần phê bình cả Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Anh và Đảng Cộng sản một số nước khác quan tâm đến cách mạng ở các thuộc địa: "về không phải là quá đáng nếu nói rằng chúng ta Đảng Pháp và Đảng Anh chúng ta chưa thi hành một chính sách thực tế các trung vấn đề thuộc địa, thậm chí chưa để cấp đại diện công các nước thuộc địa, thì toàn bộ chương trình nghị sự của hai đảng đó vẫn không có hiệu quả gì. Chương trình đó là không có hiệu quả gì vì nó trái với chủ nghĩa Lênin".

1. HỒ CHÍ MINH, Toàn tập, tập 1, S.11, tr. 246-247.

2. HỒ CHÍ MINH, Toàn tập, tập 1, S.11, tr. 277.

Ngoài đề tài quen thuộc trên, ở thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc cũng bắt đầu nêu ra những vấn đề mới mẻ trước đó chưa từng có, với chủ đích rõ ràng là hướng cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam nói riêng, các dân tộc thuộc địa nói chung tới Quốc tế Cộng sản, tới Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác - Lênin: *“vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta về vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác”*¹.

Trước hết, Nguyễn Ái Quốc cung cấp những hiểu biết, những thông tin về Quốc tế Cộng sản - một Đảng Cộng sản thế giới, một tổ chức chính trị quốc tế giúp nhân dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa, dạy cho vô sản giai cấp trong thế giới - bất kỳ nơi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì - hợp sức làm khách mệnh. Đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc đã dành những tình cảm tôn kính với V.I.Lênin - người sáng lập và lãnh tụ của Quốc tế Cộng sản, người đứng đầu nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới: *“...tất cả họ, từ những người nông dân An Nam đến người dân săn bắn trong các rừng Dahôma, cũng đã thăm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình mà không cần tới bọn chủ và bọn toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó gọi là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lênin. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó...Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội”*². Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc cũng tuyên truyền về thành tích của nước Nga Xô viết và sự giúp đỡ của nước Nga với các dân tộc thuộc địa. Người nhấn mạnh: cách mạng Nga *“không vừa lòng”* với việc đọc những bài diễn văn rỗng

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 282.

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 236-237.

tuếch và viết ra những quyết định *“nhân đạo”* đối với các dân tộc bị áp bức mà *“dạy cho họ đấu tranh, giúp đỡ họ bằng tinh thần và vật chất”* như Lênin đã tuyên bố trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa. Nước Nga cách mạng *“không hề một chút do dự”* trong việc giúp đỡ các dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi. Theo Nguyễn Ái Quốc, việc thành lập trường Đại học Phương Đông là một trong những việc làm như vậy và Người lớn tiếng kêu gọi các Đảng Cộng sản, các nước thuộc địa gửi con em của mình đến đây để học tập.

Như vậy, chủ đích của Nguyễn Ái Quốc đã rõ ràng: hướng cuộc đấu tranh của nhân dân các thuộc địa tới nước Nga Xô viết, theo gương Cách mạng tháng Mười. Hơn thế nữa, Người còn đặt cách mạng giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong quỹ đạo của cách mạng vô sản thế giới, coi đó là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Tuy nhiên, khác với Lênin, khác với thời đại trước đó, Người cho rằng cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ khăng khít biện chứng với nhau, *“nhịp nhàng như hai cánh của một con chim”* nhưng không phụ thuộc vào nhau. Cách mạng giải phóng dân tộc có thể bùng nổ và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Ở đây Nguyễn Ái Quốc muốn nhấn mạnh tới vai trò tích cực chủ động của các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh giải phóng khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân. Tầm nhìn chiến lược đó của Người đã được diễn đạt bằng một khẳng định logic từ tháng 5-1921 như sau: *“Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”*¹. Trong bài viết *“Cách mạng Nga và các dân*

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 36.

tộc thuộc địa” đăng trên tờ *La Vie Ouvrière* trong năm 1924, lý luận về chủ nghĩa thực dân và phong trào giải phóng thuộc địa của Nguyễn Ái Quốc càng trở nên sắc nét khi Người viết: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”¹.

Sau khi nghiên cứu, xem xét cụ thể cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, đặc biệt là xứ Đông Dương thuộc Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã nhận định: “Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây”. Xét về “cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây”. Người cho rằng “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” trong các dân tộc thuộc địa ở phương Đông, do đó “cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được” và “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”². Cũng trên cơ sở nghiên cứu cấu trúc kinh tế, văn hóa, xã hội và kết cấu quyền lực ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: những người cộng sản ở các thuộc địa muốn tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi thì không thể bỏ qua những nét đặc thù của điều kiện cụ thể về tự nhiên và xã hội. Từ những nhận định trên, Người chủ trương tập trung vào 3 vấn đề chính: phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam; dự báo về khả năng một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương và nó phải được sự ủng hộ của nước Nga Xô viết, của giai cấp vô sản toàn thế giới. Có thể

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 298.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sđd, tr. 464-465.

nói, trong điều kiện lịch sử khi đó, những nhận định và ý kiến của Nguyễn Ái Quốc thể hiện một tư duy sắc sảo, một thái độ dũng cảm của Người trong việc khẳng định: thực tiễn là tiêu chuẩn, là sự kiểm nghiệm của chân lý. Mặt khác, báo cáo cũng thể hiện sự nắm vững linh hồn, phương pháp và sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của học thuyết Mác trong điều kiện cụ thể của Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc¹.

Để tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi phải có một giai cấp công nhân giác ngộ, có tổ chức, được vũ trang bằng học thuyết cách mạng nhất - chủ nghĩa Mác - Lênin. Thông qua một loạt bài viết như: *"Phong trào công nhân"* (9-11-1923), *"Nhật Bản"* (9-11-1923), *"Phong trào công nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ"* (1-1-1924), *"Phong trào công nhân ở Viễn Đông"* (25-1-1924)... Nguyễn Ái Quốc bắt đầu có ý thức rõ ràng về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Với công nhân Trung Quốc, Người nhận định: *"Chỉ sau khi chiến tranh thế giới kết thúc, giai cấp vô sản Trung Quốc mới bắt đầu được tổ chức một cách chặt chẽ, song họ đã thu được một số thắng lợi to lớn trong các cuộc đình công. Mặc dù bị bọn quân phiệt đàn áp và bọn thống trị ngoại lai cản trở, các tổ chức của họ vẫn phát triển bình thường và có thể nói là nhanh nữa. Hiện nay những người thủy thủ, công nhân luyện kim, công nhân đường sắt là những lực lượng thật sự mà bọn tư bản buộc phải coi trọng"*². Với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam, Người biểu dương: *"Tháng 11 năm 1922, 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công. Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình... Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại"*³.

- 1 Văn Thị Thanh Mai, *Hồ Chí Minh hành trình từ làng Sen đến Ba Đình (1890-1969)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 108-109.
- 2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 216.
- 3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Sdd, tr. 114.

Ghi nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Nguyễn Ái Quốc cũng đồng thời nhận rõ vai trò cách mạng của giai cấp nông dân xuất phát từ thực tế lịch sử của đất nước và những nước cùng cảnh ngộ thuộc địa. Người đã viết nhiều bài báo về tình cảnh nông dân Bắc Phi, nông dân Trung Quốc, nông dân Việt Nam. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc tố cáo những thủ đoạn thực dân để biến nông dân thành nô lệ với hai bàn tay trắng. Trong các bài phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (năm 1924) Nguyễn Ái Quốc cũng chỉ rõ: *“Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phân uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dập trong máu”*¹. Nguyên nhân là vì *“họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo”*. Do đó, Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng. Nông dân nhất thiết phải tự nguyện đi với giai cấp công nhân và kết thành một khối. Chỉ bằng cách đó nông dân mới phát huy đầy đủ sức mạnh của mình.

Những hoạt động và kinh nghiệm tích lũy được đã thôi thúc Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc, gánh vác sứ mệnh trọng đại mà lịch sử đã lựa chọn và giao phó cho Người: chuẩn bị về chính trị và tư tưởng để tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản ở Việt Nam. Khi biết sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, hiện có nhiều thanh niên Việt Nam yêu nước đang có mặt ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã chọn Quảng Châu làm điểm dừng chân trên hành trình tiến gần về Tổ quốc để tổ chức, đoàn kết, huấn luyện những thanh niên đầy nhiệt huyết đó, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập. Sau nhiều lần dè dặt, nguyện vọng của Người đã được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Với tư cách là cán bộ Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, đồng thời là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân, Nguyễn Ái Quốc được giao theo dõi và chỉ đạo phong trào cách

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Sdd, tr. 289.

mạng ở một số nước châu Á. Cuối tháng 10-1924, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcơva và Người đến Quảng Châu ngày 11-11-1924, xúc tiến việc chuẩn bị thành lập chính đảng kiểu mới cho giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Như vậy, mặc dù thời gian lưu lại không lâu lắm (16 tháng) nhưng thời gian hoạt động ở Mátxcơva có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc mà cả đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Việc học tập trên đất nước Lênin tươi đẹp, nơi đã vun đắp cho Nguyễn Ái Quốc thực tiễn về chính trị, kinh tế, văn hóa phong phú và bổ ích; đối chiếu, so sánh những kiến thức thu nhận được với thực tế mà Người đã trải qua, đã thu lượm được từ các thuộc địa để từ đó nâng cao nhận thức sâu sắc về lý luận Mác - Lênin, có thêm những kinh nghiệm hoạt động cách mạng, trau dồi phẩm chất, đạo đức uy tín của người cách mạng. Người đã nhận thức và lý giải sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách đang đặt ra cho cách mạng vô sản thế giới cũng như cho cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa, từ đó Người đã hoàn thiện thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng của mình và phác thảo được những nét lớn về chiến lược cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

**QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TƯ TƯỞNG
CỦA NGUYỄN TẮT THÀNH - NGUYỄN ÁI QUỐC
(1911- 1920) VÀ NHỮNG CÔNG HIẾN
CỦA NGƯỜI ĐỐI VỚI PHONG TRÀO YÊU NƯỚC
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN
TỪ 1920 ĐẾN 1930**

VŨ QUÝ TÙNG ANH*

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) có nhiều tên gọi khác nhau. Song, Người có ba tên gọi chính, mỗi tên gọi Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh đều gắn với một quãng đường hoạt động cách mạng lâu dài của Người. Người là anh hùng kiệt xuất, tinh hoa của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới; là lãnh tụ kính yêu của Đảng, của giai cấp công nhân và toàn thể dân tộc Việt Nam. Nhân kỷ niệm 100 năm Người xuất dương từ cảng Sài Gòn ra đi tìm đường cứu nước (1911- 2011), chúng tôi có vài suy nghĩ về *Quá trình chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc (1911-1920) và những công hiến của Người đối với phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam trong thời gian từ 1920 đến 1930.*

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

1. Những tiền đề thôi thúc người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuất dương tìm đường cứu nước

Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc sinh ra và lớn lên trong bối cảnh nước mất nhà tan, nhân dân ta đã trở thành nô lệ. Nhiều cuộc khởi nghĩa của các sĩ phu yêu nước đều bị thất bại, cứu nước và giải phóng dân tộc là câu hỏi lớn đặt ra trước lịch sử, đó là: “Lực lượng cách mạng gồm những thành phần nào?”, “Lực lượng nào sẽ lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc?”, “Con đường cách mạng nào phải theo trong cuộc đấu tranh yêu nước?”.

Theo nguyên lý “lịch sử không bao giờ đặt ra cho mình vấn đề không được giải quyết” được thể hiện trong phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam. Xét bối cảnh trong nước và quốc tế khi Nguyễn Tất Thành ra đời, chúng ta không chỉ nhìn thấy tác động mạnh mẽ của điều kiện khách quan đến Người, mà còn phải nhận thức sự cần thiết của thời đại đối với việc xuất hiện của các vĩ nhân, như Người. Xét cho cùng, yêu cầu, điều kiện trong nước và quốc tế cho sự xuất hiện và hoạt động của một vĩ nhân bao giờ cũng thống nhất với nhau. Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc ra đời và hoạt động vào cuối thế kỷ XIX không chỉ là con đẻ của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, mà còn là sản phẩm của thời đại, của nhân loại tiến bộ. Vì vậy, điều kiện quốc tế, hoàn cảnh trong nước và bản thân Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc có mối quan hệ chặt chẽ, ảnh hưởng qua lại với nhau.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến to lớn, chuẩn bị cho bước ngoặt trong tiến trình phát triển của nhân loại. Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh vào 30 năm cuối thế kỷ XIX và những năm đầu thế kỷ XX, trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), đang chuyển dần lên giai đoạn độc quyền, hay chủ nghĩa đế quốc. Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước đế quốc ngày một mạnh mẽ, dù bị đàn áp khốc liệt. Nét nổi bật trong phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải

phong dân tộc vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là bên cạnh sự đoàn kết quốc tế giữa công nhân các nước tư bản đã có thêm sự đoàn kết giữa công nhân chính quốc với nhân dân các nước thuộc địa và giữa nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc với nhau... Điều kiện mới trong nước và thế giới đã tác động mạnh mẽ đến những nhà yêu nước Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX trong đó có Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc. Người đã kết hợp hài hòa, sự thống nhất giữa điều kiện khách quan và chủ quan đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành xuất dương tìm đường cứu nước...

Mặt khác, quê hương, gia đình cũng tác động mạnh mẽ tới Người. Đó là quê hương của Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, trung tâm của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX; quê hương của Phan Bội Châu, nhà tiên bối cách mạng. Chính quê hương đã tác động mạnh mẽ đến tình cảm, thái độ, suy nghĩ của Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành thuở thiếu thời. Người đã sinh ra trong một gia đình khoa bảng, sống gần gũi với nhân dân. Thân sinh Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành là Nguyễn Sinh Sắc (1863-1929) một người nổi tiếng trong vùng về tinh thần hiếu học, đậu Cử nhân khoa Giáp Ngọ (1894). Năm Tân Sửu (1901) trong kỳ thi Hội, cụ đỗ Phó Bảng, được bổ nhiệm làm quan tới chức Tri huyện Bình Khê (nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), nhưng vì xử kiện công minh nên bị xử phạt: "Tòng công giảng chức tứ cấp, lý" (giảng bốn cấp - từ Tri huyện làm dân thường - buộc phải đi xa). Từ đó cụ chỉ dạy học và làm thuốc giúp người nghèo. Nguyễn Tất Thành chịu ảnh hưởng sâu sắc của người cha - cũng là người thầy học đầu tiên - về tinh thần hiếu học, lòng thương người, tính cương trực, cuộc sống giản dị, gần gũi nhân dân và tinh thần yêu nước. Thân mẫu của Người là Hoàng Thị Loan (1868-1901) con nhà nho Hoàng Xuân Đường và Nguyễn Thị Kép. Bà Loan là một phụ nữ cần cù lao động, đảm đang, làm nghề nông và dệt vải, hết lòng thương yêu chăm sóc chồng con. Bà thường ru các con bằng những lời ru *dân ca xứ Nghệ*, bằng những câu thơ trong truyện Kiều, gieo vào lòng các con những câu dễ nhớ: *Đói cho sạch, rách*

cho thơm; Thương người như thể thương thân; Có công mài sắt có ngày nên kim... Những đức tính quý báu đó của người mẹ như sợi tơ dệt nên nhân cách Nguyễn Sinh Cung trong thời thơ ấu. Chị của Người là Nguyễn Thị Thanh (Bạch Liên, 1884-1954), bà đã hoạt động tích cực trong tổ chức chống Pháp bị bắt giam và tù đầy tới 10 năm. Đối với chị Thanh, Người thương yêu vô hạn, bởi bà đã hy sinh hạnh phúc riêng để giúp gia đình vượt qua khó khăn từ khi mẹ mất. Anh hai Nguyễn Sinh Khiêm (Nguyễn Tất Đạt, 1888-1950) cũng tham gia chống Pháp, bị tù đầy. Anh hai của Người tính cương trực, hay thương người; tuy túng thiếu, song ông sẵn sàng nhường cơm sẻ áo cho người nghèo khổ...

Đặc biệt, thiên tài ở Người nảy nở từ rất sớm: 9 tuổi Nguyễn Tất Thành đã giải mã được những câu Hán Việt trong cung đình và lăng tẩm Huế. Người đã phân tích nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, sớm thấy rõ cảnh khổ cực của nhân dân dưới ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến. Nhiều lần Người đã tranh luận với cụ Phan Bội Châu về khẩu hiệu: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” của Pháp, thế nhưng người Pháp ở Việt Nam ác thế?...

Rõ ràng, tác động, ảnh hưởng của đất nước, thời đại, quê hương, gia đình và thiên tài của Người đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành xuất dương tìm đường cứu nước.

2. Sự chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước (1911 - 1920)

Giữa năm 1911, với tên Văn Ba, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành xin xuống làm phụ bếp cho tàu buôn Pháp Amiran Latuser Torêvin đang đậu ở bến cảng Sài Gòn để quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Rút kinh nghiệm của các sĩ phu yêu nước đương thời hướng con đường cứu nước về phía Trung Quốc hay Nhật Bản, Nguyễn Ái Quốc cho rằng: muốn đánh đuổi kẻ thù phải biết rõ kẻ thù của mình. Vì thế, ngày 5 tháng 6 năm 1911, Người

xuất dương tìm đường cứu nước, đi sang Tây Âu trước hết là Pháp, đi để xem xét nước Pháp và các nước khác nhằm giải đáp câu hỏi: Đâu là con đường cứu nước? Sự lựa chọn hướng đi khác với các nhà tiền bối Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là chuyển biến tư tưởng đầu tiên của Người. Đến với nước Pháp, Tây Âu là đến với chân trời mới, đến với nền văn minh nhân loại lúc bấy giờ. Nhờ hướng đi này mà về sau Người tiếp xúc với chủ nghĩa Lênin...

Sau khi tàu cập cảng Marseille (Mácxây), Người chỉ ở lại Pháp ba tháng, rồi tiếp tục cuộc hành trình, đi theo nhiều tàu buôn khác, đến nhiều nơi, nhiều châu lục Phi, Mĩ, Âu, Á và làm đủ mọi nghề để kiếm sống, học tập và hoạt động cách mạng. Người đã lăn lộn trong phong trào công nhân và nhân dân lao động quốc tế và từ đó rút ra bài học đầu tiên là: ở đâu cũng chỉ có hai loại người, thiểu số đi áp bức bóc lột, còn đại đa số quần chúng lao động là những người bị áp bức bóc lột. Phân biệt rõ bạn và thù là chuyển biến tư tưởng kế tiếp ở Người. Điều này khác hoàn toàn với các nhà tiền bối trước đó và có tầm quan trọng to lớn để Nguyễn Ái Quốc đi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin sau này.

Cuối năm 1917, Người trở lại Pháp tham gia Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, tham gia Đảng xã hội Pháp. Giữa lúc này Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga nổ ra và thắng lợi, tiếp đó là Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Các nước đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp hội nghị ở Versailles (Vécxây) (Pháp) để phân chia lại thế giới và phân chia những quyền lợi cướp được sau chiến tranh. Thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị bản *Yêu sách 8 điểm* đòi quyền lợi cho các dân tộc Đông Dương. Tất nhiên bọn đế quốc không thừa nhận, nhưng bản yêu sách đó đã gây ra tiếng vang lớn trong dư luận và trong giới Việt kiều ở Pháp. Đồng thời từ đó người rút ra bài học quan trọng là: *Sự nghiệp giải phóng dân tộc mình chủ yếu phải do mình quyết định chứ không phải chủ yếu dựa vào bên ngoài*. Đó là nhận thức mới, sự chuyển biến tư tưởng lần thứ ba của Người.

Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại (1917) và sự thành lập Quốc tế III tức Quốc tế Cộng sản (3-1919) là những sự kiện lịch sử trọng đại có tác động mạnh mẽ tới các chiến sĩ của phong trào cách mạng và phong trào công nhân thế giới trong đó có Nguyễn Ái Quốc. Bản Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lênin đã đến với Người vào tháng 7-1920, làm cho Người *"rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao"*. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo Lênin, đứng hẳn về Quốc tế III. Tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ 18 họp ở Tua (từ 25 đến 30-12-1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Sự kiện này đánh dấu bước nhảy vọt trong quá trình chuyển biến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Từ một người yêu nước, ra đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành một người cộng sản. Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho nhân dân Việt Nam, con đường giải phóng theo học thuyết Mác - Lênin, con đường kết hợp giữa đấu tranh giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội. Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên thực hiện sự kết hợp tài tình giữa phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta với phong trào cách mạng vô sản thế giới. Sau này, Người viết: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*. Đó cũng là cống hiến to lớn đầu tiên của Người, bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

3. Từ khi tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc hăng say hoạt động cách mạng, học tập nghiên cứu lý luận và tìm cách truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị về mặt tư tưởng, chính trị, tổ chức và cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Năm 1921, được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp và cùng với một số người yêu nước của các dân tộc thuộc địa Pháp, Người

đã sáng lập ra Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa Pháp ở Paris để đoàn kết các lực lượng cách mạng, chống chủ nghĩa thực dân và thông qua tổ chức đó đưa chủ nghĩa Mác - Lênin đến với các dân tộc thuộc địa. Năm 1922, Hội xuất bản tờ báo *Người cùng khổ* do Nguyễn Ái Quốc làm chủ bút kiêm quản lý tờ báo. Tờ báo ra được tất cả 32 số đã vạch trần chính sách đàn áp, bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Pháp nói riêng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tinh thần quốc tế vô sản nhằm thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy đấu tranh tự giải phóng. Người còn viết nhiều bài cho các báo *Nhân Đạo*, *Đời sống công nhân* và đặc biệt là viết cuốn sách nổi tiếng *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Mặc dù nhà cầm quyền Pháp tìm mọi cách ngăn chặn, cấm đoán, các sách báo đó vẫn được bí mật chuyển về Việt Nam. Nhờ đó, quần chúng nhân dân ngày càng hiểu rõ hơn bản chất của chủ nghĩa đế quốc, hiểu được Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Lênin.

Giữa năm 1923, Người bí mật từ Pháp đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và được bầu vào Ban chấp hành. Tiếp đó, Người hoạt động, học tập và nghiên cứu ở Quốc tế Cộng sản, viết bài cho báo *Sự Thật*, tạp chí *Thư tín quốc tế*. Tháng 7-1924, Người dự Đại hội lần thứ 5 của Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội, Người trình bày những quan điểm của mình về vị trí, chiến lược của cách mạng các nước thuộc địa; vai trò to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa; mối quan hệ giữa phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với phong trào công nhân ở các nước chính quốc... Người được chỉ định làm ủy viên thường trực Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản. Sau đó, Người còn dự các cuộc hội nghị của Quốc tế Công hội, Thanh niên, Phụ nữ. Những quan điểm cơ bản đó của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá vào nước ta là bước chuẩn bị quan trọng về tư tưởng, chính trị cho sự thành lập Đảng ta sau này.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu, Trung Quốc và lấy tên là Lý Thụy. Người tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt